PHẦN IV

NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

(111) **4-0093621**
(210) 4-2005-16787
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 3.1.1; 24.9.1
(591) Trắng, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐỨC LINH (VN)
1029 Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng taxi.

---

(111) **4-0093622**
(210) 4-2005-16807
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.1; 26.7.25; A27.1.2; 5.13.25
(731) NGÔ SĨ ĐIỆN (VN)
Số 7 ngách 88/95 Trần Quí Cáp, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bánh cốm.

---

(111) **4-0093623**
(210) 4-2005-17425
(181) 21.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 21.12.2005

(531) A5.1.5; A5.3.15; 26.13.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT TRANH ĐỀ (VN)
Phòng 402, lầu 4, toà nhà văn phòng Nam Việt, 116D Hoàng Diệu, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 31: Hạt giống.

---

(111) **4-0093624**
(210) 4-2005-16827
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION WiKi's

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093625**
(210) 4-2005-16828
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION Wiki Wiki

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093626**
(210) 4-2005-16829
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION U-NIQ

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093627**
(210) 4-2005-16830
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION U!NIQ

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093628**
(210) 4-2005-16831
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION CUBIC'S

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093629**
(210) 4-2005-16832
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION QUBIC'S

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093630**
(210) 4-2005-16833
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION KUBIC'S

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093631**
(210) 4-2005-16834
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION KUBIX

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093632**
(210) 4-2005-16837
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, nâu, hồng
(731) NHÀ HÀNG ĂN UỐNG SÀI GÒN 2 (VN)
877-879 Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0093633**
(210) 4-2005-16838
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

phanda

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(591) Xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHAN ĐẠT (VN)
274 Cao Thắng nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán: hàng kim khí điện máy, thiết bị và phụ tùng máy may công nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, dụng cụ thiết bị nhà bếp, đồ gỗ, linh kiện phụ tùng ô tô, hoá mỹ phẩm, văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng, hàng điện lạnh, hàng nhựa, hàng thuỷ tinh, hàng inox, thiết bị y tế.

---

(111) **4-0093634**
(210) 4-2005-16842
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.1.2; A26.1.18
(591) Đỏ, xanh da trời
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT VẠN VINH (VN)
20/5 khu phố 2, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Giàn giáo bằng thép; cột chống giàn giáo bằng thép; cốppha bằng thép; giá đỡ bằng thép để gắn ốc vít; ốc; vít.

---

(111) **4-0093635**
(210) 4-2005-16845
(181) 12.12.2015
(300) T05/21644H 28.10.2005 SG
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.1.1; A26.1.15; 3.1.4; A5.1.5; 24.1.25; 26.1.6
(731) ASIA PACIFIC BREWERIES LIMITED (SG)
438 Alexandra Road, #21-00, Alexandra Point, Singapore 119958
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 32: Bia, rượu bia, rượu bia nhẹ, bia đen, rượu bia đen; đồ uống làm từ mạch nha; nước khoáng và nước uống có ga và các đồ uống khác không có cồn, đồ uống làm từ hoa quả và nước ép hoa quả; sirô và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

---

(111) **4-0093636**
(210) 4-2005-16846
(181) 12.12.2015
(300) T05/21629D 28.10.2005 SG
T0521632D 28.10.2005 SG
T0521634J 28.10.2005 SG
T0521636G 28.10.2005 SG
T0521637E 28.10.2005 SG
T0521638C 28.10.2005 SG
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.1.1; A26.1.15; 3.1.4; A5.1.5
(731) ASIA PACIFIC BREWERIES LIMITED (SG)
438 Alexandra Road, #21-00, Alexandra Point, Singapore 119958
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 16: Giấy, bìa cứng; ảnh; văn phòng phẩm; vật liệu dùng để đóng gói (giấy); vật liệu dùng để đóng gói (chất dẻo), tất cả đều nằm trong nhóm này.

Nhóm 18: Túi, túi nhỏ đeo dây lưng; ba lô bằng da hoặc giả da; ô; túi xách và túi du lịch.

Nhóm 21: Cốc, chén vại, chai, bình và bình làm bằng thủy tinh, đồ thủy tinh dùng để đựng đồ uống, thùng đựng đá (không làm bằng kim loại quí), khay đựng thức ăn (không

làm bằng kim loại quí), kệ để thực đơn, lót cốc (không làm bằng giấy và vải lanh để trải bàn).

Nhóm 25: Quần áo; đồ đội đầu; quần tắm, quần áo đi biển, giầy đi biển, dây lưng (quần áo), mũ nồi, yếm tạp dề, ủng, mũ lưỡi chai, mũ (đồ đội đầu), áo lá (mặc trong, không tay) hoặc vạt ngực của áo sơ mi nam, áo khoác, áo bành tô, áo lót, cổ tay áo sơ mi, áo khoác ngoài của phụ nữ, mũ che tai (trang phục), giầy dép vải đế cói đan, giầy bóng đá, đồ đi chân, khung (mũ), quần áo lông thú, quần áo bằng vải gabatin, găng tay (quần áo), mũ, dải buộc đầu (quần áo), áo véc tông, áo mặc ngoài chui đầu, quần áo đan, ủng buộc dây, tã lót, xà cạp, quần áo bằng vải lanh, lớp lót đã may sẵn, bao tay (quần áo), cà vạt, quần áo mặc ngoài, áo choàng, áo khoác, quần bó, áo paca (áo có mũ trùm), áo len chui đầu, quần áo mặc ở nhà, áo thụng dài, săng đan, khăn quàng (đi kèm với các bộ quần áo), khăn quàng cổ, khăn choàng, dải bằng da bao quanh mép của mũi giầy (dùng cho giầy), giày, váy, dép lê, tất, ủng thể thao, áo nịt len thể thao, giày thể thao, dây nịt móc bít tất, tất dài, miếng lót dùng cho bít tất, quần áo bộ, bộ quần áo bơi, quần lót lót thấm mồ hôi, áo vệ sinh, bộ đồ bơi, áo thun ngắn, dây đeo quần, quần, quần sóc, quần cộc, đồng phục, khăn trùm, áo lót mặc trong áo sơ mi, lưỡi trai (miếng vải cứng nhô ra trước trán che bên trên mắt bảo vệ mắt khỏi nắng), áo ghi lê, cạp (dải vải tạo thành chỗ eo lưng của quần áo, váy).

Nhóm 34: Thuốc lá; vật dụng dùng cho người hút thuốc lá bao gồm: tập giấy để cuốn thuốc lá; túi đựng thuốc lá; hộp thuốc lá (không làm bằng kim loại quý); hộp xì gà (không làm bằng kim loại quý); tẩu thuốc; máy bỏ túi để cuốn thuốc lá; cái cắt đầu xì gà; diêm, gạt tàn (không làm bằng kim loại quí hoặc phủ kim loại quí).

---

(111) **4-0093637**
(210) 4-2006-02491
(181) 23.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 23.02.2006

(531) 5.3.11; 5.3.16
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAI MÌ NƯỚC TRONG (VN)
ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bột sắn (bột khoai mì).

Nhóm 35: Mua bán bột sắn (bột khoai mì).

---

(111) **4-0093638**
(210) 4-2005-12958
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DITRISIDOL

(151) 25.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093639**
(210) 4-2006-01572
(181) 07.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TUẤN *Sport*

(151) 25.12.2007
(220) 07.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO VIỆT NAM (VN)
63 Lê Hồng Phong, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán dụng cụ thể thao như vợt tennis, vợt cầu lông, quần áo thể thao, giầy thể thao, dụng cụ tennis, mũ thể thao, cúp thể thao, bóng thể thao các loại.

---

(111) **4-0093640**
(210) 4-2006-01573
(181) 07.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DŨNG *Sport*

(151) 25.12.2007
(220) 07.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO VIỆT NAM (VN)
63 Lê Hồng Phong, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán dụng cụ thể thao như vợt tennis, vợt cầu lông, quần áo thể thao, giầy thể thao, dụng cụ tennis, mũ thể thao, cúp thể thao, bóng thể thao các loại.

---

(111) **4-0093641**
(210) 4-1996-31837 (31837)
(181) 10.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

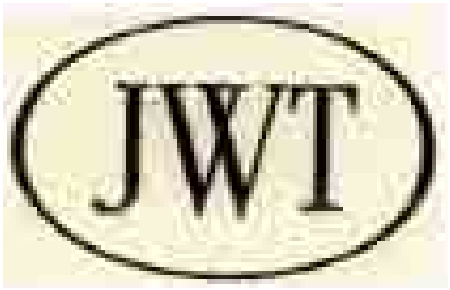

(151) 25.12.2007
(220) 10.12.1996

(731) J. WALTER THOMPSON COMPANY (US)
466 Lexington Avenue, New York, NY10017 United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Các dịch vụ quảng cáo, xúc tiến và tiếp thị; dịch vụ đẩy mạnh bán hàng cho các doanh nghiệp khác; dịch vụ quản lý kinh doanh và dịch vụ kinh doanh, cụ thể là các dịch vụ tư vấn kinh doanh nghề nghiệp, dịch vụ điều tra kinh doanh, thông tin kinh doanh, dịch vụ tư vấn quản trị kinh doanh và tổ chức kinh doanh, nghiên cứu kinh doanh; dịch vụ tư vấn và cố vấn cho kinh doanh chuyên nghiệp; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ sản xuất các ấn phẩm quảng cáo bao gồm quảng cáo trên vô tuyến truyền hình và radio; dịch vụ liên hệ với công chúng; dịch vụ nghiên cứu thị trường và phân tích thị trường; dịch vụ nghiên cứu và thông tin liên quan đến kinh doanh, quảng cáo và tiếp thị; dịch vụ phân tích và biên soạn các số liệu; dịch vụ quản trị kinh doanh; dịch vụ văn phòng; dịch vụ nghiên cứu và cố vấn qua phương tiện truyền thông đại chúng; dịch vụ về dàn xếp, mua bán và đàm phán về không gian quảng cáo; dịch vụ cung cấp các thông tin liên quan đến các vấn đề trên.

---

(111) **4-0093642**
(210) 4-1994-18933 (18933)
(181) 09.07.2014
(450) 25.02.2008 239
(540)

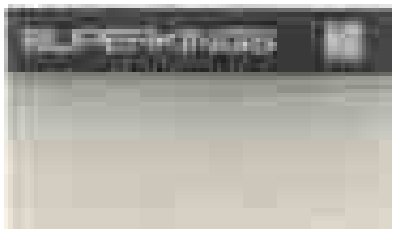

(151) 25.12.2007
(220) 09.07.1994

(531) 3.1.1; A25.7.21
(731) IMPERIAL TOBACCO LIMITED (GB)
PO Box 244, Bristol, England
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá sợi đã hoặc chưa chế biến; sản phẩm của thuốc lá sợi; các chất để hút bán riêng rẽ hoặc được trộn lẫn với thuốc lá sợi, không cho mục đích y tế hoặc chữa bệnh; vật dụng cho người hút thuốc và diêm.

---

(111) **4-0093643**
(210) 4-2005-09706
(181) 03.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 03.08.2005

(531) 26.4.2
(591) Xanh, đỏ, trắng, xám
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ PHƯỢNG CÁC (VN)
1065 - Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 41: Chụp ảnh nghệ thuật.

Nhóm 45: Dịch vụ cho thuê áo cưới.

---

(111) **4-0093644**
(210) 4-2006-12946
(181) 08.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 08.08.2006

(531) 26.1.2; 3.9.1; 3.9.15; A3.9.12
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HẢI DUY (VN)
Km 06 quốc lộ 1A, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Hải sản chế biến như: cá khô; cá tẩm gia vị.

Nhóm 35: Mua bán, xuất khẩu hải sản chế biến.

---

(111) **4-0093645**
(210) 4-2006-18632
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 01.11.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23
(591) Trắng, đen, đỏ đậm
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI HƯNG (VN)
Số 243 Trần Phú, khu 3 phường Dữu Lâu, Việt Trì, Phú Thọ

(511) Nhóm 25: Quần áo; quần áo thể dục; quần áo bằng vải giả da; áo choàng ngoài; áo khoác trùm đầu; áo gile; quần áo tắm; áo vét (quần áo); áo sơ mi; áo may ô; váy; bộ quần áo; áo bành tô, áo choàng, áo khoác ngoài; áo dệt kim cộc tay; quần dài; quần đùi, quần lót (quần ngắn của đàn ông).

---

(111) **4-0093646**
(210) 4-2006-19339
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

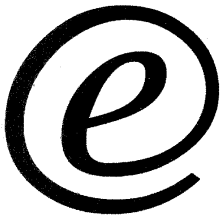

(151) 25.12.2007
(220) 10.11.2006

(531) 24.17.17
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ E CÒNG (VN)
74/9 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 38: Dịch vụ truyền hình kỹ thuật số.

---

(111) **4-0093647**
(210) 4-2006-19350
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 10.11.2006

(531) 26.1.2
(591) Vàng cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH LÊ ĐOÀN (VN)
266 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo thể thao; giày dép thể thao.

---

(111) **4-0093648**
(210) 4-2006-19351
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LUCKY STAR

(151) 25.12.2007
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH CHÍ LÀNH (VN)
62A Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận I, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Mực in công nghiệp.

---

(111) **4-0093649**
(210) 4-2006-19352
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 10.11.2006

(531) 26.4.3; 26.3.23
(591) Vàng cam, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG MIỀN TÂY (VN)
781/C9 Lê Hồng Phong (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị viễn thông, máy điện thoại các loại, linh kiện và thiết bị tin học, máy móc thiết bị văn phòng, mua bán phần mềm tin học.

Nhóm 36: Dịch vụ uỷ thác thu hộ cước phí điện thoại và cước phí internet.

Nhóm 38: Đại lý cung cấp đường truyền cho các dịch vụ internet.

---

(111) **4-0093650**
(210) 4-2006-19453
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 13.11.2006

(531) 3.2.1; 8.7.5
(591) Đỏ, vàng, vàng cam, nâu, xanh dương, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN (VN)
48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn thực vật.

---

(111) **4-0093651**
(210) 4-2006-20958
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PHƯỚC MỘT

(151) 25.12.2007
(220) 30.11.2006

(731) LÊ PHƯỚC MỘT (VN)
ấp Bình Lợi, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc.

---

(111) **4-0093652**
(210) 4-2005-00943
(181) 25.01.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

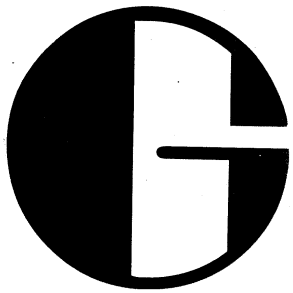

(151) 25.12.2007
(220) 25.01.2005

(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ CAO NGUYÊN XANH (VN)
Tổ 2 ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093653**
(210) 4-2005-13349
(181) 11.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

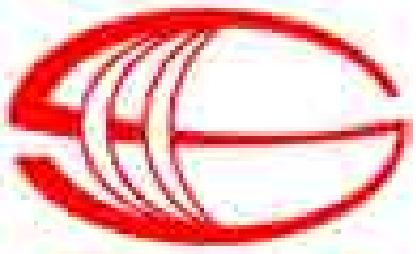

(151) 25.12.2007
(220) 11.10.2005

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG SÀI GÒN (VN)
194 Nguyễn Thái Bình, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu, máy móc thiết bị ngành xây dựng.

Nhóm 37: Giám sát, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư.

Nhóm 42: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, dịch vụ tư vấn lập dự án; khảo sát địa hình - địa chất; thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế nội-ngoại thất công trình; thiết kế công trình cấp-thoát nước; thiết kế kết cấu các công trình giao thông; thiết kế quy hoạch đô thị, nông thôn, thiết kế công trình điện năng.

---

(111) **4-0093654**
(210) 4-2006-18313
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZYMCELL

(151) 25.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ INTECHPHARM (VN)
Tổ 2, xóm Bến, TT Văn Điển, Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, dung dịch rửa mắt chứa thuốc, thuốc nhỏ mắt.

---

(111) **4-0093655**
(210) 4-2006-18694
(181) 02.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

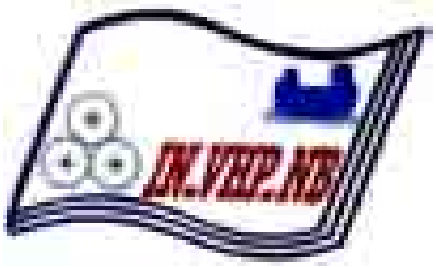

(151) 25.12.2007
(220) 02.11.2006

(531) 6.1.2; 15.7.1; 20.7.1
(591) Trắng, xanh, đen, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VĂN HÓA PHẨM NINH BÌNH (VN)
Số 18, quốc lộ 1A Tây Sông Vân, phố Trần Bình Trọng, phường Phúc Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0093656**
(210) 4-2006-19496
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

EXTRAFEMINE

(151) 25.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG FORIPHARM (VN)
Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0093657**
(210) 4-2006-19498
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HACORTIN

(151) 25.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÚ THỌ (VN)
2201 đại lộ Hùng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0093658**
(210) 4-2006-19499
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HUSILE

(151) 25.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÚ THỌ (VN)
2201 đại lộ Hùng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0093659**
(210) 4-2005-14669
(181) 02.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TOCONAT

(151) 25.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093660**
(210) 4-2005-15535
(181) 17.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

WATER HARU

(151) 25.12.2007
(220) 17.11.2005

(531) A5.5.22; 1.15.15
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TIẾN THÀNH (VN)
Số 32, ngõ 61, đường Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước tinh khiết.

---

(111) **4-0093661**
(210) 4-2005-17944
(181) 30.12.2015
(300) 78662368 01.07.2005 US
78662371 01.07.2005 US
78769008 08.12.2005 US
78769074 08.12.2005 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMAGINATION AT WORK

(151) 25.12.2007
(220) 30.12.2005

(731) GENERAL ELECTRIC COMPANY (US)
1 River Road, Schenectady NY 12345, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược và sản phẩm dược, chế phẩm thú y và thuốc thú y; tác nhân chẩn đoán, chế phẩm chẩn đoán và chất chẩn đoán dùng cho mục đích y tế; chất phản quang để tạo hình ảnh trong y tế; tác nhân quét chẩn đoán bệnh sử dụng trong cơ thể (in vivo); tác nhân tạo hình ảnh chẩn đoán bệnh dùng cho máy cộng hưởng từ (MRI); thuốc có phóng xạ dùng để chẩn đoán bệnh; chất phóng xạ dùng trong y học hạt nhân; chế phẩm dược phóng xạ và chất phản ứng không phóng xạ dùng để sản xuất thuốc có phóng xạ được sử dụng trong chẩn đoán trong cơ thể (in vivo) hoặc liệu pháp điều trị trong cơ thể (in vivo); khí và hỗn hợp khí dùng để tạo hình ảnh cho mục đích y tế; hỗn hợp hoá học để ngăn cản sự nhiễm bẩn hệ thống nước lạnh do nhuyễn thể và vi sinh vật gây ra; chất diệt khuẩn, chất diệt nấm, và chất diệt tảo dùng để xử lý hệ thống nước được sử dụng trong việc điều chế bột giấy, giấy và các sản phẩm giấy làm từ gỗ; hợp chất để hạn chế vi khuẩn, nấm và tảo.

Nhóm 06: Khoá kim loại; các phụ tùng an ninh bằng kim loại, cụ thể là tủ đựng chìa khoá, ống và hộp cất giữ chìa khoá an toàn; hộp khoá kim loại sử dụng cho nhà ở, cho xe cộ, dùng trong công nghiệp và trong bất động sản; tủ chứa chìa khoá bằng kim loại dùng

cho chìa khoá chốt, chìa khoá trượt và chìa khoá bộ nhớ; két đựng chìa khoá bằng kim loại.

Nhóm 09: Phần mềm và chương trình phần mềm sử dụng trong công nghiệp, nghiên cứu và y học; thiết bị dùng cho phép điện di; bơm và cột phép sắc ký; thiết bị dùng cho vi chế tạo (dùng để nghiên cứu khoa học, trong phòng thí nghiệm, đo đạc, báo hiệu, kiểm tra); thiết bị sử dụng trong hệ thống thông tin sinh học (dùng để nghiên cứu khoa học, trong phòng thí nghiệm, đo đạc, báo hiệu, kiểm tra); thiết bị đếm đốm loé sáng (dùng để nghiên cứu khoa học, trong phòng thí nghiệm, đo đạc, báo hiệu, kiểm tra); thiết bị tạo hình ảnh phát quang và phóng xạ; hệ thống kết hợp tổng hợp và tinh lọc (dùng để nghiên cứu khoa học, trong phòng thí nghiệm, đo đạc, báo hiệu, kiểm tra); thiết bị dùng trong sản xuất polynucleotide; thiết bị của micro-aray (dùng để nghiên cứu khoa học, trong phòng thí nghiệm, đo đạc, báo hiệu, kiểm tra); hệ thống quang học dựa trên tia laze để tạo hình ảnh kỹ thuật số; phiến mang micro-aray (dùng để nghiên cứu khoa học, trong phòng thí nghiệm); dụng cụ bằng thuỷ tinh dùng trong phòng thí nghiệm; lọ nhỏ và vi nhỏ bằng thuỷ tinh dùng trong phòng thí nghiệm; bản vi chuẩn độ; phần mềm máy tính dùng trong quản lý phẫu thuật bệnh viện; phần mềm máy tính dùng trong quản lý thông tin chăm sóc người bệnh; phần mềm giám sát và điều chỉnh quy trình công nghiệp; chương trình phần mềm máy tính và sách hướng dẫn kèm theo được bán thành bộ dùng cho quản lý nhà máy; giao diện đồ hoạ trên chương trình máy tính để điều khiển máy móc trong ứng dụng tự động hoá công nghiệp; phần mềm tạo hiển thị đồ hoạ và hiệu chỉnh giao diện dữ liệu động cho các ứng dụng đồ họa thời gian thực để ứng dụng trong kinh doanh và công nghiệp; phần mềm truyền thông để kết nối người sử dụng trong mạng máy tính; phần mềm đúc đùn nhựa; phần mềm điều khiển, kiểm soát, mô phỏng, truyền đạt, thu thập và ghi dữ liệu và tự động hoá nhà xưởng; phần mềm tổng hợp hoạt động máy móc sản xuất, điều khiển quy trình, cung cấp dữ liệu để hiển thị hoá, theo dõi sự cố và thực hiện báo cáo quy trình sản xuất; phần mềm trọn gói được sử dụng trong vận hành và lập trình của máy nghiền trong công nghiệp chế tạo; phần cứng điều khiển quy trình công nghiệp, cụ thể là màn hình máy tính; máy tính xách tay, cáp và thẻ e-the-net; thẻ nhớ máy tính, phần cứng kết nối mạng máy tính; vi mạch; bộ vi xử lý; thiết bị truy cập trung tâm, khoá chuyển đổi và cầu dẫn, linh kiện máy tính, thiết bị đầu cuối và thiết bị hiển thị của mạng máy tính; bảng trắng máy tính; bảng hệ thống và bộ xử lý máy tính; thiết bị điều khiển cuộc gọi, thiết bị giao diện điều hành, giao diện đánh giá, bộ thu hợp dữ liệu; máy móc và chương trình ứng dụng sản xuất và điều chỉnh, cụ thể dùng để điều chỉnh quy trình thống kê, thu thập dữ liệu, điều chỉnh số lượng phân phối; chương trình quản lý tài liệu và hệ thống điều hành sản xuất; hệ thống và thiết bị xử lý tín hiệu kỹ thuật số, cụ thể để điều khiển tự động hoá công nghiệp và máy điều khiển logic lập trình; thiết bị điều khiển, cụ thể: thiết bị điều khiển tương thích có chức năng như thiết bị điều khiển ngoại vi để tối ưu hoá đặc tính cắt thô và bán thô của máy công cụ; thiết bị phần cứng đầu vào/đầu ra biệt lập và phân phối, mô-đun đầu vào/đầu ra, mô-đun giao diện, phần cứng lắp đặt (tất cả được dùng trong hệ thống máy tính); bộ nguồn cấp điện; đầu nghe nhạc kỹ thuật số, điện thoại di động; hệ thống chuông báo động chống trộm và xâm nhập; thiết bị an ninh, cụ thể, máy tính logic lập trình, thiết bị điều khiển, máy phát hiện sự xâm nhập điện tử, thiết bị cảm biến kính vỡ điện tử, thiết bị cảm biến rung động điện tử, bộ tiếp xúc từ tính dùng trong hệ thống an ninh, bản công tắc điện tử, thiết bị cảm biến chuyển động điện tử dùng trong hệ thống chuông báo động, công tắc nhạy chuyển động điện tử, còi báo động có dây dẫn, loa âm thanh, bộ điều khiển điện tử hệ thống điều khiển báo động và giám sát truy cập; thiết bị phát hiện khói, nhiệt và cháy và báo động; hệ thống điều khiển truy cập thẻ máy tính; thẻ đọc, thẻ mã hoá và thẻ được mã

hoá dùng cho hệ thống điều khiển truy cập thẻ máy tính; máy quay video; máy nhận hình video; máy dò hình video; máy đọc biển đăng ký video; máy kiểm tra chuông báo động video; máy nhận dạng mặt video; máy nhận dạng xe video; máy dò tìm phương tiện giao thông video; máy kiểm soát đột nhập cửa ra vào video; máy phát hiện xâm nhập video; phần cứng và phần mềm xử lý cho phép phân tích hình ảnh video kỹ thuật số để trích dẫn, sao chép và báo cáo tình báo tự động và hệ thống giám sát video từ xa dùng cho mục đích an ninh và giám sát; màn hình video trung tâm; máy thu video; máy quay; hệ thống video mạch kín; hệ thống video mạch kín gồm một hoặc nhiều máy quay và vỏ máy quay; máy thu phát tần số vô tuyến không dây ở phạm vi hẹp; máy thu phát có dây dẫn điện; phần cứng điều khiển truyền thông dùng trong vận hành máy quay mạch kín; phần cứng điều khiển truyền thông, cụ thể, bộ phím, công tắc ma-trix, bộ dồn kênh, máy ghi hình kỹ thuật số, cụm điều chỉnh quét hình pan-tilt-zoom tích hợp dùng cho máy quay, máy điều chỉnh hình ảnh từ xa, máy thu, còi báo động điện tử, bộ điều khiển và nút bấm quản lý và các thiết bị truyền hình ảnh được bán riêng lẻ hoặc bán như một bộ phận của hệ thống vận hành máy quay mạch kín; thiết bị hỗ trợ kỹ thuật số cá nhân được thiết kế để sử dụng trong lĩnh vực bất động sản; thiết bị giao diện truyền thông để sử dụng kèm với thiết bị trợ giúp kỹ thuật số cá nhân; hệ thống truyền dẫn cáp quang, cụ thể, máy phát, máy thu và máy thu phát vô tuyến cáp quang sử dụng trong quá trình truyền dẫn tín hiệu hình ảnh, âm thanh và dữ liệu qua cáp quang; công tắc điện; khoá điện cơ; khoá từ; khoá điện; phần cứng điện tử cầm tay để nhận, điều chỉnh, lưu giữ, thao tác, hiển thị và truyền dẫn dữ liệu và để vận hành khoá điện tử; đầu đọc và thẻ truy cập điện tử và bộ mã hoá dùng cho các sản phẩm này; đầu đọc và thẻ truy cập từ và bộ mã hoá sản phẩm này; đầu đọc và thẻ truy cập thông minh và bộ mã hoá dùng cho các sản phẩm này; đầu đọc và thẻ tiếp cận và bộ mã hoá dùng cho các sản phẩm này; đầu đọc và túi khoá điện tử và bộ mã hoá dùng cho các sản phẩm này; đầu đọc và thẻ truy cập mã vạch, bộ mã hoá, thiết bị dập thẻ; bộ phím truy nhập; thẻ dò tần số radio; hệ thống điều chỉnh và dò tìm bao gồm một hoặc nhiều thẻ ghi dò tần số radio, thiết bị thu phát và thiết bị cảm biến được dùng để xác định và giám sát vị trí và sự dịch chuyển của tài sản hữu hình, hàng hoá và người; bộ cảm biến tia hồng ngoại; phần cứng và phần mềm máy tính sử dụng cho các phương tiện quản lý để quản lý và điều khiển hệ thống truy cập, máy móc và các bộ phận của chúng, cụ thể, bộ điều khiển, đầu đọc thẻ truy cập và thiết bị và hệ thống tạo hình video, kiểm soát hình ảnh video; thiết bị ghi, truyền, truy cập từ xa kỹ thuật số; máy chủ lưu trữ hình ảnh kỹ thuật số nối mạng, thiết bị điều khiển truy cập và giám sát báo động và an ninh; phần cứng và phần mềm máy tính để điều khiển và vận hành hệ thống an ninh và truy cập bao gồm khoá, cửa ra vào, truy cập và nhận dạng; các thiết bị an toàn và bộ phận an toàn kèm theo mang tính chất như các hộp để bảo đảm an toàn cho chìa khoá; thiết bị giám sát được bán riêng lẻ hay như một bộ phận hoặc đồng bộ bao gồm một hay nhiều máy quay giám sát, máy quay lén, máy quay vô tuyến mạch kín, khoang máy quay, giá đặt máy quay, ống kính máy quay, màn hình máy quay, máy ghi video, máy ghi kỹ thuật số, phương tiện lưu trữ hình ảnh, bộ phận kết nối video, hộp điều khiển, bộ điều khiển tấm phím, cần điều khiển, thiết bị giao diện dùng cho các phương tiện điều khiển truy cập và chuông báo động, máy thu phát, máy thu, thiết bị truyền dẫn, bộ xử lý tín hiệu, bộ đa công, bảng kết nối ma-trix, bộ điều khiển, khoang bộ điều khiển, bộ chuyển dạng, bộ chia tách, dây cáp đồng trục, bộ nối, máy dò chuyển động, loa và micrô; phần mềm điều khiển và phần mềm giao diện sử dụng máy tính dùng trong việc quản lý hệ thống truy cập, báo cháy và an toàn; khoá điện; phần cứng truyền thông và máy tính điện tử xách tay dùng để nhận, điều chỉnh, lưu giữ, xử lý, hiển thị và truyền dữ liệu dùng cho khoá điện tử; bộ đọc, bộ mã hoá và túi khoá điện tử; phương tiện mang dữ liệu từ tính; phần cứng và phần mềm máy tính xử lý dữ liệu; bộ nguồn điện, cụ

thể, ắc quy, bộ chỉnh lưu, bộ chỉnh áp, bộ chỉnh dòng điện và máy biến áp; bộ điều chỉnh, cụ thể, thiết bị điện tử được lắp đặt cho màn hình chạy điện cho các hoạt động định trước và kích hoạt chuông báo trộm; loa báo động; thiết bị báo động điện tử, cụ thể, máy phát và máy khuyếch đại âm thanh được lắp đặt để sử dụng cho báo động; phần mềm máy tính điều khiển phần cứng truyền thông để vận hành và điều chỉnh máy quay mạch kín; bộ kết nối kết hợp với bộ kích hoạt từ tính để dùng trong hệ thống báo động cháy và trộm, dùng trong thiết bị xác định vị trí công nghiệp, dùng trong máy đếm số vòng quay, dùng trong hệ thống khoá liên động an toàn cho phòng thiết bị, dùng trong thiết bị điều chỉnh vị trí công nghiệp, dùng trong bơm và cáp điện và trong hệ thống điều chỉnh van và hệ thống báo động an toàn gia đình; thiết bị kiểm tra điện và điện tử để phát hiện chất cụ thể ở người, hành lý và hàng hoá; thiết bị để phát hiện chất nổ và/hoặc chất ma tuý ở người, hành lý và hàng hoá; thiết bị để phát hiện chất nổ và các hàng lậu khác; thiết bị xác định điều kiện và thời gian để khởi động và điều chỉnh chu trình tái sinh và xoáy ngược cho hệ thống xử lý nước; van điều khiển cho các thiết bị điều chỉnh chất lượng nước và lọc nước; máy tạo phản ứng sinh học cho việc nuôi cấy tế bào; thiết bị phân tích xách tay, cụ thể là thiết bị dò với một bộ mạch vi xử lý hoạt động trên nguyên lý ghi chép tự động các số liệu đã được quy ước để đo lường các chất vô cơ và hữu cơ có trong nước; bộ lọc và bình lọc dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị tách chất lỏng dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị có màng lọc dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị đo độ dày bùn, phù sa; thiết bị khử i-on hoá dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị điều chỉnh lưu lượng chảy của chất lỏng, cụ thể là bơm, van, dụng cụ đo dòng chảy và dụng cụ điều tiết lưu lượng chảy dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị theo dõi khí ozon; thiết bị thí nghiệm, cụ thể là các bản vi chuẩn độ có lỗ để sử dụng trong ngành sinh vật học tế bào và các ứng dụng trong đời sống xã hội khác; các bộ lọc ống dùng một lần trong công nghiệp; thiết bị điện tử để xử lý quy trình xử lý nước và nước, cụ thể là thiết bị để xử lý hệ thống nước công nghiệp và thương mại, để xử lý hệ thống nước nóng, để xử lý hệ thống nước lạnh và hệ thống nước khép kín, để xử lý hệ thống chế biến bột giấy và giấy, để xử lý hệ thống xử lý nhiên liệu và hệ thống xử lý kim loại để phân tích hoá học của hệ thống, để xác định chương trình xử lý phù hợp, để áp dụng chương trình xử lý mong muốn và giám sát hiệu quả của quy trình xử lý; phần mềm máy tính để quản lý dữ liệu trong quy trình xử lý nước và trong chế biến bột giấy và giấy; thiết bị điều khiển điện tử được sử dụng trong xử lý thông tin trong quá trình xử lý nước và điều chế bột giấy và giấy; thiết bị sử dụng trong hệ thống nước công nghiệp để đo đạc và điều chỉnh nồng độ PH và tính dẫn truyền; thiết bị để duy trì lượng hoá chất có trong hệ thống nước công nghiệp, thương mại và đô thị ở mức độ chấp nhận; thiết bị kiểm tra điện tử để sử dụng trong quy trình xử lý nước; thiết bị kiểm thử trong phòng thí nghiệm, cụ thể là thiết bị thử tỷ lệ ăn mòn và kết tủa; phòng thí nghiệm lưu động được trang bị với các thiết bị và khí cụ đo kiểm để giám sát và đo đạc nồng độ PH, tính dẫn truyền và nồng độ crôm của nước trong gia đình và công nghiệp, để tiến hành các phân tích vô cơ của nước và để tiến hành kiểm tra vi trùng học của nước.

Nhóm 11: Bộ lọc nước để sử dụng trong gia đình, trong thương mại và trong công nghiệp; bộ lọc nước thải; bộ lọc nước uống xách tay dùng trong gia đình, thương mại và công nghiệp; thiết bị tách chất lỏng, cụ thể, thiết bị lọc chất lỏng công nghiệp; thiết bị tái chế chất lỏng, cụ thể, thiết bị lọc chất lỏng; thiết bị xử lý nước, cụ thể, ống lọc; thiết bị xử lý nước dùng cho gia đình, cụ thể, thiết bị làm mềm nước và thiết bị điều chỉnh chất lượng nước; bộ lọc giữa và bộ lọc sâu để loại bỏ cặn, sắt, lưu huỳnh, mùi vị và hương vị ra khỏi nước; thiết bị lọc nước thẩm thấu ngược; thiết bị lọc sâu và ống lọc sâu để lọc chất lỏng và không khí dùng trong gia đình, công nghiệp và thương mại.

Nhóm 37: Dịch vụ xử lý sự cố phần cứng máy tính, phần cứng truyền thông điện tử và video.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn liên quan đến nghiên cứu hoá học; dịch vụ tư vấn liên quan đến việc phát hiện và đánh giá các loại thuốc và chất có tính chuẩn đoán; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật; dịch vụ tư vấn liên quan đến phương pháp chuẩn đoán sử dụng tia laze dựa trên hệ thống quang học; dịch vụ cung cấp mẫu thử nghiệm cho việc phát triển thuốc; dịch vụ tổng hợp, phân tích và chuẩn đoán theo yêu cầu; dịch vụ công nghệ sinh học; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho phần mềm tự động sản xuất, cụ thể là dịch vụ bảo dưỡng phần mềm máy tính và nâng cấp định kỳ cho phần mềm máy tính; dịch vụ thiết kế theo yêu cầu của hệ thống truy cập an ninh; dịch vụ tư vấn và thiết kế liên quan đến cấu trúc của hệ thống được áp dụng hỗ trợ công nghệ sợi quang học; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, cụ thể dịch vụ sử lý sự cố phần mềm; dịch vụ tư vấn kỹ thuật cho phần mềm và phần cứng được sử dụng liên quan đến hệ thống truy cập và an ninh; dịch vụ tư vấn kỹ thuật cho máy quay giám sát; dịch vụ thiết kế theo yêu cầu khác cho hệ thống an ninh, hệ thống truy cập và hệ thống giám sát hàng hoá và tài sản hữu hình; dịch vụ thử nghiệm và thí nghiệm cho các cuộc kiểm tra màng và tách chất lỏng; dịch vụ tư vấn và công nghệ trong lĩnh vực xử lý nước, hệ thống nước, hệ thống nước lạnh, hệ thống nước nóng công nghiệp, hệ thống và quy trình nước công nghiệp, xử lý hệ thống chế biến nhiên liệu công nghiệp, xử lý hệ thống sản xuất bột giấy và giấy và xử lý hệ thống sản xuất chất dẻo và kim loại; dịch vụ công nghệ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến thiết kế và cấu trúc của hệ thống phần cứng và phần mềm máy tính để sử dụng trong xử lý hệ thống nước và để sử dụng trong xử lý hệ thống sản xuất bột giấy và giấy, hệ thống chế biến dầu mỏ và hoá dầu và hệ thống sản xuất chất dẻo và kim loại; dịch vụ cung cấp thông tin cho người khác qua mạng máy tính toàn cầu liên quan đến hệ thống tinh chế nước công nghiệp; dịch vụ tư vấn liên quan đến tất cả các dịch vụ nói trên.

---

(111) **4-0093662**
(210) 4-2005-01953
(181) 24.02.2015
(300) 2004-080128 31.08.2004 JP
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 24.02.2005

(531) 26.1.2; 26.1.6
(731) HITACHI APPLIANCE KABUSHIKI KAISHA (D/B/A HITACHI APPLIANCES, INC) (JP)
16-1, Kaigan 1-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Máy gia công kim loại; máy đào mỏ; máy/thiết bị dùng trong xây dựng; máy/thiết bị chuyển hàng; máy mổ cá; máy/thiết bị hoá học; máy/thiết bị dệt vải; máy/thiết bị chế biến thực phẩm hoặc đồ uống; máy đốn gỗ; máy/thiết bị gia công gỗ/gỗ dán; máy nghiền bột giấy; máy sản xuất giấy; máy chế biến giấy; máy in; máy đóng sách; máy khâu; máy/nông cụ (bộ phận của máy) xới (cày) đất (không thao tác bằng tay); máy trồng trọt (xới đất)/ máy thu hoạch hoa quả (gặt lúa)/ máy dùng để chế tạo ra các sản phẩm hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp; máy ép (nén) cỏ khô để cho gia súc ăn;

máy thái (cắt) thức ăn gia súc; máy trộn thức ăn gia súc; máy xay (nghiền) thức ăn gia súc; máy lọc sữa; máy vắt sữa; máy sưởi ấm cho gà con mới nở; máy ấp trứng; máy nuôi tằm dùng trong việc sản xuất ra trứng con tằm hoặc nuôi tằm; máy đóng giày; máy thuộc da; máy chế biến thuốc lá; máy chế tạo đồ thuỷ tinh; máy quét sơn; máy đóng hàng hoặc bao gói hàng hoá; bàn xoay gốm (bộ phận của máy xoay tròn đồ gốm chạy bằng điện); máy chế biến nhựa; thiết bị sản xuất chất bán dẫn; máy chế biến cao su; máy khai thác đá; động cơ chính (không dùng cho xe cộ, cối xay nước/cối xay gió); cối xay nước; cối xay gió; máy/thiết bị thuỷ lực hoặc khí lực (khí nén); máy sản xuất (phân phối) băng dính; máy dập hình nổi (đóng tem); máy cọ rửa (máy giặt) bằng điện dùng trong công nghiệp; máy trộn thức ăn dùng trong công nghiệp; máy gọt (bóc) vỏ thức ăn dùng trong công nghiệp; máy rửa bát đĩa dùng trong công nghiệp; máy cắt, chẻ và thái lát mỏng thức ăn dùng trong công nghiệp; máy đánh bóng bằng sáp chạy điện dùng trong công nghiệp; máy hút bụi chạy điện dùng trong công nghiệp; máy rửa bát đĩa dùng cho gia đình; máy đánh bóng bằng sáp chạy điện dùng cho gia đình; máy cọ rửa (máy giặt) chạy điện dùng cho gia đình; máy hút bụi chạy điện dùng cho gia đình; máy pha trộn chạy điện; máy sửa chữa; hệ thống máy móc lắp đặt nơi đỗ xe cơ học; hệ thống máy rửa xe cộ; máy bơm phun chất tẩy uế, thuốc trừ sâu hoặc chất khử mùi (không dùng trong nông nghiệp); trục máy/trụ đỡ máy/trục máy; ổ trục (cuxinê) dùng cho trục truyền động; khớp trục và ổ trục (bộ phận máy móc) (không bao gồm khớp trục và ổ trục dùng cho xe cộ); bộ phận truyền động (chi tiết máy móc) (không bao gồm bộ phận truyền động dùng cho xe cộ); bộ giảm chấn (giảm va) và bộ giảm xóc; lò xo (chi tiết máy móc) (không bao gồm bộ giảm chấn và bộ giảm xóc; lò xo dùng cho xe cộ); thiết bị phanh (chi tiết máy móc) (không kể thiết bị phanh dùng cho xe cộ); van (bộ phận của máy móc); máy xén cỏ; thiết bị kéo rèm che thao tác bằng điện; máy lèn chặt/ép rác thải; thiết bị nghiền/băm /rác thải; bộ khởi động (dùng cho động cơ (mô tơ)/đầu máy); động cơ xoay chiều hoặc một chiều (không kể động cơ xoay chiều hoặc một chiều dùng cho xe cộ); máy phát điện xoay chiều (máy phát điện); máy phát điện một chiều; máy chải (quét đường) thao tác bằng điện; máy rửa bát đĩa và máy sấy khô bát đĩa dùng cho gia đình; túi giấy dùng một lần dùng cho máy hút bụi chạy điện (máy làm sạch chạy điện); máy vắt ly tâm dùng trong công nghiệp; máy in hoa văn lên quần áo dùng trong công nghiệp; máy khử (loại bỏ) rác trong nhà bếp dùng trong công nghiệp; thiết bị khử mùi dùng cho máy khử (loại bỏ) rác trong nhà bếp dùng trong công nghiệp; thiết bị nghiền rác thải trong nhà bếp dùng trong công nghiệp; máy đổ rác nhà bếp tự động; máy khử rác nhà bếp chạy bằng điện dùng cho gia đình; thiết bị (máy) mở nắp hộp chạy điện dùng cho gia đình; máy xay (nghiền) đá chạy điện dùng cho gia đình; thiết bị (máy) cắt món ăn chạy điện dùng cho gia đình; máy làm bánh gạo chạy điện dùng cho gia đình; máy sản xuất thiết bị bán dẫn; thiết bị sản xuất mạch tích hợp (tổ hợp); máy làm sạch sàn nhà chạy bằng năng lượng; máy sấy quần áo dùng trong công nghiệp; máy sấy bát đĩa dùng trong công nghiệp.

Nhóm 11: Bộ bồn cầu và bệ xí; thiết bị sấy khô (dùng trong xử lý hoá học); thiết bị thu hồi (dùng trong xử lý hoá học); nồi đun hơi (dùng trong xử lý hoá học); thiết bị làm bay hơi (dùng trong xử lý hoá học); nồi chưng cất (dùng trong xử lý hoá học); bộ trao đổi nhiệt (dùng trong xử lý hoá học); máy tiệt trùng sữa; lò đốt (nung) công nghiệp; lò phản ứng hạt nhân (lò phản ứng nguyên tử); thiết bị sấy cỏ (thức ăn cho gia súc); nồi hơi công nghiệp; thiết bị điều hoà không khí (điều hoà nhiệt độ); máy và thiết bị làm lạnh; thiết bị nấu ăn dùng trong công nghiệp; thiết bị tẩy sạch bát đĩa dùng trong công nghiệp; vòi nước máy; van điều chỉnh mực nước dùng cho thùng chứa nước (téc nước); vòi nước ở đường ống dẫn nước; bể (téc) xử lý nước thải; hố rác (hố phân) tự hoại; lò đốt rác dùng

trong công nghiệp; lò đốt rác dùng trong gia đình; thiết bị làm nóng nước dùng năng lượng mặt trời; thiết bị làm sạch nước; đèn điện và thiết bị chiếu sáng khác; thiết bị nhiệt điện dùng trong gia đình; Gioăng (vòng đệm) dùng cho vòi nước; thiết bị đun nước bằng gas; lò đun nấu không dùng điện; mặt phẳng trong nhà bếp đặt trên tủ đựng thức ăn (hoặc đặt trên tủ lạnh) dùng để bày thức ăn trước khi nấu nướng; chậu rửa dùng trong nhà bếp; tủ đá; tủ lạnh; bộ lọc nước máy dùng trong gia đình; bồn tắm và những thứ tương tự bồn tắm; đèn lồng bằng giấy (Andon); đèn lồng cầm tay bằng giấy (Chochin); đèn thắp bằng gas; đèn thắp bằng dầu; bóng đèn; chảo đun nóng (không chạy bằng điện); lồng hấp nóng bỏ túi (không chạy bằng điện); chai đựng nước nóng (dùng để sưởi ấm chân trên giường); bộ ghế đi vệ sinh có kèm vòi phun nước; thiết bị (hộp) phân phối chất tẩy uế dùng cho nhà vệ sinh; bồn cầu; bệ (để ngồi) dùng với bồn cầu kiểu Nhật; bể (téc) xử lý nước thải dùng trong gia đình; hố rác (phân) tự hoại dùng trong gia đình; túi sưởi ấm hoặc làm lạnh có chứa các chất hoá học sẵn sàng phản ứng khi được yêu cầu; thiết bị sưởi nóng không chạy điện dùng cho gia đình; giá lắp dùng cho bộ phận bên ngoài của thiết bị điều hoà không khí dùng trong gia đình; bộ lọc dùng cho quạt thông gió/quạt hút gió.

---

(111) **4-0093663**
(210) 4-2005-11202
(181) 31.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 31.08.2005

(531) 26.1.5; A26.1.18; 26.1.1
(591) Đen, xám, đỏ
(731) TARGUS GROUP INTERNATIONAL, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
1211 N. Miller Street, Anaheim, California 92806, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Các sản phẩm dùng với máy tính và các thiết bị kinh doanh và văn phòng di động, cụ thể là cặp dùng để mang máy tính, cặp dùng để mang máy tính xách tay, cặp có bánh xe và hộp dùng để đựng máy tính xách tay, ba lô dùng để mang máy tính xách tay; hòm chuyên đựng máy tính, tấm phủ ngoài dùng cho máy tính; thùng (hộp) đựng máy tính, túi chỉ dùng đựng máy tính; túi dùng để mang đồ máy tính; túi bảo vệ dùng cho máy tính, túi xách tay chuyên dùng để đựng linh kiện máy tính, túi đeo vai luôn đi kèm với máy tính; va li nhỏ được đi kèm với máy tính, túi đựng đồ lặt vặt đi đường được đi kèm với máy tính, và túi du lịch đi kèm với máy tính; túi dết và túi nhỏ đựng đồ máy tính thuộc nhóm này, cụ thể là dùng để đựng máy tính xách tay, máy in, máy ảnh, điện thoại di động, thiết bị trợ lý cá nhân dùng kỹ thuật số, điện thoại và dùng để đựng các thiết bị, dụng cụ và linh kiện điện tử di động; quai (đeo, xách) dùng cho cặp mang máy tính; thiết bị điều hợp năng lượng dùng cho máy tính xách tay; bộ điều hợp năng lượng, bao gồm nhiều thiết bị điều hợp trong một hộp; máy đổi điện; thiết bị dùng để nối các dây điện, nối các linh kiện điện tử và thiết bị ngoại vi cho máy tính; thiết bị ngoại vi máy tính; bàn phím; vùng phím số; ổ đĩa; ổ cứng ngoài của máy tính; ổ lưu quang học; bộ đọc thẻ nhớ; chuột máy tính; bộ điều giải (modem); thiết bị bảo vệ bộ điều giải; thiết bị điều hợp

modem dùng cho máy tính xách tay; bộ điều hợp modem, bao gồm nhiều thiết bị điều hợp modem trong một hộp; máy tính không dây và thiết bị điều khiển từ xa màn hình video; thiết bị định vị và quét dùng cho mạng không dây; giá để màn hình dùng cho người điều khiển bàn phím; giá được thiết kế đặc biệt chỉ dùng để đỡ máy tính xách tay; giá để máy tính xách tay kết hợp với quạt làm mát và cổng USB; loa xách tay dùng cho máy tính và máy tính xách tay; linh kiện máy tính di động, cụ thể là, bộ điều hợp cổng máy tính, cáp điều hợp, bộ nối không dây, bộ nối và phích cắm; linh kiện dùng cho thiết bị nghe di dộng MP3, cụ thể là, cái khuyếch đại âm thanh, bộ điều khiển từ xa không dây, giá đỡ thiết bị điện tử thuộc nhóm này, máy phát tần số FM; linh kiện điện thoại di động, cụ thể là, bộ ống nghe điện đài, sạc pin, vùng phím số; thiết bị mạng máy tính; bộ kết nối dây tập trung cho các máy tính dùng trong mạng nội bộ (HUB); thiết bị cho phép thực hiện điện thoại số; cáp điện và dây điện, cáp điện thoại và dây điện thoại, dây kết nối điện thoại; thiết bị quản lý cáp, thanh dẫn cáp; thiết bị cung cấp nguồn điện; thiết bị an ninh, thiết bị báo động an ninh, thiết bị chống trộm và thiết bị báo động chống trộm; ắc qui; ắc qui có thể nạp lại được; bộ nạp ắc quy; linh kiện dùng cho máy ảnh, máy ảnh số và máy quay video xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình, cụ thể là, giá ba chân, ống kính chụp xa và ống kính góc rộng, ống kinh đảo chiều nối với ống thu hình, cái bảo vệ ống kính, cái bảo vệ màn hình, đèn nháy, bộ điều hợp VHS-C, quai đeo máy ảnh vào cổ, thiết bị lọc tia cực tím; bộ lọc tia cực tím, bao gồm thiết bị lọc tia cực tím, ống điều hợp, cái bảo vệ ống kính, nắp chụp ống kính, bút lau chùi ống kính, vải lau chùi ống kính, dung dịch lau chùi ống kính, cái lót bằng vải và hộp dùng để đựng thiết bị lọc; bộ linh kiện máy ảnh bao gồm ống kính máy ảnh, thiết bị lọc ống kính, ống điều hợp nối với ống kính, cái bảo vệ ống kính, vải dùng để lau ống kính, bàn chải dùng để chải ống kính, bút dùng để lau ống kính, dung dịch dùng để lau ống kính, giá ba chân, quai đeo ngang eo, quai đeo ở cổ, đèn nháy, pin, cái sạc pin, thẻ nhớ và bộ đọc thẻ nhớ, hộp dùng để mang máy ảnh, ống kính máy ảnh và linh kiện máy ảnh; loa dùng cho máy tính và máy tính xách tay; thẻ nhớ.

Nhóm 18: Túi đựng đồ; túi xách tay; túi đeo vai; ba lô; cặp tài liệu; va li nhỏ; túi đựng đồ lặt vặt đi đường; túi du lịch; va li; rương; hộp đựng sách và ví.

---

(111) **4-0093664**
(210) 4-2006-08128
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

The Original T-box from Istanbul

(151) 25.12.2007
(220) 26.05.2006

(731) BOYNER HOLDING A.S. (TR)
Eski Buyukdere, Caddesi No: 22, Maslak Istanbul, Turkey
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ giải phẫu, y tế, nha khoa và thú y; chân tay giả; mắt và răng giả; dụng cụ chỉnh hình; vật liệu khâu vết thương; bao cao su tránh thai.

Nhóm 18: Da thuộc và da sống đã chế biến hoặc chưa chế biến; giả da, da dê non, da lót, da thuộc đã chế biến, da thuộc chưa chế biến và da thuộc dùng để may quần áo, làm giày, làm đồ đạc, đóng sách và làm yên cương; da động vật; sản phẩm làm từ da, giả da

hoặc các vật liệu khác không thuộc các nhóm khác, cụ thể là: túi xách tay, túi xách tay đa năng, túi du lịch, túi khoác vai, ví đựng tiền xu dùng cho phụ nữ, va li, cặp dẹt đựng hồ sơ, ví đựng thẻ tín dụng, dây đeo chìa khoá; túi, túi dùng cho thể thao, hòm và vali du lịch, ví, cặp hồ sơ, địu trẻ em, hòm và hộp làm bằng da thuộc hoặc da dê non; túi đựng sổ séc; ví đựng danh thiếp; túi đựng đồ trang điểm (không có đồ); túi dụng cụ (không có đồ); túi đựng chìa khoá làm bằng da; ví đựng tiền xu; túi đựng tài liệu; cặp tài liệu; túi xách dành cho phụ nữ; túi xách, túi đeo lưng; túi mua hàng và túi đi học; ô; ô dùng để che nắng và đi tắm biển; lọng; gậy chống; roi da; bộ yên cương; yên cương; dây đai bộ yên cương và dây da treo bàn đạp vào yên ngựa; ruột súc vật để làm xúc xích dồi; ruột súc vật nhân tạo để làm xúc xích dồi và xúc xích kiểu ý (salami); túi đựng đồ để giặt làm bằng vải không thuộc các nhóm khác.

Nhóm 24: Vải dùng cho ngành dệt; vải không dệt; vải bằng sợi thuỷ tinh dùng cho ngành dệt, vải không cho khí gas thấu qua được dùng cho khinh khí cầu; vải làm bằng da động vật nhân tạo; vải lót (vải); vải hồ cứng (để dựng áo); vật liệu dùng để lọc làm bằng vải; rèm làm bằng sợi dệt hoặc bằng chất dẻo; rèm dùng cho buồng tắm làm bằng sợi dệt hoặc chất dẻo; khăn vải dùng trong nhà; khăn trải bàn (không làm bằng giấy); khăn bằng vải để lau bàn; khăn phủ giường; khăn trải giường bằng vải; áo gối; vỏ nệm và vỏ mền bông; tấm phủ đồ đạc bằng vải; khăn vải; tấm thảm nhỏ bằng vải để quỳ khi cầu kinh; khăn phủ giường bằng giấy; mền bông; chăn mền, khăn tắm (trừ quần áo); khăn lau bằng vải; thảm trang trí treo tường bằng vải; khăn tay bỏ túi bằng vải; khăn vải dùng để tẩy trang; cờ (không bằng giấy); nhãn mác (bằng vải).

Nhóm 25: Quần áo làm bằng tất cả các loại vật liệu trừ quần áo bảo hộ (quần áo mặc bên trong và bên ngoài); quần áo làm bằng sợi đan, lông thú và da; quần áo thể thao; khăn choàng dùng khi tắm và khi đi tắm biển; quần áo lót, găng tay (quần áo), bít tất ngắn cổ; đồ đi chân; giày; giày ủng; ủng lửng; dép; dép đi trong nhà và bộ phận của dép đi trong nhà; giầy thể thao và đinh đầu lớn dành cho giày thể thao; bộ phận của giày, cụ thể là miếng đệm lót, gót giày, mũi giày; đồ đội đầu; mũ lưỡi trai; mũ; mũ bê rê; quần áo dùng cho trẻ em; quần tã của trẻ em bằng vải dệt; tã lót trẻ em bằng vải dệt, tã lót trẻ sơ sinh (quần áo); quần áo mặc bên trong dùng cho trẻ em; quần tã bằng ni lông; yếm dãi (không làm bằng giấy); nơ; ca vát; khăn quàng cổ; khăn choàng; khăn quàng vai; cổ áo; khăn rằn; dải áo thày dòng; bao tay của phụ nữ; dải băng buộc đầu; cổ tay áo, thắt lưng (quần áo); dải đeo (dùng cho quần, tất); dây đeo quần; nịt bít tất.

Nhóm 26: Đăng ten và đồ thêu; viền bằng ren; đường viền thêu ở cổ áo, dải ruy băng; khuy dùng cho quần áo; khoá và móc dùng cho quần áo; khoá kéo; khoá thắt dùng cho giày và thắt lưng; vòng để nâng giữ tay áo; đăng ten trang trí; miếng đệm vai dùng cho quần áo, kim; kim băng; kim đan; kim móc; hộp đựng kim (không làm bằng kim loại quý); kim khâu; hoa giả; vòng hoa nhân tạo; quả nhân tạo; lưới bao tóc; băng buộc tóc; trâm cài tóc; cuộn uốn tóc không dùng điện; kẹp để uốn tóc xoăn, tóc giả; lọn tóc; ria mép giả; râu giả; số và chữ để đánh dấu hàng bằng vải.

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch; dịch vụ bán lẻ nhằm giới thiệu các loại sản phẩm vì lợi ích khách hàng để họ dễ xem và mua các sản phẩm này.

(111) **4-0093665**
(210) 4-2005-16667
(181) 08.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SELSTAR

(151) 25.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093666**
(210) 4-2006-09384
(181) 16.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GRIAL

(151) 25.12.2007
(220) 16.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÓC TRĂNG (VN)
45-47 Hai Bà Trưng, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093667**
(210) 4-2006-10003
(181) 28.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEX@AUDIO

(151) 25.12.2007
(220) 28.06.2006

(531) 24.17.17
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI NGÂN LONG (VN)
25A Hậu Giang, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị điện tử cụ thể là máy thu hình, đầu đĩa hình, đầu đĩa tiếng, đầu karaoke, ampli, loa, micro.

Nhóm 35: Mua bán linh kiện, phụ kiện điện tử, thiết bị viễn thông, điện thoại bàn, hàng kim khí điện máy.

---

(111) **4-0093668**
(210) 4-2006-10005
(181) 28.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BINGO

(151) 25.12.2007
(220) 28.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIET NAM (VN)
Khu công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường.

---

(111) **4-0093669**
(210) 4-2006-12794
(181) 07.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 07.08.2006

(531) A5.3.15; 11.3.14; 26.1.2
(591) Đỏ, xanh, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ TUẤN ĐẠT (VN)
51 Nguyễn Trường Tộ, phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

(511) Nhóm 30: Trà xanh sơ chế, trà đen, trà ướp hương chế biến, trà túi lọc.

---

(111) **4-0093670**
(210) 4-2006-15564
(181) 15.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLOMED

(151) 25.12.2007
(220) 15.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TOÀN CẦU (VN)
Lô 406B và 407 khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093671**
(210) 4-2006-10677
(181) 10.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 10.07.2006

(531) 26.4.3; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT XINH LÂM (VN)
433/1 Hai Bà Trưng, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; nón mũ; giày dép; vớ (tất).

---

(111) **4-0093672**
(210) 4-2006-12116
(181) 28.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 28.07.2006

(531) 1.5.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI GIA MINH (VN)
K218/19 Đống Đa, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0093673**
(210) 4-2006-13439
(181) 16.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 16.08.2006

(531) 24.1.1; 3.7.11; 5.13.4
(591) Vàng, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẢO VỆ NAM LONG (VN)
201 bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận I, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ.

---

(111) **4-0093674**
(210) 4-2006-13778
(181) 21.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FOLI

(151) 25.12.2007
(220) 21.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT PHƯỚC HƯNG (VN)
D16/8D Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0093675**
(210) 4-2006-14597
(181) 01.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PENTALABS PTE. LTD

(151) 25.12.2007
(220) 01.09.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0093676**
(210) 4-2006-14598
(181) 01.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SEPTALABS PTE. LTD

(151) 25.12.2007
(220) 01.09.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0093677**
(210) 4-2006-14599
(181) 01.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SYNTALABS PTE. LTD

(151) 25.12.2007
(220) 01.09.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật cụ thể: thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu; dược phẩm có nguồn gốc từ thảo dược.

---

(111) **4-0093678**
(210) 4-2006-15705
(181) 19.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐỨC ĐẠO

(151) 25.12.2007
(220) 19.09.2006

(731) NGUYỄN SỸ ĐẠO (VN)
Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 30: Kem lạnh.

---

(111) **4-0093679**
(210) 4-2006-10373
(181) 04.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

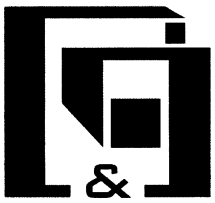

(151) 25.12.2007
(220) 04.07.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH P&T VIỆT NAM (VN)
Số 268, tổ 20, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán các thiết bị phục vụ các ngành công nghiệp: điện, ô tô, xe máy, cơ khí, giấy, dầu khí, xi măng, đường, cấp thoát nước, thiết bị thi công xây dựng, thiết bị tự động hoá, và các thiết bị ngành viễn thông; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

Nhóm 37: Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc công nghiệp.

Nhóm 42: Tư vấn và chuyển giao công nghệ về các dây chuyền, máy móc thiết bị.

---

(111) **4-0093680**
(210) 4-2006-16921
(181) 09.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

V – A HA PA CO

(151) 25.12.2007
(220) 09.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI (VN)
Thôn Phương Nhị, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc các loại.

---

(111) **4-0093681**
(210) 4-2006-02708
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 27.02.2006

(531) 19.9.1; 26.13.25
(591) Tím than, vàng, cam
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GỐM SỨ TRUNG THÀNH (VN)
D251 bis, khu phố Bình Đức, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ bằng gỗ, mây, tre, lá, cụ thể: bình trưng hoa; lẵng đựng hoa; lẵng đựng hoa quả; rổ rá; đồ gỗ mỹ thuật; bình phong thuộc nhóm này.

Nhóm 21: Đồ gốm trang trí trong nhà; đồ gốm trang trí ngoài trời; chén; bát; tô; đĩa thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093682**
(210) 4-2006-02920
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 02.03.2006

(531) 26.1.1; A5.3.14
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh lá cây đậm
(731) PHẠM MINH TRANG (VN)
221 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng cung cấp).

---

(111) **4-0093683**
(210) 4-2006-04786
(181) 31.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 31.03.2006

(531) 26.4.2; 26.4.4; 26.4.10; 2.9.4; 16.3.13
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI RẠNG ĐÔNG (VN)
Lô 8 khu D1, khu Công Nghiệp Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo mưa.

---

(111) **4-0093684**
(210) 4-2006-05004
(181) 05.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZAMAKA

(151) 25.12.2007
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI NAM QUỐC H.L (VN)
H10 Dương Quảng Hàm, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp, nồi áp suất điện, dụng cụ nấu nướng dùng điện.

---

(111) **4-0093685**
(210) 4-2006-05005
(181) 05.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

genecafe

(151) 25.12.2007
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÚC LONG (VN)
42/24 - 42/26 đường 643 Tạ Quang Bửu, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Cà phê.

Nhóm 35: Mua bán máy rang cà phê và mua bán thiết bị của máy rang cà phê.

---

(111) **4-0093686**
(210) 4-2006-07125
(181) 10.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 10.05.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 26.4.9
(591) Đen, hồng nhạt, vàng, xanh lá cây, đỏ, đỏ đậm, cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì, hủ tiếu bún, phở ăn liền.

---

(111) **4-0093687**
(210) 4-2006-07126
(181) 10.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 10.05.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 26.4.9
(591) Đỏ, cam, vàng, trắng, xanh cốm đậm, xanh cốm, đen, xanh lá
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì, hủ tiếu, bún, phở ăn liền.

---

(111) **4-0093688**
(210) 4-2006-07127
(181) 10.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 10.05.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 26.4.9
(591) Đỏ, tím đậm, tím, tím nhạt, vàng, cam, trắng, xanh lá, đen
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì, hủ tiếu, bún, phở ăn liền.

---

(111) **4-0093689**
(210) 4-2006-07128
(181) 10.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 10.05.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 26.4.9
(591) Đỏ, đen, cam đậm, cam, vàng nhạt, vàng, trắng, xanh lá
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì, hủ tiếu, bún, phở ăn liền.

---

(111) **4-0093690**
(210) 4-2006-07129
(181) 10.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

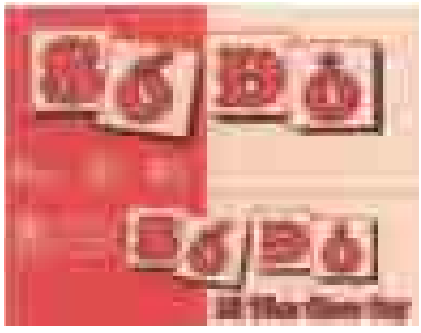

(151) 25.12.2007
(220) 10.05.2006

(531) 2.5.2; 26.4.9
(591) Đỏ, đen, vàng
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì, hủ tiếu, bún, phở ăn liền.

---

(111) **4-0093691**
(210) 4-2006-07281
(181) 12.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Chocoplus

(151) 25.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Đậu phộng bọc sôcôla; bánh ngọt; kẹo.

---

(111) **4-0093692**
(210) 4-2006-07283
(181) 12.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 12.05.2006

(531) 26.1.1
(591) Trắng, xanh dương, vàng, đen
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH GIỐNG CÂY ĂN TRÁI BA THƠI (VN)
71/5 ấp Phước Định 1, xã Bình Hoà Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Cây giống.

---

(111) **4-0093693**
(210) 4-2006-07284
(181) 12.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH KIM THẠCH THẢO (VN)
14/13 Kha Vạn Cân, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0093694**
(210) 4-2006-08185
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SUIZU

(151) 25.12.2007
(220) 26.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TẤN VIỆT THUẬN (VN)
413 đường Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga; bếp điện; nồi cơm điện; máy lạnh; ấm điện; thiết bị làm nước nóng.

---

(111) **4-0093695**
(210) 4-2006-08186
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NET3WAY®

(151) 25.12.2007
(220) 26.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ VIỄN ĐÔNG (VN)
19 A Hùng Vương, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 37: Lắp đặt tổng đài nội bộ.

---

(111) **4-0093696**
(210) 4-2006-08187
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Nomrawin

(151) 25.12.2007
(220) 26.05.2006

(531) A5.3.14; 5.3.16; A5.5.21
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ HOÁ CHẤT PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Lô III 3B, nhóm công nghiệp III, đường số 12, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Các loại mỹ phẩm như: kem dưỡng da (không có thuốc), kem trị mụn (không có thuốc), kem trị tàn nhan (không có thuốc), kem trị nám (không có thuốc), kem rửa mặt (không có thuốc), kem chống nhăn (không có thuốc).

Nhóm 44: Thẩm mỹ viện.

---

(111) **4-0093697**
(210) 4-2006-09385
(181) 16.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 16.06.2006

(531) 3.1.6
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THĂNG LONG (VN)
62/4 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi xách, ví thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Đệm ngủ, gối, đệm các loại (bằng vải), gối có hình con thú, khung ảnh (bằng vải) thuộc nhóm này.

Nhóm 24: Rèm cửa bằng vải, chăn, vỏ đệm, vỏ gối; khăn trải bàn và, khăn trải giường thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép bằng vải và mũ đội đầu bằng vải thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093698**
(210) 4-2006-14987
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 08.09.2006

(591) Đỏ đậm, trắng bạc, đen
(731) ÔNG LƯƠNG MINH SƠN (VN)
204 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

Nhóm 35: Mua bán quần áo.

---

(111) **4-0093699**
(210) 4-2006-16067
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 22.09.2006

(531) A1.5.9; 2.3.1; 2.9.8; 2.9.14; A5.1.5
(591) Xanh dương, xanh lá cây, đỏ, đen, trắng, vàng đậm, cà phê
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT - DỊCH VỤ THẨM MỸ TRƯƠNG KIỀU XUÂN (VN)
246A Hùng Vương, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 44: Chăm sóc y tế, chăm sóc vệ sinh và chăm sóc sắc đẹp cho người.

---

(111) **4-0093700**
(210) 4-2006-17171
(181) 12.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NATUROMEGA369

(151) 25.12.2007
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093701**
(210) 4-2005-04284
(181) 18.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BINSWANGER

(151) 25.12.2007
(220) 18.04.2005

(531) 24.13.1
(731) BINSWANGER INTERNATIONAL LTD., (US)
Two Logan Square, Philadelphia, Pennsylvania, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ môi giới bất động sản để giành được và chuyển nhượng tài sản; quản lý bất động sản thuộc quyền sở hữu tập thể; quản lý bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư;

dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực dịch chuyển bất động sản; định giá và đánh giá tài chính tài sản và bất động sản cá nhân; dịch vụ tư vấn liên quan đến việc cho thuê bất động sản.

Nhóm 37: Giám sát quản lý xây dựng; xây dựng cao ốc và xây dựng công trình dân cư và công trình thương mại trong lĩnh vực bất động sản.

---

(111) **4-0093702**
(210) 4-2005-09735
(181) 03.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

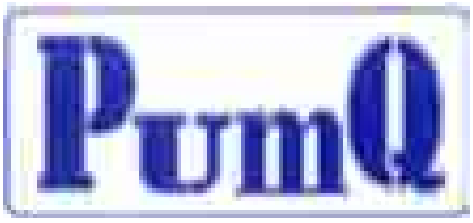

(151) 25.12.2007
(220) 03.08.2005

(531) 26.4.2
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI KHẢI LỢI (VN)
93-97 Xuân Hồng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước.

---

(111) **4-0093703**
(210) 4-2005-09736
(181) 03.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 03.08.2005

(531) 26.1.1; A1.1.10
(731) CƠ SỞ THIÊN LONG VŨ (VN)
Tổ 1, KP 10, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Ván lạng; ván ép; ván ô kal (okal).

---

(111) **4-0093704**
(210) 4-2005-09739
(181) 03.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 03.08.2005

(531) 26.2.7
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT NAM HÀN (VN)
30 đường số 7, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; sữa tắm; phấn thơm; sữa rửa mặt; kem dưỡng da; nước hoa.

---

(111) **4-0093705**
(210) 4-2005-09740
(181) 03.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BUDDY

(151) 25.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT NAM HÀN (VN)
30 đường số 7, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; sữa tắm; phấn thơm; sữa rửa mặt; kem dưỡng da; nước hoa.

---

(111) **4-0093706**
(210) 4-2005-09742
(181) 03.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LEO

(151) 25.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LEO (VN)
R14 cư xá Vĩnh Hội, bến Vân Đồn, phường 8, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ thêu.

---

(111) **4-0093707**
(210) 4-2005-11087
(181) 29.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CELFUZINE

(151) 25.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
90B/12C Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093708**
(210) 4-2005-08330
(181) 07.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 07.07.2005

(531) 26.1.2; 26.4.2
(591) Xanh lá cây, đỏ, vàng cam, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH CHƯƠNG NGUYỄN (VN)
33/15A hương lộ 14, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 04: Chất bôi trơn có thành phần chống gỉ sét.

---

(111) **4-0093709**
(210) 4-2005-09109
(181) 22.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ideavietnam

(151) 25.12.2007
(220) 22.07.2005

(591) Xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC & XÂY DỰNG Ý TƯỞNG (VN)
Số nhà 3, ngõ 378, đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Kinh doanh (mua bán) vật liệu xây dựng; kinh doanh (mua bán) máy móc thiết bị và máy móc xây dựng, đồ gia dụng; tư vấn lập dự án và quản lý dự án.

Nhóm 37: Xây dựng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; tư vấn thông tin về xây dựng; tư vấn giám sát xây dựng công trình; tư vấn vận hành bảo trì công trình.

Nhóm 39: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa, quốc tế.

---

(111) **4-0093710**
(210) 4-2006-18279
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CARTISAFE

(151) 25.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093711**
(210) 4-2005-09592
(181) 02.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NOMUZA

(151) 25.12.2007
(220) 02.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe gắn máy, động cơ xe gắn máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0093712**
(210) 4-2005-09593
(181) 02.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LENOVA

(151) 25.12.2007
(220) 02.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe gắn máy, động cơ xe gắn máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0093713**
(210) 4-2005-09594
(181) 02.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

WAISTR

(151) 25.12.2007
(220) 02.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe gắn máy, động cơ xe gắn máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0093714**
(210) 4-2005-09595
(181) 02.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

WAIST

(151) 25.12.2007
(220) 02.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe gắn máy, động cơ xe gắn máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0093715**
(210) 4-2006-17603
(181) 19.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ROCSASYNE

(151) 25.12.2007
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093716**
(210) 4-2006-17604
(181) 19.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SAR-RYUM

(151) 25.12.2007
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO (VN)
Nhà 28, ngõ 178, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093717**
(210) 4-2006-17609
(181) 19.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 25.12.2007
(220) 19.10.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12; A26.11.8
(591) Đỏ, xanh xám, xanh lam, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TUẤN KHẢI (VN)
240 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm, xà phòng.

---

(111) **4-0093718**
(210) 4-2006-18311
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DECOFLUFORT

(151) 25.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG VIỆT (VN)
P10-A1 Bắc Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0093719**
(210) 4-2006-18312
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SUPERBRAIN

(151) 25.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG VIỆT (VN)
P10-A1 Bắc Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0093720**
(210) 4-2005-08860
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KEMODYN

(151) 25.12.2007
(220) 04.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Số 15, đường 7C, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093721**
(210) 4-2005-03561
(181) 01.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

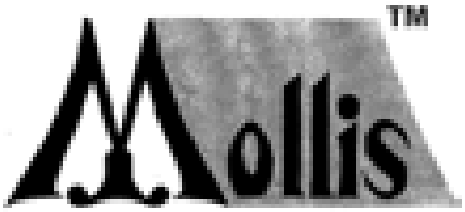

(151) 26.12.2007
(220) 01.04.2005

(531) 26.4.4; A7.1.11
(731) CÔNG TY DỆT PHONG PHÚ (VN)
Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Khăn bông.

---

(111) **4-0093722**
(210) 4-2005-03563
(181) 01.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 01.04.2005

(531) 26.4.2
(591) Trắng, vàng, xanh dương, xanh tím, xanh lơ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC AN (VN)
ấp Bình Đường, xã An Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Mực in.

---

(111) **4-0093723**
(210) 4-2005-03580
(181) 01.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 01.04.2005

(531) A1.1.10; 26.1.1
(731) CƠ SỞ GIA THÀNH (VN)
1085 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh dùng trong nhà tắm và nhà vệ sinh (bồn rửa mặt, bồn tắm, bồn cầu, vòi nước, bình nước nóng và ấm điện).

---

(111) **4-0093724**
(210) 4-2005-05162
(181) 05.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 05.05.2005

(531) 26.1.2; 26.4.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; tập (vở) học sinh; bút (viết); mực viết máy; phấn viết bảng.

---

(111) **4-0093725**
(210) 4-2005-05163
(181) 05.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 05.05.2005

(531) 26.1.1
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG (VN)
190 Lạc Long Quân, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bao bì bằng nhựa PE; bao bì bằng nhựa PEHD; bao bì bằng nhựa BOPP; màng phức hợp (màng mỏng có nhiều lớp chất dẻo dùng để bao gói).

Nhóm 17: Tấm màng nhựa đi mưa; tấm màng nhựa in hoa; tấm màng nhựa không in hoa; ống nước bằng nhựa mềm.

Nhóm 18: Tấm giả da có lót vải; tấm giả da không lót vải; cặp sách; túi sách.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại.

Nhóm 25: Quần áo đi mưa; giày nhựa; dép nhựa.

---

(111) **4-0093726**
(210) 4-2005-06516
(181) 02.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 02.06.2005

(531) A2.5.22; 26.1.2; 26.4.2
(591) Đen, đỏ, kem, xanh lá cây, xanh nõn chuối
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3 và II-5, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì, hủ tiếu, bún, phở ăn liền thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093727**
(210) 4-2005-06517
(181) 02.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

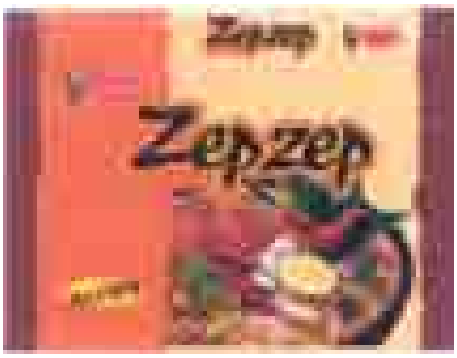

(151) 26.12.2007
(220) 02.06.2005

(531) A2.5.22; 26.1.2; 8.7.5
(591) Đen, trắng, vàng, xanh lá cây, đỏ, cam, nâu đỏ, tím, nâu, xanh đen
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3 và II-5, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì, hủ tiếu, bún, phở ăn liền thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093728**
(210) 4-2005-06518
(181) 02.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

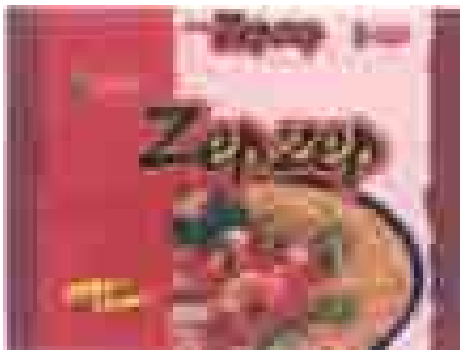

(151) 26.12.2007
(220) 02.06.2005

(531) A2.5.22; 26.1.2; 8.7.5
(591) Đỏ, đen, vàng, nâu, xanh lá cây, trắng, tím, kem, xanh đen
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3 và II-5, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì, hủ tiếu, bún, phở ăn liền thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093729**
(210) 4-2005-05160
(181) 05.05.2015
(300) 004206421 13.12.2004 EM
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 05.05.2005

(531) A5.5.21; 25.1.15; 25.12.1; 4.5.21
(591) Xanh dương đậm, trắng, xám, xám nhạt, đỏ, vàng
(731) PERNOD RICARD, A FRENCH SOCIETE ANONYME (FR)
12, place des Etats-Unis, 75016 Paris, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia).

---

(111) **4-0093730**
(210) 4-2005-02777
(181) 17.03.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 17.03.2005

(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG HƯƠNG (VN)
Số 6A, ngách 29, ngõ 162, phố Lê Trọng Tấn, Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Rau, củ và quả đã qua chế biến; rau, củ và quả ngâm dấm.

Nhóm 30: Nước chấm (có nguồn gốc chủ yếu từ thực vật); nước xốt; gia vị; tương ớt; xa tế.

---

(111) **4-0093731**
(210) 4-2006-08134
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CAMELO

(151) 26.12.2007
(220) 26.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHÂU Á (VN)
307H Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093732**
(210) 4-2006-08183
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 26.05.2006

(531) 26.3.23; A5.3.14; A7.5.8
(591) Xanh dương, nâu, trắng
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÕ ĐÌNH (VN)
104 Phan Xích Long, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 37: Tư vấn xây dựng; tư vấn thi công xây dựng; dịch vụ xây dựng dân dụng, dịch vụ xây dựng công nghiệp.

---

(111) **4-0093733**
(210) 4-2006-10451
(181) 05.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ÉLOGE

(151) 26.12.2007
(220) 05.07.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, xà phòng, nước rửa chén, buôn bán bánh, kẹo, gạo, chè, caphê, cacao, sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt cá, gia cầm, trứng, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bia, rượu.

---

(111) **4-0093734**
(210) 4-2006-10452
(181) 05.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ÉLOGE

(151) 26.12.2007
(220) 05.07.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thú y và vệ sinh, thuốc đông y, chất ăn kiêng trong ngành y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, sản phẩm vệ sinh cá nhân có chứa thuốc.

---

(111) **4-0093735**
(210) 4-2006-11673
(181) 24.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

fudo

(151) 26.12.2007
(220) 24.07.2006

(731) ORIENTAL FOOD INDUSTRIES SDN.BHD. (MY)
No.65, Jalan Usaha 7, Air Keroh Industrial Estate, 75450 Melaka, Malaysia
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè (trà); ca cao; đường; gạo; bánh quy; bánh kem; bánh có nhân; kẹo; bột ngô.

---

(111) **4-0093736**
(210) 4-2006-13815
(181) 22.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PRESENZA

(151) 26.12.2007
(220) 22.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THIÊN PHÚ (VN)
Số 22 Nguyễn Huy Tự, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Dây cáp điện; cầu dao tự động (aptomat); công tắc điện; ổ cắm điện; phích cắm điện; tủ bảng điện điều khiển và bảo vệ cho trạm điện đến 500 kv; các loại tủ điện phân phối; tủ tụ bù; thiết bị phân phối điện lưới; trạm phân phối điện trọn bộ.

---

(111) **4-0093737**
(210) 4-2006-04051
(181) 21.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 21.03.2006

(591) Vàng nhạt, vàng đậm, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU PHÁT TRIỂN (VN)
119 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Dây xích công - nông nghiệp (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ).

---

(111) **4-0093738**
(210) 4-2006-03952
(181) 21.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 21.03.2006

(531) 24.9.1; A26.11.12
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ CƯỜNG (PHU CUONG TRADING AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY - PHU CUONG TRACOIN.,JSC) (VN)
Số 27 ngõ 583 đông Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Cánh cửa gỗ (gỗ tự nhiên + gỗ công nghiệp).

---

(111) **4-0093739**
(210) 4-2006-12019
(181) 26.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OPOY

(151) 26.12.2007
(220) 26.07.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093740**
(210) 4-2006-15689
(181) 18.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SNELZIN

(151) 26.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

(111) **4-0093741**
(210) 4-2005-02387
(181) 08.03.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

STREPCILINE

(151) 26.12.2007
(220) 08.03.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ PHÁP (VN)
Số 6, ngõ 45 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093742**
(210) 4-2005-03710
(181) 06.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) 1.15.23
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUẢNG CÁO ILU (VN)
185 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng thực hiện, nhà hàng ăn uống, quán bar, quán cà phê.

---

(111) **4-0093743**
(210) 4-2005-12980
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ARTHROSAMIN

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093744**
(210) 4-2005-12981
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HIVULADIN

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093745**
(210) 4-2005-12982
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

EBASITIN

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093746**
(210) 4-2005-12983
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

RHINESTIN

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093747**
(210) 4-2005-12984
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ACIFUSI

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093748**
(210) 4-2005-12985
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FUSACID

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093749**
(210) 4-2005-12986
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FUSADAT

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093750**
(210) 4-2005-12987
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEFOPAMOL

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093751**
(210) 4-2005-12988
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEPAMOL

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093752**
(210) 4-2005-12989
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BILOBRAIN

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093753**
(210) 4-2005-12990
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GINGKOBILON

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093754**
(210) 4-2005-12991
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

OPEGLUCINOL

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093755**
(210) 4-2005-12992
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SPAPROOF

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093756**
(210) 4-2005-12993
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

OPECRIVAS

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093757**
(210) 4-2005-12994
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

OPEFLOXIM

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093758**
(210) 4-2005-12995
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

OPEMOXIF

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093759**
(210) 4-2005-12996
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CATEGESIC

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093760**
(210) 4-2005-12997
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DOLCETIN

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093761**
(210) 4-2006-04052
(181) 21.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

YO-US

(151) 26.12.2007
(220) 21.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA CÔNG NGHỆ CAO VIỆT NAM - US (VN)
Lô 32-34-36, đường số 5, khu công nghiệp Tân Đức, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

---

(111) **4-0093762**
(210) 4-2006-05008
(181) 05.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 05.04.2006

(531) 26.7.5; 26.1.1; 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH ÁO CƯỚI ÁNH LINH (VN)
20 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo cưới.

Nhóm 41: Dịch vụ chụp hình.

Nhóm 45: Cho thuê đồ cưới (cho thuê quần áo cưới).

---

(111) **4-0093763**
(210) 4-2006-01398
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) A25.3.7; A25.1.10
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM (VN)
Lô K4C, đường số 4, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Cá viên; thạch trái cây; tương (sốt) cà; trái cây sấy khô; hạt điều đã chế biến; mứt trái cây.

Nhóm 30: Cà phê; phở; mì; bún gạo; hủ tíu; sốt trộn xà lách; sốt mayonnaise; bột nêm (gia vị); tương (sốt) ớt; tương (sốt) me (gia vị dạng dệt gồm muối, đường, me có vị chua ngọt); sốt lẩu Thái (gia vị có vị chua cay dùng để nấu lẩu); mù tạc (mustard); bột wasabi (một loại gia vị của Nhật dạng sệt màu xanh có vị cay nồng dùng để ăn với các loại thịt sống); tương dấm đường (gia vị hỗn hợp dạng lỏng hơi sánh làm từ đường, dấm ăn, cà chua, dầu mè và có vị chua cay); tương tiêu đen (gia vị hỗn hợp dạng sệt gồm tiêu đen, đường, muối, xì dầu).

Nhóm 39: Dịch vụ đóng gói bao bì sản phẩm.

---

(111) **4-0093764**
(210) 4-2006-08563
(181) 02.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 02.06.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2
(591) Trắng, đỏ, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN NAM VIỆT (VN)
275/6/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán vật liệu làm cửa sắt - panô; mua bán hàng trang trí nội thất.

---

(111) **4-0093765**
(210) 4-2006-00324
(181) 09.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 09.01.2006

(531) 24.5.5; A5.1.12; 26.1.2; A24.5.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUÝ (VN)
Thôn Tân Thành 1, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 19: Gỗ xây dựng; tấm ván sàn; thanh gỗ ốp tường; gỗ dùng để làm đồ đạc trong nhà; gỗ bán gia công; gỗ dán.

---

(111) **4-0093766**
(210) 4-2006-00724
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 16.01.2006

(531) 26.1.2; A19.3.21
(591) Ghi xám, vàng, đỏ, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THUẬN PHONG (VN)
114-116-118 Tuy Lý Vương, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Keo dán dùng trong gia đình và văn phòng.

---

(111) **4-0093767**
(210) 4-2006-00729
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 16.01.2006

(531) A19.3.21; 26.1.2
(591) Ghi xám, vàng, đỏ, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THUẬN PHONG (VN)
114-116-118 Tuy Lý Vương, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Keo dán dùng trong gia đình và văn phòng.

---

(111) **4-0093768**
(210) 4-2006-01396
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TÂN Á

(151) 26.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CƠ SỞ TÂN Á (VN)
Thôn Đại Tự, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 06: Két bạc; két bảo mật bằng sắt.

---

(111) **4-0093769**
(210) 4-2006-04424
(181) 27.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ILDONGSTAR

(151) 26.12.2007
(220) 27.03.2006

(731) ILDONG PHARMACEUTICAL CO., LTD. (KR)
Seocho P.O. Box 288 #60, Yangjae-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093770**
(210) 4-2006-05416
(181) 10.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 10.04.2006

(531) A26.11.12; 26.1.1
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (VN)
Số 21, đường 2A, KCN Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu.

---

(111) **4-0093771**
(210) 4-2006-05417
(181) 10.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 10.04.2006

(531) A26.11.12; 26.1.1
(591) Đỏ đậm, nhũ bạc, trắng, đỏ
(731) TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (VN)
Số 21, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu.

---

(111) **4-0093772**
(210) 4-2006-05556
(181) 12.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SAO MAI

(151) 26.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) CƠ SỞ BÀ BA (VN)
70 H - thôn Long Nguyên, thị trấn Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

(511) Nhóm 29: Mắm ruốc các loại.

---

(111) **4-0093773**
(210) 4-2006-00162
(181) 05.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ALPO

(151) 26.12.2007
(220) 05.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI BẰNG GIANG (VN)
35A Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy ôzôn hoá.

---

(111) **4-0093774**
(210) 4-2005-12998
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FOCYAVIT

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093775**
(210) 4-2005-12999
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BENZOXID

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093776**
(210) 4-2005-13000
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MIDOSINUS

(151) 26.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093777**
(210) 4-2005-13109
(181) 05.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

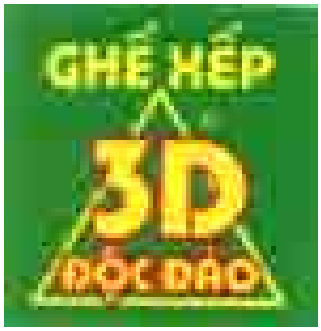

(151) 26.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 26.3.1
(591) Xanh lá cây, vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - QUẢNG CÁO MINH THÀNH (VN)
108 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 20: Ghế xếp; ghế; bàn.

---

(111) **4-0093778**
(210) 4-2005-15051
(181) 09.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MUCINEX

(151) 26.12.2007
(220) 09.11.2005

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093779**
(210) 4-2005-16936
(181) 13.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

La Vie en Rose

(151) 26.12.2007
(220) 13.12.2005

(731) LA VIE EN ROSE INTERNATIONAL INC (CA)
4320, Pierre-de-Coubertin, Montréal, Province of Québec, Canada, H1V 1A6
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Áo choàng tắm, áo ngủ ngắn, coocxê (xu chiêng), quần áo (quần áo mặc ở nhà, quần áo mặc đi du lịch), áo choàng mặc trong nhà, nịt bít tất, quần áo nịt (quần áo bó thân), trang phục dệt kim, quần áo ngủ, váy áo lót (đồ lót) quần áo trong (áo chẽn), quần áo lót, áo ngủ của đàn ông, quần lót ống rộng của đàn ông (quần đùi), váy đầm mặc ở nhà, quần áo mặc ở nhà, quần áo mặc bên ngoài đồ mặc bên trong.

Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ: quần áo dùng cho đàn ông và đàn bà, đồ ngủ, đồ lót và quần áo nói chung.

---

(111) **4-0093780**
(210) 4-2005-16145
(181) 30.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 30.11.2005

(531) 24.13.1; 24.17.5; 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh đậm, vàng nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO ỨNG DỤNG APROTRAIN (APROTRAIN CORP.) (VN)
Tầng 4, số 285 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Thẻ thanh toán tiền học phí làm bằng chất dẻo phi từ tính, bìa cứng hoặc giấy (tất cả thuộc nhóm này).

Nhóm 36: Dịch vụ thẻ thanh toán học phí.

---

(111) **4-0093781**
(210) 4-2006-08184
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 26.05.2006

(531) 26.2.1; 26.11.3; A26.11.6; A26.11.12; 26.4.4
(591) Ghi xám, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÕ ĐÌNH (VN)
104 Phan Xích Long, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Dàn giáo bằng kim loại dùng trong xây dựng.

Nhóm 19: Tấm panen bằng nhựa dùng trong xây dựng, cốp pha bằng nhựa dùng cho đúc bê tông.

---

(111) **4-0093782**
(210) 4-2006-22715
(181) 26.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAXIMUM FARM

(151) 26.12.2007
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH GREENFEED (VN)
Xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng nông sản, đại lý xuất nhập khẩu, đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 39: Dịch vụ kho bãi, đóng gói, lưu giữ và bảo quản hàng hoá.

Nhóm 42: Nghiên cứu về thực phẩm và con giống.

---

(111) **4-0093783**
(210) 4-2006-22717
(181) 26.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GREENTRAK

(151) 26.12.2007
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH GREENFEED (VN)
Xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ kiểm soát chất lượng quá trình chăn nuôi.

---

(111) **4-0093784**
(210) 4-2006-03951
(181) 21.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 21.03.2006

(531) 24.9.1; A26.11.12
(591) Xanh, đỏ, vàng nhũ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ CƯỜNG (PHU CUONG TRADING AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY - PHU CUONG TRACOIN.,JSC) (VN)
Số 27 ngõ 583 đông Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Cánh cửa gỗ (gỗ tự nhiên + gỗ công nghiệp).

---

(111) **4-0093785**
(210) 4-2006-20934
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THƯ CẨN

(151) 26.12.2007
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TÂY ĐÔ (VN)
135 đường Trường Chinh, thị trấn Thắng, Hiệp Hoà, Bắc Giang

(511) Nhóm 35: Mua bán bia, nước giải khát, sản phẩm kim khí, điện máy, điện tử, điện dân dụng, phụ tùng xe máy, máy nông nghiệp, xe gắn máy, hàng tiêu dùng, mua bán ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0093786**
(210) 4-2006-20935
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 30.11.2006

(531) 1.5.1; 25.1.15
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TÂY ĐÔ (VN)
135 đường Trường Chinh, thị trấn Thắng, Hiệp Hoà, Bắc Giang

(511) Nhóm 32: Bia.

---

(111) **4-0093787**
(210) 4-2006-20938
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VILAKEN

(151) 26.12.2007
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TÂY ĐÔ (VN)
135 đường Trường Chinh, thị trấn Thắng, Hiệp Hoà, Bắc Giang

(511) Nhóm 32: Bia, đồ uống không cồn, nước ép hoa quả, nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0093788**
(210) 4-2007-01951
(181) 26.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

CON CÔNG
PEAFOWL

(151) 26.12.2007
(220) 26.01.2007

(531) 3.7.4; 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI LỬA VIỆT NAM (VN)
Số 372 đường 10, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 11: Bếp than tổ ong; bếp đốt tiền vàng; bếp ga.

---

(111) **4-0093789**
(210) 4-2005-07415
(181) 21.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

AQUARIUS

(151) 26.12.2007
(220) 21.06.2005

(531) 3.7.17; 26.3.23
(591) Xanh dương, ghi nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ PHƯƠNG NGUYỄN LÂM (VN)
Tầng lửng khách sạn Majestic, số 1 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Đại lý bán vé máy bay, tàu cao tốc và tàu lửa hưởng hoa hồng; mua bán hoa tươi; mua bán cây cảnh; mua bán quà lưu niệm; mua bán tranh ảnh; cho thuê quà lưu niệm; cho thuê tranh ảnh.

Nhóm 41: Tư vấn du học; dịch vụ tổ chức hội nghị; dịch vụ tổ chức hội thảo.

Nhóm 44: Cho thuê hoa tươi; cho thuê cây cảnh.

---

(111) **4-0093790**
(210) 4-2005-12092
(181) 16.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 16.09.2005

(531) A26.4.6
(591) Trắng, xanh tím, xanh dương, vàng, da cam
(731) PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED (TH)
729/68-72 Rachadapisek Road, Bangphong-phang, Yannawa, Bangkok 10120, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Gia vị; men; bột nở; bột; dấm; nước xốt.

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch; hoạt động văn phòng; tổ chức hội chợ nhằm mục đích thương mại hoặc mục đích quảng cáo; mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; mua bán hàng lưu niệm; mua bán sản phẩm thời trang; mua bán hàng nội thất; mua bán lương thực thực phẩm.

Nhóm 43: Cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng thực hiện; cửa hàng phục vụ thức ăn nhanh; nhà hàng ăn uống; quán cà phê; quán ăn tự phục vụ; quán bar.

---

(111) **4-0093791**
(210) 4-2005-13654
(181) 17.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SPECIALIST

(151) 26.12.2007
(220) 17.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; mứt; kẹo; trà; cà phê; bột ngũ cốc.

(111) **4-0093792**
(210) 4-2005-13811
(181) 19.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 19.10.2005

(531) 26.13.25
(591) Trắng, xanh cốm, da cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOA MỸ (VN)
B5/19, đường Trần Đại Nghĩa, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 20: Sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cụ thể là: bàn; ghế, tủ; giường.

---

(111) **4-0093793**
(210) 4-2005-15059
(181) 09.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

YELTU

(151) 26.12.2007
(220) 09.11.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 30 - CÔNG TY ĐẦU TƯ MIỀN ĐÔNG (VN)
Số 302, Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093794**
(210) 4-2005-15060
(181) 09.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TOSUY

(151) 26.12.2007
(220) 09.11.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 30 - CÔNG TY ĐẦU TƯ MIỀN ĐÔNG (VN)
Số 302, Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093795**
(210) 4-2005-15448
(181) 16.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAVORNIN

(151) 26.12.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN ANH (VN)
577 Trường Chinh, xã Quán Trữ, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 20: Đệm mút; đệm lò xo.

---

(111) **4-0093796**
(210) 4-2005-15449
(181) 16.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SYLADY

(151) 26.12.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN ANH (VN)
577 Trường Chinh, xã Quán Trữ, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 20: Đệm mút; đệm lò xo.

---

(111) **4-0093797**
(210) 4-2005-15450
(181) 16.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HOKYNOS

(151) 26.12.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN ANH (VN)
577 Trường Chinh, xã Quán Trữ, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 20: Đệm mút; đệm lò xo.

---

(111) **4-0093798**
(210) 4-2005-16813
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

AODI

(151) 26.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN ANH (VN)
577 Trường Chinh, Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 20: Đệm mút.

---

(111) **4-0093799**
(210) 4-2005-16835
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DEW

(151) 26.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.2.1
(731) KABUSHIKI KAISHA KANEBO KESHOHIN (Kanebo Cosmetics Inc.) (JP)
11-2, Toranomon 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Chất để tẩy trắng và các chất khác để giặt; chất để tẩy rửa, đánh bóng, tẩy dầu mỡ và mài mòn; xà phòng; nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm, nước xúc tóc; thuốc đánh răng.

Nhóm 21: Dụng cụ và đồ chứa dùng cho gia đình hoặc bếp núc (không làm bằng kim loại quý hoặc mạ bằng những kim loại ấy); lược và bọt biển; bàn chải (không kể bút lông); vật liệu dùng làm bàn chải; đồ lau dọn; sợi thép rối; thuỷ tinh thô hoặc bán thành phẩm (trừ kính dùng trong xây dựng); đồ thủy tinh, sành và sứ không xếp vào các nhóm khác.

---

(111) **4-0093800**
(210) 4-2005-16964
(181) 13.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 13.12.2005

(531) A5.3.14
(591) Trắng, da cam, da cam nhạt
(731) QUÁN ĂN VƯỜN PHỐ 2 (VN)
A2 đường Phan Đình Giót, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; quán phục vụ ăn uống.

---

(111) **4-0093801**
(210) 4-2006-05823
(181) 14.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 14.04.2006

(531) 5.3.11; A5.3.14; A5.3.15; 25.1.6
(591) Đen, đỏ, vàng, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐỨC VĨNH (VN)
61/42 khu phố 1, Mã Lò, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị nấu nướng.

---

(111) **4-0093802**
(210) 4-2006-22714
(181) 26.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 26.12.2006

(531) 26.4.1; 26.4.8
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI NGÂN LONG (VN)
25A Hậu Giang, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Điện thoại; thiết bị viễn thông; điện thoại di động và điện thoại cố định vô tuyến; thiết bị tin học; máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính.

---

(111) **4-0093803**
(210) 4-2006-05929
(181) 18.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 18.04.2006

(531) 26.1.1; 26.7.25
(591) Đỏ, xanh dương, trắng, xám
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SÔNG LỤC (VN)
A21 Dương Quảng Hàm, phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Xây dựng dân dụng; xây dựng cầu đường, thuỷ lợi, công trình giao thông; san lấp mặt bằng.

---

(111) **4-0093804**
(210) 4-2006-07437
(181) 15.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 15.05.2006

(591) Vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ SẮC ĐẸP PHÁP VIỆT (VN)
Số 10, phố Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm trang điểm; son môi; tinh dầu loại bỏ tế bào ở vùng mắt; nước thơm dùng cho da; dầu thơm dùng cho da; kem và gel dùng cho vùng mắt; kem và gel dưỡng da; kem và gel dưỡng chân và tay; mặt nạ trang điểm; sữa rửa mặt làm sạch và trắng da; kem dùng cho tế bào da; kem che khuyết điểm và làm trắng da; kem chống nắng và làm trắng da; dầu, kem, nước và gel dưỡng tóc; dầu gội đầu; dầu gội giữ màu cho tóc; thuốc nhuộm tóc; dầu gội đầu dành cho em bé, sữa tắm dành cho em bé; nước hoa; huyết thanh chống nhăn và chống lão hóa dành cho da (mỹ phẩm), huyết thanh trị mụn chứng cá (mỹ phẩm), huyết thanh làm trắng da (mỹ phẩm), huyết thanh chống nhăn và làm săn da (mỹ phẩm), huyết thanh điều tiết độ PH cho da dành cho da hỗn hợp hoặc da nhờn (mỹ phẩm), huyết thanh nuôi dưỡng tế bào (mỹ phẩm), gel làm bong các sắc tố yếu hoặc chết trên da mặt, trên người và trên tay; tất cả các sản phẩm kể trên không chứa dược chất.

Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc.

Nhóm 35: Đại lý mua bán các sản phẩm và thiết bị làm đẹp, vệ sinh, chăm sóc tóc và chăm sóc da; đại lý mua bán mỹ phẩm, nước hoa, các sản phẩm khác liên quan tới dịch vụ chăm sóc sắc đẹp; mua bán các sản phẩm dược.

Nhóm 44: Cung cấp dịch vụ chăm sóc sắc đẹp như chăm sóc da, cắt tóc, uốn tóc và chăm sóc tóc.

---

(111) **4-0093805**
(210) 4-2006-19455
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 13.11.2006

(531) A26.11.12
(591) Vàng cam, xanh dương, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÒA ĐẶNG PHÁT (VN)
183/15/29 Xuân 68, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; mũ nón; giày dép; tất (vớ).

---

(111) **4-0093806**
(210) 4-2006-07456
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CỰ THÀNH

(151) 26.12.2007
(220) 16.05.2006

(731) TRỊNH HOÀNG VÂN (VN)
60 Hàng Gai, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn, quần áo may đo, áo vét, váy, khăn choàng bằng tơ tằm, ca-vát.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu quần áo, cavát, khăn tơ tằm.

Nhóm 40: May quần áo, dịch vụ thêu thùa, xử lý gia công vải, cắt vải, may trần vải.

---

(111) **4-0093807**
(210) 4-2006-09812
(181) 23.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 23.06.2006

(531) 26.4.1
(591) Trắng, xanh, vàng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG PHƯƠNG HUYỀN (VN)
Tổ 18 phường Tân Thịnh, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

(511) Nhóm 30: Sản phẩm chè uống.

---

(111) **4-0093808**
(210) 4-2006-10132
(181) 29.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ITADIXIC

(151) 26.12.2007
(220) 29.06.2006

(731) MEDEXPORT ITALIA (IT)
Via Alcide De Gasperi 35, 00165 - Rome - Italy
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0093809**
(210) 4-2006-17276
(181) 13.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KYUNGSOL

(151) 26.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093810**
(210) 4-2006-17277
(181) 13.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HABETA

(151) 26.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093811**
(210) 4-2006-18673
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THIOLON LSR

(151) 26.12.2007
(220) 01.11.2006

(731) TEN CATE THIOLON B.V. (NL)
G. van der Muelenweg 2, Nijverdal, Netherlands, 7443 RE
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 23: Sợi để dệt thảm cỏ nhân tạo dùng cho các sân chơi; sợi dệt cỏ nhân tạo.

---

(111) **4-0093812**
(210) 4-2006-19490
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SYNTEKO

(151) 26.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) AKZO NOBEL COATINGS INTERNATIONAL B.V. (NL)
Velperweg 76, 6824 BV Arnhem, The Netherlands
(740) Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế (TOP & PARTNERS CO.,LTD)

(511) Nhóm 01: Keo dính dùng trong công nghiệp.

Nhóm 02: Bột màu và sơn.

---

(111) **4-0093813**
(210) 4-2006-20936
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KENVINA

(151) 26.12.2007
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TÂY ĐÔ (VN)
135 đường Trường Chinh, thị trấn Thắng, Hiệp Hoà, Bắc Giang

(511) Nhóm 32: Bia, đồ uống không cồn, nước ép hoa quả, nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0093814**
(210) 4-2005-07041
(181) 14.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 14.06.2005

(531) 7.11.1; 7.1.24
(591) Đỏ, vàng, vàng nghệ, xanh tím than, xanh da trời, xanh lá cây, đen, trắng, hồng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG, SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI SÔNG HỒNG (VN)
159 phố Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn, sơn dân dụng và công nghiệp (không bao gồm sơn cách điện và cách nhiệt); mực in, chất màu.

---

(111) **4-0093815**
(210) 4-2006-15837
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NYSTOVAL

(151) 26.12.2007
(220) 20.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9 H17 tổ 48 Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093816**
(210) 4-2006-15910
(181) 21.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BOCKSAN

(151) 26.12.2007
(220) 21.09.2006

(531) A26.3.5; 26.3.2
(731) CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ VIỆT NHẬT (VN)
Số 10, ngõ 56 phố Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Trang thiết bị âm thanh: loa; tăng âm; máy điều chỉnh cân bằng tần số (equalizer); đầu máy karaoke; đầu đọc đĩa CD; đầu đọc đĩa hình VCD; đầu đọc đĩa hình DVD; tivi.

(111) **4-0093817**
(210) 4-2006-19436
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEFIPRAZOL

(151) 26.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093818**
(210) 4-2006-19438
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DEXAXYLO

(151) 26.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093819**
(210) 4-2006-19439
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

XYLOMETASONE

(151) 26.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093820**
(210) 4-2006-04658
(181) 30.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 26.12.2007
(220) 30.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MẸ VÀ BÉ (VN)
Số 9 Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Giấy; tã giấy; tạp chí.

Nhóm 35: Mua bán quần áo, giày dép, thực phẩm, đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ chơi, hoá mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093821**
(210) 4-2006-01395
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 26.4.3; A7.1.12
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ TRỌNG (VN)
Phố Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn nước dùng trong xây dựng (thuộc nhóm này và không phải là sơn cách điện, cách nhiệt); sơn dầu (thuộc nhóm này và không phải là sơn cách điện, cách nhiệt); chất tạo màu (thuộc nhóm này); vecni (thuộc nhóm này); chất nhuộm màu cho gỗ (thuộc nhóm này); mát tít (nhựa tự nhiên) thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Bột trét tường dùng trong xây dựng; vật liệu xây dựng phi kim loại; chất để trát (vật liệu xây dựng); vữa dùng cho xây dựng; hỗn hợp kết dính (thuộc nhóm này) dùng để xây đá; lớp áo tường, không bằng kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0093822**
(210) 4-2005-05338
(181) 10.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 10.05.2005

(531) A26.11.12; 1.15.23
(731) RITEK CORPORATION (TW)
No. 42, Kuanfu N. Road, Hsin Chu Industrial Park, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Đĩa quang học; đĩa mềm dạng nhỏ; đĩa từ quang học; cạc nhớ cực nhanh (máy tính); bộ nhớ dạng thanh (máy tính); ổ đĩa của bộ nhớ cực nhanh (máy tính); đầu đọc có cạc nhớ (máy tính); đầu tiếp hợp có cạc nhớ (máy tính); đầu đĩa compact và đầu video kỹ thuật số; đầu ghi đĩa compact và ghi băng video kỹ thuật số; đầu thu băng video kỹ thuật số; máy quay đĩa compact và máy quay băng video kỹ thuật số; đầu đĩa kỹ thuật số đa năng; máy in của máy vi tính.

---

(111) **4-0093823**
(210) 4-2006-01333
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI LA HOÀNG (VN)
137/58T Âu Dương Lân, phường 2, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093824**
(210) 4-2006-05821
(181) 14.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 14.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH VN GREEN (VN)
90A/B 73-74-75-76-77 đường Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Bột canxi thiên nhiên (dùng để bảo quản thực phẩm, khử mùi chất hữu cơ và phân huỷ chất hữu cơ) và hoá chất cải tạo đất.

---

(111) **4-0093825**
(210) 4-2006-05822
(181) 14.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 14.04.2006

(531) 26.4.2; A26.11.13; 3.11.7
(591) Vàng cam, vàng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH VN GREEN (VN)
90A/B 73-74-75-76-77 đường Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Bột canxi thiên nhiên (dùng để bảo quản thực phẩm, khử mùi chất hữu cơ và phân huỷ chất hữu cơ) và hoá chất cải tạo đất.

---

(111) **4-0093826**
(210) 4-2005-09235
(181) 26.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BINEXJAJINKO

(151) 27.12.2007
(220) 26.07.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093827**
(210) 4-2005-09239
(181) 26.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BINEXBILALUS

(151) 27.12.2007
(220) 26.07.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093828**
(210) 4-2005-09240
(181) 26.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CALIBONE-ETEX

(151) 27.12.2007
(220) 26.07.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093829**
(210) 4-2006-00726
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIÊN PHÁT

(151) 27.12.2007
(220) 16.01.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LIÊN PHÁT (VN)
143 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 06: Lưới thép; rọ đá bằng thép.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán rọ đá bằng thép; mua bán lưới thép.

---

(111) **4-0093830**
(210) 4-2006-00727
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SCD co.,ltd.

(151) 27.12.2007
(220) 16.01.2006

(531) 1.15.23; 26.4.2
(591) Xanh lá cây, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN-THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ ĐO ĐẠC S.C.D (VN)
20/7A Quách Vũ, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 42: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế quy hoạch; thiết kế trang trí nội thất và ngoại thất; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0093831**
(210) 4-2006-01349
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SECALLEX

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093832**
(210) 4-2006-01350
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BENTALEX

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093833**
(210) 4-2006-01351
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SETOREN

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093834**
(210) 4-2006-01352
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PRODAGE

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093835**
(210) 4-2006-01353
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GUMELTINE

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093836**
(210) 4-2006-01354
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MARTOCO

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093837**
(210) 4-2006-01355
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANYCOUGH

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093838**
(210) 4-2006-01356
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NANOCLA

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093839**
(210) 4-2005-13050
(181) 05.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 26.4.4; 26.4.9
(591) Trắng, đỏ, xanh lam, xanh lá cây
(731) CHINA UNIONPAY CO., LTD. (CN)
No. 498 Guoshoujing Road, Pudong, Shanghai, China 201203
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính; thiết bị ngoại vi máy tính; phần mềm máy tính (đã ghi sẵn); phần mềm máy tính đã được mật hoá; phím khoá mật mã; giấy chứng nhận số (thẻ số); chữ ký số; phần mềm bảo mật lưu trữ và phục hồi dữ liệu và truyền các thông tin khách hàng bí mật được các cá nhân, các cơ quan tài chính và ngân hàng sử dụng; khoá chuyển đổi và hệ thống trao đổi thông tin thẻ liên ngân hàng (phần mềm máy tính (đã ghi sẵn); máy tính toán; thiết bị xử lý dữ kiện; phương tiện truyền thông dữ kiện từ tính; thiết bị ghi,

truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; ấn phẩm điện tử có thể tải xuống được; bảng thông báo bằng điện tử; bộ vi xử lý; màn hình (phần cứng máy tính); máy in chỉ dùng với máy thu hình; bộ quét hình/máy scan (thiết bị xử lý dữ kiện); kính ngắm dùng cho súng; phần mềm máy tính cho phép sử dụng thẻ ngân hàng hoặc thẻ thông minh để tương tác với thiết bị đầu cuối và bộ đọc thẻ; thiết bị điện tử dùng để đọc thẻ và đọc thông tin lưu trữ trong con chip máy vi tính; thẻ nạp tiền, thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán đã được mã hoá bằng từ tính; thẻ mạch tích hợp (thẻ thông minh); thẻ căn cước từ tính; bộ đọc thẻ dùng cho thẻ đã mã hoá bằng từ tính và thẻ chứa một con chip mạch tích hợp; thiết bị kiểm tra bằng điện tử dùng để xác nhận thẻ nạp tiền, thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán; thiết bị máy vi tính dùng để quản lý dữ liệu; máy đếm; thiết bị chỉ báo số lượng; thiết bị ghi thời gian; máy tính tiền; máy bán hàng tự động; máy phân phối vé; máy rút tiền tự động; hệ thống ghi điểm của máy bán hàng; cơ cấu dùng cho thiết bị làm việc khi bỏ vào đó tiền xu; máy đếm tiền và máy phân loại tiền; máy phát hiện tiền giả; máy ghi nhớ séc; bơm xăng dầu tự điều chỉnh được điều khiển bởi chương trình máy tính.

Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm; môi giới bảo hiểm; dịch vụ bảo hiểm du lịch; dịch vụ tài chính; dịch vụ môi giới tài chính; dịch vụ quản lý tài chính; dịch vụ ngân hàng; dịch vụ thanh toán tiền; dịch vụ trao đổi tài chính; dịch vụ đầu tư tài chính; cung cấp các hồ sơ liên quan đến tài chính; dịch vụ chuyển quỹ và trao đổi tiền tệ bằng điện tử; dịch vụ thanh toán bằng điện tử; dịch vụ tài chính cung cấp qua điện thoại, internet hoặc qua phương tiện điện tử khác; dịch vụ tài chính liên quan đến thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ trả tiền trước, xuất tiền mặt, xác minh séc và trả tiền mặt; giao dịch tiền mặt bằng điện tử; cung cấp dịch vụ tài chính để hỗ trợ cho dịch vụ bán lẻ trực tuyến, qua mạng hoặc qua các phương tiện điện tử khác sử dụng thông tin số hoá điện tử; dịch vụ thẩm tra và xác nhận việc giao dịch thanh toán; dịch vụ cho phép thanh toán và dịch vụ quyết toán; kiểm tra thẻ tín dụng và thẻ nợ; phát hành và mua lại séc của người đi du lịch và biên lai du lịch; dịch vụ ngân hàng điện tử; ngân hàng trực tuyến; ngân hàng tại nhà; cung cấp thông tin tài chính; tư vấn tài chính; dịch vụ máy rút tiền tự động; lập điểm bán và điểm giao dịch tài chính; thanh toán tài chính; dịch vụ thanh toán hoá đơn cung cấp qua trang web.

---

(111) **4-0093840**
(210) 4-2006-01334
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SAN SAN

(151) 27.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SANNAM (VN)
Km 9, Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Các chất ăn kiêng và trà (chè) dùng trong mục đích y tế; bột rau, củ, quả dùng làm thực phẩm cho trẻ em và nước ép rau, củ quả dùng cho trẻ em dùng trong mục đích y tế.

Nhóm 30: Cà phê, trà (chè), cacao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê; bột và các sản phẩm làm từ bột ngũ cốc, bánh mỳ, bánh, mứt kẹo, kem lạnh, mật ong, nước

mật đường; men, bột nở; các gia vị để cải thiện hương vị thực phẩm; đồ uống chế trên cơ sở cà phê, trà (chè), cacao hoặc sô-cô-la.

Nhóm 32: Nước ép rau, củ, quả để làm đồ uống.

---

(111) **4-0093841**
(210) 4-2006-11746
(181) 25.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 25.07.2006

(531) 3.5.3; A5.5.22
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Trò chơi và đồ chơi; đồ chơi kỹ năng hành động; đồ chơi hình các nhân vật hành động và đồ đi kèm; đồ chơi trên tấm bảng; đồ chơi bằng bài lá; đồ chơi đa năng dành cho trẻ em; bộ cầu lông; bóng bay; bóng rổ; đồ chơi khi tắm; quả bóng chày; bóng chơi trên biển; túi đựng đỗ khô (đồ chơi); búp bê nhồi vỏ đỗ khô; các khối làm sẵn dùng để chơi đồ chơi xây dựng; bóng dùng để chơi bô ling; bộ đồ chơi thổi bong bóng; bộ đồ chơi cờ; mỹ phẩm đồ chơi của trẻ em; tất đựng quà dùng cho Nô-en; đồ trang hoàng cây thông Nô-en (trừ bánh kẹo và đèn chiếu sáng); bộ sưu tập các bức tượng nhỏ đồ chơi; đồ chơi di động được dùng cho xe nôi; đồ chơi trên xe nôi; đồ chơi tung hứng dạng đĩa; búp bê; quần áo của búp bê dưới dạng đồ chơi; đồ đi kèm với búp bê dưới dạng đồ chơi; bộ đồ chơi búp bê; đồ chơi hành động chạy bằng điện; thiết bị được bán dưới dạng bộ dùng cho chơi bài; bộ dụng cụ câu cá; bóng dùng cho chơi gôn; găng tay dùng cho chơi gôn; vật dẫn đường cho bóng gôn; đồ chơi điện tử cầm tay; bóng để chơi khúc côn cầu; đồ chơi có thể bơm phồng; đồ chơi lắp hình; dây để chơi đồ chơi nhảy dây; cái diều; đồ chơi ảo thuật; hòn bi đồ chơi; đồ chơi có thao tác bằng tay; đồ chơi chạy bằng máy; đồ chơi hộp âm nhạc; đồ chơi âm nhạc; đồ chơi trong phòng không dùng với máy thu hình; vật kỷ niệm buổi tiệc gồm những đồ chơi nhỏ; đồ chơi trong bữa tiệc; bài lá; đồ chơi làm bằng vải lông; con rối; patanh; quả bóng cao su; ván trượt; bóng đá; con quay; đồ chơi bóp vào phát ra tiếng kêu; đồ chơi nhồi bông; bàn chơi bóng bàn; đồ chơi có mục tiêu; gấu nhồi bông; bóng tennis; hình các nhân vật hành động đồ chơi; bộ xẻng và xô đồ chơi; đồ chơi di động được; xe đồ chơi; đồ chơi xe đẩy của trẻ con; ô tô đồ chơi; bộ đồ chơi thủ công hiện đại; hình các nhân vật đồ chơi; ngân hàng dạng đồ chơi; xe tải đồ chơi; con tem đồ chơi; đồng hồ đồ chơi; đồ chơi lên dây cót; cái yô yô (đồ chơi trẻ em).

---

(111) **4-0093842**
(210) 4-2006-10827
(181) 11.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

V-CAPS

(151) 27.12.2007
(220) 11.07.2006

(731) V-CAPS FOR VIETNAM-CHIPSCALE ADVANCED PACKAGING SERVICES (US)
3878 Jackson Street, San Francisco, CA 94118, United States of America
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 09: Chất bán dẫn; con chip cho thiết bị điện tử.

Nhóm 35: Quảng cáo.

Nhóm 40: Xử lý vật liệu.

Nhóm 42: Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ về công nghệ liên quan đến chất bán dẫn và con chíp cho thiết bị điện tử.

---

(111) **4-0093843**
(210) 4-2006-05747
(181) 13.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 13.04.2006

(531) A9.9.17; A9.9.25
(731) SOLE SURFER INTERNATIONAL PTY LTD (AU)
Suite 1, Level 6, 234-242 George Street, Sydney, New South Wales, 2000, Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giầy dép bao gồm cả dép tông và xăng đan.

---

(111) **4-0093844**
(210) 4-2006-15742
(181) 19.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ThinkPower

(151) 27.12.2007
(220) 19.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH PHƯƠNG THỊNH (VN)
78C39 Phạm Ngũ Lão, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Máy vi tính, phần mềm máy vi tính.

Nhóm 35: Mua bán máy vi tính; mua bán linh kiện máy tính; mua bán máy in dùng cho máy tính; mua bán máy móc, thiết bị văn phòng; đại lý ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0093845**
(210) 4-2006-17602
(181) 19.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SAVINIC

(151) 27.12.2007
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093846**
(210) 4-2005-14329
(181) 26.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DEARLY

(151) 27.12.2007
(220) 26.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA (VN)
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0093847**
(210) 4-2005-17406
(181) 21.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

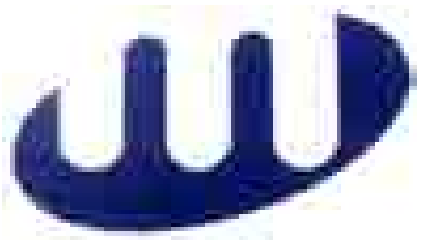

(151) 27.12.2007
(220) 21.12.2005

(531) 26.1.2; 26.3.23
(591) Xanh dương đậm, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MO BI (MO BI TECHNOLOGY COMPANY LIMITED) (VN)
422 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính.

---

(111) **4-0093848**
(210) 4-2005-05189
(181) 06.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 06.05.2005

(531) A5.3.15; A1.1.10
(591) Trắng, đỏ, đen, xanh, xanh nước biển, xanh đậm, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Đông Thiên, Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093849**
(210) 4-2005-05190
(181) 06.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 06.05.2005

(531) A1.1.10; A5.7.22
(591) Trắng, vàng, vàng cam, vàng sáng, đỏ, đen, xanh, nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Đông Thiên, Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093850**
(210) 4-2005-10990
(181) 26.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PROCATA

(151) 27.12.2007
(220) 26.08.2005

(731) UNIMED PHARMACEUTICALS, INC. (KR)
250-8, UNIMED Building, Jamsilbon-Dong, Songpa-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093851**
(210) 4-2005-14601
(181) 01.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NHA THUOC KHAI HAU

(151) 27.12.2007
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm.

---

(111) **4-0093852**
(210) 4-2005-15096
(181) 09.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HEPALEX

(151) 27.12.2007
(220) 09.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093853**
(210) 4-2005-15703
(181) 21.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DAETIDINE

(151) 27.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) PHARMAUNITY CO., LTD. (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0093854**
(210) 4-2005-15705
(181) 21.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLAVERAL

(151) 27.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093855**
(210) 4-2005-17427
(181) 21.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

QUINOVID

(151) 27.12.2007
(220) 21.12.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093856**
(210) 4-2007-01955
(181) 26.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

BEST MUM

(151) 27.12.2007
(220) 26.01.2007

(731) PHAN KIM CHI (VN)
A2 phòng 105, Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 25: Váy bầu; quần áo (thuộc nhóm này); đồ đi chân (giày dép) thuộc nhóm này; mũ (đồ đội đầu thuộc nhóm này); tã lót cho trẻ sơ sinh bằng vải dệt.

Nhóm 35: Mua bán quần áo, giày dép, mũ nón, gồm cả váy bầu, đồ dùng của trẻ sơ sinh.

---

(111) **4-0093857**
(210) 4-2006-07921
(181) 23.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 23.05.2006

(531) 1.15.24; 6.1.2; A26.11.12; 26.13.25
(591) Đen, trắng, ghi xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG MỚI (VN)
Số 400 Cao Thắng, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ tổ chức các chuyến du lịch; dịch vụ vận chuyển khách du lịch; dịch vụ về du thuyền; dịch vụ do hãng du lịch (không bao gồm dịch vụ đặt chỗ khách sạn) thực hiện, dịch vụ đặt chỗ cho các chuyến du lịch; dịch vụ hướng dẫn khách du lịch.

Nhóm 41: Tổ chức các trò chơi trên biển (như lướt ván, thuyền buồm, mô tô nước, du thuyền); tổ chức hội nghị; dịch vụ cho thuê các trang thiết bị thể thao (trừ xe cộ).

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

---

(111) **4-0093858**
(210) 4-2006-09867
(181) 26.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 26.06.2006

(531) A26.11.12
(591) Nâu đỏ, xanh lá cây, vàng da cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH BỐN MÙA (VN)
28 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ tổ chức các chuyến du lịch; dịch vụ vận chuyển khách du lịch; dịch vụ về du thuyền; hãng du lịch (không bao gồm dịch vụ đặt chỗ khách sạn); dịch vụ đặt chỗ cho các chuyến du lịch; dịch vụ hướng dẫn khách du lịch.

Nhóm 41: Tổ chức các trò chơi trên biển (như lướt ván, thuyền buồm, mô tô nước, du thuyền); tổ chức hội nghị, dịch vụ cho thuê các trang thiết bị thể thao (trừ xe cộ).

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0093859**
(210) 4-2006-16100
(181) 25.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 25.09.2006

(531) 1.17.11; 3.9.1; 26.1.1
(591) Xanh, đỏ gạch non, vàng nhạt
(731) LÊ HUY CHƯƠNG (VN)
Khu phố 3, phường Tân Thiện, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

Nhóm 35: Mua bán nước mắm các loại.

---

(111) **4-0093860**
(210) 4-2006-22637
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 25.12.2006

(531) A2.1.16; 26.1.1
(591) Xanh lơ, da cam, đen, trắng
(731) VŨ THẾ ANH (VN)
46 tổ 3 Yên Tân, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ tổ chức các chuyến du lịch; dịch vụ vận chuyển khách du lịch; hãng du lịch (không bao gồm dịch vụ đặt chỗ khách sạn); dịch vụ đặt chỗ cho các chuyến du lịch; dịch vụ hướng dẫn khách du lịch.

---

(111) **4-0093861**
(210) 4-2005-16073
(181) 29.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LACTIPLUS

(151) 27.12.2007
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER - BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093862**
(210) 4-2006-07555
(181) 17.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Clinco

(151) 27.12.2007
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH KYVY (VN)
Đường số 8, lô II-7 nhóm công nghiệp II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Khẩu trang bằng giấy, khăn ướt bằng giấy, khăn giấy.

Nhóm 24: Khăn ăn bằng hàng dệt, khăn bằng hàng dệt để tẩy trang, khăn nhỏ bằng hàng dệt, khăn bằng vải để tẩy trang, khăn ướt bằng vải.

---

(111) **4-0093863**
(210) 4-2006-19334
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LAN ĐÔNG

(151) 27.12.2007
(220) 10.11.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ LAN ĐÔNG (VN)
190/3 Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 35: Dịch vụ kế toán; kiểm toán; tư vấn nghiệp vụ về thương mại xuất nhập khẩu.

---

(111) **4-0093864**
(210) 4-2005-05191
(181) 06.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 06.05.2005

(531) A1.1.10; A5.5.21
(591) Trắng, đỏ, đen, xanh, xanh nước biển, xanh đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Đông Thiên, Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093865**
(210) 4-2005-17515
(181) 22.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 22.12.2005

(531) 8.7.5
(591) Đen, trắng, vàng
(731) ĐOÀN THỊ PHÚC (VN)
Số 464/11 Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 30: Bánh tôm.

---

(111) **4-0093866**
(210) 4-2006-00720
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 16.01.2006

(731) ĐÀO THỊ THANH ÁI (VN)
Số 9 ngõ Đoàn Kết I, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 44: Dịch vụ cắt tóc, gội sấy.

---

(111) **4-0093867**
(210) 4-2006-02108
(181) 15.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FASZEEN

(151) 27.12.2007
(220) 15.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1 phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093868**
(210) 4-2006-02109
(181) 15.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FASMUC

(151) 27.12.2007
(220) 15.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1 phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093869**
(210) 4-2006-02576
(181) 19.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

D.A PLASTIC

(151) 27.12.2007
(220) 19.05.2006

(531) 26.3.23; 26.1.1; 26.7.25
(591) Đỏ, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHỰA D.A (VN)
13/17 Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 40: In ấn, in trên bao bì, in litô, in ốp set.

---

(111) **4-0093870**
(210) 4-2006-08018
(181) 25.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 25.05.2006

(531) 26.1.2; 25.1.25
(731) CÔNG TY TNHH HƯƠNG THU (VN)
Số 25B, ngõ 174, Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường thuỷ, đường sắt; vận chuyển hành khách bằng đường bộ, đường thuỷ; cho thuê xe ô tô.

---

(111) **4-0093871**
(210) 4-2006-14951
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 07.09.2006

(531) 26.1.2; 1.15.23
(591) Xanh sẫm, xanh hòa bình, xanh lá cây, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG THIÊN NGỌC (VN)
Số 12, ngõ 228, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán máy tính nguyên chiếc, linh kiện máy tính, máy in, thiết bị mạng.

---

(111) **4-0093872**
(210) 4-2006-15939
(181) 21.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 21.09.2006

(531) 26.4.2; 1.15.24
(731) NGUYỄN THỊ MINH THUẬN (VN)
77 Trần Hữu Tước, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước khoáng (đồ uống); nước giải khát không chứa cồn; nước uống có ga; bia; nước ép trái cây.

---

(111) **4-0093873**
(210) 4-2006-16891
(181) 09.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

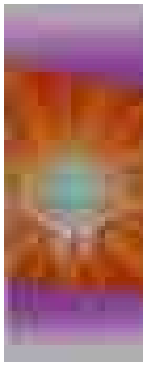

(151) 27.12.2007
(220) 09.10.2006

(531) 2.9.14; 25.12.1; 26.1.1
(591) Vàng đậm, da cam sẫm, xanh ngọc, tím hồng, da
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Số 92, phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093874**
(210) 4-2006-19318
(181) 09.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KORUCONA

(151) 27.12.2007
(220) 09.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093875**
(210) 4-2006-19319
(181) 09.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KORUME

(151) 27.12.2007
(220) 09.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093876**
(210) 4-2006-02750
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 28.02.2006

(531) 18.3.2; 1.15.24
(731) HOÀNG THÁI TRỊNH (VN)
Khu phố 12, Phú Thuỷ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

(111) **4-0093877**
(210) 4-2006-22634
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AMAZING Vietnam

(151) 27.12.2007
(220) 25.12.2006

(591) Xanh lam, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT NAM KỲ THÚ (VN)
Số 24, ngõ 95 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng (cung cấp đồ ăn, đồ uống tại chỗ); khách sạn.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ vật lý trị liệu; dịch vụ tắm bồn spa nhằm phục hồi sức khoẻ, dịch vụ massage.

---

(111) **4-0093878**
(210) 4-2006-22635
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIETNAM FANTASEA

(151) 27.12.2007
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH VIỆT NAM KỲ THÚ (VN)
Số 24, ngõ 95 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ tổ chức các chuyến du lịch; dịch vụ vận chuyển khách du lịch; hãng du lịch (không bao gồm dịch vụ đặt chỗ khách sạn), dịch vụ đặt chỗ cho các chuyến du lịch; dịch vụ hướng dẫn khách du lịch.

---

(111) **4-0093879**
(210) 4-2006-12493
(181) 02.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 02.08.2006

(531) 26.4.1; 26.4.2
(591) Xanh côban, tím nhạt, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093880**
(210) 4-2007-00447
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 27.12.2007
(220) 05.01.2007

(531) 26.2.7; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÚ CƯỜNG AN (VN)
Phòng 106 B5, tập thể Nam Thành Công, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Chế phẩm chẩn đoán dùng trong ngành y; chất phản ứng hoá học dùng trong ngành y hoặc thú y.

---

(111) **4-0093881**
(210) 4-2006-04450
(181) 28.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 28.03.2006

(531) 26.11.3; A26.11.12; 26.4.9
(591) Xanh lá cây, vàng
(731) CÔNG TY TNHH NHỰA CÂY TRUNG BỘ (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyệnThuận An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 01: Keo dán công nghiệp.

Nhóm 03: Chất tẩy rửa.

---

(111) **4-0093882**
(210) 4-2006-10140
(181) 29.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 29.06.2006

(531) A26.11.13; 1.5.1; A1.5.2
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÔ MI (VN)
45B Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Máy xông hơi ướt; máy xông hơi khô.

---

(111) **4-0093883**
(210) 4-2006-15150
(181) 11.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 11.09.2006

(531) 25.1.25
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG (VN)
Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 36: Đầu tư vốn; môi giới, cho thuê, mua bán bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng; xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng; trang trí nội thất; giám sát, điều hành trong công việc xây dựng công trình.

Nhóm 42: Tư vấn về kỹ thuật xây dựng; kiến trúc; dịch vụ vẽ đồ họa.

---

(111) **4-0093884**
(210) 4-2005-14652
(181) 02.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 02.11.2005

(591) Xanh đậm
(731) CÔNG TY GIẦY AN LẠC (VN)
3-5 đường Tên Lửa, khu phố 1, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Giày, dép da (thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0093885**
(210) 4-2005-14742
(181) 04.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIO

(151) 31.12.2007
(220) 04.11.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH VIỆT NAM SUZUKI (VN)
Phường Bình Đa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Xe máy và xe ôtô.

---

(111) **4-0093886**
(210) 4-2005-17451
(181) 22.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Sĩ Đông

(151) 31.12.2007
(220) 22.12.2005

(531) A26.11.13; 1.15.15
(591) Đen đậm, đen nhạt, trắng
(731) UNI-PRESIDENT ENTERPRISES CORP. (TW)
301 Chung Cheng Rd., Yan Harng, Yeong Kang Shih, Tainan Hsien, Taiwan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Nước tương (xì dầu); gia vị; nước xốt; dấm; muối; hương liệu chế biến thức ăn.

---

(111) **4-0093887**
(210) 4-2006-05006
(181) 05.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEO CERMEX

(151) 31.12.2007
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TẤN (VN)
487 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093888**
(210) 4-2006-10004
(181) 28.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 28.06.2006

(531) 26.1.1; A1.1.5; A1.1.9; A1.1.10
(591) Đen, xanh da trời, vàng, vàng cam, trắng, xám, xanh tím
(731) CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIET NAM (VN)
Khu công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Sơn.

Nhóm 19: Bột trét tường.

---

(111) **4-0093889**
(210) 4-2006-12771
(181) 07.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 07.08.2006

(531) A11.3.2; A26.11.12; 8.3.1
(591) Xanh lá cây, da cam, trắng, xanh rêu
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KEM THỊNH PHÁT (VN)
3/19 quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Kem lạnh.

---

(111) **4-0093890**
(210) 4-2006-16030
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 22.09.2006

(531) 26.4.2; 26.1.1
(591) Xanh da trời, vàng, da cam, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI CÔNG NÔNG (VN)
458 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Đĩa CD, đĩa VCD, đĩa DVD.

Nhóm 16: Sách, báo, tạp chí, từ điển, ấn phẩm.

---

(111) **4-0093891**
(210) 4-2006-16031
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 22.09.2006

(531) 26.4.4
(591) Xám, trắng, đen, da cam nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TÂN MINH QUANG (VN)
33 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh như: bồn rửa mặt, bồn cầu, vòi nước, chậu rửa; đèn chiếu sáng; đèn trang trí.

Nhóm 35: Mua bán: thiết bị vệ sinh, thiết bị chiếu sáng, đèn trang trí, vật liệu xây dựng, thiết bị điện.

---

(111) **4-0093892**
(210) 4-2006-16032
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 22.09.2006

(591) Da cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TÂN MINH QUANG (VN)
33 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Đèn chiếu sáng; đèn trang trí.

---

(111) **4-0093893**
(210) 4-2006-16033
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 22.09.2006

(591) Da cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TÂN MINH QUANG (VN)
33 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh như: bồn rửa mặt, bồn cầu, vòi nước, chậu rửa.

---

(111) **4-0093894**
(210) 4-2006-16052
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 22.09.2006

(531) 20.7.1
(591) Trắng, xanh, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT HÀNH SÁCH MIỀN NAM (VN)
9 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua, bán văn hóa phẩm.

Nhóm 41: Viết, biên soạn sách.

---

(111) **4-0093895**
(210) 4-2006-16853
(181) 06.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

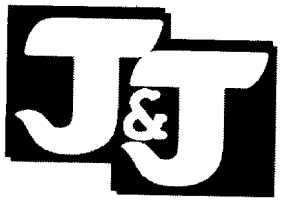

(151) 31.12.2007
(220) 06.10.2006

(531) 26.4.1; 26.4.8
(731) VORANUN THAVEESANGPANICH (TH)
1631/92 Jan Road, Toongvatdon, Satorn, Bangkok, Thailand
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 29: Thịt; cá (không còn sống, được bảo quản); gia cầm (không còn sống); thú săn (không còn sống); chiết xuất của thịt được bảo quản; sữa dừa; dầu dừa (có thể ăn được);

mỡ dừa (có thể ăn được); bơ dừa; hoa quả đóng hộp; rau đóng hộp; hoa quả được bảo quản; rau được bảo quản; đậu được bảo quản; hoa quả sấy khô và nấu chín; rau sấy khô và nấu chín; sữa; sản phẩm sữa; thịt đông lạnh.

Nhóm 30: Bánh snacks giòn, món ăn nhanh được làm chủ yếu từ ngũ cốc thuộc nhóm này; gừng (gia vị); nước chấm (gia vị); gia vị; tương mù tạc, bột cari (gia vị); thức ăn được làm từ gạo (gạo là thành phần chính); cari (gia vị); mì; nước sốt gia vị; món ăn Nhật Bản được làm chủ yếu từ gạo thuộc nhóm này (Sushi).

---

(111) **4-0093896**
(210) 4-2006-16876
(181) 06.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 06.10.2006

(531) 2.9.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TÙNG BÁCH (VN)
152 Võ Thị Sáu, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần, áo.

---

(111) **4-0093897**
(210) 4-2006-16878
(181) 06.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 06.10.2006

(531) 1.3.1; 26.4.2; 1.15.11
(731) CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT HOÀ BÌNH (VN)
125 Lê Hồng Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0093898**
(210) 4-2006-17537
(181) 18.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 18.10.2006

(531) 18.5.1; 26.3.1; A26.3.5
(731) CÔNG TY TNHH HÀNG LÂM (VN)
202 Trần Quý, phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Đèn dùng cho xe cộ; choá đèn (chao đèn); chụp đèn.

Nhóm 12: Phụ tùng của xe cộ như: ống xả, gác ba ga, gương chiếu hậu, ốc trang trí cho xe cộ.

Nhóm 35: Mua bán: xe cộ và phụ tùng của xe cộ.

---

(111) **4-0093899**
(210) 4-2006-18678
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ROLAND

(151) 31.12.2007
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TIẾN LỘC (VN)
237 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, phụ tùng xe máy như: yếm xe, vành xe, mặt nạ xe, tấm ốp sườn xe.

---

(111) **4-0093900**
(210) 4-2006-18679
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ROCKY

(151) 31.12.2007
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TIẾN LỘC (VN)
237 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, phụ tùng xe máy như: yếm xe, vành xe, mặt nạ xe, tấm ốp sườn xe.

---

(111) **4-0093901**
(210) 4-2006-00216
(181) 05.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SOBRANIE PREMIUM

(151) 31.12.2007
(220) 05.01.2006

(731) GALLAHER LIMITED (GB)
Members Hill, Brooklands Road, Weybridge, Surrey KT13 OQU
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 34: Lá thuốc lá (đã qua chế biến hoặc chưa chế biến); thuốc lá; tẩu thuốc lá; thuốc lá cuốn bằng tay; thuốc lá để nhai; điếu thuốc lá; xì gà; xì gà loại nhỏ; chất dùng cho việc hút thuốc (được bán riêng biệt hoặc trộn với thuốc lá và không dùng cho mục đích chữa bệnh); thuốc lá để hít; gạt tàn (không làm bằng kim loại quí); hộp đựng thuốc lá (không làm bằng kim loại quí); bật lửa (vật dụng cho người hút thuốc); xếp giấy cuốn thuốc lá; ống cuốn thuốc lá (làm bằng giấy); diêm.

---

(111) **4-0093902**
(210) 4-2006-00590
(181) 12.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 12.01.2006

(531) 3.4.7; 26.1.1
(591) Trắng, vàng, xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt
(731) DPI CO., LTD. (KR)
615, Barkdal-dong, Manan-gu, Anyang-shi, Gyounggi-do, 430-030, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn; sơn dùng cho ô tô; sơn dùng để sơn lại cho ô tô; véc ni; sơn chịu lửa; sơn được làm từ nhựa tổng hợp; sơn chịu hoá chất; sơn huỳnh quang; sơn chống nước; matít dùng để bả ngoài; chất để pha loãng sơn; sơn nước; sơn mài; men để vẽ tranh; sơn dùng để phủ ngoài.

---

(111) **4-0093903**
(210) 4-2006-22572
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LUCKY

(151) 31.12.2007
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOA VIỆT ÚC (VN)
61 Nguyễn Quý Yêm, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 21: Tăm bông dùng để lấy ráy tai.

---

(111) **4-0093904**
(210) 4-2006-22573
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

STAR

(151) 31.12.2007
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOA VIỆT ÚC (VN)
61 Nguyễn Quý Yêm, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 21: Tăm bông dùng để lấy ráy tai.

---

(111) **4-0093905**
(210) 4-2006-22574
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINA

(151) 31.12.2007
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOA VIỆT ÚC (VN)
61 Nguyễn Quý Yêm, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 21: Tăm bông dùng để lấy ráy tai.

---

(111) **4-0093906**
(210) 4-2004-13507
(181) 02.12.2014
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 02.12.2004

(531) 3.2.1; A25.1.10
(591) Đen, xanh, trắng, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN BIỆT ĐIỆN (VN)
Số 01 đường Ngô Quyền, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu gia truyền.

---

(111) **4-0093907**
(210) 4-2005-16875
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Trắng, xanh nước biển, da cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Lập chương trình máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; phân tích hệ thống máy tính; cho thuê phần mềm máy tính; nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (cho người thứ 3); thiết kế chương trình máy tính; cho thuê chương trình phần mềm máy tính; cập nhật chương trình phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0093908**
(210) 4-2006-00710
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 13.01.2006

(531) 26.1.2; 24.9.1
(591) Vàng, đỏ, trắng, xanh lá cây, xám
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VŨ NGỌC DUNG (VN)
Số 28 ấp Chợ, xã Hình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Sản phẩm chế biến từ thịt như: chả giò; chả lụa; nem thịt; nem nướng; jam-bon, chả quế; ba-tê gan, thịt heo vò viên.

---

(111) **4-0093909**
(210) 4-2006-00711
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VŨ NGỌC DUNG

(151) 31.12.2007
(220) 13.01.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT -THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VŨ NGỌC DUNG (VN)
Số 28 ấp Chợ, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Sản phẩm chế biến từ thịt như: chả giò; chả lụa; nem thịt; nem nướng; jam-bon, chả quế, ba-tê gan, thịt heo vò viên.

---

(111) **4-0093910**
(210) 4-2006-01339
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 3.7.17; 26.1.2
(731) CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ THAN VIỆT NAM (VN)
Km7, đường Nguyễn Văn Cừ, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

(511) Nhóm 12: Xe ô tô, xe máy, động cơ ô tô, động cơ xe máy.

Nhóm 35: Mua bán các loại ô tô, xe máy, phụ tùng ô tô - xe máy, mua bán cấu kiện cơ khí và phụ tùng máy bằng cao su các loại, mua bán rượu bia nước giải khát thuộc phạm vi nhóm này.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng ô tô - xe máy các loại thuộc phạm vi nhóm này.

Nhóm 40: Lắp ráp ô tô- xe máy.

---

(111) **4-0093911**
(210) 4-2006-01348
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ENDRIN

(151) 31.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093912**
(210) 4-2006-02961
(181) 03.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 03.03.2006

(531) A19.7.16; 1.15.17
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, nâu
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HÀ PHƯƠNG THUỲ (VN)
Tổ 15, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 33: Rượu (không bao gồm rượu thuốc).

---

(111) **4-0093913**
(210) 4-2006-15951
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 22.09.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh lục, đỏ, trắng, đen
(731) CTY TNHH THIẾT KẾ, KIẾN TRÚC & GIAO THÔNG ĐÔNG PHƯƠNG (VN)
6/37A Cao Thắng, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; xây dựng cảng, bến tàu; sự giám sát công trình xây dựng; trang trí nội thất; tư vấn trong thi công xây dựng.

Nhóm 42: Tư vấn thiết kế trong xây dựng; thiết lập bản vẽ xây dựng; kỹ thuật xây dựng; nghiên cứu dự án kỹ thuật; thiết kế kiến trúc; ứng dụng các kỹ thuật công nghệ trong xây dựng;

---

(111) **4-0093914**
(210) 4-2006-16413
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

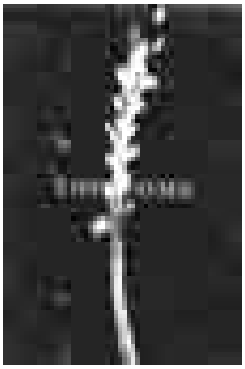

(151) 31.12.2007
(220) 29.09.2006

(531) 5.7.3; 26.4.2
(731) CÔNG TY THỰC PHẨM HUẾ (VN)
Xã Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 33: Rượu sakê; rượu trắng Nhật Bản.

---

(111) **4-0093915**
(210) 4-2006-20409
(181) 23.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 23.11.2006

(531) 26.1.2; A24.15.13; 24.15.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN (VN)
Số 1 Tân Xuân, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật tư thiết bị bưu chính - viễn thông.

Nhóm 36: Mua bán và môi giới bất động sản, quản lý bất động sản, cho thuê bất động sản, nhà ở, văn phòng, căn hộ, toà nhà.

Nhóm 37: Giám sát, vận hành, lắp đặt thiết bị, phương tiện bưu chính viễn thông.

Nhóm 38: Dịch vụ điện thoại; dịch vụ điện báo; dịch vụ nhắn tin (vô tuyến, điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác); dịch vụ fax; chuyển phát thư thông qua giao thức điện tử cụ thể là truyền điện báo, truyền thư tín và hình ảnh có sự hỗ trợ của máy tính, truyền tin và ảnh có hỗ trợ của máy tính.

Nhóm 39: Cho thuê kho bãi, đóng gói và lưu giữ hàng hoá; dịch vụ vận tải hàng hoá, thư tín, bưu phẩm, bưu kiện bằng đường bộ, đường sắt, đường thuỷ, đường hàng không; dịch vụ thu nhận và phân phát thư tín, bưu kiện, bưu phẩm, hàng hoá; dịch vụ chuyển phát nhanh thư từ, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hoá; dịch vụ đại lý chuyển phát nhanh thư tín, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hoá cho các công ty trong và ngoài nước.

---

(111) **4-0093916**
(210) 4-2006-22653
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CaLiDaiLy

(151) 31.12.2007
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VIỆT MỸ (VN)
Số 16, ngõ 528, đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy tính; máy thu hình; đầu đĩa; âm ly; loa.

---

(111) **4-0093917**
(210) 4-2006-22654
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MITTURY

(151) 31.12.2007
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VIỆT MỸ (VN)
Số 16, ngõ 528, đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy tính; máy thu hình; đầu đĩa; âm ly; loa.

---

(111) **4-0093918**
(210) 4-2006-22655
(181) 25.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANDOTOX

(151) 31.12.2007
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG ÂN (VN)
128 đường 19E, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0093919**
(210) 4-2007-04698
(181) 21.03.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐIỆNLỰC
COMPACT LAMP

(151) 31.12.2007
(220) 21.03.2007

(531) A1.1.9; 26.2.7
(591) Đỏ, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN-ĐIỆN TỬ VIỆT NHẬT (VN)
9A Lê Quý Đôn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bóng đèn điện.

---

(111) **4-0093920**
(210) 4-2007-04699
(181) 21.03.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 31.12.2007
(220) 21.03.2007

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN-ĐIỆN TỬ VIỆT NHẬT (VN)
9A Lê Quý Đôn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bóng đèn điện.

---

(111) **4-0093921**
(210) 4-2005-09939
(181) 08.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 08.08.2005

(531) A2.3.2
(731) GALLAHER LIMITED. (GB)
Members Hill, Brooklands Road, Weybridge, Surrey KT13 OQU, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá sợi đã hoặc chưa qua chế biến; các chất phục vụ cho việc hút thuốc lá được bán riêng rẽ hoặc bán kèm với thuốc lá không dùng vào mục đích y tế hoặc chữa bệnh; thuốc lá bột để hít, các vật dụng của người hút thuốc lá trong nhóm này; giấy cuốn thuốc lá; tẩu thuốc lá; diêm.

---

(111) **4-0093922**
(210) 4-2005-13110
(181) 05.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 05.10.2005

(531) 26.4.4
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ÂM THANH THIÊN ÂN (VN)
26 quốc lộ 1A, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Loa; thùng loa; máy tăng âm; đầu máy karaoke; đầu đọc đĩa kỹ thuật số.

(111) **4-0093923**
(210) 4-2005-09729
(181) 03.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

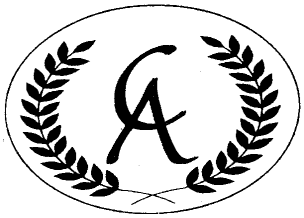

(151) 02.01.2008
(220) 03.08.2005

(531) 5.13.4; 26.1.2; 5.7.3
(731) CÔNG TY TNHH VĨNH LỢI (VN)
Số 129, ấp An Thuận, xã Hoà Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón lá hữu cơ; phân bón hữu cơ khoáng; chế phẩm xử lý nước nuôi trồng thuỷ sản; chế phẩm xử lý nước trong bình cắm hoa; phân bón cho hoa kiểng.

---

(111) **4-0093924**
(210) 4-2005-10566
(181) 19.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SKINCELLO

(151) 02.01.2008
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN ÂN (VN)
136 phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093925**
(210) 4-2005-10568
(181) 19.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TẮC KÈ

(151) 02.01.2008
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN ÂN (VN)
136 phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 10: Bao cao su.

---

(111) **4-0093926**
(210) 4-2005-16320
(181) 02.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 02.12.2005

(531) 18.3.2
(731) CƠ SỞ TỨ HẢI (VN)
E5/139D ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Đui bóng đèn, đi-ốt bóng đèn (con chuột), sợi tóc bóng đèn, chụp đèn, máng điện.

Nhóm 35: Mua bán: ballats, bóng đèn, máng chụp đèn; đại lý ký gửi, đại lý phân phối hàng hoá; quảng cáo, tiếp thị sản phẩm là ballats, bóng đèn, máng chụp đèn.

---

(111) **4-0093927**
(210) 4-2005-16876
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Trắng, xanh nước biển, da cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Học viện, trường đại học (giáo dục).

---

(111) **4-0093928**
(210) 4-2005-16877
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Trắng, xanh nước biển, da cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; tất cả các chương trình và phần mềm máy tính không liên quan đến phương tiện

ghi hoặc truyền, nghĩa là phần mềm được ghi trên phương tiện từ tính hoặc được tải từ mạng máy tính.

Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu các thiết bị, sản phẩm công nghệ tin học và các công nghệ khác; dịch vụ xuất nhập khẩu và mua bán máy điện thoại di động.

Nhóm 42: Thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0093929**
(210) 4-2005-16879
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Trắng, xanh nước biển, da cam, xanh lá cây.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Biên tập thông tin cơ sở dữ liệu vào máy tính, hệ thống hoá thông tin cơ sở dữ liệu vào máy tính; quản lý tư liệu bằng máy tính; quản lý các tệp tin máy tính; sao chụp tài liệu; xác lập bản khai thuế, xử lý bài viết, văn bản (không thuộc các nhóm khác).

Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính, tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính, lập chương trình máy tính; cho thuê máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính, cập nhật phần mềm máy tính; phân tích hệ thống máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; bảo vệ phần mềm máy tính; cho thuê phần mềm máy tính; thiết kế chương trình máy tính; cập nhật chương trình phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0093930**
(210) 4-2005-16880
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Trắng, xanh nước biển, da cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu và mua bán máy điện thoại di động.

Nhóm 37: Lắp đặt và sửa chữa máy điện thoại.

---

(111) **4-0093931**
(210) 4-2006-17557
(181) 19.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 19.10.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH PHÚ THÁI (VN)
Số 186 Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Sách điện tử; xuất bản phẩm dưới dạng điện tử được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu hoặc từ các phương tiện cung cấp trên mạng Internet; phần mềm máy tính có thể tra cứu được dữ kiện.

Nhóm 16: Sách để học, tạp chí xuất bản định kỳ, ấn phẩm.

---

(111) **4-0093932**
(210) 4-2006-18102
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DESKON

(151) 02.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) IKO OVERSEAS (IN)
D 14/6, Okhla Industrial Area, Phase-1, New Delhi-20, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093933**
(210) 4-2006-18103
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KETKO

(151) 02.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) IKO OVERSEAS (IN)
D 14/6, Okhla Industrial Area, Phase-1, New Delhi-20, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

(111) **4-0093934**
(210) 4-2006-18104
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

IKOCOL

(151) 02.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) IKO OVERSEAS (IN)
D 14/6, Okhla Industrial Area, Phase-1, New Delhi-20, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093935**
(210) 4-2006-18105
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RIDEP

(151) 02.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) IKO OVERSEAS (IN)
D 14/6, Okhla Industrial Area, Phase-1, New Delhi-20, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093936**
(210) 4-2006-18106
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLOVIN

(151) 02.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) SYNMEDIC LABORATORIES (IN)
202 Sai Plaza, 187-188 Sant Nagar East of Kailash, New Delhi 110065, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093937**
(210) 4-2006-18355
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FOCAL

(151) 02.01.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN THÀNH (VN)
3165 thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0093938**
(210) 4-2006-18357
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KIMIDAC

(151) 02.01.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN THÀNH (VN)
3165 thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0093939**
(210) 4-2006-18359
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GIA THỊNH PHÁT

(151) 02.01.2008
(220) 27.10.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GIA THỊNH PHÁT (VN)
294 Hàn Hải Nguyên, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Màng mỏng bằng chất dẻo loại dùng để bao gói; màng mỏng bằng chất dẻo, dính, có thể co giãn dùng cho khay chuyển hàng; bao, túi làm bằng chất dẻo dùng để bao gói.

Nhóm 35: Mua bán, tiếp thị, quảng cáo, xuất nhập khẩu sản phẩm: màng mỏng bằng chất dẻo loại dùng để bao gói, màng mỏng bằng chất dẻo, dính, có thể co giãn dùng cho khay chuyển hàng, bao bì làm bằng chất dẻo.

---

(111) **4-0093940**
(210) 4-2006-18370
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

XUÂN HOA DIỆU PHẨM

(151) 02.01.2008
(220) 27.10.2006

(731) NGUYỄN ĐÌNH TOẠI (VN)
54/13A Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093941**
(210) 4-2005-16881
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Trắng, xanh nước biển, da cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 37: Lắp đặt; bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị văn phòng; cài đặt, bảo trì và sửa chữa phần cứng máy tính; lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện.

Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính; cho thuê máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính.

---

(111) **4-0093942**
(210) 4-2005-16882
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.3; 26.4.8
(591) Trắng, đen, xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT (VN)
89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; tất cả các chương trình và phần mềm máy tính không liên quan đến phương tiện ghi hoặc truyền, nghĩa là phần mềm được ghi trên phương tiện từ tính hoặc được tải từ mạng máy tính.

Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu các thiết bị, sản phẩm công nghệ tin học và các công nghệ khác; dịch vụ xuất nhập khẩu và mua bán máy điện thoại di động.

Nhóm 37: Lắp đặt và sửa chữa máy điện thoại; lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị văn phòng; cài đặt, bảo trì và sửa chữa phần cứng máy tính; lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện.

Nhóm 38: Cung cấp dịch vụ internet (cung cấp đường truyền).

Nhóm 41: Học viện, trường đại học (giáo dục).

Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính, tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; lập chương trình máy tính; cho thuê máy tính; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính, cập nhật phần mềm máy tính; nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (cho người thứ 3); phân tích hệ thống máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; chuyển nhượng lixăng về quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ phần mềm máy tính; cho thuê phần mềm máy tính; thiết kế chương trình máy tính; cho thuê chương trình máy tính; cập nhật chương trình phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0093943**
(210) 4-2005-04660
(181) 25.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SHISEIDO
MAQUILLAGE

(151) 02.01.2008
(220) 25.04.2005

(731) SHISEIDO COMPANY LTD (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm; bao gồm chế phẩm dưỡng da, chế phẩm chăm sóc tóc, chế phẩm chăm sóc cơ thể, và chế phẩm trang điểm.

Nhóm 21: Lược và bọt biển; bàn chải (không kể bút lông), hộp để đựng mỹ phẩm, đồ thuỷ tinh, sứ và đất nung không xếp vào nhóm khác.

---

(111) **4-0093944**
(210) 4-2005-09761
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

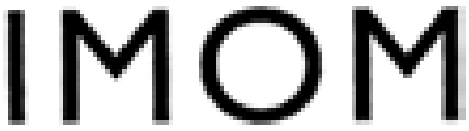

(151) 02.01.2008
(220) 04.08.2005

(731) BORYUNG MEDIENCE CO., LTD. (KR)
66-21, Wonnam-dong, Chongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Dầu mát xa dùng cho mục đích mỹ phẩm; phấn thoa mặt (mỹ phẩm); nước thơm chống nắng; chất làm mềm vải (dùng trong giặt là); dầu gội đầu; xà phòng tắm.

---

(111) **4-0093945**
(210) 4-2005-09762
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 04.08.2005

(731) BORYUNG MEDIENCE CO., LTD. (KR)
66-21, Wonnam-dong, Chongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 10: Bình sữa cho trẻ em; đầu vú giả của bình sữa (cho trẻ em bú); dụng cụ để cai sữa cho trẻ; máy hô hấp; bầu hút sữa mẹ.

---

(111) **4-0093946**
(210) 4-2005-09763
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 04.08.2005

(731) BORYUNG MEDIENCE CO., LTD. (KR)
66-21, Wonnam-dong, Chongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Tã lót trẻ em bằng giấy (dùng một lần); khăn mặt bằng giấy; giấy vệ sinh; sách; sách học hoặc báo; anbom ảnh.

---

(111) **4-0093947**
(210) 4-2005-09764
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMOM

(151) 02.01.2008
(220) 04.08.2005

(731) BORYUNG MEDIENCE CO., LTD. (KR)
66-21, Wonnam-dong, Chongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 21: Bát ăn cơm cho trẻ em (không làm bằng kim loại quý); cốc vại (ca) (không làm bằng kim loại quý); bàn chải dùng để làm sạch bình sữa cho trẻ em bú; bình cách điện; bàn chải đánh răng; bồn tắm cho trẻ em (có thể di chuyển).

---

(111) **4-0093948**
(210) 4-2005-09765
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMOM

(151) 02.01.2008
(220) 04.08.2005

(731) BORYUNG MEDIENCE CO., LTD. (KR)
66-21, Wonnam-dong, Chongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo của trẻ sơ sinh; quần áo của trẻ em; tã trẻ em bằng vải; giày cho trẻ em; tất ngắn; mũ vải (đồ đội đầu) dùng cho trẻ em.

---

(111) **4-0093949**
(210) 4-2005-09766
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMOM

(151) 02.01.2008
(220) 04.08.2005

(731) BORYUNG MEDIENCE CO., LTD. (KR)
66-21, Wonnam-dong, Chongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ đại lý bán đồ dùng trẻ em; dịch vụ cung cấp thông tin về đồ dùng cho sản phụ phục vụ mục đích quảng cáo hoặc thương mại; dịch vụ cung cấp thông tin về đồ dùng cho trẻ em phục vụ mục đích quảng cáo hoặc thương mại; dịch vụ marketing; dịch

vụ thu mua cho các doanh nghiệp khác (mua hàng hoá và dịch vụ cho các doanh nghiệp khác).

---

(111) **4-0093950**
(210) 4-2005-09767
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

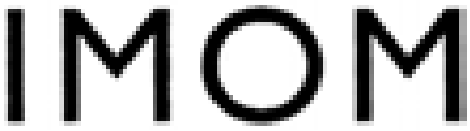

(151) 02.01.2008
(220) 04.08.2005

(731) BORYUNG MEDIENCE CO., LTD. (KR)
66-21, Wonnam-dong, Chongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Cái lúc lắc (đồ chơi); đồ chơi di động cho trẻ em; đồ chơi bằng chất dẻo; đồ chơi có nhạc; khối đồ chơi xây dựng có thể nối với nhau; ngựa gỗ bấp bênh cho trẻ con.

---

(111) **4-0093951**
(210) 4-2005-09768
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 04.08.2005

(731) BORYUNG MEDIENCE CO., LTD. (KR)
66-21, Wonnam-dong, Chongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ dự trữ máu dây rốn; dịch vụ ngân hàng máu; dịch vụ ca đẻ (hộ lý); dịch vụ cung cấp thông tin y tế về thai nghén, sinh đẻ và chăm sóc trẻ; dịch vụ bà đỡ; dịch vụ tư vấn về dược học; dịch vụ cung cấp thông tin về chăm sóc trẻ.

---

(111) **4-0093952**
(210) 4-2005-14622
(181) 01.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) APAMANSHOP NETWORK CO., LTD. (JP)
1-5, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Sách, ấn phẩm xuất bản định kỳ, tạp chí.

Nhóm 36: Quản lý toà nhà, cho thuê căn hộ, đánh giá bất động sản, thu tiền thuê nhà, các hoạt động do hãng bất động sản tiến hành, quản lý bất động sản, cho thuê bất động sản, cho thuê văn phòng (bất động sản), cung cấp thông tin về bất động sản và môi giới bất động sản, tư vấn tài chính, đánh giá tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản), quản lý tài chính, cho vay (tài chính), cung cấp thông tin về tài chính, dịch vụ ngân hàng cho vay tiền dựa trên cơ sở thế chấp, quỹ tương hỗ, môi giới chứng khoán, cho vay trên cơ sở chứng khoán, dịch vụ uỷ thác, tư vấn bảo hiểm, cung cấp thông tin bảo hiểm, bảo hiểm.

---

(111) **4-0093953**
(210) 4-2005-14623
(181) 01.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

APAMAN

(151) 02.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) APAMANSHOP NETWORK CO., LTD. (JP)
1-5, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Sách, ấn phẩm xuất bản định kỳ, tạp chí.

Nhóm 36: Quản lý toà nhà, cho thuê căn hộ, đánh giá bất động sản, thu tiền thuê nhà, các hoạt động do hãng bất động sản tiến hành, quản lý bất động sản, cho thuê bất động sản, cho thuê văn phòng (bất động sản), cung cấp thông tin về bất động sản và môi giới bất động sản, tư vấn tài chính, đánh giá tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản), quản lý tài chính, cho vay (tài chính), cung cấp thông tin về tài chính, dịch vụ ngân hàng cho vay tiền dựa trên cơ sở thế chấp, quỹ tương hỗ, môi giới chứng khoán, cho vay trên cơ sở chứng khoán, dịch vụ uỷ thác, tư vấn bảo hiểm, cung cấp thông tin bảo hiểm, bảo hiểm.

---

(111) **4-0093954**
(210) 4-2005-15458
(181) 16.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TULOKI

(151) 02.01.2008
(220) 16.11.2005

(531) 1.7.6; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ TUẤN LONG (VN)
Xóm Cầu, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Đầu đĩa, âm ly, loa, ti vi.

Nhóm 11: Tủ lạnh, máy điều hoà không khí.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: thiết bị điện, thiết bị điện tử, thiết bị điện lạnh, thiết bị điện dân dụng; quảng cáo, quản lý kinh doanh, quản lý giao dịch.

---

(111) **4-0093955**
(210) 4-2006-08509
(181) 02.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HAE KWON

(151) 02.01.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI (VN)
P1002 nhà B3b, Nam Trung Yên, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Dây điện và cáp điện.

---

(111) **4-0093956**
(210) 4-2006-11120
(181) 14.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 14.07.2006

(531) A1.11.8; A1.1.10; 3.1.1; 26.1.1
(591) Vàng, xanh lam, xanh đen, tím than, đỏ gạch
(731) CYCLE EXPRESS SERVICE CORP. (TW)
12FL., No.262, Wenlin N. RD., Beitou Chui, Taipei, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 12: Xe mô tô và các bộ phận cấu trúc của xe mô tô, bao gồm: gương chiếu hậu, má phanh, bộ đệm chân, bộ đinh vít, vỉ đèn si nhan, vỉ đèn hậu, giá đỡ đèn pha, miếng đệm dùng cho xe mô tô, bộ kẹp tay cầm.

---

(111) **4-0093957**
(210) 4-2006-15001
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OSTEALEN

(151) 02.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) ABDI IBRAHIM ILAC SANAYI VE TICARET A.S. (TR)
Kore Sehitleri Cad. No: 19 Zincirlikuyu, Istanbul, Turkey
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093958**
(210) 4-2006-16486
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 02.10.2006

(591) Xanh nước biển, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI CPN VIỆT NAM (VN)
Số 206 Quang Trung, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính (ghi trên đĩa và lấy từ internet); phần cứng máy tính bao gồm màn hình, bộ xử lý trung tâm (CPU), ổ đĩa cứng (HDD), bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (Ram), ổ đĩa mềm (FDD), bàn phím, chuột, ổ đĩa CD, ổ đĩa DVD, bộ cấp nguồn điện, bộ điều giải (modem), loa, thẻ mở rộng chức năng (card), thiết bị cấp nguồn điện liên tục (UPS), quạt gió của máy tính.

Nhóm 37: Lắp đặt máy tính.

---

(111) **4-0093959**
(210) 4-2006-16487
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 02.01.2008
(220) 02.10.2006

(591) Xanh nước biển, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI CPN VIỆT NAM (VN)
Số 206 Quang Trung, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính (ghi trên đĩa và lấy từ internet); phần cứng máy tính bao gồm màn hình, bộ xử lý trung tâm (CPU), ổ đĩa cứng (HDD), bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (Ram), ổ đĩa mềm (FDD), bàn phím, chuột, ổ đĩa CD, ổ đĩa DVD, bộ cấp nguồn điện, bộ điều giải (modem), loa, thẻ mở rộng chức năng (card), thiết bị cấp nguồn điện liên tục (UPS), quạt gió của máy tính.

Nhóm 37: Lắp đặt máy tính.

---

(111) **4-0093960**
(210) 4-2006-18101
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD.

(151) 02.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093961**
(210) 4-2005-12464
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THẾ GIỚI THỜI TRANG ÁO CƯỚI THANH HẰNG (VN)
Số 02 Thái Hà, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ chụp ảnh nghệ thuật.

Nhóm 42: Thiết kế thời trang.

Nhóm 45: Dịch vụ cho thuê áo cưới.

---

(111) **4-0093962**
(210) 4-2005-12629
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LOVELY SARAH JESSICA PARKER

(151) 03.01.2008
(220) 28.09.2005

(731) VERY FETCHING COMPANY, INC. (US)
162 Fifth Avenue, 6th Floor, New York, New York 10010, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Nước hoa và mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093963**
(210) 4-2005-16019
(181) 28.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAXITALY

(151) 03.01.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT-MỸ (VN)
Số 107, phố Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy giặt, máy vắt khô quần áo; máy rửa bát đĩa; máy hút bụi; máy xay/máy nghiền, chạy bằng điện, dùng cho mục đích gia dụng; máy bơm nước.

---

(111) **4-0093964**
(210) 4-2006-01418
(181) 26.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.11.3; 24.7.1
(731) NEW ERA CAP COMPANY, INC (a New York corporation) (US)
P.O. Box 208, 8061 Erie Road, Derby, New York 14047, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Kính râm.

Nhóm 14: Đồ nữ trang, đồng hồ đeo tay.

Nhóm 18: Túi hành lý, túi xách tay, túi đeo ở lưng, ví, kẹp tiền (bằng da).

Nhóm 25: Quần áo và giầy dép dành cho đàn ông, phụ nữ và trẻ em, mũ nón khăn đội đầu, thắt lưng.

---

(111) **4-0093965**
(210) 4-2006-01431
(181) 26.01.2016
(300) 2000514431 20.12.2005 NO
(450) 25.02.2008 239
(540)

MILA

(151) 03.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) YARA INTERNATIONAL ASA (NO)
Bygdoy alle 2, P.O. Box 2464 Solli, N-0202 Oslo, Norway
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Các sản phẩm hoá học sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp ngoại trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc diệt sâu và chất diệt ký sinh trùng; phân bón; hóa chất công nghiệp, cụ thể là hóa chất từ nitơ boa gồm amoniac, ammoni bicacbonat, ammoni nitrat, đinitơ tetroxit, axit nitric, axit clohyđric, axit phosphoric, ure, canxi cacbonat, canxi nitrat, kali nitrat; axit formic và muối của nó; chất keo tụ; khí công nghiệp, khí chuyên dụng và khí dùng để hàn, bao gồm axetylen, metyl acetylen, oxy, nitơ, argon, cacbon đioxit, cacbon monoxit, heli, hyđro, neon, krypton, xenon, metan, đơteri và hỗn hợp các khí trên, tất cả ở thể khí, lỏng hoặc rắn; chất xúc tác; các chất để làm đông lạnh; Amoni nitrat để sản xuất thuốc nổ nhũ tương.

Nhóm 13: Thuốc nổ amoni nitrat dạng dầu (ANFO), tất cả cho mục đích dân dụng.

Nhóm 44: Cho thuê trang thiết bị nông nghiệp; tư vấn và cố vấn chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp, làm vườn và lâm nghiệp.

---

(111) **4-0093966**
(210) 4-2006-01458
(181) 26.01.2016
(300) 2005/02313 09.11.2005 IE
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIATUDE

(151) 03.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)
Little Island, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093967**
(210) 4-2006-01459
(181) 26.01.2016
(300) 2005/02312 09.11.2005 IE
(450) 25.02.2008 239
(540)

PREZISTA

(151) 03.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)
Little Island, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093968**
(210) 4-2006-01496
(181) 27.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AUDIOLAB

(151) 03.01.2008
(220) 27.01.2006

(731) POINTFIELD LIMITED (GB)
IAG House, 5 Sovereign Court, Lancaster Way, Ermine Business Park, Huntingdon, PE29 6XU, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Các dụng cụ sử dụng cho việc ghi âm, truyền hoặc phát lại âm thanh hoặc hình ảnh; máy khuếch âm, dụng cụ chỉnh âm, máy hát đĩa, cần giữ đầu đọc đĩa trên máy hát đĩa, đầu đọc đĩa, bộ phận tạo dòng tần số âm thanh từ sự chuyển động của kim máy hát trên đường rãnh đĩa hát, loa phóng thanh, thiết bị ghi và phát lại âm thanh có độ trung thực cao; máy hát đĩa, máy đĩa compăc, đài (radiô), máy cát xét, micrô; băng từ thu âm; dây cáp điện, phích nối điện; ti-vi và đầu máy viđêô.

---

(111) **4-0093969**
(210) 4-2006-01497
(181) 27.01.2016
(300) 78/684,731 03.08.2005 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

NOVEC

(151) 03.01.2008
(220) 27.01.2006

(731) 3M COMPANY (a Delaware corporation) (US)
3M Center, 2501 Hudson Road, St. Paul, Minnesota 55144, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Các hóa chất sử dụng chung trong sản xuất các hóa chất chuyên ngành và dược phẩm, các linh kiện điện tử, các thiết bị y tế, các linh kiện máy bay, các chi tiết lắp ráp, các chi tiết lắp ráp thứ cấp, các bộ phận chính xác, quang học, quang điện tử học, các linh kiện trong ngành không gian vũ trụ, động cơ máy bay và phim để lưu trữ dữ liệu, hình ảnh và âm thanh; các dung môi làm loãng và dung môi lắng tụ; các chất có hoạt tính bề mặt, các chất có tác dụng ở bề mặt, thành phần hóa chất để làm thay đổi các đặc điểm bề mặt của các chất lỏng, chất phủ bề mặt và mực; các chất lỏng được sử dụng với nhiều tính năng như làm sạch, truyền nhiệt, làm lạnh, khoan và xử lý kim loại, phát hiện vân tay ẩn; hợp chất chữa cháy.

Nhóm 02: Các chất phủ bề mặt được sử dụng để bảo vệ các bộ phận điện tử và các chất phủ bề mặt được sử dụng để làm thay đổi bề mặt.

---

(111) **4-0093970**
(210) 4-2006-03868
(181) 20.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RADIANT

(151) 03.01.2008
(220) 20.03.2006

(731) DOW AGROSCIENCES LLC (US)
9330 Zionsville Road, Indianapolis, Indiana 46268, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt loài gây hại; chế phẩm diệt động vật có hại; thuốc diệt nấm; thuốc diệt cỏ; thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0093971**
(210) 4-2006-04245
(181) 23.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NAWAKI

(151) 03.01.2008
(220) 23.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHẬT BẢN (VN)
Tổ 3, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 06: Khoá bằng kim loại, bản lề bằng kim loại, đồ sắt dùng cho cửa, khóa móc, chìa khóa.

---

(111) **4-0093972**
(210) 4-2006-04447
(181) 28.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SONJOIR

(151) 03.01.2008
(220) 28.03.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093973**
(210) 4-2006-08507
(181) 02.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LA SERENÍSIMA

(151) 03.01.2008
(220) 02.06.2006

(731) MASTELLONE HNOS. S.A. (AR)
Almirante Brown 957, General Rodriguez, Buenos Aires, Argentina
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa; sữa bột; bơ; pho mát; sữa chua.

---

(111) **4-0093974**
(210) 4-2006-08508
(181) 02.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MacPILER

(151) 03.01.2008
(220) 02.06.2006

(731) MACGREGOR INTERNATIONAL S.A. (CH)
Poststrasse 9, CH-6300 Zug, Switzerland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Kim loại thường và hợp kim của kim loại thường; vật liệu xây dựng bằng kim loại; cấu kiện bằng kim loại vận chuyển được; vật liệu bằng kim loại dùng cho đường sắt; cáp và dây kim loại không dùng để dẫn điện; khoá và hàng ngũ kim bằng kim loại; ống và ống dẫn kim loại; két sắt; quặng kim loại thường.

Nhóm 07: Cần trục giàn; thang máy vận chuyển hàng; cần cẩu hàng; máy nâng; cầu thang lăn dùng trên thuyền; thang máy dùng trên tàu; máy công cụ; động cơ (không kể động cơ dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); cơ cấu ghép nối và truyền động (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); nông cụ khác với loại thủ công; máy ấp trứng.

Nhóm 12: Xe cộ dưới nước; phương tiện giao thông trên bộ, trên không hoặc dưới nước.

---

(111) **4-0093975**
(210) 4-2006-10249
(181) 30.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANTA RITA

(151) 03.01.2008
(220) 30.06.2006

(731) SOCIEDAD ANÓNIMA VINA SANTA RITA (CL)
Apoquindo 3669, Piso 6o, Las Condes, Santiago, Chile
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 33: Rượu vang.

---

(111) **4-0093976**
(210) 4-2006-10579
(181) 14.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 14.08.2006

(531) 26.4.3
(591) Xanh da trời, vàng, gạch
(731) CƠ SỞ DINH AN (VN)
14, đường Nguyễn Du, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Cháo dinh dưỡng (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093977**
(210) 4-2005-12635
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MOONLIGHT BRAND

(151) 03.01.2008
(220) 28.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TÚ LINH (VN)
229 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Màng mỏng bằng chất dẻo dùng để bao gói (màng PE); băng keo dùng cho văn phòng và gia đình.

---

(111) **4-0093978**
(210) 4-2005-12636
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

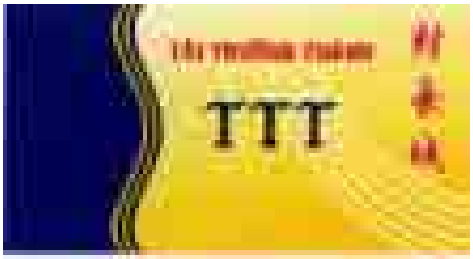

(151) 03.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) 25.5.1; A26.11.12; A26.11.13
(591) Xanh tím, vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH (VN)
192 Trần Đại Nghĩa, khu phố 4, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Dây điện; cáp điện.

---

(111) **4-0093979**
(210) 4-2005-14602
(181) 01.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LEADERCEF

(151) 03.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) NEON LABORATORIES LIMITED (IN)
140, Damji Shamji Ind. Complex, Mahakali Caves Road, Andheri (EAST), MUMBAI - 400 093, India
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093980**
(210) 4-2005-14635
(181) 02.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

12 NAM SAO
NAM SAO

(151) 03.01.2008
(220) 02.11.2005

(531) 15.7.1; 15.1.1; 15.1.25
(731) CƠ SỞ VŨ MINH SAO (VN)
Thôn Vân Chàng, xã Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 12: Chân chống xe đạp các loại, chân chống xe máy, má phanh xe máy.

---

(111) **4-0093981**
(210) 4-2005-17052
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PRASOCID

(151) 03.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093982**
(210) 4-2007-01232
(181) 17.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 17.01.2007

(531) 2.9.6; A26.11.12
(591) Cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG SINH (VN)
549 Lê Hồng Phong, phường 10, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán điện thoại bàn, điện thoại di động, mua bán linh kiện điện thoại.

---

(111) **4-0093983**
(210) 4-2005-15587
(181) 18.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 18.11.2005

(531) 26.4.1; 24.13.1
(591) Vàng, đỏ, trắng
(731) TRẦN THỊ HẠNH (VN)
Số 136, C3, khu đô thị mới Đại Kim-Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Chè (trà giải khát).

---

(111) **4-0093984**
(210) 4-2005-15719
(181) 22.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 22.11.2005

(531) 26.1.2; 26.4.2
(591) Vàng tươi, đỏ tươi, xanh dương sáng, đen, trắng, xám
(731) CÂU LẠC BỘ TƯƠNG TRỢ CÁC NHÀ DOANH NGHIỆP CÔNG THƯƠNG THỊ XÃ CHÂU ĐỐC (VN)
Số 98, đường Bạch Đằng, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Mắm cá; khô cá.

---

(111) **4-0093985**
(210) 4-2005-16840
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÚ PHÚ (VN)
78 Nguyễn Khoái, phường 2, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán: hàng thực phẩm (mì ăn liền, cháo ăn liền, bột canh, tương ớt, gia vị các loại, rượu), máy móc thiết bị ngành chế biến thực phẩm, bao bì giấy các loại, đèn điện trang trí.

---

(111) **4-0093986**
(210) 4-2005-17426
(181) 21.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEALB

(151) 03.01.2008
(220) 21.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 1 Đông Quan, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093987**
(210) 4-2005-17428
(181) 21.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

AN TRÀNG PHÚC

(151) 03.01.2008
(220) 21.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI THIÊN TRƯỜNG (VN)
Số 112, nhà I 17, tập thể IF Thành Công, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093988**
(210) 4-2005-17433
(181) 21.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEWTATILIN

(151) 03.01.2008
(220) 21.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093989**
(210) 4-2005-17447
(181) 22.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 22.12.2005

(531) 26.4.1; A20.1.3; A26.11.9; 2.1.21; 26.1.1; 3.3.1; A3.3.17; 2.1.20
(591) Đỏ, trắng, xanh, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH (VN)
350 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 37: Tư vấn trong xây dựng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; trang trí nội thất.

Nhóm 42: Kiến trúc công trình xây dựng; kiểm định công trình xây dựng; thiết lập các bản vẽ xây dựng; kỹ thuật xây dựng; thăm dò địa chất; kiểm tra chất lượng công trình xây dựng; lập bản đồ địa chất; lập bản đồ địa hình; thử nghiệm vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0093990**
(210) 4-2006-00717
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH VÂN MÙI (VN)
Số 44, đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng

(511) Nhóm 35: Mua bán: sách; văn phòng phẩm; văn hoá phẩm có nội dung được phép lưu hành; băng đĩa; thiết bị văn phòng; dụng cụ học sinh; đồ gỗ nội thất; gốm; sứ và thuỷ tinh dùng trong gia dụng.

---

(111) **4-0093991**
(210) 4-2006-00839
(181) 17.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 17.01.2006

(531) 3.1.1; A5.1.5; A5.11.11
(591) Vàng, nâu, xanh lá cây, trắng, đen
(731) DƯƠNG CÔNG KIÊN (VN)
294A Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Sữa chua.

---

(111) **4-0093992**
(210) 4-2006-01042
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.4.1; 3.7.17; 24.15.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CƠ - ĐIỆN LẠNH (VN)
Số 52 Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Tivi; đầu đọc đĩa CD - VCD; đầu đọc đĩa DVD, amply, loa đài; máy nghe nhạc.

Nhóm 11: Tủ lạnh; điều hoà; máy làm hơi nước; lò vi sóng; lò nướng; tủ giữ lạnh dùng bán hàng.

---

(111) **4-0093993**
(210) 4-2006-01074
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.5.1; 26.15.13; 14.3.1; A14.3.9
(731) MOUNTAIN HARDWEAR, INC., (a Utah corporation) (US)
14375 NW Science Park Drive, Portland, Oregon 97229, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Ba lô sử dụng cho mọi mục đích, các phụ kiện cho ba lô, túi vải buộc dây để mang đồ cắm trại hay thể thao, túi đựng đồ, túi tiện dụng, túi du lịch, túi thể thao, túi đưa thư, cặp bằng vải và túi đựng máy vi tính, túi đeo ngang hông, túi đeo trước ngực, túi đựng nước (làm bằng da), ví.

---

(111) **4-0093994**
(210) 4-2006-02110
(181) 15.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEFREN

(151) 03.01.2008
(220) 15.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG GIA DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP (VN)
20 Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093995**
(210) 4-2006-02620
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

J. CREW

(151) 03.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) J. CREW INTERNATIONAL, INC., (a Delaware corporation) (US)
802 West Street, Suite 102, Wilmington, Delaware 19801, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; đồ đội đầu.

---

(111) **4-0093996**
(210) 4-2006-02621
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ACCENTRIM

(151) 03.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) 3M COMPANY (a Delaware coporation) (US)
3M Center, 2501 Hudson Road, St. Paul, Minnesota 55144, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 17: Băng dính dùng cho gương, kính cửa sổ và các loại kính khác để tạo hình dạng góc xiên và khắc axit.

---

(111) **4-0093997**
(210) 4-2006-03226
(181) 08.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

hickey

(151) 03.01.2008
(220) 08.03.2006

(731) HICKEY-FREEMAN CO., INC. (US)
1155 North Clinton Avenue, Rochester, New York 14621, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Bộ quần áo, áo khoác thể thao, quần, áo sơ mi, áo len dài tay, áo choàng (măng tô) và áo vét tông (áo khoác); và các phụ kiện bao gồm các vật đeo ở cổ như cà-vạt, khăn quàng cổ, dây đeo quần, mũ nón và bít tất.

---

(111) **4-0093998**
(210) 4-2007-01230
(181) 17.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 17.01.2007

(531) 25.1.25
(591) Đỏ thẫm, xám, đen
(731) VĂN PHÒNG LUẬT SƯ PHƯỚC VÀ CÁC CỘNG SỰ (VN)
Lầu 6, tòa nhà Capital Place, 6 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 45: Dịch vụ tư vấn pháp lý; tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

---

(111) **4-0093999**
(210) 4-2006-01435
(181) 26.01.2016
(300) 004659975 19.10.2005 EM
(450) 25.02.2008 239
(540)

JOGA BONITO

(151) 03.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) NIKE INTERNATIONAL LTD. (US)
One Bowerman Drive, Beaverton, Oregon 97005-6453, U. S. A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giày dép và mũ nón.

Nhóm 28: Trò chơi; đồ chơi (của trẻ con); các dụng cụ thể thao, cụ thể là bóng dùng trong thể thao, quả bóng đá, quả bóng bầu dục, cái che ống chân (vật dụng thể thao), cái bảo vệ khuỷu tay (vật dụng thể thao), cái bảo vệ đầu gối (vật dụng thể thao), miếng đệm nhồi bảo vệ (bộ phận của quần áo chỉ dùng khi chơi thể thao).

Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị giáo dục và đào tạo và các cuộc thi thể thao.

---

(111) **4-0094000**
(210) 4-2006-07701
(181) 18.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KEGYNAN DEPOT

(151) 03.01.2008
(220) 18.05.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094001**
(210) 4-2005-08314
(181) 06.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Jumelle

(151) 03.01.2008
(220) 06.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CHEN SINH (VN)
Số 9 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Chất để tẩy trắng; chất để tẩy rửa; chất để đánh bóng; tinh dầu hương liệu; mỹ phẩm; thuốc đánh răng.

---

(111) **4-0094002**
(210) 4-2005-17593
(181) 26.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 26.12.2005

(531) 26.3.1; A26.11.12; 7.15.1
(591) Vàng xám, vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP QUỐC THÁI AN (VN)
417 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 37: Xây dựng: công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình kỹ thuật, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới đất và dưới nước, kết cấu công trình; san lấp mặt bằng; lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; trang trí nội ngoại thất; xử lý nền móng công trình.

---

(111) **4-0094003**
(210) 4-2005-16398
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

EYEFEEL

(151) 03.01.2008
(220) 05.12.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094004**
(210) 4-2005-16399
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KETOLERG

(151) 03.01.2008
(220) 05.12.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094005**
(210) 4-2005-12979
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ÔTÔ HƯỞNG THỤ

(151) 03.01.2008
(220) 04.10.2005

(531) 26.3.1; 26.3.23
(731) XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH Ô TÔ HÀ HƯỞNG THỤ (VN)
426 đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 37: Sửa chữa ô tô.

Nhóm 39: Vận chuyển hành khách đường bộ bằng xe taxi; cho thuê xe; vận tải bằng ô tô; dịch vụ lái xe; dịch vụ vận tải thư tín hoặc hàng hoá; công việc cứu hộ (vận tải).

---

(111) **4-0094006**
(210) 4-2005-14732
(181) 03.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TUY NEN BINH DINH
BITCO

(151) 03.01.2008
(220) 03.11.2005

(531) 1.15.5; 7.15.1; 7.15.22; 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH (VN)
Km 1215 quốc lộ 1A, xã Phước Lộc, Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Gạch nung, gạch gốm trang trí, gạch gốm lát sàn, gạch gốm ốp tường, gạch men, ngói.

---

(111) **4-0094007**
(210) 4-2005-16396
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 05.12.2005

(531) 26.1.1; 26.4.1
(591) Đen, đen nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂN HIỆP PHÁT (VN)
294 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Đồ uống trên cơ sở trà (chè) thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094008**
(210) 4-2005-16580
(181) 07.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

John Robert Powers

(151) 03.01.2008
(220) 07.12.2005

(731) JOHN ROBERT POWERS INTERNATIONAL LIMITED (PH)
4th Flr. Casmer Building, 195 Salcedo St., Legaspi Village, Makati City, Philippines
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất để tẩy trắng và các chất khác để giặt; chất để tẩy rửa, đánh bóng, tẩy dầu mỡ và mài mòn; xà phòng; nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm, nước xức tóc; thuốc đánh răng.

Nhóm 16: Giấy, các tông và sản phẩm bằng các vật liệu này mà không được xếp trong các nhóm khác; sản phẩm của ngành in; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; vật liệu dùng cho các nghệ sĩ; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); chất dẻo để bao gói (không được xếp ở những nhóm khác); chữ in; bản in đúc (clise).

Nhóm 25: Quần áo; giầy dép và đồ đi chân; mũ nón và đồ đội đầu.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục; dịch vụ đào tạo; dịch vụ giải trí; dịch vụ hoạt động thể thao và văn hoá.

---

(111) **4-0094009**
(210) 4-2005-17036
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DIABETNA

(151) 03.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13, (C4-9), khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094010**
(210) 4-2005-17037
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LOFORCY

(151) 03.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13, (C4-9), khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094011**
(210) 4-2005-17044
(181) 16.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.1.1
(731) KOREA TEXTILE INSPECTION & TESTING INSTITUTE (KR)
819-5 Yeoksam 1-Dong Gangnam-Gu Seoul 135 932 Korea
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 42: Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật kiểm định và phân tích, giám sát và đảm bảo chất lượng, nghiên cứu và phát triển sản phẩm tiêu dùng; cung cấp các dịch vụ hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho các dịch vụ kể trên.

---

(111) **4-0094012**
(210) 4-2005-17047
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ABACID

(151) 03.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094013**
(210) 4-2005-17048
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Curemed HealthCare

(151) 03.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094014**
(210) 4-2005-17051
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MELCOM

(151) 03.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094015**
(210) 4-2005-12179
(181) 19.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 19.09.2005

(531) A5.3.15
(731) BEVERAGE PARTNERS WORLDWIDE S.A. (CH)
In der Luberzen 42, Urdorf, Switzerland CH-8902
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Chè; đồ uống chế trên cơ sở chè; đồ uống được pha sẵn để uống liền chế trên cơ sở chè; cà phê; đồ uống chế trên cơ sở cà phê và đồ uống được pha sẵn để uống liền chế trên cơ sở cà phê; bột cà phê; bột ca cao; bột sôcôla và đồ uống chế trên cơ sở cà phê; đồ uống chế trên cơ sở ca cao; đồ uống chế trên cơ sở sôcôla.

Nhóm 32: Nước khoáng và nước có ga; đồ uống không chứa cồn; đồ uống hoa quả và nước ép trái cây; si rô và chế phẩm dùng để làm đồ uống.

---

(111) **4-0094016**
(210) 4-2005-12951
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PROTEMP

(151) 03.01.2008
(220) 04.10.2005

(731) 3M COMPANY (a Delaware Corporation) (US)
3M Center, 2501 Hudson Road, St. Paul, Minnesota 55144, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các vật liệu phục hồi răng.

---

(111) **4-0094017**
(210) 4-2005-13164
(181) 07.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

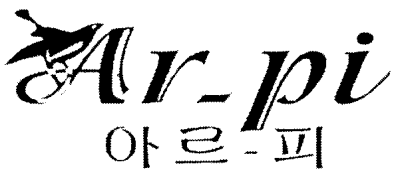

(151) 03.01.2008
(220) 07.10.2005

(531) A3.7.24
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LOAN THANH (VN)
121/926A Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Mũ (nón); tất (vớ); găng tay (trang phục); quần; áo thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094018**
(210) 4-2005-13165
(181) 07.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GA-pie
가피 OH

(151) 03.01.2008
(220) 07.10.2005

(531) A3.7.24
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LOAN THANH (VN)
121/926A Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Mũ (nón); tất (vớ); găng tay (trang phục); quần; áo thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094019**
(210) 4-2005-14746
(181) 04.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

REEMBO

(151) 03.01.2008
(220) 04.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH (VN)
P4, nhà B2, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi xách; túi đựng hành lý; ba lô; túi xách đi chợ của phụ nữ; túi đeo vai; ví.

---

(111) **4-0094020**
(210) 4-2005-17609
(181) 26.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

AOYAMA

(151) 03.01.2008
(220) 26.12.2005

(731) NIPPON MENARD COSMETIC CO., LTD. (JP)
130, Torimi-cho 2-chome, Nishi-ku, Nagoya-shi, Aichi 451-0071 Japan
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa; xà phòng và chất tẩy rửa; thuốc đánh răng; sản phẩm nước hoa, các chế phẩm có hương thơm và hương trầm (nhang) cụ thể là tinh dầu hoa nhài, tinh dầu cây đinh hương, dầu bạc hà, tinh dầu cây vani, tinh dầu hoa hồng, tinh dầu

bergamot, tinh dầu cây oải hương, xạ hương tự nhiên, long diên hương (dùng làm chất lưu hương), nước hoa tổng hợp, chế phẩm có hương trầm (nhang) để xông hơi (kunko) và túi bột thơm (ướp nước hoa để làm thơm đồ bằng vải); móng tay giả; lông mi giả; tinh dầu mang hương vị thực phẩm.

---

(111) **4-0094021**
(210) 4-2006-10211
(181) 30.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TƯỜNG KHUÊ

(151) 03.01.2008
(220) 30.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TƯỜNG KHUÊ (VN)
Số 48 đường 3/2, Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng cho công nghiệp, lâm nghiệp, khoa học; hoá chất dùng để bảo quản thực phẩm (trừ các loại hoá chất Nhà nước cấm).

Nhóm 03: Nước hoa, mỹ phẩm; nước rửa chén bát, đánh bóng; chất khử mùi dùng cho cá nhân.

Nhóm 05: Sản phẩm dược; sản phẩm thú y; thực phẩm ăn kiêng dùng trong y học; thực phẩm cho trẻ em; thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là thuốc trừ sâu.

Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ giải phẫu y tế, nha khoa và thú y; dụng cụ chỉnh hình; vật liệu khâu vết thương.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; ống cứng phi kim loại dùng cho xây dựng; gỗ lát tường sàn; cửa, cửa sổ hai cánh không bằng kim loại; kính an toàn (dùng trong xây dựng).

Nhóm 32: Bia; nước khoáng thiên nhiên đóng chai; nước uống hoa quả có ga; đồ uống hoa quả; xi-rô.

Nhóm 33: Đồ uống có chứa cồn (trừ bia); chiết xuất của trái cây với cồn; đồ uống chứa cồn có hoa quả.

Nhóm 35: Buôn bán vắc xin, sinh phẩm; buôn bán dược phẩm; buôn bán mỹ phẩm; buôn bán các loại hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm).

Nhóm 36: Bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; tư vấn tài chính; mua bán bất động sản; cho thuê căn hộ, văn phòng; môi giới chứng khoán.

Nhóm 39: Vận tải hàng hoá; đóng gói và lưu kho hàng hoá; tổ chức du lịch; các dịch vụ liên quan đến việc cho thuê phương tiện vận chuyển.

Nhóm 41: Giáo dục và đào tạo; giải trí; các hoạt động thể thao và văn hoá như chơi bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Nhóm 42: Chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và thiết kế trong lĩnh vực y tế, dược phẩm, công nghiệp, nông nghiệp; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính.

Nhóm 43: Các dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống như: căng tin, nhà hàng, quán rượu nhỏ, quán ăn tự phục vụ; cho thuê phòng họp, chỗ ở tạm thời như: nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn.

Nhóm 44: Dịch vụ y tế; chăm sóc vệ sinh và sắc đẹp cho người hoặc động vật; tư vấn về sử dụng thuốc; các dịch vụ phân tích y tế liên quan đến điều trị ở người (xét nghiệm X quang và thử máu); phòng chữa bệnh.

---

(111) **4-0094022**
(210) 4-2005-05573
(181) 13.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

puriku

(151) 03.01.2008
(220) 13.05.2005

(731) T.C. PHARMACEUTICAL INDUSTRIES CO., LTD (TH)
39/13 Mu 8, Ekachai Road, Bangbon Sub-District, Bangbon District, Bangkok 10150, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Chè, cà phê, ca cao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê; bột và sản phẩm làm từ bột ngũ cốc, bánh mì, bánh, mứt, kẹo, kem; mật ong, nước mật đường; men, bột nở; muối, tương hạt cải; dấm và nước xốt (được sử dụng như gia vị); gia vị; kem lạnh, nước xốt hoa quả; đồ uống làm từ chè, đồ uống làm từ chè trắng, đồ uống được chế biến trên cơ sở chè, đồ uống làm từ cà phê, đồ uống được chế biến trên cơ sở cà phê.

Nhóm 32: Bia; nước khoáng, nước có ga và đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi-rô và chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0094023**
(210) 4-2005-07101
(181) 14.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SIKO

(151) 03.01.2008
(220) 14.06.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SIKO (SIKO CO.,LTD) (VN)
Dốc Đồng Trì, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 11: Đèn; máng đèn Neon (đèn tuýp); chụp đèn, chao đèn; bóng đèn chiếu sáng; đui dùng cho đèn điện; đèn pha dùng để rọi sáng.

---

(111) **4-0094024**
(210) 4-2005-16890
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Dadada

(151) 03.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH VẠN XUÂN (VN)
231 Chiến Lược, khu phố 18, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Đông dược.

---

(111) **4-0094025**
(210) 4-2005-16891
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEFOVIDI

(151) 03.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA (VN)
19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094026**
(210) 4-2005-16892
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEFTRIVIDI

(151) 03.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA (VN)
19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094027**
(210) 4-2005-17034
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ETYPE ENGINEERING

(151) 03.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH ARCHETYPE VIỆT NAM (VN)
142 phố Đội Cấn, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ tư vấn xây dựng.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn kiến trúc; dịch vụ thiết kế mặt bằng xây dựng; dịch vụ khảo sát xây dựng.

---

(111) **4-0094028**
(210) 4-2005-17035
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PRESSNADI

(151) 03.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13, (C4-9), khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094029**
(210) 4-2005-02140
(181) 01.03.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BAO

(151) 03.01.2008
(220) 01.03.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ BÌNH DƯƠNG (BIPHARCO) (VN)
6/3 đại lộ Bình Dương, Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0094030**
(210) 4-2005-12177
(181) 19.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 19.09.2005

(531) 2.1.1
(731) TAHITIAN NONI INTERNATIONAL, INC. (US)
333 West River Park Drive, Provo, Utah 84604, U.S.A
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm chăm sóc da, cụ thể là chất làm sạch da, nước thơm dùng cho da, dầu dưỡng da dạng gel, kem làm ẩm da, kem làm căng da mặt, hỗn hợp tinh dầu thơm dùng cho da, kem chống nắng, nước thơm dùng cho da sau khi phơi nắng; chế phẩm chăm sóc tóc, cụ thể là dầu gội đầu, dầu xả, nước dưỡng tóc, chất làm phục hồi tóc, chất giữ ẩm cho tóc, chế phẩm tạo kiểu tóc; sản phẩm dùng để tắm, cụ thể là xà phòng tắm và dầu tắm.

Nhóm 32: Nước ga; nước ép trái cây; nước khoáng; nước ép có ga; nước ngọt có ga; nước ép rau quả dạng cô đặc; nước ép hỗn hợp rau và quả; nước ép rau quả; hỗn hợp đồ uống dạng bột dùng làm nước ép; đồ uống dùng trong thể thao; xi-rô để làm đồ uống hoa quả.

---

(111) **4-0094031**
(210) 4-2005-16230
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GREEN LOTUS

(151) 03.01.2008
(220) 01.12.2005

(531) A26.11.13
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK) (VN)
36-38 Ngô Đức Kế, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Sữa; sữa chua.

Nhóm 30: Kem lạnh; bánh ngọt; bánh Flan; bột dinh dưỡng (làm từ ngũ cốc).

Nhóm 32: Bia; nước tinh khiết; nước ép trái cây; sữa đậu nành; nước giải khát không cồn.

---

(111) **4-0094032**
(210) 4-2005-16299
(181) 02.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

minhhạnh

(151) 03.01.2008
(220) 02.12.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NỘI THẤT VĂN PHÒNG MINH MINH HẠNH (VN)
156/6 A ấp Thới Tây 2, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Tủ; giường; bàn; ghế; quầy hàng; kệ bếp (kệ đựng đồ trong bếp).

---

(111) **4-0094033**
(210) 4-2005-16300
(181) 02.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Mitico

(151) 03.01.2008
(220) 02.12.2005

(731) CƠ SỞ MINH TIẾN (VN)
02B - 60B Bùi Minh Trực, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Máy tập thể dục đa năng; dụng cụ tập thể hình; xe đạp cố định dùng để tập thể dục; ghế tập thể dục toàn thân; máy tập bụng; vợt cầu lông.

---

(111) **4-0094034**
(210) 4-2005-16493
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Walkie bits

(151) 03.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) TAKARA CO., LTD. (JP)
No. 19-16, 4-chome, Aoto, Katsushika-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi và búp bê.

---

(111) **4-0094035**
(210) 4-2005-16634
(181) 08.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

タカラ

TAKARA

(151) 03.01.2008
(220) 08.12.2005

(731) TAKARA CO., LTD. (JP)
No. 19-16, 4-chome, Aoto, Katsushika-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi; búp bê; trò chơi.

---

(111) **4-0094036**
(210) 4-2005-16885
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 03.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.5.1; A5.5.21; A5.5.20; A5.3.15
(591) Đỏ, trắng, xanh đen, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG MAI XANH (VN)
Khu A, trụ sở Uỷ ban nhân dân phường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Môi giới thương mại (không thuộc các nhóm khác); mua bán các nông sản và thực phẩm; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ nghiên cứu thị trường; đại lý xuất nhập khẩu; dịch vụ tiếp thị.

Nhóm 36: Đầu tư khu du lịch sinh thái; đầu tư khu vui chơi giải trí; đầu tư khu đô thị; kinh doanh bất động sản; mua bán nhà; cho thuê nhà.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng; xây dựng các công trình công nghiệp; xây dựng khu đô thị; xây dựng khu hạ tầng đô thị; khai thác cát đá sỏi; san lấp hạ tầng.

Nhóm 39: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; bảo quản hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi; cho thuê các loại xe có động cơ; vận tải đường thủy; dịch vụ du lịch sinh thái.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; dịch vụ xử lý nước cấp và nước thải để bảo vệ môi trường; sản xuất nông sản; sản xuất thực phẩm; chế biến nông sản; chế biến thực phẩm (tất cả các dịch vụ trên được thực hiện theo đơn đặt hàng).

Nhóm 41: Dịch vụ karaoke; dịch vụ bể bơi; cung cấp dịch vụ cho các hoạt động thể thao; dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ giáo dục kỹ năng, kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhóm 43: Kinh doanh nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; dịch vụ cung cấp các tiện nghi cho các cuộc hội nghị và hội thảo; dịch vụ cung cấp phòng ở tạm thời.

Nhóm 44: Trồng trọt; chăn nuôi; nuôi, trồng thủy sản; dịch vụ chăm sóc y tế; dịch vụ chăm sóc cá nhân (dịch vụ thẩm mỹ).

---

(111) **4-0094037**
(210) 4-2005-16889
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

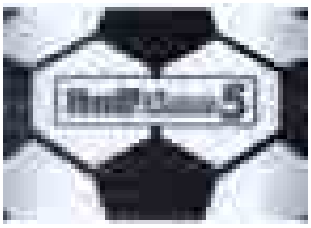

(151) 03.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) A25.7.5; 26.4.2; 26.5.4
(591) Đen, đen nhạt, trắng
(731) NATUZI TRADING PTE LTD (SG)
No. 8 Kaki Bukit Road 2, #02-10 Ruby Warehouse Complex, Singapore 417841
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 34: Đầu lọc thuốc lá; đầu ngậm điếu thuốc lá; thuốc lá điếu; thuốc lá không đầu lọc, xì gà, bật lửa cho người hút thuốc; hộp đựng diêm không làm từ kim loại quý; thuốc lá.

---

(111) **4-0094038**
(210) 4-2006-05350
(181) 10.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NILTAC

(151) 03.01.2008
(220) 10.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094039**
(210) 4-2005-10949
(181) 25.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CETRINE

(151) 03.01.2008
(220) 25.08.2005

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad 500 016, India.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094040**
(210) 4-2005-10984
(181) 26.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LEBATONIL

(151) 03.01.2008
(220) 26.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094041**
(210) 4-2005-13468
(181) 12.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PHÚ CƯỜNG

Lucky HOTELS

(151) 04.01.2008
(220) 12.10.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH PHÚ CƯỜNG (VN)
Số 12 phố Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Khách sạn (không bao gồm dịch vụ nhà hàng ăn uống).

---

(111) **4-0094042**
(210) 4-2005-14029
(181) 21.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.4; 25.7.20; A26.11.8
(731) ACUSHNET COMPANY (US)
333 Bridge Street, FAIRHAVEN, Massachusetts, 02719, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Trò chơi nằm trong nhóm này, đồ chơi nằm trong nhóm này, dụng cụ thể dục thể thao không nằm trong các nhóm khác; đồ trang hoàng cây Noel (trừ đồ vật chiếu sáng và bánh kẹo); dụng cụ chơi gôn, cụ thể là gậy đánh gôn.

---

(111) **4-0094043**
(210) 4-2005-14030
(181) 21.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VOKEY DESIGN

(151) 04.01.2008
(220) 21.10.2005

(731) ACUSHNET COMPANY (US)
333 Bridge Streer, FAIRHAVEN, Massachusetts, 02719, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Trò chơi nằm trong nhóm này, đồ chơi nằm trong nhóm này, dụng cụ thể dục thể thao không nằm trong các nhóm khác; đồ trang hoàng cây Noel (trừ đồ vật chiếu sáng và bánh kẹo); dụng cụ chơi gôn, cụ thể là gậy đánh gôn.

---

(111) **4-0094044**
(210) 4-2005-16227
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 01.12.2005

(531) 26.4.2
(591) Đen, da cam
(731) CÔNG TY TNHH PHA LÊ VIỆT TIỆP (VN)
139 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Đồ thuỷ tinh gia dụng cụ thể là: chậu chứa (cái đựng), cốc vại để uống bia, đồ đựng giữ nhiệt dùng cho đồ uống, cái mở nút chai, chai lọ, chai làm lạnh, cái tô, bát thuỷ tinh, hộp đựng kẹo làm bằng thuỷ tinh, hộp bằng thuỷ tinh, tượng nửa người bằng thuỷ tinh, đĩa đựng bơ, nắp đậy đĩa bơ, bộ đồ uống rượu (khay để phục vụ làm bằng thuỷ tinh), giá đỡ cây đèn nến làm bằng thuỷ tinh, bình lớn có vỏ bọc ngoài (để đựng hoá chất), bô vệ sinh để trong phòng, nắp đậy đĩa pho mát, cái khoá của vung nồi, bình pha cà phê không dùng điện, bộ đồ uống cà phê làm bằng thuỷ tinh, đồ chứa đựng dùng trong gia đình và nhà bếp làm bằng thuỷ tinh, khuôn dùng cho nhà bếp, lọ đựng bánh kẹo, bộ nồi niêu xoong chảo của nhà bếp, xoong nồi, hộp đựng (đồ dùng) dùng cho mỹ phẩm, lọ đựng làm bằng thuỷ tinh, khay đựng thức ăn rơi vãi, đồ pha lê (đồ thuỷ tinh), cốc để uống, bình để uống, dụng cụ đun nóng bình sữa không dùng điện, tượng nhỏ bằng thuỷ tinh, bát thuỷ tinh, nút thuỷ tinh, bình cầu để đựng bằng thuỷ tinh, bình (vại) bằng thuỷ tinh, cốc (đồ đựng), bình thuỷ tinh, đồ khảm thuỷ tinh (không dùng trong xây dựng), nắp bình hay lọ, bình hoặc lọ, bình hoặc lọ để cắm hoa, bình đựng làm bằng thuỷ tinh, ấm trà làm bằng thuỷ tinh, hộp đựng tăm làm bằng thuỷ tinh.

---

(111) **4-0094045**
(210) 4-2006-00130
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANBEPOLIFRISIN

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094046**
(210) 4-2006-00132
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANBESINOFLU

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094047**
(210) 4-2006-00133
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANBETRYPANZYM

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094048**
(210) 4-2006-00134
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANBEBIOSENTA

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094049**
(210) 4-2006-00141
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANBESPIMYCIN

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094050**
(210) 4-2006-00144
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(591) Tím than, nâu đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH IN ẤN ĐA SẮC (VN)
Số 47 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 40: In ốp sét, in mẫu vẽ, in ảnh chụp, dịch vụ in, in li tô, in giấy nến.

---

(111) **4-0094051**
(210) 4-2006-00147
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(531) A1.5.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN - SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TIẾN THỊNH (VN)
3M Ngô Quyền, F6 - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe gắn máy, ôtô.

---

(111) **4-0094052**
(210) 4-2006-00225
(181) 05.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 05.01.2006

(531) 6.1.2; A5.1.5; A7.1.9; A7.1.11; 7.1.24
(591) Vàng, đỏ, xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) ĐỖ ĐÌNH HỒNG (VN)
Km số 64 Chiềng Đi, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

(111) **4-0094053**
(210) 4-2006-00283
(181) 06.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 06.01.2006

(531) A1.1.10; 6.1.2; 26.3.4
(591) Xanh lá cây, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TAM SƠN (VN)
Phòng 501 - A2, tập thể Ngọc Khánh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà ở và khu đô thị, kinh doanh bất động sản, mua bán và cho thuê nhà, môi giới nhà đất, cho thuê văn phòng và cơ sở hạ tầng.

---

(111) **4-0094054**
(210) 4-2006-00790
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AWS

(151) 04.01.2008
(220) 16.01.2006

(731) CASTROL LIMITED (GB)
Wakefield House, Pipers Way, Swindon, Wiltshire, SN3 1RE, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Các sản phẩm hoá học được sử dụng trong công nghiệp luyện kim; chế phẩm, chất lưu và dầu dùng trong gia công cơ khí (cắt gọt) và/hoặc gia công kim loại; chất lưu và dầu dùng trong kỹ thuật để cắt, nghiền (làm mát và trơn bề mặt tiếp xúc và lấy đi những tạp bẩn hay mảnh vụn trong quá trình gia công); chất làm nguội; chất hoà tan (dung môi); chất lưu thủy lực; chất nhũ tương; các chế phẩm hoá học dùng trong việc chống gỉ; chất lưu dùng để truyền động; chất lưu dùng để hãm; chất lưu truyền động năng lượng thuỷ lực.

Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; dầu nhờn hay chất bôi trơn; dầu và mỡ bôi trơn; nhiên liệu; chất phụ gia (không phải là chất phụ gia hoá học) dùng cho nhiên liệu, chất bôi trơn và mỡ; chất hút bụi, làm ướt bụi và làm dính bụi; vật liệu cháy sáng; dầu bôi trơn là dầu thuỷ lực.

---

(111) **4-0094055**
(210) 4-2005-09744
(181) 24.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BORAM-MAGNEMIN

(151) 04.01.2008
(220) 24.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
90B/12C Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094056**
(210) 4-2005-09760
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

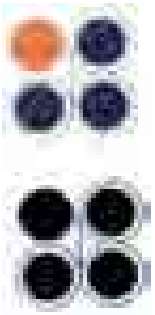

(151) 04.01.2008
(220) 04.08.2005

(531) 26.1.6; A25.7.6
(591) Đen, trắng, da cam, xám
(731) ONG & ONG ARCHITECTS PTE LTD (SG)
510 Thomson Road, #11-00 SLF Building, Singapore 298135
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn kiến trúc; kiến trúc; thiết kế trang trí nội thất; thiết kế đồ họa.

Nhóm 44: Dịch vụ về nghề làm vườn hoa và cây cảnh.

---

(111) **4-0094057**
(210) 4-2005-14818
(181) 07.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 07.11.2005

(531) 26.1.1
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH TƯ THẠCH (VN)
ấp Định Thới A, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

(511) Nhóm 21: Gốm sứ gia dụng trang trí như: bình hoa, lọ hoa, chậu hoa, thố, ấm, khay.

---

(111) **4-0094058**
(210) 4-2005-16224
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SAIGON V-BELT

(151) 04.01.2008
(220) 01.12.2005

(531) 26.1.1; A1.1.2
(731) CÔNG TY CAO SU BẾN THÀNH (VN)
45 Ông ích Khiêm, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Dây curoa dùng cho máy móc.

---

(111) **4-0094059**
(210) 4-2005-16232
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PRO

(151) 04.01.2008
(220) 01.12.2005

(531) 24.15.1; A24.15.11
(731) SHIMANO INC. (also known as Kabushiki Kaisha Shimano) (JP)
77 Oimatsu-cho, 3-cho, Sakai, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm làm sạch xích xe đạp.

Nhóm 06: Quả khoá dùng cho xe đạp; chìa khoá dùng cho xe đạp.

Nhóm 08: Dụng cụ vận hành bằng tay, dụng cụ vận hành bằng tay có lưỡi dao hoặc có đầu nhọn.

Nhóm 09: Máy tính dùng cho xe đạp, cơ công kế dùng cho xe đạp; mũ bảo hiểm; kính mắt; kính mắt dùng trong thể thao; kính râm; đồ đeo mắt và bộ phận của đồ đeo mắt; dụng cụ chỉ báo tốc độ; màn hình (monitor) giám sát nhịp tim.

Nhóm 11: Đèn dùng cho xe đạp.

Nhóm 12: Xe đạp, các bộ phận và phụ tùng dùng cho xe đạp không được xếp ở các nhóm khác, cụ thể là lốp xe, phần tay nắm ghi đông xe, bộ phận bảo vệ săm xe, yên xe, giỏ xe, cái đèo hàng ở xe, giá để đựng đồ gắn vào xe, khung xe, xích xe, cái chắn xích, moay ơ, cái đèo hành lý lắp trên xe, bộ phận kéo dài ra dùng để lắp cái đèo hành lý vào, pê đan, bơm hơi dùng cho xe, ống lắp vào cái bơm xe, phanh xe, bánh răng tốc độ, dây dùng cho cái đèo hàng, nan hoa, cái chắn bùn, nắp chắn bùn, gương hậu, ghi đông xe, chân chống xe, bộ phận nới rộng ra của ghi đông, dải ruy băng quấn vào ghi đông xe, cái kẹp vào ghi đông xe, cái đỡ săm xe, săm xe, vành bánh xe, vành, móc để chân, cái bơm hơi dùng chân, cái để chân, phuộc xe đạp (cũng có lò xo), cái líp xe đạp, bánh xe, giá để

xe đạp dùng cho ô tô, đệm yên xe, bu lông chốt yên xe, chốt yên xe, bộ bu lông, bu lông quay, vòng đệm kín, cái lau xích, yên xe (cũng có lò xo), bánh xe bên, tay phanh, cái điều chỉnh ghi đông, chuông xe, ghế ngồi của trẻ em dùng cho xe đạp, cái bảo vệ dây chằng xích; túi bọc yên.

Nhóm 18: Túi, túi đi mua sắm, túi nhỏ.

Nhóm 21: Chai đựng nước.

Nhóm 25: Quần áo, bộ quần áo đi mưa, áo choàng đi mưa, áo ponsô đi mưa, quần áo thể thao, quần áo bằng ni lông, quần áo mặc khi đua xe đạp, quần áo mặc khi đi xe đạp, áo khoác, áo chẽn không tay, áo vét, quần áo lót, đồ đi ở chân, giày bao ngoài, giày để đi xe đạp, áo khoác ngoài, giày dùng khi đua xe đạp, giày đi bộ, cái bọc giày, mũ, mũ lưỡi trai, găng tay (trang phục), dây đeo quần, tất ngắn, quần mặc khi đi xe đạp.

Nhóm 28: Dụng cụ thể thao; găng tay dùng khi đua xe đạp

---

(111) **4-0094060**
(210) 4-2005-16296
(181) 02.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 02.12.2005

(531) 25.7.20; 26.4.2; 26.7.25; A26.1.18; A26.4.6
(591) Xanh đậm, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN (VN)
268 Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Đại lý ký gửi hàng hóa, đại lý cung cấp dịch vụ Internet, mua bán cà phê bột hạt, nước giải khát, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, mua bán rượu bia, thực phẩm, thực phẩm công nghệ, mua bán tranh, băng đĩa nhạc có nội dung được phép lưu hành, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, văn phòng phẩm, mỹ phẩm, quần áo, mua bán máy móc thiết bị phụ tùng nông ngư cơ - cơ khí, hàng kim khí điện máy, sản phẩm điện tử, đồ dùng gia đình; cửa hàng bán lẻ, phân phối hàng hoá, siêu thị.

Nhóm 36: Kinh doanh và cho thuê nhà, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Nhóm 38: Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (dịch vụ cung cấp đường truyền Internet).

Nhóm 41: Dịch vụ bida; tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp, tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094061**
(210) 4-2006-00135
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANBEPOLIDEMISIN

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java. Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094062**
(210) 4-2006-00137
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANBEPROLIC

(151) 04.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094063**
(210) 4-2006-01551
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PYMEFLU

(151) 04.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ PHÚ YÊN - PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094064**
(210) 4-2006-15859
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BONUSLINK

(151) 04.01.2008
(220) 20.09.2006

(731) BONUSKAD LOYALTY SDN BHD (MY)
Level 6 Bangunan CGC, Kelana Business Centre 97 Jalan SS7/2, 47301 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ marketing và quảng cáo trực tuyến hoặc qua các phương tiện điện tử hoặc các phương tiện khác về các hàng hoá và dịch vụ cho những người khác; quảng cáo - khuếch trương trực tuyến hoặc qua các phương tiện điện tử hoặc các phương tiện khác nhằm duy trì khách hàng thường xuyên sử dụng các hàng hoá và dịch vụ của những người khác; tổ chức, điều hành và giám sát chương trình duy trì và phát triển khách hàng thường xuyên.

---

(111) **4-0094065**
(210) 4-2006-17658
(181) 20.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

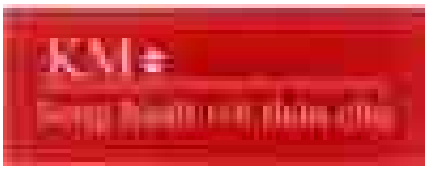

(151) 04.01.2008
(220) 20.10.2006

(531) 26.3.2; 26.4.2
(591) Đỏ, trắng
(731) VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KIM MINH (VN)
32 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực tố tụng; tư vấn pháp luật.

---

(111) **4-0094066**
(210) 4-2006-01529
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

WE'VE GOT YOU COVERED

(151) 04.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) AMERICAN INTERNATIONAL GROUP, INC. (US)
70 Pine Street, New York, New York 10270
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm và tài chính.

---

(111) **4-0094067**
(210) 4-2006-01530
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AIG ASSIST

(151) 04.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) AMERICAN INTERNATIONAL GROUP, INC. (US)
70 Pine Street, New York, New York 10270
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm và tài chính.

---

(111) **4-0094068**
(210) 4-2006-01531
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AIG STUDENT ASSIST

(151) 04.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) AMERICAN INTERNATIONAL GROUP, INC. (US)
70 Pine Street, New York, New York 10270
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm và tài chính.

---

(111) **4-0094069**
(210) 4-2006-01532
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AIG CORPORATE ASSIST

(151) 04.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) AMERICAN INTERNATIONAL GROUP, INC. (US)
70 Pine Street, New York, New York 10270
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm và tài chính.

---

(111) **4-0094070**
(210) 4-2006-01533
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AIG S.E. ASIA

(151) 04.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) AMERICAN INTERNATIONAL GROUP, INC. (US)
70 Pine Street, New York, New York 10270
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm và tài chính.

---

(111) **4-0094071**
(210) 4-2006-15950
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 22.09.2006

(531) A5.1.12; 26.1.1; 1.3.1
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh nước biển, vàng đất
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TRÚC GIANG (VN)
200B, Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 33: Rượu đế.

---

(111) **4-0094072**
(210) 4-2006-15970
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐẠI PHÚC THỌ

(151) 04.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CTY THƯƠNG MẠI NGỌC HƯƠNG (VN)
274C khóm 3, phường 5, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 30: Kẹo dừa.

(111) **4-0094073**
(210) 4-2006-15972
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VẠN THÀNH

(151) 04.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI NGỌC HƯƠNG (VN)
274C khóm 3, phường 5, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 30: Kẹo dừa.

---

(111) **4-0094074**
(210) 4-2006-15973
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐẠI PHÚ THÀNH

(151) 04.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI NGỌC HƯƠNG (VN)
274C khóm 3, phường 5, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 30: Kẹo dừa.

---

(111) **4-0094075**
(210) 4-2006-17850
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LORVAS

(151) 04.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India.
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094076**
(210) 4-2006-17851
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DEPLATT

(151) 04.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094077**
(210) 4-2006-17852
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEXZAC

(151) 04.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094078**
(210) 4-2006-17853
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANDROZ

(151) 04.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094079**
(210) 4-2006-17854
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FELIZ-S

(151) 04.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094080**
(210) 4-2006-01738
(181) 09.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 04.01.2008
(220) 09.02.2006

(531) 7.1.24
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT ĐỨC (VN)
Số 18 ngõ 79 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094081**
(210) 4-2006-03738
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) 24.15.2; A24.15.13
(731) DKSH Corporate Shared Services Center Sdn Bhd. (MY)
74 Jalan University, 46200 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; lập chương trình máy tính; nhân bản chương trình máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; cài đặt phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; chuyển đổi dữ liệu cho các chương trình máy tính và dữ liệu máy tính; tạo ra và duy trì các trang web cho người khác và bảo trì phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094082**
(210) 4-2006-03739
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) 24.15.2; A24.15.13
(731) DKSH CORPORATE SHARED SERVICES CENTER SDN BHD (MY)
74 Jalan University, 46200 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; lập chương trình máy tính; nhân bản chương trình máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; cài đặt phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; chuyển đổi dữ liệu cho các chương trình máy tính và dữ liệu máy tính; tạo ra và duy trì các trang web cho người khác và bảo trì phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094083**
(210) 4-2006-03740
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) 24.15.2; A24.15.13
(731) DKSH CORPORATE SHARED SERVICES CENTER SDN BHD (MY)
74 Jalan University, 46200 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; lập chương trình máy tính; nhân bản chương trình máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; cài đặt phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; chuyển đổi dữ liệu cho các chương trình máy tính và dữ liệu máy tính; tạo ra và duy trì các trang web cho người khác và bảo trì phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094084**
(210) 4-2006-03741
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) 24.15.2; A24.15.13
(731) DKSH CORPORATE SHARED SERVICES CENTER SDN BHD. (MY)
74 Jalan University, 46200 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; lập chương trình máy tính; nhân bản chương trình máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; cài đặt phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; chuyển đổi dữ liệu cho các chương trình máy tính và dữ liệu máy tính; tạo ra và duy trì các trang web cho người khác và bảo trì phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094085**
(210) 4-2006-03715
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Đen, trắng, vàng, xanh lam
(731) HENKEL KOMMANDITGESELLSCHAFT AUF AKTIEN (DE)
HenkelstraBe 67, 40589 DUSSELDORF, Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Chất để giặt và tẩy rửa, chất để rửa bộ đồ ăn và giặt quần áo; xà phòng, chất chống cáu cặn dùng trong gia đình, các chất làm sạch, đánh bóng, cọ và mài, các chế phẩm hoá học dùng để làm sạch kim loại, đồ sứ, kính, gỗ, đá, đồ tráng men, đồ gốm và đồ nhựa.

Nhóm 05: Chất tẩy uế và khử mùi không dùng cho cá nhân; chất khử mùi và làm sạch không khí.

---

(111) **4-0094086**
(210) 4-2006-03744
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZUMTIL

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094087**
(210) 4-2006-07935
(181) 23.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 23.05.2006

(531) A5.5.21
(731) CJ CORP (KR)
500, 5ga, Namdaemoon-no, Chung-ku, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển phức hợp quốc tế, dịch vụ giao kiện hàng; dịch vụ đặt chỗ vận chuyển hàng; dịch vụ thông tin vận chuyển; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ di dời đồ đạc; dịch vụ vận chuyển đồ đạc; dịch vụ cho thuê xe cộ; dịch vụ giao nhận nhanh thư và bưu kiện; dịch vụ chuyên chở, giao nhận hàng hoá; dịch vụ vận chuyển hàng hoá; dịch vụ lưu giữ hàng hoá; dịch vụ cho thuê kho hàng; dịch vụ lưu kho hàng hoá; dịch vụ giao hàng.

---

(111) **4-0094088**
(210) 4-2006-15679
(181) 18.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OMEPRISEC

(151) 07.01.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094089**
(210) 4-2006-15852
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐẠI DƯƠNG

(151) 07.01.2008
(220) 20.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI DƯƠNG (VN)
H32A Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ mua bán bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ cho thuê bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng công trình dân dụng, dịch vụ xây dựng công trình công nghiệp, nông nghiệp và công trình công cộng, dịch vụ xây dựng nhà ở, dịch vụ san lấp mặt bằng.

---

(111) **4-0094090**
(210) 4-2006-15009
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

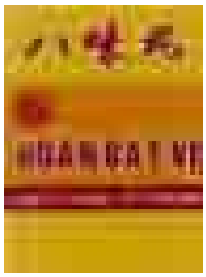

(151) 07.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) 26.5.1; A3.11.2; 26.4.2; 26.11.1
(591) Trắng, đỏ, vàng đậm, vàng nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THÁI BÌNH (VN)
64A Hai Bà Trưng, thành phố Thái Bình
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Rượu bổ sâm quy (rượu thuốc chữa bệnh); rượu thuốc chữa bệnh phong thấp; thuốc bổ thận âm; thuốc bổ thận dương; dược phẩm.

---

(111) **4-0094091**
(210) 4-2006-15023
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

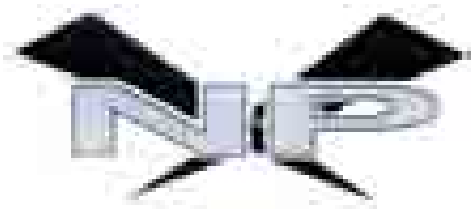

(151) 07.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) 26.3.2; 26.3.4; 3.7.17
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGHIỆP PHÁT (VN)
B22/II khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giày; dép nhựa; dép xăng-đan.

---

(111) **4-0094092**
(210) 4-2006-15024
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) 26.3.2; 26.3.4; 3.7.17; 9.9.1; A9.9.15
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGHIỆP PHÁT (VN)
B22/II khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giày; dép nhựa; dép xăng-đan.

---

(111) **4-0094093**
(210) 4-2006-15068
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) A1.5.6; 26.1.2
(591) Xanh, trắng, ghi, xanh lá cây, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ HOÀNG CẦU (VN)
C5, tổ 9, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển người đi du lịch; hướng dẫn du lịch; dịch vụ thông tin về du lịch; dịch vụ cho thuê phương tiện du lịch.

---

(111) **4-0094094**
(210) 4-2006-18942
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIFETRICA

(151) 07.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094095**
(210) 4-2006-18943
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRIXAFALIFE

(151) 07.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094096**
(210) 4-2006-00128
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CHONDROMAXFORT

(151) 07.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094097**
(210) 4-2006-00129
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DIONSMECTE

(151) 07.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094098**
(210) 4-2007-00578
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

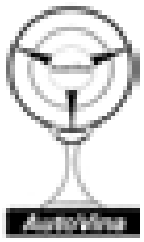

(151) 07.01.2008
(220) 05.01.2007

(531) 26.1.1; 11.3.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN B.D.T VIỆT NAM (VN)
Nhà 56 ngõ 160 Hào Nam, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Tổ chức hội chợ triển lãm nhằm mục đích kinh doanh.

---

(111) **4-0094099**
(210) 4-2007-00579
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

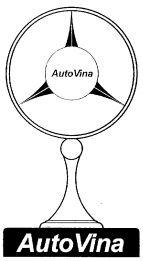

(151) 07.01.2008
(220) 05.01.2007

(531) 26.1.1; 11.3.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN B.D.T VIỆT NAM (VN)
Nhà 56 ngõ 160 Hào Nam, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Tổ chức hội chợ triển lãm nhằm mục đích kinh doanh.

---

(111) **4-0094100**
(210) 4-2007-02051
(181) 29.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 29.01.2007

(531) 7.1.1; 26.4.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT (VN)
Tầng 5, số 152 phố Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Tư vấn cổ phần hoá và chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp; tư vấn quản trị doanh nghiệp; tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp; sát nhập doanh nghiệp.

Nhóm 36: Dịch vụ tài chính; tư vấn đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn niêm yết chứng khoán; tư vấn phát hành chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đăng ký phát hành chứng khoán; tự doanh chứng khoán (mua hoặc bán chứng khoán cho chính mình); lưu ký chứng khoán; đấu giá cổ phần; đại lý phát hành chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; môi giới chứng khoán; phân tích và cung cấp thông tin thị trường chứng khoán; dịch vụ uỷ thác đầu tư; quản lý quỹ đầu tư; quản lý bất động sản; cho vay tài chính.

---

(111) **4-0094101**
(210) 4-2006-02783
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CBIPRESON

(151) 07.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094102**
(210) 4-2006-03733
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) 26.1.2; 2.7.10; 4.5.2; 2.7.23
(591) Vàng, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN QUỐC ÁNH (VN)
104-106-108-110 đường số 54, khu dân cư Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 44: Bệnh viện phụ sản.

---

(111) **4-0094103**
(210) 4-2006-03734
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(591) Trắng, đen, đỏ cam
(731) CƠ SỞ TÂN TƯỜNG NGUYÊN (VN)
183 Bãi Sậy, phường 4, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; quần áo lót; váy ngủ; quần áo trẻ em; găng tay (trang phục).

---

(111) **4-0094104**
(210) 4-2006-03735
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Timi ROITIN

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TIẾN MINH (VN)
136 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094105**
(210) 4-2006-03737
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) 26.3.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI CHÍ MINH (VN)
107 Phạm Hữu Chí, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Vỏ xe (lốp xe); ruột xe (săm xe).

---

(111) **4-0094106**
(210) 4-2006-16353
(181) 28.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

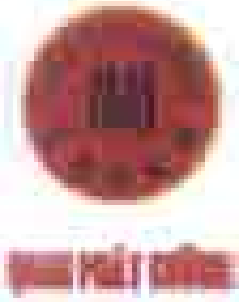

(151) 07.01.2008
(220) 28.09.2006

(531) 26.1.1
(591) Trắng, đỏ, đen, vàng, vàng nhũ
(731) CƠ SỞ LÂM CẨM LIÊN (VN)
1A123/1 ấp 1, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Hương thắp (nhang).

---

(111) **4-0094107**
(210) 4-2006-18391
(181) 30.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.1.1; A12.1.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯỚC HƯNG (VN)
Lô B2- khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 20: Bàn, ghế, giường tắm nắng, xe đẩy trà, giá để hoa, bồn trồng hoa.

---

(111) **4-0094108**
(210) 4-2006-02019
(181) 15.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SUNSTAR

(151) 07.01.2008
(220) 15.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHẬT HOA (VN)
Phòng 107 - D2, tập thể Hồ Việt Xô, phố Tây Kết, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố; máy ép hoa quả; máy nghiền, trộn thực phẩm; cối xay cà phê điện.

Nhóm 11: Bếp gas và linh phụ kiện của bếp gas; nồi cơm điện; lò vi sóng; nồi hầm chạy điện; bình lọc nước chạy điện.

Nhóm 21: Đồ gia dụng và đồ làm bếp bằng Inox: nồi, xoong, chảo rán (không dùng điện); bình đựng nước uống bằng nhựa.

---

(111) **4-0094109**
(210) 4-2006-04793
(181) 31.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DENFOS

(151) 07.01.2008
(220) 31.03.2006

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094110**
(210) 4-2006-04796
(181) 31.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ENCOF

(151) 07.01.2008
(220) 31.03.2006

(731) MILLENNIUM HERBAL CARE LIMITED (IN)
12B Nirmal - 241/242 Backbay Reclamation, Nariman Point - Mumbai 400 021 - India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094111**
(210) 4-2006-05150
(181) 06.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 06.04.2006

(531) 26.2.7; A26.11.12
(731) TIMBERLAND SWITZERLAND GMBH (CH)
Herrenacker 15 Schaffhausen, CH-8200, Switzerland
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Ba lô.

Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0094112**
(210) 4-2006-06933
(181) 05.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

QUILTED NORTHERN

(151) 07.01.2008
(220) 05.05.2006

(731) FORT JAMES OPERATING COMPANY (a virginia corporation) (US)
133 Peachtree Street, NE Atlanta, Georgia 30303, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Khăn giấy dùng trong phòng tắm.

---

(111) **4-0094113**
(210) 4-2006-07438
(181) 15.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 15.05.2006

(591) Vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ SẮC ĐẸP PHÁP VIỆT (VN)
Số 10, phố Đinh Công Tráng, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm trang điểm; son môi; tinh dầu loại bỏ tế bào ở vùng mắt; nước thơm dùng cho da; dầu thơm dùng cho da; kem và gel dùng cho vùng mắt; kem và gel dưỡng da; kem và gel dưỡng chân và tay; mặt nạ trang điểm; sữa rửa mặt làm sạch và trắng da; kem dùng cho tế bào da; kem che khuyết điểm và làm trắng da; kem chống nắng và làm trắng da; dầu, kem, nước và gel dưỡng tóc; dầu gội đầu; dầu gội giữ màu cho tóc; thuốc nhuộm tóc; dầu gội đầu dành cho em bé, sữa tắm dành cho em bé; nước hoa; huyết thanh chống nhăn và chống lão hóa dành cho da (mỹ phẩm), huyết thanh trị mụn chứng cá (mỹ phẩm), huyết thanh làm trắng da (mỹ phẩm), huyết thanh chống nhăn và làm săn da (mỹ phẩm), huyết thanh điều tiết độ PH cho da dành cho da hỗn hợp hoặc da nhờn (mỹ phẩm), huyết thanh nuôi dưỡng tế bào (mỹ phẩm), gel làm bong các sắc tố yếu hoặc chết trên da mặt, trên người và trên tay; tất cả các sản phẩm kể trên không chứa dược chất.

Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc.

Nhóm 35: Đại lý mua bán các sản phẩm và thiết bị làm đẹp, vệ sinh, chăm sóc tóc và chăm sóc da; đại lý mua bán mỹ phẩm, nước hoa, các sản phẩm khác liên quan tới dịch vụ chăm sóc sắc đẹp; mua bán các sản phẩm dược.

Nhóm 44: Cung cấp dịch vụ chăm sóc sắc đẹp như chăm sóc da, cắt tóc, uốn tóc và chăm sóc tóc.

---

(111) **4-0094114**
(210) 4-2006-18393
(181) 30.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23
(731) MITSUBISHI KAGAKU MEDIA CO., LTD. (JP)
31-19, Shiba 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Vật mang dữ liệu từ tính; vật mang dữ liệu quang; vật lưu trữ dữ liệu; đĩa mềm; đĩa quang; thiết bị lưu trữ dữ liệu giao tiếp với máy tính theo chuẩn USB; hộp đựng cho đĩa compact và đĩa đa năng kỹ thuật số; thẻ nhớ; đầu đọc thẻ nhớ; giá gắn thẻ nhớ; ổ đĩa cứng; máy vi tính; phần mềm máy vi tính (đã ghi) và chương trình máy tính (phần mềm có thể tải xuống được); thiết bị ngoại vi cho máy vi tính; bàn phím máy vi tính; chuột cho máy vi tính; cái đệm di chuột máy vi tính; tấm màn lọc chống lóa cho máy vi tính; đĩa làm sạch đầu máy vi tính; tấm chống bụi cho máy vi tính; hộp để vận chuyển máy tính xách tay; thẻ ghép nối máy vi tính; máy nghe nhạc xách tay và máy ghi nhạc xách tay; tai nghe; loa âm thanh; micro; ắc qui điện.

(111) **4-0094115**
(210) 4-2006-00149
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 04.01.2006

(531) A25.7.7
(731) TP-LINK TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)
Building 7, Section 2, Honghualing Industrial Park, Nanshan District, Shenzhen, P.R.China
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 09: Bộ điều biến; bộ định tuyến (hay cầu dẫn); bộ điều hợp; bộ chuyển mạch; mô-đun chuyển mạch; mô-đun mạng dùng chuẩn GBIC; card giao tiếp mạng; bộ chuyển đổi cáp; điện thoại; thiết bị truyền dẫn quang học; thiết bị truyền thông tương hỗ; bộ chuyển mạch mạng; bộ truyền dẫn tín hiệu điện; máy chủ nhận; thiết bị điều hợp không dây; điểm truy cập mạng không dây; mạng cục bộ không dây; ăng-ten không dây.

---

(111) **4-0094116**
(210) 4-2006-02589
(181) 24.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh lục
(731) JARDINE MATHESON (BERMUDA) LTD (BM)
Jardine House 33-35 Reid Street, Hamilton, Bermuda
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ hàng hải; thiết bị và dụng cụ trắc địa; thiết bị và dụng cụ quang học; thiết bị và dụng cụ để cân; thiết bị và dụng cụ đo; thiết bị báo hiệu dưới dạng biển báo, phát quang hoặc cơ khí; chuông báo hiệu; đèn tín hiệu; phao tín hiệu; thiết bị và dụng cụ cứu hộ; thiết bị và dụng cụ giảng dạy; thiết bị và dụng cụ ngắt điện; thiết bị và dụng cụ biến thế điện; thiết bị và dụng cụ tích điện; thiết bị và dụng cụ điện dùng để quản lý và kiểm soát; thiết bị ghi khoảng cách; dữ liệu từ tính; máy bán hàng tự động; cơ cấu dùng cho thiết bị trả tiền trước; máy tính tiền mặt; máy tính; thiết bị xử lý dữ liệu; máy vi tính; thiết bị báo động chống trộm (không dùng cho các phương tiện giao thông); máy báo hiệu cháy; thiết bị báo hiệu; chuông báo hiệu chạy bằng điện; bảng điều khiển tín hiệu chạy bằng điện; thiết bị báo hiệu khói; thiết bị kiểm soát an ninh khi truy cập; thiết bị lưu trữ số liệu; máy chiếu dùng tia X quang (không dùng cho mục đích y tế); thiết bị đo áp suất; hệ thống tưới nước dùng cho cứu hoả; màn chống lửa và chống khói; tấm chắn chống lửa và chống khói; máy dò; hệ thống và thiết bị đo khoảng cách từ xa; khoang chống cháy; hàng rào điện; thiết bị kiểm tra bánh xe, máy chiếu.

---

(111) **4-0094117**
(210) 4-2006-04072
(181) 22.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ALDURAZYME

(151) 07.01.2008
(220) 22.03.2006

(731) BIOMARIN/GENZYME LLC (US)
500 Kendall Street, Cambridge, Massachusetts 02142, USA
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Thuốc điều trị bệnh Lysosomal storage (một loại bệnh lối loạn gen).

---

(111) **4-0094118**
(210) 4-2006-04779
(181) 31.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

UNSW

(151) 07.01.2008
(220) 31.03.2006

(731) NEWSOUTH GLOBAL PTY LIMITED (AU)
Library Concourse, University of New South Wales, Anzac Parade, Kensington, NSW, 2052, Australia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ dùng để ghi, truyền, xử lý và tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu liên quan đến giáo dục và đào tạo; thiết bị và dụng cụ dùng để ghi, truyền, xử lý và tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; vật chứa dữ liệu, hình ảnh và âm thanh ghi sẵn, băng ghi âm và hình, bộ nhớ chỉ đọc ra dùng đĩa compact (CD ROM) và đĩa compact liên quan đến giáo dục và đào tạo; vật chứa dữ liệu, hình ảnh và âm thanh ghi sẵn, băng ghi âm và hình, (CD ROM) và đĩa compact liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên, phần mềm máy tính liên quan đến giáo dục và đào tạo; phần mềm máy tính liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 16: Ấn phẩm; tài liệu học tập và giảng dạy (không bao gồm dụng cụ); tài liệu học tập và giảng dạy liên quan đến giáo dục và đào tạo; tài liệu học tập và giảng dạy liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 35: Dịch vụ quản lý kinh doanh; dịch vụ điều hành kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ quản lý và điều hành kinh doanh; dịch vụ tư vấn quản lý và điều hành kinh doanh; dịch vụ cố vấn quản lý và điều hành kinh doanh; dịch vụ lập kế hoạch quản lý và điều hành kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ lập kế hoạch quản lý và điều hành kinh doanh.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo về ngôn ngữ; dịch vụ thiết kế, cung cấp và đánh giá chất lượng các khoá giảng dạy và đào tạo về ngôn ngữ; lập và tổ chức các chương trình kiểm tra và đánh giá về giáo dục; xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên; đánh giá chất lượng các khoá học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến các chương trình xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục.

---

(111) **4-0094119**
(210) 4-2006-05149
(181) 06.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GARNIER
TAKE CARE

(151) 07.01.2008
(220) 06.04.2006

(731) LABORATOIRE GARNIER & CIE (FR)
281, rue Saint-Honore, F-75008 Paris, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, nước hoa xức sau khi tắm rửa; dầu gel, muối không dùng cho mục đích y tế dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; xà phòng tắm rửa, các chất khử mùi cơ thể; mỹ phẩm cụ thể là kem, sữa, dầu, gel và phấn dùng cho mặt, cơ thể và tay; các chế phẩm chống nắng (các loại mỹ phẩm); các chế phẩm trang điểm; dầu gội đầu; gel, gôm xịt, keo bọt và sáp dùng cho tạo dáng tóc và dưỡng tóc; keo xịt tóc; các chế phẩm tạo màu tóc và tẩy màu tóc; các chế phẩm uốn cong và tạo sóng tóc cố định; tinh dầu dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0094120**
(210) 4-2006-01456
(181) 26.01.2016
(300) 2005/02314 09.11.2005 IE
(450) 25.02.2008 239
(540)

EXDARUS

(151) 07.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)
Little Island, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094121**
(210) 4-2006-21496
(181) 08.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 08.12.2006

(531) 5.7.3; 26.1.2; A1.1.10
(591) Đỏ, vàng, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VIỆT MỸ (VN)
3/45/9 đường Thành Thái, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0094122**
(210) 4-2006-03432
(181) 13.03.2016
(300) 004800901 13.12.2005 EM
(450) 25.02.2008 239
(540)

SIEMANN

(151) 07.01.2008
(220) 13.03.2006

(731) SIEMATIC MOBELWERKE GMBH & CO. KG (DE)
August-Siekmann-Str. 1 - 5, 32584 Lohne, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ nội thất thuộc nhóm này, đặc biệt là đồ nội thất nhà bếp và các bộ phận của loại đồ nội thất này.

---

(111) **4-0094123**
(210) 4-2006-03743
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

UVESTÉROL

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NGÂN HÀ (VN)
Số 45, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này; chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh; chất diệt trùng; chế phẩm diệt trùng; chế phẩm vi khuẩn dùng cho mục đích y tế; chế phẩm sinh học dùng cho mục đích y tế.

(111) **4-0094124**
(210) 4-2006-03745
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

UVEDOSE

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NGÂN HÀ (VN)
Số 45, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này; chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh; chất diệt trùng; chế phẩm diệt trùng; chế phẩm vi khuẩn dùng cho mục đích y tế, chế phẩm sinh học dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094125**
(210) 4-2006-03746
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FLUOSTEROL

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NGÂN HÀ (VN)
Số 45, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này; chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh; chất diệt trùng; chế phẩm diệt trùng; chế phẩm vi khuẩn dùng cho mục đích y tế, chế phẩm sinh học dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094126**
(210) 4-2006-03747
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FLUOREX

(151) 07.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NGÂN HÀ (VN)
Số 45, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này; chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh; chất diệt trùng; chế phẩm diệt trùng; chế phẩm vi khuẩn dùng cho mục đích y tế, chế phẩm sinh học dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094127**
(210) 4-2006-04315
(181) 24.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 24.03.2006

(531) A5.1.5; A5.3.15; 3.7.17
(591) Hồng, xanh lá cây, tím
(731) REGINA MIRACLE INTERNATIONAL LIMITED (HK)
Units 1001 - 1010, 10/F., Tower A, Regent Centre, 63 Wo Yi Hop Road, Kwai Chung, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; quần áo mặc bên trong; quần áo lót; cái nịt vú; miếng lót áo nịt ngực (bộ phận của quần áo); miếng độn ngực hình chóp (bộ phận của quần áo); miếng đệm lót cho đồ bơi (bộ phận của quần áo); quần lót dài; quần lót ngắn của đàn ông.

---

(111) **4-0094128**
(210) 4-2006-16355
(181) 28.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ACETube

(151) 07.01.2008
(220) 28.09.2006

(731) ACE GEOSYNTHETICS ENTERPRISE CO., LTD. (VG)
Simmonds Building, Wickhams Cay 1, P.O.Box 961, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 19: Vải địa kỹ thuật không dệt dùng cho xây dựng; vật liệu xây dựng không làm từ kim loại, ống làm từ vải địa kỹ thuật không dệt dùng trong xây dựng, ống tiêu nước không làm bằng kim loại.

---

(111) **4-0094129**
(210) 4-2006-17878
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐỖ GIA

(151) 07.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐỖ GIA COMPUTER (VN)
Số 33/11K, đường Phạm Thái Bường, phường 4, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy vi tính.

---

(111) **4-0094130**
(210) 4-2006-17879
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BA VŨ

(151) 07.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯƠNG NAM (VN)
ấp Phú Long, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 44: Chăn nuôi động vật quý hiếm.

---

(111) **4-0094131**
(210) 4-2006-18074
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BIO MARINE

(151) 07.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) BIO SOLUTIONS CO., LTD (TH)
2532 Rama III Tower, #506 Ratchada - Rama III Rd., Bangkok 10120, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Chất hoá học dùng để xử lý nước.

---

(111) **4-0094132**
(210) 4-2006-18075
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ECOMARINE

(151) 07.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) BIO SOLUTIONS CO., LTD (TH)
2532 Rama III Tower, #506 Ratchada - Rama III Rd., Bangkok 10120, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Chất hoá học dùng để xử lý nước.

---

(111) **4-0094133**
(210) 4-2006-18112
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) A1.1.10
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SAO VI NA (VN)
107/5 Phan Văn Hớn, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 08: Kìm (kềm) cắt móng tay; kìm (kềm) cắt da tay; giũa móng tay.

---

(111) **4-0094134**
(210) 4-2006-18114
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BARAU

(151) 07.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM PHƯỚC (VN)
B02-1, khu công nghiệp Đức Hoà 1, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước giải khát có ga; nước giải khát không ga; nước uống đóng chai; bia; nước ép hoa quả; nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 35: Mua bán: máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, điện tử, vải sợi, hàng may mặc sẵn, đồ gia dụng, mỹ phẩm, hàng sành sứ, thuỷ tinh, vật liệu xây dựng, hàng trang

trí nội thất, hoá chất, nguyên phụ liệu sản xuất; thu mua nông sản; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0094135**
(210) 4-2006-18115
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINASÉU

(151) 07.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM PHƯỚC (VN)
B02-1, khu công nghiệp Đức Hoà 1, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước giải khát có ga; nước giải khát không ga; nước uống đóng chai; bia; nước ép hoa quả; nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 35: Mua bán: máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, điện tử, vải sợi, hàng may mặc sẵn, đồ gia dụng, mỹ phẩm, hàng sành sứ, thuỷ tinh, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, hoá chất, nguyên phụ liệu sản xuất; thu mua nông sản; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0094136**
(210) 4-2006-18116
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SÉU VIET

(151) 07.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM PHƯỚC (VN)
B02-1, khu công nghiệp Đức Hoà 1, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước giải khát có ga; nước giải khát không ga; nước uống đóng chai; bia; nước ép hoa quả; nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 35: Mua bán: máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, điện tử, vải sợi, hàng may mặc sẵn, đồ gia dụng, mỹ phẩm, hàng sành sứ, thuỷ tinh, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, hoá chất, nguyên phụ liệu sản xuất; thu mua nông sản; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0094137**
(210) 4-2006-18117
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) 5.5.16; 26.3.2; 7.5.11
(591) Trắng, xanh lá cây, vàng úa
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT VÂN (VN)
111E Nguyễn Lâm, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Gỗ bán thành phẩm.

Nhóm 29: Thịt gia súc tươi; thịt gia cầm tươi; cá đông lạnh; tôm đông lạnh; mực đông lạnh; cua đông lạnh.

Nhóm 31: Cây giống; con giống.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư; mua bán nhà đất; môi giới bất động sản; cho thuê văn phòng.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn pháp lý về nhà đất.

---

(111) **4-0094138**
(210) 4-2006-18550
(181) 31.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 31.10.2006

(531) 20.7.1; 26.4.2
(731) NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC (VN)
81 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Đĩa CD, đĩa VCD, đĩa DVD; băng video; băng từ; sách điện tử.

Nhóm 16: Sách; vở; tập bản đồ (atlases); tranh ảnh; bản đồ địa lý; tạp chí; tập san.

Nhóm 35: Mua bán đĩa CD, đĩa VCD, bằng video, sách, vở, tập bản đồ (atlases), tranh ảnh, bản đồ địa lý, tạp chí, tập san và các thiết bị - đồ dùng học tập và giảng dạy; xuất nhập khẩu hàng hoá; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 42: Dịch vụ chuyển nhượng và lixăng về bản quyền tác giả; đăng ký bản quyền tác giả.

---

(111) **4-0094139**
(210) 4-2006-21966
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 15.12.2006

(531) 26.3.2; 26.3.1; 26.1.1
(591) Xanh dương, xanh da trời, xám, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KIM CƯƠNG (VN)
Lô I-12 đường số 13, khu công nghiệp Tân Bình, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Bao bì bằng kim loại.

Nhóm 16: Bao bì bằng nhựa; bao bì màng phức hợp; bao bì giấy.

Nhóm 36: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng.

Nhóm 39: Dịch vụ cho thuê kho bãi.

Nhóm 40: In ốp sét; in mẫu vẽ; in ảnh chụp; in trên lụa; in bao bì, nhãn mác.

---

(111) **4-0094140**
(210) 4-2006-21596
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 11.12.2006

(591) Trắng, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (VN)
Số 639 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Đèn hồng ngoại dùng cho máy ảnh và máy đo tốc độ.

---

(111) **4-0094141**
(210) 4-2006-09866
(181) 26.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 26.06.2006

(531) 26.1.2; 26.1.11
(731) NGUYỄN KHOA DUY (VN)
Số 665 Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Hạt ngũ cốc chưa qua chế biến; hạt giống; cây giống; rau tươi; hoa quả tươi.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán cây cảnh, hoa tươi, đá trang trí, đèn trang trí và các đồ thủ công mỹ nghệ.

Nhóm 44:Dịch vụ về làm vườn hoa cây cảnh; dịch vụ coi sóc vườn ươm cây; dịch vụ tạo dáng cây cảnh; dịch vụ thiết kế sân vườn.

---

(111) **4-0094142**
(210) 4-2006-10832
(181) 11.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 11.07.2006

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIÊN ĐỨC (VN)
Số nhà 28, lô B2, khu đô thị mới Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 07: Máy giặt.

Nhóm 11: Tủ lạnh, nồi cơm điện, lò vi sóng, máy điều hoà không khí.

---

(111) **4-0094143**
(210) 4-2006-06520
(181) 26.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SIULORA

(151) 07.01.2008
(220) 26.04.2006

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094144**
(210) 4-2006-08208
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 26.05.2006

(531) 3.7.1
(591) Trắng, xanh tím, vàng da cam
(731) KIM YOUNG SUK (KR)
1202-A KolonLakePolicel 865 JangHang-done, Ilsan-gu GoYang-city, GyeongGi-do, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Két sắt; két sắt chống cháy.

---

(111) **4-0094145**
(210) 4-2006-09749
(181) 22.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FUROXINGO

(151) 07.01.2008
(220) 22.06.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400 701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094146**
(210) 4-2006-10583
(181) 06.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

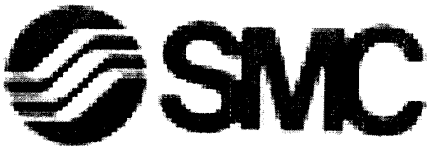

(151) 07.01.2008
(220) 06.07.2006

(531) 26.1.1; 26.11.3; A26.11.12; 26.3.23
(731) SMC KABUSHIKI KAISHA (JP)
4-14-1, Sotokanda, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 06: Van làm bằng kim loại (trừ các bộ phận của máy); vòi phun bằng kim loại; khớp nối ống làm bằng kim loại dùng cho thiết bị chạy bằng khí nén/thủy lực; ống phân phối bằng kim loại dùng cho thiết bị chạy bằng khí nén/thủy lực; khớp nối ống lắp ráp tự động bằng một thao tác dùng cho buồng làm sạch khí (làm bằng kim loại); bình khí (bình chứa bằng kim loại); ống phân phối ba van (làm bằng kim loại).

Nhóm 07: Van (bộ phận của máy móc); hộp giảm thanh (dùng cho máy nổ và động cơ); bộ lọc khí xả; cơ cấu dẫn động chuỗi; khớp nối ghép (bộ phận của máy); xi lanh dùng cho máy móc; thiết bị kẹp dùng khí nén; bộ điều khiển tốc độ của máy; van kiểm tra (bộ phận máy); bộ giảm xóc (bộ phận của máy móc); khớp nối ghép di động (bộ phận máy); cơ cấu dẫn động quay; bộ lọc không khí (bộ phận của máy móc); cái tra dầu mỡ (bộ phận của máy); bộ điều chỉnh (bộ phận của máy móc); thiết bị tách dầu ở dạng sương mù; thiết bị tách nước; cụm thiết bị chân không (bộ phận của máy); bơm phụt chân không; bộ lọc hút khí; đệm chân không (bộ phận của máy); thiết bị tách nước xả (bộ phận của máy móc); khớp nối ống lắp ráp tự động bằng một thao tác dùng cho buồng làm sạch khí (bộ phận của máy móc); bộ lọc (bộ phận của máy hoặc động cơ); cơ cấu định vị điện-khí nén (bộ phận của máy), cơ cấu định vị khí nén-khí nén (bộ phận của máy); cơ cấu định vị van (bộ phận của máy móc); cơ cấu định vị xylanh (bộ phận của máy móc); cơ cấu định vị kép (bộ phận của máy móc); bình ngưng hơi dùng cho mô tơ và động cơ; thiết bị ngưng tụ làm lạnh bằng không khí; dụng cụ thiết bị gắn kín ống hai lớp (dùng cho máy); bơm có thân làm bằng nhựa chứa Flo (Fluororesin) có chức năng chuyển chất lỏng bằng cách hút, phun chất lỏng, chuyển chất lỏng nhờ áp suất và bằng cách khuấy chất lỏng; bộ điều khiển khí nén dùng cho máy, mô tơ và động cơ; bộ điều khiển thủy lực dùng cho máy, mô tơ và động cơ; xi lanh dùng cho không khí/khí gaz/chất lỏng được nén (làm bằng kim loại).

Nhóm 09: Áp kế; bộ cảm biến; rơ le áp suất (điện); công tắc chân không kiểu màng ngăn; rơ le dòng dùng cho không khí; rơ le dòng dùng cho nước; rơ le dòng kiểu màng ngăn; rơ le dòng kiểu cánh khuấy; cơ cấu dẫn động điện; công tắc tự động (được bán cùng với cơ cấu dẫn động); thiết bị điện, cụ thể là thiết bị điều khiển nhiệt độ, lưu lượng và áp suất dùng cho không khí, dầu, nước, khí và hơi nước và thiết bị điều khiển; thiết bị điện điều khiển nhiệt độ; van sôlênôit; rơ le khuyếch đại khí nén (bộ phận của máy móc).

Nhóm 11: Thiết bị sấy không khí được làm lạnh/thiết bị sấy không khí không gia nhiệt/thiết bị sấy không khí có màng chắn; thiết bị khử mùi không dùng cho người; van xả nước (thiết bị vệ sinh); bộ trao đổi nhiệt (không phải là bộ phận của máy móc); thiết

bị làm mát và máy làm mát; thiết bị làm mát phụ được làm mát bằng không khí; thiết bị làm mát phụ được làm mát bằng nước.

Nhóm 17: Ống làm bằng nylon; ống mềm làm bằng nhựa po-ly-u-rê-tan (polyuretan); ống giảm hậu quả tĩnh điện; ống mềm làm bằng nhựa po-ly-ô-lê-fin (polyolefin là nhựa trùng hợp từ olefin); khớp nối ống bằng phi kim loại; khớp nối ống làm bằng nhựa chứa Flo (Fluororesin); tấm đệm giảm xóc làm bằng cao su; vỏ ống không làm bằng kim loại; vật liệu gia lực không làm bằng kim loại dùng cho ống dẫn; khớp nối xy lanh; ống làm bằng chất dẻo; thanh làm bằng chất dẻo; nắp van một đầu gắn với máy làm bằng cao su; ống mềm làm bằng vật liệu vải dệt.

---

(111) **4-0094147**
(210) 4-2006-16851
(181) 06.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 06.10.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12
(591) Đỏ, trắng, xanh
(731) PHAN THỊ KỲ (VN)
Tổ 31, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0094148**
(210) 4-2006-13628
(181) 18.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRƯỜNG BÁCH DIỆP

(151) 07.01.2008
(220) 18.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ (VN)
Số 93 Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094149**
(210) 4-2006-14374
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 30.08.2006

(531) 1.5.1; 1.17.11
(591) Đỏ, đỏ sẫm, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH NAM CƯỜNG (VN)
Lô 24 đường 45, khu đô thị mới Hoà Vượng, thành phố Nam Định

(511) Nhóm 35: Mua bán vật tư nông nghiệp; mua bán các loại vật liệu không nung, vật tư xây dựng; mua bán vật tư lương thực; mua bán nước khoáng; mua bán cây giống, cây cảnh.

Nhóm 36: Mua bán, cho thuê nhà; quản lý toàn nhà; cho thuê căn hộ, quản lý bất động sản; môi giới bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng; khai thác nước khoáng.

Nhóm 39: Vận tải thủy bộ, kinh doanh du lịch.

Nhóm 40: Sản xuất các loại vật liệu không nung, vật tư xây dựng; chế biến nước khoáng.

Nhóm 41: Dịch vụ thể dục thể thao, vui chơi giải trí; tổ chức và hướng dẫn hội thảo, hội nghị.

Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, xông hơi xoa bóp (massage) vật lý trị liệu; dịch vụ vườn hoa cây cảnh.

---

(111) **4-0094150**
(210) 4-2006-14862
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KOTEX WHITE PRO

(151) 07.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) KIMBERLY-CLARK WORLDWIDE, INC. (US)
Neenah Wisconsin 54956 U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh, khăn vệ sinh, băng thấm vệ sinh, băng lót vệ sinh bên trong quần, băng vệ sinh dạng cuốn (tampon).

---

(111) **4-0094151**
(210) 4-2006-14988
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MOL-FIZZ

(151) 07.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD (IN)
L-2 Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharastra, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và sản phẩm dược.

---

(111) **4-0094152**
(210) 4-2006-14989
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PYRE-FIZZ

(151) 07.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD (IN)
L-2 Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharastra, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và sản phẩm dược.

---

(111) **4-0094153**
(210) 4-2006-15870
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINAFINS
Professional Value

(151) 07.01.2008
(220) 20.09.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23; 26.4.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ ĐẦU TƯ (VN)
Số 2 đường Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ cung cấp thông tin thị trường; dịch vụ nghiên cứu thị trường; dịch vụ xúc tiến thương mại; dịch vụ uỷ thác đấu giá động sản.

Nhóm 36: Dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ tư vấn bảo hiểm; dịch vụ ngân hàng; dịch vụ thuê mua tài chính; dịch vụ uỷ thác đầu tư; dịch vụ ủy thác đấu giá liên quan đến bất động sản, tài chính, tiền tệ.

---

(111) **4-0094154**
(210) 4-2006-16354
(181) 28.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ACETex

(151) 07.01.2008
(220) 28.09.2006

(731) ACE GEOSYNTHETICS ENTERPRISE CO., LTD. (VG)
Simmonds Building, Wickhams Cay 1, P.O.Box 961, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 19: Vải địa kỹ thuật không dệt dùng cho xây dựng, vật liệu xây dựng không làm từ kim loại, ống làm từ vải địa kỹ thuật không dệt dùng trong xây dựng, ống tiêu nước không làm bằng kim loại.

---

(111) **4-0094155**
(210) 4-2006-08300
(181) 30.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 30.05.2006

(731) JBS UNITED, INC. (US)
4310 State Road 38 West Sheridan, Indiana 46069, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chất bổ sung và chất phụ thêm có chứa thuốc dùng cho vật nuôi và ngựa.

Nhóm 42: Dịch vụ thử nghiệm và nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp và dinh dưỡng cho vật nuôi.

---

(111) **4-0094156**
(210) 4-2006-14431
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MYGEL

(151) 07.01.2008
(220) 30.08.2006

(731) DONG-A PENCIL CO., LTD. (KR)
4th Floor, ParkLand B/D, 237-11 Nonhyeon-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Sổ tay; bút máy; bút bi; bút chì; bút chì màu; keo (hồ) dính dùng cho văn phòng; cái gọt bút chì; mực viết (đồ dùng văn phòng); chất lỏng để xoá (đồ dùng văn phòng); hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì.

---

(111) **4-0094157**
(210) 4-2006-14432
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MOREGEL

(151) 07.01.2008
(220) 30.08.2006

(731) DONG-A PENCIL CO., LTD. (KR)
4th Floor, ParkLand B/D, 237-11 Nonhyeon-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Sổ tay; bút máy; bút bi; bút chì; bút chì màu; keo (hồ) dính dùng cho văn phòng; cái gọt bút chì; mực viết (đồ dùng văn phòng); chất lỏng để xoá (đồ dùng văn phòng); hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì.

---

(111) **4-0094158**
(210) 4-2006-14434
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MY METALIC

(151) 07.01.2008
(220) 30.08.2006

(731) DONG-A PENCIL CO., LTD. (KR)
4th Floor, ParkLand B/D, 237-11 Nonhyeon-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Sổ tay; bút máy; bút bi; bút chì; bút chì màu; keo (hồ) dính dùng cho văn phòng; cái gọt bút chì; mực viết (đồ dùng văn phòng); chất lỏng để xoá (đồ dùng văn phòng); hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì.

---

(111) **4-0094159**
(210) 4-2006-14436
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

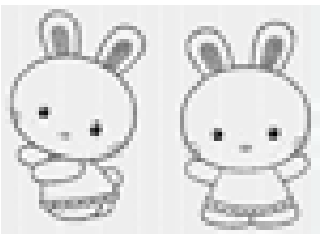

(151) 07.01.2008
(220) 30.08.2006

(531) 3.5.1; A3.5.24
(731) DONG-A PENCIL CO., LTD. (KR)
4th Floor, ParkLand B/D, 237-11 Nonhyeon-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Sổ tay; bút máy; bút bi; bút chì; bút chì màu; keo (hồ) dính dùng cho văn phòng; cái gọt bút chì; mực viết (đồ dùng văn phòng); chất lỏng để xoá (đồ dùng văn phòng); hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì.

---

(111) **4-0094160**
(210) 4-2006-15588
(181) 18.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 07.01.2008
(220) 18.09.2006

(531) 26.1.1; 26.4.1; 26.1.10; 26.4.10
(731) CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP PHẦN MỀM HỮU NGHĨA (VN)
391/28 Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094161**
(210) 4-2006-01524
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINARL

(151) 08.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) KURARAY CO., LTD. (JP)
1621, Sakazu, Kurashiki City, Okayama Prefecture, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 22: Dây, dây thừng, lưới, lều, vải bạt, vải dầu, buồm, bao và túi dùng để vận chuyển và lưu kho các vật liệu để rời (không xếp vào các nhóm khác); vật liệu để đệm lót và để nhồi (trừ loại bằng cao su hoặc chất dẻo); vật liệu sợi dệt dạng thô; sợi dệt dạng thô; tơ dệt dạng thô; vải tráng lớp cao su.

Nhóm 23: Chỉ sợi và chỉ dùng để dệt; sợi tơ dùng để dệt.

Nhóm 24: Hàng dệt, cụ thể là vải dệt, vải dệt kim và vải không dệt; vòng giữ rèm che làm bằng vải dệt; rèm che bằng vải dệt; khăn mùi soa làm bằng vải dệt; miếng vải lót mũ; vải lót; miếng vải để lót đĩa ở bàn ăn; tấm phủ máy in làm bằng vải dệt; khăn ăn bằng vải; tấm khăn phủ làm bằng vải; khăn lau/ khăn tắm làm bằng vải; khăn rửa mặt làm bằng vải; khăn phủ giường, khăn trải bàn và khăn phủ ghế đều làm bằng vải.

---

(111) **4-0094162**
(210) 4-2006-16358
(181) 28.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GRANDSTREAM

(151) 08.01.2008
(220) 28.09.2006

(731) GRANDSTREAM NETWORKS, INC. (US)
1297 Beacon Street, Floor 2, Brookline, MA 02446, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị viễn thông, cụ thể là máy truyền tải âm thanh qua điện thoại internet và điện thoại truyền hình, hệ thống hội thảo truyền hình qua internet; bộ chuyển đổi tín hiệu dùng cho vô truyến và hệ thống video theo yêu cầu; bộ điều hợp và cổng dẫn điện thoại internet.

---

(111) **4-0094163**
(210) 4-2006-01341
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TÂN ĐẠI PHƯỚC

(151) 08.01.2008
(220) 25.01.2006

(591) Trắng, đỏ
(731) NGUYỄN VĂN THỔ (VN)
ấp Phú Đông I, xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0094164**
(210) 4-2006-05307
(181) 07.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NIGAZ

(151) 08.01.2008
(220) 07.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG (VN)
288 bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094165**
(210) 4-2006-16398
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 29.09.2006

(531) A26.11.12; A1.1.10; 1.15.23
(591) Đen, trắng, xanh lá cây, vàng đậm, hồng đậm, tím, xanh dương đậm
(731) CMC ENTERTAINMENT HOLDING CORPORATION (TW)
15FL., 53, Ming Chuan W. RD., Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ truyền hình cụ thể là: truyền hình cáp, phát chương trình truyền hình cáp, phát các chương trình truyền hình khác nhau liên tục hoặc phát phim truyền hình; cung cấp dịch vụ truyền hình cụ thể là phát các chương trình để xem trên tivi và phát các phim được tải xuống từ mạng Internet.

---

(111) **4-0094166**
(210) 4-2006-16399
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 29.09.2006

(531) 1.15.23; A26.11.12; A1.1.12
(591) Đen, trắng, xanh Iá cây, vàng đậm, hồng đậm, tím, xanh dương đậm
(731) CMC ENTERTAINMENT HOLDING CORPORATION (TW)
15FL., 53, Ming Chuan W. RD., Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 41: Cung cấp các thiết bị cho rạp chiếu phim cụ thể là: cung cấp máy chiếu phim; dịch vụ giải trí trên truyền hình cụ thể là: giải trí trên các chương trình truyền hình liên tục khác nhau hoặc trên các phim truyền hình; cung cấp các thông tin về giải trí và các thông tin về nền công nghiệp giải trí; giải trí trên các phim truyền hình và trên các phim được tải xuống trực tuyến từ mạng máy tính; cung cấp các dịch vụ giải trí cụ thể là: sản xuất và phát hành phim, sản xuất và phát hành phim video, sản xuất và phát hành phim trên đĩa hình, sản xuất và phát hành phim trên đĩa hình kỹ thuật số; dịch vụ viết kịch bản cho phim cụ thể là: sáng tác phim, viết kịch bản cho phim phỏng theo truyện và biên tập phim; cho thuê trường quay phim; cho thuê thiết bị ghi âm trên sân khấu; cho thuê thiết bị tạo ánh sáng trên sân khấu; cho thuê thiết bị ghi âm tại trường quay; cho thuê máy chiếu phim và các linh kiện của máy chiếu phim; cho thuê rạp chiếu phim; cho thuê phòng quay phim; cho thuê băng video, cho thuê đĩa hình, cho thuê đĩa hình kỹ thuật số; cho thuê phim (để xem giải trí).

---

(111) **4-0094167**
(210) 4-2006-03430
(181) 13.03.2016
(300) 004800546 13.12.2005 EM
(450) 25.02.2008 239
(540)

SIKMANN

(151) 08.01.2008
(220) 13.03.2006

(731) SIEMATIC MOBELWERKE GMBH & CO. KG (DE)
August-Siekmann-Str. 1 - 5, 32584 Lohne, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ nội thất thuộc nhóm này, đặc biệt là đồ nội thất nhà bếp và các bộ phận của loại đồ nội thất này.

---

(111) **4-0094168**
(210) 4-2006-03431
(181) 13.03.2016
(300) 004800538 13.12.2005 EM
(450) 25.02.2008 239
(540)

SIEGMANN

(151) 08.01.2008
(220) 13.03.2006

(731) SIEMATIC MOBELWERKE GMBH & CO. KG (DE)
August-Siekmann-Str. 1 - 5, 32584 Lohne, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ nội thất thuộc nhóm này, đặc biệl là đồ nội thất nhà bếp và các bộ phận của loại đồ nội thất này.

---

(111) **4-0094169**
(210) 4-2006-14414
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 30.08.2006

(531) A1.1.10; 26.5.1
(591) Đỏ, trắng
(731) HỢP TÁC XÃ SƠN TÙNG (VN)
Xóm Thọ Môn, xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Băng dính dạng cuộn dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình; băng dính dạng tờ dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình; keo (hồ) dán dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình.

Nhóm 17: Băng dính dạng cuộn không dùng cho mục đích văn phòng, mục đích y tế hoặc mục đích gia đình; băng dính dạng tờ không dùng cho mục đích văn phòng, mục đích y tế hoặc mục đích gia đình; băng dính cách điện.

---

(111) **4-0094170**
(210) 4-2006-14416
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MESA

(151) 08.01.2008
(220) 30.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0094171**
(210) 4-2006-17209
(181) 13.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 13.10.2006

(531) A26.11.12; 26.4.4
(591) Xanh, cam đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỪA THIÊN HUẾ (VN)
45 Nguyễn Huệ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

(511) Nhóm 35: Dịch vụ đại lý, ký gửi cửa nhựa lõi thép cao cấp uPVC.

---

(111) **4-0094172**
(210) 4-2006-00716
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THẾ MẠNH

(151) 08.01.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT ANH (VN)
Thôn Vàng, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 14: Đồng hồ; đồng hồ chạy bằng điện (đo thời gian); đồ trang sức; đồ dùng nhà bếp bằng kim loại quý; đồ chứa nhà bếp làm bằng kim loại quý.

---

(111) **4-0094173**
(210) 4-2006-00731
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 16.01.2006

(531) 1.3.1; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG (VN)
Phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 21: Phích đựng nước nóng.

---

(111) **4-0094174**
(210) 4-2006-00846
(181) 14.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 14.03.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12; A5.3.14; A5.3.15
(731) SICHUAN NONGDA. HIGH-TECH AGRICULTURE CO., LTD. (CN)
Agriculture Development District, MianYang, Sichuan, P. R. China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Hạt giống lúa các loại, hạt giống cây trồng và vật nuôi là con giống.

---

(111) **4-0094175**
(210) 4-2006-00889
(181) 18.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 18.01.2006

(531) 3.7.1; A3.7.24; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ VINALINKS (VN)
99 phố Hàng Gai, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Thiết bị thông gió, quạt dùng trong công nghiệp; quạt gia dụng (chạy điện); máy làm mát không khí; máy điều hoà, thiết bị để chiếu sáng.

---

(111) **4-0094176**
(210) 4-2006-01073
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) A20.1.3
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHẤT SƠN (VN)
Số 121 đường Quang Trung, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 21: Chổi lau nhà.

---

(111) **4-0094177**
(210) 4-2006-01218
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 23.01.2006

(531) A5.5.21
(591) Đỏ, hồng, trắng, xanh lá cây
(731) CƠ SỞ NGỌC SÁNG (VN)
199 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh kem; bánh mì thịt; bánh ngọt.

Nhóm 35: Mua bán: bánh, mứt, kẹo, thực phẩm chế biến, đồ hộp, cà phê, trà, bia, rượu (tất cả không do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0094178**
(210) 4-2006-01358
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BÉRES

(151) 08.01.2008
(220) 25.01.2006

(731) BÉRES GYÓGYSZERGYÁR RT. (IN ENGLISH: BÉRES PHARMACEUTICALS COMPANY LIMITED BY SHARES) (HU)
1037 Budapest, Mikoviny u. 2-4, Hungary
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược và thú y; chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm; chất diệt cỏ.

---

(111) **4-0094179**
(210) 4-2006-01361
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BÉRES DROPS

(151) 08.01.2008
(220) 25.01.2006

(731) BÉRES GYÓGYSZERGYÁR RT. (IN ENGLISH: BÉRES PHARMACEUTICALS COMPANY LIMITED BY SHARES) (HU)
1037 Budapest, Mikoviny u. 2-4, Hungary
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược và thú y; chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; vật liệu đề hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm; chất diệt cỏ.

---

(111) **4-0094180**
(210) 4-2006-20640
(181) 27.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DANKANA

(151) 08.01.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHẤT NHẤT (VN)
Số 6 Nguyễn Công Hoan, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094181**
(210) 4-2006-19112
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Lordivas

(151) 08.01.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094182**
(210) 4-2005-03558
(181) 01.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SAIGON MISS

(151) 08.01.2008
(220) 01.04.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XÂY DỰNG THÀNH CÔNG THÀNH (VN)
21/74-76 Bà Hom, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Cọ sơn, cọ lăn sơn.

---

(111) **4-0094183**
(210) 4-2005-07889
(181) 29.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

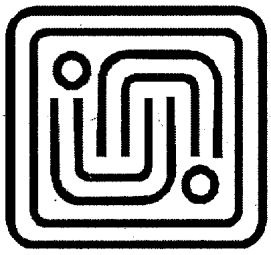

(151) 08.01.2008
(220) 29.06.2005

(531) 26.4.1; 1.15.23
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT GIÀY DA QUANG NHƠN (VN)
K 101/14G Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 25: Giày dép các loại.

---

(111) **4-0094184**
(210) 4-2005-07890
(181) 29.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 29.06.2005

(531) 26.4.1; 1.15.23
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT GIÀY DA QUANG NHƠN (VN)
K 101/14G Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 25: Giày dép các loại.

---

(111) **4-0094185**
(210) 4-2006-00146
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 04.01.2006

(531) A25.1.10; 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN LƯƠNG (VN)
281 Nguyễn Duy Dương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0094186**
(210) 4-2006-02102
(181) 15.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 15.02.2006

(531) 2.7.9; 26.5.1; 5.3.20
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh ngọc, hồng nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
343 Hùng Vương, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094187**
(210) 4-2006-14372
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 30.08.2006

(591) Đỏ, đen
(731) TÔN THẤT HẢI (VN)
356 H Lương Định Của, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 06: Khoá bi chống chìa vạn năng (ngoài loại khoá điện) bằng kim loại.

---

(111) **4-0094188**
(210) 4-2006-14373
(181) 30.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 30.08.2006

(591) Đỏ, đen
(731) TÔN THẤT HẢI (VN)
356 H Lương Định Của, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 06: Khoá bi chống chìa vạn năng (ngoài loại khoá điện) bằng kim loại.

---

(111) **4-0094189**
(210) 4-2006-17911
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 24.10.2006

(591) Đỏ ngọc
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ KHÁCH SẠN QUỐC TẾ CELADON (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Cho thuê căn hộ.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0094190**
(210) 4-2006-18134
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MpGinal

(151) 08.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0094191**
(210) 4-2006-18954
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLUCOLIFE - CH

(151) 08.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094192**
(210) 4-2006-18955
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LOSARLIFE

(151) 08.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094193**
(210) 4-2006-17893
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SILK

(151) 08.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) DKT INTERNATIONAL (US)
1701 K Street, NW, Suite 900, Washington DC 20006, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Viên uống tránh thai khẩn cấp, thuốc tiêm tránh thai.

Nhóm 10: Dụng cụ tử cung (dụng cụ tránh thai), que thử thai.

---

(111) **4-0094194**
(210) 4-2006-17895
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 24.10.2006

(531) A5.1.5
(731) 1. TOMMY EGGEN (NO)
Valstadmyrveien 5c, 7540 Klaebu, Norway
2. SOEREN PINDSTRUP (DK)
Kantatevej 8, 8900 Randers, Denmark
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời, dịch vụ đặt chỗ ở tạm thời tại nhà nghỉ và khách sạn; dịch vụ nhà hàng cung cấp thức ăn, đồ uống; dịch vụ quán cà phê; dịch vụ quầy rượu.

---

(111) **4-0094195**
(210) 4-2006-18435
(181) 30.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Air Blade

(151) 08.01.2008
(220) 30.10.2006

(731) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe máy và phụ tùng xe máy, cụ thể là má phanh, nắp máy bên phải, nắp máy bên trái.

---

(111) **4-0094196**
(210) 4-2005-05783
(181) 18.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 18.05.2005

(531) A26.11.12; A9.1.18
(731) SEVEN FOR ALL MANKIND, LLC (US)
2650 Fruitland Avenue, Vernon, California 90058, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 25: Quần áo, áo dệt kim ngắn tay, áo kiểu, áo đầm, quần lót dài, áo sơ mi, váy, áo gilê, áo nịt len, áo lạnh tay ngắn, áo len dài tay, áo choàng, bộ quần áo, quần dài bằng vải bông, bộ quần áo dùng để chạy bộ, áo len chui đầu, quần áo bơi, quần áo lót phụ nữ, thắt lưng, bít tất ngắn cổ, găng tay (trang phục), cổ tay áo, áo thụng dài, ca vát, đồ đi chân, giày, giày ủng, dép; đồ đội đầu, khăn choàng cổ, mũ và mũ chùm đầu.

---

(111) **4-0094197**
(210) 4-2005-08191
(181) 05.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 05.07.2005

(531) 26.3.1; 3.7.17; A26.11.13; 1.15.24
(591) Trắng, vàng, tím, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI ĐẠI THẾ VĂN (VN)
61/683 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Gạch men.

---

(111) **4-0094198**
(210) 4-2006-17660
(181) 20.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIGPADEX

(151) 08.01.2008
(220) 20.10.2006

(731) VIGBHA (ASIA) PTE. LTD (SG)
1, North Bridge Road # 07-10, High Street Centre, Singapore 179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094199**
(210) 4-2005-06036
(181) 24.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 24.05.2005

(531) 26.1.1
(591) Xanh lá cây, xanh tím, vàng da cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI CÔNG NGHIỆP VIỆT Á (VN)
Số 18/2, ngõ 370 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Hoá chất công nghiệp; nhựa nhân tạo dạng thô; chất dẻo dạng thô; chất dính dùng trong công nghiệp; phân bón; hợp chất chữa cháy; chế phẩm dùng để tôi kim loại; sản phẩm hoá học dùng để tẩy trắng dầu; chất khử mầu dùng trong công nghiệp; chế phẩm dùng để thuộc da, chế phẩm hoá học dùng để bảo quản thực phẩm.

Nhóm 02: Chế phẩm chống ăn mòn; mỡ chống gỉ, chế phẩm chống gỉ (để ngăn ngừa hiện tượng ô-xy hoá); vecni (không dùng để cách điện/ cách nhiệt); chất để phủ ngoài (sơn, không bao gồm sơn cách điện và cách nhiệt); phẩm mầu cho thực phẩm; mực in; mát tít (nhựa tự nhiên); chế phẩm để bảo vệ kim loại; thuốc cắn màu dùng cho đồ gỗ.

Nhóm 03: Chế phẩm dùng để tẩy trắng da; bột giặt quần áo, xút để tẩy trắng, chất để mài mòn (thuộc nhóm này); xà phòng/ nước hoa; hương liệu dùng cho đồ uống (tinh dầu); chế phẩm để làm sạch; sản phẩm dùng để vệ sinh thuộc nhóm này (chất chóng đổ mồ hôi dạng mỹ phẩm); mỹ phẩm; thuốc đánh răng; giấy ráp.

Nhóm 04: Dầu công nghiệp; mỡ công nghiệp; chất bôi trơn (dầu nhờn); xăng; nhiên liệu; chất phụ gia dùng cho động cơ nổ, không phải là chất hoá học.

Nhóm 05: Các chế phẩm dược; các chế phẩm thú y, chế phẩm để làm sạch không khí; chất hàn răng, thực phẩm cho trẻ em; thực phẩm ăn kiêng dùng trong y học chất tẩy uế dùng cho vệ sinh; chất diệt động vật có hại, thuốc diệt cỏ; quần lót vệ sinh.

Nhóm 06: Kim loại thường dạng thô hoặc bán thành phẩm; hợp kim của kim loại thường; cột để dán quảng cáo bằng kim loại; dây thép gai; thùng bằng kim loại; hàng rào bảo hiểm dùng cho đường sá bằng kim loại; then cửa bằng kim loại; đai bằng kim loại để vận chuyển hàng hóa; dây kim loại; tấm panel xây dựng bằng kim loại; đồ bằng kim loại dùng trong xây dựng; công trình bằng kim loại; đầu nối cáp bằng kim loại không dùng để dẫn điện; kẹp nối cáp hoặc ống bằng kim loại; cáp kim loại không dùng để dẫn điện, không có điện, cửa bằng kim loại; ống dẫn bằng kim loại; cột bằng kim loại dùng cho đường dây điện; vật liệu cốt bằng kim loại dùng cho bê tông; dàn giáo bằng kim loại vật liệu lợp mái nhà bằng kim loại/ đỗ ngũ kim bằng kim loại khoá bằng kim loại dùng cho túi xách/ khoá bằng kim loại dùng cho xe cộ; két đựng tiền an toàn; ống nhánh bằng kim loại; vật liệu xây dựng bằng kim loại; cấu kiện bằng kim loại vận chuyển được.

Nhóm 07: Máy công cụ; máy nông nghiệp; mô tơ và động cơ, không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; đồ gá dùng cho dụng cụ máy (bộ phận của máy); dụng cụ (bộ phận của máy); cơ cấu ghép nối, không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; cơ cấu truyền động không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; máy bơm nước; máy nén khí; máy đào xới (thuộc máy móc); máy phát điện; dụng cụ cầm tay, không phải loại vận hành thủ công; máy giặt; máy và thiết bị để làm sạch (dùng điện).

Nhóm 08: Dụng cụ cầm tay thao tác thủ công; dao kéo (thao tác thủ công, thuộc nhóm này); dao cạo; dụng cụ làm vườn (thao tác thủ công); thìa sử dụng trong bữa ăn; đĩa sử dụng trong bữa ăn.

Nhóm 09: Máy biến thế, bộ đổi điện; thiết bị khuyếch đại nguồn điện; bộ hạn chế điện; thiết bị đóng ngắt điện áp hạ thế và trung thế, hộp công tơ điện; tủ điện (tủ chứa máy trung thế hoặc hạ thế); máy cắt trung thế; trạm kiosk (trạm biến áp hợp bộ, bao gồm máy biến áp và thiết bị trung và hạ thế được sử dụng để cấp điện); tủ bảo vệ điều khiển; áp to mát chống dòng rò; bộ tiếp xúc điện; đồng hồ đo điện; thiết bị phân phối điện năng; rơle bảo vệ; van điện; công tắc ngắt mạch điện; hộp cầu chì; vấu cực điện; bộ khởi động từ; chấn lưu dùng cho đèn ống; cầu chì; phích cắm điện/ ổ cắm điện/ công tắc điện; bộ nối điện; tụ điện; bộ xạc điện; dây dẫn điện; dây cáp điện; ống luồn dây điện; đầu nối dùng cho đường dây điện; các vật nối điện; bộ chuyển mạnh định giờ tự động; công tắc phao (để đóng hoặc ngắt điện); công tắc áp suất; điện trở; bảng điều khiển điện; bảng thông báo điện tử; tổng đài điện thoại; hộp chuyển mạch; bộ chuyển mạch; bộ triệt dao động dồn dập; dụng cụ kiểm tra và giám sát điện; hộp chia nhánh (dùng để chia, tách các dây điện, điện thoại thành các nhánh riêng rẽ khi chúng đi qua hộp này); bảng phân phối điện; hộp phân phối điện; máy nắn dòng điện; hộp để đấu nối điện/ thiết bị đóng cửa bằng điện; thiết bị mở cửa bằng điện; chuông cửa điều khiển bằng điện; thiết bị điều khiển từ xa; thiết bị điện dùng để điều khiển từ xa hoạt động của máy móc công nghiệp; đồng hồ báo mức tiêu thụ điện; máy con ve; dây đồng cách điện; máy chỉnh lưu dòng điện; chuông báo lửa (cứu hỏa); bộ cảm biến quang điện và quang học điện tử; thiết bị chống nhiễu (điện); thiết bị báo chống trộm; thiết bị vận hành thang máy; thẻ từ tính mã hóa; thiết bị dập lửa; vỏ bọc dây điện; măng sông dùng cho dây cáp điện; thiết bị hiển thị điện; cuộn cảm; khóa điện; dây điện thoại; dây anten; thiết bị và dụng cụ cấp cứu; thiết bị giảng dạy; máy bán hàng; cơ cấu dùng cho thiết bị hoạt động bằng cách bỏ đồng xu vào đó; máy vi tính; máy đếm tiền; máy tính; thiết bị ngoại vi dùng cho máy vi tính; chương trình máy tính, ghi sẵn; thiết bị xử lý dữ liệu; máy thu hình, thiết bị điện thoại; điện thoại để bàn/ điện thoại di động; đĩa compac; đầu đọc đĩa compac, máy fax, thiết bị để ghi sao âm thanh; thiết bị truyền âm thanh.

Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ giải phẫu; thiết bị và dụng cụ y tế, dụng cụ nha khoa; thiết bị và dụng cụ thú y; dụng cụ chỉnh hình; vật liệu khâu vết thương.

Nhóm 11: Thiết bị điều hoà không khí; thiết bị và trang bị dùng để nấu nướng; thiết bị và trang bị chiếu sáng; thiết bị để sinh hơi nước; thiết bị làm lạnh không khí; máy sấy khô không khí; thiết bị và trang bị thông gió (dùng để điều hoà không khí); trang bị phân phối nước; thiết bị lọc nước; dụng cụ và thiết bị vệ sinh y tế.

Nhóm 12: Xe cộ hoạt động trên bộ, dưới nước, trên không hoặc trên đường ray; động cơ và mô tơ dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; săm lốp ô tô; xăm lốp xe máy; săm

lốp xe đạp, phanh cho xe cộ; xích cho phương tiện giao thông trên bộ; cơ cấu nối ghép dùng cho phương tiện giao thông trên bộ.

Nhóm 13: Pháo hoa; súng săn; súng thể thao; chổi lau nòng súng.

Nhóm 14: Đồng hồ; hợp kim của những kim loại quý; đồ nữ trang; đồ trang sức (đồ kim hoàn); đồ chứa đựng dùng cho gia dụng làm bằng kim loại quý, đồ trang sức bằng bạc.

Nhóm 15: Đàn organ; đàn ghi ta; đàn piano; đàn viôlông; kèn; trống (thuộc về nhạc cụ); nhạc cụ điện tử.

Nhóm 16: Đồ dùng văn phòng; đồ văn phòng dùng cho trường học; đồ dùng giảng dạy, trừ thiết bị, ấn phẩm; bút viết; giấy (không thuộc các nhóm khác); khăn lau bằng giấy; mực viết (không thuộc các nhóm khác); giấy vệ sinh; bảng quảng cáo bằng giấy hay bìa các tông; chất dính (keo hồ) dùng cho mục đích văn phòng; tã lót cho trẻ em bằng giấy hoặc xelulo (dùng một lần); túi đựng rác bằng giấy hoặc bằng chất dẻo; túi bằng giấy hoặc bằng chất dẻo để bao gói; thiết bị và máy đóng sách; tủ đựng hồ sơ (thuộc đồ dùng văn phòng).

Nhóm 17: Cao su tổng hợp; cao su thô hoặc bán thành phẩm, vải cách nhiệt, cách điện; sơn cách nhiệt, cách điện; dầu cách điện dùng cho máy biến thế; sợi thuỷ tinh để ngăn cách nhiệt, điện, gioăng; véc ni dùng để ngăn cách nhiệt, cách điện; ống mềm phi kim loại; vật liệu để giữ nhiệt.

Nhóm 18: Hòm bằng da hoặc giả da; da thuộc; giả da; ô che nắng; va li; túi xách tay; cặp sách học sinh; túi du lịch; ba lô, ví đựng tiền; túi mua hàng, cặp dẹt bằng da hoặc chất dẻo để đựng tài liệu.

Nhóm 19: Gạch; đá để xây dựng; gỗ để xây dựng; xi măng; tấm ván sàn; vật liệu xây dựng không làm bằng kim loại; vật liệu lợp mái nhà (không làm bằng kim loại); cầu thang (không làm bằng kim loại); kính xây dựng; nhựa đường.

Nhóm 20: Đồ gỗ (đồ đạc bằng gỗ như: giường, tủ, bàn, ghế); gương (kính tráng bạc); đồ đạc nội thất bằng kim loại; bộ đồ đạc của giường ngủ không bằng kim loại; bộ đồ trải giường (trừ đồ khăn vải); kẹp cáp không bằng kim loại; kẹp nối cáp hoặc ống bằng chất dẻo; thẻ chìa bằng nhựa (không mã hóa); hộp bao bì bằng chất dẻo; nệm lò xo; thùng chứa không làm bằng kim loại cũng không bằng vật liệu xây; biển đề tên không bằng kim loại; khung ảnh.

Nhóm 21: Dụng cụ nhà bếp không bằng kim loại quý; đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp không bằng kim loại quý; lược; bàn chải để cọ; giẻ lau thấm tẩm chất tẩy dùng để làm sạch; đồ pha lê (đồ thuỷ tinh) thuộc nhóm này; đồ khảm thuỷ tinh không dùng cho xây dựng; đồ gốm làm bằng đất sét nung, đồ sứ thuộc nhóm này.

Nhóm 22: Dây không bằng kim loại túi nhỏ bằng vải dệt dùng để bao gói; vải bạt để ngụy trang; vật liệu để nhồi không bằng cao su và chất dẻo, nguyên liệu dệt sợi thô; sợi dệt, vải sợi thô.

Nhóm 23: Sợi dàn hồi (chun) dùng trong ngành dệt; sợi cao su dùng cho ngành dệt; sợi bằng chất dẻo dùng cho ngành dệt; chỉ sợi; chỉ để khâu; chỉ thuỷ tinh dùng trong ngành dệt.

Nhóm 24: Vải dùng trong ngành dệt; lụa (thuộc về vải); vải bông; vải len; vải bằng sợi thuỷ tinh dùng trong ngành dệt; hàng dệt kim thuộc nhóm này; rèm bằng sợi dệt hoặc bằng chất dẻo; khăn trải giường; khăn trải bàn không làm bằng giấy; khăn vải dùng trong nhà; bộ đồ vải của giường ngủ.

Nhóm 25: Quần áo (thuộc nhóm này); hàng dệt kim (thuộc nhóm này); cà vạt, thắt lưng (thuộc trang phục quần áo); găng tay (thuộc về trang phục quần áo); quần áo tắm; quần áo thể dục; quần áo ngủ; quần áo lót; bít tất; giày ủng, giày thể thao; dép; mũ (thuộc nhóm này); áo che mưa.

Nhóm 26: Đồ thêu (thuộc nhóm này); ruy băng chun co dãn được; ruy băng đồ kim chỉ; dây dải để viền mép cho quần áo; khuy bấm; khuy móc cánh áo; khuy móc dùng cho giày; khuy lỗ dùng cho quần áo; khuy lỗ dùng cho giày (lỗ xâu dây giày); hoa giả (nhân tạo).

Nhóm 27: Tấm thảm; thảm chùi chân ở cửa; thảm chống trơn; chiếu (tấm lót); vải nhựa lát sàn nhà; giấy dán tường.

Nhóm 28: Đồ chơi; máy trò chơi tự động và chơi bằng tiền xu; thiết bị dùng cho trò chơi điện tử ngoài những loại được lắp chỉ sử dụng với máy thu hình; cầu lông; thiết bị tập thể dục; thiết bị rèn luyện thân thể; bàn để đánh bóng bàn; xe đẩy (đồ chơi); cái bảo vệ khuỷu tay trong khi chơi thể thao; đồ trang trí cho cây Noel (trừ những đồ vật chiếu sáng và bánh kẹo); giá nến cho cây thông Noel; đồ dùng để câu cá.

Nhóm 29: Thịt được bảo quản; cá đã qua chế biến; cá được bảo quản; gia cầm (gà, vịt, chim) đã qua chế biến; nước chấm có nguồn gốc từ động vật; chất chiết ra từ thịt, nước ép cà chua dùng cho nhà bếp; nước quả nấu đông; rau đã bảo quản; quả dầm đường; quả đóng hộp; mứt dạng nhão, sữa thuộc nhóm này; dầu ăn.

Nhóm 30: Cà phê; chè; ca cao; lúa gạo; bột mỳ, bánh ngọt; mứt kẹo, gia vị; kem lạnh; đá ăn; mật ong; men (rượu, bia); đường (thuộc nhóm này); nước tương, giấm; nước xốt (trừ nước xốt dùng cho xà lách); đồ uống trên cơ sở cà phê; đồ uống trên cơ sở ca cao; đồ uống trên cơ sở sôcôla; chế phẩm của ngũ cốc.

Nhóm 31: Ngũ cốc hạt chưa gia công; hạt giống; hạt dùng làm thức ăn cho súc vật; hoa quả tươi; thức ăn cho động vật, mạch nha dùng cho ngành bia và rượu.

Nhóm 32: Bia; nước có ga; nước khoáng để uống; nước ép trái cây; đồ uống trên cơ sở nước sữa; chất chiết từ quả không chứa cồn; nước ép rau quả; xirô dùng cho đồ uống; tinh dầu để sản xuất đồ uống; rượu khai vị không chứa cồn; chế phẩm để sản xuất đồ uống.

Nhóm 33: Đồ uống có chứa cồn (trừ bia); rượu gạo; rượu brandi; rượu vang; rượu vốtca; rượu uýtky.

Nhóm 34: Thuốc lá; hộp thuốc lá không bằng kim loại quý; bật lửa dùng cho người hút thuốc lá; đầu bịt điếu thuốc lá; diêm; hộp diêm không bằng kim loại quý.

Nhóm 35: Mua bán các hàng hoá cơ khí, kim loại và các hàng hoá từ kim loại, loại khuôn mẫu, vật liệu xây dựng, composite và các hàng hoá làm từ composite, nhựa và các hàng hoá làm từ nhựa, giấy, các tông, chất dẻo và các hàng hoá làm từ chất dẻo, cao su và các hàng hoá làm từ cao su, amiăng, mi ca, thuỷ tinh và các hàng hoá từ thuỷ tinh, đồ gốm, đồ sành, đồ sứ, gỗ và các hàng hoá từ gỗ, đồ nội thất dùng cho gia đình, trường học, đồ dùng văn phòng, văn phòng phẩm, đồ dùng dùng trong giảng dạy và học tập, đồ chơi, thiết bị và dụng cụ thể thao, máy móc và thiết bị dùng trong xây dựng, máy móc, thiết bị và máy công cụ, động cơ, phương tiện giao thông đường bộ, đường thuỷ và các phụ tùng kèm theo, công cụ, nông cụ và dụng cụ thủ công, thiết bị và dụng cụ điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị chiếu sáng, thiết bị và dụng cụ ghi truyền và tái tạo âm thanh, hình ảnh, thiết bị và dụng cụ truyền thông, thiết bị sưởi nóng, thiết bị nấu nướng, thiết bị sinh hơi nước, thiết bị làm lạnh, thiết bị sấy khô, thiết bị thông gió, thiết bị cấp nước, thiết bị phân phối nước, thiết bị thoát nước, thiết bị vệ sinh, van, vòi nước, thiết bị dùng cho dập lửa, thiết bị, phụ tùng và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, nhiếp ảnh, quang học, cân, đo, báo hiệu, kiểm tra, cấp cứu, giảng dạy, vật mang dữ liệu từ tính, đĩa ghi, máy bán hàng tự động, và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ, máy tính tiền, thiết bị tự động hoá, máy vi tính và các thiết bị ngoại vi dùng cho máy vi hính, hàng hoá cách nhiệt, cách điện; vải, da, giả da, hoá chất, keo dán, thuốc mầu, sơn, véc ni, chất chống gỉ, thuốc nhuộm, hoá mỹ phẩm, chất để tẩy rửa, tẩy trắng, đánh bóng, mài mòn, chất bôi trơn, dầu và mỡ công nghiệp, dược phẩm, lương thực, thực phẩm và đồ uống, hàng may mặc, giầy dép, mũ nón; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ phát hành sách, báo, tạp chí phục vụ quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch; hoạt động văn phòng.

Nhóm 36: Dịch vụ tư vấn đầu tư; đầu tư vốn (để xây dựng và kinh doanh công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu vui chơi giải trí); cho thuê văn phòng (bất động sản); quản lý bất động sản; môi giới bất động sản; đánh giá tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản); dịch vụ tư vấn về bảo hiểm; dịch vụ tư vấn tài chính; hoạt động ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng hội viên; dịch vụ thuê mua tài chính; dịch vụ môi giới bảo hiểm; môi giới thương mại (thuộc môi giới cổ phần và bất động sản); phân phối căn hộ thuộc nhà cao tầng để cho thuê; nhận uỷ thác bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng; sửa chữa (máy móc, thiết bị, động cơ, phương tiện giao thông, các công trình xây dựng, thiết bị điện); lắp đặt (máy móc; thiết bị, động cơ, phương tiện giao thông, các công trình xây dựng, thiết bị điện); bảo dưỡng (máy móc, thiết bị, động cơ, phương tiện giao thông, các công trình xây dựng, thiết bị điện); cho thuê thiết bị xây dựng; giám sát công trình xây dựng; khai thác mỏ; dịch vụ làm kín công trình; dịch vụ rửa xe ô tô.

Nhóm 38: Dịch vụ phát chương trình truyền hình; dịch vụ phát thanh; dịch vụ điện thoại; dịch vụ viễn thông; dịch vụ truyền dữ liệu; gửi tin nhắn; dịch vụ gửi tin nhắn và hình ảnh bằng máy vi tính; dịch vụ liên lạc bằng thiết bị đầu cuối của máy vi tính; dịch vụ thư tín điện tử; phát chương trình qua mạng internet.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải; dịch vụ vận chuyển hành khách; dịch vụ cho thuê xe cộ; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ cho thuê kho chứa hàng; dịch vụ bao gói hàng hoá; dịch vụ

du lịch; dịch vụ về du thuyền; dịch vụ phân phát các bưu kiện (gói hàng); dịch vụ phân phối năng lượng; phân phối điện; dịch vụ vận chuyển bằng đường ống; cho thuê tàu thuỷ; lưu giữ dầu; lưu giữ khí ga; phân phối năng lượng; phân phối điện; phân phối nước sinh hoạt; dịch vụ vận chuyển tới tận nhà; dịch vụ khai thác bãi đỗ xe.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; chế biến dầu mỏ; sản xuất năng lượng; làm sạch không khí; đúc kim loại; lọc dầu; chế biến chất dẻo; chế biến cao su; cho thuê máy phát điện; khử độc các vật liệu nguy hiểm; tiêu huỷ rác thải và chất phế thải, tái chế dầu thải, tái chế rác thải và chất phế thải; dịch vụ xử lý ô nhiễm môi trường.

Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; giải trí; dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; xuất bản sách; dịch vụ tổ chức triển lãm nhằm cho mục đích văn hoá, giáo dục; cung cấp các tiện nghi phục vụ cho việc giải trí; cung cấp các tiện nghi phục vụ cho thể thao; công viên vui chơi, giải trí; tổ chức và điều khiển hội thảo; dàn dựng buổi biểu diễn, cho thuê trang thiết bị thể thao (trừ xe cộ) cho thuê sân vận động.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế (kiến trúc, xây dựng); nghiên cứu dự án kỹ thuật; tư vấn kỹ thuật lắp ráp và tư vấn thiết kế các công trình điện, dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, bưu chính viễn thông; thiết kế quy hoạch các khu dân cư, khu công cộng, các công trình hạ tầng kĩ thuật, các công trình giao thông; tư vấn kỹ thuật chuyên ngành nhựa; composit, cách điện, cách nhiệt; dịch vụ thiết kế nội thất; dịch vụ pháp lý; thiết kế và phát triển phần cứng, phần mềm máy tính; lập chương trình máy vi tính; tư vấn bảo vệ môi trường; khảo sát đất đai; thăm dò địa chất; khảo sát địa chất; nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (cho người thứ ba).

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà trọ; dịch vụ nhà hàng; cho thuê chỗ ở tạm thời; quán cà phê tự phục vụ; quán ăn tự phục vụ.

Nhóm 44: Dịch vụ phòng khám chữa bệnh; dịch vụ thú y; thẩm mỹ viện; chăm sóc sức khoẻ; dịch vụ diệt sâu bọ có hại cho nông nghiệp; dịch vụ làm vườn hoa cây cảnh; bệnh viện; nhà dưỡng bệnh.

Nhóm 45: Dịch vụ vệ sỹ cho cá nhân; dịch vụ tư vấn về an ninh; dịch vụ bảo vệ người và tài sản; dịch vụ cứu hoả; hãng thám tử, dịch vụ điều tra, tìm kiếm người mất tích; dịch vụ cho thuê quần áo.

---

(111) **4-0094200**
(210) 4-2005-07307
(181) 20.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 20.06.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN INTERNET MỘT KẾT NỐI (ONE CONNECTION INTERNET INC) (VN)
123 Trương Định, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 38: Các dịch vụ cung cấp đường truyền Internet để truy cập hoặc kết nối với Internet; các dịch vụ viễn thông gồm dịch vụ điện thoại; dịch vụ thông tin liên lạc qua vệ tinh; dịch vụ truyền số liệu; dịch vụ thông tin liên lạc bằng máy tính.

---

(111) **4-0094201**
(210) 4-2006-03113
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

A. CHÍN

(151) 08.01.2008
(220) 07.03.2006

(731) CƠ SỞ A CHÍN (VN)
200B khu phố 5, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0094202**
(210) 4-2006-03114
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 07.03.2006

(531) 3.7.7; A3.7.24
(731) CƠ SỞ A CHÍN (VN)
200B khu phố 5, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0094203**
(210) 4-2006-11632
(181) 24.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

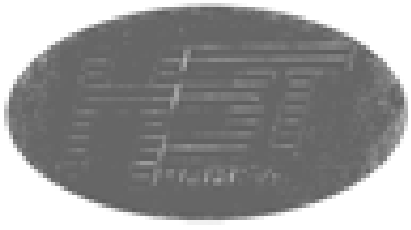

(151) 08.01.2008
(220) 24.07.2006

(531) 26.1.2; 5.7.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HƯƠNG BÌNH THIÊN DƯƠNG (VN)
Đội 7, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo.

(111) **4-0094204**
(210) 4-2006-11635
(181) 24.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 24.07.2006

(531) 26.3.1; 7.1.24; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG K19 (VN)
218/19 Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng, tư vấn đấu thầu.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư; mua bán nhà.

Nhóm 37: Thi công công trình: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, cấp thoát nước; san lấp mặt bằng.

Nhóm 39: Vận chuyển hàng hoá bằng đường thuỷ và đường bộ.

Nhóm 42: Giám sát kỹ thuật công trình; dịch vụ lập quy hoạch kinh tế xã hội; dịch vụ lập quy hoạch xây dựng; tư vấn thiết kế công trình xây dựng và công trình thuỷ lợi.

---

(111) **4-0094205**
(210) 4-2006-03110
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIBERTO

(151) 08.01.2008
(220) 07.03.2006

(731) EDWIN TRADING CO., LTD. (JP)
27-6, Higashi Nippori 3-Chome, Arakawa-ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094206**
(210) 4-2006-03714
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Đen, trắng, vàng, xanh lam
(731) HENKEL KOMMANDITGESELLSCHAFT AUF AKTIEN (DE)
HenkelstraBe 67, 40589 DUSSELDORF, Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Chất để giặt và tẩy rửa, chất để rửa bộ đồ ăn và giặt quần áo; xà phòng, chất chống cáu cặn dùng trong gia đình, các chất làm sạch, đánh bóng, cọ và mài, các chế phẩm hoá học dùng để làm sạch kim loại, đồ sứ, kính, gỗ, đá, đồ tráng men, đồ gốm và đồ nhựa.

Nhóm 05: Chất tẩy uế và khử mùi không dùng cho cá nhân; chất khử mùi và làm sạch không khí.

---

(111) **4-0094207**
(210) 4-2006-00145
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

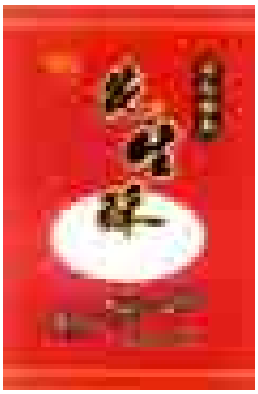

(151) 08.01.2008
(220) 04.01.2006

(531) 26.1.2; A1.1.12; A25.1.19
(591) Vàng, vàng đậm, đỏ, hồng, đen, trắng, trắng bạc
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN LƯƠNG (VN)
281 Nguyễn Duy Dương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo.

(111) **4-0094208**
(210) 4-2006-03125
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

JEBO

(151) 08.01.2008
(220) 07.03.2006

(531) 26.11.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HỒNG LỢI (VN)
188 đường Bình Trị Đông, khu phố 7, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Ba-lát (ballast) dùng cho đèn điện.

---

(111) **4-0094209**
(210) 4-2006-12578
(181) 03.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 03.08.2006

(531) 26.1.1; 26.1.6
(591) Đỏ, xanh đậm, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT CÔNG MINH (VN)
429/2A Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 42: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0094210**
(210) 4-2006-13991
(181) 25.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 25.08.2006

(531) 5.7.3; 3.7.11; A3.7.24; A26.11.12
(591) Cam, xanh lá cây, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN BÍNH (NGUYỄN BÍNH CO.,LTD) (VN)
67/254M Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Bún gạo.

(111) **4-0094211**
(210) 4-2006-00140
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ADHEMA

(151) 08.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI ME DI P.R.O.D.U.C.T.S (VN)
Xóm Kho, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094212**
(210) 4-2006-00142
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLUCOMSURE

(151) 08.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094213**
(210) 4-2006-00148
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SONHA

(151) 08.01.2008
(220) 04.01.2006

(531) 24.17.15
(591) Xanh lá cây, xanh dương, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ (VN)
Khu phố Đông Tư, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 36: Khai thuê hải quan.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường bộ; cho thuê xe du lịch; dịch vụ bốc xếp, đóng gói bao bì và giao nhận hàng hóa; cho thuê kho bãi; đại lý hàng hải; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.

(111) **4-0094214**
(210) 4-2006-00460
(181) 10.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SENRATIN

(151) 08.01.2008
(220) 10.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094215**
(210) 4-2006-01062
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BALIPLUS

(151) 08.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) SAN FAUSTO S.A. (UY)
Colonia 810 Of. 903, Montevideo 11100, Uruguay
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094216**
(210) 4-2006-01063
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

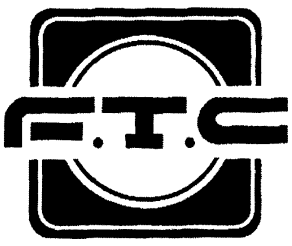

(151) 08.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.4.1; 26.4.10
(731) A. BILL. ART. INDUSTRIAL CO., LTD. (TH)
526 Moo 3, Kuanlang, Hadyai, Songkhla 90290, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Vòng đệm, vòng gioăng, vòng gioăng bịt đầu, gioăng đệm bộ ly hợp, vòng gioăng hình xuyến.

---

(111) **4-0094217**
(210) 4-2006-01064
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) A. BILL. ART. INDUSTRIAL CO., LTD. (TH)
526 Moo 3, Kuanlang, Hadyai, Songkhla 90290, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Vòng đệm, vòng gioăng, vòng gioăng bịt đầu, gioăng đệm bộ ly hợp, vòng gioăng hình xuyến.

---

(111) **4-0094218**
(210) 4-2006-01537
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BRAGINKO

(151) 08.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VỸ HOA (VN)
Phòng 416 nhà A1, số 15 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094219**
(210) 4-2006-03159
(181) 08.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

EUROLINES

(151) 08.01.2008
(220) 08.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN T & K (VN)
Số 33 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bồn tắm, bệ xí, chậu rửa inox gắn cố định, vòi hoa sen dùng trong nhà tắm, bình nóng lạnh dùng trong nhà tắm thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Sàn gỗ thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094220**
(210) 4-2006-01068
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BOBINA

(151) 08.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI (HANOMED) (VN)
C71 ngõ 109, đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094221**
(210) 4-2006-16888
(181) 06.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANTIBAC2K

(151) 08.01.2008
(220) 06.10.2006

(731) ANTIBAC LABORATORIES PTE LTD (SG)
53 Ubi Ave 1#05-55 Paya Ubi Industrial Park, Singapore 408934
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm làm tươi mát không khí, chế phẩm làm sạch không khí; chế phẩm chống ký sinh trùng; vật dụng làm sạch có tẩm chất khử trùng; chất khử trùng; chất/thuốc lọc (dùng cho mục đích y tế); chất khử mùi không khí; chất khử mùi phòng; chế phẩm khử mùi và chế phẩm khử mùi không khí; chế phẩm làm tươi mát không khí; chế phẩm có mùi thơm làm tươi mát không khí và chất làm tươi mát không khí; chế phẩm có mùi thơm được chứa trong dụng cụ khuyếch tán bằng gốm để khử mùi không khí; chế phẩm có mùi thơm làm tươi mát không khí; chế phẩm dược; biôxít công nghiệp (hoá chất diệt loài gây hại dùng trong công nghiệp); biôxít gia dụng (hoá chất diệt loài gây hại dùng trong gia dụng); chế phẩm khử trùng; chế phẩm diệt nấm; chế phẩm hóa học và thuốc thử dùng cho dược phẩm; chế phẩm xông hơi (dùng để khử trùng hoặc dùng cho mục đích y tế); tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094222**
(210) 4-2006-17442
(181) 17.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 17.10.2006

(531) A26.11.13
(591) Cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT MỸ ÚC (VN)
Tổ 4, Nguyễn Thị Lắng, ấp Cây Da, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Các sản phẩm chế biến từ nha đam thuộc nhóm này, cụ thể: thạch nha đam, bột nha đam, nha đam sấy khô, nha đam cô đặc.

Nhóm 32: Đồ uống không cồn từ cây nha đam, cụ thể là: nước nha đam, sinh tố nha đam.

---

(111) **4-0094223**
(210) 4-2005-15073
(181) 09.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NHẤT CHI LAN

(151) 08.01.2008
(220) 09.11.2005

(731) BÙI THỊ NGỌC THANH (VN)
51 Lê Hồng Phong, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết , tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 21: Đồ gốm mỹ nghệ như bình, chậu, lọ.

---

(111) **4-0094224**
(210) 4-2005-12931
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 04.10.2005

(531) A25.3.3; 26.4.3
(591) Trắng, nâu, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG BA (VN)
09 Đoàn Hữu Trưng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi.

---

(111) **4-0094225**
(210) 4-2005-12932
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BÀ DUỆ

(151) 08.01.2008
(220) 04.10.2005

(731) LÝ KHOA TÀI (VN)
19A Cao Bá Quát, Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Tôm chua; mắm nêm; cá rò.

---

(111) **4-0094226**
(210) 4-2005-12933
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 04.10.2005

(531) A1.5.3; 26.4.4
(591) Đỏ, trắng, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VIỆT TUẤN (VN)
177 Phan Đăng Lưu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng.

---

(111) **4-0094227**
(210) 4-2005-12939
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 04.10.2005

(531) 26.1.6; A25.7.6
(591) Vàng, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÀ HÀNG CUỐN (VN)
62 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: bia, thuốc lá điếu, nước giải khát, thuỷ hải sản, thực phẩm chế biến.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng; cung cấp suất ăn công nghiệp.

(111) **4-0094228**
(210) 4-2005-15859
(181) 24.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 24.11.2005

(531) A5.3.15; A26.3.5; A26.11.12
(591) Xanh nước biển, xanh lá cây
(731) CỬA HÀNG CÁ CẢNH AQUAGREEN (VN)
74, Nguyễn Trường Tộ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán cá cảnh.

---

(111) **4-0094229**
(210) 4-2006-17480
(181) 18.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 18.10.2006

(531) 26.1.2; A26.11.8
(591) Trắng, xanh da trời, vàng, đỏ gạch
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HB (VN)
Tổ 7, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Đại lý mua bán dược phẩm; mua bán thuốc tân dược và đông dược; mua bán mỹ phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094230**
(210) 4-2006-18096
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) TRẦN VĂN HOÀI (VN)
50/1/7 Đỗ Nhuận, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Đầu đọc đĩa kỹ thuật số; loa; máy tăng âm (ampli); đầu máy karaoke; máy thu hình (ti vi); máy vi tính.

---

(111) **4-0094231**
(210) 4-2006-18098
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

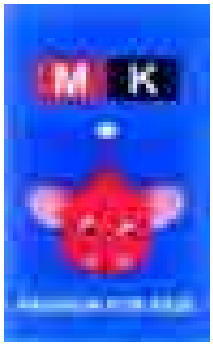

(151) 08.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) 3.2.1; 26.4.2; 3.2.15
(591) Xanh dương, đỏ, hồng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU MAI KHÔI (VN)
332/42/5 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Mũ nón (hàng may); tất (vớ); quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0094232**
(210) 4-2006-18923
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GERIATRIX

(151) 08.01.2008
(220) 03.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094233**
(210) 4-2006-18925
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMUNOMAX

(151) 08.01.2008
(220) 03.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094234**
(210) 4-2006-18926
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OSTEOSTOP

(151) 08.01.2008
(220) 03.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094235**
(210) 4-2006-18927
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MULTIVITAMOL

(151) 08.01.2008
(220) 03.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094236**
(210) 4-2006-18928
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HEDELICUM

(151) 08.01.2008
(220) 03.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa,
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094237**
(210) 4-2006-18929
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RUTICUM

(151) 08.01.2008
(220) 03.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa, Poland
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094238**
(210) 4-2006-19370
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Nippon WP 100

(151) 08.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NIPPON PAINT (VIỆT NAM) (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hoá chất chống thấm.

---

(111) **4-0094239**
(210) 4-2006-21598
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.4.2
(591) Đỏ gạch, vàng
(731) ASIA COMPACT INDUSTRY CO., LTD. (TH)
53-55 Yotha Road, Sampanthawongse, Bangkok 10100, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 12: Phanh đĩa, lót phanh, miếng đệm phanh, ống nối mềm để hãm phanh (trong bộ hãm bằng không khí) dùng cho phương tiện giao thông trên bộ, má phanh, guốc phanh hoàn chỉnh (theo bộ), miếng đệm cần đạp phanh, tất cả dùng cho xe cộ.

---

(111) **4-0094240**
(210) 4-2006-21599
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 1.15.23; 26.1.2; A26.11.12
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, da cam
(731) ASIA COMPACT INDUSTRY CO., LTD. (TH)
53-55 Yotha Road, Sampanthawongse, Bangkok 10100, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 12: Phanh đĩa, lót phanh, miếng đệm phanh, ống nối mềm để hãm phanh (trong bộ hãm bằng không khí) dùng cho phương tiện giao thông trên bộ, má phanh, guốc phanh hoàn chỉnh (theo bộ), miếng đệm cần đạp phanh, tất cả dùng cho xe cộ.

---

(111) **4-0094241**
(210) 4-2006-02923
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

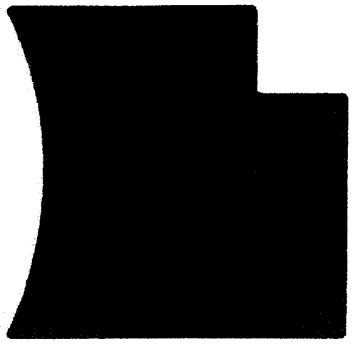

(151) 08.01.2008
(220) 02.03.2006

(531) 26.13.25
(731) TAKATA KABUSHIKI KAISHA, ALSO TRADING AS TAKATA CORPORATION (JP)
4-30, Roppongi 1-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 12: Dây đai an toàn của ghế ngồi trên máy bay (là bộ phận của máy bay); dây đai an toàn của ghế ngồi trên xe ô tô (là bộ phận của ô tô); túi khí của xe ô tô (thiết bị an toàn cho ô tô); ghế ngồi có thể tháo rời cho trẻ em trên xe ô tô (là bộ phận của ô tô); túi khí cho xe hai bánh có động cơ (thiết bị an toàn của xe hai bánh có động cơ); dây đai an toàn của ghế ngồi có thể mở rộng ra được của xe hai bánh có động cơ (là bộ phận của xe hai bánh có động cơ); dây đai an toàn của ghế ngồi của xe hai bánh có động cơ (là bộ phận của xe hai bánh có động cơ); tay lái dùng cho xe cộ.

---

(111) **4-0094242**
(210) 4-2006-02925
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MOMALI

(151) 08.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DŨNG KHANG (VN)
P1/B2 tập thể Lắp Máy, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Vòi tắm hoa sen, vòi nước, vòi nước bồn tắm, bộ vòi hòa nước bồn rửa.

---

(111) **4-0094243**
(210) 4-2006-02930
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LEPASTO

(151) 08.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094244**
(210) 4-2005-16376
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

QH GENUINE PARTS

(151) 08.01.2008
(220) 05.12.2005

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ QUANG HƯNG 2 (VN)
288 Trần Quý Cáp, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe gắn máy và đồ điện dùng trong xe gắn máy.

---

(111) **4-0094245**
(210) 4-2005-16377
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 05.12.2005

(531) 5.7.1; 8.7.5
(591) Xanh ngọc, đỏ, xanh dương, xanh lá cây, vàng, nâu, trắng, đen, đỏ, vàng cam
(731) HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THUẬN PHÁT (VN)
12 Hậu Giang, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Xì dầu (nước tương).

---

(111) **4-0094246**
(210) 4-2005-16772
(181) 09.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

RADEN

(151) 08.01.2008
(220) 09.12.2005

(731) N.V. SUMATRA TOBACCO TRADING COMPANY (ID)
Jalan Pattimura No. 3, Pematang Siantar, Sumatera Utara, Indonesia
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá, thuốc lá điếu và đồ dùng cho người hút thuốc cụ thể là diêm, đầu lọc thuốc lá, bật lửa dùng cho người hút thuốc.

---

(111) **4-0094247**
(210) 4-2005-16800
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HANOWA

(151) 08.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 7.1.6; 26.1.1; 1.15.24
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT HÀ NỘI (VN)
Số 4/165, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094248**
(210) 4-2005-17063
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 14.12.2005

(531) 7.1.5; 7.1.25
(731) CƠ SỞ NGUYỄN VĂN TỨ (VN)
Số 02 Phạm Văn Hai, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Cung cấp đồ ăn bún chả và nem rán (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0094249**
(210) 4-2005-17077
(181) 15.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BT **SHIAN** 32WP

(151) 08.01.2008
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TÔ ĐĂNG KHOA (VN)
28/29 Nguyễn Minh Hoàng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: thuốc trừ sâu; thuốc diệt trừ cỏ dại.

---

(111) **4-0094250**
(210) 4-2005-17078
(181) 15.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PONER

(151) 08.01.2008
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TÔ ĐĂNG KHOA (VN)
28/29 Nguyễn Minh Hoàng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: thuốc trừ sâu; thuốc diệt trừ cỏ dại.

(111) **4-0094251**
(210) 4-2006-02272
(181) 20.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 20.02.2006

(531) 26.4.2; A1.1.10; A1.1.2; A26.11.12
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC TRẦN HƯNG DÂN (VN)
80/3 Nguyễn Thái Học, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0094252**
(210) 4-2006-04065
(181) 21.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THIÊN PHƯỚC

(151) 08.01.2008
(220) 21.03.2006

(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT BÁNH KẸO THIÊN BÚT (VN)
Tổ 12, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 30: Bánh quy, bánh mì ngọt.

---

(111) **4-0094253**
(210) 4-2006-04242
(181) 23.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OSHIO

(151) 08.01.2008
(220) 23.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHẬT BẢN (VN)
Tổ 3, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 06: Khoá bằng kim loại, bản lề bằng kim loại, đồ sắt dùng cho cửa, khóa móc, chìa khóa.

(111) **4-0094254**
(210) 4-2006-04243
(181) 23.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KUMIKO

(151) 08.01.2008
(220) 23.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHẬT BẢN (VN)
Tổ 3, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 06: Khoá bằng kim loại, bản lề bằng kim loại, đồ sắt dùng cho cửa, khóa móc, chìa khóa.

---

(111) **4-0094255**
(210) 4-2006-04244
(181) 23.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

YAKOMI

(151) 08.01.2008
(220) 23.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHẬT BẢN (VN)
Tổ 3, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 06: Khoá bằng kim loại, bản lề bằng kim loại, đồ sắt dùng cho cửa, khóa móc, chìa khóa.

---

(111) **4-0094256**
(210) 4-2006-04759
(181) 31.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PHAN THÀNH

(151) 08.01.2008
(220) 31.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VẬN TẢI PHAN THÀNH (VN)
50, hẻm 3, Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 39: Vận tải bằng đường sông và đường bộ.

(111) **4-0094257**
(210) 4-2006-05837
(181) 17.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 17.04.2006

(531) 26.4.2
(731) CƠ SỞ HOÀNG NGỌC YẾN (VN)
547/U3 Nguyễn Tri Phương, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán lẻ quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0094258**
(210) 4-2006-06181
(181) 21.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 21.04.2006

(531) 26.1.2; 1.15.15; 1.15.21
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÀNH ĐÔ (VN)
Số 10 Lê Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Máy lọc nước thẩm thấu RO; máy tạo khí ôzôn.

---

(111) **4-0094259**
(210) 4-2006-07458
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 16.05.2006

(531) 1.15.15
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐỨC THỊNH (VN)
150 phố Quan Thánh, phường Quan Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dùng cho mục đích chữa bệnh, tinh nghệ mật ong dùng cho mục đích chữa bệnh.

Nhóm 30: Mật ong, mật ong có chứa tinh nghệ (mật ong là chủ yếu).

---

(111) **4-0094260**
(210) 4-2006-07781
(181) 19.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 19.05.2006

(531) A1.1.8; 26.1.1; 15.1.13
(731) CÔNG TY TNHH TAM CƯỜNG (VN)
Số 4, phố Lò Rèn, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các loại khoáng sản.

Nhóm 37: Khai thác khoáng sản.

---

(111) **4-0094261**
(210) 4-2006-01233
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 23.01.2006

(531) 26.1.2; 1.15.24; A26.11.13
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CỔ PHẦN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT NAM PAIHO (VN)
Lô số 30-32-34, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 22: Dây thừng; vật liệu làm sợi dệt dạng thô.

Nhóm 24: Vải; vải đai nịt dính, vải đai nịt mềm (dùng để phục vụ cho sản xuất giày dép, quần áo); vải đan; vải thêu.

Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; quần áo thêu.

Nhóm 26: Đăng ten; ruy băng và dải; khuy; kim khâu; kim băng; hoa nhân tạo (vật liệu để may quần áo); dây khóa kéo; khuy móc; khuy bấm; dây chun (vật liệu dùng để may quần áo), dây giày.

---

(111) **4-0094262**
(210) 4-2006-01314
(181) 24.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 24.01.2006

(531) 3.1.14; 8.7.5
(591) Đỏ, đỏ cam, da cam, trắng, đen, nâu, nâu nhạt, hồng phấn, trắng ngà, xanh lá cây, xanh tím, vàng, vàng chanh, vàng nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0094263**
(210) 4-2006-01315
(181) 24.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 24.01.2006

(531) 3.1.14; 3.7.3; 8.7.5
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh lá cây, xanh tím, xanh lá mạ, vàng, vàng nhạt, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0094264**
(210) 4-2006-01316
(181) 24.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

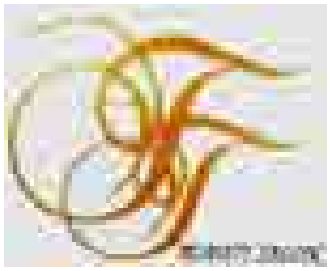

(151) 08.01.2008
(220) 24.01.2006

(531) 25.1.25
(591) Vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẢO TIÊN (VN)
152 đường 3-2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.

---

(111) **4-0094265**
(210) 4-2006-01317
(181) 24.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COPO

(151) 08.01.2008
(220) 24.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; mứt dạng kẹo; kẹo; trà; cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0094266**
(210) 4-2006-01319
(181) 24.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DARLAS

(151) 08.01.2008
(220) 24.01.2006

(731) UNISON LABORATORIES COMPANY, LIMITED (TH)
160 Soi Onnuch, Sukhumvit Rd., Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm

---

(111) **4-0094267**
(210) 4-2006-01320
(181) 24.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIFERAB

(151) 08.01.2008
(220) 24.01.2006

(731) UNISON LABORATORIES COMPANY, LIMITED (TH)
160 Soi Onnuch, Sukhumvit Rd., Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094268**
(210) 4-2006-01322
(181) 24.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PEXIFEN

(151) 08.01.2008
(220) 24.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (VN)
Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094269**
(210) 4-2007-00893
(181) 12.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

nikkotex

(151) 08.01.2008
(220) 12.01.2007

(531) 26.4.3
(591) Đen, đỏ, xanh lam, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN NIKKO VIỆT NAM (VN)
Tập thể 19/3 Vĩnh Quỳnh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn nước; sơn dầu; sơn bóng; sơn chống gỉ; sơn tường; sơn chịu nhiệt; sơn lót; sơn phủ bề mặt; chất bảo quản gỗ.

Nhóm 19: Bột trét tường là vật liệu xây dựng, bột Matis (là loại bột bả tường được dùng trong xây dựng).

Nhóm 35: Mua bán các loại sơn, chất chống gỉ, chất bảo quản gỗ, bột trét tường, bột matis.

---

(111) **4-0094270**
(210) 4-2005-03705
(181) 06.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

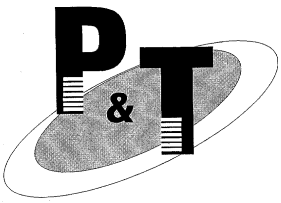

(151) 08.01.2008
(220) 06.04.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI PHAN THỊ (VN)
Số 7, ngách 49, ngõ 1, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu, dầu xả tóc, thuốc nhuộm tóc, chế phẩm hấp và dưỡng tóc, dầu làm bóng tóc; chế phẩm làm thẳng tóc.

---

(111) **4-0094271**
(210) 4-2005-11005
(181) 26.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 26.08.2005

(531) 24.17.21; 1.15.5
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HT (VN)
Tiên phương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 35: Dịch vụ buôn bán gas.

Nhóm 39: Dịch vụ chiết nạp gas.

---

(111) **4-0094272**
(210) 4-2005-12626
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) 24.17.15
(591) Đen, màu đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TAM KIM (VN)
Khu công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam

(511) Nhóm 07: Máy rửa chén bát, máy giặt, máy sấy quần áo, máy xay sinh tố

Nhóm 09: Ống luồn dây, cút, khớp nối, ống ruột gà (tất cả là phụ kiện dây điện); dây điện, bàn là điện.

Nhóm 11: Bình đun nước nóng dùng trong nhà tắm, chảo điện, ấm điện, bồn tắm, buồng tắm (không cố định), sen vòi, chậu rửa, vòi dùng trong thiết bị vệ sinh, nồi áp suất dùng điện, chảo điện, thiết bị khử mùi trong không khí, bếp ga, sen vòi, lò vi sóng, lò nướng, nồi cơm điện. bóng điện, đèn sạc, quạt sạc.

Nhóm 19: Ống nước bằng nhựa cứng, phụ kiện.

Nhóm 20: Tủ bếp.

Nhóm 21: Thùng rác.

---

(111) **4-0094273**
(210) 4-2006-14704
(181) 05.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 05.09.2006

(531) 21.3.1; 26.1.1; 26.15.1; 26.7.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU (VN)
1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Bóng thể thao.

---

(111) **4-0094274**
(210) 4-2006-15141
(181) 11.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ACVN

(151) 08.01.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH ARMSTRONG VIỆT NAM (VN)
Lô 23, khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Xe cộ; các bộ phận và linh kiện của xe cụ thể là nan hoa xe máy, vành xe máy thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094275**
(210) 4-2006-15644
(181) 18.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FLUNARIUM

(151) 08.01.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094276**
(210) 4-2006-15645
(181) 18.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FLUNALIUM

(151) 08.01.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094277**
(210) 4-2006-15979
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 08.01.2008
(220) 22.09.2006

(531) A26.11.12; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ ĐÀO TẠO UVC (VN)
36 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo về nghiệp vụ khách sạn.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094278**
(210) 4-2007-00572
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

GENPERAZONE

(151) 08.01.2008
(220) 05.01.2007

(731) SUCHIANG CHEMICAL & PHARMACEUTICAL CO., LTD (TW)
10Fl, 72, Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094279**
(210) 4-2007-00573
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEFTRISU

(151) 08.01.2008
(220) 05.01.2007

(731) SUCHIANG CHEMICAL & PHARMACEUTICAL CO., LTD (TW)
10Fl, 72, Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094280**
(210) 4-2007-02107
(181) 30.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

KALCOGEN

(151) 08.01.2008
(220) 30.01.2007

(731) PT KALBE FARMA TBK (ID)
Kawasan Industri Delta Silicon, Jl. MH Thamrin Blok A3-1, Lippo Cikarang, Bekasi 17550, Indonesia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: G-CSF - nhân tố kích thích cụm khuẩn bạch cầu hạt để điều trị sự giảm bạch cầu trung tính do việc hoá trị liệu ở các bệnh nhân ung thư.

---

(111) **4-0094281**
(210) 4-2006-17552
(181) 18.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 18.10.2006

(531) A1.1.10; 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TIN HỌC NAM VIỄN ĐÔNG (VN)
67/11 Bùi Thị Xuân, phường 05, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Máy vi tính, máy in dùng cho máy vi tính, máy quét ảnh, máy tính xách tay, máy fax.

---

(111) **4-0094282**
(210) 4-2006-17833
(181) 23.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

REBEL

(151) 09.01.2008
(220) 23.10.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT BANG PHƯỚC NGUYÊN (VN)
106H/5D Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; sữa tắm; kem dưỡng da; nước dưỡng da; nước hoa, mặt nạ dưỡng da.

Nhóm 05: Kem trị mụn có chứa thuốc; kem trị nám có chứa thuốc; kem trị tàn hương có chứa thuốc.

---

(111) **4-0094283**
(210) 4-2006-17837
(181) 23.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

T-phone

(151) 09.01.2008
(220) 23.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THẢO (VN)
647 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 38: Cung cấp dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông, cụ thể là: điện thoại internet, dịch vụ truy nhập internet ISP, dịch vụ viễn thông không dây, dịch vụ thông tin liên lạc, dịch vụ thông tin liên lạc sử dụng mạng máy tính, dịch vụ nhắn tin.

---

(111) **4-0094284**
(210) 4-2006-17838
(181) 23.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 23.10.2006

(531) A3.9.2; 26.1.2
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI BÁC THĂNG (VN)
116 quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Thép; thép cuộn.

---

(111) **4-0094285**
(210) 4-2006-17839
(181) 23.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 23.10.2006

(531) 26.1.1; 1.15.24; A25.7.7
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, xanh dương, ghi
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ LÀN SÓNG THỨ BA (VN)
L28 cư xá Phú Lâm A, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị công nghệ sinh học; mua bán thiết bị công nghệ hóa học; mua bán thiết bị điện; mua bán thiết bị điện tử; mua bán thiết bị cơ khí chính xác; mua bán thiết bị viễn thông; mua bán thiết bị công nghệ thông tin; mua bán thiết bị giáo dục và đào tạo nghề; mua bán thiết bị y tế.

---

(111) **4-0094286**
(210) 4-2006-18058
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

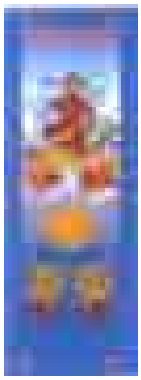

(511) Nhóm 03: Hương thắp.

(151) 09.01.2008
(220) 25.10.2006

(531) 2.1.22; A25.1.10; 2.7.11
(591) Trắng, đỏ, vàng, xanh dương, xanh lá cây, xanh da trời, tím, hồng đậm, hồng lòng tôm
(731) CƠ SỞ THUẬN THIÊN THÀNH (VN)
165/13F Văn Thân, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

---

(111) **4-0094287**
(210) 4-2006-18059
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

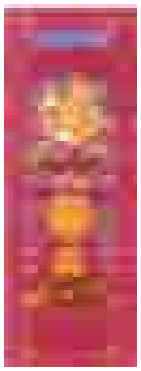

(511) Nhóm 03: Hương thắp.

(151) 09.01.2008
(220) 25.10.2006

(531) 4.3.3; 24.5.1; A25.1.10; A2.5.22
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, tím, hồng đậm, ghi
(731) CƠ SỞ THUẬN THIÊN THÀNH (VN)
165/13F Văn Thân, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

---

(111) **4-0094288**
(210) 4-2006-19080
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GINKOLYT

(151) 09.01.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG (VN)
288 bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094289**
(210) 4-2006-19083
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DIACEVIC

(151) 09.01.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG (VN)
288 bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094290**
(210) 4-2006-19084
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MEDSKIN

(151) 09.01.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG (VN)
288 bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094291**
(210) 4-2006-19085
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ASGAIDA

(151) 09.01.2008
(220) 07.11.2006

(731) CƠ SỞ MAI LONG (VN)
255 Hải Thượng Lãn Ông, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nước hoa.

---

(111) **4-0094292**
(210) 4-2005-17616
(181) 26.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TATAVIC

(151) 09.01.2008
(220) 26.12.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ PHÚ YÊN - PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094293**
(210) 4-2005-17695
(181) 27.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

XANTHOSTEEN

(151) 09.01.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ PHÚ YÊN - PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094294**
(210) 4-2005-17871
(181) 30.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANTIBAC

(151) 09.01.2008
(220) 30.12.2005

(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati Ohio 45202, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Chất làm sạch dùng để giặt; chất tẩy trắng dùng để giặt; chất tẩy dùng để giặt; chất làm mềm và thơm vải (nước xả vải); nước làm tôn vải (nước làm mềm và dưỡng vải); nước làm mềm vải; chất làm sạch dùng cho gia đình; nước làm mềm, thơm và sáng màu vải; xà phòng.

---

(111) **4-0094295**
(210) 4-2006-01525
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KOLARMY

(151) 09.01.2008
(220) 06.02.2006

(531) A5.5.21
(731) MEI KWANG CHEMICAL FACTORY (TW)
No. 48, Lane 341, Chunghua 2nd Rd., Sanmin Dist., Kaohsiung City, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; xà phòng; nước thơm thoa mặt; dầu gội đầu; nước thơm xức cơ thể; sữa làm sạch da.

---

(111) **4-0094296**
(210) 4-2006-03287
(181) 09.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NHẬT VY

(151) 09.01.2008
(220) 09.03.2006

(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT KEM NHẬT VY (VN)
176 Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 30: Kem lạnh.

---

(111) **4-0094297**
(210) 4-2006-18983
(181) 06.11.2016
(300) 78/974,157 14.09.2006 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

CORDAPTIVE

(151) 09.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) MERCK & CO., INC. (US)
One Merck Drive, P.O.Box 100, Whitehouse Station, New Jersey, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược phẩm dùng điều trị các bệnh (cụ thể là: bệnh nghiện, chứng không kiềm chế được vệ sinh cá nhân, bệnh đái đường, bệnh và chứng rối loạn về tim mạch, bệnh và chứng rối loạn về não, chứng lo âu, chứng suy nhược, chứng mất ngủ, chứng rối loạn về nhận thức, bệnh và chứng rối loạn về hệ thống thần kinh trung ương, bệnh và chứng rối loạn về dạ dày, bệnh ung thư, bệnh béo phì, chứng viêm và bệnh dễ

viêm, bệnh và chứng rối loạn về đường tiêu hoá, chứng rối loạn hệ cơ, chứng loãng xương, sự rối loạn và triệu chứng mãn kinh của phụ nữ); chế phẩm chống lây nhiễm; chế phẩm chống vi rút; chế phẩm miễn dịch; chế phẩm giảm đau; chế phẩm chữa các bệnh về mắt và chế phẩm chống nôn.

---

(111) **4-0094298**
(210) 4-2006-18984
(181) 06.11.2016
(300) 78/891,560 24.05.2006 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

CORVANTAGE

(151) 09.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) MERCK & CO., INC. (US)
One Merck Drive, P.O.Box 100, Whitehouse Station, New Jersey, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược phẩm dùng điều trị các bệnh (cụ thể là: bệnh nghiện, chứng không kiềm chế được vệ sinh cá nhân, bệnh đái đường, bệnh và chứng rối loạn về tim mạch, bệnh và chứng rối loạn về não, chứng lo âu, chứng suy nhược, chứng mất ngủ, chứng rối loạn về nhận thức, bệnh và chứng rối loạn về hệ thống thần kinh trung ương, bệnh và chứng rối loạn về dạ dày, bệnh ung thư, bệnh béo phì, chứng viêm và bệnh dễ viêm, bệnh và chứng rối loạn về đường tiêu hoá, chứng rối loạn hệ cơ, chứng loãng xương, sự rối loạn và triệu chứng mãn kinh của phụ nữ); chế phẩm chống lây nhiễm; chế phẩm chống vi rút; chế phẩm miễn dịch; chế phẩm giảm đau; chế phẩm chữa các bệnh về mắt và chế phẩm chống nôn.

---

(111) **4-0094299**
(210) 4-2006-18985
(181) 06.11.2016
(300) 78/891,556 24.05.2006 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMPROLIP

(151) 09.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) MERCK & CO., INC. (US)
One Merck Drive, P.O.Box 100, Whitehouse Station, New Jersey, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược phẩm dùng điều trị các bệnh (cụ thể là: bệnh nghiện, chứng không kiềm chế được vệ sinh cá nhân, bệnh đái đường, bệnh và chứng rối loạn về tim mạch, bệnh và chứng rối loạn về não, chứng lo âu, chứng suy nhược, chứng mất ngủ, chứng rối loạn về nhận thức, bệnh và chứng rối loạn về hệ thống thần kinh trung ương, bệnh và chứng rối loạn về dạ dày, bệnh ung thư, bệnh béo phì, chứng viêm và bệnh dễ viêm, bệnh và chứng rối loạn về đường tiêu hoá, chứng rối loạn hệ cơ, chứng loãng xương, sự rối loạn và triệu chứng mãn kinh của phụ nữ); chế phẩm chống lây nhiễm; chế

phẩm chống vi rút; chế phẩm miễn dịch; chế phẩm giảm đau; chế phẩm chữa các bệnh về mắt và chế phẩm chống nôn.

---

(111) **4-0094300**
(210) 4-2006-18986
(181) 06.11.2016
(300) 78/891,549 24.05.2006 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

TREDAPTIVE

(151) 09.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) MERCK & CO., INC. (US)
One Merck Drive, P.O.Box 100, Whitehouse Station, New Jersey, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược phẩm dùng điều trị các bệnh (cụ thể là: bệnh nghiện, chứng không kiềm chế được vệ sinh cá nhân, bệnh đái đường, bệnh và chứng rối loạn về tim mạch, bệnh và chứng rối loạn về não, chứng lo âu, chứng suy nhược, chứng mất ngủ, chứng rối loạn về nhận thức, bệnh và chứng rối loạn về hệ thống thần kinh trung ương, bệnh và chứng rối loạn về dạ dày, bệnh ung thư, bệnh béo phì, chứng viêm và bệnh dễ viêm, bệnh và chứng rối loạn về đường tiêu hoá, chứng rối loạn hệ cơ, chứng loãng xương, sự rối loạn và triệu chứng mãn kinh của phụ nữ); chế phẩm chống lây nhiễm; chế phẩm chống vi rút; chế phẩm miễn dịch; chế phẩm giảm đau; chế phẩm chữa các bệnh về mắt và chế phẩm chống nôn.

---

(111) **4-0094301**
(210) 4-2005-12158
(181) 19.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANPHUC

(151) 09.01.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0094302**
(210) 4-2005-12159
(181) 19.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANPHUCTAG-400

(151) 09.01.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094303**
(210) 4-2005-12161
(181) 19.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANPHUCNIMTIZ

(151) 09.01.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094304**
(210) 4-2005-14619
(181) 01.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MINH THƯ

(151) 09.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) HOÀNG MINH NGỌC (VN)
Thôn Thổ Cầu, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Men rượu.

---

(111) **4-0094305**
(210) 4-2005-14694
(181) 03.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Takada

(151) 09.01.2008
(220) 03.11.2005

(731) EAST PEAK PTE LTD. (SG)
164 Kallang Way #07-21/24 Singapore 349248
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Nồi nấu chạy điện; nồi cơm điện; bếp lò; đĩa để hâm nóng hoặc nấu thức ăn dùng điện; lò nướng bánh bằng điện; máy pha cà phê chạy điện; lò (thiết bị nấu nướng); ấm đun nước chạy điện; thiết bị cung cấp nước; thiết bị lọc không khí (dùng để làm sạch và lọc không khí); máy tạo ion (thiết bị dùng để điều hoà không khí); nồi hầm chạy điện; nồi áp suất chạy điện; thiết bị nướng bánh mỳ dùng cho gia đình; quạt làm lạnh chạy điện, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094306**
(210) 4-2006-10175
(181) 30.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 30.06.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Da cam đậm, da cam nhạt, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP HOA TÍN (VN)
Cụm tiểu thủ công nghiệp làng nghề xã Kim Bình, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón (phân bón NPK).

Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0094307**
(210) 4-2005-12614
(181) 27.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 27.09.2005

(531) 2.1.3; 2.3.7; 2.1.11; 2.3.11
(591) Xám, xanh lá úa, vàng cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG NIÊN (VN)
5 đường 3A, khu dân cư An Lạc, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, chất làm bóng.

---

(111) **4-0094308**
(210) 4-2005-16867
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

RETRAPHAR

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094309**
(210) 4-2005-16869
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NERYPASSI

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094310**
(210) 4-2005-16872
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.2; A25.1.13; 26.11.2
(591) Đen, vàng, vàng nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094311**
(210) 4-2005-16883
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ĐỖ QUỐC LONG (VN)
Số 6, hẻm 33/9, ngõ Văn Chương II, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc đông y.

---

(111) **4-0094312**
(210) 4-2005-14756
(181) 04.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PICTENT

(151) 09.01.2008
(220) 04.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT (VN)
Số 103 Đặng Tiến Đông, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Đồng hồ tính tiền taxi.

---

(111) **4-0094313**
(210) 4-2005-16822
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

QUBIC'S

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0094314**
(210) 4-2005-16823
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KUBIC'S

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0094315**
(210) 4-2005-16826
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORION CRAX

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

(111) **4-0094316**
(210) 4-2006-22005
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 15.12.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23; A26.11.13; 1.3.2; A1.3.17; A1.3.18; 1.15.24
(591) Đỏ, trắng, xanh lam, xanh lơ, xanh da trời
(731) XÍ NGHIỆP TƯ DOANH XÂY LẮP ANH ANH (VN)
Số 50, Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Đá lạnh thực phẩm.

Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094317**
(210) 4-2005-12955
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FRUITER

(151) 09.01.2008
(220) 04.10.2005

(731) CHO, TAI WAI DAVID (HK)
RM10 13F, Kam Ling House, Kam Fung CRT, Ma On Shan, N.T., Hong Kong
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm dùng để tẩy (mục đích giặt); chế phẩm dùng để làm sạch; xà phòng khử trùng; xà phòng; xà phòng dùng để rửa tay (mục đích khử trùng); chế phẩm dùng để tẩy trắng da thuộc nhóm này; mỹ phẩm dùng cho việc tắm; chế phẩm dùng làm sạch miệng (không dùng cho mục đích y tế); nước hoa; chế phẩm dùng để giặt thuộc nhóm này; chế phẩm dùng để tẩy trắng thuộc nhóm này; chế phẩm để đánh bóng; chế phẩm dùng để cọ rửa; chế phẩm dùng để mài mòn thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094318**
(210) 4-2005-13257
(181) 10.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KOREX

(151) 09.01.2008
(220) 10.10.2005

(531) A26.11.12
(731) CƠ SỞ HẢI THÀNH (VN)
577A Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy tăng âm (ampli); đầu máy đọc đĩa kỹ thuật số; loa; đầu máy hát karaoke.

---

(111) **4-0094319**
(210) 4-2006-00252
(181) 06.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SẤM SÉT

(151) 09.01.2008
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0094320**
(210) 4-2006-22047
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.4.2; A15.7.3; A19.1.25
(591) Vàng, xanh tím, đen, đỏ, trắng
(731) HOÀNG ĐỨC VIỆT (VN)
30 Nguyễn Chánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Khí ôxy và axetylen.

---

(111) **4-0094321**
(210) 4-2005-06307
(181) 30.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VOVOS

(151) 09.01.2008
(220) 30.05.2005

(731) CÔNG TY J.K LIM ENTERPRISE (TÊN TIẾNG ANH- J.K LIM ENTERPRISE) (MY)
19 Jalan Wawasan, 8 Kawasan Perindustrian Sri Gading, 83300 Batu, Pahat Johor Malaysia

(511) Nhóm 29: Thịt, cá, gia cầm, chất chiết ra từ thịt, rau quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín, nước quả nấu đông, mứt, trứng sữa và các sản phẩm làm từ sữa, dầu thực vật và mỡ ăn.

---

(111) **4-0094322**
(210) 4-2005-12474
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Envopro

(151) 09.01.2008
(220) 23.09.2005

(591) Trắng, xanh lá cây
(731) GREAT EASTERN RESINS INDUSTRIAL CO., LTD. (TW)
No. 35, 34th Road, Taichung Industrial Park, Tai chung, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Chất dính để dán quảng cáo, chất dính dùng trong công nghiệp, keo dính dùng trong công nghiệp, chất dính dùng cho giấy dán tường, chất dính dùng để gắn đồ vật bị vỡ, chất gắn để sửa chữa các đồ vật bị vỡ, chất dính dùng cho lớp gạch bông lát tường, chất kết dính dùng cho bê tông, chất thấm (luyện kim), hoá chất để chống thấm cho xi măng (trừ sơn), hoá chất để bảo quản xi măng (trừ sơn và dầu), chế phẩm hoá học dùng để sản xuất chất màu, chất dẻo để nặn, hoá chất trừ động vật gây hại, nhựa nhân tạo (ở dạng thô), nhựa tổng hợp (ở dạng thô), dung dịch cao su, chế phẩm nhựa phết dùng trong nghề trồng cây, chế phẩm nhựa phết dùng trong ghép cành.

---

(111) **4-0094323**
(210) 4-2006-00837
(181) 17.01.2016
(300) 40-2005-0051386 03.11.2005 KR
(450) 25.02.2008 239
(540)

inkoii

(151) 09.01.2008
(220) 17.01.2006

(731) INKOII GROUP CORPORATION (KR)
601 Korea City Air Terminal, 159-6 Samsung-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 03: Son môi; mặt nạ trang điểm đóng hộp; mỹ phẩm chống nắng; mỹ phẩm dạng sữa dùng cho da; mỹ phẩm thông thường dùng cho da; kem làm trắng da.

---

(111) **4-0094324**
(210) 4-2006-00891
(181) 18.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 18.01.2006

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, xanh cỏ úa, xanh ghi nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HTR (VN)
Số 12, tổ 52, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, đèn trang trí nội thất, thiết bị phòng tắm; xuất nhập khẩu.

Nhóm 37: Lắp đặt thiết bị nhà vệ sinh, phòng tắm, đường ống nước, thiết bị điện tử, thiết bị điện lạnh.

---

(111) **4-0094325**
(210) 4-2006-01107
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 24.15.1
(591) Trắng, vàng, xanh tím
(731) NHÀ MÁY THUỐC LÁ ĐỒNG THÁP (VN)
59/4 quốc lộ 80, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0094326**
(210) 4-2006-01131
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 20.01.2006

(731) THE BOOTS COMPANY PLC (GB)
Nottingham NG2 3AA United Kingdom
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Thuốc nước chống ho; kẹo chống ho; xi-rô chống ho; viên thuốc ho có tẩm thuốc; kẹo tẩm thuốc; kẹo nhai có mùi thơm tẩm thuốc; viên thuốc hình thoi có tẩm thuốc; nước súc miệng có tẩm thuốc.

Nhóm 30: Bánh kẹo không tẩm thuốc.

---

(111) **4-0094327**
(210) 4-2006-01132
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 2.1.1; 24.9.1
(731) PARK MIN GYU (KR)
993-17, Wooke-Ri, Sangdong-Myon, Kimhae City, Korea
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Chảo rán, xanh để nấu nướng, nồi, chảo để nấu nướng, ấm đun nước không dùng điện, nồi áp suất không dùng điện.

---

(111) **4-0094328**
(210) 4-2006-01133
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) A26.3.5; 26.3.23; 26.11.2
(591) Trắng, ghi
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y MINH TÂN (VN)
Lô 30A3-5 khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 31: Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm.

---

(111) **4-0094329**
(210) 4-2006-01224
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DELIFLUKE

(151) 09.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) BAYER AKTIENGESELLSCHAFT (DE)
D-51368 Leverkusen, Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm thú y, chế phẩm chống ký sinh trùng.

---

(111) **4-0094330**
(210) 4-2006-01328
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SIVI PRO

(151) 09.01.2008
(220) 25.01.2006

(531) 26.4.1; 26.4.3; 26.3.23
(731) CƠ SỞ ĐỨC NGÂN (VN)
964/67 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc nước.

---

(111) **4-0094331**
(210) 4-2006-08605
(181) 05.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 05.06.2006

(531) 26.1.1; 2.1.3; A2.1.17
(591) Vàng, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH PHÚ THUẬN (VN)
ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0094332**
(210) 4-2006-08989
(181) 09.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HUACEN

(151) 09.01.2008
(220) 09.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ XÂY DỰNG THIÊN ANH (VN)
Số 110 khu nhà A, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 07: Máy phát điện.

---

(111) **4-0094333**
(210) 4-2006-09767
(181) 23.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

JASEAPAN

(151) 09.01.2008
(220) 23.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ - VIEXIM (VN)
147 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ ô tô, động cơ xe máy, ống xả xe máy, vành xe máy.

---

(111) **4-0094334**
(210) 4-2006-09768
(181) 23.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KINGTHAI'S

(151) 09.01.2008
(220) 23.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ - VIEXIM (VN)
147 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ ô tô, động cơ xe máy, ống xả xe máy, vành xe máy.

---

(111) **4-0094335**
(210) 4-2006-09769
(181) 23.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SAKYA

(151) 09.01.2008
(220) 23.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ - VIEXIM (VN)
147 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ ô tô, động cơ xe máy, ống xả xe máy, vành xe máy.

---

(111) **4-0094336**
(210) 4-2006-13664
(181) 18.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 18.08.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; A20.7.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC HẢI DƯƠNG (VN)
Số 27 phố Minh Khai, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị giảng dạy; thiết bị dạy học nghe nhìn.

Nhóm 16: Sách; vở học sinh; bảng để viết; giấy viết; đồ dùng giảng dạy (không phải là thiết bị); dụng cụ học sinh.

---

(111) **4-0094337**
(210) 4-2006-13803
(181) 22.08.2016
(300) 78/820,659 22.02.2006 US
78/820,673 22.02.2006 US
78/820,810 22.02.2006 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

HYBRIDLIFE

(151) 09.01.2008
(220) 22.08.2006

(731) KEEN, INC. (US)
926 NW 13th Avenue, Suite 210, Portland, Oregon 97209, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Kính mắt.

Nhóm 18: Túi xách, ba lô, túi đựng hành lý và sản phẩm làm từ da cụ thể là: túi thể thao, túi đeo, túi đựng sách, hộp đựng điện thoại, bao đựng điện thoại, túi đựng điện thoại, cặp tài liệu, túi da và ví da.

Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu (trang phục).

---

(111) **4-0094338**
(210) 4-2006-14701
(181) 05.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(511) Nhóm 28: Bóng thể thao.

(151) 09.01.2008
(220) 05.09.2006

(531) 26.5.1; 26.5.4; A5.5.20; A5.5.21; 21.3.1; 23.1.1; A26.3.6
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU (VN)
1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

---

(111) **4-0094339**
(210) 4-2006-14702
(181) 05.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

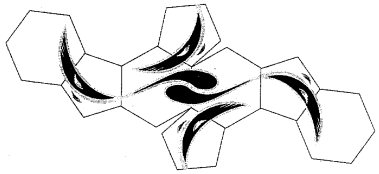

(511) Nhóm 28: Bóng thể thao.

(151) 09.01.2008
(220) 05.09.2006

(531) 26.5.1; 26.5.4; 3.7.17; 1.7.6; 1.15.23; 21.3.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU (VN)
1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

---

(111) **4-0094340**
(210) 4-2006-14703
(181) 05.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

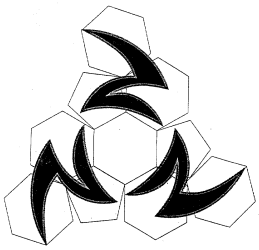

(511) Nhóm 28: Bóng thể thao.

(151) 09.01.2008
(220) 05.09.2006

(531) 26.5.1; 26.5.4; 3.7.17; 26.3.23; 21.3.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU (VN)
1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

---

(111) **4-0094341**
(210) 4-2005-16287
(181) 02.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MINH TRUNG

(151) 09.01.2008
(220) 02.12.2005

(731) CƠ SỞ MINH TRUNG (VN)
Số 85 Nguyễn Trãi, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 35: Mua bán thức ăn gia súc, trứng gia cầm.

---

(111) **4-0094342**
(210) 4-2005-16406
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

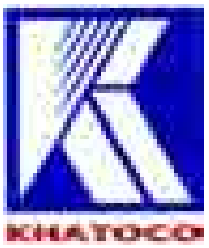

(151) 09.01.2008
(220) 05.12.2005

(531) 26.4.2; A26.3.5; 26.7.25
(591) Trắng, đỏ, xanh dương
(731) TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT (VN)
84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Dây đồng hồ.

Nhóm 18: Cặp xách; cặp làm việc; túi khoác vai; ví da; ví đựng điện thoại di động; móc chìa khoá làm bằng da đà điểu; móc chìa khoá làm bằng da cá sấu.

Nhóm 20: Vỏ trứng điêu khắc dùng trang trí.

Nhóm 25: Thắt lưng; giày; dép.

Nhóm 28: Thú nhồi bông.

Nhóm 34: Bật lửa dùng cho người hút thuốc; hộp đựng bật lửa cho người hút thuốc.

---

(111) **4-0094343**
(210) 4-2005-16408
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 05.12.2005

(531) A1.1.10; 26.1.1; 26.1.5; 3.4.7
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRẦN MINH HÒA (VN)
161 F Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Chảo dùng điện.

Nhóm 21: Nồi lẩu (không dùng điện); thau (chậu); mâm; chảo lủng (chảo không đáy kê dưới nồi để khói không bám vào thành nồi khi nấu); nồi nhôm (không dùng điện).

---

(111) **4-0094344**
(210) 4-2005-16409
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NORMOTIMI

(151) 09.01.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TIẾN MINH (VN)
136 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm; mua bán dụng cụ y tế thông thường.

---

(111) **4-0094345**
(210) 4-2005-16816
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CRAX

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0094346**
(210) 4-2005-16817
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

WiKi's

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0094347**
(210) 4-2005-16818
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Wiki Wiki

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0094348**
(210) 4-2005-16819
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

U-NIQ

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0094349**
(210) 4-2005-16820
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

U!NIQ

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30- 10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0094350**
(210) 4-2006-22100
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIBC

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64 - 68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, thuê mua tài chính, đầu tư chứng khoán, bảo hiểm.

---

(111) **4-0094351**
(210) 4-2006-22101
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIF

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64 - 68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, thuê mua tài chính, đầu tư chứng khoán, bảo hiểm.

---

(111) **4-0094352**
(210) 4-2006-22102
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIGroup

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64 - 68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, thuê mua tài chính, đầu tư chứng khoán, bảo hiểm.

---

(111) **4-0094353**
(210) 4-2006-22103
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIFinance

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64 - 68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, thuê mua tài chính, đầu tư chứng khoán, bảo hiểm.

---

(111) **4-0094354**
(210) 4-2006-22106
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VILeasing

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64 - 68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, thuê mua tài chính, đầu tư chứng khoán, bảo hiểm.

---

(111) **4-0094355**
(210) 4-2006-22107
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIRealEstate

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64 - 68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, thuê mua tài chính, đầu tư chứng khoán, bảo hiểm.

---

(111) **4-0094356**
(210) 4-2006-22108
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIInsurance

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64 - 68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, thuê mua tài chính, đầu tư chứng khoán, bảo hiểm.

---

(111) **4-0094357**
(210) 4-2006-22109
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIInvestment

(151) 09.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64 - 68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, thuê mua tài chính, đầu tư chứng khoán, bảo hiểm.

---

(111) **4-0094358**
(210) 4-2006-21678
(181) 12.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 09.01.2008
(220) 12.12.2006

(531) 26.3.23; 7.1.24
(591) Xanh nước biển
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NGUYỄN GROUP (VN)
98/1 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; sửa chữa, lắp đặt và bảo trì hệ thống: điện, phòng cháy chữa cháy, chống sét và cấp thoát nước.

Nhóm 42: Tư vấn thiết kế kiến trúc.

---

(111) **4-0094359**
(210) 4-2006-22007
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GANTAVIMIN

(151) 09.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167, đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094360**
(210) 4-2006-22009
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COPHATAZEL

(151) 09.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094361**
(210) 4-2006-07346
(181) 12.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AN ĐÔ

(151) 10.01.2008
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN ĐÔ QUỐC TẾ (VN)
16 Lý Thái Tổ, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Mua bán máy bơm nước và phụ tùng; mua bán mô-tơ máy bơm nước; mua bán máy công nghiệp; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng cho ngành dệt may.

---

(111) **4-0094362**
(210) 4-2006-07347
(181) 12.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 12.05.2006

(531) 26.3.1; 26.2.7; 26.7.25; 26.11.3
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH AN ĐÔ QUỐC TẾ (VN)
16 Lý Thái Tổ, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Mua bán máy bơm nước và phụ tùng; mua bán mô-tơ máy bơm nước; mua bán máy công nghiệp; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng cho ngành dệt may.

---

(111) **4-0094363**
(210) 4-2006-07348
(181) 12.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 12.05.2006

(531) 1.3.1; 26.1.1; 26.4.2
(591) Xanh da trời, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH AN ĐÔ QUỐC TẾ (VN)
16 Lý Thái Tổ, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước; mô tơ máy bơm nước.

Nhóm 35: Mua bán máy bơm nước và phụ tùng; mua bán mô-tơ máy bơm nước; mua bán máy công nghiệp; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng cho ngành dệt may.

---

(111) **4-0094364**
(210) 4-2006-01454
(181) 26.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23; 3.7.17
(591) Xanh nước biển, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT MỸ (VN)
Số 16 BT1, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm từ sữa; sữa chua; nước quả nấu đông; mứt; mứt quả.

Nhóm 35: Mua bán sữa, các sản phẩm từ sữa, sữa chua, nước quả nấu đông, mứt, mứt quả.

---

(111) **4-0094365**
(210) 4-2006-01460
(181) 26.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23; 3.7.17
(591) Xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT MỸ (VN)
Số 16 BT1, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo; kem lạnh; cà phê; chè; chế phẩm ngũ cốc.

Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước ép trái cây; đồ uống hoa quả không chứa cồn; nước khoáng; bia; sữa đậu nành.

Nhóm 35: Mua bán bánh, kẹo, kem lạnh, cà phê, chè, các sản phẩm làm từ bột ngũ cốc, nước uống tinh khiết, nước ép trái cây, đồ uống hoa quả không chứa cồn, nước khoáng, bia, sữa đậu nành.

---

(111) **4-0094366**
(210) 4-2006-01464
(181) 26.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRƯỜNG PHONG

(151) 10.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) CƠ SỞ NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG (VN)
Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Bễ dùng cho bếp.

---

(111) **4-0094367**
(210) 4-2006-01518
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MACROFLUX

(151) 10.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) ALZA CORPORATION (US)
1900 Charleston Road, Mountain View, CA94039-7210, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược và dược chất.

Nhóm 10: Thiết bị, miếng băng, vòng nâng petxe và bình chứa, tất cả để đặt thuốc; thiết bị đưa thuốc qua da; thiết bị đưa mẫu glucô dơ qua da, thiết bị liệu pháp i ôn và thiết bị trong da.

Nhóm 42: Dịch vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm cho người khác.

---

(111) **4-0094368**
(210) 4-2006-01535
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BELLE

(151) 10.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TIẾN LỘC (VN)
237 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, phụ tùng xe máy như: yếm xe, vành xe, mặt nạ xe, tấm ốp sườn xe.

---

(111) **4-0094369**
(210) 4-2006-01536
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

JASPER

(151) 10.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TIẾN LỘC (VN)
237 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, phụ tùng xe máy như: yếm xe, vành xe, mặt nạ xe, tấm ốp sườn xe.

---

(111) **4-0094370**
(210) 4-2006-02756
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Hoàng Phố

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KINH DOANH VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HÀ VIỆT (VN)
Số nhà 217, tổ 38 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0094371**
(210) 4-2006-02901
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

proxomed

(151) 10.01.2008
(220) 02.03.2006

(591) Đen, đỏ
(731) PROXOMED MEDIZINTECHNIK GMBH (DE)
DaimlerstraBe 6, 63755 Alzenau, Germany
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Đồ gỗ nội thất đặc biệt dùng cho mục đích y tế; dụng cụ thể dục dùng cho mục đích y tế, cụ thể là dùng cho việc phục hồi chấn thương-chỉnh hình; dụng cụ tập luyện và kiểm tra độ săn chắc cơ; dụng cụ tập luyện dùng cho nội khoa, dụng cụ tập luyện tim mạch; dụng cụ luyện phản xạ và dụng cụ giúp định vị (hoặc định hướng) chuyển động của các bộ phận trên cơ thể; các dụng cụ hỗ trợ vật lý trí liệu, cụ thể là ghế tựa phục vụ vật lý trị liệu, dụng cụ cho vật lý trị liệu điện (liệu pháp điện), vật lý trị liệu nhiệt (liệu pháp nhiệt) và liệu pháp lạnh; dụng cụ chỉnh hình; dụng cụ và thiết bị phẫu thuật, nội khoa, nha khoa và thú y, chân tay giả.

Nhóm 16: ấn phẩm; đồ dùng giảng dạy và tài liệu hướng dẫn (không kể máy móc dùng cho mục đích trên), chương trình tập luyện và bảng giờ giấc tập luyện thể dục.

Nhóm 28: Dụng cụ thể dục không xếp trong các nhóm khác; trò chơi và đồ chơi.

Nhóm 41: Đào tạo, cụ thể là hướng dẫn và tổ chức các buổi hội thảo và các bài giảng trong lĩnh vực sức khỏe.

Nhóm 42: Lập các chương trình máy tính phục vụ việc chăm sóc sức khoẻ trong lĩnh vực phòng ngừa và phục hồi; phát triển các chương trình máy tính liên quan đến việc chăm sóc bệnh nhân, bao gồm giáo dục y tế, tư vấn và chăm sóc cho bệnh nhân bằng liệu pháp học trong lĩnh vực phòng ngừa và phục hồi, cụ thể là vật lý trị liệu thể thao, biên soạn các chương trình xử lý dữ liệu phục vụ việc chăm sóc sức khỏe.

Nhóm 44: Tư vấn trong lĩnh vực sức khoẻ; dịch vụ chăm sóc bệnh nhân bằng việc ứng dụng các chương trình máy tính, bao gồm hướng dẫn về y tế, tư vấn và chăm sóc cho bệnh nhân bằng liệu pháp học trong lĩnh vực phòng ngừa và phục hồi, cụ thể là vật lý trị liệu thể thao.

---

(111) **4-0094372**
(210) 4-2006-03122
(181) 07.03.2016
(300) 2005/01876 07.09.2005 IE
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEON

(151) 10.01.2008
(220) 07.03.2006

(731) JOHN PLAYER & SONS LIMITED (IE)
56 Park West Road, Park West, Nangor Road, Dublin 12, Ireland
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá (đã chế biến hoặc chưa qua chế biến); các sản phẩm thuốc lá; các chất thay thế cho thuốc lá (không sử dụng cho mục đích y tế hoặc chữa bệnh); xì-gà; vật dụng cho người hút thuốc lá (không làm bằng kim loại qúi); diêm.

---

(111) **4-0094373**
(210) 4-2006-03123
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 07.03.2006

(531) 26.1.1; A5.1.5; A5.3.14; 2.9.14
(731) NÔNG TRƯỜNG THANH BÌNH (VN)
Huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Chè.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: chè.

---

(111) **4-0094374**
(210) 4-2006-04525
(181) 28.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RIMA

(151) 10.01.2008
(220) 28.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VIỆT NHẬT (VN)
291 phố Ga, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 11: Bếp gas.

---

(111) **4-0094375**
(210) 4-2006-06588
(181) 27.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COBOSEQ

(151) 10.01.2008
(220) 27.04.2006

(731) GLAXO GROUP LIMITED (GB)
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 0NN, United Kingdom
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược và thuốc dùng cho người.

---

(111) **4-0094376**
(210) 4-2006-07459
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GAMECUP

(151) 10.01.2008
(220) 16.05.2006

(531) 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ NET CHÙA (VN)
Số 8, ngõ 80 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn BIZCONSULT (BIZCONSULT CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Tổ chức các sự kiện về trò chơi nhằm mục đích giải trí và cung cấp các thông tin tiên quan đến giải trí.

---

(111) **4-0094377**
(210) 4-2006-09460
(181) 19.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 19.06.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 26.1.2; 26.1.1
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT LINH PHỤ KIỆN ĐIỆN, ĐIỆN XE MÁY (VN)
Khu Thượng, xã Tráng Liệt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 09: Cuộn nổ, cuộn đèn (cuộn dây điện), bộ sạc ắc quy, IC.

---

(111) **4-0094378**
(210) 4-2006-14924
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) 3.7.1; 3.7.17; A3.7.24; 26.7.25
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRẠCH VŨ (VN)
134 Trần Đại Nghĩa, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Máy hàn dùng điện; máy phát điện xoay chiều; máy phát điện; máy phát điện (đinamô); động cơ điện không dùng cho xe cộ mặt đất; máy hàn dùng bằng máy phát điện.

---

(111) **4-0094379**
(210) 4-2006-03823
(181) 17.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Macromycin

(151) 10.01.2008
(220) 17.03.2006

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094380**
(210) 4-2006-07531
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Genocef

(151) 10.01.2008
(220) 16.05.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094381**
(210) 4-2005-07039
(181) 14.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 14.06.2005

(531) 1.5.1
(591) Xanh dương nhạt, xanh da trời, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG, SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI SÔNG HỒNG (VN)
159 phố Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn, sơn dân dụng và công nghiệp (không bao gồm sơn cách điện và cách nhiệt); mực in; chất màu.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; cho thuê máy xây dựng; thông tin về xây dựng.

---

(111) **4-0094382**
(210) 4-2005-09756
(181) 04.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 04.08.2005

(531) 26.4.2
(591) Đen, vàng, trắng
(731) TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (TP.HCM) (VN)
3/9 đường Bình Giã, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Hoá chất xử lý tắc nghẽn cống và nước thải nhiễm dầu mỡ nhà bếp.

---

(111) **4-0094383**
(210) 4-2005-08327
(181) 07.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 07.07.2005

(531) 26.1.1; A5.5.21; 4.5.2; 4.5.3
(731) SU CHIH WANG FOOD CO. (TW)
No. 9, Lane 29, Ping Shih St., Chung PU Hsiang, Chia I Hsien, Taiwan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Thịt gà giả (làm bằng đậu nành); thịt vịt giả (làm bằng đậu nành); thịt cá giả (làm bằng đậu nành); thịt lợn giả (làm bằng đậu nành); xúc xích giả (làm bằng đậu nành); thịt dăm bông giả (làm bằng đậu nành); cá viên giả (làm bằng đậu nành); thịt lát mỏng được sấy khô; thịt khô dưới dạng các sợi; thịt được sấy khô và xé nhỏ; patê thịt; thịt lợn muối xông khói; thịt xông khói; thịt viên; gà; vịt; ngỗng; xúc xích; thịt dăm bông; gà quay; vịt quay; gà rán; vịt ướp muối luộc; thịt lợn hấp với nước xốt nâu; cá viên; cá khô dưới dạng sợi; cá khô; cá được sấy khô và xé nhỏ; lươn; cá ướp muối; bào ngư; cá róc xương và lạng; xúp cá; thịt ốc sên; thịt cua; sò; tôm; cá xông khói; vây cá mập; cá; lươn hấp với nước xốt nâu; mực viên; da con sứa; cá tuyết (cá moruy) khô dưới dạng sợi; đậu phụ; đậu phụ khô; chất rắn lấy từ chất lỏng còn lại sau khi đậu nành đóng đông; thịt băm viên; nước xốt hỗn hợp được làm từ thịt xay và rau xay; thành phần của chế phẩm súp; hỗn hợp để chế biến súp; cá viên giòn; thịt dăm bông nguội; xúc xích nóng; trứng; dầu ăn.

---

(111) **4-0094384**
(210) 4-2005-08328
(181) 07.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 07.07.2005

(531) 26.1.1; A5.5.21; 4.5.2; 4.5.3
(731) SU CHIH WANG FOOD CO. (TW)
No. 9, Lane 29, Ping Shih St., Chung Pu Hsiang, Chia I Hsien, Taiwan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Gluten (chất protein dính còn lại khi lọc tinh bột) dùng cho thực phẩm; kẹo; bánh quy giòn; bánh ngọt; bánh ngọt tròn nhỏ hấp có nhân; cơm bằng gạo dính như gluten có hình kim tự tháp được bọc trong lá; mì sợi; bánh hấp (bằng bột nhão); kem lạnh; nước xốt đậu nành; mật ong; bánh mỳ; bánh ngọt tròn nhỏ hấp; món tráng miệng làm bằng gạo dính như gluten; bánh hấp nhân cá; cơm dính; mỳ làm từ gạo; trà; cà phê; đường; bột mỳ; nước xốt thịt.

---

(111) **4-0094385**
(210) 4-2006-15853
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 20.09.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh dương, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT LONG GIA (VN)
467/11 Điện Biên Phủ, phường 3, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính, phụ kiện máy vi tính; máy in dùng với máy tính, phụ kiện máy in dùng với máy tính; máy scan (máy quét dữ liệu); máy fax.

Nhóm 35: Mua bán máy vi tính, linh kiện máy vi tính, phần mềm máy vi tính, thiết bị ngoại vi máy vi tính, máy fax, máy photocopy, máy nghe nhạc, máy chụp hình, máy quay phim, UPS (bộ lưu điện); đại lý ký gửi hàng hóa; nhà phân phối sản phẩm.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa máy tính, thiết bị điện tử và các loại máy móc khác; lắp đặt mạng nội bộ, hệ thống camera quan sát, hệ thống báo động chống trộm; lắp đặt mạng internet.

Nhóm 42: Thiết kế mạng máy tính; tư vấn thiết kế máy tính; lập trình máy tính; cài đặt phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094386**
(210) 4-2006-15894
(181) 21.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 21.09.2006

(531) 26.2.1; A26.11.12
(591) Đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím, xanh dương đậm, trắng
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT P.T (VN)
1/38F Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị điện tử, viễn thông, tin học.

---

(111) **4-0094387**
(210) 4-2006-16351
(181) 28.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TIMISTAR

(151) 10.01.2008
(220) 28.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TIẾN MINH (VN)
136 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094388**
(210) 4-2005-08901
(181) 19.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

OLAY CLASSIC

(151) 10.01.2008
(220) 19.07.2005

(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati Ohio 45202, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chất thay thế xà phòng thơm; dầu tắm; nước hoa; chất chống đổ mồ hôi; chất khử mùi dùng cho cá nhân; tinh dầu; chế phẩm mỹ phẩm để chăm sóc thân thể và chăm sóc sắc đẹp; son bôi môi; mỹ phẩm bôi mí mắt; mỹ phẩm dùng để tô đậm lông mi; phấn nền; phấn nền trang điểm; kem giữ ẩm dùng cho da; chế phẩm làm trắng da; dầu gội đầu; dầu xả tóc; keo xịt tạo kiểu tóc; nước thơm xức tóc; chế phẩm để chăm sóc, xử lý và làm đẹp da; chế phẩm để chăm sóc, xử lý và làm đẹp da đầu; và chế phẩm để chăm sóc, xử lý và làm đẹp tóc.

---

(111) **4-0094389**
(210) 4-2006-01324
(181) 24.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

INFANRIX HEXA

(151) 10.01.2008
(220) 24.01.2006

(731) GLAXOSMITHKLINE BIOLOGICALS S.A. (BE)
Rue de l'Institut 89, B-1330 Rixensart, Belgium
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Vắc-xin dùng cho người.

---

(111) **4-0094390**
(210) 4-2006-15021
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) 26.1.4; 26.11.3; A26.11.12
(731) PETER J. SPRAGUE (US)
The Aston Company, 400 Central Park West (Suite 8K), New York, New York 10025, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc sạch nước dùng để làm tinh khiết và lọc nước để sản xuất ra nước có thể uống được, thiết bị xử lý nước đổ bình ắc quy dùng cho công nghiệp, thương mại và gia đình, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094391**
(210) 4-2006-15241
(181) 12.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 12.09.2006

(531) 6.1.2; 26.3.4; 26.7.25; 26.3.23
(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 29: Đồ ăn nhẹ dùng để ăn liền được chế biến chủ yếu từ khoai tây, quả hạch, sản phẩm từ quả hạch, hạt, các nguyên liệu từ rau hoặc quả khác hoặc được kết hợp từ những nguyên liệu này bao gồm khoai tây rán, khoai tây chiên giòn, khoai sọ rán, đồ ăn nhẹ từ thịt lợn, đồ ăn nhẹ từ thịt bò, đồ ăn nhẹ làm từ đậu nành.

Nhóm 30: Đồ ăn nhẹ dùng để ăn liền được chế biến chủ yếu từ lúa, ngô, ngũ cốc, các loại thực vật khác hoặc được kết hợp từ các nguyên liệu này bao gồm lát mỏng bánh làm từ ngô, bánh ngô, lát mỏng bánh mỳ ổ dẹp, lát mỏng bánh bột gạo, bánh làm từ bột gạo, bánh quy giòn làm từ bột gạo, bánh quy giòn, bánh quy cây, bánh xốp ăn nhẹ, bỏng ngô; bỏng ngô và đậu phộng có tẩm đường, nước xốt để chấm đồ ăn nhẹ, nước xốt salat có gia vị, ớt khô, đồ ăn nhẹ dưới dạng thanh làm từ ngũ cốc, bánh quy, bánh ngọt, bánh bao, bánh sừng bò, sản phẩm làm từ bánh mỳ.

---

(111) **4-0094392**
(210) 4-2007-00594
(181) 08.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 08.01.2007

(531) 1.15.15; 26.4.2
(591) Trắng, xanh da trời nhạt, xanh da trời, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG NIU DI - LÂN (VN)
Số 9-11, ngách 39, ngõ 378, phố Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa.

Nhóm 35: Mua bán lương thực, thực phẩm.

---

(111) **4-0094393**
(210) 4-2007-00595
(181) 08.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 08.01.2007

(591) Trắng, xanh nước biển, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG NIU DI - LÂN (VN)
Số 9-11, ngách 39, ngõ 378, phố Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa.

---

(111) **4-0094394**
(210) 4-2007-01856
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

PYREXICAM

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094395**
(210) 4-2007-01859
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

PRAZAV

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094396**
(210) 4-2007-01871
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMUTAC

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094397**
(210) 4-2007-01872
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

EVATAV

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094398**
(210) 4-2007-01873
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEUMOTEROL

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094399**
(210) 4-2007-02442
(181) 02.02.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 02.02.2007

(531) 26.1.2; 26.3.23
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC ANH (VN)
Số 734 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Phụ tùng ô tô, cụ thể là bơm dùng khí thải động cơ làm quay tuốc bin khí (tu bô); bơm thuỷ lực; xy lanh; pít tông; vành pít tông.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa.

Nhóm 40: Dịch vụ gia công cơ khí.

---

(111) **4-0094400**
(210) 4-2007-04571
(181) 19.03.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

PHILKANEMA

(151) 10.01.2008
(220) 19.03.2007

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094401**
(210) 4-2006-15243
(181) 12.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CHESTER CHEETAH

(151) 10.01.2008
(220) 12.09.2006

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 30: Đồ ăn nhẹ dùng để ăn liền được chế biến chủ yếu từ lúa, ngô, ngũ cốc, các loại thực vật khác hoặc được kết hợp từ các nguyên liệu này bao gồm lát mỏng bánh làm từ ngô, bánh ngô, lát mỏng bánh mỳ ổ dẹp, lát mỏng bánh bột gạo, bánh làm từ bột gạo, bánh quy giòn làm từ bột gạo, bánh quy giòn, bánh quy cây, bánh xốp ăn nhẹ, bỏng ngô; bỏng ngô và đậu phộng có tẩm đường, nước xốt để chấm đồ ăn nhẹ, nước xốt salsa có gia vị, ớt khô, đồ ăn nhẹ dưới dạng thanh làm từ ngũ cốc, bánh quy, bánh ngọt, bánh bao, bánh sừng bò, sản phẩm làm từ bánh mỳ.

---

(111) **4-0094402**
(210) 4-2006-15244
(181) 12.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

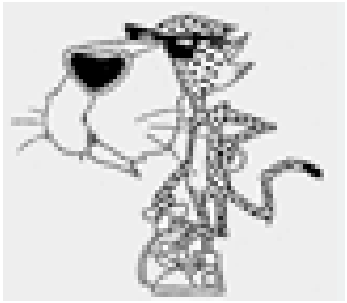

(151) 10.01.2008
(220) 12.09.2006

(531) 3.1.14; A3.1.20; A3.1.24
(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 30: Đồ ăn nhẹ dùng để ăn liền được chế biến chủ yếu từ lúa, ngô, ngũ cốc, các loại thực vật khác hoặc được kết hợp từ các nguyên liệu này bao gồm lát mỏng bánh làm từ ngô, bánh ngô, lát mỏng bánh mỳ ổ dẹp, lát mỏng bánh bột gạo, bánh làm từ bột gạo, bánh quy giòn làm từ bột gạo, bánh quy giòn, bánh quy cây, bánh xốp ăn nhẹ, bỏng ngô; bỏng ngô và đậu phộng có tẩm đường, nước xốt để chấm đồ ăn nhẹ, nước xốt salsa có gia vị, ớt khô, đồ ăn nhẹ dưới dạng thanh làm từ ngũ cốc, bánh quy, bánh ngọt, bánh bao, bánh sừng bò, sản phẩm làm từ bánh mỳ.

---

(111) **4-0094403**
(210) 4-2006-16115
(181) 25.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

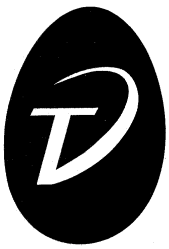

(151) 10.01.2008
(220) 25.09.2006

(531) 26.1.2
(731) ĐỖ NGUYÊN CHUYÊN (VN)
Giao Tác, Liên Hà, Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Thịt lợn; thịt gà; trứng gà; trứng vịt; thịt cá; thịt bò.

Nhóm 35: Mua bán thịt lợn, thịt gà, trứng gà, trứng vịt, thịt cá, thịt bò; quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; giới thiệu sản phẩm; bán đấu giá.

---

(111) **4-0094404**
(210) 4-2006-16478
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VITSOMIN

(151) 10.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094405**
(210) 4-2006-16479
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CLIVENT

(151) 10.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094406**
(210) 4-2006-15835
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TUBORG

(151) 10.01.2008
(220) 20.09.2006

(731) CARLSBERG BREWERIES A/S (DK)
Ny Carlsberg Vej 100, 1760 Copenhagen V, Denmark
(740) Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế (TOP & PARTNERS CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép, khăn mũ.

Nhóm 28: Các loại đồ chơi, thiết bị tập thể dục, dụng cụ thể dục, bóng đá, gậy trượt tuyết, túi dành cho gậy trượt tuyết, gậy đánh golf, găng tay dùng trong chơi golf, đồ trang trí cây thông Nô-el (không gồm đồ vật chiếu sáng và bánh kẹo).

Nhóm 32: Bia, các loại bia không chứa cồn, đồ uống làm từ mạch nha không chứa cồn, đồ uống không chứa cồn, chế phẩm dùng cho sản xuất đồ uống thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094407**
(210) 4-2006-16474
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANTIFEX

(151) 10.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094408**
(210) 4-2006-16475
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANOXETIL

(151) 10.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094409**
(210) 4-2006-16476
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANTORIX

(151) 10.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094410**
(210) 4-2006-16477
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HOLDOXIL

(151) 10.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094411**
(210) 4-2006-22008
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COPHABIFEX

(151) 10.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094412**
(210) 4-2006-22081
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

T&D THIÊN ĐỊA

(151) 10.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) CƠ SỞ HẢI ĐẾN (VN)
184/20/9 Lê Đình Cẩn, khu phố 6, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Loa; âm-li; mi-crô; đầu đọc đĩa DVD; đầu đọc đĩa VCD.

---

(111) **4-0094413**
(210) 4-2006-22084
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

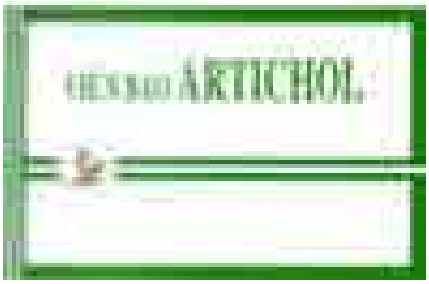

(151) 10.01.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.4.2; 26.1.1; 5.5.19; A5.1.5
(591) Trắng, xanh lá cây, nâu, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NAM VIỆT (VN)
11A phố Chợ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thuốc dùng cho người; thuốc đông nam dược; thuốc dán; thuốc viên; thuốc nước.

---

(111) **4-0094414**
(210) 4-2006-22183
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

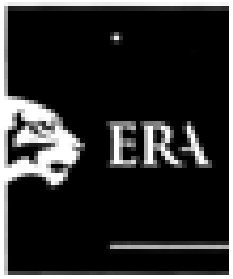

(151) 10.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.4.2; A1.1.10; 3.1.4; 3.1.16
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ SÀI GÒN (VN)
152 Trần Phú, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0094415**
(210) 4-2006-22184
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI MỘT KHÔNG MỘT (VN)
27 Nguyễn Trung Trực, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Kính đeo mắt; hộp đựng kính mắt; gọng kính mắt; tròng kính mắt; dây nhỏ buộc kính mắt; kính áp tròng.

Nhóm 25: Quần; áo; váy đầm; giày; dép; mũ.

Nhóm 35: Mua bán: kính đeo mắt các loại và phụ kiện của kính, máy móc và các loại thiết bị sản xuất kính, quần áo, túi xách, mỹ phẩm, giầy dép, đồng hồ, hoá chất, hương liệu ngành thực phẩm, thực phẩm.

---

(111) **4-0094416**
(210) 4-2007-01837
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEWGENLINCOTACIN

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) SAMSUNG CORPORATION (KR)
20th Fl. Samsung-Plaza Bldg. 263, Seohyeon-Dong, Bundang-Gu, Seongnam-Si, Gyeonggi-Do, Korea 463-721, C.P.O. Box 32
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094417**
(210) 4-2007-01838
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEWGENAMENAL

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) SAMSUNG CORPORATION (KR)
20th Fl. Samsung-Plaza Bldg. 263, Seohyeon-Dong, Bundang-Gu, Seongnam-Si, Gyeonggi-Do, Korea 463-721, C.P.O. Box 32
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094418**
(210) 4-2007-01839
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

ILDONGLOSTATIN

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) ILDONG PHARMACEUTICAL CO., LTD. (KR)
Seocho P.O. Box 288 #60, Yangjae-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094419**
(210) 4-2007-01850
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIỄU TRÂN

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) CƠ SỞ LÂM VĂN LÁY (VN)
99 Nguyễn Trung Trực, phường 2, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh phồng tôm.

---

(111) **4-0094420**
(210) 4-2007-01851
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

GIA HÂN

(151) 10.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) LÝ THỊ DIỄM (VN)
228/1 bis Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ chụp ảnh.

---

(111) **4-0094421**
(210) 4-2006-19332
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 10.11.2006

(531) 26.4.8
(591) Trắng, xanh dương, xanh lá, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN G.C.C (VN)
422 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính; linh kiện máy vi tính:phần mềm máy vi tính; thiết bị ngoại vi máy vi tinh.

Nhóm 35: Mua bán máy vi tính, linh kiện máy vi tính; thiết bị mạng; máy văn phòng.

Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo hành máy vi tính và máy văn phòng.

---

(111) **4-0094422**
(210) 4-2006-19069
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 07.11.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23; 25.7.25
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỸ NGHỆ KIM VIỆT (VN)
220/8 Hoàng Hoa Thám, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Lư hương bằng kim loại.

Nhóm 11: Chân đèn.

Nhóm 14: Nữ trang xi mạ.

Nhóm 21: Đồ thờ cúng bằng kim loại thường như: bình hoa, bát nhang; sản phẩm bằng gốm sứ như: bình hoa, chậu, tượng.

---

(111) **4-0094423**
(210) 4-2006-19457
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PHƯƠNG HƯƠNG

(151) 10.01.2008
(220) 13.11.2006

(731) TRẦN THỊ KIM HƯƠNG (HOÀI PHƯƠNG) (VN)
96/2 ấp 2 xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(511) Nhóm 30: Kẹo chuối, kẹo dừa.

---

(111) **4-0094424**
(210) 4-2006-21240
(181) 05.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CIARA

(151) 10.01.2008
(220) 05.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT VƯƠNG HẢI LONG (VN)
39/5 Lương Định Của, ấp 4, phường An Khánh, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; quần lót; áo lót.

---

(111) **4-0094425**
(210) 4-2006-21969
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 15.12.2006

(531) 26.4.3; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM DOANH NGHIỆP VIỆT NAM (VN)
Số 9, phố Đào Duy Anh, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Tư vấn và cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp; cung cấp thông tin về xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp; tư vấn phát triển kinh doanh; tư vấn về quản lý kinh doanh bao gồm tư vấn tiếp thị, nghiên cứu thị trường, quản lý nhân sự doanh nghiệp; tư vấn về quan hệ cộng đồng phục vụ cho mục đích kinh doanh.

Nhóm 41: Đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp; đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh doanh, về quản trị doanh nghiệp và về quản trị nhân sự; tổ chức và quản lý các sự kiện về hội nghị, hội thảo và các sự kiện về lĩnh vực thể thao văn hóa.

---

(111) **4-0094426**
(210) 4-2006-19308
(181) 09.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 09.11.2006

(531) A1.1.10; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU MINH VĂN (VN)
Số 26, ngõ 9, đường Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng nông sản, lương thực, thực phẩm, gia dụng, tiêu dùng và hoá mỹ phẩm; đại lý xuất nhập khẩu các mặt hàng trên.

---

(111) **4-0094427**
(210) 4-2006-21980
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AMEPRAZEC

(151) 10.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094428**
(210) 4-2006-21981
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AQUALYTE

(151) 10.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094429**
(210) 4-2006-21982
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SOLUCIO

(151) 10.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094430**
(210) 4-2006-22003
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OPTIEDGE

(151) 10.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) ADVANCED MEDICAL OPTICS, INC. (US)
1700 E. St. Andrew Place, Santa Ana, CA 92799 USA
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 10: Thủy tinh thể nhân tạo (dùng trong phẫu thuật cấy ghép).

---

(111) **4-0094431**
(210) 4-2006-17661
(181) 20.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIGCAL

(151) 10.01.2008
(220) 20.10.2006

(731) VIGBHA (ASIA) PTE. LTD (SG)
1, North Bridge Road # 07-10, High Street Centre, Singapore 179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094432**
(210) 4-2006-19088
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 07.11.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 26.11.3; A26.11.12
(591) Đỏ gạch nhạt, xanh lá cây nhạt
(731) CÔNG TY TNHH CUỘC SỐNG MỚI (VN)
Số 50 Tôn Thất Tùng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy mat xa; mua bán dụng cụ thiết bị y tế; mua bán thiết bị vệ sinh; mua bán đồ điện gia dụng; mua bán thiết bị điều hòa không khí.

---

(111) **4-0094433**
(210) 4-2006-20970
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRAMOLIFE

(151) 10.01.2008
(220) 30.11.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
69-A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094434**
(210) 4-2006-21491
(181) 08.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 08.12.2006

(531) 1.17.11; A1.5.3
(731) NGUYỄN TUẤN HIỆP (VN)
Số 103 đường Chu Văn An, khối 8, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống đặc sản, thủy sản.

---

(111) **4-0094435**
(210) 4-2006-18945
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RAYPAK

(151) 10.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) RAYPAK, INC. (US)
2151 Eastman Avenue, Oxnard, California 93030, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị làm nóng nước bằng gaz và điện; thiết bị cấp nước nóng và thùng chứa kèm theo; thiết bị điều hoà không khí, thông gió và sưởi nóng.

---

(111) **4-0094436**
(210) 4-2006-21516
(181) 08.12.2016
(300) 005145321 19.06.2006 EP
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.1.2
(731) DYNEA OY (FI)
Siltasaarenkatu 18-20 A, 00530 Helsinki, Finland
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Chất hoá học dùng trong công nghiệp; nhựa nhân tạo ở dạng thô; chất dính dùng trong công nghiệp; nhựa urê (hợp chất hoá học dạng tinh thể trắng hoá tan được), nhựa mêlamin, nhựa phenol và/hoặc nhựa resorxinol-fomlaldehyt dùng trong công nghiệp; chất hoá học chuyên dụng dùng như chất phụ gia được dùng trong sản xuất, xử lý và chuyên chở dầu và khí ga; nhựa phủ làm bằng nhựa nhân tạo dùng trong công nghiệp; chất dính làm từ hoá chất dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0094437**
(210) 4-2006-21597
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 11.12.2006

(591) Trắng, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (VN)
Số 639 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy đo tốc độ dùng trong giao thông.

---

(111) **4-0094438**
(210) 4-2006-22086
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) CHIA KHIM LEE FOOD INDUSTRIES PTE LTD (SG)
No. 119 Defu Lane 10, Singapore 539230
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn; trái cây đóng hộp; rau và quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; thịt; cá; sữa; sữa chua.

Nhóm 30: Bột ngọt; bột nêm; gia vị; cà phê; trà (chè); đường; gạo; bột sắn; nước xốt (đồ gia vị).

Nhóm 32: Nước khoáng; đồ uống có ga và đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi rô và chế phẩm khác để làm đồ uống và bia.

---

(111) **4-0094439**
(210) 4-2006-21018
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NAMAZICIN

(151) 10.01.2008
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13 (C4-9), khu công nghiệp Hoà Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0094440**
(210) 4-2006-21577
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CLARIZOLE-KIT

(151) 10.01.2008
(220) 11.12.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, #19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0094441**
(210) 4-2006-01003
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) 6.1.2; 24.15.3; 3.7.3; 8.7.11
(591) Vàng, đỏ, xanh đen
(731) CÔNG TY PHÚC THỊNH (VN)
Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Trứng gia cầm (thực phẩm).

---

(111) **4-0094442**
(210) 4-2006-01543
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ALVESPARIN

(151) 10.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094443**
(210) 4-2006-01544
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HACEFXONE

(151) 10.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094444**
(210) 4-2006-02615
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

WATERLINE

(151) 10.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VÀ CÔNG NGHỆ NƯỚC QUỐC TẾ (VN)
Tòa nhà CFM 23 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc nước.

---

(111) **4-0094445**
(210) 4-2006-02725
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PLAYBOY

(151) 10.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) PLAYBOY ENTERPRISES INTERNATIONAL, INC. (US)
680 North Lake Shore Drive, Chicago, Illinois 60611, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ (dịch vụ bán lẻ hàng hóa).

---

(111) **4-0094446**
(210) 4-2006-02732
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MARTEX

(151) 10.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) MARDEC BERHAD (MY)
Bangunan MARDEC, Jalan Kerja Air Lama, 68000 Ampang Jaya, P.O. Box 10546, 50716 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Mủ cao su (latex) đã qua xử lý thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094447**
(210) 4-2006-02736
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MARVULTEX

(151) 10.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) MARDEC BERHAD (MY)
Bangunan MARDEC, Jalan Kerja Air Lama, 68000 Ampang Jaya, P.O. Box 10546, 50716 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Mủ cao su (latex) trước lưu hoá đã qua xử lý thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094448**
(210) 4-2006-02788
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 16: Sổ địa chỉ; quyển niên giám; miếng dính dán dạng đề can; sổ ghi cuộc hẹn; các ấn phẩm nghệ thuật; bộ dụng cụ vẽ nghệ thuật và vẽ thủ công; vở viết; sách dành cho trẻ em; bút bi; danh thiếp có in hình và thông tin về cầu thủ bóng chày; kẹp sách; vật dùng để đỡ sách được đặt ở cuối dãy các cuốn sách và giữ cho chúng thẳng đứng (đồ dùng văn phòng, không phải là đồ gỗ); thẻ đánh dấu trang sách; sách; đề can để dán lên thanh cản xe; lịch; cột truyện tranh trên báo; thiệp chúc mừng giáng sinh; phấn; sách bài tập dành cho trẻ em; cái lót cốc làm từ giấy; album đựng tiền kim loại; sách tô màu; bút chì màu; cuốn truyện vui; cột truyện vui trên báo; quyển vé; đề can; đồ trang trí làm bằng giấy; sổ nhật ký; tã giấy dùng một lần cho trẻ em; thước kẻ dùng để vẽ; phong bì thư; tẩy; bút dạ; tờ phiếu có tranh, chữ để học cho nhanh; thiếp tặng quà; giấy gói quà; quả địa cầu; thiệp chúc mừng; số đăng ký khách trọ trong khách sạn; tạp chí; bản đồ; tập viết ghi nhớ; đất sét dùng để nặn; bản tin; báo; giấy ghi nhớ; vở viết; giấy vở; bức tranh; cờ bằng giấy; món quà nhỏ dùng trong bữa tiệc làm bằng giấy; mũ đội trong bữa tiệc làm bằng giấy; đồ trang trí bánh làm bằng giấy; đồ trang trí bữa tiệc làm bằng giấy; khăn giấy; túi giấy dùng trong các bữa tiệc; cái chặn giấy; nơ gói quà làm từ giấy; cờ bằng giấy dùng để trang trí; miếng lót bàn bằng giấy; khăn trải bàn bằng giấy; cái cắm bút hoặc bút chì; bút chì; gọt bút chì; hộp và túi đựng bút và bút chì; bút; bút máy; tạp chí xuất bản định kỳ; album ảnh; ảnh chụp; bản in khắc ảnh; báo ảnh; truyện tranh; ảnh chân dung; bưu thiếp; áp phích; bằng khen; giấy chứng nhận; giấy mời; thực đơn; sách dạy nấu ăn; con dấu cao su; thẻ ghi điểm; album tem; văn phòng phẩm; dập ghim; giấy dính văn phòng; danh thiếp; thước kẻ chưa chia khoảng cách; giấy viết; dụng cụ viết.

---

(111) **4-0094449**
(210) 4-2006-02789
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ báo thức; khoá thắt lưng bằng kim loại quý (dùng cho trang phục); nơ cài cổ gắn ghim trang sức có đầu mút làm bằng kim loại quý; vòng đeo tay (đồ nữ

trang); tượng bán thân bằng kim loại quý; dụng cụ để tắt nến bằng kim loại quý; giá cắm nến bằng kim loại quý; đồ nữ trang nhỏ; đồng hồ; hoa tai; đồ nữ trang; hộp đựng nữ trang bằng kim loại quý; dây chuyền (đồ trang sức); vòng đeo chìa khoá bằng kim loại quý; ghim cài ve áo; cái mở thư bằng kim loại quý; dây chuyền đeo cổ; chuỗi hạt (đồ trang sức); ghim cài nơ cài cổ; đồng tiền xu; cái kẹp dùng làm đồ trang sức; mặt dây chuyền; nhẫn (đồ trang sức); khoá trượt dùng với các nơ cài cổ (đồ trang sức); đồng hồ bấm giờ; cái kẹp cavát; cài ca vát; mũ ghim; đồng hồ treo tường; dây đeo đồng hồ; hộp đồng hồ; dây đồng hồ kiểu xích; dây đồng hồ đeo tay; đồng hồ quả quýt; nhẫn cưới, đồng hồ đeo tay.

---

(111) **4-0094450**
(210) 4-2006-02790
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Máy ghi âm cát xét; đài cát xét; băng cát xét; đĩa ghi âm; loa; ống nhòm (quang học); máy tính cầm tay; máy quay viđiô xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình; máy chụp ảnh; ổ CD-ROMs; ổ đĩa CD-ROM (là một bộ phận của máy vi tính); ổ ghi CD-ROMs (là một bộ phận của máy vi tính); điện thoại cầm tay; phụ tùng của điện thoại cầm tay; hộp điện thoại cầm tay; tấm màn hình của điện thoại cầm tay; đầu đĩa com-pắc; đầu ghi đĩa com-pắc; đĩa com-pắc; các chương trình trò chơi trên máy vi tính; đầu máy và đĩa dùng cho trò chơi điện tử trên máy vi tính; máy vi tính; phần cứng máy vi tính; bàn phím máy vi tính; màn hình máy vi tính; chuột máy vi tính; ổ đĩa máy vi tính; phần mềm máy vi tính; điện thoại kéo dài; nam châm dùng cho mục đích trang trí; máy ảnh kỹ thuật số; đĩa DVD; máy chạy đĩa DVD; máy ghi đĩa DVDs; đĩa kỹ thuật số đa chức năng; đĩa viđiô kỹ thuật số; máy điện tử ghi dữ liệu cá nhân; hộp đựng kính mắt; kính mắt; tai nghe; máy hát karaoke; micrô; đầu đĩa MP3; mô-đem (là một bộ phận của máy vi tính); miếng đệm lót chuột máy vi tính; phim điện ảnh; máy nhắn tin; máy stereo cá nhân; máy trợ giúp cá nhân dùng kỹ thuật số (máy tính cầm tay); máy in dùng với máy vi tính; máy thu thanh; kính râm; điện thoại; ti vi; máy quay phim; máy ghi hình viđiô; đầu máy viđiô; đầu máy dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; đĩa dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; băng từ viđiô; máy điện thoại truyền hình; điện đài xách tay; miếng đệm cổ tay và cánh tay hỗ trợ khi sử dụng máy vi tính.

---

(111) **4-0094451**
(210) 4-2006-02792
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Nước thơm dùng sau khi cạo râu; chất chống đổ mồ hôi (đồ mỹ phẩm); dầu hương liệu (tinh dầu); lông mi giả và móng tay giả; dầu thơm dùng cho trẻ em; khăn tẩm mỹ phẩm thơm của trẻ em dùng cho mục đích vệ sinh; đầu tắm; phấn dùng sau khi tắm; mặt nạ mỹ phẩm làm đẹp; phấn hồng; kem dùng cho cơ thể, nước thơm và phấn bột dùng cho cơ thể; nước xúc miệng làm cho hơi thở thơm tho; chế phẩm (làm sạch) dùng làm nước tắm sủi bọt và thơm; nước hoa co-lô-nhơ; mỹ phẩm; thuốc đánh răng; chất khử mùi dùng cho cá nhân; phấn bột; tinh dầu thơm dùng cho cá nhân; bút kẻ mi mắt; mỹ phẩm tạo quầng mắt; bút chì kẻ lông mày; phấn trang điểm mặt; kem xoa mặt (mỹ phẩm); nước thơm xoa mặt; mỹ phẩm mặt nạ dưỡng mặt; chế phẩm làm sạch mặt; sáp thơm dùng để làm thơm phòng; chế phẩm toả mùi hương dùng cho cho cá nhân; gel vuốt tóc; dầu xả; dầu gội đầu; keo vuốt tóc; kem dưỡng tóc; keo xịt tóc; kem dưỡng da tay; nước thơm dùng cho tay; xà phòng dùng cho tay; chất dưỡng môi; son môi; túi đựng son; son làm bóng môi; xà phòng dạng lỏng; đồ trang điểm (son phấn); mỹ phẩm bôi mi mắt; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; chế phẩm chăm sóc móng chân, móng tay; chế phẩm làm móng chân móng tay óng ánh; mỹ phẩm làm cứng móng chân, móng tay; mỹ phẩm làm bóng móng chân móng tay; nước hoa, hoa khô (hương thơm); chế phẩm toả mùi hương trong phòng; kem dùng để cạo râu; xà phòng dùng cho da; bột tan dùng làm mịn và khô da; nước thơm dùng cho cá nhân; kem dưỡng da; mỹ phẩm tạo độ ẩm cho da; kem chống nắng; mỹ phẩm chống nắng.

---

(111) **4-0094452**
(210) 4-2006-02793
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 24: Khăn phủ giường bằng len đan; khăn tắm bằng vải lanh; khăn tắm; chăn trải giường; màn treo trước giường; khăn trải gường bằng vải lanh; khăn phủ giường bằng vải; tấm vải phủ che bao chân giường; khăn trải giường; chăn phủ đồ đạc; vải in hoa; chăn dùng cho trẻ em; cái lót cốc bằng vải; khăn lót bàn ăn bằng vải; cờ bằng vải; cờ

trang trí bằng vải; khăn phủ giường có hai lớp và nhồi bông ở giữa; vải lót nôi trẻ em; rèm cửa bằng vải; cờ bằng sợi; cờ trang trí bằng nỉ; khăn dùng khi chơi gôn; khăn lau tay và mặt bằng vải; khăn tay bằng vải; khăn tắm có mũ trùm đầu; khăn lau dùng cho mục đích gia đình làm bằng vải lanh; khăn lau bằng vải dùng trong bếp; găng tay vệ sinh (làm bằng vải); áo gối; khăn phủ gối; khăn lót để cầm nồi; mền bông; chăn nhẹ để quấn trẻ sơ sinh sau khi tắm; chăn bằng lụa; khăn trải bàn bằng vải lanh; khăn ăn bằng vải; khăn bàn cá nhân bằng vải; khăn trải bàn bằng vải; khăn phủ đồ đạc; khăn bông; khăn lau bằng vải; chăn len.

---

(111) **4-0094453**
(210) 4-2006-02794
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Bộ đồ uống dùng trong gia đình và bếp núc thuộc nhóm này; bộ đựng đồ uống bằng thuỷ tinh dùng trong gia đình và bếp núc thuộc nhóm này; lồng chim; bát; chổi; chảo làm bánh; khuôn làm bánh; khay để làm bánh; giá cắm nến không làm bằng kim loại quý; dụng cụ để tắt nến; đồ dùng nấu ăn khi đi cắm trại; tượng nhỏ bằng sứ; miếng lót cốc không làm bằng giấy hoặc vải lanh trải bàn; lọ đựng bánh; dụng cụ cắt bánh; cái mở nút chai; tách chén; túi đựng đồ trang trí dùng cho người làm bánh kẹo; pha lê hình lăng kính dùng để trang trí; thuỷ tinh để trang trí; đĩa trang trí; đĩa đựng thức ăn; bức tượng nhỏ bằng sứ, pha lê, đất nung, thuỷ tinh hoặc gốm; chậu hoa; bàn chải tóc; lược chải tóc; bình cách nhiệt; vỏ cầm cách nhiệt của hộp đựng đồ uống; hộp đựng cơm; ca; hộp đựng giấy ăn; vòng đánh dấu khăn ăn không làm bằng kim loại quý; cốc bằng giấy; đĩa giấy; chảo nướng bánh; khay nướng bánh; cốc nhựa; đĩa; đĩa đựng xà phòng; ấm trà không chạy điện; bộ cốc chén; đồ đựng cách nhiệt dùng cho thức ăn và đồ uống; bàn chải đánh răng; khay dùng cho gia đình hoặc bếp núc (không làm bằng kim loại quý và không mạ bằng kim loại ấy); giá ba chân làm dụng cụ gia đình hoặc bếp núc không làm bằng kim loại quý; phích; thùng rác.

---

(111) **4-0094454**
(210) 4-2006-02798
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Giày thể thao; khăn tay có in hoa dùng cho trang phục; mũ dùng cho chơi bóng chày; áo choàng dùng đi tắm biển; quần áo tắm biển; thắt lưng (trang phục); yếm (trang phục); áo tắm hai mảnh; áo cộc tay có gắn biểu trưng tổ chức; ủng; nơ cài cổ; áo nịt ngực; mũ lưỡi trai; quần bằng da; yếm bằng vải; áo khoác; áo liền váy; cái che tai giữ ấm; đồ đi chân; găng tay (trang phục); áo sơ mi dùng khi chơi gôn; quần áo mặc trong ngày lễ Ha-lô-oen; mũ nón; dải băng buộc đầu (trang phục); đồ đội đầu; hàng dệt kim (cụ thể là quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu); đồ mặc cho trẻ sơ sinh (quần áo, giầy dép, mũ nón); áo jắc- két; quần áo Jean; áo nịt len; khăn vuông trùm đầu; áo nịt dùng cho diễn viên múa hoặc vận động viên; nịt chân; găng tay hở ngón; ca vát; áo ngủ dùng cho nam giới; áo ngủ dùng cho nữ giới; bộ quần áo pijama; quần dài; quần nịt của phụ nữ; áo cộc tay; áo pon sô; quần áo mưa; áo choàng; dép săng- đan; khăn quàng cổ; áo sơ mi; giầy; váy ngắn; quần soóc; quần mặc hàng ngày; dép đi trong nhà; trang phục ngủ; tất ngắn; tất dài; áo len dài tay; quần dùng trong khi tập luyện; áo dùng trong khi tập luyện; quần áo bơi; áo sát nách; quần bó; áo phông; quần áo lót; áo gi lê; dải buộc cổ tay (trang phục); găng tay mùa đông làm bằng lông cừu.

---

(111) **4-0094455**
(210) 4-2006-04770
(181) 31.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FUSSU

(151) 10.01.2008
(220) 31.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XE MÁY ĐÔ THÀNH (VN)
4/25 ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe máy; xe ô tô; khung sườn xe máy; khung sườn xe ô tô.

---

(111) **4-0094456**
(210) 4-2006-06067
(181) 19.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CHÂTEAUX ET DÉPENDANCES

(151) 10.01.2008
(220) 19.04.2006

(731) INTERIOR'S SAS (FR)
144, Boulevard Jules Durand 76600 Le Havre, France
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Bảng niêm yết; đồ gỗ (nội thất); tấm gắn vào tường để trang trí không bằng kim loại; cái tựa đầu (đồ gỗ); tủ; đồ nghệ thuật bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc chất dẻo; thùng không bằng kim loại; ghế dài (đồ gỗ); xe cũi đẩy cho em bé; giường trẻ con; giá để sách (bằng gỗ); vách ngăn bằng gỗ dùng cho đồ đạc trong nhà; hộp bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo; giá nhiều ngăn để chai lọ; quầy ăn đi động (đồ gỗ); đồ gỗ văn phòng; bàn làm việc (đồ gỗ); tượng bán thân bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc

bằng chất dẻo; giá treo quần áo; khung ảnh; thanh nhỏ (mảnh) dùng để trang trí cho khung tranh ảnh; ghế tràng kỷ; tủ nhiều ngăn; gạc hươu đực; ghế dùng để ngồi; ghế cao cho trẻ em; ghế có tay dựa; xe đẩy tay (đồ đạc); khung chắn lò sưởi; cũi chó; cái mắc áo; hình bằng sáp; giá sách dùng cho tủ đựng hồ sơ (bằng gỗ); bảng đeo chìa khoá; hộp đồ chơi; tủ com mốt; quầy hàng (bàn); vỏ hoặc mai của động vật dùng làm đồ trang trí nội thất; khay không bằng kim loại; giường nhỏ cho vật nuôi quý trong nhà; cái đệm; cái đệm cho vật nuôi trong nhà; cán dao, không bằng kim loại; xe dọn bàn trà; xe đẩy tay dùng cho máy tính (đồ đạc); bàn để vẽ; bộ phân khăn tay cố định không bằng kim loại; ghế đi văng (trường kỷ); đồ gỗ mỹ thuật; thang bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo; biển quảng cáo bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo; xe đạp có tay đẩy dùng cho trẻ em; biển hiệu bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo; bàn thợ; giá (đồ đạc); ghế bành; tủ phiếu thư mục (đồ đạc); bệ chậu hoa; trạn đựng thức ăn không bằng kim loại; bộ đồ đạc của giường ngủ không bằng kim loại; đồ trang trí cho đồ đạc không bằng kim loại; gương soi; vải bọc quần áo (cất, giữ, xếp kho); thùng đựng hoa (đồ gỗ); khay bày báo chí; khung giường (bằng gỗ); thanh nhỏ (mảnh) của khung tranh (nội thất); giường; giá để sách (đồ gỗ); bục giảng; biển số nhà không bằng kim loại không phát quang; bậc lên xuống không bằng kim loại; đồ đạc bằng kim loại (nội thất); đồ trang trí di chuyển được; đồ gỗ dùng trong trường học; vật bằng chất dẻo có thể bơm hơi vào được dùng cho quảng cáo; nệm rơm; cái giỏ không bằng kim loại (nội thất); giá để ô; bình phong (đồ đạc); các loại móc quần áo không bằng kim loại; dây buộc rèm cửa; mặt bàn; giá treo áo choàng; móc treo áo choàng không bằng kim loại; giá để tạp chí; cửa cho đồ gỗ; bình hoa; giá trưng bày; bàn viết; giá (đồ gỗ); ghế bằng kim loại; tượng bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc chất dẻo; tượng nhỏ bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc chất dẻo; cái bàn; bàn dùng để vẽ; bàn gương trang điểm; bàn bằng kim loại; giá để dép; tủ bày hàng (đồ gỗ); đồ gỗ dùng để máy tính, tivi và dàn âm thanh (đồ nội thất); đồ dùng trên giường và đệm (không làm bằng vải).

Nhóm 21: Đĩa ăn, không bằng kim loại quí; bình (vại) bằng thuỷ tinh; lọ bánh; hộp đựng bữa ăn trưa; thùng chứa bánh mì; hộp xà phòng; hộp đựng chè, không bằng kim loại quí; hộp tráng men để phân phối khăn tay bằng giấy; hộp bằng thuỷ tinh; cái tô (chậu bồn); hũ rượu cổ nhỏ; bình (hũ), không bằng kim loại quí; lư hương; tượng nửa người bằnh sứ, bằng đất nung hoặc bằng thuỷ tinh; bộ đồ uống rượu (khay để phục vụ), không bằng kim loại quí; thống chậu hoa, không bằng giấy; lồng chim; bình thon cổ; khay có nhiều ô dùng để đựng gia vị trên bàn ăn; xoong hầm thịt; cốc dùng để đựng trái cây cắt nhỏ làm món tráng miệng; giá để dao dùng cho bàn ăn; cái nắp đĩa; nắp bình (lọ); đồ đựng dùng cho nhà bếp, không bằng kim loại quí; dụng cụ nhà bếp, không bằng kim loại quí; tấm ván để cắt dùng cho nhà bếp; cái lót bình (cốc), không bằng giấy và ngoài bộ khăn bàn; kiềng ba chân (đồ bày bàn); lô treo giấy vệ sinh; hộp bơm xà phòng; cốc (đồ đựng) tráng men; biển hiệu bằng gỗ, bằng sứ hoặc bằng kính; cái phễu; bộ đựng đồ gia vị; giá (dây) phơi vải; tượng nhỏ bằng sứ, đất nung hoặc thuỷ tinh; lọ (bình), không bằng kim loại quí; chậu hoa; giá đỡ cho cây và hoa; nắp đậy đĩa pho mát; găng làm việc gia đình; khuôn bánh ngọt; thùng đựng đá; khuôn để làm nước đá; cốc bằng giấy hoặc bằng nhựa; cốc nhỏ có chân, không bằng kim loại quí; bi đông (chai bẹt đựng đồ uống cho người đi đường); giá đỡ vỉ nướng; bình cách điện, nhiệt; găng tay để làm vườn; vòi dùng cho bình tưới; cái cặp quần áo; khăn lau đồ đạc trong nhà; khay đựng thức ăn rơi vãi; cái nắp đĩa; đĩa bằng giấy; tay nắm cửa bằng sứ; đồ sứ; cái giá để bọt biển để tắm; giá để xà phòng; giá vắt khăn tay, không bằng kim loại quí; đồ gốm; bình để uống; bát trộn salad, không bằng kim loại quí; vòng đánh dấu khăn tay, không bằng kim loại quí; vật trang trí bàn ăn

(không bằng kim loại quý), cốc, không bằng kim loại quí; bộ đồ ăn (ngoài loại dao, đĩa và thìa), không bằng kim loại quí; bình (hũ), không bằng kim loại quí; kính màu.

Nhóm 24: Bộ khăn bàn (không bằng giấy); thảm hoặc khăn dùng để trang trí bàn ăn; vỏ gối; tấm phủ đệm; chăn mềm giường; vải phủ giường vải dệt theo tấm; chăn lông (chăn phủ giường bằng lông tơ); vải bao để bảo vệ dùng cho đồ gỗ; bộ đồ vải của giường ngủ; khăn vải dùng trong nhà; khăn phủ bàn không bằng giấy; khăn trang trí bàn bằng vải lanh; vải dùng để bọc nệm; khăn trải bàn (không bằng giấy); vải sơn lót sàn (nhà); chăn du lịch; lót đĩa bằng vải; khăn lau mặt bằng vải.

---

(111) **4-0094457**
(210) 4-2006-06069
(181) 19.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COUNTRY CORNER

(151) 10.01.2008
(220) 19.04.2006

(731) INTERIOR'S SAS (FR)
144, Boulevard Jules Durand 76600 Le Havre, France
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Bảng niêm yết; đồ gỗ (nội thất); tấm gắn vào tường để trang trí không bằng kim loại; cái tựa đầu (đồ gỗ); tủ; đồ nghệ thuật bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc chất dẻo; thùng không bằng kim loại; ghế dài (đồ gỗ); xe cũi đẩy cho em bé; giường trẻ con; giá để sách (bằng gỗ); vách ngăn bằng gỗ dùng cho đồ đạc trong nhà; hộp bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo; giá nhiều ngăn để chai lọ; quầy ăn đi động (đồ gỗ); đồ gỗ văn phòng; bàn làm việc (đồ gỗ); tượng bán thân bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc bằng chất dẻo; giá treo quần áo; khung ảnh; thanh nhỏ (mảnh) dùng để trang trí cho khung tranh ảnh; ghế tràng kỷ; tủ nhiều ngăn; gạc hươu đực; ghế dùng để ngồi; ghế cao cho trẻ em; ghế có tay dựa; xe đẩy tay (đồ đạc); khung chắn lò sưởi; cũi chó; cái mắc áo; hình bằng sáp; giá sách dùng cho tủ đựng hồ sơ (bằng gỗ); bảng đeo chìa khoá; hộp đồ chơi; tủ com mốt; quầy hàng (bàn); vỏ hoặc mai của động vật dùng làm đồ trang trí nội thất; khay không bằng kim loại; giường nhỏ cho vật nuôi quý trong nhà; cái đệm; cái đệm cho vật nuôi trong nhà; cán dao, không bằng kim loại; xe dọn bàn trà; xe đẩy tay dùng cho máy tính (đồ đạc); bàn để vẽ; bộ phân khăn tay cố định không bằng kim loại; ghế đi văng (trường kỷ); đồ gỗ mỹ thuật; thang bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo; biển quảng cáo bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo; xe đạp có tay đẩy dùng cho trẻ em; biển hiệu bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo; bàn thợ; giá (đồ đạc); ghế bành; tủ phiếu thư mục (đồ đạc); bệ chậu hoa; trạn đựng thức ăn không bằng kim loại; bộ đồ đạc của giường ngủ không bằng kim loại; đồ trang trí cho đồ đạc không bằng kim loại; gương soi; vải bọc quần áo (cất, giữ, xếp kho); thùng đựng hoa (đồ gỗ); khay bày báo chí; khung giường (bằng gỗ); thanh nhỏ (mảnh) của khung tranh (nội thất); giường; giá để sách (đồ gỗ); bục giảng; biển số nhà không bằng kim loại không phát quang; bậc lên xuống không bằng kim loại; đồ đạc bằng kim loại (nội thất); đồ trang trí di chuyển được; đồ gỗ dùng trong trường học; vật bằng chất dẻo có thể bơm hơi vào được dùng cho quảng cáo; nệm rơm; cái giỏ không bằng kim loại (nội thất); giá để ô; bình phong (đồ đạc); các loại móc quần áo không bằng kim loại; dây buộc rèm cửa; mặt bàn; giá treo áo choàng; móc treo áo choàng không bằng kim loại; giá để tạp chí; cửa cho đồ gỗ; bình hoa; giá trưng bày; bàn viết; giá

(đồ gỗ); ghế bằng kim loại; tượng bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc chất dẻo; tượng nhỏ bằng gỗ, bằng sáp, bằng thạch cao hoặc chất dẻo; cái bàn; bàn dùng để vẽ; bàn gương trang điểm; bàn bằng kim loại; giá để dép; tủ bày hàng (đồ gỗ); đồ gỗ dùng để máy tính, tivi và dàn âm thanh (đồ nội thất); đồ dùng trên giường và đệm (không làm bằng vải).

Nhóm 21: Đĩa ăn, không bằng kim loại quí; bình (vại) bằng thuỷ tinh; lọ bánh; hộp đựng bữa ăn trưa; thùng chứa bánh mì; hộp xà phòng; hộp đựng chè, không bằng kim loại quí; hộp tráng men để phân phối khăn tay bằng giấy; hộp bằng thuỷ tinh; cái tô (chậu bồn); hũ rượu cổ nhỏ; bình (hũ), không bằng kim loại quí; lư hương; tượng nửa người bằnh sứ, bằng đất nung hoặc bằng thuỷ tinh; bộ đồ uống rượu (khay để phục vụ), không bằng kim loại quí; thống chậu hoa, không bằng giấy; lồng chim; bình thon cổ; khay có nhiều ô dùng để đựng gia vị trên bàn ăn; xoong hầm thịt; cốc dùng để đựng trái cây cắt nhỏ làm món tráng miệng; giá để dao dùng cho bàn ăn; cái nắp đĩa; nắp bình (lọ); đồ đựng dùng cho nhà bếp, không bằng kim loại quí; dụng cụ nhà bếp, không bằng kim loại quí; tấm ván để cắt dùng cho nhà bếp; cái lót bình (cốc), không bằng giấy và ngoài bộ khăn bàn; kiềng ba chân (đồ bày bàn); lô treo giấy vệ sinh; hộp bơm xà phòng; cốc (đồ đựng) tráng men; biển hiệu bằng gỗ, bằng sứ hoặc bằng kính; cái phễu; bộ đựng đồ gia vị; giá (dây) phơi vải; tượng nhỏ bằng sứ, đất nung hoặc thuỷ tinh; lọ (bình), không bằng kim loại quí; chậu hoa; giá đỡ cho cây và hoa; nắp đậy đĩa pho mát; găng làm việc gia đình; khuôn bánh ngọt; thùng đựng đá; khuôn để làm nước đá; cốc bằng giấy hoặc bằng nhựa; cốc nhỏ có chân, không bằng kim loại quí; bi đông (chai bẹt đựng đồ uống cho người đi đường); giá đỡ vỉ nướng; bình cách điện, nhiệt; găng tay để làm vườn; vòi dùng cho bình tưới; cái cặp quần áo; khăn lau đồ đạc trong nhà; khay đựng thức ăn rơi vãi; cái nắp đĩa; đĩa bằng giấy; tay nắm cửa bằng sứ; đồ sứ; cái giá để bọt biển để tắm; giá để xà phòng; giá vắt khăn tay, không bằng kim loại quí; đồ gốm; bình để uống; bát trộn salad, không bằng kim loại quí; vòng đánh dấu khăn tay, không bằng kim loại quí; vật trang trí bàn ăn (không bằng kim loại quý), cốc, không bằng kim loại quí; bộ đồ ăn (ngoài loại dao, đĩa và thìa), không bằng kim loại quí; bình (hũ), không bằng kim loại quí; kính màu.

Nhóm 24: Bộ khăn bàn (không bằng giấy); thảm hoặc khăn dùng để trang trí bàn ăn; vỏ gối; tấm phủ đệm; chăn mềm giường; vải phủ giường vải dệt theo tấm; chăn lông (chăn phủ giường bằng lông tơ); vải bao để bảo vệ dùng cho đồ gỗ; bộ đồ vải của giường ngủ; khăn vải dùng trong nhà; khăn phủ bàn không bằng giấy; khăn trang trí bàn bằng vải lanh; vải dùng để bọc nệm; khăn trải bàn (không bằng giấy); vải sơn lót sàn (nhà); chăn du lịch; lót đĩa bằng vải; khăn lau mặt bằng vải.

---

(111) **4-0094458**
(210) 4-2006-06901
(181) 05.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VITATONE PLUS

(151) 10.01.2008
(220) 05.05.2006

(731) STRIDES ARCOLAB LIMITED (IN)
201 Devavrata, Sector-17, Vashi, Navi Mumbai, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094459**
(210) 4-2006-06902
(181) 05.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SALVITE

(151) 10.01.2008
(220) 05.05.2006

(731) STRIDES ARCOLAB LIMITED (IN)
201 Devavrata, Sector-17, Vashi, Navi Mumbai, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094460**
(210) 4-2006-08946
(181) 09.06.2016
(300) 2005-120863 22.12.2005 JP
(450) 25.02.2008 239
(540)

JPEXPRESS

(151) 10.01.2008
(220) 09.06.2006

(731) JAPAN POST (JP)
3-2 Kasumigaseki, 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8798, Japan
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 39: Vận tải đường sắt; vật tải đường bộ; vận tải đường thuỷ, vận tải hàng không; đóng gói hàng hoá; môi giới chuyên chở hàng, dịch vụ dỡ hàng hoá; dịch vụ chuyển hàng hoá; môi giới vận tải; môi giới thuê, hoặc cho thuê tàu chở hàng; lưu giữ hàng hoá; cho thuê nhà kho; cho thuê nơi đỗ xe; quản lý nơi đỗ xe; cho thuê máy móc và thiết bị xếp-dỡ hàng hoá; cho thuê xe cộ; cho thuê tàu thuỷ; cho thuê máy bay; cho thuê hệ thống đỗ xe vận hành bằng máy móc; cho thuê máy móc và thiết bị đóng gói hoặc bao gói hàng hoá; cho thuê két sắt an toàn liên quan đến vận tải, dịch vụ vận chuyển bảo đảm (thư tín hoặc hàng hoá); chuyển phát các bưu kiện (gói hàng); dịch vụ chuyển phát thư tín; chuyển phát hàng hoá qua bưu điện; cho thuê máy móc và thiết bị làm lạnh liên quan đến vận tải.

---

(111) **4-0094461**
(210) 4-2005-11037
(181) 29.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 29.08.2005

(531) 26.2.1; 26.1.1; A26.1.24
(591) Xanh nước biển, xanh nước biển đậm, vàng, xanh lá cây, trắng
(731) SANKYO COMPANY, LIMITED (JP)
5-1, 3-chome, Nihonbashi-honcho, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng cho công nghiệp, khoa học (không dùng cho mục đích y tế hoặc thú y), nhiếp ảnh, cũng như nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt vật ký sinh); nhựa nhân tạo dạng thô; chất dẻo dạng thô; phân bón; hợp chất chữa cháy; chế phẩm để tôi, ram và hàn kim loại; hoá chất để bảo quản thực phẩm; chất để thuộc da; chất dính dùng trong công nghiệp.

Nhóm 05: Các chế phẩm dược, thú y và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó (cho mục đích y tế hoặc giải phẫu); vật liệu để hàn răng, in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ; thực phẩm ăn kiêng dùng trong ngành y; đồ uống kiêng dùng trong ngành y; bánh mỳ cho người mắc bệnh đái đường; chất xơ có thể ăn được (không chứa chất dinh dưỡng).

---

(111) **4-0094462**
(210) 4-2006-00136
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ABIVINA

(151) 10.01.2008
(220) 04.01.2006

(731) VIỆN DƯỢC LIỆU (VN)
3B Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094463**
(210) 4-2006-00735
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 16.01.2006

(531) A1.1.4; A1.1.10; 26.1.1
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TAM GIA (VN)
134 đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 39: Vận tải hàng hóa, vận tải hành khách.

---

(111) **4-0094464**
(210) 4-2006-00736
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 16.01.2006

(531) A1.1.4; A1.1.10; 26.1.1
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TAM GIA (VN)
134 đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 39: Vận tải hàng hóa, vận tải hành khách.

---

(111) **4-0094465**
(210) 4-2006-01105
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 3.7.17; A26.11.12
(591) Trắng, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÔNG THIÊN (VN)
57bis Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính và linh kiện của nó (con chíp, bàn phím, bộ nhớ; con chuột).

---

(111) **4-0094466**
(210) 4-2006-01113
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.3.23; 24.15.21
(591) Đỏ, đen
(731) KUMHO INDUSTRIAL CO., LTD (KR)
49-1, Kwangcheon - Dong, Seo - Gu, Kwangju City, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Quản lý dịch vụ bán các toà nhà (bất động sản); cho thuê tài sản cố định; hãng bất động sản; cho thuê văn phòng (bất động sản); quản lý toà nhà (bất động sản); cho thuê căn hộ; quản lý nhà ở (bất động sản); dịch vụ cho thuê nhà ở (bất động sản); đại lý nhà ở; quản lý tài sản cố định cửa hàng bách hoá (bất động sản).

Nhóm 37: Xây dựng: sân vận động, cầu vượt, công viên, cầu, toà nhà văn phòng, toà nhà thương mại, căn hộ, nhà ở; xây dựng nhà máy; xây dựng đường có mái vòm, đường ngầm, đường hầm; xây dựng đường sắt; lắp đặt hệ thống điện thoại văn phòng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; lắp đặt thiết bị xử lý vệ sinh môi trường.

---

(111) **4-0094467**
(210) 4-2006-01114
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

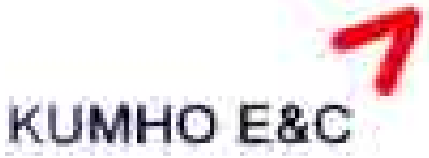

(151) 10.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.3.23; 24.15.21
(591) Đỏ, đen.
(731) KUMHO INDUSTRIAL CO., LTD (KR)
49-1, Kwangcheon - Dong, Seo- Gu, Kwangju City, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Quản lý dịch vụ bán các toà nhà (bất động sản); cho thuê tài sản cố định; hãng bất động sản; cho thuê văn phòng (bất động sản); quản lý toà nhà (bất động sản); cho thuê căn hộ; quản lý nhà ở (bất động sản); dịch vụ cho thuê nhà ở (bất động sản); đại lý nhà ở, quản lý tài sản cố định cửa hàng bách hoá (bất động sản).

Nhóm 37: Xây dựng: sân vận động, cầu vượt, công viên, cầu, toà nhà văn phòng, toà nhà thương mại, căn hộ, nhà ở; xây dựng nhà máy; xây dựng đường có mái vòm, đường ngầm, đường hầm; xây dựng đường sắt; lắp đặt hệ thống điện thoại văn phòng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; lắp đặt thiết bị xử lý vệ sinh môi trường.

---

(111) **4-0094468**
(210) 4-2006-01115
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.3.23; 24.15.21
(591) Đỏ, đen
(731) KUMHO INDUSTRIAL CO., LTD (KR)
49-1, Kwangcheon - Dong, Seo- Gu, Kwangju City, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Quản lý dịch vụ bán các toà nhà (bất động sản); cho thuê tài sản cố định; hãng bất động sản; cho thuê văn phòng (bất động sản); quản lý toà nhà (bất động sản); cho thuê căn hộ; quản lý nhà ở (bất động sản); dịch vụ cho thuê nhà ở (bất động sản); đại lý nhà ở; quản lý tài sản cố định cửa hàng bách hoá (bất động sản).

Nhóm 37: Xây dựng: sân vận động, cầu vượt, công viên, cầu, toà nhà văn phòng, toà nhà thương mại, căn hộ, nhà ở; xây dựng nhà máy; xây dựng đường có mái vòm, đường ngầm, đường hầm; xây dựng đường sắt; lắp đặt hệ thống điện thoại văn phòng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; lắp đặt thiết bị xử lý vệ sinh môi trường.

---

(111) **4-0094469**
(210) 4-2006-01222
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIFEVENTURE

(151) 10.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) LIFEMARQUE LIMITED (GB)
Units 1 & 8, Bacchus House, Calleva Park, Aldermaston, Berkshire, RG7 8EN, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 18: Túi; hòm; túi đựng đồ lặt vặt đi đường; túi to; ba lô; túi đeo ở lưng; túi đeo bên hông; túi đeo đằng sau; túi đựng đồ lặt vặt; ví; ví tiền; ví đựng tiền đeo ngang thắt lưng; túi đựng vật dụng dùng khi tắm rửa; túi đựng đồ để giặt; túi cầm tay; túi du lịch; túi có dây đeo; dây đeo và ba lô địu trẻ con; dây đeo và ba lô địu dùng để mang trẻ em; tất cả hàng hóa trên được làm bằng da hoặc giả da.

Nhóm 20: Túi ngủ; lớp lót trong túi ngủ; gối; gối bơm hơi; đệm gối đầu; đệm gối đầu bơm hơi; khoá và khóa móc; khoá số và khóa móc số; tất cả đều không làm bằng kim loại.

Nhóm 27: Chiếu ngủ.

---

(111) **4-0094470**
(210) 4-2006-01223
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LITTLELIFE

(151) 10.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) LIFEMARQUE LIMITED (GB)
Units 1 & 8, Bacchus House, Calleva Park, Aldermaston, Berkshire, RG7 8EN, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 18: Túi; hòm; túi đựng đồ lặt vặt đi đường; túi to; ba lô; túi đeo ở lưng; túi đeo bên hông; túi đeo đằng sau; túi đựng đồ lặt vặt; ví; ví tiền; ví đựng tiền đeo ngang thắt lưng; túi đựng vật dụng dùng khi tắm rửa; túi đựng đồ để giặt; túi cầm tay; túi du lịch; túi có dây đeo; dây đeo và ba lô địu trẻ con; dây đeo và ba lô địu dùng để mang trẻ em; tất cả hàng hóa trên được làm bằng da hoặc giả da.

Nhóm 20: Giường cũi cho trẻ con; giường cũi cho trẻ con đi du lịch; giường cũi cho trẻ con gấp lại được; túi ngủ; túi ngủ cho trẻ con; túi ngủ cho trẻ sơ sinh; lớp lót trong túi ngủ; gối; gối bơm hơi.

Nhóm 25: Quần áo; đồ đi chân; đồ đội đầu.

Nhóm 27: Chiếu ngủ.

---

(111) **4-0094471**
(210) 4-2006-01239
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BOLOVASE

(151) 10.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094472**
(210) 4-2006-01055
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

REAGIN PLUS

(151) 10.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) SAN FAUSTO S.A. (UY)
Colonia 810 Of. 903, Montevideo 11100, Uruguay
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094473**
(210) 4-2006-01124
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Modun

(151) 10.01.2008
(220) 20.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO (VN)
75 Yên Ninh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094474**
(210) 4-2006-01125
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Dowanine

(151) 10.01.2008
(220) 20.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094475**
(210) 4-2006-02735
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MARVULTEX

(151) 10.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.4.2
(731) MARDEC BERHAD (MY)
Bangunan MARDEC, Jalan Kerja Air Lama, 68000 Ampang Jaya, P.O. Box 10546, 50716 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Mủ cao su (latex) trước lưu hoá đã qua xử lý thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094476**
(210) 4-2006-02799
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 10.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 29: Pho mát; đồ ăn làm từ bánh quy giòn và pho mát; chất phết lên bánh làm từ pho mát, bơ, kem; hoa quả tẩm đường; sữa sô cô la; sản phẩm từ sữa không bao gồm kem, sữa được làm lạnh và sữa chua đông lạnh; mỡ động vật (thực phẩm); hoa quả sấy khô; sữa chua dưới dạng uống; thực phẩm đông lạnh bao gồm thịt, cá, thịt gia cầm hoặc rau; trái cây được bảo quản; đồ ăn nhanh làm từ trái cây; mứt; thạch; đồ uống từ sữa với thành phần sữa cao; thịt; quả hạch đã chế biến; bơ lạc; khoai tây chiên; đồ ăn nhanh làm từ khoai tây; sữa bột; nho khô; đồ ăn nhanh hỗn hợp bao gồm hoa quả đã sơ chế, quả hạch đã chế biến và/hoặc nho khô; súp; hỗn hợp súp; sữa chua.

---

(111) **4-0094477**
(210) 4-2006-05346
(181) 10.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

山 江
SƠN GIANG

(151) 10.01.2008
(220) 10.04.2006

(531) 26.1.2; 26.3.1; A26.11.13; 26.1.10
(591) Xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT HỢP KIM SẮT TITAN SƠN GIANG PHÚ YÊN VIỆT NAM (VN)
Điểm công nghiệp huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

(511) Nhóm 06: Hợp kim sắt Titan.

Nhóm 35: Thu mua những phế liệu nhôm, sắt và khoáng titan trong và ngoài tỉnh; tiêu thụ sản phẩm do công ty sản xuất trong và ngoài nước.

---

(111) **4-0094478**
(210) 4-2006-06903
(181) 05.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ARCOLIFE

(151) 10.01.2008
(220) 05.05.2006

(731) STRIDES ARCOLAB LIMITED (IN)
201 Devavrata, Sector-17, Vashi, Navi Mumbai, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094479**
(210) 4-2006-07453
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CONSULTANT

(151) 10.01.2008
(220) 16.05.2006

(531) 26.1.1
(591) Xanh nước biển, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN PHÁT TRIỂN KINH DOANH (VN)
Số nhà 7B, tổ 15B, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường.

Nhóm 36: Dịch vụ tư vấn đầu tư trong và ngoài nước.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn sở hữu trí tuệ; dịch vụ dịch thuật; dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật; dịch vụ tư vấn thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội - ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0094480**
(210) 4-2006-08008
(181) 24.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

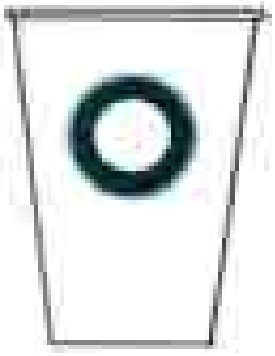

(151) 10.01.2008
(220) 24.05.2006

(531) 11.3.1; A11.3.2; 26.1.1; 26.1.5
(591) Xanh lá cây, đen, trắng
(731) STARBUCKS CORPORATION D/B/A STARBUCKS COFFEE COMPANY (US)
2401 Utah Avenue South, Seattle, Washington 98134, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê hạt và xay, cacao, chè (thảo mộc hoặc không phải thảo mộc không dùng cho mục đích y tế); nước giải khát cà phê, chè, cacao và cà phê hơi; nước giải khát có cơ sở là cà phê và/hoặc cà phê hơi; nước giải khát có cơ sở là trà, sôcôla và vani bột; sản phẩm nướng bằng lò bao gồm cả bánh nướng xốp, bánh nướng, bánh quy mặn, bánh quy, bánh ngọt và bánh mì, bánh mì lát, các mặt hàng sôcôla và bánh kẹo; thức ăn ngũ cốc 100% và chứa hoa quả sẵn sàng để ăn nóng hoặc lạnh; cà phê sẵn sàng để uống; trà sẵn sàng để uống; kem, thức uống kem và sữa khuấy và bánh kẹo đông lạnh; sôcôla, kẹo và bánh kẹo.

Nhóm 32: Nước, nước khoáng, nước có ga; các thức uống không có cồn khác như nước ngọt giải khát, nước giải khát hương vị hoa quả và nước ép hoa quả, chất lỏng và bột trộn sẵn để pha nước giải khát; xi rô có mùi vị để pha nước giải khát; nước đóng chai có mùi vị hoặc không có mùi vị như các loại nước có ga, nước khoáng, nước ép hoa quả, nước giải khát có cơ sở là nước ép hoa quả và nước hoa quả có ga và các nước giải khát có xô đa; nước giải khát hoa quả đông lạnh và nước giải khát đông lạnh có cơ sở là hoa quả.

Nhóm 35: Quản trị kinh doanh; quản lý kinh doanh; nhượng quyền thương mại, cụ thể là cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật trong việc thành lập và/hoặc hoạt động nhà hàng, quán ăn, quán cà phê và quán rượu có ăn nhẹ; các dịch vụ bán lẻ trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao, thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ điện gia dụng, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải, nhựa hoặc da), dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho giáng sinh; phân phối bán buôn, cửa hàng bán buôn và các dịch vụ đặt mua hàng bán buôn, tất cả đều trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao, thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ gia dụng chạy bằng điện, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải, nhựa hoặc da), dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho

giáng sinh; dịch vụ đặt mua hàng qua đường bưu điện và dịch vụ đặt mua hàng bằng ca-ta-lô qua đường bưu điện, dịch vụ đặt hàng trực tuyến bằng máy vi tính, dịch vụ bán lẻ trực tuyến bằng máy vi tính tất cả đều trong lĩnh vực: cà phê, trà, cacao, thức ăn đóng gói và chuẩn bị sẵn, đồ gia dụng chạy bằng điện, đồ gia dụng không chạy bằng điện, đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, thiết bị bấm giờ dùng trong nhà bếp, đồng hồ bấm giờ, nữ trang, sách, băng đĩa thu âm nhạc, miếng đệm lót chuột (máy tính), ví, bóp, túi xách, túi xách tay phụ nữ, cái cặp, túi đựng sách, va li (túi du lịch) và ô (tất cả đều làm bằng vải), nhựa hoặc da, dây chìa khóa bằng da, quần áo, mũ và nón, đồ chơi, bao gồm cả gấu bông, đồ chơi nhồi bông, đồ chơi nhồi bông mềm, búp bê và phụ kiện cho các mặt hàng đó, đồ trang trí cho giáng sinh; dịch vụ đăng ký và đặt mua quà tặng trực tuyến bằng máy vi tính.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống, quán ăn, quán ăn tự phục vụ, quán rượu có bán thức ăn nhẹ, hiệu cà phê giải khát và quán cà phê, nhà hàng bán thức ăn mang về, và dịch vụ nhà hàng bán thức ăn mang về; dịch vụ cung cấp thực phẩm (cho liên hoan, tiệc); dịch vụ cung cấp cà phê cho văn phòng; dịch vụ cung cấp cà phê văn phòng; dịch vụ cung cấp thức ăn theo hợp đồng; chuẩn bị thức ăn; chuẩn bị và bán thức ăn và thức uống để mang về.

---

(111) **4-0094481**
(210) 4-2006-20836
(181) 29.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.4.2; 24.15.21
(591) Đen, trắng, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHUYỂN MẠCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA VIỆT NAM (VN)
Tầng 5, toà nhà C3, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thẻ thông minh (thẻ điện tử) chưa ghi (đã được mã hoá); thẻ từ chưa ghi dùng trong hệ thống ngân hàng.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hệ thống thiết bị dùng cho việc phát hành thẻ thanh toán, chấp nhận thẻ thanh toán, thanh toán thẻ với ngân hàng, thẻ thanh toán; dịch vụ cho thuê hệ thống thiết bị dùng cho việc phát hành thẻ thanh toán, chấp nhận thẻ thanh toán, thanh toán thẻ với ngân hàng và thẻ thanh toán.

Nhóm 36: Dịch vụ tài chính, tiền tệ, cụ thể là dịch vụ thanh toán bằng thẻ thông qua việc kết nối hệ thống thanh toán giữa các ngân hàng được phép phát hành thẻ thanh toán, chấp nhận thẻ thanh toán; dịch vụ thanh toán thẻ với các tổ chức khác được phép cung ứng dịch vụ thanh toán; dịch vụ thanh toán bù trừ đối với các giao dịch thanh toán thẻ với ngân hàng giữa các ngân hàng được phép phát hành thẻ thanh toán, chấp nhận thẻ

thanh toán; dịch vụ thanh toán thẻ với ngân hàng và các tổ chức khác được phép cung ứng dịch vụ thanh toán.

Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt hệ thống thiết bị dùng cho việc phát hành thẻ thanh toán, chấp nhận thẻ thanh toán, thanh toán thẻ với ngân hàng và thẻ thanh toán; dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị dùng cho việc phát hành thẻ thanh toán, chấp nhận thẻ thanh toán, thanh toán thẻ với ngân hàng và thẻ thanh toán.

Nhóm 40: Dịch vụ in thẻ thanh toán.

Nhóm 42: Dịch vụ cung cấp giải pháp công nghệ trong lĩnh vực phát hành thẻ thanh toán, chấp nhận thẻ thanh toán, thanh toán thẻ; dịch vụ cung cấp giải pháp công nghệ trong lĩnh vực phát hành hệ thống thanh toán; dịch vụ cung cấp giải pháp kết nối các hệ thống thanh toán thẻ ngân hàng, hệ thống thanh toán thẻ thanh toán giữa các ngân hàng được phép phát hành thẻ thanh toán, chấp nhận thẻ thanh toán, hệ thống thanh thẻ và các tổ chức khác được phép cung ứng dịch vụ thanh toán.

---

(111) **4-0094482**
(210) 4-2005-15169
(181) 10.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

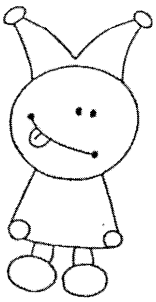

(151) 10.01.2008
(220) 10.11.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BILLION FOOD FAMILY CO., LTD. (TW)
1F, No.10, Lane 124, Sec. 2, WenHua Rd., Pan Chiao City, Taipei County, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Kẹo (đồ ngọt); bánh qui; bánh trung thu; bánh qui gạo; chế phẩm của ngũ cốc; bánh patê.

---

(111) **4-0094483**
(210) 4-2005-15170
(181) 10.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 10.11.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BILLION FOOD FAMILY CO., LTD. (TW)
1F, No.10, Lane 124, Sec. 2, WenHua Rd., Pan Chiao City, Taipei County, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng hoá; mua bán hàng tạp hoá; hãng xuất nhập khẩu; dịch vụ mua hàng qua đấu giá; dịch vụ thông tin thương mại; dịch vụ bán lẻ thực phẩm và đồ uống (không do nhà hàng, khách sạn cung cấp).

---

(111) **4-0094484**
(210) 4-2005-14774
(181) 04.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 04.11.2005

(531) 4.1.2
(591) Trắng, đỏ, tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HỮU NGHỊ (VN)
Số 03 đường Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094485**
(210) 4-2005-14878
(181) 07.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 07.11.2005

(531) 24.15.1
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HÙNG PHÁT (VN)
21F/7A Phú Thọ, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước.

---

(111) **4-0094486**
(210) 4-2005-14879
(181) 07.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

JOVIAL

(151) 10.01.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; mứt; kẹo; trà; cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0094487**
(210) 4-2005-14880
(181) 07.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLAD

(151) 10.01.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; mứt; kẹo; trà; cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0094488**
(210) 4-2005-16088
(181) 29.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SORTEX

(151) 10.01.2008
(220) 29.11.2005

(731) SORTEX LTD. (GB)
Pudding Mill Lane GB-London E15 2 PJ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy sàng, máy tuyển chọn, máy phân loại, tách nguyên liệu; dây chuyền/băng nâng dùng để truyền tải nguyên liệu; bơm chạy bằng hơi; thiết bị/hệ thống phun tia; phụ kiện để sử dụng với máy phân loại; phụ tùng, trang thiết bị phụ của các loại máy móc nêu trên.

Nhóm 09: Thiết bị, dụng cụ điện dùng để sàng lọc, phân loại, chọn lọc hoặc tách nguyên liệu; chi tiết, phụ tùng thay thế, đồ gá của tất cả các loại thiết bị kể trên; máy phân loại màu/thiết bị tách màu điện tử; phụ tùng, trang thiết bị phụ của các loại máy móc nêu trên.

Nhóm 42: Tư vấn kỹ thuật; chuẩn bị ý kiến kỹ thuật; thực hiện công tác kỹ thuật; lập đề án kỹ thuật, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ phân loại và phương pháp phân loại; nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ phân loại và phương pháp phân loại; thanh tra chất lượng.

---

(111) **4-0094489**
(210) 4-2005-15047
(181) 28.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HẢI HOÀ

(151) 10.01.2008
(220) 28.11.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI TÂN BÌNH (VN)
251-253-255 Hùng Vương, thị trấn Buôn Hồ, huyện Krôngbuk, tỉnh ĐăkLăk
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng; nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094490**
(210) 4-2005-14876
(181) 07.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

WHITE SPA

(151) 10.01.2008
(220) 07.11.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu, mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cáo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0094491**
(210) 4-2006-10951
(181) 12.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 12.07.2006

(531) 26.4.2
(591) Nâu, trắng
(731) CHEERFUL INVESTMENTS LIMITED (VG)
P.O. Box 3340, Dawson Building Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 14: Kim loại quý và hợp kim của kim loại quý; nhẫn, hoa tai, chuỗi hạt bằng kim loại quý hoặc mạ bằng kim loại quý; đồ nữ trang, đá quý; đồng hồ bấm giờ và dụng cụ đo thời gian.

Nhóm 18: Da và giả da; ba lô đeo sau lưng; túi xách tay; cặp đựng tài liệu; dây đeo bằng da; vòng đeo chìa khoá bằng da; ví; da động vật, da sống; hòm (hành lý) và túi du lịch; ô, lọng và gậy chống để đi bộ; roi, dây cương và yên cương.

Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu.

---

(111) **4-0094492**
(210) 4-2006-14981
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 10.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) 26.1.2; 26.5.1; 26.5.4
(591) Đỏ, xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG NGÃI (VN)
970, 974 Quang Trung, phường Chính Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 30: Muối.

---

(111) **4-0094493**
(210) 4-2007-00574
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEFUROSU

(151) 10.01.2008
(220) 05.01.2007

(731) SUCHIANG CHEMICAL & PHARMACEUTICAL CO., LTD (TW)
10Fl, 72, Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094494**
(210) 4-2006-18630
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VERSATIÉ

(151) 10.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) RICH PRODUCTS CORPORATION (US)
1150 Niagara Street, Buffalo, New York, NY 14213, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Kem không chứa sữa trên cơ sở cazein (dùng cho thực phẩm) và dầu thực vật; thịt; cá (không còn sống), cá được bảo quản, cá được ướp muối, cá đóng hộp; gia cầm và thú săn (không còn sống); chất chiết ra từ thịt; rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; nước thịt đông dùng cho thực phẩm; mứt; mứt quả; trứng; sữa và các sản phẩm làm từ sữa; dầu ăn và mỡ ăn; đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ trái cây đông lạnh hoặc đóng hộp, hoặc lớp phủ trên mặt bánh làm từ kem đánh dậy bọt và nước quả nấu đông cho thực phẩm và các thành phần phụ khác như bánh ngọt, bánh bích quy, kẹo dẻo, các thanh sô cô la, kem đánh dậy bọt; đồ tráng miệng làm bằng kem (phần béo của sữa); đồ tráng miệng làm bằng sữa; đồ tráng miệng làm bằng trái cây; đồ tráng miệng có hương thơm được làm làm chủ yếu từ trái cây đông lạnh hoặc đóng hộp, sữa và sữa chua và các thành phần phụ khác như vani, caramen và sô cô la; lớp phủ trên bánh ngọt làm bằng sữa đánh dậy bọt để đông lạnh.

Nhóm 30: Cà phê; chè; ca cao; đường; gạo; bột sắn; bột cọ; chất thay thế cà phê; bột mì cho thực phẩm và chế phẩm ngũ cốc, lát mỏng ngũ cốc (sấy khô); bánh mỳ; bánh ngọt; bánh kẹo; đá lạnh có thể ăn được; mật ong; nước mật đường; men dạng viên không dùng cho mục đích y tế, bột nở; muối nấu ăn và muối dùng để bảo quản thức ăn; tương hạt cải; dấm; nước sốt (trừ nước sốt dùng cho xà lách); gia vị; đá dùng cho đồ ăn thức uống và nước đá tự nhiên hoặc nhân tạo; đồ tráng miệng ở dạng đông lạnh được làm chủ yếu từ bánh ngọt, sô cô la, kẹo mềm làm bằng hỗn hợp sô cô la, kẹo, bánh quy và các thành phần phụ khác như trái cây đông lạnh, pho mát; bánh phủ kem pho mát; bánh kem bọt;

bánh sô- cô-la; bánh có hương vị chè xanh; bánh ngọt có phủ kem và trái cây; bánh kem lạnh; bánh ngọt nhiều lớp (giữa các lớp có kem); bánh ngọt cắt thành miếng; bánh ngọt đặc sản; bánh sô-cô-la hạnh nhân; đồ tráng miệng đông lạnh được đóng gói thành từng phần, cụ thể là bánh sô-cô-la hạnh nhân, bánh phủ kem pho mát và bánh có phủ kem và trái cây; đồ tráng miệng bằng kem lạnh; đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ sô cô la, bánh ngọt, kem lạnh; chế phẩm để làm đồ tráng miệng, cụ thể là bánh ngọt, sô cô la, kem lạnh, kẹo mềm làm bằng hỗn hợp sô cô la, kẹo, bánh qui; hỗn hợp gồm đường, lòng trắng trứng và hương vị được làm lạnh để phủ và trang trí bánh ngọt; lớp phủ trên bánh ngọt làm bằng sô-cô-la để đông lạnh và xi rô phủ trên bánh ngọt; lớp kem lạnh không chứa sữa để phủ lên bánh ngọt.

---

(111) **4-0094495**
(210) 4-2006-18940
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TDAMIN

(151) 10.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐA THỌ (VN)
Số 375 A, đường Trường Chinh, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Hoá chất cụ thể là chất hoạt động bề mặt có tác dụng chống đông cứng.

---

(111) **4-0094496**
(210) 4-2006-19412
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PYMECEZITEC

(151) 10.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094497**
(210) 4-2006-19413
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PYMEACOLION

(151) 10.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094498**
(210) 4-2006-19416
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HONEYCUM

(151) 10.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094499**
(210) 4-2006-19417
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SEPTOCUM

(151) 10.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094500**
(210) 4-2006-19422
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANGELFIT

(151) 10.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) L'OREAL, SOCIÉTÉ ANONYME (FR)
14 rue Royale, 75008 Paris, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và chế phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0094501**
(210) 4-2006-01212
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

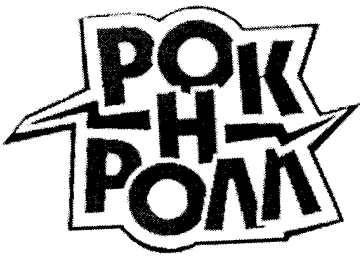

(151) 14.01.2008
(220) 23.01.2006

(531) 1.15.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI MA SAN (VN)
Lô III-12- nhóm công nghiệp III, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Đậu phộng (lạc) chế biến (sử dụng dưới dạng bánh kẹo); gia vị; nước tương (tàu vị yểu); mì ăn liền; cháo ăn liền; cà phê bột.

---

(111) **4-0094502**
(210) 4-2006-01215
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 23.01.2006

(531) 26.4.9
(591) Trắng, xanh da trời, xanh dương
(731) VIỆN QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ IEM (VN)
864 Nguyễn Chí Thanh, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 41: Học viện; giáo dục; tư vấn du học; tư vấn giáo dục; tổ chức và điều khiển hội thảo; đào tạo thực hành.

---

(111) **4-0094503**
(210) 4-2006-12055
(181) 27.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 27.07.2006

(531) A5.5.21; 26.1.1; 26.4.1
(591) Đỏ, xanh nước biển, xanh ngọc
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HYPHEN (VN)
Số 64 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

(511) Nhóm 16: Cặp kẹp tài liệu bằng nhựa; bìa, túi đựng hồ sơ bằng nhựa; đồ dùng văn phòng bằng nhựa.

Nhóm 25: Áo mưa.

---

(111) **4-0094504**
(210) 4-2006-13103
(181) 10.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RELISTOR

(151) 14.01.2008
(220) 10.08.2006

(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược, cụ thể là thuốc làm thay đổi và điều trị các tác dụng phụ của nhóm thuốc gây nghiện.

---

(111) **4-0094505**
(210) 4-2006-13522
(181) 17.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ACENOR 20

(151) 14.01.2008
(220) 17.08.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094506**
(210) 4-2006-13576
(181) 17.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AVON LIFE

(151) 14.01.2008
(220) 17.08.2006

(731) AVON PRODUCTS, INC. (US)
1345 Avenue of the Americas, New York, New York 10105-0196 United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; nước hoa hương thơm, nước hoa côlôn, chế phẩm dùng sau khi cạo râu, chế phẩm để cạo râu, tinh dầu, nước thơm xức tóc; thuốc đánh răng.

---

(111) **4-0094507**
(210) 4-2006-13577
(181) 17.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRUE GLOW

(151) 14.01.2008
(220) 17.08.2006

(731) AVON PRODUCTS, INC. (US)
1345 Avenue of the Americas, New York, New York 10105-0196 United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; nước hoa hương thơm, nước hoa côlôn, chế phẩm dùng sau khi cạo râu, chế phẩm để cạo râu, tinh dầu, nước thơm xức tóc; thuốc đánh răng.

---

(111) **4-0094508**
(210) 4-2006-14960
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

URONASE

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094509**
(210) 4-2006-14963
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LOLAVITA

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094510**
(210) 4-2006-14964
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NUNAVITA

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094511**
(210) 4-2006-14965
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEUTROFIL 30

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094512**
(210) 4-2006-14966
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEUTROFIL 28

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094513**
(210) 4-2006-14969
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OXAPLAT

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094514**
(210) 4-2006-15129
(181) 11.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Caranx KAIBUTSU

(151) 14.01.2008
(220) 11.09.2006

(531) 3.9.1; A3.9.24
(731) SHIMANO INC. (JP)
3-77 Oimatsu-cho, Sakai-ku, Sakai City, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Dụng cụ câu cá, bao gồm ống để cuốn dây dùng để câu cá, cần câu dùng để câu cá, bộ phận nối ống cuộn dây và cần câu dùng để câu cá, dây dùng để câu cá, đường dẫn dây (dùng trên cần câu cá), lưỡi câu dùng để câu cá, mồi nhân tạo dùng để câu cá, mồi câu cá nhân tạo, giỏ câu cá (dụng cụ dùng khi câu cá), phao dùng để câu cá, vật nặng buộc vào dây câu dùng khi câu cá (cụ thể là chì để buộc vào dây câu), vợt hứng cá dùng cho người đi câu cá, túi dùng khi đi câu cá, găng tay dùng khi câu cá; hộp đựng cần câu và hộp đựng dụng cụ câu cá, miếng bảo vệ hông đặc biệt dùng khi đi câu cá.

(111) **4-0094515**
(210) 4-2006-16276
(181) 27.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 27.09.2006

(531) 24.17.17
(591) Đỏ, ghi nhạt, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KEM THỊNH PHÁT (VN)
3/19 quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Kem lạnh.

---

(111) **4-0094516**
(210) 4-2006-16357
(181) 28.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Sinhigh

(151) 14.01.2008
(220) 28.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ĐÔNG Á (VN)
Số 38, đường Lê Duẩn, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất dùng để tẩy rửa: nước rửa chén, bát.

---

(111) **4-0094517**
(210) 4-2006-17427
(181) 17.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AVOCLIP

(151) 14.01.2008
(220) 17.10.2006

(531) A26.3.5
(731) BIOGEN IDEC MA INC. (US)
14 Cambridge Center, Cambridge Massachusetts 02142, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ y tế, cụ thể là các thiết bị để tạo điều kiện thuận lợi khi sử dụng ống tiêm và khi tiêm.

---

(111) **4-0094518**
(210) 4-2006-18051
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MEKOSATE

(151) 14.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ NÔNG MÊ KÔNG (VN)
93/30 Luỹ Bán Bích, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0094519**
(210) 4-2006-17541
(181) 18.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SHABOX™
www.shabox.com.vn

(151) 14.01.2008
(220) 18.10.2006

(591) Vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH VN MOBILE (VN)
Số 5 Láng Hạ, toà nhà VINAINCON, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông; dịch vụ giá trị gia tăng (dịch vụ viễn thông) như là cho phép người sử dụng tải (download) trò chơi, nhạc chuông, bản nhạc, hình ảnh, phim; hội thảo trực tuyến qua mạng viễn thông; xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng (dịch vụ làm tăng thêm giá trị sử dụng thông tin của người sử dụng bằng cách hoàn thiện loại hình hoặc nội dung thông tin, hoặc cung cấp khả năng lưu trữ, khôi phục thông tin đó trên cơ sở sử dụng mạng viễn thông hoặc internet).

---

(111) **4-0094520**
(210) 4-2006-17542
(181) 18.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GENX
www.genx.com.vn

(151) 14.01.2008
(220) 18.10.2006

(531) 26.3.4; 26.1.1; A26.11.9; 26.3.23
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH VN MOBILE (VN)
Số 5 Láng Hạ, toà nhà VINAINCON, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông; dịch vụ giá trị gia tăng (dịch vụ viễn thông) như là cho phép người sử dụng tải (download) trò chơi, nhạc chuông, bản nhạc, hình ảnh, phim; hội thảo trực tuyến qua mạng viễn thông; xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng (dịch vụ làm tăng thêm giá trị sử dụng thông tin của người sử dụng bằng cách hoàn thiện loại hình hoặc nội dung thông tin, hoặc cung cấp khả năng lưu trữ, khôi phục thông tin đó trên cơ sở sử dụng mạng viễn thông hoặc internet).

---

(111) **4-0094521**
(210) 4-2006-17522
(181) 18.10.2016
(300) 78/864,107 18.04.2006 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 18.10.2006

(531) A26.11.12; 26.3.23
(591) Đỏ, da cam, xanh da trời, vàng, trắng
(731) EDUCATIONAL ADVENTURES, LLC (US)
3426 Toringdon Way, Suite 106, Charlotte, North Carolina, 28277, United States of America
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 09: Đĩa hình được ghi sẵn từ trước, cát sét và băng ghi âm ghi chương trình dạy học dành cho thiếu nhi.

Nhóm 16: Sách dành cho thiếu nhi, tạp chí và truyện tranh.

---

(111) **4-0094522**
(210) 4-2006-01061
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.5.1; A26.5.6; 26.3.23
(591) Xanh lá cây, đen, trắng
(731) SAN FAUSTO S.A. (UY)
Colonia 810 Of. 903, Montevideo 11100, Uruguay
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094523**
(210) 4-2006-02754
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMPORT - EXPORT VP VAPHUCO.,Ltd

SICA

(151) 14.01.2008
(220) 28.02.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VẠN PHÚ (VN)
53 đường số 8, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Chất chống thấm dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0094524**
(210) 4-2006-02755
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Mỹ Phẩm PHƯƠNG DUNG
Chăm Sóc và Bảo Vệ Làn Da Của Bạn

(151) 14.01.2008
(220) 28.02.2006

(531) 26.1.1
(731) CƠ SỞ MỸ PHẨM PHƯƠNG DUNG (VN)
306 đường Âu Cơ, phường 09, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem làm trắng da chống nắng; sữa rửa mặt; nước hoa; sữa tắm; kem trị mụn (không chứa thuốc).

---

(111) **4-0094525**
(210) 4-2006-02758
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Fortaric

(151) 14.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SƠN HÀ (VN)
145A Bùi Đình Tuý, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hoá chất công nghiệp; hoá chất dùng trong nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, diệt cỏ); chế phẩm hoá học để chùi bóng màu dùng trong công nghiệp; chế phẩm hoá học dùng cho khoa học; chất làm mềm dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0094526**
(210) 4-2006-02759
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Sonfor

(151) 14.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SƠN HÀ (VN)
145A Bùi Đình Tuý, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hoá chất công nghiệp; hoá chất dùng trong nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, diệt cỏ); chế phẩm hoá học để chùi bóng màu dùng trong công nghiệp; chế phẩm hoá học dùng cho khoa học; chất làm mềm dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0094527**
(210) 4-2006-02903
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 02.03.2006

(531) 5.7.3
(591) Xanh cô ban, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH LAM SƠN (VN)
Số 129 đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán phân bón các loại, mua bán hàng tư liệu sản xuất, mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán vật liệu xây dựng, mua bán thức ăn cho gia súc, mua bán hàng nông sản thực phẩm.

---

(111) **4-0094528**
(210) 4-2006-06549
(181) 26.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 26.04.2006

(531) 26.3.23; 26.1.1; A5.7.22; 1.15.24
(591) Vàng, xanh dương, đỏ, vàng chanh, xanh lá cây, tím, trắng, xanh lá cây nhạt, xanh da trời, xanh da trời nhạt
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂY NAM (VN)
A1/8 đường phố Đà Sơn, tổ 10, ấp Hiệp Long, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước rửa chén.

---

(111) **4-0094529**
(210) 4-2006-08261
(181) 29.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 29.05.2006

(531) A5.11.13; 7.1.5; 7.1.8; 7.3.11
(591) Xanh lá cây, đỏ, vàng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÚC LINH (VN)
27B Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094530**
(210) 4-2006-09607
(181) 20.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SAIGONTASOCO

(151) 14.01.2008
(220) 20.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN SƠN (VN)
7/12 Trần Thái Tông, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0094531**
(210) 4-2006-17529
(181) 18.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 18.10.2006

(531) 26.4.2; 19.7.25; A19.7.17
(731) CÔNG TY TNHH DONG HWA CERAMIC (VN)
ấp 1, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Cao lanh; men (làm đồ gốm sứ); hóa chất tráng men.

---

(111) **4-0094532**
(210) 4-2006-19376
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AULIPLUS

(151) 14.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU (VN)
74/18 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094533**
(210) 4-2006-19378
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ENZAMIN

(151) 14.01.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU (VN)
74/18 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094534**
(210) 4-2006-19524
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAXCROCO

(151) 14.01.2008
(220) 13.11.2006

(731) CƠ SỞ GIA AN (VN)
Số 10 đường số 3, khu 2 Bùi Minh Trực, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa; keo xịt tóc; sơn móng tay; dầu gội đầu; kem dưỡng da.

---

(111) **4-0094535**
(210) 4-2006-19967
(181) 17.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 17.11.2006

(531) 26.1.2
(591) Cam, trắng
(731) TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG C.D.M.A (VN)
97 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 38: Các dịch vụ thông tin liên lạc, cung cấp dịch vụ internet công cộng bao gồm: truy cập internet, kết nối internet và dịch vụ cung ứng internet (ISP), dịch vụ điện thoại, dịch vụ nhắn tin vô tuyến, dịch vụ thư điện tử.

---

(111) **4-0094536**
(210) 4-2006-19968
(181) 17.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 17.11.2006

(531) 26.1.2
(591) Cam, trắng
(731) TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG C.D.M.A (VN)
97 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 38: Các dịch vụ thông tin liên lạc, cung cấp dịch vụ internet công cộng bao gồm: truy cập internet, kết nối internet và dịch vụ cung ứng internet (ISP), dịch vụ điện thoại, dịch vụ nhắn tin vô tuyến, dịch vụ thư điện tử.

---

(111) **4-0094537**
(210) 4-2006-19969
(181) 17.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

S-Telecom

(151) 14.01.2008
(220) 17.11.2006

(731) TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG C.D.M.A (VN)
97 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 38: Các dịch vụ thông tin liên lạc, cung cấp dịch vụ internet công cộng bao gồm: truy cập internet, kết nối internet và dịch vụ cung ứng internet (ISP), dịch vụ điện thoại, dịch vụ nhắn tin vô tuyến, dịch vụ thư điện tử.

---

(111) **4-0094538**
(210) 4-2006-21017
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NAMSPICIN

(151) 14.01.2008
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13 (C4-9), khu công nghiệp Hoà Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0094539**
(210) 4-2006-05922
(181) 18.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 18.04.2006

(531) 2.1.1
(591) Đen, trắng, xám
(731) NGÔ LONG THÀNH (VN)
52A phố Châu Long, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 40: Dịch vụ rang, xay, nghiền bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0094540**
(210) 4-2006-22242
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.1.2; 26.4.2; 26.7.25
(591) Xanh lục, vàng, da cam, đen, trắng
(731) HOÀNG THỊ HỒNG HOA (VN)
38 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp gas, dây của bếp gas, van của bếp gas, thiết bị khử mùi dùng trong nhà bếp.

---

(111) **4-0094541**
(210) 4-2006-02105
(181) 15.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PHÚ GIA

(151) 14.01.2008
(220) 15.02.2006

(731) CƠ SỞ PHÚ GIA (VN)
146 E Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống; quán phở; quán giải khát.

---

(111) **4-0094542**
(210) 4-2006-08484
(181) 01.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 01.06.2006

(531) 2.1.22; 4.3.3; 5.5.1; A5.5.22; 24.1.23; 17.2.25
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh dương, xanh tím, nâu đỏ, vàng, xanh lá cây, hồng
(731) CƠ SỞ HUỲNH ĐỨC PHÁT (VN)
64/6 đường 702 Hồng Bàng, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nhang (hương thắp) thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094543**
(210) 4-2006-08485
(181) 01.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 01.06.2006

(531) 26.4.2; 26.4.3; 2.3.22; A2.3.24
(591) Đen, đỏ, vàng
(731) CƠ SỞ HUỲNH ĐỨC PHÁT (VN)
64/6 đường 702 Hồng Bàng, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nhang (hương thắp) thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094544**
(210) 4-2006-08875
(181) 08.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MEO MEO

(151) 14.01.2008
(220) 08.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Chất chiết ra từ thịt dưới dạng hạt để ăn liền; chất chiết ra từ tôm dưới dạng hạt để ăn liền; chất chiết ra từ cá dưới dạng hạt để ăn liền; chất chiết ra từ trứng dưới dạng hạt để ăn liền; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền; nước mắm.

---

(111) **4-0094545**
(210) 4-2006-08912
(181) 08.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 08.06.2006

(531) 26.3.2
(591) Trắng, đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER (VN)
Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Bồn chứa áp lực bằng kim loại; thanh kim loại treo và chuyển hướng dây điện (thanh rẽ điện); bù loong kim loại dùng để treo dây điện (ti treo).

Nhóm 07: Máy nâng hạ.

Nhóm 09: Tủ điện điều khiển; hộp nối dây điện; hộp kim loại chứa và đậy dây điện cho gọn (máng cáp điện); hộp kim loại chứa dây điện cho gọn có ba mặt (thang cáp điện).

Nhóm 31: Cây cảnh; hoa tươi; cây bonsai (cây cảnh nghệ thuật); cây công nghiệp.

Nhóm 35: Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện; mua bán cây cảnh; mua bán hoa; mua bán cây bonsai (mua bán cây cảnh nghệ thuật); mua bán cây công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng công trình công nghiệp; thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy; thi công lắp đặt hệ thống chống sét; thi công lắp đặt hệ thống chống đột nhập; dịch vụ sơn phủ bề mặt kim loại.

Nhóm 40: Dịch vụ cắt uốn kim loại.

Nhóm 42: Thiết kế công trình dân dụng; thiết kế công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống điện công nghiệp; thiết kế hệ thống cấp thoát nước; thiết kế hệ thống lạnh (hệ thống điều hoà không khí); thiết kế nội ngoại thất công trình.

---

(111) **4-0094546**
(210) 4-2006-13406
(181) 15.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 15.08.2006

(531) 26.1.1; A26.1.3; A1.1.10; 26.3.23
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI THẢO NGUYÊN (VN)
150/30 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà.

Nhóm 42: Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0094547**
(210) 4-2006-14920
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) 1.15.23; 26.1.2
(591) Xanh dương, đỏ, đen, vàng nhạt, trắng
(731) CƠ SỞ LÊ DUNG (VN)
27D3 khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần, áo.

---

(111) **4-0094548**
(210) 4-2006-14921
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) 24.15.1; 26.11.1
(731) CƠ SỞ TẤN HIỆP (VN)
51 khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Giày; dép.

---

(111) **4-0094549**
(210) 4-2006-14922
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIETORCHIDS

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHONG LAN VIỆT (VN)
ấp Trung, xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Hoa tươi; hoa phong lan tươi.

---

(111) **4-0094550**
(210) 4-2006-14923
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COMIFOOD

(151) 14.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET (VN)
1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; cháo ăn liền; tương ớt; bột canh (bột nêm).

---

(111) **4-0094551**
(210) 4-2006-17445
(181) 17.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DUO AZOVIR

(151) 14.01.2008
(220) 17.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094552**
(210) 4-2006-17449
(181) 17.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 17.10.2006

(531) A26.11.12
(591) Trắng, đỏ
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TƯ THANH (VN)
ấp Phước Tân, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094553**
(210) 4-2006-21535
(181) 08.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HẠNH PHƯỚC

(151) 14.01.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.4.3
(731) GIAN TÚ QUỲNH (VN)
10 Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Vịt quay.

---

(111) **4-0094554**
(210) 4-2006-21536
(181) 08.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SUPER BEAR
SIÊU GẤU

(151) 14.01.2008
(220) 08.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B. xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0094555**
(210) 4-2006-21537
(181) 08.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KING BEAR
VUA GẤU

(151) 14.01.2008
(220) 08.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0094556**
(210) 4-2006-21617
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 24.9.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0094557**
(210) 4-2006-21618
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 3.1.14; 8.7.5; A3.7.24
(591) Đỏ, trắng, xanh dương, vàng, nâu vàng, vàng đậm, xanh lá cây, xanh ngọc, trắng ngà
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0094558**
(210) 4-2006-21619
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 14.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 5.5.16
(591) Đỏ, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĂN HÓA PHÁP QUANG (VN)
22A Hoàng Diệu, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Phim để trình chiếu.

Nhóm 35: Mua bán văn phòng phẩm; mua bán văn hóa phẩm; mua bán lịch; mua bán thiệp; mua bán băng đĩa; mua bán máy vi tính; đại lý ký gửi các mặt hàng văn hóa phẩm.

Nhóm 41: Dịch vụ sao chép nhân bản băng đĩa.

---

(111) **4-0094559**
(210) 4-2006-21633
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

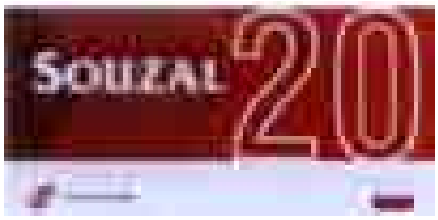

(151) 14.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.4.2; 26.7.25
(591) Trắng, đen, đỏ, đỏ đậm, đỏ mận chín, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (VN)
Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094560**
(210) 4-2007-00941
(181) 12.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

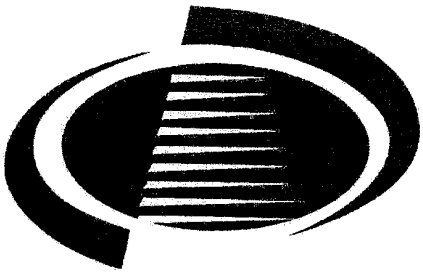

(151) 14.01.2008
(220) 12.01.2007

(531) 1.15.23; 26.1.2; 26.11.3; 26.3.4
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CƯỜNG (VN)
Lô A2 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 23: Sợi cao su dùng trong ngành dệt, sợi dệt bông, tơ kéo thành sợi, sợi dệt, sợi len, len đã xe thành sợi.

Nhóm 35: Mua bán: vải, sợi, chỉ.

---

(111) **4-0094561**
(210) 4-2005-10610
(181) 19.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 19.08.2005

(531) 8.1.9; 8.1.15; A25.7.2; 26.13.25
(591) Đỏ, trắng, da cam, vàng, vàng nhạt, tím đậm, tím nhạt, xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, xanh dương, xanh da trời, xanh đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh, mứt, kẹo, trà, cà phê, bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0094562**
(210) 4-2005-10679
(181) 22.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 22.08.2005

(531) A1.1.2; 26.1.1; 3.9.17
(591) Trắng, xanh lá cây, vàng, xanh rêu
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0094563**
(210) 4-2005-10696
(181) 22.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

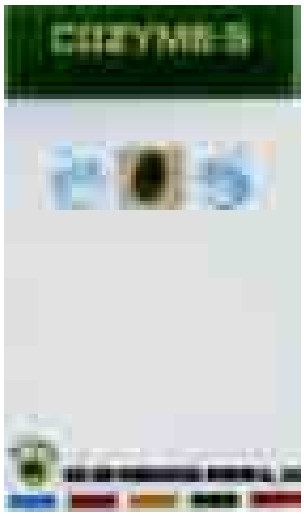

(151) 15.01.2008
(220) 22.08.2005

(531) 3.9.16; 3.9.17; A1.1.2; A26.11.11; 26.4.10; 26.4.2
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, xanh lá cây đậm, xanh dương, xanh da trời, vàng, vàng nhạt, vàng đậm, xanh rêu, đỏ, da cam đậm
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0094564**
(210) 4-2005-10697
(181) 22.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 22.08.2005

(531) 3.9.17; A1.1.2; 24.15.3; 2.9.14; 26.4.2
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh tím, vàng đậm, xanh lá cây đậm
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0094565**
(210) 4-2005-10700
(181) 22.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 22.08.2005

(531) 3.9.16; 3.9.17; 26.13.25; A1.1.2; 26.4.2; 26.4.1
(591) Trắng, đen, xanh da trời, xanh lá cây, vàng đậm, đỏ, đỏ mận chín, xám
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0094566**
(210) 4-2005-10874
(181) 24.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

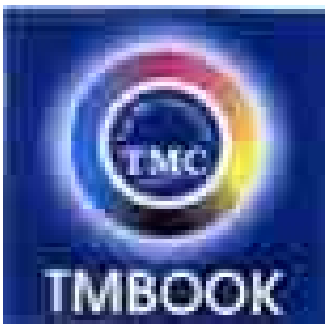

(151) 15.01.2008
(220) 24.08.2005

(531) 26.11.1; 25.12.1; 26.1.1; 26.1.5; 26.4.1
(591) Xanh dương, xanh dương đậm, hồng, vàng, xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN BAO BÌ TUỆ MỸ (VN)
111 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Tập vở.

---

(111) **4-0094567**
(210) 4-2005-10880
(181) 24.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 24.08.2005

(531) 26.13.25; 26.4.12; 24.15.3; 26.4.2
(591) Xanh dương, đỏ, trắng, đen, xám, ghi, ghi nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ TƯỜNG THÀNH (VN)
28 đường số 2, cư xá Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng.

---

(111) **4-0094568**
(210) 4-2005-11706
(181) 09.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 09.09.2005

(531) 3.13.1
(591) Đen, trắng, vàng xanh
(731) CƠ SỞ AN-NA (VN)
87 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi xách.

Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép.

---

(111) **4-0094569**
(210) 4-2005-11707
(181) 09.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

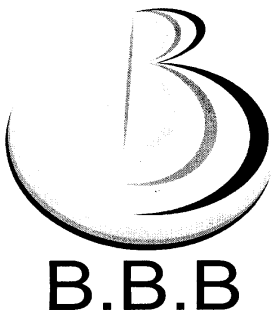

(151) 15.01.2008
(220) 09.09.2005

(531) 1.15.23; A26.11.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT AN TRẦN (VN)
33/23 Cách Mạng Tháng Tám, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Bồi áp điện tử nối với bugi nhằm tiết kiệm nhiên liệu cho xe cơ giới (không phải là bộ phận của động cơ).

---

(111) **4-0094570**
(210) 4-2005-13198
(181) 07.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

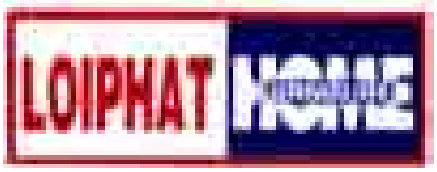

(151) 15.01.2008
(220) 07.10.2005

(531) 26.4.2
(591) Trắng, đỏ, xanh tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - TRANG TRÍ NỘI THẤT LỢI PHÁT (VN)
B16/16 quốc lộ 1A, ấp 2, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 20: Bàn làm việc trong văn phòng; bàn để máy vi tính; bàn có mặt kính; ghế văn phòng chân sắt; ghế văn phòng chân Inox; ghế văn phòng chân nhựa (ghế xoay).

---

(111) **4-0094571**
(210) 4-2005-14230
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 25.10.2005

(531) 26.4.2; 26.3.1; 1.15.24; 1.15.11
(591) Xanh da trời, xanh dương, xanh tím, trắng, đỏ, vàng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ XUÂN THẠNH (VN)
Khóm 6, phường 8, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094572**
(210) 4-2005-14232
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TULIPSITY

(151) 15.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; mứt; kẹo; trà; cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0094573**
(210) 4-2005-14233
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HEART TO HEART

(151) 15.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; mứt; kẹo; trà; cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0094574**
(210) 4-2005-14725
(181) 03.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Clarté

(151) 15.01.2008
(220) 03.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KIM TRÂM (VN)
122 Trương Công Định, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0094575**
(210) 4-2005-14727
(181) 03.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Hexing®

(151) 15.01.2008
(220) 03.11.2005

(731) CƠ SỞ HÒA HƯNG (VN)
21/13 hẻm 124, Đồng Khởi, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Ti vi; đầu đọc đĩa VCD; đầu đọc đĩa DVD; loa; ampli (máy tăng âm); máy phát tín hiệu truyền hình kỹ thuật số.

---

(111) **4-0094576**
(210) 4-2005-16515
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 06.12.2005

(531) 5.7.21; A25.1.10
(591) Xanh lá cây, đỏ, vàng, trắng
(731) HỢP TÁC XÃ CÂY ĂN TRÁI XOÀI CHÂU NGHỆ (VN)
ấp Dừa Đỏ 3, xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Quả tươi, quả xoài.

---

(111) **4-0094577**
(210) 4-2005-16516
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

JUVEVER

(151) 15.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182- 182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

(111) **4-0094578**
(210) 4-2005-16517
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 06.12.2005

(531) 1.17.11; A1.5.3; 3.9.1; 1.15.24
(591) Trắng, xanh da trời, đỏ, xanh dương
(731) CƠ SỞ NƯỚC MẮM PHONG HOÀNG (VN)
Khu phố 1, phường Đông Hải, thị xã Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0094579**
(210) 4-2005-16767
(181) 09.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KINGROY

(151) 15.01.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VIỆT D.E.L.T.A (VN)
20/5 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 08: Kìm; tuốc nơ vít; mỏ lết; cờ lê vặn đai ốc; chìa khóa vặn đai ốc; khóa tuýp dùng tháo lắp đai ốc; bơm mỡ (bơm dùng bơm dầu mỡ cho động cơ); vam cảo dùng để mở vòng bi (dụng cụ dùng mở vòng bi); con đội (kích nâng); kéo cắt kim loại; khóa vòng dùng mở đai ốc.

Nhóm 09: Thước kéo cuộn; thước lá; thước góc; thước dây; thước thủy bình (dùng cho thợ nề); thước cặp.

---

(111) **4-0094580**
(210) 4-2005-16777
(181) 09.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Otô San Café

(151) 15.01.2008
(220) 09.12.2005

(531) 25.1.25
(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ THANH LOAN (VN)
Số 57B đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Quán phục vụ ăn uống; quán giải khát; quán cà phê.

---

(111) **4-0094581**
(210) 4-2006-03251
(181) 09.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 09.03.2006

(531) 24.17.15
(591) Xanh, đỏ, da cam, vàng, xanh nõn chuối, xanh lá cây, trắng
(731) KOREAN OVERSEAS INFORMATION SERVICE (KOREAN GOVERNMENT) (KR)
82-1, Sejong-ro, Jongro-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo qua những bài viết đã xuất bản; dịch vụ trưng bày mẫu vật nhằm mục đích quảng cáo hoặc xúc tiến bán hàng; lập kế hoạch quảng cáo; dịch vụ hãng quảng cáo; dịch vụ sắp xếp các mục quảng cáo; dịch vụ phổ biến các vật phẩm quảng cáo; dịch vụ xuất bản những bài quảng cáo; dịch vụ sắp xếp, chuẩn bị quảng cáo; dịch vụ cho thuê tư liệu quảng cáo; dịch vụ cập nhật tư liệu quảng cáo; cho thuê không gian quảng cáo; cho thuê bảng thông tin thương mại (cho thuê bảng có ghi các thông tin thương mại); dịch vụ quảng cáo cho liên hiệp công ty; quảng cáo trên đài phát thanh; dịch vụ dán áp phích quảng cáo; tổ chức hội chợ thương mại nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; dịch vụ phân phát hàng mẫu (nhằm mục đích quảng cáo); dịch vụ quảng cáo phim; quảng cáo ngoài trời; quảng cáo bằng thư gửi trực tiếp; quảng cáo qua thư đặt hàng; quảng cáo trên Internet thông qua mạng máy vi tính; quảng cáo trên vô tuyến truyền hình; cho thuê thời gian quảng cáo trên các phương tiện truyền thông; dịch vụ xúc tiến bán hàng; tư vấn tổ chức và điều hành kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ điều hành kinh doanh; dịch vụ thông tin kinh doanh; dịch vụ lọc tin (chọn lọc thông tin thương mại); dịch vụ phân tích giá; dịch vụ tư vấn quản lý kinh doanh; dịch vụ nghiên cứu kinh doanh; dịch vụ điều tra, đánh giá trong kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ quản lý trong thương mại hoặc công nghiệp; dịch vụ hãng thông tin thương mại; dịch vụ nghiên cứu tiếp thị; dịch vụ thăm dò dư luận; dịch vụ tư vấn quản lý nhân sự, dịch vụ cung cấp dữ liệu kinh doanh; dịch vụ nghiên cứu dữ liệu kinh doanh (vì lợi ích của người khác); dịch vụ xử lý dữ liệu kinh doanh (vì lợi ích của người khác); dịch vụ biên tập thông tin để nhập vào dữ liệu của máy tính; dịch vụ hệ thống hoá thông tin để nhập vào dữ liệu của máy tính; dịch vụ nghiên cứu dữ liệu trong tập tin máy tính (vì lợi ích của người khác); dịch vụ quản lý tài liệu đã được lưu trữ trong máy tính; dịch vụ thông tin thống kê; dịch vụ bán đấu giá; dịch vụ do hãng xuất nhập khẩu tiến hành; dịch vụ điều hành kinh doanh của trạm xăng; dịch vụ đại lý bán hàng; dịch vụ sắp xếp cho bán hàng; dịch vụ dự báo kinh tế, dịch vụ thu mua hàng hoá cho người khác (đặt mua hàng hoá, dịch vụ cho các doanh nghiệp khác); dịch vụ cung cấp thông tin về việc làm và việc làm phụ; dịch vụ cơ cấu lại doanh nghiệp; dịch vụ tiếp thị; dịch vụ đánh giá len; dịch vụ ghi chép; dịch vụ xây dựng bảng tiền lương; dịch vụ trả lời

điện thoại (khi chủ thuê bao vắng mặt); dịch vụ thư ký; dịch vụ cho thuê máy và thiết bị văn phòng thuộc nhóm này; dịch vụ cho thuê máy photocopy; dịch vụ đánh giá gỗ chưa đẵn (đánh giá cây gỗ chưa lớn); dịch vụ giới thiệu hàng hoá; dịch vụ sao chép tài liệu; dịch vụ tốc ký; dịch vụ trang trí cửa sổ cửa hàng (để bán hàng); dịch vụ đặt mua báo (cho người khác); dịch vụ quản lý kinh doanh hoạt động biểu diễn của nghệ sỹ; dịch vụ xử lý văn bản; dịch vụ cho thuê máy bán hàng tự động; dịch vụ tổ chức lao động nhằm đạt hiệu suất cao; dịch vụ sao chụp; dịch vụ do hãng tuyển dụng lao động tiến hành; dịch vụ tuyển dụng nhân sự, dịch vụ xây dựng biểu đồ (cho mục đích quản lý nhân sự); dịch vụ sát hạch về mặt sức khoẻ, tâm lý nhằm cho mục đích tuyển dụng nhân sự, dịch vụ định vị trí xe chở hàng bằng máy vi tính; dịch vụ đánh máy.

---

(111) **4-0094582**
(210) 4-2005-03598
(181) 04.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 04.04.2005

(531) 26.3.1
(591) Đỏ tươi, xanh tím than, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG BÁCH KHOA HÀ NỘI (BACH KHOA HA NOI TELECOMMUNICATIONS JOINT STOCK COMPANY) (VN)
Số 523, đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy và máy công cụ; động cơ (không kể động cơ dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); các bộ phận ghép nối và truyền động (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ).

Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, nhiếp ảnh, quang học, cân đo, báo hiệu, kiểm tra cấp cứu và giảng dạy; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ liệu từ tính, đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền, máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; thiết bị dập lửa.

Nhóm 38: Viễn thông.

Nhóm 42: Các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy vi tính.

---

(111) **4-0094583**
(210) 4-2005-03711
(181) 06.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 06.04.2005

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, xanh, trắng
(731) MIDDLE EAST TOBACCO INC (VG)
3rd floor, Geneva Place, Waterfront Drive, Road Town, Tortola, British Virgin Island
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0094584**
(210) 4-2005-09487
(181) 29.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Cremiss

(151) 15.01.2008
(220) 29.07.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0094585**
(210) 4-2005-16448
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 06.12.2005

(531) 26.4.1; 26.4.10; A26.1.18
(731) FOSTER'S AUSTRALIA LIMITED (AU)
77 Southbank Boulevard, Southbank, Victoria, 3006, Australia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 32: Bia.

---

(111) **4-0094586**
(210) 4-2005-16874
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FIORDOL

(151) 15.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) PHẠM ĐỨC TIẾN (VN)
178/4/10A Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc dùng ngoài da.

---

(111) **4-0094587**
(210) 4-2006-12750
(181) 07.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Hoang dat

(151) 15.01.2008
(220) 07.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG ĐẠT (VN)
Số 85 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại; cáp kim loại không dùng để dẫn điện; dây treo bằng kim loại để chuyển hàng nặng; tôn lá thép; hợp kim thép; phao tiêu neo cố định bằng kim loại; cột bằng kim loại; khung cửa bằng kim loại dùng cho xây dựng; cửa bằng kim loại dùng cho xây dựng; khung kim loại dùng cho xây dựng có thể vận chuyển được.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; đá dùng cho xây dựng; kính xây dựng không bằng kim loại; nhà kính không bằng kim loại có thể vận chuyển được; cửa không bằng kim loại dùng cho xây dựng; khung cửa không bằng kim loại dùng cho xây dựng; tấm lợp nhà không bằng kim loại; vách ngăn không bằng kim loại; gỗ bán gia công dùng cho xây dựng; vữa xây dựng.

Nhóm 35: Bán đấu giá; thông tin về thương mại; giới thiệu sản phẩm; xuất nhập khẩu; kế toán; kiểm toán; hỗ trợ điều hành kinh doanh; cho thuê không gian quảng cáo; tổ chức hội chợ nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; siêu thị.

Nhóm 36: Hoạt động ngân hàng; cho thuê tài sản cố định; định giá bất động sản; môi giới bất động sản; định giá đồ cổ; đánh giá thuế; định giá đồ trang sức; bảo trợ tài chính; cho thuê văn phòng; cho thuê căn hộ.

Nhóm 37: Xây dựng; cho thuê máy xây dựng; khai thác đá; đóng tầu; giám sát công trình xây dựng; lắp đặt sửa chữa kho hàng; lắp đặt và sửa chữa thiết bị điều hoà không khí; bảo dưỡng động cơ máy móc; bảo dưỡng ô tô xe máy; bảo dưỡng tầu.

Nhóm 39: Vận tải bằng tàu thuỷ; vận tải bằng ô tô; bao gói hàng hoá; kho hàng hoá; chở hàng bằng xe tải; vận chuyển hàng hải; vận chuyển hành khách; dịch vụ vận tải du lịch bằng du thuyền; du lịch; lữ hành du lịch.

Nhóm 41: Giáo dục đào tạo; tổ chức và điều khiển hội nghị hội thảo; dịch vụ câu lạc bộ giải trí; tổ chức các cuộc thi thể thao; công viên vui chơi giải trí; dịch vụ sòng bạc; tổ chức khiêu vũ; dịch vụ bể bơi nhằm mục đích thể thao vui chơi giải trí; tổ chức các buổi trình diễn ca nhạc; tổ chức hội thảo về chuyên đề thể thao giáo dục và vui chơi giải trí.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; tư vấn thiết kế; kiểm định (đo lường); tư vấn nghiên cứu các dự án kỹ thuật; tư vấn về các hệ thống quản lý chất lượng; tư vấn về hệ thống quản lý môi trường; phân tích khai thác mỏ; nghiên cứu địa chất; nghiên cứu dự án kỹ thuật; tư vấn và chuyển giao công nghệ.

Nhóm 43: Nhà trọ; cho thuê chỗ ở tạm thời; quán cà phê tự phục vụ; căng tin; nhà nghỉ (du lịch); quán ăn tự phục vụ; quán rượu nhỏ; nhà hàng ăn uống; cho thuê phòng họp; dịch vụ đặt chỗ tạm trú.

---

(111) **4-0094588**
(210) 4-2005-04602
(181) 22.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

YUKO

(151) 15.01.2008
(220) 22.04.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT CÁT TƯỜNG (VN)
47 Phạm Viết Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố; máy giặt; máy hút bụi; máy bơm nước; máy ép trái cây.

Nhóm 09: Bàn ủi (bàn là) dùng điện; ti vi; đầu máy; loa; karaoke; cat set.

Nhóm 11: Máy pha cà phê; tủ lạnh; tủ đông; thiết bị vệ sinh; bình nước nóng lạnh (để uống) dùng điện hoặc dùng gas; máy nước nóng dùng điện hoặc dùng gas.

---

(111) **4-0094589**
(210) 4-2005-04675
(181) 25.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 25.04.2005

(591) Trắng, vàng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIÊN DOANH HỌC LIỆU GIÁO DỤC (VN)
Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Tập (vở) học sinh (được sản xuất từ giấy thành phẩm).

---

(111) **4-0094590**
(210) 4-2005-05878
(181) 20.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 20.05.2005

(531) 26.1.1; A5.13.10; 5.9.21
(591) Vàng đồng, xanh lá cây, đỏ, nâu đậm, trắng, đen
(731) PT INDO ABADI SARIMAKMUR (ID)
JL. Raya Bibis No. 5A-7A, Surabaya, Indonesia
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc cao dán.

---

(111) **4-0094591**
(210) 4-2005-16066
(181) 29.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 29.11.2005

(531) A1.1.10
(731) NGUYỄN NGỌC CÔNG (VN)
Số 11/159, phố Pháo Đài Láng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Chất để tẩy rửa.

---

(111) **4-0094592**
(210) 4-2005-12475
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KETOGESIC

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) PT DEXA MEDICA., (ID)
JI.RS Fatmawati Kav.33, Jakarta Selatan 12430, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094593**
(210) 4-2005-12476
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SCACONTROL

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y Tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094594**
(210) 4-2005-12477
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIVTONIC

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y Tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094595**
(210) 4-2005-13252
(181) 10.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GIAHAL

(151) 15.01.2008
(220) 10.10.2005

(731) CƠ SỞ GIANG TẤN TRUNG (VN)
197/96 i Nguyễn Kim, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Đầu máy đọc đĩa kỹ thuật số, máy tăng âm (ampli); loa; đầu máy hát karaoke.

---

(111) **4-0094596**
(210) 4-2005-14010
(181) 21.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SL
SON LAM COMPANY

(151) 15.01.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.3.1; A26.11.13; A5.3.15
(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH SƠN LÂM (VN)
Số 4 - 4A, tầng 3, toà nhà quốc tế, số 17 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Tổ chức hoạt động biểu diễn nghệ thuật, hoạt động điện ảnh, phát thanh, truyền hình, các hoạt động văn hoá, dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị, lễ hội, dịch vụ vui chơi, giải trí cho trẻ em; cho thuê máy móc thiết bị phục vụ ngành văn hoá, nghệ thuật, giáo dục.

---

(111) **4-0094597**
(210) 4-2005-15818
(181) 23.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 23.11.2005

(531) A5.3.14; 25.5.1
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây, vàng kem
(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ PHÚ YÊN - PYMEPHARCO (VN)
166-170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094598**
(210) 4-2005-16607
(181) 08.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KHANHSINH TRAVEL

(151) 15.01.2008
(220) 08.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC TẾ KHÁNH SINH (VN)
Miêu Nha, xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành.

---

(111) **4-0094599**
(210) 4-2005-17829
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CHÍNH LONG

(151) 15.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI PHÚ (VN)
Số nhà 241, đại lộ Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh đậu xanh và bột đậu xanh.

---

(111) **4-0094600**
(210) 4-2007-09962
(181) 31.05.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

ETECH

(151) 15.01.2008
(220) 31.05.2007

(531) 26.1.1; 26.11.3; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh lục, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG - TRUYỀN HÌNH (ETECH) (VN)
Số 6B, tổ 5, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy và thiết bị thu phát phát thanh truyền hình.

Nhóm 35: Buôn bán các thiết bị thu phát phát thanh truyền hình.

---

(111) **4-0094601**
(210) 4-2006-03314
(181) 10.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MICROWEB

(151) 15.01.2008
(220) 10.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH SỨC MẠNH ĐỒ HOẠ (POWERGRAPH CO.,LTD) (VN)
Biệt thự số 02 (G4) - Villa II khu The Manor, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo trực tuyến qua mạng intemet; hệ thống hoá thông tin về các sản phẩm thành cơ sở dữ liệu trên máy tính có thể truy cập từ xa qua mạng intemet; dịch vụ thương mại điện tử (cụ thể gồm: bán hàng qua mạng internet; hỗ trợ khách hàng qua mạng internet; và quản lý cơ sở dữ liệu khách hàng qua mạng internet).

Nhóm 42: Tư vấn, thiết kế và bảo trì trang web cho bên thứ ba; tư vấn và thiết kế kiểu dáng công nghiệp.

---

(111) **4-0094602**
(210) 4-2006-03315
(181) 10.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 10.03.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh tím than, xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SỨC MẠNH ĐỒ HOẠ (POWERGRAPH CO.,LTD) (VN)
Biệt thự số 02 (G4) - Villa II khu The Manor, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo trực tuyến qua mạng internet; hệ thống hoá thông tin về các sản phẩm thành cơ sở dữ liệu trên máy tính có thể truy cập từ xa qua mạng internet; dịch vụ thương mại điện tử (cụ thể gồm: bán hàng qua mạng internet; hỗ trợ khách hàng qua mạng internet; và quản lý cơ sở dữ liệu khách hàng qua mạng internet).

Nhóm 42: Tư vấn, thiết kế và bảo trì trang web cho bên thứ ba; tư vấn và thiết kế kiểu dáng công nghiệp.

---

(111) **4-0094603**
(210) 4-2006-17216
(181) 13.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 13.10.2006

(531) 25.1.25
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG ĐA DIỆN (VN)
165 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

(511) Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tư vấn giám sát và thi công xây dựng.

Nhóm 42: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế nội ngoại thất công trình, thiết kế kết cấu công trình công nghiệp và dân dụng, thẩm tra thiết kế.

---

(111) **4-0094604**
(210) 4-2005-08305
(181) 06.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 06.07.2005

(531) A26.11.12
(591) Đỏ, xanh dương, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI THUẬN (VN)
42 Củ Chi, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa; dịch vụ thương mại tổng hợp (phân phối và bán lẻ).

---

(111) **4-0094605**
(210) 4-2005-16785
(181) 09.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 09.12.2005

(531) 2.9.14; A5.11.13; 26.1.2
(591) Trắng, xanh, vàng, đỏ, đen
(731) NGUYỄN QUANG THANH (VN)
Lô 06 + 07, khu B1.10, khu dân cư An Hoà, An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Cháo dinh dưỡng.

---

(111) **4-0094606**
(210) 4-2006-12180
(181) 31.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KEIRIN

(151) 15.01.2008
(220) 31.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂN HOÀNG MINH (VN)
Xóm Thanh Đồng, thôn Trường Lâm, phường Việt Hùng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp ga, lò vi sóng, bếp cảm ứng, điều hoà nhiệt độ, thiết bị khử mùi và hút khói, nồi cơm điện.

---

(111) **4-0094607**
(210) 4-2005-06733
(181) 07.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 07.06.2005

(531) 26.3.1; A26.11.9
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀN MỸ (VN)
15 Mai thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Gạo; ngô; bột mì; bột ngũ cốc.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; cho thuê xe; cho thuê kho hàng; dịch vụ vận tải hàng hoá; bãi đỗ xe; xếp dỡ hàng hoá.

---

(111) **4-0094608**
(210) 4-2005-06734
(181) 07.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 07.06.2005

(531) 26.3.1; A26.11.9
(591) Đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ CƯỜNG PHÁT PHÁT (VN)
F9/36E khu phố 7, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Thịt bò khô ăn liền (khô bò); mực sấy khô ăn liền (khô mực); thịt heo khô ăn liền (khô heo).

Nhóm 31: Hoa quả tươi (trái cây tươi).

---

(111) **4-0094609**
(210) 4-2005-08903
(181) 19.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

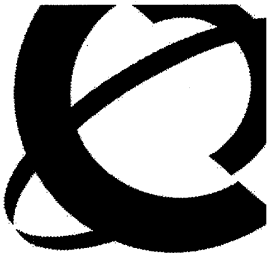

(151) 15.01.2008
(220) 19.07.2005

(531) A24.15.13; A26.11.12
(731) NORTEL NETWORKS LIMITED (CA) 2351 Boulevard Alfred-Nobel, St. Laurent, Quebec H4S 2A9, Canada
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Điện thoại; thiết bị viễn thông, thiết bị hoặc hệ thống mạng dữ liệu và máy tính, cụ thể là bộ chuyển mạch điện thoại, thiết bị liên lạc không dây (điện thoại di động, bộ chuyển mạch điện thoại di động, trạm gốc, máy phát, máy thu phát, máy thu, bộ lặp, bộ dồn kênh, bộ điều khiển, anten, vệ tinh, thiết bị truyền và gửi thông tin bằng sóng vô tuyến cực ngắn bao gồm bộ lặp và bộ phục hồi thông tin và bộ xử lý thu/phát kỹ thuật số), thiết bị truyền, cụ thể là cáp đồng và cáp sợi quang, bộ truyền phát, bộ thu phát, bộ thu, bộ lặp, bộ dồn kênh, thiết bị điện thoại qua mạng máy tính toàn cầu có bộ xử lý kỹ thuật số (bộ định tuyến, cầu nối, bộ kết nối trung tâm, bộ chuyển mạch Ethernet, thẻ máy tính sử dụng mạng Ethernet và máy chủ), phần mềm quản lý mạng cho mạng dữ liệu và giọng nói, thiết bị truyền tải sợi quang cho kết nối băng thông rộng sử dụng sự dồn kênh theo đường phân chia sóng photon (mặt phân cách mạng quang học, thiết bị đầu cuối có thể lập trình, bộ kết nối giao nhau và đường nối dữ liệu sợi quang), và phần mềm máy tính ứng dụng và điều hành cho tất cả các sản phẩm kể trên; thiết bị và dụng cụ để dẫn, chuyển mạch, biến đổi, tích, điều chỉnh hoặc điều khiển năng lượng điện; thiết bị ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính; đĩa ghi; thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính.

Nhóm 16: Ấn phẩm; sách học, sách nhỏ và tờ dữ liệu; tài liệu quảng cáo; văn phòng phẩm; giấy; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy và tài liệu kèm theo (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); chất dẻo để bao gói (không được xếp ở những nhóm khác); chữ in; bản in đúc (clisê).

Nhóm 35: Dịch vụ phân phối mạng dữ liệu và viễn thông bao gồm bán, bán lẻ, bán buôn, nhập khẩu, xuất khẩu máy móc và thiết bị viễn thông; điều hành hoạt động kinh doanh điện thoại, thiết bị viễn thông và mạng dữ liệu.

Nhóm 37: Thiết kế kỹ thuật, lắp đặt, sửa chữa và bảo trì thiết bị viễn thông; dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa và biến đổi hệ thống cho mạng dữ liệu và viễn thông; dịch vụ cung cấp thông tin liên quan tới các dịch vụ kể trên.

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông, bao gồm cả điện thoại, fax, dịch vụ truyền dữ liệu và mạng; thuê và cho thuê mạng, hệ thống hoặc thiết bị thông tin liên lạc; dịch vụ cung cấp thông tin liên quan tới các dịch vụ kể trên.

Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo về mạng dữ liệu và viễn thông; dịch vụ cung cấp thông tin liên quan tới các dịch vụ kể trên; giáo dục; đào tạo.

Nhóm 42: Dịch vụ khoa học, nghiên cứu và thiết kế liên quan tới viễn thông; dịch vụ phân tích, nghiên cứu, ứng dụng, giám sát và thông tin về kỹ thuật liên quan tới viễn thông; dịch vụ thiết kế, kỹ sư và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính liên quan tới viễn thông; các dịch vụ khoa học và công nghệ và nghiên cứu, thiết kế có liên quan đến chúng; các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp.

---

(111) **4-0094610**
(210) 4-2005-11304
(181) 01.09.2015
(300) 78/583,951 09.03.2005 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

BROADEST BRAND IN BANDWIDTH

(151) 15.01.2008
(220) 01.09.2005

(731) BELDEN TECHNOLOGIES, INC (US)
7701 Forsyth Boulevard, Suite 800 St. Louis, Missouri U.S.A. 63105
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Dây điện, dây cáp, hệ thống cáp gồm có cáp và bộ nối, và các bộ phận và linh kiện của hệ thống cáp, dùng trong việc dẫn truyền âm thanh, dữ liệu, viđêô và điều khiển.

---

(111) **4-0094611**
(210) 4-2005-14280
(181) 26.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BLACK DOT

(151) 15.01.2008
(220) 26.10.2005

(531) 26.1.1; 26.2.7
(731) PACIFIC TRAIL CORPORATION (US)
14375 NW Science Park Drive, Portland, Oregon 97229, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là áo jacket, quần đùi, quần soóc, áo phông, áo len dài tay, áo sợi đan chui đầu dùng cho vận động viên, tất ngắn cổ, găng tay (trang phục), mũ và đồ đi chân; trang phục trượt tuyết, trang phục đi mưa và trang phục khoác ngoài; quần áo lót.

---

(111) **4-0094612**
(210) 4-2005-08792
(181) 15.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 15.07.2005

(531) 7.1.5; 26.5.1; A5.1.5; A11.3.4
(591) Vàng, vàng nhạt, đen, trắng, da cam, đỏ, xanh lá cây, nâu
(731) CÔNG TY TNHH Y - DƯỢC VIỆT - HÀN (VN)
Thôn 5, xã Xuân Quan, huyện Vân Giang, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094613**
(210) 4-2005-12478
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLUTEX

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y Tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094614**
(210) 4-2005-12479
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLUBALANCE

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y Tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094615**
(210) 4-2005-12481
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DIACONTROL

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y Tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094616**
(210) 4-2005-12484
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEPHALEXIN-COPHA

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094617**
(210) 4-2005-12485
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINAFLAM

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094618**
(210) 4-2005-12486
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

COPHAFLAM

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094619**
(210) 4-2005-12491
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ACIFA

(151) 15.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÔN TRANG (VN)
236/17/6 Thái Phiên, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0094620**
(210) 4-2005-14275
(181) 26.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PROHEART

(151) 15.01.2008
(220) 26.10.2005

(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm thú y và chế phẩm thú y dùng để trừ giun sán cho thú nuôi và vật nuôi cùng đôi.

(111) **4-0094621**
(210) 4-2005-16374
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KINOX

(151) 15.01.2008
(220) 05.12.2005

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TM-DV HẢI YẾN (VN)
65 Nguyễn Công Trứ, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Tủ nấu cơm công nghiệp, bếp sử dụng gas (các loại), bếp sử dụng điện(các loại), bếp sử dụng than tự nhiên (các loại), lò nướng.

---

(111) **4-0094622**
(210) 4-2005-17498
(181) 22.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MITAWACHI

(151) 15.01.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI V.C.L (VN)
584 Lê Đức Thọ, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, bếp điện.

---

(111) **4-0094623**
(210) 4-2005-14755
(181) 04.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TAF
Media & Event Co.,Ltd

(151) 15.01.2008
(220) 04.11.2005

(531) 26.11.3
(731) CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ SỰ KIỆN T.A.F (VN)
D6, phòng 108 khu tập thể Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị; tổ chức các cuộc thi sắc đẹp; tiếp đãi và vui chơi giải trí; sản xuất phim; biểu diễn sân khấu sống; đào tạo.

---

(111) **4-0094624**
(210) 4-2005-16254
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LACDIGENTA

(151) 15.01.2008
(220) 01.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC DĨ (LACDI PHARMA CO. LTD) (VN)
1/10 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094625**
(210) 4-2005-16255
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LACDIDICLO

(151) 15.01.2008
(220) 01.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC DĨ (LACDI PHARMA CO. LTD) (VN)
1/10 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094626**
(210) 4-2005-16256
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LACDIDEXA

(151) 15.01.2008
(220) 01.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC DĨ (LACDI PHARMA CO. LTD) (VN)
1/10 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094627**
(210) 4-2005-16646
(181) 08.12.2015
(300) 78/657,688 24.06.2005 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 08.12.2005

(731) GENERAL ELECTRIC COMPANY (US)
1 River Road, Schenectady, New York 12345, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược và sản phẩm dược, chế phẩm thú y và thuốc thú y; tác nhân chẩn đoán, chế phẩm chẩn đoán và chất chẩn đoán dùng cho mục đích y tế, chất phản quang để tạo hình ảnh trong y tế; tác nhân quét chẩn đoán sử dụng trong cơ thể (in vivo); tác nhân hình ảnh chẩn đoán dùng cho máy cộng hưởng từ (MRI); thuốc có phóng xạ dùng để chẩn đoán bệnh; chất phóng xạ dùng trong y học hạt nhân; chế phẩm dược phóng xạ và chất phản ứng cản tia phóng xạ dùng để sản xuất thuốc có phóng xạ được sử dụng để chẩn đoán hoặc điều trị bệnh trong cơ thể (in vivo); hỗn hợp khí và hỗn hợp các loại khí dùng trong chẩn đoán hình ảnh y tế; hỗn hợp hoá học dùng để ngăn cản sự nhiễm bẩn hệ thống nước lạnh do nhuyễn thể và vi sinh vật dùng trong ngành y; chất diệt khuẩn, chất diệt nấm, và chất diệt tảo dùng để xử lý hệ thống nước được sử dụng trong việc điều chế bột giấy, giấy và các sản phẩm giấy làm từ gỗ; hợp chất để hạn chế vi khuẩn, nấm và tảo.

---

(111) **4-0094628**
(210) 4-2005-16886
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) ISEKI & CO., LTD (JP)
700 Umaki-cho, Matsuyama-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe chuyên dụng; xe chuyên dụng dùng cho mục đích chở hàng; xe chuyên dụng sử dụng trong nông nghiệp, làm vườn và các hoạt động ngoài trời khác; xe tải; xe tải sử dụng trong nông nghiệp; xe tải dùng cho nhiều mục đích; xe rơ moóc; mô tơ và động cơ dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; bộ phận nối ghép và truyền động cho phương tiện giao thông trên bộ; cấu kiện hợp thành của xe tải, xe rơ moóc và phương tiện giao thông trên bộ khác, cụ thể là cụm truyền động, khớp ly hợp, trục dẫn động, bộ vi sai, trục xe, cụm lái truyền động, nhíp xe, ổ trục bánh xe và phanh xe; thùng chở hàng dùng cho xe tải, xe rơ moóc và phương tiện giao thông trên bộ khác.

---

(111) **4-0094629**
(210) 4-2005-17058
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

XHL-KIT

(151) 15.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094630**
(210) 4-2005-17480
(181) 22.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEUTROFIL

(151) 15.01.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094631**
(210) 4-2005-16244
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CADISULID

(151) 15.01.2008
(220) 01.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094632**
(210) 4-2005-16294
(181) 02.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BIMECTIL

(151) 15.01.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-SẢN XUẤT PHƯỚC HƯNG (VN)
D16/8D Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ; thuốc diệt động vật có hại.

---

(111) **4-0094633**
(210) 4-2005-16395
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 05.12.2005

(531) 26.4.2
(591) Xanh, trắng
(731) CỬA HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ HOÀNG THÀNH (VN)
411 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Đồ điện dân dụng cụ thể là đèn trang trí nội thất.

---

(111) **4-0094634**
(210) 4-2005-16429
(181) 05.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CADIGESIC Dextro

(151) 15.01.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094635**
(210) 4-2005-16795
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZYDUSATORVA

(151) 15.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
'Zydus Tower', Satellite Cross Road, Ahmedabad 380015, India
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094636**
(210) 4-2005-16796
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

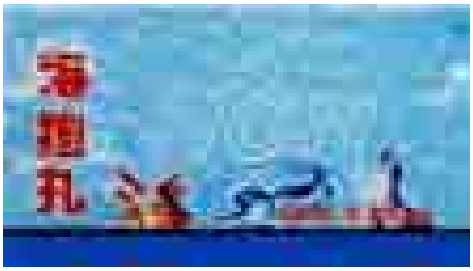

(151) 15.01.2008
(220) 12.12.2005

(531)
(591) Xanh nước biển, xanh tím, nâu, vàng, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC THIÊN HƯNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN (VN)
59/1D Phạm Văn Chiêu, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học dân tộc.

---

(111) **4-0094637**
(210) 4-2005-16797
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.4; 26.4.1
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HỒNG LONG BẢO (VN)
135 Cách Mạng Tháng Tám, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng kim khí điện máy; mua bán xe gắn máy và linh kiện phụ tùng của chúng; mua bán: thiết bị điện-điện tử-điện lạnh, điện thoại và linh kiện của chúng;

mua bán: tổng đài điện thoại, thiết bị viễn thông, thiết bị văn phòng; mua bán: hàng may mặc, vải sợi; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0094638**
(210) 4-2005-16799
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.4
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, ghi xám, xanh cổ vịt
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VÀ THƯƠNG MẠI LỌ LEM (VN)
39 Nguyễn Bá Tòng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm; mua bán: tượng, đồ gỗ mỹ nghệ, đồ gốm sứ mỹ nghệ; mua bán vật tư và thiết bị ngành quảng cáo; mua bán điện thoại các loại và thiết bị viễn thông; xúc tiến thương mại; tổ chức hội chợ triển lãm; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu.

---

(111) **4-0094639**
(210) 4-2005-17001
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 14.12.2005

(531) A26.11.12; 1.15.15; A5.3.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TINH HOA CHÂU Á (VN)
Phòng 101, nhà C1 khu tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy tính; thiết bị ngoại vi dùng cho máy tính; đĩa ghi; phần mềm máy tính; chương trình máy tính.

---

(111) **4-0094640**
(210) 4-2005-17828
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VÀNG LONG

(151) 15.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI PHÚ (VN)
Số nhà 241, đại lộ Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh đậu xanh và bột đậu xanh.

---

(111) **4-0094641**
(210) 4-2006-03313
(181) 10.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 10.03.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23; 18.1.21
(591) Đen, đen nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SỨC MẠNH ĐỒ HỌA (POWERGRAPH CO.,LTD.) (VN)
Biệt thự số 02 (G4) - Villa II khu The Manor, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Tổ chức trưng bày, triển lãm, giới thiệu xe ô tô vì mục đích văn hoá.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094642**
(210) 4-2006-19064
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LYTH PHARMA

(151) 15.01.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC (VN)
15 đường số 03, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm; mua bán thành phẩm thuốc sinh học, vắc xin; mua bán dụng cụ y tế; mua bán trang thiết bị y tế; mua bán mỹ phẩm.

---

(111) **4-0094643**
(210) 4-2006-19065
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

East & West Magazine

(151) 15.01.2008
(220) 07.11.2006

(531) 24.17.25
(731) EAST & WEST MAGAZINE LTD (LL05546) (MY)
Level 6(D), Main Office Tower, Financial Park, P.O. Box 80887, 87018 Labuan, F.T. Labuan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ xuất bản sách; dịch vụ xuất bản sách điện tử, báo trực tuyến.

---

(111) **4-0094644**
(210) 4-2005-07005
(181) 13.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DONGSON furniture

(151) 15.01.2008
(220) 13.06.2005

(531) 7.15.8
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC ATC (VN)
Số 4, tổ 11, cụm 2, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Gỗ bán thành phẩm, cụ thể như xà gỗ; ván gỗ; ván gỗ ghép; gỗ dán (tất cả các sản phẩm này là vật liệu xây dựng).

---

(111) **4-0094645**
(210) 4-2005-08185
(181) 05.07.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MOUNTAIN HARD WEAR

(151) 15.01.2008
(220) 05.07.2005

(531) 14.3.1
(731) MOUNTAIN HARDWEAR, INC. (a Utah corporation) (US)
14375 NW Science Park Drive, Portland, Oregon 97229, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi đựng đồ thể thao và đựng đồ chơi thể thao, ba lô, túi vải buộc dây để mang đồ cắm trại hay thể thao.

---

(111) **4-0094646**
(210) 4-2005-14218
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PARKWAY

(151) 15.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) PARKWAY HOLDINGS LIMITED (SG)
No. 1 Grange Road, #11-01 Orchard Building, Singapore 239693
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ bệnh viện; dịch vụ y tế; dịch vụ lâm sàng y học; dịch vụ cận lâm sàng y học; dịch vụ chăm sóc sức khoẻ; dịch vụ tư vấn về y tế; dịch vụ điều dưỡng; dịch vụ chụp phim X-quang phục vụ mục đích điều trị; dịch vụ cung cấp trang thiết bị y tế; dịch vụ cố vấn và tư vấn liên quan đến tất cả các dịch vụ nói trên.

---

(111) **4-0094647**
(210) 4-2006-12689
(181) 04.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MORYSTALE

(151) 15.01.2008
(220) 04.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094648**
(210) 4-2005-04775
(181) 26.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BLACK & MILD

(151) 15.01.2008
(220) 26.04.2005

(731) JMTM, INC. (US)
1105 North Market Street, Suite 1028, Wilmington, DE 19899, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Xì gà.

---

(111) **4-0094649**
(210) 4-2005-07330
(181) 20.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KALFLAM

(151) 15.01.2008
(220) 20.06.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House - 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094650**
(210) 4-2006-12688
(181) 04.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 04.08.2006

(531) 4.3.3; A26.11.13
(591) Xanh nước biển, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG (VN)
Số 273 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Môi giới chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; kinh doanh chứng khoán.

---

(111) **4-0094651**
(210) 4-2006-20933
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HAVIKEN

(151) 15.01.2008
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TÂY ĐÔ (VN)
135 đường Trường Chinh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

(511) Nhóm 32: Bia, đồ uống không cồn, nước ép hoa quả, nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094652**
(210) 4-2005-05794
(181) 19.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEO-PENOTRAN

(151) 15.01.2008
(220) 19.05.2005

(731) EMBIL ILAC SANAYI LIMITED SIRKETI (TR)
Bomonti, Silahsor Caddesi Erdemler 1p Merkezi No. 73 Kat. 6 .K. 22 Sisli Istanbul, Turkey
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094653**
(210) 4-2006-09194
(181) 14.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NITROBOOST KIX

(151) 15.01.2008
(220) 14.06.2006

(731) THE DOW CHEMICAL COMPANY (US)
Midland, Michigan 48674, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Chất phụ gia hoá học để xử lý nhiên liệu.

---

(111) **4-0094654**
(210) 4-2006-09196
(181) 14.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 14.06.2006

(531) 26.1.2; 26.3.23
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU YÊN BÁI (VN)
101 phố Phúc Xuân, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu gỗ, các sản phẩm làm từ gỗ như đũa gỗ, ván công nghiệp các loại, hàng mộc, cửa gỗ công nghiệp, giấy đế, giấy vàng mã.

---

(111) **4-0094655**
(210) 4-2006-18626
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAPINFO

(151) 15.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) MAPINFO CORPORATION (US)
One Global View, Troy, New York 12180, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính ứng dụng dùng để khai thác, quản lý, sử dụng, phân tích và đưa ra dữ liệu nhân khẩu học và thông tin về bản đồ.

Nhóm 42: Dịch vụ máy vi tính, cụ thể là dịch vụ nhà cung cấp dịch vụ ứng dụng quản lý kiến thức chuyên cung cấp các phần mềm ứng dụng máy tính để tập hợp, truy xuất, truyền và chia sẻ thông tin về nhân khẩu học và thông tin liên quan tới vị trí địa lý từ nhiều nguồn cơ sở dữ liệu trên các mạng thông tin riêng hoặc mạng thông tin toàn cầu.

---

(111) **4-0094656**
(210) 4-2006-18628
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

STREETPRO

(151) 15.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) MAPINFO CORPORATION (US)
One Global View, Troy, New York 12180, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính ứng dụng dùng để khai thác, quản lý, sử dụng, phân tích và đưa ra dữ liệu nhân khẩu học và thông tin về bản đồ.

---

(111) **4-0094657**
(210) 4-2006-18629
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

IKESTRO

(151) 15.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, 08933 U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0094658**
(210) 4-2006-18720
(181) 02.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 15.01.2008
(220) 02.11.2006

(531) 24.15.1; 26.1.2
(591) Xanh da trời, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH VÀ THỂ THAO VIỆT NAM (VN)
Số 6 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Tổ chức du lịch; điều hành du lịch; hướng dẫn khách du lịch.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094659**
(210) 4-2006-18721
(181) 02.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Grouper

(151) 15.01.2008
(220) 02.11.2006

(531) 3.7.17; 26.11.3; A26.11.8
(731) YANMAR CO., LTD. (JP)
1-32, Chayamachi, Kita-ku, Osaka, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Động cơ cho thuyền, tàu thủy; động cơ dùng cho các phương tiện giao thông dưới nước.

---

(111) **4-0094660**
(210) 4-2006-18722
(181) 02.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THERMOLITE

(151) 15.01.2008
(220) 02.11.2006

(731) INVISTA TECHNOLOGIES S.A.R.L. (US)
Three Little Falls Centre, 2801 Centerville Road, Wilmington, DE 19808, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 17: Tấm cách điện được làm bằng bông sơ hoặc sợi tổng hợp.

---

(111) **4-0094661**
(210) 4-2005-14926
(181) 07.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DigiLife

(151) 16.01.2008
(220) 07.11.2005

(731) LIFE TECHNOLOGIES CO., LTD (TW)
8F., No.17, Lane 91, Sec.1, Neihu Rd., Neihu District, Taipei City 114, Taiwan
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 09: Điện thoại di động; máy ảnh kỹ thuật số; dụng cụ quay video kỹ thuật số; máy quay video kỹ thuật số; máy ghi hình kỹ thuật số.

---

(111) **4-0094662**
(210) 4-2006-09284
(181) 15.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BINATONE

(151) 16.01.2008
(220) 15.06.2006

(731) BINATONE INDUSTRIES LIMITED (GB)
P.O. Box 127, Mandara, North Ridge, Grand Turk, Turks and Caicos Islands, British West Indies
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Cái mở hộp chạy điện; máy xay cà phê (không phải loại hoạt động bằng tay); máy khoan cầm tay chạy điện; tua vít chạy điện; cưa lắc chạy điện; máy đánh bóng bằng cát chạy điện; máy mài chạy điện; máy bào chạy điện; cưa đĩa chạy điện; búa khoan chạy điện; máy phát điện; máy sấy khô; máy nhuộm; máy cơ điện để chế biến thức ăn và đồ uống; máy nghiền/máy ép chạy điện dùng trong gia đình; máy là; dao chạy điện; máy chặt thịt; máy trộn; máy và thiết bị đánh bóng và làm sạch chạy điện; kéo điện; máy hút bụi; máy giặt; máy vắt ép rau quả chạy điện; máy chiết dịch quả; máy làm bánh xăng-đuých; máy trộn khuấy chạy điện dùng trong gia đình; máy trộn thức ăn; máy chế biến thức ăn; máy cắt vụn giấy dùng trong công nghiệp; máy xén lông chạy điện.

Nhóm 09: Máy khuếch đại; pin điện và pin điện có thể nạp lại được; bộ lưu điện; bộ điều chỉnh điện áp; thiết bị điều chỉnh điện; máy đếm tiền; kính đeo mắt; kính râm; kính thiên văn; ống nhòm; máy tính; máy tính bỏ túi; máy quay viđêô xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình; máy quay phim (nhiếp ảnh); đĩa compăc (bộ nhớ chỉ đọc); chương trình trò chơi trên máy vi tính; bàn phím máy vi tính; thiết bị ngoại vi máy vi tính; máy vi tính; máy in sử dụng với máy vi tính; ổ đĩa cho máy vi tính; bàn là điện; dụng cụ cuộn và ống cuộn tóc được làm nóng bằng điện; máy uốn tóc chạy điện và máy làm thẳng tóc chạy điện (không phải Ioại cầm tay); tai nghe có đai trùm qua đầu; tai nghe; loa phóng thanh; micrô; màn hình máy tính (phần cứng máy tính); chuột (thiết bị xử lý dữ liệu); máy stereo cá nhân (máy nghe nhạc âm thanh nổi); phích cắm, ổ cắm điện và thiết bị tiếp xúc khác (bộ nối điện); radiô; radiô cho xe cộ; máy thu hình ảnh và âm thanh; máy

quay đĩa; thiết bị ghi âm thanh; đĩa ghi âm thanh; thiết bị tái tạo âm thanh; anten; máy ghi âm; băng catxet có hình và tiếng; băng trò chơi có hình ảnh; máy ghi và đọc băng catxet có hình và tiếng; bộ đàm xách tay; máy ghi và đọc đĩa compăc; đĩa compăc (hình-tiếng); máy ghi và đọc đĩa VCD; máy ghi và đọc đĩa DVD; máy đọc băng catxet dùng cho xe cộ; máy đọc đĩa compăc dùng cho xe cộ; thiết bị tái tạo âm thanh trung thực ở mức độ cao; vô tuyến truyền hình; điện thoại và máy nhắn tin; máy trả lời điện thoại và có ghi lại lời nhắn tự động; máy trả lời điện thoại tự động; điện thoại di động; điện thoại; điện thoại không dây; điện thoại cầm tay; máy vi tính cá nhân bỏ túi.

Nhóm 11: Thiết bị điều hoà không khí; máy điều hoà không khí; thiết bị làm mát không khí chạy điện; lò nướng bánh mì bằng điện; máy và bình pha cà phê chạy điện; bếp nấu; dụng cụ nấu nướng chạy điện; chảo rán chạy điện; đèn điện; quạt (điều hoà không khí); đèn pin; máy ướp lạnh; thiết bị sưởi nóng; lò sưởi điện; lò sưởi bằng gốm chạy điện; tủ lạnh; máy khử trùng; máy giữ độ ẩm không khí trong phòng và máy hút ẩm trong phòng dùng cho bộ tản nhiệt trung tâm; thiết bị chiếu sáng; thiết bị làm nóng; thiết bị nấu nướng; thiết bị làm lạnh; thiết bị sấy khô; thiết bị thông gió (điều hoà không khí); thiết bị vệ sinh; ấm đun nước dùng điện; bình đun nóng dùng điện; máy pha cà phê chạy điện; máy pha cà phê môca chạy điện; máy pha cà phê hơi chạy điện; lò nướng bánh bằng điện; lò nướng bánh xăng-đuých bằng điện; lò nướng; lò (không dùng cho mục đích thí nghiệm); bếp nấu dùng ga; lò vi sóng (thiết bị nấu nướng); máy làm bánh quế chạy điện; máy làm bánh xăng-đuých chạy điện; máy làm bánh mì kẹp thịt bò băm viên và bánh mì kẹp xúc xích chạy điện; nồi nấu chạy điện; bếp nấu bằng hơi nước (thiết bị nấu nướng); đĩa nấu thức ăn chạy điện; vỉ nướng (thiết bị nấu nướng); vỉ nướng và quay thịt; nồi hấp thức ăn chạy điện; thiết bị để quay thịt trên một cái xiên quay; máy làm bánh pizza chạy điện; nồi luộc trứng chạy điện (không phải là bộ phận của máy); thiết bị rán dùng điện; quạt trần, quạt treo tường, quạt để trên giá và quạt để bàn, tất cả dùng điện và dùng cho mục đích cá nhân; quạt hút dùng trong công nghiệp và gia đình (bộ phận của máy điều hoà không khí); thiết bị thổi khí nóng vào trong phòng; đèn huỳnh quang; đèn ống huỳnh quang; lò sưởi dùng dầu (thiết bị sưởi nóng); thiết bị làm nóng nước; lò sưởi kiểu đối lưu; máy sấy tóc; máy làm bánh mì chạy điện; nồi cơm điện; nồi áp suất chạy điện; thiết bị lọc, làm mềm và làm sạch nước; đèn xách tay có thể nạp điện.

---

(111) **4-0094663**
(210) 4-2006-01049
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GDN

(151) 16.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) FOSHAN SHUNDE SONGTIAN ELECTRICAL APPLIANCES MANUFACTURE CO., LTD (CN)
Longsheng South Road, Leliu Town, Shunde District, Foshan City, Guangdong Province, P. R. China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Phích cắm điện; ổ cắm điện và công tắc điện (dùng cho mục đích nối điện); rơle điện; bộ tích điện; dây điện; bảng điều khiển điện; bộ biến đổi (điều chỉnh) ánh sáng

sử dụng điện; áptomát; chấn lưu đèn (balát đèn); thiết bị điện thoại; thiết bị đầu nối ăng ten (thiết bị dùng để kết nối dây ăng ten); ống luồn dây điện.

Nhóm 11: Bóng đèn để chiếu sáng; thiết bị và trang bị chiếu sáng; bộ phận bảo vệ cho thiết bị chiếu sáng; ống để chiếu sáng; thiết bị và trang bị thông gió (điều hoà không khí); thiết bị và trang bị kèm theo dùng cho mục đích nấu nướng; máng đèn huỳnh quang; khung giàn đèn huỳnh quang.

Nhóm 17: Ống mềm phi kim loại; băng cách điện; chất cách điện; chất cách điện dùng cho ống dẫn điện; phớt cách điện.

Nhóm 35: Mua bán: phích cắm điện, ổ cắm điện và công tắc điện (dùng cho mục đích nối điện), rơle điện, bộ tích điện, dây điện, bảng điều khiển điện, bộ biến đổi (điều chỉnh) ánh sáng sử dụng điện, áptomát, chấn lưu đèn (balát đèn), thiết bị điện thoại, thiết bị đầu nối ăng ten, ống luồn dây điện, bóng đèn để chiếu sáng, thiết bị và trang bị chiếu sáng, bộ phận bảo vệ cho thiết bị chiếu sáng, ống sáng để chiếu sáng, thiết bị và trang bị thông gió (điều hoà không khí), thiết bị và trang bị kèm theo dùng cho mục đích nấu nướng, máng đèn huỳnh quang, khung giàn đèn huỳnh quang, ống mềm phi kim loại, băng cách điện, chất cách điện, chất cách điện dùng cho ống dẫn điện, phớt cách điện, cao su, nhựa, vật liệu để lèn chặt và bít kín; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ cung cấp thông tin kinh doanh; hãng xuất nhập khẩu; dịch vụ xúc tiến bán hàng.

---

(111) **4-0094664**
(210) 4-2006-01487
(181) 27.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Potevio

(151) 16.01.2008
(220) 27.01.2006

(731) CHINA PUTIAN COMPANY LIMITED (CN)
No.2, Second Street of Shangdi, Zhongguancun Science Park, Haidian District, Beijing, China
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 09: Máy tính số học đơn giản; đĩa tính toán; máy tính toán; máy kế toán; máy lập hoá đơn hàng; thiết bị xử lý số liệu; bộ nhớ của máy tính; máy vi tính; máy vi tính xách tay; chương trình máy tính ghi sẵn; thẻ nhận dạng từ tính; đĩa mềm; đĩa từ; bàn phím máy vi tính; bộ xử lý văn bản; đầu đọc mã vạch; đĩa nén; thiết bị ngoại vi của máy vi tính; hệ điều hành máy tính đã được lập trình; hệ thống giao thông tối ưu bao gồm: hệ thống điều khiển giao thông (được sử dụng trong thiết bị đầu cuối của ngành điều khiển giao thông, thiết bị điều khiển chỗ đỗ xe và thiết bị theo dõi giao thông); thiết bị đầu cuối cung cấp thông tin (để tìm kiếm, ghi lại, chuyển phát thông tin); bản đồ điện tử; hệ thống định vị toàn cầu; phần mềm máy tính (được sử dụng trong hệ thống chọn lọc thư để gửi, thiết bị vận chuyển, thiết bị chuyên chở hàng hoá và thiết bị truyền phát hàng tại sân bay); mạng thông tin chuyên dụng dùng cho thiết bị giám sát giao thông đường sắt; hệ thống (thiết bị) liên lạc giao thông trên đường cao tốc; hệ thống (thiết bị) giám sát giao thông trên đường cao tốc; hệ thống (thiết bị) thu phí trên đường cao tốc; thiết bị quản lý lòng đường (cho giao thông); thiết bị đầu cuối cung cấp thông tin được kết nối

mạng; thiết bị viễn thông để giám sát khẩn cấp tình trạng giao thông công cộng; thiết bị viễn thông (thiết bị đầu cuối) trong xe ô tô con; hệ thống tập hợp dữ liệu giao thông công cộng; thiết bị đầu cuối dùng để thu phí giao thông; thiết bị tập hợp dữ liệu về lưu lượng giao thông; thiết bị cung cấp thông tin và lập trình tính phí tự động cho giao thông công cộng; hệ thống quản lý giao thông công cộng và cung cấp thông tin; hệ thống (thiết bị) hướng dẫn đỗ xe; hệ thống liên lạc ITS; phần mềm máy tính ghi sẵn; bộ nối (thiết bị xử lý dữ liệu); bút điện tử (dùng cho màn hình); thẻ mã hóa từ; giao diện máy vi tính; vật mang dữ liệu từ tính; thiết bị mã hoá từ tính; bộ băng từ tính (dùng cho máy vi tính); bộ vi xử lý; màn hình máy vi tính (phần cứng máy tính); bộ phận giám sát (chương trình máy tính); chuột máy vi tính (thiết bị xử lý dữ liệu); đĩa quang; máy in sử dụng kèm theo máy tính; bộ xử lý (bộ xử lý trung tâm); bộ đọc (thiết bị xử lý ngày tháng); máy quét (thiết bị xử lý dữ liệu); đĩa CD; ổ đĩa máy vi tính; từ điển điện tử bỏ túi; thẻ thông minh; bìa mạch tích hợp; máy tính xách tay loại nhỏ; máy tính bỏ túi; ấn bản điện tử (có thể tải xuống được); chương trình máy tính (có thể tải xuống được); tấm đệm di chuột; dụng cụ để tay (kê tay) khi đánh máy; chương trình trò chơi trên máy tính; túi đựng máy tính; bộ đi kèm với chuột máy tính; tấm phủ bàn phím; hộp đựng đĩa mềm; đồng hồ đo; dụng cụ báo số lượng; đồng hồ đo thời gian để tính tiền khi đỗ xe; lịch điện tử; đồng hồ đo thời gian; bảng tính điểm điện tử; máy bán hàng tự động; máy giao dịch bằng thẻ; máy rút tiền tự động; máy tính tiền; thiết bị ghi thời gian; máy đếm tem thư; thiết bị kiểm tra việc in dấu tem; thiết bị kiểm tra việc dán tem thư; máy đếm và phân loại tiền; máy phát hiện tiền xu giả; máy kiểm tra dấu vân tay, thiết bị ghi lại séc; máy kiểm tra séc; thiết bị vận hành bằng cơ cấu tiền xu; máy cung cấp tự động; máy bán hàng tự động vận hành bằng cơ cấu tiền xu; cổng vào bến đỗ vận hành bằng cơ cấu tiền xu; máy tiếp nhiên liệu điều khiển bằng máy tính; mác nhãn điện tử của hàng hóa; máy kiểm phiếu; máy đục lỗ cho thẻ dùng trong văn phòng; máy sao chụp tài liệu (ảnh, tĩnh điện, nhiệt); máy điện báo ghi chữ; máy fax; cân thư; cân tiểu ly; thiết bị đo bánh răng; đĩa phản chiếu cá nhân dùng để phòng ngừa tai nạn giao thông; dụng cụ đo; đèn nhấp nháy (đèn tín hiệu); máy đo tự động; chuông tín hiệu; bảng thông báo điện tử; kim chỉ điện tử phát sáng; hộp đèn; tín hiệu cơ giới dùng để chỉ dẫn cho giao thông; đèn tín hiệu; tín hiệu dạ quang; tam giác phát tín hiệu hải quân; đèn hiệu dạ quang; biển báo giao thông bằng dạ quang hoặc cơ học; phao tiêu để xác định vị trí; ăngten; thiết bị chống nhiễu (điện); hộp chia nhánh (điện); bộ hạn chế điện; ống nghe điện thoại; bộ truyền tín hiệu điện tử; máy điện báo; thiết bị liên lạc; thiết bị định vị trên biển; bộ điện thoại vô tuyến; thiết bị ra-đa; điện thoại; thiết bị điện động dùng để điều khiển tín hiệu từ xa; âm kế; thiết bị điện báo; cột ăng-ten không dây; máy phát điện thoại; thiết bị ngắt cuộc gọi từ xa; máy phát tín hiệu thông tin liên lạc; bộ điều biến; bộ định tuyến; cổng điện thoại IP; hệ thống định tuyến của điện thoại được điều khiển bằng chương trình nạp sẵn; máy trả lời điện thoại; điện thoại hình; thiết bị định hướng cho các phương tiện đi lại trên biển (máy tính trên tàu); điện thoại cầm tay; cáp sợi quang; thiết bị định vị bằng vệ tinh; điện đài xách tay; thiết bị truyền sóng; thiết bị ngắt đĩa; thiết bị truyền thông quang học; bao đựng máy nhắn tin; bao điện thoại; các thiết bị truyền thông mạng; thiết bị viễn thông theo tiêu chuẩn CDMA, GSM, GPRS, WCDMA; thiết bị đầu cuối theo tiêu chuẩn CDMA, GSM, GPRS, WCDMA; máy ghi băng từ; vỏ loa; thiết bị giám sát điện tử; cơ chế dùng đồng xu sử dụng trong các bộ thu hình; thiết bị truyền hình; thiết bị ghi hình; thiết bị trò chơi điện tử dùng kèm với máy thu hình; thiết bị giải trí dùng kèm với máy thu hình; băng trò chơi điện tử dùng máy thu hình; tai nghe; máy quảng cáo tự động; thiết bị cảm biến âm thanh; đĩa compact lưu giữ hình ảnh âm thanh; thiết bị bán dẫn (vô tuyến); máy ảnh (dùng trong nhiếp ảnh); máy chiếu kính dùng phim dương bản; thiết bị quang báo; thiết bị đo tốc độ (dùng cho chụp ảnh); đèn chớp (dùng cho chụp ảnh); thiết bị đo xa; bộ chỉ

báo mực nước; máy kinh vĩ; dụng cụ dịnh hướng dùng laze; thiết bị kiểm tra tốc độ dùng cho phương tiện giao thông; các loại máy đo; các linh kiện của thiết bị và vật liệu chuyên dùng của linh kiện đó; máy ghi dao động; kính hiển vi; thiết bị lưu trữ dữ liệu quang học; cáp điện; dây dẫn điện; dây dẫn từ; sợi nhận dạng dùng cho dây điện; vỏ bọc nhận dạng dùng cho dây điện; dây điện báo; vòng kẹp dùng cho cuộn dây điện; vật liệu cho đường dẫn điện chính (dây điện, dây cáp); dây dẫn điện bằng đồng có vỏ cách điện; dây điện thoại; ống nối bọc ngoài dây cáp điện; dây khởi động của mô tơ; dây cáp đồng trục để chuyền tín hiệu ở tần số cao; mạch in; mạch tích hợp (vi mạch); chíp của mạch tích hợp; bộ ngắt điện của pin (điện); máy biến thế (điện); đầu nối dây (điện); vỏ bọc dùng cho cáp điện; cổ góp điện; ống dẫn điện; bộ đóng mạch điện; bộ nối điện; ngắt điện dùng kim loại quý hiếm; thiết bị điều chỉnh bằng điện; bộ đổi điện; công tắc điện; bộ chỉnh lưu dòng điện; bộ giảm áp ngắt mạch diện; ống dẫn (điện); mối nối đường dây điện; sơ đồ mắc điện; rơle điện; phần ứng (điện); máy đổi điện (điện); bộ chuyển mạch tự động theo thời gian; đầu nối dây (điện); bóng và đèn hiệu ứng nhiệt ion không dùng để chiếu sáng; bộ điều chỉnh ánh sáng điện; vỏ bọc đầu nối cáp; hộp công tắc (điện); thiết bị đảo mạch điện; hộp nối dây (điện); công tắc điện; ổ cắm và các loại công tắc điện khác (nối điện); tủ phân phối (điện); bảng phân phối (điện); bảng điều khiển phân phối (điện); bảng điều khiển điện; van solenoid (công tắc điện từ); nắp bảo vệ ổ cắm điện; cuộn cảm của tắc te của đèn huỳnh quang; ổn áp; bộ điều chỉnh đèn sân khấu; biến thế dùng cho dụng cụ do; bộ cảm biến; thiết bị khử từ; bộ điều hòa điện áp; thiết bị cung cấp nguồn điện áp ổn định; bộ khởi động, thiết bị cung cấp điện điện áp thấp; bảng công tắc điện thế thấp và cao; cầu chì; ống dẫn điện theo tuyến; màn huỳnh quang; thiết bị điều khiển từ xa; sợi quang (dây dẫn tia sáng); bộ cái đặt cho thiết bị điều khiển từ xa của dây chuyền công nghiệp; thiết bị mạ điện; thiết bị phun nước dùng cho hệ thống cứu hoả; thiết bị hàn điện; thiết bị tia X dùng trong công nghiệp; các hệ thống an toàn giao thông; các bộ cài đặt chống lấy trộm điện; pin điện dùng cho phương tiện giao thông; ắc quy điện dùng cho phương tiện giao thông; bình ắc qui; vỏ ắc quy; hộp ắc quy; bản cực ắc quy điện; pin để chiếu sáng; anôt; pin anôt; bộ acquy điện áp cao; bộ pin; bộ nạp pin, ắc quy; bộ pín Galvanic; lưới pin; pin dùng cho đèn pin; pin để cho đèn nháy (đèn flát); pin điện; ắc quy điện; thiết bị chống ăn mòn cực âm; phản âm cực; ca-tốt; bộ pin mặt trời; bản kính dương (dùng trong nhiếp ảnh).

Nhóm 35: Quảng cáo trực tuyến trên hệ thống mạng máy tính; sự tổ chức các hội chợ thương mại nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; sự tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; cung cấp dịch vụ trả giá cho việc mua trang thiết bị viễn thông (như việc chuẩn bị các tài liệu cần thiết, bản tự kê giá và tư vấn); tổ chức triển lãm kĩ thuật; đại diện xuất nhập khẩu; sự xúc tiến bán hàng cho đối tác khác; dịch vụ thu mua hàng hoá cho đối tác khác (mua bán hàng hoá và các cơ sở kinh doanh khác); tư vấn về quản lý nhân sự; dịch vụ tái lập cơ sở kinh doanh; biên dịch thông tin vào cơ sở dữ liệu máy tính; kế toán.

Nhóm 38: Phát chương trình truyền hình; gửi điện tín; gửi thông điệp; truyền điện tín; dịch vụ điện tín; liên lạc bằng điện tín; dịch vụ điện thoại; liên lạc bằng điện thoại; dịch vụ điện báo dùng máy tê-lếch; dịch vụ cung cấp thông tin cho các toà báo, đài phát thanh và truyền hình; liên lạc bằng điện thoại di động; truyền thông bằng máy tính điện tử; truyền tin và ảnh với sự hỗ trợ của máy tính; thư điện tử; truyền fax; thông tin về hệ thống viễn thông; dịch vụ nhắn tin (đài phát thanh, điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác); cho thuê thiết bị gửi thông điệp; truyền tin bằng đường dây; cho thuê máy chuyển fax; cho thuê mô-dem; cho thuê thiết bị viễn thông; cho thuê điện thoại;

truyền qua vệ tinh; các dịch vụ viễn thông, cụ thể là các dịch vụ bảng tin điện tử; cung cấp kết nối viễn thông với mạng máy tính toàn cầu; các dịch vụ định tuyến và kết nối viễn thông; dịch vụ hội nghị được tổ chức qua điện thoại; cung cấp dịch vụ cho khách hàng truy cập vào mạng máy tính toàn cầu (nhà cung cấp dịch vụ); dịch vụ giải đáp số điện thoại hoạt động bằng máy tính.

Nhóm 42: Tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; nghiên cứu kỹ thuật; nghiên cứu dự án kĩ thuật; dự án; lên kế hoạch dự án; nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (cho người thứ ba); tư vấn về bảo vệ môi trường; kiểm tra chất lượng; kiểm tra và thử nghiệm chất lượng; đánh giá chất lượng; chứng chỉ về hệ thống chất lượng; thử nghiệm nguyên liệu; dịch vụ thiết kế kiểu dáng công nghiệp; lập chương trình máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; cho thuê phần mềm; khôi phục dữ liệu máy tính; bảo trì phần mềm máy tính; phân tích hệ thống máy tính; sao chép lại chương trình máy tính; chuyển đổi dữ liệu hoặc tài liệu từ phương tiện cơ học sang phương tiện điện tử; xây dựng và duy trì các trang Web cho các tổ chức khác; dịch vụ lưu giữ trang Web; cài đặt phần mềm máy tính; chuyển đổi các chương trình và các dữ liệu máy tính không phải là chuyển đổi cơ học); cung cấp dịch vụ kết nối đúng lúc cho việc trao đổi dữ liệu giữa người dùng máy tính.

---

(111) **4-0094665**
(210) 4-2006-05201
(181) 06.04.2016
(300) 2404612 21.10.2005 GB
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 06.04.2006

(531) 1.15.15; 26.1.1; 26.1.4
(731) VODAFONE GROUP PLC (GB)
The Connection, Newbury, Berkshire, RG14 2FN, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Các thiết bị, công cụ viễn thông điện tử, các thiết bị và công cụ truyền dẫn điện, các thiết bị thông tin liên lạc và điện thoại; thiết bị và công cụ thông tin liên lạc dữ liệu; thiết bị và công cụ xử lý, truyền, lưu giữ, ghi, nhận và truy xuất dữ liệu dưới dạng dữ liệu, văn bản, âm thanh, hình ảnh đồ họa hoặc vi-đê-ô đã mã hóa hoặc sự kết hợp của các dạng này; thiết bị, công cụ và dụng cụ xử lý hình ảnh; thiết bị chụp ảnh; môđem; thẻ mã hóa; thẻ thông minh; ảnh toàn ký; các phương tiện lưu trữ thông tin, dữ liệu, hình ảnh và âm thanh; thẻ từ trắng và thẻ từ có nội dung; thẻ chứa mạch vi xử lý; thẻ vi mạch; thẻ nhận dạng điện tử; thẻ điện thoại; thẻ tín dụng điện thoại; thẻ tín dụng; thẻ rút tiền từ tài khoản; thẻ trò chơi điện tử được thiết kế để sử dụng với điện thoại; phương tiện chứa dữ liệu ở dạng số hóa, từ và quang học; phương tiện ghi và lưu trữ dữ liệu số hóa, quang học và từ (trắng và có nội dung); phần mềm máy tính, kể cả phần mềm máy tính cung cấp từ cơ sở dữ liệu máy tính, mạng Internet hoặc mạng điện tử khác; các xuất bản phẩm điện tử (có thể tải xuống được) được cung cấp trực tuyến từ các cơ sở dữ liệu máy tính, mạng Internet hoặc mạng điện tử khác; các phương tiện (phát thanh, truyền hình) đọc được bằng máy; dữ liệu, hình ảnh và âm thanh số hóa (có thể tải xuống được) được cung cấp

từ các cơ sở dữ liệu máy tính hoặc mạng Internet, kể cả các trang web MP3 trên mạng Internet; máy nghe nhạc MP3; sổ tay điện tử (PDAs); thiết bị và công cụ thu và truyền tín hiệu vệ tinh; thiết bị tải xuống dữ liệu, âm thanh và hình ảnh từ mạng Internet; bộ nạp điện pin để sử dụng với các thiết bị viễn thông; pin; bộ điều hợp để sử dụng với các thiết bị và công cụ viễn thông và thông tin liên lạc; điện thoại vô tuyến, điện thoại cố định và điện thoại di động; phim ảnh, vi-đê-ô, âm nhạc, âm thanh, hình ảnh âm thanh và hình ảnh đồ họa có thể tải xuống từ cơ sở dữ liệu máy tính, mạng Internet hoặc mạng điện tử khác; thiết bị và công cụ truyền hình; máy phát sóng và máy thu sóng truyền hình và truyền thanh; thiết bị truy cập các chương trình phát thanh truyền hình; các phụ kiện điện và điện tử và các thiết bị ngoại vi được thiết kế và làm thích ứng để sử dụng với các thiết bị và công cụ viễn thông và thông tin liên lạc, máy vi tính, các thiết bị nghe nhìn và các thiết bị và công cụ trò chơi điện tử; thiết bị trò chơi điện và điện tử bao gồm trong nhóm này; máy vi tính bao gồm cả máy tính xách tay laptop và máy tính xách tay notebook; mạch điện tử mang dữ liệu đã lập trình; thiết bị và công cụ điện tử định vị và định hướng vệ tinh kể cả các hệ thống định vị toàn cầu; các bộ phận gắn trên bàn hoặc xe ôtô có loa để có thể sử dụng thiết bị điện thoại mà không cần cầm tay; giá để thiết bị điện thoại trong xe ô-tô; các phụ tùng và bộ phận bao gồm trong nhóm này của tất cả các mặt hàng nêu trên.

Nhóm 38: Các dịch vụ viễn thông, viễn thông cố định và di động, và các dịch vụ thông tin liên lạc vệ tinh, di động và vô tuyến; thuê, cho thuê và cho mướn các thiết bị và công cụ thông tin liên lạc, điện thoại và viễn thông; liên lạc thông tin (kể cả các trang web), dữ liệu bằng vô tuyến, viễn thông và bằng vệ tinh; các dịch vụ thư điện tử, thông tin danh bạ, máy tự động trả lời điện thoại, chuyển hướng cuộc gọi, nhắn tin vô tuyến, thu thập và truyền thư tín, điện thoại di động và điện thoại; truyền, giao nhận âm thanh, dữ liệu, hình ảnh, âm nhạc và thông tin; các dịch vụ đánh số cá nhân điện tử (dạng dịch vụ tiện ích của nhà cung cấp dịch vụ mạng viễn thông); cho vay các thiết bị và công cụ thông tin liên lạc và viễn thông để thay thế trong trường hợp hỏng hóc, mất hoặc bị lấy cắp; cung cấp các dịch vụ Internet, cụ thể là các dịch vụ truy cập Internet; cung cấp các dịch vụ đặt vị trí cho các thiết bị và công cụ liên lạc và viễn thông; cung cấp các dịch vụ giao thức ứng dụng không dây kể cả các dịch vụ tận dụng kênh liên lạc bảo đảm; cung cấp thông tin liên quan đến hoặc xác định các thiết bị và công cụ thông tin liên lạc và viễn thông; phát thanh truyền hình các chương trình phát thanh hoặc truyền hình; các dịch vụ nhắn tin, cụ thể là gửi, nhận và chuyển tin nhắn dưới dạng văn bản, âm thanh, hình ảnh đồ họa hoặc hình ảnh hoặc sự kết hợp các hình thức này; các dịch vụ nhắn tin hợp nhất; các dịch vụ thư thoại; các dịch vụ hội nghị qua vi-đê-ô; các dịch vụ điện thoại vi-đê-ô; cung cấp kết nối viễn thông tới các cơ sở dữ liệu máy tính, mạng Internet hoặc các mạng điện tử khác; cung cấp dịch vụ truy cập các trang web dữ liệu, âm thanh, hình ảnh từ cơ sở dữ liệu, mạng Internet, hoặc mạng điện tử khác; giao phát dữ liệu, âm thanh và hình ảnh bằng phương tiện viễn thông; vận hành các công cụ tìm kiếm; các dịch vụ cơ sở dữ liệu viễn thông và thông tin liên lạc, bao gồm cả giúp khách hàng tải xuống các nội dung số hóa từ mạng và máy chủ đến cơ sở dữ liệu cá nhân; cung cấp dịch vụ truy cập hạ tầng viễn thông cho các nhà vận hành khác; cung cấp và điều hành hội nghị bằng phương tiện điện tử, nhóm thảo luận và phòng chát; thuê, cho thuê các thiết bị, công cụ, linh kiện để sử dụng trong việc cung cấp các dịch vụ nêu trên; các dịch vụ tư vấn, thông tin và tham vấn liên quan đến tất cả các dịch vụ nêu trên.

(111) **4-0094666**
(210) 4-2005-16784
(181) 09.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 09.12.2005

(531) 6.1.2; 26.1.2
(591) Trắng, đỏ, vàng, nâu
(731) XÍ NGHIỆP VẬN TẢI TỔNG HỢP THƯƠNG MẠI ĐÀ NẴNG (VN)
Lô D6 đường 2/9, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng gồm: đá ốp lát xây dựng. gạch, ngói lợp.

---

(111) **4-0094667**
(210) 4-2005-17860
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GINLOFORTE

(151) 16.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094668**
(210) 4-2005-17861
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ARLIVINE

(151) 16.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094669**
(210) 4-2005-17862
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TONICHILD

(151) 16.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094670**
(210) 4-2005-17863
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AGINLIVE

(151) 16.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094671**
(210) 4-2005-17864
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GINLOSEL

(151) 16.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094672**
(210) 4-2005-17865
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BOTETEM

(151) 16.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094673**
(210) 4-2005-17866
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ASPATHINE

(151) 16.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094674**
(210) 4-2005-17867
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TOLNILIVE

(151) 16.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094675**
(210) 4-2007-00756
(181) 10.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 10.01.2007

(531) A1.1.9; 26.2.7; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH TÂN GIẾNG ĐÁY (VN)
Xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng cụ thể là: gạch; ngói; xi măng; gỗ xây dựng; cát dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0094676**
(210) 4-2005-14753
(181) 04.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SPASALU

(151) 16.01.2008
(220) 04.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÀNH ĐẠT (VN)
90A/B63 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094677**
(210) 4-2005-14754
(181) 04.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Sao xanh
PROSINGER

(151) 16.01.2008
(220) 04.11.2005

(531) A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ SỰ KIỆN T.A.F (VN)
D6, phòng 108 khu tập thể Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị; tổ chức các cuộc thi sắc đẹp; tiếp đãi và vui chơi giải trí; sản xuất phim; biểu diễn sân khấu sống; đào tạo.

---

(111) **4-0094678**
(210) 4-2005-16036
(181) 28.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 28.11.2005

(531) A25.7.4; 26.4.9
(591) Đỏ, xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY TNHH BNP (VN)
119 Cô Bắc, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy trò chơi điện tử.

Nhóm 35: Mua bán máy móc, trang thiết bị văn phòng và các phụ kiện văn phòng, máy vi tính và phụ kiện, máy fax, điện thoại, kim khí điện máy, hàng điện tử, giấy, ván ép, đồ dùng gia đình; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy văn phòng và hàng điện tử; lắp đặt máy trò chơi điện tử.

---

(111) **4-0094679**
(210) 4-2005-16038
(181) 28.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 28.11.2005

(531) 26.1.2; A5.3.14; 5.7.1
(591) Nâu, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CÀ PHÊ THU HÀ (VN)
Số 09, Nguyễn Thái Học, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê hòa tan uống liền, cà phê bột, cà phê hạt rang, cà phê hạt chưa rang, cà phê sữa (cà phê là chủ yếu).

---

(111) **4-0094680**
(210) 4-2005-16243
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CADIVASTAL

(151) 16.01.2008
(220) 01.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094681**
(210) 4-2005-14459
(181) 28.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BÁCH NGUYÊN ĐƯỜNG
PAK YUEN TONG
百源堂

(151) 16.01.2008
(220) 28.10.2005

(731) KWAN TUNG PAK YUEN TONG (LING YOK TACK HING TONG) UNION MEDICINE FACTORY LIMITED (HK)
Room 1910, Harbour Industrial Centre, 10 Lee Hing Street, Lee Lam Road, Ap Lei Chau, Hong Kong
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm; thuốc độc quyền của Trung quốc; thuốc làm từ thảo mộc; dầu dùng trong ngành y và dầu thơm dùng trong ngành y; đồ uống kiêng dùng trong ngành y; thuốc làm từ chất chiết ra từ nhân sâm; chất chiết ra từ thảo mộc dưới dạng bột, dưới dạng lỏng, dưới dạng viên và dưới dạng viên con nhộng dùng để bổ sung chất dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thuốc viên làm từ nấm hình sâu bướm Trung Quốc; gạc của hươu nai trộn với nhân sâm dùng cho mục đích y tế; thuốc viên điều trị bệnh viêm mũi; thuốc chữa ho dưới dạng xirô làm từ tổ chim ăn được; thuốc làm từ chất chiết ra từ cây sơn trà Nhật Bản và từ lá cây bồi mẫu.

Nhóm 30: Các sản phẩm dinh dưỡng không dùng cho ngành y cụ thể là: chất được chiết ra từ lá cây sơn trà Nhật Bản và lá cây bồi mẫu dùng làm hương liệu cho đồ uống; chất chiết ra từ lá cây sơn trà Nhật Bản làm gia vị; kem lạnh có hương vị phấn hoa; kẹo mềm có vị quả lê; kẹo mềm có hương vị quả lê trộn lẫn với hương vị của lá và thân cây bồi mẫu; gia vị được làm từ thực vật biến dạng xoắn dùng để bổ sung chất dinh dưỡng.

---

(111) **4-0094682**
(210) 4-2005-14638
(181) 02.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 02.11.2005

(531) 26.4.2
(731) GRAND BELL TRADING SDN. BHD (MY)
Unit J, 3rd Floor, Excella Business Park, Jalan Ampang Putra, Taman Ampang Hilir, 55100 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 25: Áo choàng tắm, áo cánh, áo lót phụ nữ, quần đùi, quần áo; quần gin, áo vét, quần áo lót phụ nữ, quần lót, áo sơ mi cổ lọ, quần áo ngủ, khăn quàng cổ, áo sơ mi, quần soóc, váy, bộ com lê, quần áo bơi và quần.

---

(111) **4-0094683**
(210) 4-2005-14649
(181) 02.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 02.11.2005

(531) 1.3.1; 26.1.1
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, da cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG MI SU (VN)
154/3 Thích Quảng Đức, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy móc xây dựng.

Nhóm 37: Xây dựng; tư vấn trong xây dựng.

Nhóm 42: Thiết lập các bản vẽ mặt bằng xây dựng; thiết lập bản vẽ xây dựng.

---

(111) **4-0094684**
(210) 4-2005-16013
(181) 28.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DOPRED

(151) 16.01.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0094685**
(210) 4-2005-16190
(181) 30.11.2015
(300) T05/09284F 01.06.2005 SG
T05/09283H 01.06.2005 SG
T05/09282Z 01.06.2005 SG
(450) 25.02.2008 239
(540)

NIS

(151) 16.01.2008
(220) 30.11.2005

(731) NIS BEARINGS PTE LTD. (SG)
2 Balestier Road, #04-665, Singapore 320002
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Xích lăn bằng kim loại; bi bằng thép và bằng đồng thau; vật đúc bằng kim loại; đầu kẹp bó dây bằng kim loại; đai ốc hãm và kẹp siết bằng kim loại; vòi bơm mỡ; puli; vòng đệm và ống bọc ngoài; ghim (đồ ngũ kim); dấu bằng kim loại dùng để đóng tự động; bi bằng kim loại cho ổ đệm; ống bọc ngoài (đồ ngũ kim); đai ốc hãm bằng kim loại; ống bọc ngoài (đồ ngũ kim); đai ốc hãm bằng kim loại, tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 07: Gối trục (bộ phận của máy); ổ trục; ổ bi dùng cho động cơ; ổ bi dùng cho môtơ; bi và ổ đũa; puli chì; giá treo; vỏ bọc giá treo; vỏ cho bi, ổ đũa và puli, tất cả là bộ phận của máy; ổ trục thuỷ tĩnh; bạc lót cho ổ bi và ổ đũa; trống phanh; bánh răng côn đĩa; con lăn có rãnh; trục khuỷu; khớp nối; bộ truyền động; khớp cacđăng; mũi tâm động; bánh răng và hộp số; trục chính của máy công cụ; công cụ gia công kim loại; máy khoan; dao phay; bàn trượt có rãnh mặt đầu; trục vít bi và trục vít con lăn; bộ giảm tốc; bánh răng; con lăn; con lăn mắt xích; calip kiểm trong; cần pit tông và chốt pit tông; vòng khoá hãm lò xo; lưỡi cưa và lò xo; giá lắp dụng cụ có và không có ống lót; mảnh dao tiện; vòi phun dầu thuỷ lực; máy bơm; đai ốc thuỷ lực và dụng cụ gá lùi dao thuỷ lực; thiết bị dùng dầu áp lực; bộ bôi trơn kiểu phun mù dầu; thiết bị, dụng cụ và máy tra dầu máy; trục quay; con lăn ép; trục lắc; tang trục; trục lệch tâm; đệm trục quay; puli áp lực và puli chạy không; thanh đẩy cam; tay đòn trọng lực kiểu con lắc, trục lăn trên; ổ đũa dưới; thiết bị tra dầu mỡ cho trục quay; cơ cấu cấp sợi; cụm xe sợi đầu hở; pit tông kéo, chốt kéo và thanh kéo; dụng cụ lắp máy; chi tiết máy dùng cho máy dệt; máy công cụ dùng cho máy dệt; thân ổ trục; ổ đỡ kiểu con lăn dẫn; đĩa răng dùng cho máy; khớp vạn năng (khớp cacđăng); bộ ổ trục bao gồm ống lót ổ trục và thân ổ trục, tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 12: Ổ trục cho xe cộ; bộ đệm và hộp ổ trục, tất cả dùng cho xe cộ trên bộ; trống phanh và đĩa phanh; trục khuỷu; khớp trục; bộ truyền động; bánh răng và hộp số; chốt và may ơ của bánh răng, tất cả dùng cho xe cộ trên bộ; ổ trục của động cơ máy bay; ổ cao su; bánh răng và con lăn, tất cả dùng cho xe cộ trên bộ; đĩa xích dùng cho xe cộ trên bộ; đĩa xích dùng cho sự dẫn động xe môtô; ổ đệm cho bánh răng; thân ổ trục cho xe cộ; bộ đệm cho bánh răng, tất cả thuộc nhóm này.

(111) **4-0094686**
(210) 4-2005-16239
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PHILTELBICIN

(151) 16.01.2008
(220) 01.12.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO.,LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094687**
(210) 4-2005-16520
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MYLLANCID

(151) 16.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 10 Tôn Thất Hiệp, quận 11 , thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094688**
(210) 4-2005-16521
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LECETRIZ

(151) 16.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 10 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094689**
(210) 4-2005-16523
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANKAGEL

(151) 16.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 10 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094690**
(210) 4-2005-16524
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DIZEN FORTE

(151) 16.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 10 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094691**
(210) 4-2005-16525
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRIZYM-BETA

(151) 16.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 10 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094692**
(210) 4-2005-16526
(181) 06.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEFIXBETA

(151) 16.01.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 10 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094693**
(210) 4-2005-16894
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TỨ QUÝ 8888 HOME MART

(151) 16.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH TIỀN PHONG (VN)
Khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán, phân phối hàng hoá là: vật liệu xây dựng, hàng điện tử, hàng điện lạnh, điện gia dụng, máy tính, hoá mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, máy móc và phụ tùng của máy móc, dụng cụ cầm tay, thiết bị chiếu sáng, thiết bị nấu nướng, đồ trang sức, đồ kim hoàn, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, giấy và giấy vệ sinh, đồ mỹ nghệ, dụng cụ nhà bếp, quần áo, vải dệt, giày dép, mũ nón, thảm, chiếu, nệm chùi chân, đồ chơi, dụng cụ thể thao, thực phẩm, lương thực, gia vị, rau quả, đồ uống, rượu, bia, thuốc lá; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0094694**
(210) 4-2005-16896
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

黑皮

(151) 16.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH VƯỢNG (VN)
Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo.

---

(111) **4-0094695**
(210) 4-2005-16897
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 26.1.1; 26.2.1; 26.3.23; 1.5.15
(591) Trắng, đỏ, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU THÉP VÀ MÔI TRƯỜNG TIẾN CƯỜNG (VN)
185/10 Lê Quang Định, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Khung nhà thép tiền chế, xà gồ thép, tôn, cửa làm bằng sắt, lan can làm bằng sắt, cửa cuốn cho nhà xưởng làm bằng kim loại.

Nhóm 37: Lắp đặt dây chuyền hệ thống xử lý nước tinh khiết, lắp đặt thiết bị nhà máy xử lý nước thải, lắp đặt cửa cuốn cho nhà xưởng, thi công công trình xây dựng công nghiệp, thi công các công trình xây dựng dân dụng, lắp đặt khung nhà thép tiền chế.

---

(111) **4-0094696**
(210) 4-2005-11093
(181) 29.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KITOVIZ

(151) 16.01.2008
(220) 29.08.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094697**
(210) 4-2005-11094
(181) 29.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SKETIXE

(151) 16.01.2008
(220) 29.08.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094698**
(210) 4-2005-11095
(181) 29.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZOVEXIC

(151) 16.01.2008
(220) 29.08.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094699**
(210) 4-2005-14640
(181) 02.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CAJET - M10

(151) 16.01.2008
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (VN)
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, chế phẩm để diệt cây có hại, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0094700**
(210) 4-2006-11148
(181) 17.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Ollife

(151) 16.01.2008
(220) 17.07.2006

(731) PIGEON CORPORATION (KR)
384 Chungchun-Dong, Boopyung-ku, Inchon-City, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Chất chống tĩnh điện dùng cho mục đích gia đình; chất tẩy nhờn không dùng trong quá trình sản xuất; chất làm mềm vải (dùng để giặt); sáp tẩy vết bẩn trên sàn (chế phẩm làm sạch); xút để tẩy trắng; muối dùng để tẩy trắng; kem dưỡng (mỹ phẩm); son

môi; mặt nạ làm đẹp; chế phẩm nhuộm tóc; chế phẩm dùng để dưỡng và chăm sóc tóc không dùng trong y tế; thuốc nhuộm dùng cho tóc; chế phẩm tẩy màu dùng cho tóc; chế phẩm mỹ phẩm dùng để tắm; dầu làm sạch dùng cho trẻ em; phấn dùng cho trẻ em (không dùng trong y tế); nước thơm loại bỏ gàu bám vào da đầu (không dùng cho mục đích y tế); kem dùng loại bỏ gàu bám vào da đầu (không dùng cho mục đích y tế); muối dùng để tắm không dùng cho mục đích y tế; hương thơm không dùng cho mục đích y tế (tinh dầu); nước thơm chống nắng; kem chống nắng; dầu dùng tắm nắng (mỹ phẩm); chế phẩm rám nắng (mỹ phẩm); kem dùng cạo râu; thuốc màu dùng cho móng tay; sữa dưỡng dùng cho da (mỹ phẩm); chế phẩm làm đẹp da (mỹ phẩm); mỹ phẩm dùng cho mí mắt; nước thơm dùng sau khi cạo râu; kem mỹ phẩm; nước thơm dùng cho mục đích mỹ phẩm; nước hoa có độ thơm nhẹ; nước hoa cô lôn; chất khử mùi dùng cho cá nhân; chế phẩm làm tươi sáng màu môi; chế phẩm mỹ phẩm dùng cho mục đích làm thon người; kem dùng trong mùa đông (mỹ phẩm); sáp làm rụng lông; chế phẩm làm rụng lông; chế phẩm uốn tóc giữ sóng được lâu; chế phẩm làm duỗi tóc uốn bền nếp; hỗn hợp những cánh hoa khô và hương liệu dùng để toả mùi thơm; nước hoa; gel dùng cho tóc; nước bóng dùng cho tóc; chế phẩm tạo nếp tóc; gôm xịt dùng cho tóc; nước thơm dùng cho tóc; chế phẩm làm ẩm tóc; keo bọt dùng cho tóc; nước xịt tóc; dầu xả dùng cho tóc; kem dùng cho tóc; nước toníc dùng cho tóc; bút chì (mỹ phẩm); sáp thơm bôi tóc dùng cho mục đích mỹ phẩm; tinh dầu có mùi hoa oải hương; nước hoa có mùi vani; tinh dầu có mùi hoa nhài; nước hoa có mùi hoa thổ mộc hương; khăn được tẩm với nước thơm mỹ phẩm; tăm bông dùng cho mục đích mỹ phẩm; bông dùng cho mục đích mỹ phẩm; xà phòng bột; chất tẩy vết bẩn được điều chế từ dầu mỏ để làm sạch dùng trong gia đình; xà phòng dùng trong công nghiệp; chế phẩm dùng để giặt khô; bột dùng để mài mòn; xà phòng dùng để cạo râu; xà phòng dùng để tắm; xà phòng dạng lỏng; xà phòng mỹ phẩm; xà phòng dùng để ngăn ngừa mồ hôi chân; xà phòng khử mùi; chế phẩm thông ống thoát nước bẩn; dầu gội đầu; xà phòng dùng để giữ màu vải; bột cám gạo dùng để đánh bóng da; nước rửa vệ sinh phụ nữ; dầu dùng cho mục đích làm sạch; chất tẩy dùng cho mục đích tẩy rửa; xà phòng giặt; xà phòng dùng để tẩy uế, xà phòng có chứa hạnh nhân; xà phòng dùng trong y tế, chế phẩm lau kính; nước tẩy quần áo; nước rửa kính chắn gió xe hơi; xà phòng được làm ở dạng giấy; xà phòng kem; nước tẩy bồn cầu; chế phẩm chăm sóc tóc; chế phẩm làm thơm mát hơi thở dạng xịt; nước làm sạch răng (không dùng trong y tế); kem đánh răng; chế phẩm đánh bóng đồ gỗ và sàn; kem đánh bóng; nước đánh bóng để bảo quản da; sáp đánh bóng dùng cho da; kem dùng cho da.

---

(111) **4-0094701**
(210) 4-2005-14741
(181) 04.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 04.11.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH VIỆT NAM SUZUKI (VN)
Phường Bình Đa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Xe máy và xe ôtô.

(111) **4-0094702**
(210) 4-2005-14208
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(531) A26.4.6
(591) Đỏ, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN COXANO - TRƯỜNG SƠN (VN)
Cụm công nghiệp Tứ Hạ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại (gạch; ngói).

Nhóm 37: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0094703**
(210) 4-2005-14220
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(531) 9.9.1; A9.9.11; 4.5.2; 4.5.12; 20.5.1; 26.15.11
(731) CARTRIDGE WORLD PTY LTD (AU)
39 Charles Street, Norwood, South Australia, 5067, Australia
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ và môi giới kinh doanh trong lĩnh vực buôn bán máy in và máy sao chụp bao gồm cả buôn bán các mặt hàng sau: hộp mực in, giấy, mực dùng cho máy sao chụp, mực in và giấy cuộn dùng cho máy fax.

---

(111) **4-0094704**
(210) 4-2005-14229
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TONIRAIN

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094705**
(210) 4-2005-14322
(181) 26.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 26.10.2005

(531) A11.3.2; 5.7.16; 7.1.6; 25.1.15
(591) Ghi sẫm, nâu sẫm, đỏ, vàng, hồng nhạt, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANH ĐÀO (VN)
Khu công nghiệp Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0094706**
(210) 4-2005-14325
(181) 26.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

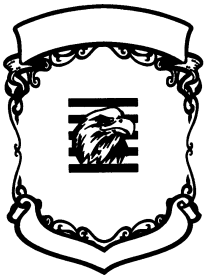

(151) 16.01.2008
(220) 26.10.2005

(531) 3.7.1; 25.1.15; A24.1.19
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANH ĐÀO (VN)
Khu công nghiệp Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0094707**
(210) 4-2005-14557
(181) 01.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ECOM

(151) 16.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG LIÊN MINH (VN)
Số 145 phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Đại lý mua; đại lý bán; ký gửi hàng hoá; quảng cáo; giới thiệu sản phẩm; thông tin về thương mại, xuất nhập khẩu.

---

(111) **4-0094708**
(210) 4-2005-14239
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FLOJOCIN

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094709**
(210) 4-2005-14240
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SOLIB

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094710**
(210) 4-2005-14241
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PREBICOM

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094711**
(210) 4-2005-14242
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

PUBERGEN

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094712**
(210) 4-2005-14243
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORIGEN

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094713**
(210) 4-2005-14244
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

REJUN

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094714**
(210) 4-2005-14245
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FOLLIOVA

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094715**
(210) 4-2005-14246
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MENONYS

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094716**
(210) 4-2005-14247
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BARKEIT

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094717**
(210) 4-2006-18052
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AN K-T PLUS

(151) 16.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0094718**
(210) 4-2007-00570
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

NIMEGEN

(151) 16.01.2008
(220) 05.01.2007

(731) YOUNG IL PHARMACEUTICAL CO., LTD- KOREA (KR)
920-27, Bangbae-Dong, Secho-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094719**
(210) 4-2007-00571
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

MEDILAC-S

(151) 16.01.2008
(220) 05.01.2007

(731) YOUNG IL PHARMACEUTICAL CO., LTD- KOREA (KR)
920-27, Bangbae-Dong, Secho-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094720**
(210) 4-2007-00575
(181) 05.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

MEQUIZINE

(151) 16.01.2008
(220) 05.01.2007

(731) YOUNG IL PHARMACEUTICAL CO., LTD- KOREA (KR)
920-27, Bangbae-Dong, Secho-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094721**
(210) 4-2005-17040
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 14.12.2005

(531) 26.1.1; 3.2.1
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu; thuốc diệt côn trùng; thuốc diệt động vật có hại; thuốc diệt nấm bệnh; thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0094722**
(210) 4-2005-17273
(181) 03.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LOXOZOLE

(151) 16.01.2008
(220) 03.01.2006

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094723**
(210) 4-2005-17274
(181) 03.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZENOFLOX

(151) 16.01.2008
(220) 03.01.2006

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094724**
(210) 4-2005-17275
(181) 03.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COSMYDOL

(151) 16.01.2008
(220) 03.01.2006

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094725**
(210) 4-2005-17276
(181) 03.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PANTOPEP-DOL

(151) 16.01.2008
(220) 03.01.2006

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094726**
(210) 4-2005-17277
(181) 03.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RUCEFDOL

(151) 16.01.2008
(220) 03.01.2006

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094727**
(210) 4-2005-17278
(181) 03.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AMLOMARK

(151) 16.01.2008
(220) 03.01.2006

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094728**
(210) 4-2005-17033
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 14.12.2005

(531) A26.11.12; 26.3.23; A1.1.2; 26.13.25
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NGÓN CHÂN CÁI (VN)
Số 5, phố Cầu Gỗ, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo, tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo.

Nhóm 41: Biểu diễn sân khấu sống; tổ chức trình diễn (dịch vụ ông bầu); tổ chức và điều khiển hội nghị, hội thảo; dàn dựng buổi biểu diễn; sản xuất phim.

Nhóm 42: Dịch vụ vẽ mốt, tạo mẫu quần áo, thiết kế thời trang.

---

(111) **4-0094729**
(210) 4-2005-17055
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ROXL-DT

(151) 16.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN) I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094730**
(210) 4-2005-17056
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZYSMAS

(151) 16.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN) I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094731**
(210) 4-2005-17057
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LACSERA

(151) 16.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN) I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094732**
(210) 4-2005-17060
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ACYLEX

(151) 16.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) FEROZSONS LABORATORIES LIMITED. (PK)
197-A, the Mall, Rawalpindi, Pakistan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094733**
(210) 4-2005-17061
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIRIVIR

(151) 16.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) FEROZSONS LABORATORIES LIMITED. (PK)
197-A, the Mall, Rawalpindi, Pakistan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094734**
(210) 4-2005-17284
(181) 19.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MOJO

(151) 16.01.2008
(220) 19.12.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH ĐẠI DƯƠNG (VN)
88 phố Đồng Khởi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa; đồ uống trên cơ sở sữa.

Nhóm 32: Đồ uống không có cồn; bia.

Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia).

Nhóm 35: Mua bán đồ uống, đồ ăn (không do nhà hàng thực hiện); mua bán sợi thuốc lá, chén, đồ dùng văn phòng, túi du lịch, khung tranh và quần áo.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094735**
(210) 4-2005-17467
(181) 22.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FUNGISOME

(151) 16.01.2008
(220) 22.12.2005

(731) BIOPROFARMA S.A. (AR)
Terrada 1270, Capital Federal, Argentina
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094736**
(210) 4-2005-17478
(181) 22.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SABUTRAL

(151) 16.01.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094737**
(210) 4-2005-17479
(181) 22.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

INF ALFA 2B

(151) 16.01.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094738**
(210) 4-2007-09580
(181) 25.05.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 25.05.2007

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAVINA (VN)
356 quốc lộ 1A, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

(511) Nhóm 12: Xe gắn máy; động cơ và phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0094739**
(210) 4-2007-09582
(181) 25.05.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 25.05.2007

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAVINA (VN)
356 quốc lộ 1A, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

(511) Nhóm 12: Xe gắn máy; động cơ và phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0094740**
(210) 4-2007-02441
(181) 02.02.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

KRISTA

(151) 16.01.2008
(220) 02.02.2007

(731) YARA INTERNATIONAL ASA (NO)
Bygdoy Allé 2, 0202 Oslo, Norway
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng cho công nghiệp, nông nghiệp, nghề làm vườn (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh); phân bón.

---

(111) **4-0094741**
(210) 4-2005-10867
(181) 24.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

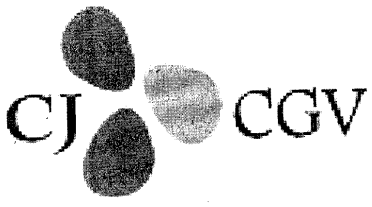

(151) 16.01.2008
(220) 24.08.2005

(531) 26.13.1; 26.13.25
(731) CJ CORP. (KR)
500, 5ga, Namdaemoon-no, Chung-ku, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ quản lý sân khấu; dịch vụ dàn dựng buổi biểu diễn; dịch vụ giới thiệu biểu diễn kịch; dịch vụ dàn dựng sân khấu; dịch vụ phân phối phim chiếu bóng; dịch vụ triển lãm phim chiếu bóng; dịch vụ xuất bản sách điện tử và báo điện tử trực tuyến; dịch vụ cung cấp trung tâm trò chơi; dịch vụ triển lãm phim trên băng video; dịch vụ khai thác trò chơi trực tuyến nối mạng internet.

---

(111) **4-0094742**
(210) 4-2005-11395
(181) 06.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIỆT MỸ

(151) 16.01.2008
(220) 06.09.2005

(731) NGUYỄN MINH TÙNG (VN)
xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị giải trí được lắp để chỉ sử dụng với máy thu vô tuyến truyền hình; phần ứng (điện); chương trình máy tính (ghi sẵn); cái chống sét (cột thu lôi); bảng điều khiển (điện); thiết bị điện động lực dùng để điều khiển từ xa tín hiệu; bảng thông báo điện tử; thẻ điện tử cho hàng hóa; thiết bị liên lạc; đồng hồ chỉ tổn thất điện; thiết bị đo; thiết bị điện để điều khiển từ xa hoạt động công nghiệp; thẻ thông minh (thẻ điện tử); phần mềm máy tính; thiết bị truyền âm thanh; bảng nối điện (tổng đài); thiết bị giảng dạy; điện thoại; thiết bị điện để phòng trộm; thiết bị thu hình.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền hình cáp; dịch vụ phát thanh; điện thoại vô tuyến lưu động; dịch vụ thông tin bằng điện thoại; dịch vụ truyền tin và hình ảnh có hỗ trợ máy tính; dịch vụ thiết bị đầu cuối (liên lạc bằng máy trạm); dịch vụ thông tin về hệ thống viễn thông; dịch vụ nhắn tin (vô tuyến; điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác); dịch vụ phát thanh radio.

Nhóm 42: Thiết kế phần mềm máy tính; kiến trúc, đánh giá công trình nghệ thuật; nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (cho người thứ ba), tạo dáng công nghiệp; nghiên cứu về cơ khí.

---

(111) **4-0094743**
(210) 4-2005-12473
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

安 葆

(151) 16.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) GREAT EASTERN RESINS INDUSTRIAL CO., LTD. (TW)
No. 35, 34th Road, Taichung Industrial Park, Tai chung, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Chất dính để dán quảng cáo; chất dính dùng trong công nghiệp; keo dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng cho giấy dán tường; chất dính dùng để gắn đồ vật bị vỡ; chất gắn để sửa chữa các đồ vật bị vỡ; chất dính dùng cho lớp gạch bông lát tường; chất kết dính dùng cho bê tông; chất thấm (luyện kim); hoá chất để chống thấm cho xi măng (trừ sơn); hoá chất để bảo quản xi măng (trừ sơn và dầu); chế phẩm hoá học dùng để sản xuất chất màu; chất dẻo để nặn; nhựa nhân tạo (ở dạng thô); nhựa tổng hợp (ở dạng thô); dung dịch cao su; chế phẩm nhựa phết dùng trong nghề trồng cây; chế phẩm nhựa phết dùng trong ghép cành; hoá chất chống sự ăn mòn.

---

(111) **4-0094744**
(210) 4-2005-13186
(181) 07.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 07.10.2005

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) DAO HEUANG IMPORT EXPORT CO. LTD (LA)
248-9 No.13 South Road, Ban Thaluang Pakse, Champasack
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Hạt cà phê rang, cà phê bột, cà phê hòa tan, cà phê sữa.

---

(111) **4-0094745**
(210) 4-2005-12917
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 04.10.2005

(531) 15.7.1
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG XA (VN)
Khu Thượng, xã Tráng Liệt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy cày; máy gặt; máy xát; máy nghiền; máy bơm ly tâm; bộ cày bừa lồng bám.

---

(111) **4-0094746**
(210) 4-2005-12928
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Hisamitsu

(151) 16.01.2008
(220) 04.10.2005

(731) HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)
408, Tashirodaikan - machi, Tosu - shi, Saga 841 - 0017 Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Đại lý xuất nhập khẩu; dịch vụ bán lẻ; quảng cáo; điều hành kinh doanh.

---

(111) **4-0094747**
(210) 4-2005-12937
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 04.10.2005

(531) 26.1.2
(591) Vàng, trắng, da cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN NGỌC ÁNH (VN)
93 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 44: Chăm sóc da mặt (trừ các hoạt động gây chảy máu).

---

(111) **4-0094748**
(210) 4-2005-12941
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 04.10.2005

(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Nệm mouse (nệm cao su); gối; giường; tủ; bàn; ghế.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm: nệm mouse (nệm cao su), gối, giường, tủ, bàn, ghế và các sản phẩm trang trí nội thất.

(111) **4-0094749**
(210) 4-2006-22083
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THUAN MINH
Light

(151) 16.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THUẬN MINH (VN)
7 Phú Thọ, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 23: Chỉ may.

---

(111) **4-0094750**
(210) 4-2005-11096
(181) 29.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

KAMEZ

(151) 16.01.2008
(220) 29.08.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094751**
(210) 4-2005-11712
(181) 09.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 09.09.2005

(531) A5.3.14
(731) CÔNG TY TNHH ĐU ĐỦ XANH (VN)
Số 47A, phố Trần Hưng Đạo, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ lữ hành.

---

(111) **4-0094752**
(210) 4-2005-12178
(181) 19.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 19.09.2005

(531) 19.7.1
(731) TAHITIAN NONI INTERNATIONAL, INC. (US)
333 West River Park Drive, Provo, Utah 84604, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 32: Nước ga; nước ép trái cây; nước khoáng; nước ép có ga; nước ngọt có ga; nước ép rau quả dạng cô đặc; nước ép hỗn hợp rau và quả; nước ép rau quả; hỗn hợp đồ uống dạng bột dùng làm nước ép; đồ uống dùng trong thể thao; xi-rô để làm đồ uống hoa quả.

---

(111) **4-0094753**
(210) 4-2006-18656
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ORALFUXIM

(151) 16.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094754**
(210) 4-2006-18657
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZINFAST

(151) 16.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094755**
(210) 4-2006-18658
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GERMEZOL

(151) 16.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094756**
(210) 4-2006-18659
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GERSAMIN

(151) 16.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094757**
(210) 4-2006-18676
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.1.2; 26.3.1; 1.15.23
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) CƠ SỞ THUẬN THIÊN (VN)
412 Kha Vạn Cân, khu phố 9, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Tương hột; nước tương; chao; trà; bột ngũ cốc; hủ tiếu; bánh kẹo.

---

(111) **4-0094758**
(210) 4-2006-18677
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 16.01.2008
(220) 01.11.2006

(531) 5.7.3; 26.11.3
(731) CÔNG TY TNHH ADC (VN)
43 Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0094759**
(210) 4-2006-18695
(181) 02.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

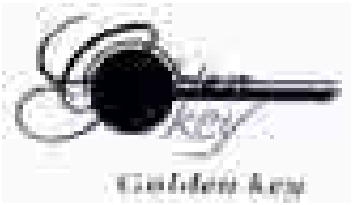

(151) 16.01.2008
(220) 02.11.2006

(531) 14.5.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHÌA KHOÁ VÀNG (VN)
Số 48, phố Hàng Bạc, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch; lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; dịch vụ vận tải hàng hoá và vận chuyển hành khách du lịch.

Nhóm 41: Tư vấn du học và đào tạo.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ (cung cấp chỗ ở); quán cà phê; đặt phòng khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ đặt tiệc, cung cấp thực phẩm và đồ uống; cung cấp tiện nghi (chỗ ăn ở) cho các cuộc hội thảo và triển lãm.

---

(111) **4-0094760**
(210) 4-2006-18982
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEDELIN

(151) 16.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ (VN)
Số 93, Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094761**
(210) 4-2006-06486
(181) 26.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 26.04.2006

(531) 26.4.2; A26.11.13; A26.11.7; 26.11.3
(591) Trắng, xanh tím than, xanh dương, xanh dương đậm, xanh lá cây, đỏ, tím, vàng
(731) CÔNG TY TNHH KIM OANH (VN)
113B Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 20: Nệm mousse, nệm lò so.

---

(111) **4-0094762**
(210) 4-2006-10006
(181) 28.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

X-COAT

(151) 17.01.2008
(220) 28.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIET NAM (VN)
Khu công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Sơn.

Nhóm 19: Bột trét tường.

---

(111) **4-0094763**
(210) 4-2006-10007
(181) 28.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SILOMAX

(151) 17.01.2008
(220) 28.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIET NAM (VN)
Khu công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Sơn.

Nhóm 19: Bột trét tường.

---

(111) **4-0094764**
(210) 4-2006-18053
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANROGEN

(151) 17.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0094765**
(210) 4-2006-18054
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ALOANNONG

(151) 17.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0094766**
(210) 4-2006-18055
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OXYTRINTOX

(151) 17.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0094767**
(210) 4-2006-18056
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANTANONG PLUS

(151) 17.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0094768**
(210) 4-2006-18057
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 25.10.2006

(531) 1.15.15; A26.3.7; 26.4.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HUY VIỆT TÂY ĐÔ (VN)
Thới An, Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Cồn (hoá chất); cồn khô (hoá chất); cồn etylic (hoá chất).

---

(111) **4-0094769**
(210) 4-2006-18130
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIỄN LẠC

(151) 17.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) LÊ THỊ NGỌC DUNG (VN)
209 Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo.

---

(111) **4-0094770**
(210) 4-2006-18675
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.1.1
(591) Đỏ, xanh lam, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN PHÚ HƯNG (VN)
281/13 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 35: Mua bán: mỹ phẩm, nước giải khát (bán lẻ).

---

(111) **4-0094771**
(210) 4-2006-07468
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TOLAND

(151) 17.01.2008
(220) 16.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SDD (VN)
Số 450 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp gas và các phụ kiện van, dây, đai kẹp dây gas.

---

(111) **4-0094772**
(210) 4-2006-07469
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEWLAND

(151) 17.01.2008
(220) 16.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SDD (VN)
Số 450 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp gas và các phụ kiện van, dây, đai kẹp dây gas.

---

(111) **4-0094773**
(210) 4-2006-07513
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

STARMAX

(151) 17.01.2008
(220) 16.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGHỆ AN (VN)
Số 19, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, ống xả khói xe máy, vành xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0094774**
(210) 4-2006-07514
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEVA

(151) 17.01.2008
(220) 16.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGHỆ AN (VN)
Số 19, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, ống xả khói xe máy, vành xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0094775**
(210) 4-2006-10641
(181) 07.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 07.07.2006

(531) A1.1.10; 26.1.1; A1.5.8
(591) Trắng, xanh tím than, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH CƯỜNG THẠCH (VN)
Phố Lục Đầu Giang, thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại.

(111) **4-0094776**
(210) 4-2006-10644
(181) 07.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

JANASTEEL

(151) 17.01.2008
(220) 07.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU THÉP HÀ TRUNG (VN)
Xóm Cầu Lai, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Kết cấu thép dùng trong xây dựng, vật liệu xây dựng bằng kim loại; đồ bằng kim loại dùng trong xây dưng; kim loại thường (thô hoặc bán thành phẩm); ống bằng kim loại; hàng ngũ kim loại nhỏ.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0094777**
(210) 4-2006-11412
(181) 20.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KIM NGÂN

(151) 17.01.2008
(220) 20.07.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT BÁNH KIM NGÂN (VN)
922A Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo.

---

(111) **4-0094778**
(210) 4-2006-13208
(181) 11.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 11.08.2006

(531) 26.1.1; 1.5.1; A1.5.2; 5.7.3; A15.7.3; 17.5.1; A17.5.25
(591) Vàng, đỏ, xanh lá cây, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ VẬT TƯ THIẾT BỊ NAM SÔNG TIỀN (VN)
180 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy toàn đạc điện tử, máy kinh vỹ điện tử, máy thủy chuẩn tự động, máy thủy chuẩn laser, máy định vị toàn cầu GPS và thiết bị phát sóng.

Nhóm 37: Xử lý nền móng công trình; cho thuê thiết bị đo đạc và xây dựng; sửa chữa, bảo trì, bảo hành máy và thiết bị đo đạc; khoan thăm dò địa chất.

Nhóm 42: Kiểm định hiệu chuẩn các máy móc; đo đạc bản đồ; kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

---

(111) **4-0094779**
(210) 4-2006-20045
(181) 20.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Wood-IIPRO

(151) 17.01.2008
(220) 20.11.2006

(531) A1.1.10; A1.1.3
(731) CỬA HÀNG TUẤN CƯỜNG (VN)
187 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy tăng âm (ampli); bộ trộn âm (mixer); loa; đầu đọc đĩa kỹ thuật số; máy thu hình (ti vi); ống nói (micrô).

---

(111) **4-0094780**
(210) 4-2006-06009
(181) 19.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Map Sedan

(151) 17.01.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt ốc bươu vàng; chất diệt động vật có hại cho cây trồng; chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094781**
(210) 4-2006-19206
(181) 09.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 09.11.2006

(531) 26.4.4; 26.11.2; A26.11.8
(591) Vàng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU ÁNH BÌNH MINH (VN)
Số 72/1A Phước Hưng, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi.

---

(111) **4-0094782**
(210) 4-2005-16898
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

UNIQ

(151) 17.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN DUY NHẤT (VN)
21 Yên Thế, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: phần mềm máy tính, máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị điện tử, thiết bị tự động hoá; cung cấp thông tin trên mạng Internet nhằm mục đích thương mại; quản lý cơ sở dữ liệu bằng máy tính.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn giải pháp công nghệ thông tin, dịch vụ thiết kế phần mềm máy tính, thiết kế trang web, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp, thiết kế mạng máy tính nội bộ, chuyển giao công nghệ tin học, gia công phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094783**
(210) 4-2005-16899
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) 4.3.20
(731) HOÀNG MINH NGỌC (VN)
Thôn Thổ Cầu, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Men rượu.

---

(111) **4-0094784**
(210) 4-2005-16900
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HƯƠNG LÚA

(151) 17.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) HOÀNG MINH NGỌC (VN)
Thôn Thổ Cầu, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Men rượu.

---

(111) **4-0094785**
(210) 4-2006-21425
(181) 07.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

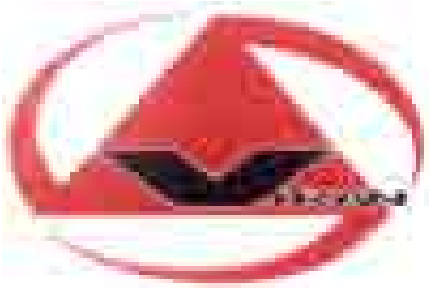

(151) 17.01.2008
(220) 07.12.2006

(531) 26.1.2; 26.3.1
(591) Trắng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VIỆT TRẦN (VN)
508/2D Cù Lao, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Cọc bê tông cốt thép và sản phẩm bê tông cốt thép.

---

(111) **4-0094786**
(210) 4-2006-21493
(181) 08.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MIXID

(151) 17.01.2008
(220) 08.12.2006

(731) OTSUKA PHARMACEUTICAL FACTORY, INC. (JP)
115, Aza Kuguhara Tateiwa, Muya-cho, Naruto-shi, Tokushima-ken, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Thuốc nước để tiêm và dược phẩm.

---

(111) **4-0094787**
(210) 4-2006-18968
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 06.11.2006

(531) A26.3.7; 26.3.1; A5.5.22; 26.11.3; A26.11.13
(591) Đỏ, xanh lá cây, vàng.
(731) CÔNG TY TNHH THÀNH TÂM (VN)
ấp Bình Giao, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Mì; mì ăn liền; mì trứng, mì nui.

---

(111) **4-0094788**
(210) 4-2006-19446
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEW ONE

(151) 17.01.2008
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP HÙNG YẾN (VN)
Số 47, đường Nguyễn Thị Lưu II, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

(511) Nhóm 20: Đệm.

---

(111) **4-0094789**
(210) 4-2006-20057
(181) 20.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GIOVANNI

(151) 17.01.2008
(220) 20.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG PHI HÀ (VN)
Số 16, ngõ 9, tổ 85, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 18: Rương, hòm, vali và túi xách tay, ví đầm, ví dành cho nam giới.

Nhóm 25: Quần áo, cà vạt, khăn quàng cổ, thắt lưng (trang phục), giày dép, mũ nón.

(111) **4-0094790**
(210) 4-2006-20059
(181) 20.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 20.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG PHI HÀ (VN)
Số 16, ngõ 9, tổ 85, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 18: Rương, hòm, vali và túi xách tay, ví đầm, ví dành cho nam giới.

Nhóm 25: Quần áo, cà vạt, khăn quàng cổ, thắt lưng (trang phục), giày dép, mũ nón.

---

(111) **4-0094791**
(210) 4-2006-20590
(181) 24.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 24.11.2006

(531) A1.1.10
(591) Xanh sẫm, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ASEM (VN)
Thị tứ Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Bột giặt, kem đánh răng, nước rửa chén, nước rửa sàn nhà, nước lau kính cửa sổ, nước tẩy rửa bồn cầu.

---

(111) **4-0094792**
(210) 4-2006-20991
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 30.11.2006

(531) 26.3.23
(591) Đỏ, xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ GIA TOÀN YMH (VN)
27 đường số 4, khu dân cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy, má phanh xe máy.

---

(111) **4-0094793**
(210) 4-2006-21610
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TÀI NGA

(151) 17.01.2008
(220) 11.12.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÀI NGA (VN)
4/2B, Hà Hoàng Hổ, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, mũ nón (bằng vải).

---

(111) **4-0094794**
(210) 4-2006-21611
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BAC HUNG

(151) 17.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI BẮC HƯNG (VN)
Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại.

---

(111) **4-0094795**
(210) 4-2006-21612
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) A2.3.2; 2.1.1; 26.1.1; A11.3.2
(591) Xanh lá cây, trắng, đỏ, xanh cốm
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG DUY (VN)
62 D1 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà; cà phê.

---

(111) **4-0094796**
(210) 4-2006-21613
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BẢY QUỐC

(151) 17.01.2008
(220) 11.12.2006

(731) PHAN THỊ MAI (VN)
78B, Phạm Hồng Thái, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0094797**
(210) 4-2006-21614
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIỆT TÀI PHÁT

(151) 17.01.2008
(220) 11.12.2006

(731) NGUYỄN TRUNG VIỆT (VN)
19/10E, Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán mô tơ.

---

(111) **4-0094798**
(210) 4-2006-21616
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SÁU ĐỜI

(151) 17.01.2008
(220) 11.12.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SÁU ĐỜI (VN)
175 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

(111) **4-0094799**
(210) 4-2006-22020
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CETANA

(151) 17.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) HOÀNG TUẤN ANH (VN)
120/8B Trần Bình Trọng, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà, cà phê, ca cao.

Nhóm 43: Quán cà phê; dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0094800**
(210) 4-2006-20629
(181) 27.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 27.11.2006

(531) 26.1.2; 1.5.1; A1.5.2
(591) Trắng, đỏ
(731) DOANH NGHIỆP KIM BẢO NGỌC (VN)
110 Lê Lợi, Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 14: Tranh nghệ thuật làm bằng đá quý; đá quí; đồ trang sức làm bằng đá quí; đồ kim hoàn; đá bán quí.

---

(111) **4-0094801**
(210) 4-2006-15871
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 20.09.2006

(531) A5.1.5; 26.1.1
(591) Trắng, xanh, đỏ, nâu, vàng nâu, xám
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

(111) **4-0094802**
(210) 4-2006-15872
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 20.09.2006

(531) 26.1.2
(591) Đen, trắng, xám, nâu, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0094803**
(210) 4-2006-17890
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BETTER YEAR

(151) 17.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng chiên, đậu Hà Lan chiên muối, đậu rang.

---

(111) **4-0094804**
(210) 4-2006-17891
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TANTANCLASSIC

(151) 17.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng chiên, đậu Hà Lan chiên muối, đậu rang.

---

(111) **4-0094805**
(210) 4-2006-17979
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 25.10.2006

(531) A5.11.2; 26.4.1
(591) Trắng, ghi, xanh ngọc
(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094806**
(210) 4-2006-18071
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 25.10.2006

(591) Tím, trắng
(731) BÍCH KHÊ (VN)
126 Huỳnh Văn Bánh, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0094807**
(210) 4-2006-18093
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - GIAO NHẬN ÂU HOA (VN)
Số 124A6, đường Trần Huy Liệu, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 28: Gậy đánh gôn, bóng để chơi gôn, vợt cầu lông, vợt ten-nít, dây để căng vợt cầu lông và ten-nít, túi được thiết kế đặc biệt để đựng vợt cầu lông và ten-nít.

Nhóm 35: Mua, bán gậy đánh gôn, bóng để chơi gôn, vợt cầu lông, vợt ten-nít, dây để căng vợt cầu lông và ten-nít, túi được thiết kế đặc biệt để đựng vợt cầu lông và ten-nít.

---

(111) **4-0094808**
(210) 4-2006-18094
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) 26.4.8
(591) Xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHI HÙNG (VN)
95 Hùng Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán xe máy, ô tô, và phụ tùng thay thế, trang thiết bị viễn thông, thiết bị máy móc phục vụ ngành công nghiệp và nông nghiệp, điện thoại và linh kiện điện thoại, thẻ dùng cho điện thoại.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn và nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094809**
(210) 4-2006-18110
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PHIZIN

(151) 17.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0094810**
(210) 4-2006-18212
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 27.10.2006

(531) 5.13.1; 26.4.2
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, vàng
(731) TRỊNH VĂN NGHĨA (VN)
118/8/24 đường liên khu 5-6, khu phố 5, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Kem dưỡng da; kem làm trắng da; kem chống nắng; kem lột nhẹ da mặt.

---

(111) **4-0094811**
(210) 4-2006-18215
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

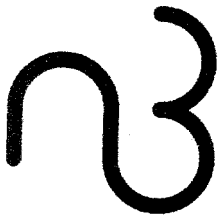

(151) 17.01.2008
(220) 27.10.2006

(531) A26.11.12
(731) NATURAL BEAUTY COSMETICS CO., LTD. (TW)
9F, NO. 76, SEC. 2, Tunhwa S. Rd., Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ thẩm mỹ viện chăm sóc sắc đẹp; dịch vụ làm tóc (dịch vụ làm đẹp); dịch vụ tắm hơi; dịch vụ xoa bóp; dịch vụ làm đẹp bằng liệu pháp vật lý.

---

(111) **4-0094812**
(210) 4-2006-18356
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ABAVEC SUPER

(151) 17.01.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN THÀNH (VN)
3165 thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0094813**
(210) 4-2006-18133
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) 14.5.21
(731) KOREA ALPHALINE CO., LTD (KR)
435-5 Dunchon-dong, Kangdong-ku, Seoul 134-060 Republic of Korea
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 21: Chảo để nấu (không dùng điện); bộ hộp đựng thức ăn có thể xếp lồng vào nhau; bát để ăn; hộp để đựng đồ gia dụng và đồ bếp không làm từ kim loại quí, lọ không làm từ kim loại quí; khay dùng cho bộ đồ uống rượu không làm bằng kim loại quí; bình cách nhiệt; thùng đựng rác.

---

(111) **4-0094814**
(210) 4-2006-15063
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CADIMOTION

(151) 17.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094815**
(210) 4-2006-15168
(181) 11.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

STAROTON-G2

(151) 17.01.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM THIÊN TÂM (VN)
Nhà số 7, ngõ 121/59 Kim Ngưu, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094816**
(210) 4-2006-15328
(181) 13.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐẠI PHÚ LONG

(151) 17.01.2008
(220) 13.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI PHÚ (VN)
Số nhà 241, đại lộ Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh đậu xanh, bột đậu xanh.

---

(111) **4-0094817**
(210) 4-2006-15515
(181) 15.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

QUEEN FLOOR

(151) 17.01.2008
(220) 15.09.2006

(531) 25.1.25; 26.4.2
(591) Vàng, xanh đậm
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHONG CÁCH MỚI (VN)
398 Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Tấm lát ván sàn bằng gỗ ép công nghiệp.

---

(111) **4-0094818**
(210) 4-2006-16519
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THANH ĐẠM

(151) 17.01.2008
(220) 02.10.2006

(731) NGUYỄN HỮU THỊ LÊ HOÀNG (VN)
101 đường 2/9, phường 1, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Cửa hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094819**
(210) 4-2006-18119
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PACIFIC CITY

(151) 17.01.2008
(220) 26.10.2006

(731) ECS HOLDINGS LIMITED (SG)
19 Kallang Avenue, #07-153, Singapore 339410
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ thu thập hàng hóa cho người khác (không bao gồm việc vận chuyển), cụ thể là máy tính, thiết bị ngoại vi máy tính, máy trợ lý cá nhân kỹ thuật số (máy tính cầm tay), máy sách tay điện tử, phần cứng máy tính, phần mềm máy tính, máy tính xách tay (laptop), máy tính cầm tay, thiết bị và dụng cụ thông tin liên lạc điện tử, thiết bị mang dữ kiện từ tính, thiết bị điện tử kỹ thuật số di động, thiết bị và dụng cụ viễn thông, thiết bị điện từ để liên lạc thông tin, các bộ phận và linh kiện của các loại hàng hoá nói trên nhằm giúp cho người mua thuận tiện trong việc lựa chọn và mua các loại hàng hoá đó tại các cửa hàng bán lẻ, bách hoá, siêu thị, cửa hàng đại lý từ danh mục hàng hóa chung bằng cách họ có thể đặt mua hàng hoá đó bằng thư điện tử hoặc qua internet; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

---

(111) **4-0094820**
(210) 4-2006-18887
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 17.01.2008
(220) 03.11.2006

(531) 1.15.23; 1.15.24; 26.11.3; A26.11.12; 18.3.2; A3.9.4; A3.9.24
(591) Xanh lam, vàng nhũ, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DOANH NGHIỆP TRẺ BÀ RỊA - VŨNG TÀU (VN)
Số 63 Hoàng Văn Thụ, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai.

---

(111) **4-0094821**
(210) 4-2005-05023
(181) 29.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 29.04.2005

(731) CHIN HUA PACKING ENTERPRISE CO., LTD (TW)
No.35, Hai San Road, Pan Chiao, Taipei, Taiwan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Máy quấn dây đai; máy đóng bao bì; máy đóng gói hút chân không; máy đóng gói bao bì tự động; máy ép túi ni lông (nylon); máy cột dây đóng gói.

Nhóm 17: Băng keo dùng trong công nghiệp.

Nhóm 22: Dây đai, dây ni lông (nylon).

---

(111) **4-0094822**
(210) 4-2005-05024
(181) 29.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 29.04.2005

(531) 3.13.1
(731) CHIN HUA PACKING ENTERPRISE CO., LTD (TW)
No.35, Hai San Road, Pan Chiao, Taipei, Taiwan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 17: Băng keo dùng trong công nghiệp.

Nhóm 22: Dây đai; dây ni lông (nylon).

---

(111) **4-0094823**
(210) 4-2006-04058
(181) 21.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PAPA

(151) 18.01.2008
(220) 21.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Các chất chiết ra từ thịt, tôm, cá, trứng dưới dạng hạt để ăn liền; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền.

Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước chấm chế trên cơ sở các sản phẩm thuộc nhóm này; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0094824**
(210) 4-2006-04059
(181) 21.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PAPPA

(151) 18.01.2008
(220) 21.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Các chất chiết ra từ thịt, tôm, cá, trứng dưới dạng hạt để ăn liền; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền.

Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước chấm chế trên cơ sở các sản phẩm thuộc nhóm này; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0094825**
(210) 4-2006-13863
(181) 23.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

St herb™
Tropical Herbal Product

(151) 18.01.2008
(220) 23.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH HIỀN VI (VN)
73 Phạm Ngọc Thạch, phường 06, quận 03, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0094826**
(210) 4-2006-05760
(181) 14.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 14.04.2006

(531) 25.7.20; 26.4.1; A5.5.20; A5.5.21
(731) KNIGHT FRANK (NOMINEES) LIMITED (GB)
20 Hanover Square, London W1S 1HZ, England
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Bán đấu giá; đăng các thông báo quảng cáo; đánh giá gỗ chưa đẵn; dịch vụ tiếp cận công chúng; quảng cáo; nghiên cứu kinh doanh; chuẩn bị báo cáo kinh doanh; dịch vụ quản lý kinh doanh.

Nhóm 36: Quản lý danh mục vốn đầu tư; dịch vụ đầu tư vốn; dịch vụ quản lý toà nhà (dịch vụ bất động sản); dịch vụ đại lý bất động sản; quản lý bất động sản; mua nợ; dịch vụ tài chính; cho thuê bất động sản và trang trại; quản lý và môi giới bất động sản; cho thuê căn hộ và căn phòng; định giá bất động sản; đánh giá tài chính; tư vấn tài chính; tư vấn nghiệp vụ liên quan đến bất động sản; dịch vụ quản lý nhà (dịch vụ bất động sản) và quản lý tài sản.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; thiết kế kiểu dáng công nghiệp; điều tra đất đai và đường xá; chuẩn bị báo cáo liên quan đến các dịch vụ trên; tư vấn liên quan đến quy hoạch phát triển đất đai; sở hữu công nghiệp.

---

(111) **4-0094827**
(210) 4-2006-05840
(181) 17.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Life's key

(151) 18.01.2008
(220) 17.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIM XUÂN (VN)
187/9/5 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Canh súp; nước dùng cô đặc (dạng viên) để nấu canh súp; chế phẩm để nấu nước dùng.

(111) **4-0094828**
(210) 4-2006-05841
(181) 17.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐỊA SINH KIM

(151) 18.01.2008
(220) 17.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIM XUÂN (VN)
187/9/5 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón lá; phân bón.

---

(111) **4-0094829**
(210) 4-2006-14929
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DEIIE

(151) 18.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) 26.2.7; 26.11.3; A26.11.7
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGÂN CƠ (VN)
Số 1R Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh như: bệ xí, chậu rửa, bồn tắm, vòi nước.

Nhóm 35: Mua bán thiết bị vệ sinh.

---

(111) **4-0094830**
(210) 4-2006-15029
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CORPID

(151) 18.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) PRAYASH HEALTHCARE PVT LTD. (IN)
Prime Apartments, 4-77/1, Street No. 8, Habsiguda, Hyderabad, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0094831**
(210) 4-2006-15062
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CADIFAST

(151) 18.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094832**
(210) 4-2006-15169
(181) 11.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MITAGENOL

(151) 18.01.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM THIÊN TÂM (VN)
Nhà số 7, ngõ 121/59 Kim Ngưu, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094833**
(210) 4-2006-04131
(181) 22.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 22.03.2006

(531) 26.3.1; 26.1.1; 1.3.1
(591) Đỏ, xanh nước biển, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG DÂN DỤNG - CÔNG NGHIỆP (VN)
Số 266 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng.

Nhóm 37: Xây dựng và giám sát điều hành công việc xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị.

Nhóm 42: Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng khu đô thị; thiết kế kiến trúc, kết cấu cống rãnh, vỉa hè, đô thị; qui hoạch tổng thể mặt bằng.

---

(111) **4-0094834**
(210) 4-2006-06006
(181) 19.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Map Famy

(151) 18.01.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt ốc bươu vàng; chất diệt động vật có hại cho cây trồng; chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094835**
(210) 4-2006-06007
(181) 19.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Map Ora

(151) 18.01.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt ốc bươu vàng; chất diệt động vật có hại cho cây trồng; chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094836**
(210) 4-2006-06008
(181) 19.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Map Olive

(151) 18.01.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt ốc bươu vàng; chất diệt động vật có hại cho cây trồng; chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094837**
(210) 4-2007-00592
(181) 08.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 08.01.2007

(531) 24.9.1
(591) Trắng, đen, ghi nhạt, vàng, nâu, đỏ, xanh
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANH ĐÀO (VN)
Khu công nghiệp Phú Diễn, Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0094838**
(210) 4-2007-00593
(181) 08.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 08.01.2007

(531) 24.9.1; 25.1.15; A11.3.2
(591) Vàng, nâu, đen, ghi nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANH ĐÀO (VN)
Khu công nghiệp Phú Diễn, Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0094839**
(210) 4-2003-09504
(181) 20.10.2013
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 20.10.2003

(531) 26.5.1
(591) Đỏ, vàng, xanh tím than, trắng
(731) KRAFT FOODS HOLDINGS, INC. (A DELAWARE CORPORATION) (US) Three Lakes Drive, Northfield, Illinois 60093, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Thịt, cá, gia cầm và thú săn, chất chiết ra từ thịt; rau và quả được bảo quản, phơi khô và nấu chín, nước quả nấu đông, mứt, mứt quả; trứng, sữa và các sản phẩm bơ sữa; pho mát, sản phẩm pho mát, chất phết lên pho mát; dầu thực vật và mỡ ăn.

---

(111) **4-0094840**
(210) 4-2005-15728
(181) 22.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 22.11.2005

(531) 2.3.1
(731) FANTASTIC CARE SDN- BHD (MY) 41, Jalan Wangsa Permai 1/1, Taman Wangsa Permai, 52200 Kepong, Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Sản phẩm chăm sóc cá nhân và sản phẩm để tắm rửa bao gồm dầu gội chăm sóc tóc; dầu xả; kem thoa, gel (dạng lỏng đặc quánh), bình xịt, keo bọt, huyết thanh (nước sữa), chất làm sáng màu, tất cả dùng cho tóc; gel tạo kiểu tóc; sản phẩm dùng tránh hay hạn chế rụng tóc; sản phẩm dùng giúp mọc tóc; sản phẩm tạo sóng và quăn tóc lâu dài; sản phẩm làm tóc khoẻ; sản phẩm tạo độ ẩm cho tóc; nước thơm dưỡng tóc; sản phẩm làm đầu; nước thơm tạo hình tóc; sản phẩm tạo màu tóc bao gồm sản phẩm nhuộm tóc; sản phẩm chăm sóc da (mỹ phẩm) và mỹ phẩm, cụ thể là kem dưỡng da; sữa làm sạch cho da và mặt, nước khoáng dùng cho da; nước thơm chứa huyết thanh (mỹ phẩm); gel; gel dưỡng mắt; sản phẩm chăm sóc da khi đi nắng dùng cho mục đích trang điểm; mặt nạ đắp mặt; xà phòng và gel chống mụn (mỹ phẩm); gel chống nhăn da; kem và phấn thoa để nhấn mạnh từng vùng nhất định trên mặt; son môi; xà phòng dưỡng da; phấn mắt; sản phẩm chăm sóc cơ thể và tay bao gồm kem tắm; gel; sữa tắm toàn thân; xà phòng và muối tắm (không dùng cho mục đích y tế); chất khử mùi toàn thân; nước thơm toàn thân; nước xịt toàn thân; sản phẩm tạo độ ẩm toàn thân; phấn bột mịn dùng trang điểm và toàn thân; nước hoa; chất xịt toàn thân; nước hoa cologne; tinh dầu; tinh dầu và dầu oliu; nước thơm thoa sau khi cạo râu; sữa hạnh nhân dùng cho mục đích mỹ phẩm; chế phẩm mỹ phẩm dùng khi tắm; mặt nạ làm đẹp; bộ mỹ phẩm; chế phẩm mỹ phẩm làm thon thả cơ thể; mỹ phẩm; kem mỹ phẩm; kem làm trắng da; xà phòng khử mùi; sản phẩm khử mùi dùng cho cá nhân; thuốc nhuộm mỹ phẩm; mỹ phẩm trang điểm lông

mày; bút chì kẻ lông mày; chế phẩm mỹ phẩm dùng cho lông mi; chất tạo màu cho tóc; chất xịt lên tóc; chế phẩm tạo sóng cho tóc; nước thơm dùng cho mục đích mỹ phẩm; sản phẩm trang điểm; phấn trang điểm; chế phẩm chăm sóc móng; sơn đánh móng tay, chân; thuốc màu bôi móng tay, chân; móng tay (chân) giả; dầu dùng cho mục đích làm sạch; dầu dùng cho mục đích mỹ phẩm; nước hoa; hỗn hợp thơm (chất có hương thơm); dầu gội đầu; chế phẩm làm mượt (hồ phẳng); xà phòng; mỹ phẩm dùng để tắm rửa; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094841**
(210) 4-2006-03757
(181) 17.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MICHIGO

(151) 18.01.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH BÔNG SEN VÀNG (VN)
AA 2-6 lô H5-2, khu phố Mỹ Khánh, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi xách da và giả da; ví da và giả da.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép, mũ nón nam nữ; giày dép da và giả da; thắt lưng da và giả da.

Nhóm 35: Mua bán quần áo, giày dép, mũ nón, túi xách, ví, thắt lưng; giới thiệu các loại sản phẩm, dịch vụ quảng cáo sản phẩm.

---

(111) **4-0094842**
(210) 4-2006-02921
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 02.03.2006

(531) 26.1.2; 1.3.1
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, cam đậm, cam nhạt
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU TRÀ - CÀ PHÊ VƯỜN ĐÔNG DƯƠNG (VN)
52 Trương Định, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Trà; cà phê; cà phê sữa; ca cao; sô cô la; kem lạnh.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống bởi nhà hàng; quán cà phê tự phục vụ; căng tin cung cấp thực phẩm và đồ uống; nhà hàng cung cấp thực phẩm và đồ uống; quán rượu nhỏ; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0094843**
(210) 4-2006-03756
(181) 17.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 17.03.2006

(531) 1.5.1; 1.17.11; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI (VN)
Xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 17: Cao su thô hoặc bán thành phẩm; cao su tổng hợp.

Nhóm 36: Mua bán địa ốc, mua bán các công trình kết cấu hạ tầng.

Nhóm 44: Trồng trọt.

---

(111) **4-0094844**
(210) 4-2006-16395
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CORALZA

(151) 18.01.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được bộ y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0094845**
(210) 4-2006-17299
(181) 16.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 16.10.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ LÊ THỊ BẢO HÀ (VN)
Sạp 148-149 khu 1A, chợ Bà Chiểu, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Xe chữa cháy.

---

(111) **4-0094846**
(210) 4-2006-20973
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

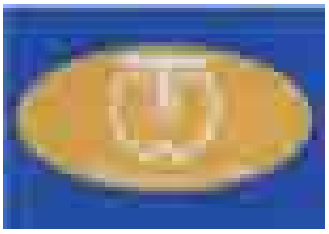

(151) 18.01.2008
(220) 30.11.2006

(531) 26.1.2; 26.4.2; 24.1.1
(591) Vàng, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH PHƯƠNG THẢO & WIRL (VN)
537A, quốc lộ 1A, phường Bình Hương Hoà, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Các sản phẩm làm từ gỗ như: bàn, ghế, tủ, kệ.

---

(111) **4-0094847**
(210) 4-2006-21556
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TUYẾT HƯƠNG

(151) 18.01.2008
(220) 11.12.2006

(731) CƠ SỞ TUYẾT HƯƠNG (VN)
191B ấp Mỹ An, xã Mỹ Thạnh An, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Kẹo dừa, kẹo chuối.

---

(111) **4-0094848**
(210) 4-2006-16070
(181) 25.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 25.09.2006

(531) 5.5.16
(591) Hồng, trắng
(731) CƠ SỞ HƯƠNG SEN (VN)
Số 15 phố Hàng Điếu, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bột sắn, cà phê, chè.

---

(111) **4-0094849**
(210) 4-2006-16392
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 29.09.2006

(531) 26.4.3; 25.1.25
(731) CÔNG TY THÁN TÚ - (TNHH) (VN)
Số 214 Ngô Gia Tự, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 25: Quần áo, quần áo thể thao, quần áo trẻ em, giầy thể thao, mũ, đai lưng (trang phục quần áo).

---

(111) **4-0094850**
(210) 4-2006-17876
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 24.10.2006

(531) 3.4.7
(591) Hồng đậm, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIẾN HƯNG (VN)
Số 3, đường TS 3, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 30: Bột mì.

---

(111) **4-0094851**
(210) 4-2006-18084
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23; 26.7.25
(591) Vàng, xanh, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VIỆT TUẤN (VN)
81 Bà Triệu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy vi tính.

Nhóm 35: Buôn bán các thiết bị điện tử, điện lạnh, điện gia dụng bao gồm: ti vi, tủ lạnh, máy giặt, điều hoà, nồi cơm điện, máy hút bụi, bàn là, ấm đun siêu tốc, bình lọc nước, nồi lẩu, lò vi sóng, phích điện, máy sinh tố, máy sấy, máy ép hoa quả, tai nghe; đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; quảng cáo trưng bày giới thiệu hàng hoá; dịch vụ tiếp thị;

buôn bán bánh mứt kẹo, đồ hộp, hàng lương thực, thực phẩm, hàng nông lâm thuỷ hải sản, rượu bia thuốc lá (tất cả không do nhà hàng thực hiện); xuất nhập khẩu; môi giới thương mại.

Nhóm 36: Đại lý bảo hiểm.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng, bảo trì các máy móc thiết bị điện tử, điện gia dụng, máy vi tính và phương tiện vận tải đường bộ; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, văn hoá thể thao, phòng cháy chữa cháy, cơ sở hạ tầng, công trình nước, công trình điện cao thế 35kv; san lấp mặt bằng.

Nhóm 39: Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ; dịch vụ vận tải hàng hoá; vận chuyển hành khách.

Nhóm 40: Lắp ráp các sản phẩm điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng, máy vi tính.

Nhóm 42: Dịch vụ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực: điện tử, điện lạnh, tin học.

---

(111) **4-0094852**
(210) 4-2006-18085
(181) 26.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 26.10.2006

(531) 26.3.23; 26.7.25; A26.4.6; 26.1.1
(591) Vàng, xanh, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VIỆT TUẤN (VN)
81 Bà Triệu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán các thiết bị: điện tử, điện lạnh, điện gia dụng.

---

(111) **4-0094853**
(210) 4-2006-18402
(181) 30.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 30.10.2006

(531) A26.11.12; 26.3.23; 24.15.21
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÀ NỘI (VN)
Thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Giầy dép các loại.

(111) **4-0094854**
(210) 4-2006-18404
(181) 30.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.1.2; 26.2.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÀ NỘI (VN)
Thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Giấy dép các loại.

---

(111) **4-0094855**
(210) 4-2006-18405
(181) 30.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 30.10.2006

(531) A26.11.12; 26.4.9
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÀ NỘI (VN)
Thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Giầy dép các loại.

---

(111) **4-0094856**
(210) 4-2007-01832
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

STENROGYL

(151) 18.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MINH THÀNH (VN)
234 đường Chiến Thắng, Văn Quán, Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094857**
(210) 4-2007-01833
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

LEUCO-VIT

(151) 18.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MINH THÀNH (VN)
234 đường Chiến Thắng, Văn Quán, Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094858**
(210) 4-2007-01834
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

ROSPATIN

(151) 18.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG II (VN)
136 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094859**
(210) 4-2007-01835
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

YUHANANTIPHLAMINE S Lotion

(151) 18.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) KOLON INTERNATIONAL CORP. (KR)
Kolon Tower, Annex 1-22, Byeolyang-Dong Kwacheon City, Kyonggi-Do 427-040, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094860**
(210) 4-2007-01836
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRƯỜNG SƠN®

(151) 18.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG NAM DƯỢC TRƯỜNG SƠN (VN)
159 A-B Lê Đại Hành, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng xoa bóp, dầu cù là.

---

(111) **4-0094861**
(210) 4-2006-02922
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 02.03.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, nâu cà phê
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI NGUYỄN PHẠM (VN)
451/60 Phạm Thế Hiển, phường 3, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo lót, giày dép, túi xách, đồ da, đồ trang trí dùng trong thời trang.

---

(111) **4-0094862**
(210) 4-2006-08297
(181) 30.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 30.05.2006

(531) 26.1.2; 24.15.3; 26.3.23
(591) Đỏ tươi, xanh mực
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM (VN)
Đường Phan Bội Châu, Tam Kỳ, Quảng Nam

(511) Nhóm 37: Thi công các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, thuỷ lợi, các công trình cơ, điện, điện lạnh; thi công các công trình bưu chính - viễn thông, phát thanh - truyền hình, thiết bị tin học, thiết bị chống sét.

---

(111) **4-0094863**
(210) 4-2006-09268
(181) 15.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 15.06.2006

(531) 26.1.2; 6.1.2; A26.11.13; A1.3.18
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN THÀNH ĐẠT (VN)
Số 115 Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Các sản phẩm may mặc thuộc nhóm này cụ thể là: quần; áo; mũ; nón; giày; dép.

---

(111) **4-0094864**
(210) 4-2006-14927
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

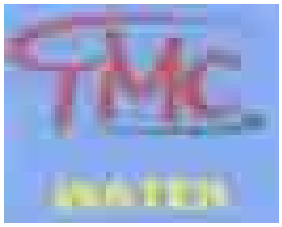

(151) 18.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) A26.11.12; 26.11.1
(591) Xanh lá cây, xanh dương nhạt, đỏ, vàng.
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TMC (VN)
Số 5, phố Trần Hữu Tước, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094865**
(210) 4-2006-14928
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 07.09.2006

(591) Xanh dương đậm, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ HOÀNG MINH (VN)
P202, số 111 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn luật, dịch vụ tư vấn sở hữu trí tuệ.

---

(111) **4-0094866**
(210) 4-2006-14986
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) A1.1.10; 7.15.20; 26.1.2; 26.15.3; 14.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU COMPOSIT SAO ĐỎ (VN)
Số 02, ngõ 46, phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Nhựa nhân tạo dạng thô.

---

(111) **4-0094867**
(210) 4-2006-15004
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) 7.1.5; 7.1.24; 7.3.11; 26.5.1
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ TÂN ĐOÀN VIỆT (VN)
B6/190 quốc lộ 50, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Bảo hiểm; bất động sản: cho thuê nhà ở, cho thuê xưởng; môi giới bất động sản; đầu tư kinh doanh nhà ở; tư vấn đầu tư.

Nhóm 37: Xây dựng; sửa chữa, lắp đặt; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị; xây dựng công trình giao thông-cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước; tư vấn xây dựng.

Nhóm 39: Vận tải; du lịch kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; cho thuê kho bãi.

Nhóm 40: Xử lý vật liệu; xử lý nước thải và ô nhiễm môi trường.

---

(111) **4-0094868**
(210) 4-2006-15143
(181) 11.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 11.09.2006

(531) 7.15.22; 7.15.1; 19.7.2; A19.7.16
(591) Trắng, đen, đỏ, nâu đỏ, vàng nâu, hồng nhạt
(731) TRỊNH VÂN HẢI (VN)
34 ngõ 29, phố Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu gạo; rượu vang; rượu vôtca; đồ uống có cồn (trừ bia).

---

(111) **4-0094869**
(210) 4-2006-19030
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TERPLUS

(151) 18.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO VN TNHH (VN)
Số 13, đường 9A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094870**
(210) 4-2006-19031
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BROMUS

(151) 18.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO VN TNHH (VN)
Số 13 đường 9A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094871**
(210) 4-2006-19437
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEFIBILOBA

(151) 18.01.2008
(220) 13.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094872**
(210) 4-2006-19470
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DEPOT METYLMED

(151) 18.01.2008
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được bộ y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0094873**
(210) 4-2006-19473
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TARITAM

(151) 18.01.2008
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được bộ y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0094874**
(210) 4-2006-19476
(181) 13.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LORELIN DEPOT

(151) 18.01.2008
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được bộ y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0094875**
(210) 4-2006-20837
(181) 29.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 29.11.2006

(531) A26.11.12; 24.13.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ MINH PHƯƠNG (VN)
Số nhà 20, nhà E9, khu tập thể Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Hóa chất dùng trong y học như chất khử trùng, chế phẩm hoá học dùng trong ngành y, chất tẩy dùng trong ngành y, chế phẩm chuẩn đoán dùng trong ngành y.

Nhóm 10: Chỉ khâu phẫu thuật; dụng cụ chỉnh hình; thanh nẹp dùng trong y tế; dụng cụ phẫu thuật dùng trong quá trình chỉnh hình (như đinh xương, mũi khoan, vít); thiết bị và dụng cụ giải phẫu y tế gồm: thiết bị vi phẫu, lưỡi dao mổ, chuôi dao mổ; máy điện tim; hệ thống thiết bị X-quang dùng trong y học; đầu dò siêu âm; đèn nội soi video (ghi hình ảnh lên băng từ); nội soi điện tử; phim X-quang không phơi sáng; cuộn phim X-quang chưa phơi sáng dùng trong y tế.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm; mua bán trang thiết bị y tế; mua bán hoá chất dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094876**
(210) 4-2006-07530
(181) 16.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Prettyl-L

(151) 18.01.2008
(220) 16.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT (VN)
17A2 tập thể điện lực, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0094877**
(210) 4-2006-08420
(181) 31.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

V-BRAND

(151) 18.01.2008
(220) 31.05.2006

(531) 5.5.16; A5.5.20; A5.5.21
(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM (VN)
Số 22, ngõ 186, phố Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ nghiên cứu thị trường; dịch vụ tư vấn quản lý kinh doanh; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; dịch vụ tổ chức gặp mặt giao lưu nhằm mục đích hỗ trợ kinh doanh

Nhóm 41: Các dịch vụ đào tạo, giáo dục và giảng dạy về mỹ thuật, đồ hoạ; dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo nhằm mục đích hỗ trợ kinh doanh.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế mẫu in, thiết kế quảng cáo, thiết kế nhãn hiệu hàng hoá, thiết kế bao bì, thiết kế mỹ thuật ứng dụng.

---

(111) **4-0094878**
(210) 4-2006-14861
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) 26.1.1; 26.1.5; 26.2.1
(591) Trắng, xanh nước biển, đỏ gạch, đỏ xám
(731) CÔNG TY TNHH HÀ NỘI CHỢ LỚN (HA NOI CHO LON COMPANY LIMITED) (VN)
Số 36, đường Phạm Văn Đồng, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất.

Nhóm 35: Buôn bán hàng điện tử, điện máy.

Nhóm 37: Trang trí nội ngoại thất.

---

(111) **4-0094879**
(210) 4-2006-19271
(181) 09.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 18.01.2008
(220) 09.11.2006

(531) 26.3.1; 26.3.23; 24.15.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ NHÀ GỖ QUANG VĨNH (VN)
Quốc lộ A, xã Điện Minh, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

(511) Nhóm 19: Đồ gỗ phục vụ xây dựng, phục chế nhà Rường, nhà giả cổ hoàn chỉnh như: khung nhà gỗ kể cả cột, kèo, trính, cửa dùng để lắp ghép hoàn chỉnh.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn (chỗ ở tạm thời).

---

(111) **4-0094880**
(210) 4-2006-20919
(181) 29.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MANZONI

(151) 18.01.2008
(220) 29.11.2006

(731) RAYMOND LIMITED (IN)
Plot No.156/H. No. 2, Village Zadgaon, Ratnagiri, 415612, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 24: Vải dùng cho ngành dệt; vải không dệt; vải đan; vải dệt; vải pha bông và lụa; vải pha lụa và len; vải thứ phẩm len xơ vụn; vải thứ phẩm (vải pha lụa vụn và bông); vải tơ tằm; vải tơ nhân tạo; vải dệt bằng sợi gai dầu; vải pha tơ tằm và sợi gai dầu; vải pha bông và sợi gai dầu; vải pha len và sợi gai dầu; vải bông; vải pha bông và len; vải len; vải in họa tiết để thêu; vải pha tơ tằm; vải pha bông; vải pha len; vải pha sợi hóa học; vải dệt lụa; vải dệt bông; vải dệt len; vải dệt sợi hóa học; khăn vải dùng trong nhà; khăn tắm (trừ quần áo); nhãn mác (bằng vải); rèm cửa buồng tắm bằng sợi dệt hoặc bằng chất dẻo; khăn lau bằng vải; khăn tay bỏ túi bằng vải; rèm bằng sợi dệt hoặc bằng chất dẻo (khác với rèm cửa buồng tắm); miếng lót đĩa bằng vải dệt; thảm trang trí treo tường bằng vải; khăn trải bàn (không bằng giấy); vải phủ ngoài tivi; vải phủ ngoài đàn piano; rèm vải; mền bông; chăn lông vịt; vỏ nệm; vỏ đệm; vải phủ đồ đạc.

Nhóm 25: Quần áo; giày dép (đồ đi chân) và mũ nón (đồ đội đầu); áo sơ mi; quần; bộ quần áo; quần áo đi đường; áo cộc tay; quần áo mặc ngoài; áo choàng; áo choàng không tay; áo nịt ngực; bộ quần áo của phụ nữ (váy và áo cùng một thứ vải); bộ quần áo ngủ; váy; áo váy; khăn quàng lông; áo dài; quần áo lót dệt kim; bít tất; dải đeo (quần, tất); quần áo đan bằng len; dây nơ thắt cổ áo; cà vạt; áo gilê; quần đùi, áo vét; áo nịt len; áo ngủ; áo khoác; áo ba đờ xuy; áo ponsô (loại áo choàng bằng một tấm vải có khe hở ở giữa để chui đầu qua); khăn quàng cổ; áo len dài tay; quần áo trong; quần áo lót; quần áo đồng phục; áo chẽn không tay; quần áo trẻ em; giày ủng; giầy và dép.

---

(111) **4-0094881**
(210) 4-2004-08919
(181) 31.08.2014
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 31.08.2004

(531) 1.15.5; 26.4.2
(591) Xanh, vàng, da cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ VŨNG TÀU (VP) (VN)
124 Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(511) Nhóm 35: Buôn bán gas (khí đốt).

---

(111) **4-0094882**
(210) 4-2006-02617
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THE BODY SHOP

(151) 21.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(731) THE BODY SHOP INTERNATIONAL PLC. (GB)
Watersmead, Littlehampton, West Sussex, England
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và các sản phẩm dưỡng da, cụ thể là phấn nền, kem phủ che khuyết điểm, phấn mắt và/hoặc bút kẻ lông mày, son, bút kẻ môi, sáp bôi môi, phấn trang điểm, phấn trang điểm ánh màu đồng, phấn hồng trang điểm, kem giữ ẩm da mặt, chất tẩy trang; phấn bôi cơ thể không phải là thuốc; xà phòng rửa mặt; gel tắm, dầu tắm, muối tắm, sữa tắm có hạt, và dầu tắm sủi bọt; các chế phẩm dưỡng da không phải là thuốc, cụ thể là dầu, kem, nước rửa mặt, mặt nạ dưỡng da và nước hoa hồng; các chế phẩm dưỡng tóc và tạo kiểu tóc, cụ thể là dầu gội đầu, dầu xả tóc, gôm xịt tóc, và gel; các chất khử mùi cá nhân, các chế phẩm tạo màu rám nắng, dầu và kem chống nắng; các chế phẩm dùng cho cạo râu; các chất làm sạch răng; nước hoa, nước thơm, tinh dầu dùng cho cá nhân, dầu thơm; các chế phẩm dưỡng móng tay và chân; bột men đắp móng tay và chân; đá bọt, que bông và gạc bông dùng cho trang điểm không phải cho các mục đích y tế; các chất làm thơm không khí trong nhà, que hương trầm tạo mùi thơm, hoa khô tỏa mùi hương thơm và túi bột thơm; giấy thấm bột trang điểm; giấy thấm dầu thơm; bộ và bộ quà tặng bao gồm các chế phẩm dưỡng da và/hoặc tóc.

Nhóm 21: Lược chải tóc; bông xốp bọt biển (để cọ cơ thể khi tắm); bông xơ mướp (để cọ cơ thể khi tắm); chân nến không phải làm bằng kim loại quý; giá đỡ, chai, lọ tỏa mùi thơm không phải làm bằng kim loại quý; cây gãi lưng; lọ xịt nước hoa; hộp phấn sáp bỏ túi; đĩa đựng xà phòng; kệ bàn chải; lọc trà; các dụng cụ và phụ kiện trang điểm, cụ thể là cọ dùng cho mặt/cơ thể, cọ trang điểm, lược chải và cọ tô mắt, miếng bọt trang điểm, miếng mút trang điểm và cái nùi bông thoa phấn.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, đồ đội trên đầu.

Nhóm 35: Dịch vụ vì lợi ích của người khác nhằm giúp cho khách hàng được tiện lợi trong việc xem và mua các sản phẩm làm đẹp, mỹ phẩm, các vật dụng dùng khi tắm rửa, các chế phẩm dưỡng da, các chế phẩm dưỡng tóc, các chất tỏa hương thơm, các sản phẩm chăm sóc cá nhân tại cửa hàng bán lẻ mỹ phẩm, từ trang web trên Internet, bằng các phương tiện viễn thông hoặc tại các buổi tiệc tổ chức tại tư gia.

(111) **4-0094883**
(210) 4-2006-02618
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.1.1; A26.1.18; A26.11.12
(731) THE BODY SHOP INTERNATIONAL PLC. (GB)
Watersmead, Littlehampton, West Sussex, England
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và các sản phẩm dưỡng da, cụ thể là phấn nền, kem phủ che khuyết điểm, mascara, phấn mắt và/hoặc bút kẻ lông mày, son, bút kẻ môi, sáp bôi môi, phấn trang điểm, phấn trang điểm ánh màu đồng, phấn hồng trang điểm, kem giữ ẩm da mặt, chất tẩy trang; phấn bôi cơ thể không phải là thuốc; xà phòng rửa mặt; gel tắm, dầu tắm, muối tắm, sữa tắm có hạt, và dầu tắm sủi bọt; các chế phẩm dưỡng da không phải là thuốc, cụ thể là dầu, kem, nước rửa mặt, mặt nạ dưỡng da và nước hoa hồng; các chế phẩm dưỡng tóc và tạo kiểu tóc, cụ thể là dầu gội đầu, dầu xả tóc, gôm xịt tóc, và gel; các chất khử mùi cá nhân, các chế phẩm tạo màu rám nắng, dầu và kem chống nắng; các chế phẩm dùng cho cạo râu; các chất làm sạch răng; nước hoa, nước thơm, tinh dầu dùng cho cá nhân, dầu thơm; các chế phẩm dưỡng móng tay và chân; bột men đắp móng tay và chân; đá bọt, que bông và gạc bông dùng cho trang điểm không phải cho các mục đích y tế; các chất làm thơm không khí trong nhà, que hương trầm tạo mùi thơm, hoa khô tỏa mùi hương thơm và túi bột thơm; giấy thấm bột trang điểm; giấy thấm dầu thơm; bộ và bộ quà tặng bao gồm các chế phẩm dưỡng da và/hoặc tóc.

Nhóm 21: Lược chải tóc; bông xốp bọt biển (để cọ cơ thể khi tắm); bông xơ mướp (để cọ cơ thể khi tắm); chân nến không phải làm bằng kim loại quý; giá đỡ, chai, lọ tỏa mùi thơm không phải làm bằng kim loại quý; cây gãi lưng; lọ xịt nước hoa; hộp phấn sáp bỏ túi; đĩa đựng xà phòng; kệ bàn chải; lọc trà; các dụng cụ và phụ kiện trang điểm, cụ thể là cọ dùng cho mặt/cơ thể, cọ trang điểm, lược chải và cọ tô mắt, miếng bọt trang điểm, miếng mút trang điểm và cái nùi bông thoa phấn.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, đồ đội trên đầu.

Nhóm 35: Dịch vụ vì lợi ích của người khác nhằm giúp cho khách hàng được tiện lợi trong việc xem và mua các sản phẩm làm đẹp, mỹ phẩm, các vật dụng dùng khi tắm rửa, các chế phẩm dưỡng da, các chế phẩm dưỡng tóc, các chất tỏa hương thơm, các sản phẩm chăm sóc cá nhân tại cửa hàng bán lẻ mỹ phẩm, từ trang web trên Internet, bằng các phương tiện viễn thông hoặc tại các buổi tiệc tổ chức tại tư gia.

(111) **4-0094884**
(210) 4-2006-02619
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

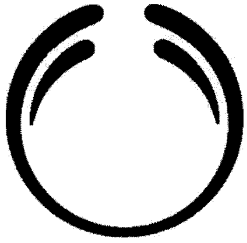

(151) 21.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(731) THE BODY SHOP INTERNATIONAL PLC. (GB)
Watersmead, Littlehampton, West Sussex, England
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và các sản phẩm dưỡng da, cụ thể là phấn nền, kem phủ che khuyết điểm, mascara, phấn mắt và/hoặc bút kẻ lông mày, son, bút kẻ môi, sáp bôi môi, phấn trang điểm, phấn trang điểm ánh màu đồng, phấn hồng trang điểm, kem giữ ẩm da mặt, chất tẩy trang; phấn bôi cơ thể không phải là thuốc; xà phòng rửa mặt; gel tắm, dầu tắm, muối tắm, sữa tắm có hạt, và dầu tắm sủi bọt; các chế phẩm dưỡng da không phải là thuốc, cụ thể là dầu, kem, nước rửa mặt, mặt nạ dưỡng da và nước hoa hồng; các chế phẩm dưỡng tóc và tạo kiểu tóc, cụ thể là dầu gội đầu, dầu xả tóc, gôm xịt tóc, và gel; các chất khử mùi cá nhân, các chế phẩm tạo màu rám nắng, dầu và kem chống nắng; các chế phẩm dùng cho cạo râu; các chất làm sạch răng; nước hoa, nước thơm, tinh dầu dùng cho cá nhân, dầu thơm; các chế phẩm dưỡng móng tay và chân; bột men đắp móng tay và chân; đá bọt, que bông và gạc bông dùng cho trang điểm không phải cho các mục đích y tế; các chất làm thơm không khí trong nhà, que hương trầm tạo mùi thơm, hoa khô tỏa mùi hương thơm và túi bột thơm; giấy thấm bột trang điểm; giấy thấm dầu thơm; bộ và bộ quà tặng bao gồm các chế phẩm dưỡng da và/hoặc tóc.

Nhóm 21: Lược chải tóc; bông xốp bọt biển (để cọ cơ thể khi tắm); bông xơ mướp (để cọ cơ thể khi tắm); chân nến không phải làm bằng kim loại quý; giá đỡ, chai, lọ tỏa mùi thơm không phải làm bằng kim loại quý; cây gãi lưng; lọ xịt nước hoa; hộp phấn sáp bỏ túi; đĩa đựng xà phòng; kệ bàn chải; lọc trà; các dụng cụ và phụ kiện trang điểm, cụ thể là cọ dùng cho mặt/cơ thể, cọ trang điểm, lược chải và cọ tô mắt, miếng bọt trang điểm, miếng mút trang điểm và cái nùi bông thoa phấn.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, đồ đội trên đầu.

Nhóm 35: Dịch vụ vì lợi ích của người khác nhằm giúp cho khách hàng được tiện lợi trong việc xem và mua các sản phẩm làm đẹp, mỹ phẩm, các vật dụng dùng khi tắm rửa, các chế phẩm dưỡng da, các chế phẩm dưỡng tóc, các chất tỏa hương thơm, các sản phẩm chăm sóc cá nhân tại cửa hàng bán lẻ mỹ phẩm, từ trang web trên Internet, bằng các phương tiện viễn thông hoặc tại các buổi tiệc tổ chức tại tư gia.

(111) **4-0094885**
(210) 4-2006-01232
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FOLFE

(151) 21.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) J.B. CHEMICALS & PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
"Neelam Centre" 'B' Wing, 4th Floor, Hind Cycle Road, Worli, Mumbai - 400 025 - India
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094886**
(210) 4-2006-01329
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KHÁCH SẠN VƯỜN HỒNG
ROSE GARDEN HOTEL
CONDOMINIUM

(151) 21.01.2008
(220) 25.01.2006

(531) A5.5.21; 26.2.7; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MINH TRUNG (VN)
1604/3C ấp 3, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; cho thuê chỗ ở tạm thời; nhà nghỉ hưu cho những người cao tuổi; nhà nghỉ (du lịch); cung cấp phương tiện cắm trại.

---

(111) **4-0094887**
(210) 4-2006-00021
(181) 03.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AMS

(151) 21.01.2008
(220) 03.01.2006

(531) A26.11.12; A5.5.20
(591) Vàng, vàng cam, nâu, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH AN NHƯ SƠN (VN)
336/28/79 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: đĩa CD trắng, băng từ, máy vi tính, linh kiện máy vi tính; mua bán: hàng điện gia dụng, hàng điện tử, hàng điện lạnh; mua bán: văn phòng phẩm, hàng mây

tre lá, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông sản; mua bán: vải và các sản phẩm bằng vải; mua bán: chế phẩm diệt côn trùng dùng trong lĩnh vực y tế và gia dụng.

---

(111) **4-0094888**
(210) 4-2006-00692
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VUCO

(151) 21.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADC (VN)
43 Tầm Vu, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc diệt trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0094889**
(210) 4-2006-00696
(181) 13.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SANBELAPROZ

(151) 21.01.2008
(220) 13.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094890**
(210) 4-2006-01112
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

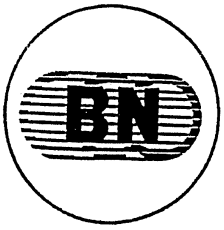

(151) 21.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.1.1; A25.3.3
(731) P.T. HARAPAN ANUGERAH WAHANA KARYA (ID)
JL. Bandengan Utara 85A No. 4, Jakarta 14440, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Bộ phận thay thế cho xe cộ bao gồm máy phát dòng điện và vòng găng của quả nén.

---

(111) **4-0094891**
(210) 4-2006-01120
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.4.3; 26.3.2; 26.7.25
(591) Xanh côban, xanh lá cây, vàng, trắng, vàng nhạt, đen, trắng
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM MƯỜI THU (VN)
Khu tiểu thủ công nghiệp Bằng Châu, thị trấn Đập Đá, An Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0094892**
(210) 4-2006-01121
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 3.9.1; 26.4.1; 26.2.7
(591) Xanh côban, đỏ, trắng, đen, vàng
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM MƯỜI THU (VN)
Khu tiểu thủ công nghiệp Bằng Châu, thị trấn Đập Đá, An Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0094893**
(210) 4-2006-01177
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINABABY

(151) 21.01.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO (VN)
Thọ An, An Khánh, Hoài Đức, Hà Tây

(511) Nhóm 05: Thuốc uống dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; thuốc dùng cho con người; chế phẩm hoá học dùng cho ngành y.

Nhóm 29: Sữa; sản phẩm sữa.

---

(111) **4-0094894**
(210) 4-2006-01488
(181) 27.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 27.01.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.4.2
(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202, United States of America
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chất thay thế cho xà phòng trong phòng vệ sinh; gel tắm; nước hoa; chất chống ra mồ hôi (thuộc mỹ phẩm, không dùng cho mục đích y tế); chất khử mùi dùng cho cá nhân; tinh dầu; mỹ phẩm dùng cho cơ thể và làm đẹp; son môi; màu đánh mắt; thuốc bôi mi mắt; kem nền; kem trang điểm; kem làm ẩm da; chế phẩm làm trắng da; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; keo tạo kiểu tóc; nước xức tóc; chế phẩm để chăm sóc, điều trị (thuộc mỹ phẩm, không dùng cho mục đích y tế) và làm đẹp cho da, da đầu và tóc.

---

(111) **4-0094895**
(210) 4-2006-03128
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 07.03.2006

(591) Đen, xám, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ NỘI - HƯNG YÊN (VN)
Số 378, đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094896**
(210) 4-2006-05094
(181) 06.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 06.04.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12
(591) Đỏ, trắng, xám
(731) CÔNG TY TNHH VẺ ĐẸP PHÁP (VN)
Số 109, tổ 6, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán các loại mỹ phẩm.

---

(111) **4-0094897**
(210) 4-2006-09193
(181) 14.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 14.06.2006

(531) 24.17.5; 26.1.1
(591) Trắng, đỏ gạch, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI (VN)
P1002 nhà B3b, Nam Trung Yên, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Dây điện và cáp điện.

---

(111) **4-0094898**
(210) 4-2006-03409
(181) 13.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

WELLWORTH

(151) 21.01.2008
(220) 13.03.2006

(731) KOHLER CO (US)
444 Highland Drive, Kohler, Wisconsin, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 11: Thiết bị chiếu sáng, thiết bị sưởi nóng, thiết bị sinh hơi nước, thiết bị nấu nướng, thiết bị làm lạnh, thiết bị sấy khô, thiết bị thông gió, thiết bị phân phối nước và thiết bị vệ sinh, chậu tắm (thiết bị vệ sinh); bồn tắm; bồn tắm xoáy nước và các thiết bị tắm, vòi hoa sen và các thiết bị tắm vòi hoa sen; vòi hoa sen điện; máy đun nước dùng điện; buồng tắm nhỏ có vòi hoa sen và buồng tắm nhỏ có bồn tắm, bồn tắm vòi sen; đầu vòi hoa sen; cửa ra vào buồng tắm (bộ phận của buồng tắm vòi hoa sen); thiết bị dẫn chia nước; đầu phun vòi hoa sen; bồn rửa; chậu rửa; bồn rửa mặt; bồn vệ sinh; chậu vệ sinh; bệ xí nhà vệ sinh; bồn vệ sinh tự động (cảm biến); thiết bị dội nước nhà vệ sinh tự động

(cảm biến); nhà vệ sinh có thể di chuyển được; đèn, đèn chụp; đèn chụp dùng cho đồ nội thất, đèn điện; thiết bị chiếu sáng được gắn cố định; bồn rửa bát; bệ rửa bát; vòi của hệ thống dẫn nước; vòi nước; vòi nước cảm biến; vòi nước được điều khiển bằng nhiệt tĩnh, bằng tia hồng ngoại, bằng hệ thống rada hoặc bằng điện tử; máy hong khô tay dùng điện; thiết bị lọc nước dùng với bồn rửa bát, với bồn tắm và với bát sen (bộ phận cua đầu vòi hoa sen); thiết bị hong khô tay cảm biến; nút bịt nước dùng cho bồn rửa bát, cho bồn tắm và cho bát sen; vòi tắm; van điều chỉnh nước dùng cho bể chứa nước; van điều chỉnh nước (thiết bị vệ sinh); van điều chỉnh nước dùng cho vòi nước, bệ đi tiểu (đồ vệ sinh cố định); bể chứa nước (thiết bị vệ sinh); thiết bị làm mềm nước (thiết bị lọc nước dùng để loại bỏ các khoáng chất khó tan trong nước); dụng cụ điều chỉnh nước dùng cho bồn tắm; đài phun nước (dùng làm vật trang trí), phòng tắm hơi; cần xả nước phi kim dùng cho các bình nước; hệ thống và thiết bị vệ sinh; thiết bị cung cấp nước.

---

(111) **4-0094899**
(210) 4-2006-03728
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AMIMAXI

(151) 21.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT (VN)
17A2 tập thể điện lực, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094900**
(210) 4-2006-06076
(181) 19.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 19.04.2006

(531) A26.11.12
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BIỂN VÀNG (VN)
Số nhà 43, ngõ 71 Nghĩa Dũng, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; môi giới quảng cáo; tổ chức sự kiện nhằm mục đích quảng cáo; tổ chức triển lãm nhằm mục đích quảng cáo hoặc thương mại; mua bán: quà tặng, quà lưu niệm, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, hàng điện tử, điện lạnh, hàng gia dụng, trang thiết bị nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sành, sứ, thủy tinh pha lê, hàng thời trang, hàng may mặc, phụ liệu may mặc, trang phục bảo hộ lao động, mỹ phẩm, vàng bạc, đá

quý, đồ trang sức, máy văn phòng, văn phòng phẩm, đồ dùng học sinh, trang thiết bị trường học, thực phẩm.

---

(111) **4-0094901**
(210) 4-2006-00568
(181) 12.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TANCOXONE

(151) 21.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094902**
(210) 4-2006-00569
(181) 12.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BORICETAM

(151) 21.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094903**
(210) 4-2006-00570
(181) 12.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TANCODIPINE

(151) 21.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094904**
(210) 4-2006-00571
(181) 12.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEFITHIO

(151) 21.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094905**
(210) 4-2006-00572
(181) 12.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MABUTIO

(151) 21.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094906**
(210) 4-2006-00573
(181) 12.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FIMADRO

(151) 21.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094907**
(210) 4-2006-00577
(181) 12.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAFIBIO

(151) 21.01.2008
(220) 12.01.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094908**
(210) 4-2006-03127
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 07.03.2006

(531) 1.15.15
(591) Đen, xám, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ NỘI - HƯNG YÊN (VN)
Số 378, đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0094909**
(210) 4-2006-22021
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) MARUICHI STEEL TUBE LTD. (JP)
9-10, Kitahorie 3-chome, Nishi-ku, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Thép, ống kim loại, thép lá, cuộn dây kim loại, thép hợp kim, hợp kim của kim loại thông thường, ống thép dùng cho đường ống dẫn, hệ thống ống dẫn bằng kim loại, vật liệu xây dựng bằng kim loại, ống nối kim loại dùng cho đường ống, biển chỉ đường bằng kim loại không phát quang và không có cơ cấu điều khiển dùng cho giao thông đường bộ, biển chỉ đường bằng kim loại không phát quang và không có cơ cấu điều khiển dùng cho giao thông đường thủy.

Nhóm 09: Ống bọc ngoài dây điện, ống bọc ngoài để bảo vệ dây cáp điện, dây điện và cáp điện, biển chỉ đường phát quang hoặc có cơ cấu điều khiển dùng cho giao thông đường bộ.

---

(111) **4-0094910**
(210) 4-2006-01203
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 23.01.2006

(531) 26.11.2; A26.11.12; 1.15.23
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TÂN HIỆP PHÁT (VN)
294 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Sữa.

---

(111) **4-0094911**
(210) 4-2006-02748
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ActiveCools

(151) 21.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) W E.T.AUTOMOTIVE SYSTEMS LTD. (CA)
9475 Twin Oaks Drive, Windsor, Ontario, N8N 5B8, Canada
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 09: Dây dẫn điện; bộ ngắt điện; hệ thống đường dẫn điện; thiết bị để nạp ắc quy điện; máy điều nhiệt dùng cho xe cộ.

---

(111) **4-0094912**
(210) 4-2006-22068
(181) 18.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

KOMNAQUINE

(151) 21.01.2008
(220) 18.12.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (VN)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094913**
(210) 4-2006-20658
(181) 27.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RESMOTO

(151) 21.01.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0094914**
(210) 4-2006-20659
(181) 27.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NEOMOTO

(151) 21.01.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0094915**
(210) 4-2006-20955
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SỚM

(151) 21.01.2008
(220) 30.11.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SỚM (VN)
Số 129/1, ấp An Lợi B, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc.

---

(111) **4-0094916**
(210) 4-2006-20956
(181) 30.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

QUÍ LỆNH

(151) 21.01.2008
(220) 30.11.2006

(731) VÕ TRỌNG TRÍ (VN)
603 A, Bình Thạnh, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc.

---

(111) **4-0094917**
(210) 4-2006-21551
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 3.1.1
(731) DNTN RAU QUẢ BÌNH THUẬN (VN)
Lô 2 Đặng Văn Lãnh, Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 31: Sản phẩm rau, củ, quả tươi.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu các loại rau, củ, quả.

---

(111) **4-0094918**
(210) 4-2006-21552
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 11.12.2006

(531) 5.7.24; 5.9.24; 26.1.2
(731) DNTN RAU QUẢ BÌNH THUẬN (VN)
Lô 2 Đặng Văn Lãnh, Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 31: Sản phẩm rau, củ, quả tươi.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu các loại rau, củ, quả.

---

(111) **4-0094919**
(210) 4-2006-21948
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 15.12.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 2.9.14; A2.9.15
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh biển
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN PHỤ SẢN - NHI QUỐC TẾ HẠNH PHÚC (VN)
Đại lộ Bình Dương, xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 44: Bệnh viện, dịch vụ đỡ đẻ, chăm sóc sức khoẻ, dịch vụ trợ giúp y tế.

---

(111) **4-0094920**
(210) 4-2006-21949
(181) 15.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 15.12.2006

(731) HỢP TÁC XÃ MỸ THÀNH (VN)
ấp 5, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 30: Gạo.

Nhóm 35: Mua bán gạo, lúa giống, phân bón, vật tư nông nghiệp.

---

(111) **4-0094921**
(210) 4-2006-18072
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CASTLEDEW

(151) 21.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) VOV COSMETICS CO., LTD. (KR)
183-5 Dodang-Dong, Wonmi-Gu, Bucheon, Kyungki-Do, Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm các loại, cụ thể là: son môi; thuốc bôi mi mắt (mascara); kem nền trang điểm; kem lót trang điểm; sơn móng tay; màu mắt.

---

(111) **4-0094922**
(210) 4-2006-17916
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

EXSPECT

(151) 21.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN (TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN) (VN)
Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0094923**
(210) 4-2006-17918
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CELEXDERMA

(151) 21.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094924**
(210) 4-2006-17919
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PANPOWER

(151) 21.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM DO HA (VN)
Số 30, tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094925**
(210) 4-2006-18297
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THENVITA B

(151) 21.01.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0094926**
(210) 4-2006-18298
(181) 27.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BONREPAIR

(151) 21.01.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C 404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094927**
(210) 4-2006-18655
(181) 01.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TEZISNATE

(151) 21.01.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094928**
(210) 4-2006-19066
(181) 07.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

三 川 宏
Sơn Xuyên Hồng

(151) 21.01.2008
(220) 07.11.2006

(731) CHI-HSIU CHENG (TW)
No. 712, Mingsing Rd., South District, Tainan City, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Máy bơm; máy bơm điện; máy bơm chân không; máy lọc dùng trong công nghiệp; máy lọc hoá chất dạng lỏng (dùng trong công nghiệp); máy lọc axit kiềm bền dạng lỏng (dùng trong công nghiệp); bộ lọc dùng cho máy bơm; máy bơm axit kiềm bền; máy bơm nước axit kiềm bền thân thiện với môi trường; bơm không khí thân thiện

với môi trường; máy lọc thân thiện với môi trường (dùng trong công nghiệp); máy bơm phụ; vòi bơm (bộ phận của máy bơm); bơm không khí; bơm thuỷ lực; bơm nước dùng bánh (đĩa) lệch tâm; bơm tự hút; bơm dạng đặt chìm dưới nước; bơm truyền động dùng cho động cơ; bơm nước dùng áp suất cao; máy nén hút nước; máy tách lệch tâm; máy lọc hoá chất dạng lỏng lệch tâm.

---

(111) **4-0094929**
(210) 4-2006-19702
(181) 15.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AVOCET

(151) 21.01.2008
(220) 15.11.2006

(731) LOGINED BV (NL)
Gevers Deynootweg 61, 2586 BJ The Hague, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính trong lĩnh vực sản xuất và khai thác dầu và khí ga, chủ yếu là phần mềm hỗ trợ cho việc vận hành khai thác và sản xuất hóa dầu, và phần mềm hướng dẫn sử dụng.

Nhóm 42: Dịch vụ máy tính, chủ yếu là dịch vụ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, thông tin và tư vấn cho lĩnh vực phần mềm máy tính; dịch vụ kiểm tra phần mềm máy tính; dịch vụ máy tính, chủ yếu là cung cấp các thông tin cập nhật về phần mềm máy tính; dịch vụ máy tính, chủ yếu cung cấp thông tin trực tuyến trong lĩnh vực phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094930**
(210) 4-2006-19703
(181) 15.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GIGAVIZ

(151) 21.01.2008
(220) 15.11.2006

(731) LOGINED BV (NL)
Gevers Deynootweg 61, 2586 BJ The Hague, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính dùng để hình ảnh hóa, giải thích và phân tích đánh giá các số liệu địa chấn trong lĩnh vực sản xuất và khai thác dầu và khí ga.

---

(111) **4-0094931**
(210) 4-2006-19704
(181) 15.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

IESX

(151) 21.01.2008
(220) 15.11.2006

(731) LOGINED BV (NL)
Gevers Deynootweg 61, 2586 BJ The Hague, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính trong lĩnh vực sản xuất và khai thác dầu và khí ga, chủ yếu là phần mềm hỗ trợ cho việc vận hành khai thác và sản xuất hóa dầu, và phần mềm hướng dẫn sử dụng.

---

(111) **4-0094932**
(210) 4-2006-19705
(181) 15.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OCEAN

(151) 21.01.2008
(220) 15.11.2006

(731) LOGINED BV (NL)
Gevers Deynootweg 61, 2586 BJ The Hague, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính trong lĩnh vực sản xuất và khai thác dầu và khí ga, chủ yếu là phần mềm hỗ trợ cho việc vận hành khai thác và sản xuất hóa dầu, và phần mềm hướng dẫn sử dụng.

Nhóm 42: Dịch vụ máy tính, chủ yếu là dịch vụ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, thông tin và tư vấn cho lĩnh vực phần mềm máy tính; dịch vụ kiểm tra phần mềm máy tính; dịch vụ máy tính, chủ yếu là cung cấp các thông tin cập nhật về phần mềm máy tính; dịch vụ máy tính, chủ yếu cung cấp thông tin trực tuyến trong lĩnh vực phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0094933**
(210) 4-2006-19706
(181) 15.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

OSPREY

(151) 21.01.2008
(220) 15.11.2006

(731) LOGINED BV (NL)
Gevers Deynootweg 61, 2586 BJ The Hague, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính trong lĩnh vực sản xuất và khai thác dầu và khí ga, và phần mềm hướng dẫn sử dụng.

---

(111) **4-0094934**
(210) 4-2006-18390
(181) 30.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 30.10.2006

(531) 1.15.5; 26.1.1; 13.1.5
(591) Đỏ ngả vàng, xanh, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CẨM TRƯỚNG THANH HOÁ (VN)
Xã Đông Hương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá

(511) Nhóm 19: Gạch, ngói sản xuất từ đất dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0094935**
(210) 4-2006-18840
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AGABE

(151) 21.01.2008
(220) 03.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MỸ PHẨM MAY (VN)
53-55 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm ăn kiêng dùng trong y học; thực phẩm cho trẻ em.

Nhóm 29: Sữa và sản phẩm chế biến từ sữa.

---

(111) **4-0094936**
(210) 4-2006-18841
(181) 03.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AGAP

(151) 21.01.2008
(220) 03.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MỸ PHẨM MAY (VN)
53-55 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm ăn kiêng dùng trong y học; thực phẩm cho trẻ em.

Nhóm 29: Sữa và sản phẩm chế biến từ sữa.

---

(111) **4-0094937**
(210) 4-2006-19333
(181) 10.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 10.11.2006

(531) A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH THÀNH TIẾN (VN)
Tiến Phú, Tiến Thành, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0094938**
(210) 4-2006-20657
(181) 27.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZISMOTO

(151) 21.01.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0094939**
(210) 4-2006-19001
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

EFFEREZOL

(151) 21.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094940**
(210) 4-2006-19006
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TIA.EMON

(151) 21.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094941**
(210) 4-2006-16802
(181) 05.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 05.10.2006

(531) 26.4.2; 26.1.1; A26.1.14; A2.1.16; 2.1.15
(591) Xanh dương, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SƠN TISON (VN)
ấp Bình Đáng, xã Bình Hoà, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Sơn các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0094942**
(210) 4-2006-16803
(181) 05.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 05.10.2006

(531) A8.5.10; A25.1.10; 26.4.2; 26.7.25; 2.1.1; 2.1.11
(591) Vàng, vàng đồng, xám, đỏ, xanh lá cây, xanh dương, xanh da trời, nâu, đen, trắng
(731) CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VIỆT ẤN (TNHH) (VN)
844 quốc Lộ 1A, khu phố 7, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Gia vị (dạng khô và dạng lỏng); dấm; nước xốt; tương hạt cải; muối.

---

(111) **4-0094943**
(210) 4-2005-13193
(181) 07.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 07.10.2005

(531) 26.1.1; 26.3.1
(731) GIANNI ENTERPRISE CO., LTD (TH)
34/1 Soi Tonson, Ploenchit Road, Lumpini Sub-District, Pathumwan District, Bangkok, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh mứt kẹo; bánh ngọt có kem; bánh pizza; bánh bao gồm bột, cà chua, pho-mát và nước sốt hấp chung; mỳ pasta; mỳ spaghetti; bánh ngọt tráng miệng; thức ăn làm từ bột mỳ; nước sốt; nước sốt sa-lát; bánh sandwiches.

---

(111) **4-0094944**
(210) 4-2005-13194
(181) 07.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 07.10.2005

(531) 26.1.1; 26.3.1
(731) GIANNI ENTERPRISE CO., LTD. (TH)
34/1 Soi Tonson, Ploenchit Road, Lumpini Sub-District, Pathumwan District, Bangkok, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp đồ ăn và thức uống; dịch vụ nhà hàng cung cấp đồ ăn thức uống; dịch vụ cung cấp đồ ăn mang ra ngoài, dịch vụ cung cấp đồ ăn tại nhà.

---

(111) **4-0094945**
(210) 4-2006-15839
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BARKACIN

(151) 21.01.2008
(220) 20.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9 H17 tổ 48 Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094946**
(210) 4-2006-15856
(181) 20.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RENASCENT

(151) 21.01.2008
(220) 20.09.2006

(731) SHISEIDO COMPANY LTD. (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm bao gồm chế phẩm chăm sóc da, chế phẩm chăm sóc tóc, chế phẩm chăm sóc cơ thể, và chế phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0094947**
(210) 4-2006-16377
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

STANMECE

(151) 21.01.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094948**
(210) 4-2006-16378
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

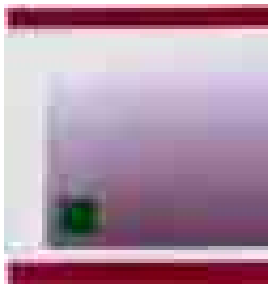

(151) 21.01.2008
(220) 29.09.2006

(531) 26.4.1; 26.11.2
(591) Trắng, nâu đỏ nhạt, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094949**
(210) 4-2006-16570
(181) 03.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 03.10.2006

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM TRANG THẢO (VN)
25A Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 35: Đại lý ký gửi hàng hoá, buôn bán hoá mỹ phẩm.

---

(111) **4-0094950**
(210) 4-2006-16740
(181) 05.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Justaf

(151) 21.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CƠ SỞ VIỆT HƯƠNG (VN)
29 đường 3/2, phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem dưỡng da; sữa rửa mặt; nước rửa chén (bát); nước tẩy trắng nhà vệ sinh.

---

(111) **4-0094951**
(210) 4-2006-16957
(181) 10.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SÁU MINH

(151) 21.01.2008
(220) 10.10.2006

(731) CƠ SỞ SÁU MINH (VN)
170 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Bột và các sản phẩm làm từ bột ngũ cốc; bánh mỳ; bánh bao; bánh ngọt; ổ bánh mỳ nhỏ (để ăn sáng); đồ gia vị; bánh (gạo); hương liệu, dùng cho bánh ngọt (trừ tinh dầu); đồ trang trí ăn được dùng cho bánh ngọt.

---

(111) **4-0094952**
(210) 4-2006-17855
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CISPLATINUM

(151) 21.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0094953**
(210) 4-2006-17913
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SWETADINE

(151) 21.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) SWETA PHARMA PVT. LTD. (IN)
407, Dalamal House, Jamnala Bajaj Road, Nariman Point, Mumbai-400 021, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094954**
(210) 4-2006-17915
(181) 24.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COMDA

(151) 21.01.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN (TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN) (VN)
Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

(111) **4-0094955**
(210) 4-2006-16252
(181) 27.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

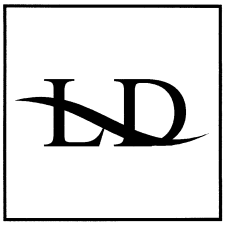

(151) 21.01.2008
(220) 27.09.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH KIẾNG ĐÌNH QUỐC (VN)
79B Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh: bồn cầu, bồn tắm; bình nước nóng lạnh dùng điện, vòi nước.

Nhóm 20: Gương soi và gương trang trí nội thất.

Nhóm 35: Mua bán phụ kiện trong phòng tắm bằng Inox, thép mạ không gỉ, chân Inox lavabo kính, thanh treo khăn inox, cọ chà cầu inox.

---

(111) **4-0094956**
(210) 4-2006-16394
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NIMUJET

(151) 21.01.2008
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001 khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094957**
(210) 4-2006-16411
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 29.09.2006

(531) 26.1.1; 26.2.7
(731) LIBERCHEM MARKETING (S) PTE. LTD. (SG)
61 Kaki Bukit Ave 1, #05 - 18 Shun Li Industrial Park, Singapore 417943
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Bộ phận của máy đúc, cụ thể là, bánh mài mòn (máy móc), bánh mài là bộ phận của máy, chốt, dụng cụ cắt (bộ phận của máy), đá mài kim cương, đá mài nitrua bo lập phương, đá mài cắt kim cương, cái giũa kim cương (dụng cụ chạy bằng năng lượng

điện), khuôn đập dùng cho dụng cụ của máy, lò xo khuôn đập, dao phay mặt đầu, vòng định vị; mũi đột dùng cho dụng cụ của máy; ống bọc ngoài (bộ phận của máy móc); ống lót có rãnh là bộ phận của máy móc.

---

(111) **4-0094958**
(210) 4-2006-16495
(181) 02.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 21.01.2008
(220) 02.10.2006

(531) 26.1.2; 5.7.1; 25.1.6
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THANH HỒ (VN)
Số 6 Võ Thị Sáu, tổ 3, ấp Long Thạnh A, TT Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 30: Tương hột.

---

(111) **4-0094959**
(210) 4-2006-16117
(181) 25.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINAMAXIM

(151) 21.01.2008
(220) 25.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA CAO (VN)
1636Đ Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo.

---

(111) **4-0094960**
(210) 4-2006-16982
(181) 10.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HIGH-ROU

(151) 21.01.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094961**
(210) 4-2006-15706
(181) 19.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

NGÔI NHÀ THÔNG THÁI

(151) 22.01.2008
(220) 19.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮN HẠN NGÔI NHÀ THÔNG THÁI (VN)
386 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục, đào tạo.

---

(111) **4-0094962**
(210) 4-2005-12935
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 04.10.2005

(531) 26.1.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHẠM CHƯƠNG (VN)
73 đường số 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Miếng đệm (gioăng) cao su dùng cho máy móc; phớt cao su dùng cho máy móc.

---

(111) **4-0094963**
(210) 4-2006-14866
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GINCOSID

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094964**
(210) 4-2006-14880
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

STAWIN

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094965**
(210) 4-2006-14881
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ROSADIAB

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094966**
(210) 4-2006-14885
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZEST

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094967**
(210) 4-2006-14887
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TILPRES

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094968**
(210) 4-2006-14888
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

POSKEL

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094969**
(210) 4-2006-14904
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CIMBAY 100 FRANCEC

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0094970**
(210) 4-2006-14906
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FLUDON FRANCEC

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENĐONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0094971**
(210) 4-2006-15126
(181) 11.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 11.09.2006

(531) 5.5.16; A5.5.20; A5.5.21
(731) CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH CHUYÊN NGHIỆP (VN)
Số 241, phố Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ kế toán; xác lập bản thống kê tài khoản (kế toán); tư vấn quản lý nhân sự ; tư vấn điều hành kinh doanh; nghiên cứu thị trường; thông tin về thương mại; xác lập bản khai thuế.

Nhóm 36: Môi giới bất động sản; đánh giá về tài chính; dịch vụ làm tài chính; quản lý tài chính; tư vấn tài chính; thông tin về tài chính.

Nhóm 41: Dịch vụ về giáo dục giảng dạy; dịch vụ câu lạc bộ (giải trí hoặc giáo dục); tổ chức và điều khiển cuộc hội thảo.

Nhóm 42: Tư vấn về sở hữu trí tuệ; nghiên cứu pháp luật; tư vấn chuyển giao công nghệ.

---

(111) **4-0094972**
(210) 4-2006-15211
(181) 12.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 12.09.2006

(531) 26.1.1; A1.1.10
(591) Xanh lá cây, đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LỮ HÀNH TUỔI TRẺ (VN)
227A (lầu 1) Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành; dịch vụ vận chuyển hành khách; đại lý bán vé máy bay; cho thuê xe du lịch.

---

(111) **4-0094973**
(210) 4-2006-14982
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) 26.1.1; 26.7.25
(731) CÔNG TY TNHH THÉP TUẤN (VN)
68 - 70 đường 19/4, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 35: Mua bán sắt thép, hàng vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy công cụ.

---

(111) **4-0094974**
(210) 4-2006-14983
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(531) 1.15.23; 3.7.17; 26.1.2
(731) LÊ THỊ THÙY TRANG (VN)
327 Trần Hưng Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 35: Mua bán, đại lý, ký gửi máy vi tính và các linh kiện, phụ tùng máy vi tính, máy thiết bị văn phòng.

---

(111) **4-0094975**
(210) 4-2006-14985
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

THANH MAI

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) TRẦN THỊ XÔ (VN)
131 Nguyễn Đình Chiểu, Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 37: Dịch vụ giặt là đồ vải.

---

(111) **4-0094976**
(210) 4-2006-14940
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ECHOBI

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094977**
(210) 4-2006-14941
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BIANGKO

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094978**
(210) 4-2006-14942
(181) 07.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

WEFREE

(151) 22.01.2008
(220) 07.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094979**
(210) 4-2006-15047
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Ánh Dương

(151) 22.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU NĂM NGÔI SAO (VN)
105D Ngô Quyền, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu các loại như: rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy, rượu gạo, rượu vang, rượu hoa quả.

---

(111) **4-0094980**
(210) 4-2006-15049
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LAFONTIN

(151) 22.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU NĂM NGÔI SAO (VN)
105D Ngô Quyền, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu các loại như: rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy, rượu gạo, rượu vang, rượu hoa quả.

---

(111) **4-0094981**
(210) 4-2006-16344
(181) 28.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2006

(531) 26.3.23; 26.11.3; A26.11.9; 26.7.25
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÂY NAM (VN)
253 Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Xăng; dầu hỏa; dầu bôi trơn; ê te dầu mỏ; nến; cồn (nhiên liệu).

Nhóm 07: Máy thông khí; máy nông nghiệp; bơm hơi; máy thổi hút không khí; máy phát điện; bạc lót chống ma sát dùng cho máy; trục máy; ổ bi; băng tải; bơm ly tâm; máy khoan; tháp khoan.

Nhóm 09: Máy vi tính; phần mềm máy vi tính; thiết bị thu và phát âm thanh, hình ảnh; máy báo hiệu bằng âm thanh; kính mắt.

Nhóm 11: Quạt điện; máy lạnh; máy nước nóng; máy pha cà phê điện; đèn điện; tủ lạnh.

Nhóm 14: Nữ trang; đồng hồ.

Nhóm 20: Bàn; ghế; giường; tủ; giá treo áo; gương.

Nhóm 25: Quần áo; đồ đi chân; đồ đội đầu; thắt lưng (trang phục); khăn quàng cổ.

Nhóm 30: Hương liệu dùng cho thực phẩm; chế phẩm của ngũ cốc; đồ gia vị; kem lạnh, nước đá thực phẩm; đường.

Nhóm 31: Trái cây tươi; rau tươi; cây cảnh; hoa tươi; hạt (ngũ cốc); động vật sống.

Nhóm 32: Bia; nước ép hoa quả; đồ uống không có cồn; đồ uống trên cơ sở nước sữa; bột dùng cho đồ uống có gaz; tinh dầu dùng cho đồ uống có gaz.

Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia).

Nhóm 35: Mua bán hải sản, nông sản, lâm sản, công nghệ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, phương tiện vận tải, lương thực thực phẩm, vật tư, hóa chất, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ cho sản xuất, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng; mua bán kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ như: xăng, dầu, nhớt, gas; kinh doanh mua bán thiết bị vật tư ngành xăng dầu; đại lý ký gửi các loại hàng sản xuất trong nước, nước ngoài.

Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản.

Nhóm 37: Sửa chữa xe ô tô, xe mô tô; tư vấn xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi; san lấp mặt bằng.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải; vận chuyển bằng đường ống dẫn dầu; môi giới vận tải; vận tải đa phương thức quốc tế; bãi đỗ xe; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; cho thuê cảng, kho bãi chứa hàng hóa; đại lý hàng hải; dịch vụ giao nhận hàng hóa; cho thuê phương tiện vận tải.

Nhóm 40: Chế biến nông sản, lương thực thực phẩm, lâm sản công nghệ phẩm; gia công hàng thủ công mỹ nghệ; chế biến các sản phẩm dầu mỏ như: xăng, dầu, nhớt các loại; may công nghiệp.

Nhóm 41: Kinh doanh sân gôn (golf).

Nhóm 42: Thiết lập bản vẽ xây dựng.

Nhóm 43: Kinh doanh nhà hàng ăn uống, phục vụ tiệc cưới, liên hoan, sinh nhật; dịch vụ khách sạn; dịch vụ đặt chỗ ở khách sạn cho khách du lịch.

---

(111) **4-0094982**
(210) 4-2006-10161
(181) 29.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ISKATA

(151) 22.01.2008
(220) 29.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ ĐÔNG Á (VN)
451 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Ti vi; đầu đĩa DVD; bộ khuyếch đại âm thanh; bộ trộn âm thanh (mixer); loa; micro.

---

(111) **4-0094983**
(210) 4-2006-10164
(181) 29.06.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 29.06.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh dương, xám
(731) CÔNG TY TNHH Y PHỤC DOANH NHÂN (VN)
Số 71/23, đường 30 tháng 4, phường Phú Thọ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Sản phẩm từ da hoặc giả da cụ thể là cặp, túi xách và ví.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón, thắt lưng (quần áo), cavát.

---

(111) **4-0094984**
(210) 4-2006-13662
(181) 18.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 18.08.2006

(531) 26.2.1
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ - XÂY DỰNG VŨ HỒ (VN)
177/36 Luỹ Bán Bích, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng; đại lý mua bán; ký gửi hàng hoá; môi giới thương mại.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xây dựng công trình cầu đường; gia công lắp dựng các kết cấu thép xây dựng; san lấp mặt bằng; lắp đặt trang thiết bị xây dựng; giám sát thi công công trình xây dựng; tư vấn xây dựng.

Nhóm 42: Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế qui hoạch xây dựng; thiết kế trang trí nội - ngoại thất; lập dự án đầu tư; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

---

(111) **4-0094985**
(210) 4-2006-14661
(181) 01.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 01.09.2006

(531) 2.9.1
(591) Trắng, xanh cốm, đỏ, ghi
(731) CÔNG TY TNHH CÔN XƯƠNG VIỆT NAM (VIET NAM ANIMAL NUTRITION SPECIALISTRES CO., LTD) (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc.

---

(111) **4-0094986**
(210) 4-2005-12930
(181) 04.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ARIAFINA

(151) 22.01.2008
(220) 04.10.2005

(731) ARIAFINA KABUSHIKI KAISHA (JP)
1-9, Fuchinobe 2-chome, Sagamihara-shi, Kanagawa-ken, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Ống hút mùi (khói) cho bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun, ống hút mùi (khói) cho bếp, quạt cho ống hút mùi (khói) cho bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun, quạt thông gió, bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun chạy điện, lò nấu nướng chạy điện, bếp lò nấu nướng chạy điện, bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun dùng khí ga, lò nấu nướng dùng khí ga, bếp lò nấu nướng dùng khí ga.

---

(111) **4-0094987**
(210) 4-2006-11903
(181) 25.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

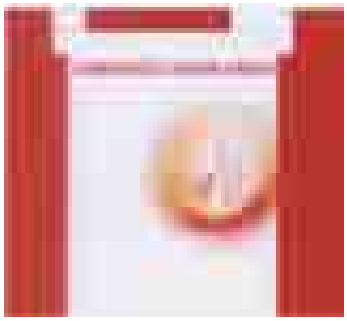

(151) 22.01.2008
(220) 25.07.2006

(531) 1.15.23; 26.1.2; 2.9.22; 26.4.2; A26.11.6; A26.11.7
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094988**
(210) 4-2006-12266
(181) 01.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

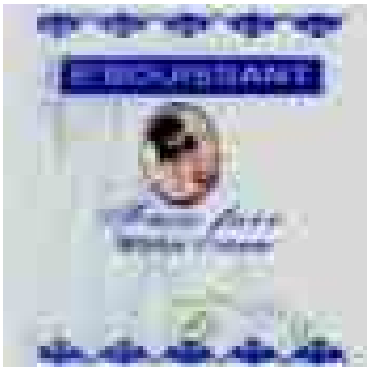

(151) 22.01.2008
(220) 01.08.2006

(531) 2.3.1; A5.5.22; A5.13.9; 26.11.3
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, xanh dương, hồng, tím, vàng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOA VIỆT MỸ (VN)
179 Hùng Vương, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem làm trắng da; sữa làm sạch dùng để tắm; dầu gội đầu; kem xoa mặt.

---

(111) **4-0094989**
(210) 4-2006-12267
(181) 01.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 01.08.2006

(531) 2.3.1; A5.5.22
(591) Trắng, vàng, vàng nhạt, xanh lá cây, đỏ, xanh ngọc, tím nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOA VIỆT MỸ (VN)
179 Hùng Vương, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem làm trắng da; sữa làm sạch dùng để tắm; dầu gội đầu; kem xoa mặt.

---

(111) **4-0094990**
(210) 4-2005-12693
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GASTECH

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ NGHỆ GAS VÀ MÁY CÔNG NGHIỆP (VN)
310 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Bồn đựng khí hóa lỏng bằng kim loại; bình hóa hơi cho khí lỏng bằng kim loại.

Nhóm 35: Mua bán khí; mua bán ga; mua bán bình gas; mua bán thiết bị văn phòng; mua bán hàng tiêu dùng; mua bán thiết bị chuyên ngành gas hóa lỏng; mua bán bồn gas; mua bán hệ thống nạp chiết gas; mua bán thiết bị ngành cơ khí công nghiệp; mua bán khí chuẩn phục vụ phòng thí nghiệm; mua bán thiết bị vật tư ngành in.

Nhóm 37: Lắp đặt thiết bị ngành gas; lắp đặt thiết bị ngành khí công nghiệp; lắp đặt thiết bị hóa hơi cho khí hóa lỏng; lắp đặt bộ trao đổi nhiệt bằng cánh gió; bảo trì thiết bị ngành gas; bảo trì thiết bị ngành khí công nghiệp; bảo trì thiết bị hóa hơi cho khí lỏng; bảo trì bộ trao đổi nhiệt bằng cánh gió.

(111) **4-0094991**
(210) 4-2005-12697
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) 26.1.2; A24.17.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SANLIFE (VN)
Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Cầu dao ngắt điện cao thế, cầu dao ngắt điện hạ thế, công tắc điện; thiết bị chống sét.

---

(111) **4-0094992**
(210) 4-2005-12698
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

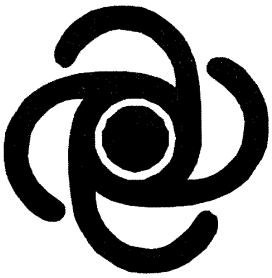

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) 1.15.23; 15.1.13
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN HẰNG LỢI (VN)
133 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ kế toán.

Nhóm 42: Tư vấn về hệ thống quản lý chất lượng ISO.

---

(111) **4-0094993**
(210) 4-2005-16567
(181) 07.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 07.12.2005

(531) A25.1.10; A25.7.7
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) NGUYỄN LÊ ĐẠT NHÂN (VN)
Số 16, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 30: Các loại bánh ngọt.

---

(111) **4-0094994**
(210) 4-2006-12581
(181) 03.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 03.08.2006

(531) 20.1.1; A20.1.5
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP ĐA PHƯƠNG TIỆN G.T.E.K.G.R.O.U.P (VN)
Số 1, ngách 178/1, ngõ 178 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán tranh ảnh nghệ thuật.

---

(111) **4-0094995**
(210) 4-2005-06071
(181) 25.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

UNIONCYCLE

(151) 22.01.2008
(220) 25.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH NGỌC MINH (VN)
Lô D6/I, đường số 1B, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Bình Hưng Hoà, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 12: Vành xe máy, vành xe đạp.

---

(111) **4-0094996**
(210) 4-2006-11893
(181) 25.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CO-DIPE

(151) 22.01.2008
(220) 25.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0094997**
(210) 4-2006-12682
(181) 04.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

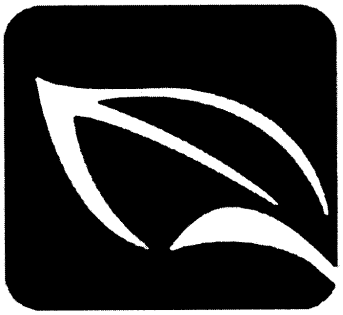

(151) 22.01.2008
(220) 04.08.2006

(531) A26.4.15; A5.3.13; A5.3.14
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÂN Á (VN)
Số nhà 41, lô 2A, đường 11, khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chế phẩm thú y và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế thuốc đông y, chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0094998**
(210) 4-2006-12923
(181) 08.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MORIHAPPY

(151) 22.01.2008
(220) 08.08.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VIỆT MỸ (VN)
Nhà số 4, ngõ 36, phố Hoàng Ngọc Phách, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0094999**
(210) 4-2006-12924
(181) 08.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 08.08.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 3.7.17; A26.11.12; 3.7.1; 5.13.4; A27.5.13
(591) Xanh sẫm, ghi, hồng, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT PHÁP (VN)
Đội 1, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu các loại như: rượu gạo, rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy, rượu vang, rượu hoa quả.

---

(111) **4-0095000**
(210) 4-2006-14135
(181) 28.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ROVA-NIC

(151) 22.01.2008
(220) 28.08.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM N.I.C (NIC-PHARMA) (VN)
Lô 11D đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095001**
(210) 4-2005-04477
(181) 21.04.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 21.04.2005

(531) 26.1.2; 3.7.17; 26.3.23
(591) Xanh tím than, trắng, xanh tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH (VN)
ấp Châu Thới, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Dây cáp viễn thông, cáp điện lực, các loại dây dẫn điện, hộp nối dây cáp mạng vi tính, ống nhựa để luồn dây điện các loại.

Nhóm 17: Ống nhựa mềm.

Nhóm 19: Ống nhựa cứng.

---

(111) **4-0095002**
(210) 4-2006-01048
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.1.6; 26.4.1
(591) Đỏ, trắng
(731) ZHEJIANG HONGWUHUAN MACHINERY CO., LTD. (CN)
No. 903 Century Avenue, Quzhou Economic Development Zone, Quzhou City, Zhejiang Province, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy ép (thuộc về máy móc); máy nén không khí; máy khoan; máy khoan tay chạy điện.

---

(111) **4-0095003**
(210) 4-2005-05950
(181) 23.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

INKCO

(151) 22.01.2008
(220) 23.05.2005

(591) Đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ NGÀNH IN THĂNG LONG (VN)
Số 11, ngõ 167 Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Mực in, thuốc mầu, chất tạo màu thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095004**
(210) 4-2006-00806
(181) 16.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Ray Rucci

(151) 22.01.2008
(220) 16.01.2006

(731) GUANGZHOU NEOS ELECTRONIC TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)
Room 406, Chaoyang Building, No.13 Jiang Gong Road, Advanced Technological Development Industrial Zone, Zhongshan Ave., Tianhe District, Guangzhou, P. R. China
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ đeo tay; đồng hồ đo thời gian; đồng hồ bấm giờ; đồng hồ điện; đồng hồ bỏ túi; đồ trang sức; đồ trang sức bằng đá quý nhân tạo; đồng hồ; đồng hồ báo thức; hộp đựng đồng hồ (để trưng bày).

---

(111) **4-0095005**
(210) 4-2005-09968
(181) 08.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VAVA VANILLA

(151) 22.01.2008
(220) 08.08.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Nertherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Kem đánh răng; nước súc miệng không chứa dược chất; dầu đánh bóng răng; bột dùng để đánh răng.

Nhóm 05: Các chế phẩm chăm sóc da và da đầu có chứa dược chất; các chế phẩm chăm sóc răng miệng có chứa dược chất.

Nhóm 21: Các loại bàn chải đánh răng; các dụng cụ và vật dụng dùng để chăm sóc và làm sạch răng, lưỡi và lợi; các loại tăm; bàn chải đánh răng và các loại hộp đựng tăm không làm bằng kim loại quý; chỉ tơ dùng làm sạch kẽ răng; các dụng cụ trang điểm và vệ sinh.

---

(111) **4-0095006**
(210) 4-2006-00898
(181) 18.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Hidalgo

(151) 22.01.2008
(220) 18.01.2006

(731) CƠ SỞ VIỆT HƯƠNG (VN)
29 đường 3/2, phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem dưỡng da; dầu gội đầu; sữa rửa mặt.

Nhóm 30: Chè (trà); cà phê chế biến; gia vị.

Nhóm 32: Nước giải khát không có cồn; nước giải khát có ga.

---

(111) **4-0095007**
(210) 4-2006-00899
(181) 18.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Sunnex

(151) 22.01.2008
(220) 18.01.2006

(731) CƠ SỞ VIỆT HƯƠNG (VN)
29 đường 3/2, phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Chè (trà); cà phê chế biến; gia vị.

Nhóm 32: Nước giải khát không có cồn; nước giải khát có ga.

---

(111) **4-0095008**
(210) 4-2006-00900
(181) 18.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Vingawhite

(151) 22.01.2008
(220) 18.01.2006

(731) CƠ SỞ VIỆT HƯƠNG (VN)
29 đường 3/2, phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem dưỡng da; dầu gội đầu; sữa rửa mặt.

---

(111) **4-0095009**
(210) 4-2006-01462
(181) 26.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 26.01.2006

(531) 5.5.1; A5.5.21; 2.9.12
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược

chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0095010**
(210) 4-2006-01463
(181) 26.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ATLAS
Silicone

(151) 22.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO KHANG (VN)
286/4 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Keo dán dùng trong công nghiệp; silicon; keo dính dùng để gắn gạch ốp lát.

Nhóm 35: Mua bán, tiếp thị, quảng cáo sản phẩm là silicon, keo dán dùng trong công nghiệp, keo dính dùng để gắn gạch ốp lát.

---

(111) **4-0095011**
(210) 4-2006-18948
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

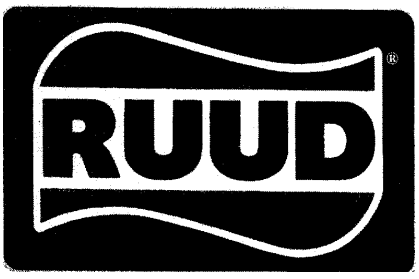

(151) 22.01.2008
(220) 06.11.2006

(531) A26.4.6; 25.1.6
(731) RHEEM MANUFACTURING COMPANY (US)
500 Northpark Town Center, 1100 Abernathy Road, N.E., Suite 1400, Atlanta, Georgia 30328, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị làm nóng nước bằng gaz và điện; thiết bị cấp nước nóng và thùng chứa kèm theo; thiết bị điều hoà không khí, thông gió và sưởi nóng.

---

(111) **4-0095012**
(210) 4-2005-06240
(181) 27.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 27.05.2005

(531) 24.9.1; 26.1.1; 26.3.23
(591) Xanh, đỏ, nền trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY NAM THĂNG LONG (VN)
Tổ 9, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0095013**
(210) 4-2006-01004
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) 6.1.2; 24.15.3; 3.7.3
(591) Vàng, đỏ, xanh đen
(731) CÔNG TY PHÚC THỊNH (VN)
Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Thịt gia cầm.

---

(111) **4-0095014**
(210) 4-2007-01993
(181) 29.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 29.01.2007

(531) 6.1.2; A1.11.8
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH ĐỒI SAO (VN)
4 Ngô Tất Tố, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành; dịch vụ vận chuyển hành khách; dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

(111) **4-0095015**
(210) 4-2007-01995
(181) 29.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

PRO STAR

(151) 22.01.2008
(220) 29.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH THỂ THAO HẠNH PHÚC ĐỨC (VN)
103 đường số 13, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 28: Bóng thể thao.

---

(111) **4-0095016**
(210) 4-2006-00541
(181) 11.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CEFIMVID

(151) 22.01.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA (VN)
19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095017**
(210) 4-2006-01034
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.11.2; A26.11.12; 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN HIỆP PHÁT (VN)
294 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Sữa.

---

(111) **4-0095018**
(210) 4-2006-01484
(181) 26.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Ô YES

(151) 22.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐỒNG TÂM (VN)
208 Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm làm từ sữa; đồ uống có sữa là chủ yếu.

---

(111) **4-0095019**
(210) 4-2006-01485
(181) 26.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Ô YEAH

(151) 22.01.2008
(220) 26.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐỒNG TÂM (VN)
208 Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm làm từ sữa; đồ uống có sữa là chủ yếu.

---

(111) **4-0095020**
(210) 4-2006-01945
(181) 13.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SUMIGYNO

(151) 22.01.2008
(220) 13.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ NHẬT HÀ (VN)
543, tổ 80, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0095021**
(210) 4-2006-11361
(181) 19.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 19.07.2006

(531) 5.7.3; 25.1.6; 8.1.1; A8.1.3; 26.1.1
(731) GATEAUX HOUSE CO., LTD. (TH)
330, 332, 334 Siam Square Soi 4, Rama I Road, Pathumwan, Bangkok 10330, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 29: Thịt băm viên, xúc xích nóng kẹp vào bánh mỳ.

Nhóm 30: Bánh mì, bánh bao nhân nho, bánh xăng-đuých, bánh nướng, bánh ngọt, bánh trung thu, bánh kẹo, thạch trái cây (mứt kẹo), bánh quy, bánh bao, bánh quế, bánh pútđinh, bánh tạc, kem lạnh, đồ uống có thành phần chủ yếu từ cà phê, đồ uống có thành phần chủ yếu từ chè, đồ uống có thành phần chủ yếu từ sô cô la, đồ uống có thành phần chủ yếu từ ca cao.

Nhóm 43: Quán cà phê, dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán rượu nhỏ, dịch vụ đồ ăn nhanh, dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống, dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống di động, dịch vụ bán thức ăn mang về, dịch vụ nhà hàng ăn uống cho khách đã đặt chỗ trước hoặc khách bất thường, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095022**
(210) 4-2006-11548
(181) 21.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

STINGER

(151) 22.01.2008
(220) 21.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH ARYSTA LIFESCIENCE VIỆT NAM (VN)
Số 26, đường 26, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0095023**
(210) 4-2006-13055
(181) 09.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 09.08.2006

(531) 26.1.2; 26.4.2
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MÁY ADC (VN)
A1, tổ 14, cụm 14, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 11: Cửa gió lắp trong hệ thống điều hòa không khí và hệ thống thông gió; cửa gió (bộ phận của thiết bị điều hòa không khí); đường ống gió và van gió (dùng cho máy điều hòa không khí); van điều hoà nhiệt độ, cái lọc không khí (bộ phận của máy điều hoà không khí).

---

(111) **4-0095024**
(210) 4-2006-16010
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIPRAZO

(151) 22.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095025**
(210) 4-2006-16011
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AZTRAM

(151) 22.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095026**
(210) 4-2006-16013
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VULONOX

(151) 22.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095027**
(210) 4-2006-16014
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

FOLINATO

(151) 22.01.2008
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095028**
(210) 4-2006-16764
(181) 05.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COLCHIN-GUT

(151) 22.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MỄ ĐÌNH (VN)
24 Phạm Viết Chánh, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095029**
(210) 4-2006-16765
(181) 05.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GLUCOFIT

(151) 22.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MỄ ĐÌNH (VN)
24 Phạm Viết Chánh, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095030**
(210) 4-2006-16766
(181) 05.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

CITROLEX

(151) 22.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MỄ ĐÌNH (VN)
24 Phạm Viết Chánh, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095031**
(210) 4-2006-17063
(181) 11.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.1.1; 24.15.3; A15.7.3; A5.5.21
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT XỐP NHỰA VÀ NHỰA THÁI HÀ (VN)
Khu công nghiệp Tiên Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 17: Vật liệu lọc dưới dạng xốp nhựa dùng để xử lý nước sạch; tấm cách nhiệt làm bằng nhựa xốp; tấm trang trí làm bằng nhựa xốp.

Nhóm 19: Tấm nhựa xốp dùng để chèn bê tông dùng trong xây dựng.

Nhóm 21: Đồ gia dụng gồm: thùng giữ nhiệt làm bằng nhựa xốp (thùng xốp bảo ôn), thùng đựng rau quả và hải sản làm bằng nhựa xốp, bao bì bằng nhựa xốp.

Nhóm 35: Mua bán các loại hàng hoá làm bằng nhựa xốp; đại lý ký gửi các loại hàng hoá làm bằng nhựa xốp; xuất nhập khẩu các loại hàng hoá làm bằng nhựa xốp.

---

(111) **4-0095032**
(210) 4-2006-17391
(181) 17.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

AZIFAM

(151) 22.01.2008
(220) 17.10.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095033**
(210) 4-2006-18946
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 06.11.2006

(531) 26.1.1
(731) RHEEM MANUFACTURING COMPANY (US)
500 Northpark Town Center, 1100 Abernathy Road, N.E., Suite 1400, Atlanta, Georgia 30328, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị làm nóng nước bằng gaz và điện; thiết bị cấp nước nóng và thùng chứa kèm theo; thiết bị điều hoà không khí, thông gió và sưởi nóng.

---

(111) **4-0095034**
(210) 4-2006-18947
(181) 06.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

RICHMOND

(151) 22.01.2008
(220) 06.11.2006

(731) RHEEM MANUFACTURING COMPANY (US)
500 Northpark Town Center, 1100 Abernathy Road, N.E., Suite 1400, Atlanta, Georgia 30328, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị làm nóng nước bằng gaz và điện; thiết bị cấp nước nóng và thùng chứa kèm theo; thiết bị điều hoà không khí, thông gió và sưởi nóng.

---

(111) **4-0095035**
(210) 4-2006-22916
(181) 28.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BOCK

(151) 22.01.2008
(220) 28.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH ADC (VN)
43 Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095036**
(210) 4-2006-16769
(181) 05.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

IMMUBRON

(151) 22.01.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH MINH LONG (VN)
P310-VT40-84/30 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095037**
(210) 4-2006-15006
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 08.09.2006

(531) A1.1.10; 26.11.1; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI LẢI (VN)
Tầng 3 nhà điều hành khu du lịch Đại Lải, xã Ngọc Thanh, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giải trí.

Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095038**
(210) 4-2006-15065
(181) 08.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MY XUAN
VUNG TAU

(151) 22.01.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN (VN)
Xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Gạch, ngói nung, ngói cong, đá ốp lát, gạch vuông ốp tường (không bằng kim loại) dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0095039**
(210) 4-2006-16119
(181) 25.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 25.09.2006

(531) 3.13.1; 26.4.2
(591) Tím sẫm, đỏ, đỏ nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT Ý (VN)
Xóm Đình, xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh dùng cho phụ nữ.

Nhóm 16: Giấy vệ sinh, tã lót vệ sinh bằng giấy (dùng cho trẻ em).

---

(111) **4-0095040**
(210) 4-2006-15386
(181) 14.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 14.09.2006

(531) 7.1.5; 3.7.7
(591) Xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY LỮ HÀNH HANOITOURIST (VN)
18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, quà lưu niệm, quần áo, túi, mũ; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; hãng thông tin thương mại.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch trong nước và quốc tế; dịch vụ vận chuyển khách du lịch; hãng du lịch (không bao gồm dịch vụ đặt chỗ khách sạn), dịch vụ hướng dẫn khách du lịch; dịch vụ cung cấp thông tin về du lịch; cho thuê xe.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo; dịch vụ cho thuê các thiết bị thể thao (trừ xe cộ); dịch vụ tổ chức vui chơi giải trí.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0095041**
(210) 4-2005-10529
(181) 18.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIPER

(151) 22.01.2008
(220) 18.08.2005

(731) DEPUY, INC. (US)
700 Orthopaedic Drive, Warsaw, Indiana 46581, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Vật cấy chỉnh hình; vít đỡ xương; thiết bị và dụng cụ y tế sử dụng trong phẫu thuật chỉnh hình.

---

(111) **4-0095042**
(210) 4-2005-11364
(181) 05.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 05.09.2005

(531) A17.2.2; 26.4.4
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH NGÂN THÁI (VN)
64 Lê Hoàng Phái, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Nước xốt, sợi hủ tiếu.

---

(111) **4-0095043**
(210) 4-2005-12414
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 23.09.2005

(531) 1.15.23; A5.5.21; 24.17.15; A5.5.20
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BT VIỆT NAM (VN)
Phòng 3 tầng 11 tháp B toà nhà Vincom, số 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chủ yếu là thuốc và hóa chất ngành dược.

Nhóm 35: Mua bán, đại lý phân phối các sản phẩm dược và hóa chất ngành dược.

---

(111) **4-0095044**
(210) 4-2005-12428
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 23.09.2005

(531) 26.1.2; A1.1.10; A1.1.4
(731) CƠ SỞ BA SAO (VN)
1358A, Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Các sản phẩm dùng cho mục đích bảo hộ lao động như: kính hàn, mặt nạ hàn, mặt nạ phòng độc, mắt kính bảo hộ, mũ bảo hộ, dụng cụ bịt tai chống ồn.

---

(111) **4-0095045**
(210) 4-2005-12487
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

IT-PRO

(151) 22.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095046**
(210) 4-2005-12489
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BI-CIRCLE

(151) 22.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095047**
(210) 4-2005-12490
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

AMINOTOP

(151) 22.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095048**
(210) 4-2005-12660
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CELPHARMA

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MIỀN TRUNG (CELPHARMA) (VN)
Số 1, ngõ B2, đường Đinh Lễ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095049**
(210) 4-2005-11009
(181) 26.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 26.08.2005

(531) A24.15.7; 24.15.1; A24.15.13; 26.1.2
(731) NEW ZEALAND MILK BRANDS LIMITED (NZ)
The Fonterra Centre, 9 Princes Street, Auckland, New Zealand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế, vitamin và vitamin tổng hợp dùng cho người, thức ăn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ bao gồm cả sữa bột dùng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; các sản phẩm dược và thú y dùng như thực phẩm dành cho người hoặc động vật; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 29: Sữa và sản phẩm sữa, sữa bột, dầu thực vật và mỡ ăn; bơ thực vật; bơ; pho mát phết lên thức ăn; đạm và sản phẩm đạm dùng cho người; sản phẩm sữa dùng để chế biến thực phẩm; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 30: Sô-cô la, bột và đồ uống trên cơ sở sô-cô-la, cà phê, chè, cacao; mạch nha dùng cho người; mứt kẹo bao gồm cả kem lạnh; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095050**
(210) 4-2005-11380
(181) 05.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SINH MIX

(151) 22.01.2008
(220) 05.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC TẾ KHÁNH SINH (VN)
Miêu Nha, Tây Mỗ, Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Phân bón tổng hợp NPK.

---

(111) **4-0095051**
(210) 4-2005-12292
(181) 21.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

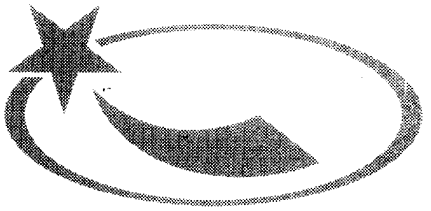

(151) 22.01.2008
(220) 21.09.2005

(531) 26.1.2; A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NGÔI SAO THỜI TRANG (VN)
169 Trương Vĩnh Ký, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 26: Kẹp tóc thời trang.

---

(111) **4-0095052**
(210) 4-2005-12412
(181) 22.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Absolute BLACK

(151) 22.01.2008
(220) 22.09.2005

(531) 26.4.2; 25.5.1
(591) Trắng, đen, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TOÀN QUANG (TOAN QUANG CO., LTD) (VN)
21/92-94 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 02: Mực in.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu mực in; quảng cáo, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm mực in.

---

(111) **4-0095053**
(210) 4-2005-12495
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MOD'S HAIR

(151) 22.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; thuốc màu dùng cho tóc; thuốc nhuộm tóc; nước xức tóc; các chế phẩm dùng để uốn quăn tóc; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; keo xịt tóc; bột tan dùng cho tóc; các chất dùng khi chải tóc; gôm xịt tóc; keo xịt tóc; dầu bóng dùng cho tóc; chất dùng cho tóc dạng keo; các chất làm ẩm tóc; các chất dạng lỏng dùng cho tóc; các chất dưỡng tóc; các chất làm khô tóc; dầu thơm dùng cho tóc; các sản phẩm dưỡng tóc và làm khỏe tóc; kem dùng cho tóc; các chế phẩm dùng để tắm thường và/hoặc tắm vòi hoa sen; các chế phẩm dùng để vệ sinh và trang điểm không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc da; các loại mỹ phẩm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch.

Nhóm 44: Các dịch vụ cắt uốn tóc; các dịch vụ thẩm mỹ viện; các dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin tất cả liên quan đến tóc và sắc đẹp.

---

(111) **4-0095054**
(210) 4-2005-11709
(181) 09.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 09.09.2005

(531) 2.1.1; A2.1.18; A25.1.10
(591) Trắng, đỏ, nâu, nâu nhạt, hồng, hồng đậm, vàng, đen, xanh da trời, xanh dương, xanh dương đậm, xanh ngọc
(731) CƠ SỞ DẦU GIÓ TRUNG TÂM (VN)
180 Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dầu gió, dầu nóng bôi ngoài da.

---

(111) **4-0095055**
(210) 4-2005-11710
(181) 09.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 09.09.2005

(531) 2.1.1; A25.1.10
(591) Trắng, đỏ, nâu, nâu nhạt, trắng kem, xám, đen, xanh da trời
(731) CƠ SỞ DẦU GIÓ TRUNG TÂM (VN)
180 Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dầu gió, dầu nóng bôi ngoài da.

---

(111) **4-0095056**
(210) 4-2005-12424
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 23.09.2005

(531) 26.1.2
(731) CƠ SỞ TƯ THÀNH (VN)
ấp Sơn Châu, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 35: Mua bán các loại trái cây.

---

(111) **4-0095057**
(210) 4-2005-12680
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) 26.2.7
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, xanh lá mạ, vàng, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG LƯU NGUYÊN (VN)
467/22 Điện Biên Phủ, phường 3, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 20: Bàn; ghế; giường; tủ; kệ.

---

(111) **4-0095058**
(210) 4-2005-12665
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) 26.2.7; 1.15.15; 3.13.1; A26.11.13
(731) CÔNG TY TNHH BÁCH KỲ PHƯƠNG (VN)
Số nhà 11, dãy 9, tổ 44B, tập thể 361, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095059**
(210) 4-2005-12666
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) 26.2.7; 1.15.15; 3.13.1; A26.11.13
(731) CÔNG TY TNHH BÁCH KỲ PHƯƠNG (VN)
Số nhà 11, dãy 9, tổ 44B, tập thể 361, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095060**
(210) 4-2005-17634
(181) 27.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

EFFEBABY

(151) 22.01.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM & BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095061**
(210) 4-2006-00171
(181) 05.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PYLOBIOTIC

(151) 22.01.2008
(220) 05.01.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3 Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095062**
(210) 4-2006-00549
(181) 11.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 11.01.2006

(531) 3.3.1; 4.3.5; A1.1.10
(591) Đỏ, vàng, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯỚC AN (VN)
Xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Xì dầu (nước tương); tương ớt; chao cho người ăn chay.

---

(111) **4-0095063**
(210) 4-2003-01770
(181) 19.03.2013
(450) 25.02.2008 239
(540)

AVON ANEW

(151) 22.01.2008
(220) 19.03.2003

(731) AVON PRODUCTS, INC. (US)
1345 Avenue of the Americas, New York, NY 10105-0196, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất làm ẩm da, kem dưỡng da, dầu thơm dưỡng da, chất làm sạch da, sữa/nước thơm làm sạch da, miếng cọ làm sạch da, miếng dán làm sạch lỗ chân lông, viên nhộng chăm sóc da mặt, mỹ phẩm trang điểm mắt, miếng tẩy trang, miếng làm sạch da, sữa rửa, mỹ phẩm làm sạch và chắc lỗ chân lông, nước rửa mặt, chất làm se cho mục đích mỹ phẩm, mỹ phẩm đắp mặt nạ, dầu thơm môi, nước thơm chống nắng, kem chống nắng, nước thơm tắm nắng, mỹ phẩm chống nắng dạng thỏi, xà phòng rửa, mỹ phẩm tẩy nếp nhăn.

---

(111) **4-0095064**
(210) 4-2005-13083
(181) 05.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 05.10.2005

(531) 3.7.21; A19.7.20; 2.7.15; 2.7.23
(591) Vàng, nâu, xanh da trời, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM - DƯỢC LIỆU CHỢ LỚN (VN)
93 - 95 - 99 Lương Nhữ Học, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chế phẩm dược, rượu thuốc dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0095065**
(210) 4-2004-13900
(181) 13.12.2014
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 13.12.2004

(531) 26.1.1; A26.3.5
(591) Đỏ, ghi, trắng, đen
(731) NORTHWEST AIRLINES, INC. (US)
Mail Stop A1180, 2700 Lone Oak Parkway, Eagan Minnesota 55121-1534, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 39: Các dịch vụ vận tải bằng đường hàng không; vận chuyển hành khách và hàng hoá bằng đường hàng không; các dịch vụ liên quan đến du lịch, cụ thể là, dịch vụ đặt chỗ và đăng ký trước cho việc vận tải, dịch vụ cho thuê máy bay, và cung cấp chương trình dành cho người lái máy bay thường xuyên; dịch vụ du lịch lữ hành; dịch vụ cung cấp thông tin chuyến đi liên quan đến vận chuyển người và hàng hoá thông qua mạng máy tính toàn cầu; các dịch vụ tại nhà đón khách của sân bay trong nhóm này.

---

(111) **4-0095066**
(210) 4-2005-10139
(181) 11.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

EGC

(151) 22.01.2008
(220) 11.08.2005

(731) EISAI CO., LTD. (JP)
6-10 Koishikawa 4-chome, Bunkyo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 42: Thử nghiệm; kiểm tra các nghiên cứu về dược phẩm.

---

(111) **4-0095067**
(210) 4-2005-10035
(181) 10.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 10.08.2005

(531) 27.5.1
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 38: Thông tin về viễn thông; truyền tin và hình ảnh có sự bổ trợ máy tính.

Nhóm 41: Cung cấp phương tiện giải trí; điều hành phòng chơi trò chơi trên máy tính; dịch vụ cắm trại ngày nghỉ (giải trí); xuất bản sách; cung cấp xuất bản phẩm điện tử trực tuyến (không thể tải xuống được); xuất bản sách và tạp chí điện tử trực tuyến; chế bản điện tử; cung cấp các trung tâm trò chơi; dịch vụ trò chơi được cung cấp trực tuyến (từ một mạng máy tính); công viên vui chơi giải trí; tổ chức và điều hành các cuộc triển lãm cho mục đích văn hoá hoặc giáo dục; biên tập băng video; dịch vụ phóng viên tin tức.

Nhóm 42: Cho thuê phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; thiết kế kiểu dáng công nghiệp; lập chương trình máy tính; nghiên cứu và phát triển phần mềm (cho người khác); dịch vụ biên tập chương trình máy tính.

---

(111) **4-0095068**
(210) 4-2005-10517
(181) 18.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 18.08.2005

(531) 1.15.23; 26.4.2
(591) Xanh lá cây sẫm, trắng
(731) TRẦN ANH QUỐC CƯỜNG (VN)
12 Phạm Phú Thứ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy tính và linh kiện máy tính; mua bán hoa tươi, mua bán các loại đồ uống; mua bán xe gắn máy.

---

(111) **4-0095069**
(210) 4-2005-10519
(181) 18.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

FOBAN-HYDRO

(151) 22.01.2008
(220) 18.08.2005

(731) HOE PHARMACEUTICALS Sdn. Bhd. (MY)
Suite 8.01, 8th Floor, Menara IGB, Mid Valley City, Lingkaran Syed Putra 59200, Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0095070**
(210) 4-2004-11422
(181) 21.10.2014
(450) 25.02.2008 239
(540)

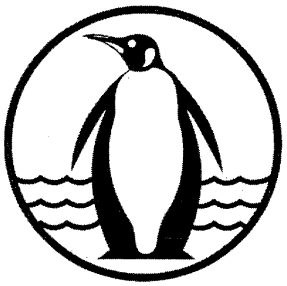

(151) 22.01.2008
(220) 21.10.2004

(531) 3.7.8; 26.1.1
(731) POLYWARE SDN. BHD. (MY)
7, Jalan Zarib 1, Zarib Industrial Park, 31500 Ipoh, Perak, Malaysia
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Hệ thống đường ống công nghiệp điều khiển bằng khí lực; dụng cụ và thiết bị vệ sinh; ống dẫn nước dùng cho thiết bị vệ sinh; thiết bị cung cấp nước, thiết bị phân phối nước; hệ thống phân phối nước (bộ chia nước) dùng cho việc phun tưới nước, phụ tùng đường ống và các chi tiết gắn cố định đường ống, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095071**
(210) 4-2005-10501
(181) 18.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

BEAR IN THE BIG BLUE HOUSE

(151) 22.01.2008
(220) 18.08.2005

(731) THE MUPPETS HOLDING COMPANY, LLC, A DELAWARE LIMITED LIABILITY COMPANY (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 41: Sản xuất, trình chiếu, phân phối, và cho thuê phim điện ảnh; sản xuất, trình chiếu, phân phối, và cho thuê các chương trình truyền hình và truyền thanh; sản xuất, trình chiếu, phân phối, và cho thuê các băng ghi âm và ghi hình; thông tin giải trí; sản xuất các chương trình giải trí và các chương trình tương tác để phát hành thông qua các phương tiện truyền hình, cáp, vệ tinh, truyền thanh và ghi hình, đầu máy quay đĩa, đĩa laze, đĩa vi tính và các phương tiện điện tử; sản xuất và cung cấp chương trình giải trí, tin tức, và thông tin thông qua mạng truyền thông và máy tính; các dịch vụ giải trí theo chủ đề và công viên giải trí; dịch vụ giải trí và giáo dục cung cấp cho và liên quan đến công viên giải trí theo chủ đề; các buổi trình diễn sân khấu trực tiếp; trình chiếu các buổi biểu diễn trực tiếp; sản xuất chương trình nhà hát; dịch vụ mua vui.

---

(111) **4-0095072**
(210) 4-2005-10502
(181) 18.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

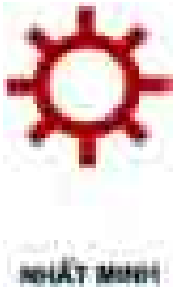

(151) 22.01.2008
(220) 18.08.2005

(531) 1.3.1; 15.7.1
(591) Xanh lá cây, đỏ tươi
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NHẤT MINH (VN)
Số 56/306, Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ buôn bán trang thiết bị và máy móc dùng cho y tế, buôn bán dụng cụ y tế.

---

(111) **4-0095073**
(210) 4-2005-12691
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 28.09.2005

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Trắng, xanh dương, ghi
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG (VN)
288 bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095074**
(210) 4-2006-00854
(181) 17.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

LUGENS

(151) 22.01.2008
(220) 17.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
324 Nguyễn Duy Dương, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc diệt trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095075**
(210) 4-2006-00510
(181) 11.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ROKASAMIN

(151) 22.01.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HOÀ (VN)
48 Sinh Trung, thành phố Nha Trang, Khánh Hoà
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095076**
(210) 4-2006-00551
(181) 11.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAXUM

(151) 22.01.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HOÀNG GIA (VN)
Số 53/159 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0095077**
(210) 4-2006-01119
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.4.3
(591) Xanh côban, đỏ, vàng, trắng, đen
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM MƯỜI THU (VN)
Khu tiểu thủ công nghiệp Bằng Châu, thị trấn Đập Đá, An Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0095078**
(210) 4-2006-21620
(181) 11.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 11.12.2006

(591) Trắng, đen, vàng, hồng đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0095079**
(210) 4-2006-01047
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SUPER-KOSTIN

(151) 22.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH SẢN XUẤT THUỐC NÔNG DƯỢC KOSVIDA (VN)
Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0095080**
(210) 4-2006-01335
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 22.01.2008
(220) 25.01.2006

(531) 26.1.1; 26.4.2
(591) Đỏ, vàng, vàng da cam, vàng da cam đậm, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM (C P. VIETNAM LIVESTOCK COMPANY LIMITED) (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Thịt; trứng; sữa; rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín thuộc nhóm này.

Nhóm 31: Rau, quả tươi.

Nhóm 35: Bán thực phẩm tươi sống.

---

(111) **4-0095081**
(210) 4-2005-17830
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SUREI

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN ÂN (VN)
136 phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 10: Bao cao su tránh thai.

---

(111) **4-0095082**
(210) 4-2005-17831
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

COOL-KID

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN ÂN (VN)
136 phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, cao dán hạ sốt.

Nhóm 10: Trang thiết bị và vật tư y tế như: găng tay, xi lanh, ống nghe, thiết bị đo huyết áp, dao mổ, kim châm cứu.

---

(111) **4-0095083**
(210) 4-2005-17843
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

GATOKAS

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095084**
(210) 4-2005-17844
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MEIBIC

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095085**
(210) 4-2006-02728
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MARRUB

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) MARDEC BERHAD (MY)
Bangunan MARDEC, Jalan Kerja Air Lama, 68000 Ampang Jaya, P.O. Box 10546, 50716 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Cao su đã qua xử lý thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095086**
(210) 4-2006-02729
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.4.2
(731) MARDEC BERHAD (MY)
Bangunan MARDEC, Jalan Kerja Air Lama, 68000 Ampang Jaya, P.O. Box 10546, 50716 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Cao su đã qua xử lý thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095087**
(210) 4-2006-02730
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MARUB

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) MARDEC BERHAD (MY)
Bangunan MARDEC, Jalan Kerja Air Lama, 68000 Ampang Jaya, P.O. Box 10546, 50716 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Cao su đã qua xử lý thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095088**
(210) 4-2006-02731
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.4.2
(731) MARDEC BERHAD (MY)
Bangunan MARDEC, Jalan Kerja Air Lama, 68000 Ampang Jaya, P.O. Box 10546, 50716 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Mủ cao su (latex) đã qua xử lý thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095089**
(210) 4-2006-02796
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 23.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Túi xách dùng cho mục đích thể thao; túi xách dành cho vận động viên; ba lô đeo sau lưng trẻ em; ba lô đeo sau lưng; túi đựng đồ đi biển; cặp sách; hộp đựng thẻ điện thoại bằng da hoặc giả da; ví đựng tiền lẻ; ví đựng tiền xu; túi đựng tã trẻ em làm bằng da và giả da; túi vải buộc dây để mang đồ trang bị cắm trại; túi đựng đồ vệ sinh phụ nữ làm bằng da và giả da; túi đựng đồ tập thể dục; túi xách tay; ba lô; hộp đựng chìa khoá bằng da hoặc giả da; dây đeo chìa khoá bằng da; túi đựng son bằng da hoặc giả da; túi đựng hành lý; thẻ gắn theo hành lý làm bằng da và giả da; túi ngủ bằng da và giả da; ví đựng tiền; túi đeo vai học sinh; túi đựng đồ đi mua sắm; túi xách đi chợ; ô; túi đeo ở eo; ví.

---

(111) **4-0095090**
(210) 4-2006-02797
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 23.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Trò chơi kỹ năng hành động; đồ chơi hình các nhân vật hành động và đồ đi kèm; các trò chơi trên tấm bảng; trò chơi bằng bài lá; đồ chơi đa năng dành cho trẻ em; bộ cầu lông; bóng bay; bóng rổ; đồ chơi khi tắm; quả bóng chày; bóng chơi trên biển; túi đựng đỗ khô (đồ chơi); búp bê nhồi vỏ đỗ khô; trò chơi dạng bảng; các khối làm sẵn dùng để chơi trò chơi xây dựng; bóng dùng để chơi bô ling; bộ đồ chơi thổi bong bóng; bộ đồ chơi cờ; mỹ phẩm đồ chơi của trẻ em; tất đựng quà dùng cho Nô-en; đồ trang hoàng cây thông Nô-en thuộc nhóm này; bộ sưu tập các bức tượng nhỏ đồ chơi; đồ chơi di động được dùng cho xe nôi; đồ chơi trên xe nôi; đồ chơi tung hứng dạng đĩa; búp bê; quần áo của búp bê dưới dạng đồ chơi; đồ đi kèm với búp bê dưới dạng đồ chơi; bộ đồ chơi búp bê; đồ chơi hành động chạy bằng điện; thiết bị được bán dưới dạng bộ dùng cho chơi bài; bộ dụng cụ câu cá dưới dạng đồ chơi; bóng dùng cho chơi gôn; găng tay dùng cho chơi gôn; vật dẫn đường cho bóng gôn; trò chơi điện tử cầm tay; bóng để chơi khúc côn cầu; trò chơi có thể bơm phồng; trò chơi lắp hình; dây để chơi trò chơi nhảy dây; cái diều; trò chơi ảo thuật; hòn bi đồ chơi; trò chơi có thao tác bằng tay; đồ chơi chạy bằng

máy; đồ chơi hộp âm nhạc; đồ chơi âm nhạc; trò chơi trong phòng; vật kỷ niệm buổi tiệc gồm những đồ chơi nhỏ; trò chơi trong bữa tiệc; bài lá; đồ chơi làm bằng vải lông; con rối; patanh; quả bóng cao su; ván trượt; bóng đá; con quay; đồ chơi bóp vào phát ra tiếng kêu; đồ chơi nhồi bóng; bàn chơi bóng bàn; trò chơi có mục tiêu; gấu nhồi bông; bóng tennis; hình các nhân vật hành động đồ chơi; bộ xẻng và xô đồ chơi; đồ chơi di động được; xe đồ chơi; đồ chơi xe đẩy của trẻ con; ô tô đồ chơi; bộ đồ chơi thủ công hiện đại; hình các nhân vật đồ chơi; ngân hàng đồ chơi; xe tải đồ chơi; đồng hồ đồ chơi; đồ chơi lên dây cót; cái yô yô (đồ chơi trẻ em).

---

(111) **4-0095091**
(210) 4-2006-02800
(181) 29.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PIRATES OF THE CARIBBEAN: DEAD MAN'S CHEST

(151) 23.01.2008
(220) 28.02.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Bánh mỳ cuộn hình chiếc nhẫn; kem lạnh (dùng để pha sữa lắc); bánh quy; bánh mỳ; ngũ cốc ăn sáng, chế phẩm của ngũ cốc, kẹo cao su thổi bóng; bánh ngọt; bột trộn sẵn để làm bánh ngọt; kẹo; đồ trang trí bánh làm bằng kẹo; tương cà chua; đồ ăn nhẹ làm từ ngũ cốc dạng thanh; kẹo cao su; sôcôla; đồ uống có thành phần sôcôla; đồ uống có thành phần cacao; bánh hình nón dùng để đựng kem; bánh mứt kẹo; bánh dẹt nhỏ; đồ ăn nhanh làm từ ngô; bánh quy giòn; bánh xăng- đuých bán ở cửa hàng đồ ăn sẵn; đồ tráng miệng ngọt dạng lỏng có hương vị; mứt kẹo đông lạnh; món ăn đông lạnh chủ yếu gồm mỳ sợi hoặc gạo; kem lạnh có sữa chua; mật ong; kem ăn; sữa đá; cam thảo; kẹo dẻo; sốt mayonnaise; bánh nướng xốp; tương mù tạc; mỳ ống; yến mạch; bánh kếp; bột trộn sẵn để làm bánh kếp; mỳ sợi; bánh bao; xirô dùng cho bánh kếp; bánh nướng; bánh pizza; bỏng ngô; bánh quy xoắn; bánh pút-đing; gạo, bánh cuộn; nước sốt salát; nước sốt; bột pha chế nước ngọt; đồ gia vị; trà; bánh ngô; bánh quế.

---

(111) **4-0095092**
(210) 4-2006-03628
(181) 15.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PARIS BY NIGHT

(151) 23.01.2008
(220) 15.03.2006

(731) MARIE TO (US)
9295 Bolsa Avenue, Westminster, California 92683, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Đĩa CD, băng cassette và bản ghi âm có nội dung chính là âm nhạc; đĩa DVD, đĩa VCD, băng hình và bản ghi âm và hình có nội dung chính là âm nhạc và các cuộc biểu diễn âm nhạc, văn nghệ tạp kỹ, múa, hài và kịch.

---

(111) **4-0095093**
(210) 4-2005-17848
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINPHALYPTYL

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095094**
(210) 4-2005-17849
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINZIX

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095095**
(210) 4-2005-17850
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ANTIGIC

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0095096**
(210) 4-2005-17851
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINROVIT H5000

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095097**
(210) 4-2005-17852
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VINPHACIN

(151) 23.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095098**
(210) 4-2006-01554
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SOLVE

(151) 23.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) PT SAYAP MAS UTAMA (ID)
Jl. Tipar Cakung Kav. F 5-7, Cakung Barat, Cakung, Jakarta Timur, Indonesia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; chế phẩm để giặt; xà phòng; chất làm mềm vải; chế phẩm làm sạch sàn; chế phẩm làm sạch đồ sứ.

---

(111) **4-0095099**
(210) 4-2006-01555
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DAIA

(151) 23.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) PT SAYAP MAS UTAMA (ID)
JL. Tipar Cakung Kav. F 5-7, Cakung Barat, Cakung, Jakarta Timur, Indonesia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; chế phẩm để giặt; xà phòng; chất làm mềm vải; chế phẩm làm sạch sàn; chế phẩm làm sạch đồ sứ.

---

(111) **4-0095100**
(210) 4-2006-03730
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) A26.3.5; 26.1.2; 26.4.2
(591) Đỏ sẫm, trắng, xám
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VĂN MIẾU (VN)
Số 11, ngách 6, ngõ An Trạch I, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095101**
(210) 4-2006-01229
(181) 23.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 23.01.2006

(531) 26.3.23; 26.11.3; A26.11.9
(731) YAO HUA TOOL ENTERPRISE CO., LTD. (TW)
1F., No. 407, Zhong Xing Rd., Guishan Shiang, Taoyuan County 33346, Taiwan
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy gia công kim loại; dụng cụ (bộ phận của máy gia công kim loại); máy cắt kim loại; thiết bị khoan cho máy gia công kim loại; thiết bị định vị (bộ phận của máy móc gia công); bàn máy; bàn kẹp (bộ phận của máy móc); mâm cặp (bộ phận của máy móc); thiết bị kẹp (bộ phận của máy móc).

---

(111) **4-0095102**
(210) 4-2006-02585
(181) 24.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SURBANA

(151) 23.01.2008
(220) 24.02.2006

(731) SURBANA INTERNATIONAL CONSULTANTS PTE LTD (SG)
168 Jalan Bukit Merah # 01 - 01, Singapore 150168
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 42: Kiến trúc; đo vẽ thiết kế; thiết kế và quy hoạch đô thị; lập bản đồ địa chính; thiết lập bản vẽ (xây dựng); vẽ (kỹ thuật); kỹ thuật xây dựng; thiết kế kiến trúc, thiết kế kỹ thuật, dịch vụ thiết kế nội thất và cảnh quan; dịch vụ tư vấn và cố vấn về thiết kế nội thất và cảnh quan, kỹ thuật, kiến trúc; thiết kế cảnh quan; quản lý đất đai và trang thiết bị (dịch vụ kỹ thuật liên quan đến: xây dựng; tư vấn về bảo vệ môi trường, lập quy hoạch; quản lý và tư vấn về đô thị, cao ốc, đất đai); tiến hành khảo sát nghiên cứu và nghiên cứu về xây dựng và quy hoạch thành phố; tiến hành thử nghiệm hoặc nghiên cứu khả thi trong lĩnh vực xây dựng dân dụng; nghiên cứu công nghệ cho ngành công nghiệp xây dựng nhà cao tầng; nghiên cứu dự án kỹ thuật liên quan đến quy hoạch thành phố, xây dựng nhà cao tầng, hệ thống dịch vụ xây dựng, kiến trúc, xây dựng dân dụng, toàn bộ dự án và quản lý trang thiết bị của dự án; khảo sát và nghiên cứu địa chất; tiến hành khảo sát, giám định và nghiên cứu về đất và lòng đất; tất cả nằm trong nhóm này.

---

(111) **4-0095103**
(210) 4-2006-02726
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Rita®
Professional Audio

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) A26.11.12
(591) Đỏ, xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MINH THÁI HOÀ (VN)
409 (phía trước) Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Ampli (bộ khuyếch đại), đầu máy để sử dụng đĩa, micro, loa các loại.

---

(111) **4-0095104**
(210) 4-2006-02727
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.4.2
(731) MARDEC BERHAD (MY)
Bangunan MARDEC, Jalan Kerja Air Lama, 68000 Ampang Jaya, P.O. Box 10546, 50716 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Cao su đã qua xử lý thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095105**
(210) 4-2006-01337
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GEMCAL

(151) 23.01.2008
(220) 25.01.2006

(731) ALKEM LABORATORIES LTD. (IN)
"Alkem House", Devashish, Adj. to matulya Centre, Senapati Bapat Marg, Lower Parel, Mumbai 400 013, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095106**
(210) 4-2006-01338
(181) 25.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAGTAM

(151) 23.01.2008
(220) 25.01.2006

(731) ALKEM LABORATORIES LTD. (IN)
"Alkem House", Devashish, Adj. to matulya Centre, Senapati Bapat Marg, Lower Parel, Mumbai 400 013, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095107**
(210) 4-2006-01534
(181) 06.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

PSBRAIN

(151) 23.01.2008
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM TRANG LY (VN)
Nhà 05-G19 Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095108**
(210) 4-2006-12927
(181) 08.08.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 08.08.2006

(531) 26.4.2
(731) SUNSTAR SUISSE S.A. (CH)
Victoria House, Route de la Pierre, 22, 1024 Ecublens, Switzerland
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước súc miệng; kem đánh răng; gen đánh răng gây tê có chứa florua không dùng cho y tế; dung dịch chăm sóc miệng; nước súc miệng có tác dụng làm giảm viêm loét miệng và giảm đau nhức miệng không dùng cho y tế.

Nhóm 05: Bột hàn răng; vật liệu để in dấu răng; vật liệu dùng để làm răng giả và vật liệu để hàn răng; nước súc miệng dùng cho y tế; các sản phẩm dinh dưỡng chăm sóc răng miệng, cụ thể là, thuốc viên và thuốc dạng kẹo gôm có thể nhai được; kem đánh răng có tác dụng phòng ngừa các bệnh về răng; nước súc miệng kháng khuẩn; dung dịch lỏng gây tê răng; chất để tẩy rửa gương soi răng và tẩy rửa các dụng cụ nha khoa khác; băng dùng cho nha khoa; sáp, chất đặc quánh chứa florua và bột nhão chứa florua dùng để chỉnh răng.

Nhóm 10: Gương soi răng miệng (dụng cụ cầm tay) và thiết bị điện tử dùng để kích thích khe răng; phần đầu nhọn và tay cầm của thiết bị kích thích răng; phần đầu nhọn và tay cầm của bàn chải đánh khe răng; thiết bị có tác dụng phòng ngừa các bệnh về răng miệng; dụng cụ làm sạch lưỡi.

Nhóm 21: Bàn chải đánh răng dùng điện và không dùng điện; tay cầm của bàn chải đánh răng; tăm; băng dùng để băng răng không dùng cho y tế; dụng cụ làm sạch răng bằng chỉ làm sạch răng (không dùng điện); dụng cụ cầm tay dùng để xâu chỉ làm sạch răng; dụng cụ cầm tay dùng để giữ chỉ làm sạch răng và dụng cụ cầm tay dùng để chà sợi chỉ làm sạch răng lên răng; tay cầm của dụng cụ giữ chỉ làm sạch răng và tay cầm của dụng cụ chà sợi chỉ làm sạch răng lên răng; bàn chải đánh khe răng không dùng điện; tay cầm và

đầu nhọn tiếp xúc với khe răng của bàn chải đánh khe răng; tay cầm của dụng cụ làm sạch lưỡi dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0095109**
(210) 4-2006-16012
(181) 22.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

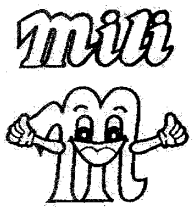

(151) 23.01.2008
(220) 22.09.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) GOH JOO HIN PTE LTD (SG)
116 Pasir Panjang Road, Singapore 118540
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Bào ngư (không còn sống), thịt, cá (không còn sống), gia cầm (không còn sống) và thú săn (không còn sống); chất chiết ra từ thịt; rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; nước quả nấu đông; mứt quả; trứng; sữa và các sản phẩm làm từ sữa; dầu thực vật và mỡ ăn; thức ăn được bảo quản; thịt lợn muối xông khói; thịt lợn được cắt lát mỏng; thịt lợn nướng; thịt lợn thái chỉ; thịt được bảo quản; xúc xích; thịt cá trống; quả chà là đã được bảo quản; thịt quay; hạt điều đã được chế biến hoặc sấy; đậu Hà Lan được chế biến hoặc bảo quản; cá được ướp muối; cá mực được bảo quản; rong biển được chế biến; khoai tây rán; khoai tây rán giòn; khoai tây miếng rán giòn; nho khô; quả được chế biến; vỏ trái cây; nước quả nấu đông; quả được thái lát mỏng; quả dầm đường; quả ngâm dầm; nấm được bảo quản; thịt được chế biến; thịt được nấu chín; thịt được cắt ra lát mỏng; thịt bò được cắt ra lát mỏng; thịt gà được cắt ra lát mỏng; cá được cắt ra lát mỏng; thịt nướng, thịt bò nướng, thịt gà nướng, cá nướng; thịt thái chỉ, thịt bò thái chỉ, thịt gà thái chỉ, cá thái chỉ; thịt lợn được phơi khô; thịt lợn nướng chả; thịt lợn được băm nhỏ; thịt lợn được cắt thành miếng nhỏ; thịt hộp; thịt ướp muối; các sản phẩm làm thức ăn được chế biến từ cá; thức ăn được chế biến từ cá; thịt cá hồi; cá được bảo quản; cá ướp muối; thịt cá mòi; củ hành được bảo quản; dưa chua; cải bắp muối dưa; món yến sào; món yến sào có đường phèn thuộc nhóm này; nước ép gà; nước ép bào ngư; các sản phẩm có thành phần sữa là chính; dưa chua được bảo quản; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095110**
(210) 4-2006-22915
(181) 28.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HECTA

(151) 23.01.2008
(220) 28.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH ADC (VN)
43 Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ ốc bươu vàng.

(111) **4-0095111**
(210) 4-2006-01118
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

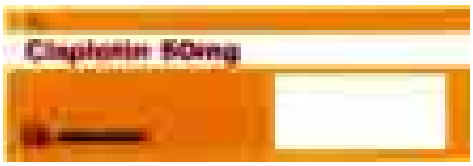

(151) 23.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.4.2; 26.5.1
(591) Đỏ, vàng sẫm, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095112**
(210) 4-2006-02586
(181) 24.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

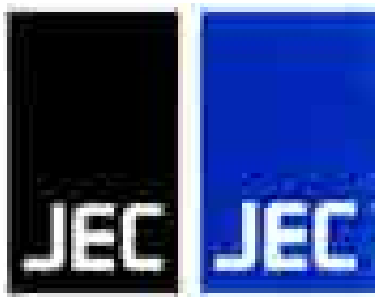

(151) 23.01.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh lục
(731) JARDINE MATHESON (BERMUDA) LTD. (BM)
Jardine House 33-35 Reid Street, Hamilton, Bermuda
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong công nghiệp; hoá chất dùng cho khoa học (khác với dùng cho thú y và y tế); hoá chất dùng cho ngành ảnh, hoá chất dùng cho nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng); hoá chất dùng cho nghề làm vườn (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng); hoá chất dùng cho lâm nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng); nhựa nhân tạo ở dạng thô; chất dẻo thô; phân bón dùng cho nông nghiệp; hợp chất dập lửa; chế phẩm để ram ủ kim loại; hoá chất dùng để hàn; sản phẩm hoá học dùng để bảo quản thực phẩm; chất để thuộc da; chất dính dùng trong công nghiệp; than hoạt tính; nhựa epoxy ở trạng thái thô; chất làm lạnh.

---

(111) **4-0095113**
(210) 4-2006-02587
(181) 24.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh lục
(731) JARDINE MATHESON (BERMUDA) LTD. (BM)
Jardine House 33-35 Reid Street, Hamilton, Bermuda
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 06: Kim loại thường (ở dạng thô hoặc bán thành phẩm); hợp kim của kim loại thường; vật liệu xây dựng bằng kim loại; công trình có thể chuyên chở được bằng kim loại; vật liệu dùng cho đường sắt bằng kim loại; dây cáp không dẫn điện làm bằng kim loại; dây kim loại thường; đồ sắt trong nhóm này; đồ ngũ kim bằng kim loại; ống dẫn bằng kim loại; két an toàn; quặng kim loại; ống dẫn khí bằng kim loại dùng trong xây dựng; ống kim loại dùng để lắp đặt máy điều hoà không khí; bộ đồ cửa bằng kim loại; khung cửa bằng kim loại; tay nắm cửa bằng kim loại; búa (vòng sắt) gõ cửa bằng kim loại; hầm mộ bằng kim loại (dùng trong việc mai táng); mặt phẳng dùng để quay đầu xe cộ.

---

(111) **4-0095114**
(210) 4-2006-02588
(181) 24.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh lục
(731) JARDINE MATHESON (BERMUDA) LTD. (BM)
Jardine House 33-35 Reid Street, Hamilton, Bermuda
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 07: Máy nông nghiệp; máy rửa xe dùng cho xe cộ (gồm cả tàu hoả); máy cắt tự động; băng chuyền (máy móc); máy nén dùng cho chất thải; máy công cụ; động cơ chạy bằng điện (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); máy ghép nối (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); cơ cấu truyền động không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ; công cụ nông nghiệp ngoài dụng cụ cầm tay; thiết bị để gia công cơ khí; máy nén khí; trục của tay quay máy; máy phát điện; máy bơm; van (bộ phận của máy); thang máy (ngoài loại máy kéo dùng cho người trượt tuyết); máy lọc; băng chuyền dây đai; máy phân ly; bộ trao đổi nhiệt (là bộ phận của máy móc); máy và thiết bị làm sạch chạy bằng điện; băng chuyền sử dụng khí nén.

---

(111) **4-0095115**
(210) 4-2006-02612
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HƯƠNG TÂM

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HƯƠNG TÂM (VN)
Số 261 Thủ Khoa Huân, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

Nhóm 35: Mua bán hàng hải sản, bánh kẹo, trái cây.

---

(111) **4-0095116**
(210) 4-2006-02717
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 3.1.1; A24.1.19; 26.4.2; 26.13.25
(591) Vàng nhạt, vàng, đen, đỏ gạch
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TIẾN MINH (VN)
136 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm; mua bán dụng cụ y tế thông thường.

---

(111) **4-0095117**
(210) 4-2006-02719
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

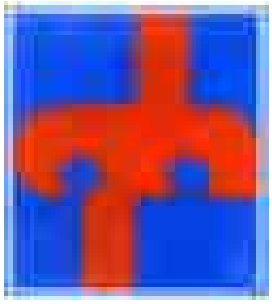

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh dương, da cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC HÂN (VN)
88B Nguyễn Thị Nhỏ, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán khung sắt; mua bán khung thép; mua bán khung nhôm; mua bán sắt; mua bán thép; mua bán nhôm.

(111) **4-0095118**
(210) 4-2006-02720
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) A26.11.12
(591) Trắng, xanh dương, vàng đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TRUNG TRỰC (VN)
17 F Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Bảng điện tử.

---

(111) **4-0095119**
(210) 4-2006-02721
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.1.2; A3.7.24; A26.11.9
(591) Trắng, đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THIÊN PHÚ VIỆT (VN)
83 A Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính.

---

(111) **4-0095120**
(210) 4-2006-02722
(181) 27.02.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12
(731) CHAROEN POKPHAND GROUP CO., LTD (TH)
313 C.P. Tower, Silom Road, Silom Sub-district, Bangrak-District, Bangkok, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Kem ăn.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống.

(111) **4-0095121**
(210) 4-2006-22240
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 2.7.2; 2.7.23; 1.15.15
(591) Đỏ, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỜI TRANG THU HOÀI (VN)
Số 15 Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép, mũ nón thuộc nhóm này.

Nhóm 42: Thiết kế mẫu quần áo, giày dép, mũ nón, túi xách.

---

(111) **4-0095122**
(210) 4-2006-22229
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.7.25; 26.1.1; 26.4.2; A5.3.15
(731) CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG TOÀN CẦU (VN)
44-46, đường số 21A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt kẹo; sô-cô-la; mật ong; cà phê.

---

(111) **4-0095123**
(210) 4-2006-21739
(181) 12.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 12.12.2006

(731) QINGDAO ROSE MANOR WINES & BEVERAGES CO., LTD (CN)
No.16, Jinfengyuan Road, Liuting Industrial Zone, Qingdao City, Shandong Province, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 33: Chiết xuất trái cây (có chứa cồn); rượu brandy (rượu mạnh); rượu uytky; rượu vốt ka; rượu mạnh (đồ uống); rượu vang; chiết xuất có chứa cồn; rượu giúp cho sự tiêu hóa (rượu mùi và rượu mạnh); rượu rum; rượu bạc hà.

---

(111) **4-0095124**
(210) 4-2006-01069
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Tiên Dung

(151) 23.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, dầu gội đầu, sữa tắm, xà phòng.

Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y.

---

(111) **4-0095125**
(210) 4-2006-01092
(181) 11.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 11.07.2006

(531) 26.1.1; A1.1.12; 22.1.1
(591) Xanh, đỏ, vàng
(731) HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI DỊCH VỤ DU LỊCH BÌNH TÂN (VN)
269 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải khách bằng taxi; vận chuyển hành khách liên tỉnh; vận chuyển thuê bao hợp đồng.

---

(111) **4-0095126**
(210) 4-2006-16438
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

Harrah's

(151) 23.01.2008
(220) 29.09.2006

(731) HARRAH'S LICENSE COMPANY, LLC (US)
One Harrah's Court, Las Vegas, NV 89119, U.S.A
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; dịch vụ sòng bạc; dịch vụ tổ chức trò chơi có thắng thua tiền; dịch vụ cờ bạc; dịch vụ cung cấp phương tiện để chơi cờ bạc; trò chơi đánh bạc có tính tương tác thông qua các phương tiện truyền thông; dịch vụ giải trí truyền hình; tổ chức và cung cấp trò chơi giải trí và cuộc thi đấu cho mục đích giải trí; dịch vụ cung cấp thông tin, tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ trên, cụ thể là các dịch vụ liên quan đến giải trí; dịch vụ quản lý sòng bạc; vũ trường; câu lạc bộ khiêu vũ; hộp đêm; nhà hát và dịch vụ giải trí chủ yếu về âm nhạc, khiêu vũ, hài kịch, kịch sân khấu và ảo thuật; câu lạc bộ sức khoẻ; câu lạc bộ giải trí và câu lạc bộ thể thao; câu lạc bộ giải trí ở bãi biển và câu lạc bộ giải trí ở hồ bơi; cung cấp phương tiện thể thao; dịch vụ công viên giải trí ngoài trời; công viên giải trí; khu giải trí; trung tâm giải trí; cung cấp phương tiện cho các hoạt động giải trí; câu lạc bộ thể thao ngoài trời; chuẩn bị và tổ chức các sự kiện thể thao (điền kinh); thi đấu điền kinh và sự kiện thể thao; tổ chức các hoạt động thể thao và thi đấu thể thao; sản xuất chương trình truyền thanh; sản xuất các chương trình viđêô, phim, sản xuất các chương trình trên băng cát xét, trên đĩa CD, trên đĩa DVD và cung cấp chương trình trò chơi điện tử và cung cấp phương tiện để chơi trò chơi điện tử; tổ chức đua ngựa; quản lý các phương tiện để chơi thể thao và các sự kiện thể thao; cung cấp phương tiện thể thao cho giáo dục thể chất và thể dục; sản xuất chương trình biểu diễn; dịch vụ đại lý bán vé xem biểu diễn sân khấu; tổ chức các buổi mít tinh và hội thảo; dịch vụ về đào tạo giảng dạy; dịch vụ cung cấp các hướng dẫn và đào tạo trong lĩnh vực chơi cờ bạc, thể thao và giải trí; đào tạo quản lý khách sạn; sản xuất chương trình truyền hình; xúc tiến các sự kiện thể thao cho mục đích giải trí.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; khách sạn bên đường dành cho khách có ô tô và nhà trọ; dịch vụ cho thuê chỗ ở tạm thời, nhà hàng ăn uống, quán rượu và quán cà phê; dịch vụ cung cấp thực phẩm để mang ra ngoài; cung cấp phương tiện và tiện nghi, cụ thể là ghế, bàn, khăn bàn, đồ thuỷ tinh cho các buổi họp; hội nghị, hội thảo, hội thảo chuyên đề và tiệc lớn; cung cấp các phương tiện và tiện nghi, cụ thể là ghế, bàn, khăn bàn, đồ thuỷ tinh cho các cuộc triển lãm; dịch vụ đặt và giữ chỗ cho các dịch vụ trên; dịch vụ cung cấp thông tin, tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ trên.

(111) **4-0095127**
(210) 4-2006-16439
(181) 29.09.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 29.09.2006

(531) A1.1.10
(731) HARRAH'S LICENSE COMPANY, LLC (US)
One Harrah's Court, Las Vegas, NV 89119, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; dịch vụ sòng bạc; dịch vụ tổ chức trò chơi có thắng thua tiền; dịch vụ cờ bạc; dịch vụ cung cấp phương tiện để chơi cờ bạc; trò chơi đánh bạc có tính tương tác thông qua các phương tiện truyền thông; dịch vụ giải trí truyền hình; tổ chức và cung cấp trò chơi giải trí và cuộc thi đấu cho mục đích giải trí; dịch vụ cung cấp thông tin, tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ trên, cụ thể là các dịch vụ liên quan đến giải trí; dịch vụ quản lý sòng bạc; vũ trường; câu lạc bộ khiêu vũ; hộp đêm; nhà hát và dịch vụ giải trí chủ yếu về âm nhạc, khiêu vũ, hài kịch, kịch sân khấu và ảo thuật; câu lạc bộ sức khoẻ; câu lạc bộ giải trí và câu lạc bộ thể thao; câu lạc bộ giải trí ở bãi biển và câu lạc bộ giải trí ở hồ bơi; cung cấp phương tiện thể thao; dịch vụ công viên giải trí ngoài trời; công viên giải trí; khu giải trí; trung tâm giải trí; cung cấp phương tiện cho các hoạt động giải trí; câu lạc bộ thể thao ngoài trời; chuẩn bị và tổ chức các sự kiện thể thao (điền kinh); thi đấu điền kinh và sự kiện thể thao; tổ chức các hoạt động thể thao và thi đấu thể thao; sản xuất chương trình truyền thanh; sản xuất các chương trình viđêô, phim, sản xuất các chương trình trên băng cát xét, trên đĩa CD, trên đĩa DVD và cung cấp chương trình trò chơi điện tử và cung cấp phương tiện để chơi trò chơi điện tử; tổ chức đua ngựa; quản lý các phương tiện để chơi thể thao và các sự kiện thể thao; cung cấp phương tiện thể thao cho giáo dục thể chất và thể dục; sản xuất chương trình biểu diễn; dịch vụ đại lý bán vé xem biểu diễn sân khấu; tổ chức các buổi mít tinh và hội thảo; dịch vụ về đào tạo giảng dạy; dịch vụ cung cấp các hướng dẫn và đào tạo trong lĩnh vực chơi cờ bạc, thể thao và giải trí; đào tạo quản lý khách sạn; sản xuất chương trình truyền hình; xúc tiến các sự kiện thể thao cho mục đích giải trí.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; khách sạn bên đường dành cho khách có ô tô và nhà trọ; dịch vụ cho thuê chỗ ở tạm thời, nhà hàng ăn uống, quán rượu và quán cà phê; dịch vụ cung cấp thực phẩm để mang ra ngoài; cung cấp phương tiện và tiện nghi, cụ thể là ghế, bàn, khăn bàn, đồ thuỷ tinh cho các buổi họp; hội nghị, hội thảo, hội thảo chuyên đề và tiệc lớn; cung cấp các phương tiện và tiện nghi, cụ thể là ghế, bàn, khăn bàn, đồ thuỷ tinh cho các cuộc triển lãm; dịch vụ đặt và giữ chỗ cho các dịch vụ trên; dịch vụ cung cấp thông tin, tư vấn và cố vấn liên quan đến các dịch vụ trên.

(111) **4-0095128**
(210) 4-2006-22222
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

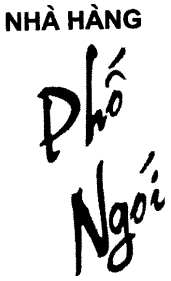

(151) 23.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG VINH (VN)
Khu Thủ Lệ (vườn thú Hà Nội), phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095129**
(210) 4-2006-22223
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.4.3; 26.3.23; A26.11.8
(731) CÔNG TY GẠCH MEN COSEVCO (VN)
Khu công nghiệp Hoà Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Gạch men.

---

(111) **4-0095130**
(210) 4-2006-22224
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HOMIGROUP

(151) 23.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG MINH COOK (VN)
301 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố chạy bằng điện; máy ép trái cây dùng điện; máy giặt; máy hút bụi; máy rửa và sấy khô bát đĩa; máy và thiết bị làm sạch dùng điện; máy phát điện.

Nhóm 11: Dụng cụ nấu nướng dùng điện; bếp ga; bếp từ; lò sưởi; dụng cụ và thiết bị làm lạnh; thiết bị lọc nước gia dụng; bình nước nóng dùng điện; vòi tắm; bồn tắm; chậu rửa (thiết bị vệ sinh).

Nhóm 21: Đồ đựng giữ nhiệt dùng cho đồ uống; đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp (không bằng kim loại quý); bộ nồi niêu xoong chảo dùng cho nhà bếp (không dùng điện); đồ thuỷ tinh, pha lê dùng cho mục đích gia dụng; dụng cụ nhà bếp; ấm đun nước (không dùng điện).

Nhóm 35: Mua bán, ký gửi: thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị sưởi ấm, thiết bị nấu nướng, thiết bị làm lạnh, thiết bị sấy khô, thiết bị thông gió, thiết bị vệ sinh, máy xay sinh tố, máy ép trái cây, máy giặt, máy hút bụi, máy rửa và sấy khô bát đĩa, máy phát điện; dịch vụ bán hàng với mục đích thương mại và quảng cáo; quảng cáo thương mại; mua bán, ký gửi thiết bị quảng cáo.

---

(111) **4-0095131**
(210) 4-2006-22225
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 19.12.2006

(531) A1.1.10; 3.7.17; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG MINH COOK (VN)
301 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố chạy bằng điện; máy ép trái cây dùng điện; máy giặt; máy hút bụi; máy rửa và sấy khô bát đĩa; máy và thiết bị làm sạch dùng điện; máy phát điện.

Nhóm 11: Dụng cụ nấu nướng dùng điện; bếp ga; bếp từ; lò sưởi; dụng cụ và thiết bị làm lạnh; thiết bị lọc nước gia dụng; bình nước nóng dùng điện; vòi tắm; bồn tắm; chậu rửa (thiết bị vệ sinh).

Nhóm 21: Đồ đựng giữ nhiệt dùng cho đồ uống; đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp (không bằng kim loại quý); bộ nồi niêu xoong chảo dùng cho nhà bếp (không dùng điện); đồ thuỷ tinh, pha lê dùng cho mục đích gia dụng; dụng cụ nhà bếp; ấm đun nước (không dùng điện).

Nhóm 35: Mua bán, ký gửi: thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị sưởi ấm, thiết bị nấu nướng, thiết bị làm lạnh, thiết bị sấy khô, thiết bị thông gió, thiết bị vệ sinh, máy xay sinh tố, máy ép trái cây, máy giặt, máy hút bụi, máy rửa và sấy khô bát đĩa, máy phát điện; dịch vụ bán hàng với mục đích thương mại và quảng cáo; quảng cáo thương mại; mua bán, ký gửi thiết bị quảng cáo.

---

(111) **4-0095132**
(210) 4-2006-22226
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BUMP SUPER

(151) 23.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH ADC (VN)
43 Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt côn trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095133**
(210) 4-2006-22227
(181) 19.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

BUMP GOLD

(151) 23.01.2008
(220) 19.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH ADC (VN)
43 Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt côn trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0095134**
(210) 4-2006-01078
(181) 19.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VẠN PHÁT

(151) 23.01.2008
(220) 19.01.2006

(731) CƠ SỞ VẠN PHÁT (VN)
168/6 Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nước rửa chén.

---

(111) **4-0095135**
(210) 4-2006-01117
(181) 20.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.4.9; 26.5.1
(591) Vàng nhạt, vàng sẫm, trắng, xanh lá cây nhạt, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095136**
(210) 4-2006-17998
(181) 25.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

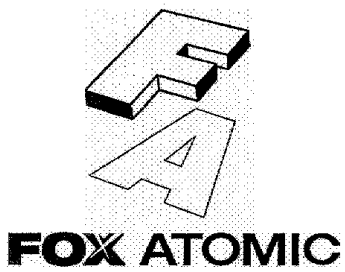

(151) 23.01.2008
(220) 25.10.2006

(731) TWENTIETH CENTURY FOX FILM CORPORATION (a Delaware corporation) (US)
10201 West Pico Boulevard, Los Angeles, California 90035, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phim điện ảnh; viđêô và DVD đã thu nội dung; đĩa âm thanh đã ghi nội dung là các đoạn nhạc và phần âm thanh phim điện ảnh; nhạc chuông, nhạc chuông chờ, hình đồ họa, màn hình nền, và nhạc có thể tải xuống thông qua hệ thống máy tính toàn cầu và các thiết bị không dây; phim điện ảnh và các chương trình truyền hình có thể tải xuống; phần mềm máy tính phim điện ảnh giải trí; phần mềm trò chơi trên máy tính và trò chơi viđêô.

Nhóm 16: Truyện tranh; tiểu thuyết đồ họa; các bộ tiểu thuyết hư cấu; bản viết kịch bản và bản viết kịch bản phim để cho việc làm phim; áp phích quảng cáo; bưu thiếp; các sưu tập; tập giấy ghi chú; cặp kẹp tài liệu; cặp tài liệu; sổ tay; lịch; ảnh có đóng và không đóng khung; nhãn có sẵn cồn dính để chống va đập; nhãn có sẵn cồn dính; tập anbom để dán ảnh; bút và bút chì; giấy dán có hình xăm tạm thời.

Nhóm 41: Sản xuất và phân phối (cho thuê, phát hành) phim điện ảnh; cung cấp thông tin trực tuyến trong lĩnh vực phim điện ảnh, truyền hình và giải trí bằng hình ảnh thông

qua mạng Internet; dịch vụ giải trí dưới hình thức các chương trình được truyền qua các thiết bị liên lạc không dây; sản xuất và phân phối (cho thuê, phát hành) các chương trình giải trí bằng âm thanh và hình ảnh được truyền qua các thiết bị liên lạc di động.

---

(111) **4-0095137**
(210) 4-2006-20795
(181) 28.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.4.4; 26.11.3
(731) WELSHENG CORPORATION (TW)
9FL., No. 295, Sec. 4, Chung Hsiao E. Road, Taipei City 106, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 10: Cái đỡ mắt cá chân, cái đỡ khuỷu tay, cái đỡ đầu gối, cái đỡ cổ tay, găng bảo vệ ngón, tất cả dùng trong ngành y; cái đỡ dùng cho lòng bàn chân; băng chỉnh hình; băng đàn hồi; băng dùng cho các khớp xương (giải phẫu); cái đỡ dùng cho giày ống và giày; băng đỡ chỉnh hình; băng dùng cho chứng sa ruột; dụng cụ chỉnh hình; đồ đi chân (giầy) chỉnh hình; đế giầy chỉnh hình; thắt lưng chỉnh hình; băng chân dùng cho bệnh giãn tĩnh mạch; đế trong (giầy) dùng cho ngành y.

---

(111) **4-0095138**
(210) 4-2006-17126
(181) 11.10.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.3.3; 1.15.3
(731) ELECTRIC VISUAL EVOLUTION, LLC (US)
1062 Calle Negocio, Unit H, San Clemente, California 92673, United States of America
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Kính râm; kính đeo mắt; kính bảo hộ (che bụi, bảo vệ mắt khi hàn); kính đeo mắt (quang học); các bộ phận của kính râm và kính đeo mắt, cụ thể là mắt kính thay thế; gọng kính; khung kính; ve mũi; hộp đựng kính và/hoặc mắt kính; kính thể thao, cụ thể là kính dùng khi trượt tuyết; kính dùng khi lướt ván trên tuyết; kính dùng khi đua mô tô.

Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là áo dệt kim cộc tay; quần lót dài; áo sơ mi; áo vét (quần áo); áo làm bằng vải bông dày; quần lót dài thấm mồ hôi; quần bằng vải bông dày (quần gin), áo choàng (măng tô); áo len dài tay; quần áo bơi; áo lót; quần đùi (quần ngắn cho đàn ông); váy dài; áo cánh (dùng cho phụ nữ và trẻ em); váy ngắn; quần soóc; đồ đội đầu, cụ thể là mũ vải (có vành); mũ lưỡi trai; đồ đi chân, cụ thể là tất ngắn; giày thể thao; dép thể thao; giày (không phải giày thể thao); quần áo (đồ mặc) dùng cho môn lướt sóng, cụ thể là quần soóc ngắn cho môn lướt sóng; áo thể thao bằng chất liệu nilon cho môn lướt

sóng; quần áo (đồ mặc) cho môn trượt tuyết, cụ thể là quần dài dùng cho môn trượt tuyết; áo lót; áo khoác mặc cho môn trượt tuyết.

---

(111) **4-0095139**
(210) 4-2006-20794
(181) 28.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TỐ UYÊN

(151) 23.01.2008
(220) 28.11.2006

(731) CAO THỊ TỐ UYÊN (VN)
101-C2 Trung Tự, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0095140**
(210) 4-2006-21734
(181) 12.12.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

GELCICOLTRE

(151) 23.01.2008
(220) 12.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095141**
(210) 4-2005-07148
(181) 15.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 15.06.2005

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, vàng, xanh lá, hồng đậm
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN HOÁ (VN)
3/22 cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Nước cốt dừa; trái cây đóng hộp; rau, củ đóng hộp.

Nhóm 32: Nước quả ép.

---

(111) **4-0095142**
(210) 4-2005-12488
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

K-NASE

(151) 23.01.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095143**
(210) 4-2005-12658
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

DAFZITH

(151) 23.01.2008
(220) 28.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095144**
(210) 4-2005-12661
(181) 28.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

UMECORN

(151) 23.01.2008
(220) 28.09.2005

(731) UMEDICA LABORATORIES PVT LTD., (IN)
Plot. No.221, G.I.D.C, Vapi - 396 195, Gujarat, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095145**
(210) 4-2005-05179
(181) 06.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

AMPHA
BC
COMPLEX

(151) 23.01.2008
(220) 06.05.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO.,LTD . (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095146**
(210) 4-2005-05335
(181) 10.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

AMPHA E-400

(151) 23.01.2008
(220) 10.05.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO.,LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095147**
(210) 4-2005-05459
(181) 12.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Thantu Co.,Ltd

(151) 23.01.2008
(220) 12.05.2005

(531) 26.4.1
(731) CÔNG TY THÁN TÚ - (TNHH) (VN)
Số 214 Ngô Gia Tự, phường Suối Hoa, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm (vở, giấy in, giấy trang trí).

---

(111) **4-0095148**
(210) 4-2006-20594
(181) 24.11.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

ZI-TECHASIA

(151) 23.01.2008
(220) 24.11.2006

(731) INTEROCEAN HOLDINGS GROUP (BVI) LTD. (VG)
The Lake Building, 1st Floor, Wickhams Cay 1, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ thương mại và dịch vụ phân phát hàng hóa (không bao gồm vận chuyển hàng hoá); quảng cáo; quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch; hoạt động văn phòng.

---

(111) **4-0095149**
(210) 4-2005-05922
(181) 23.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

THU

(151) 23.01.2008
(220) 23.05.2005

(591) Đỏ
(731) HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THU (VN)
ấp Vĩnh Tây, xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Mắm.

---

(111) **4-0095150**
(210) 4-2005-05923
(181) 23.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 23.05.2005

(531) 5.7.3; 3.9.1; 26.1.1
(591) Đỏ, vàng tươi, xanh dương tươi
(731) BÙI THANH TRÚC (VN)
Châu Long 1, xã Vĩnh Mỹ, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Khô cá.

---

(111) **4-0095151**
(210) 4-2005-05924
(181) 23.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 23.05.2005

(591) Đỏ
(731) HỘ KINH DOANH TÂN HƯƠNG (VN)
Số 22, đường Núi Sam, khóm 7, phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Lạp xưởng, khô bò.

---

(111) **4-0095152**
(210) 4-2005-17885
(181) 30.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

INTERPHARMUSA

(151) 23.01.2008
(220) 30.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Y-DƯỢC VIỆT-HÀN (VN)
Thôn 5, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế, nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0095153**
(210) 4-2007-01975
(181) 26.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRICOBION

(151) 23.01.2008
(220) 26.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095154**
(210) 4-2005-07809
(181) 28.06.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 28.06.2005

(531) 25.1.15; 23.1.1; A25.1.10
(591) Nâu, nâu nhạt, vàng, đỏ, xanh nước biển, kem, trắng
(731) Chivas Brothers (Americas) Limited (GB)
111/113 Renfrew Road, Paisley PA3 4DY, Scotland, United Kingdom
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn; rượu mạnh, rượu vang, rượu mùi; đồ uống được chưng cất; rượu whisky; rượu whisky từ mạch nha; rượu mùi whisky; đồ uống làm từ hay chứa whisky; rượu khai vị; rượu cocktail.

---

(111) **4-0095155**
(210) 4-2005-10814
(181) 24.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 23.01.2008
(220) 24.08.2005

(531) 26.2.1; 26.13.25; A17.2.2
(731) CƠ SỞ HÀ HÙNG (VN)
109KC/12 Thoại Ngọc Hầu, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Phụ kiện bình ắc quy như: kẹp điện bình ắc quy; khoen kẹp dây điện bình ắc quy; cọc điện để kẹp dây điện của bình ắc quy.

---

(111) **4-0095156**
(210) 4-2005-17886
(181) 30.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

VITARU

(151) 23.01.2008
(220) 30.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Y-DƯỢC VIỆT-HÀN (VN)
Thôn 5, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095157**
(210) 4-2007-00985
(181) 15.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

MOTOR YẾN SPEED

(151) 23.01.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH TÚ (VN)
Số 316 Phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán xe máy; mua bán phụ tùng xe máy; xuất nhập khẩu xe máy.

---

(111) **4-0095158**
(210) 4-2005-12618
(181) 27.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

cet

(151) 23.01.2008
(220) 27.09.2005

(531) 24.15.3; 26.1.2
(731) PHÙNG ĐỨC CƯỜNG (VN)
93 ngõ Văn Chương, Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Bộ biến đổi ánh sáng dùng điện; rơ le thời gian tự động; cái cảm biến; thiết bị báo động; thiết bị điều khiển từ xa; thiết bị điện để phòng trộm.

---

(111) **4-0095159**
(210) 4-2005-15653
(181) 21.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CADENCE INNOVATION

(151) 23.01.2008
(220) 21.11.2005

(731) CADENCE INNOVATION, LLC (US)
6555 15 Mile Road, Sterling Heights, MI 48312, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Các bộ phận cấu trúc và bộ phận cấu thành của ô tô; panô cửa (ván gió cửa) ô tô; bảng để dụng cụ (bảng đồng hồ trước mặt người lái); thùng chứa hàng và vỏ bọc hàng trên ô tô; các đồ trang trí nội thất và ngoại thất của ô tô bao gồm: bảng điều khiển trung tâm, thanh chắn bảo hiểm, gờ trang trí, miếng đính trang trí, lưới trang trí phía trước xe, tấm trang trí cửa xe, tấm trang trí bên ngoài túi khí, gờ trang trí hai bên thành xe, gờ trang trí sát dưới thân xe, túi khí (một bộ phận trong hệ thống của an toàn xe cộ), vỏ bọc túi khí và vỏ bọc cái hãm xung (cái đỡ va), các bộ phận cấu trúc và bộ phận cấu thành cho xe cộ giải trí, tàu thuyền, các loại xe địa hình, xe dọn tuyết.

Nhóm 37: Dịch vụ sản xuất trong các lĩnh vực tàu thuyền.

Nhóm 40: Dịch vụ sản xuất trong các lĩnh vực ô tô, xe cộ giải trí, các loại xe địa hình, xe dọn tuyết, máy bay, vũ trụ và trong lĩnh vực quân sự theo đơn đặt hàng của người khác.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế cho người khác trong các lĩnh vực ô tô, xe cộ giải trí, tàu thuyền, các loại xe địa hình, xe dọn tuyết, máy bay, vũ trụ và trong lĩnh vực quân sự.

---

(111) **4-0095160**
(210) 4-2005-17681
(181) 27.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

QUEGYL

(151) 23.01.2008
(220) 27.12.2005

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095161**
(210) 4-2005-01300
(181) 01.02.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MELYH

(151) 24.01.2008
(220) 01.02.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG PHÁT (VN)
Số 2, ngõ 9, đường Minh Khai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bình đun nước nóng, phích điện, lò nướng điện, lò nướng vi sóng; máy sưởi ấm; quạt hơi nước.

---

(111) **4-0095162**
(210) 4-2005-17410
(181) 04.01.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 04.01.2006

(531) 26.1.1; 3.4.1; 3.4.13
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG CHIỀNG SINH - CIENCO 1 (VN)
Km số 9, xã Chiềng Sinh, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 19: Xi-măng (vật liệu xây dựng).

---

(111) **4-0095163**
(210) 4-2005-17053
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

RETENTO

(151) 24.01.2008
(220) 14.12.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095164**
(210) 4-2005-17032
(181) 14.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 14.12.2005

(531) 1.5.1
(591) Đỏ thẫm, xanh nước biển, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÀM RỒNG (VN)
Số 4 Phùng Hưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Ghế ngồi.

---

(111) **4-0095165**
(210) 4-2005-16903
(181) 13.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LYSOBAPEN

(151) 24.01.2008
(220) 13.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM & BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095166**
(210) 4-2005-17697
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

COMPUTER

LỜI HỨA ĐEM LẠI GIÁ TRỊ

(151) 24.01.2008
(220) 16.03.2006

(531) A26.11.12; 26.1.2; 1.15.23
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI BẢO AN (VN)
B2, phòng 5, tập thể Bệnh viện Bạch Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy vi tính, trang thiết bị máy vi tính, phần mềm máy tính, đồ điện, hàng điện tử, hàng điện lạnh.

---

(111) **4-0095167**
(210) 4-2005-17822
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SISTRICIN

(151) 24.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0095168**
(210) 4-2005-17823
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SIS-CHOLIN

(151) 24.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095169**
(210) 4-2005-17824
(181) 29.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

SIPANTOZ

(151) 24.01.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHẠM ANH (VN)
42/13 Tôn Thất Thiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095170**
(210) 4-2005-16901
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

LIÊN MINH

(151) 24.01.2008
(220) 12.12.2005

(731) CƠ SỞ COFFEE LIÊN MINH (VN)
Số 179, khu phố 5, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 30: Cà phê.

Nhóm 35: Mua bán cà phê hạt, cà phê bột.

---

(111) **4-0095171**
(210) 4-2005-16798
(181) 12.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 12.12.2005

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Xanh dương, vàng cam, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÍN PHÚ (VN)
901 đường 3-2, phường 7, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: nguyên liệu, phụ gia dùng cho các ngành nhựa, cao su và hóa chất; mua bán cao su; mua bán: bao bì, sản phẩm nhựa; mua bán: nông sản, hải sản; mua bán: xe ôtô, xe gắn máy và phụ tùng của chúng; mua bán: thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh; mua bán: vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.

---

(111) **4-0095172**
(210) 4-2005-17247
(181) 19.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 19.12.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.3.23
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT VƯƠNG TỶ (VN)
521 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Đầu máy đọc đĩa kỹ thuật số, máy tăng âm (ampli); ống nói (micrô); loa; máy hát karaoke; bộ trộn âm (mixer).

Nhóm 35: Mua bán: hàng kim khí điện máy, hàng điện lạnh, hàng điện gia dụng, hàng điện tử và linh kiện của chúng, mua bán máy vi tính, máy tính, mua bán dụng cụ quang học, thiết bị quang học, trang thiết bị y tế, mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông, thiết bị ngành ảnh, thiết bị thu hình, mua bán máy chiếu video, ống nói, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, mua bán rượu, thực phẩm, mua bán vải, quần áo, mỹ phẩm, mua bán văn phòng phẩm, dụng cụ thể dục thể thao, mua bán vật liệu xây dựng, hàng gia dụng, mua bán giường, tủ, bàn ghế, két sắt, mua bán đồng hồ, hàng trang sức, mua bán xe ôtô, xe gắn máy và phụ tùng xe các loại; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0095173**
(210) 4-2005-17546
(181) 23.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRYROF

(151) 24.01.2008
(220) 23.12.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095174**
(210) 4-2006-05986
(181) 18.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

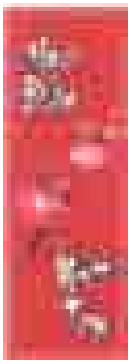

(151) 24.01.2008
(220) 18.04.2006

(531) 26.4.2; 5.5.19; A25.1.10
(591) Đỏ, xanh lá cây, đen, trắng, vàng, hồng
(731) HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP DỊCH VỤ TỔNG HỢP NHẬT TÂN (VN)
Số 3, ngõ 399 đường Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Hoa đào (hoa tươi), cây hoa đào (cây giống).

---

(111) **4-0095175**
(210) 4-2006-05987
(181) 18.04.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

HOA ĐÀO NHẬT TÂN

(151) 24.01.2008
(220) 18.04.2006

(731) HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP DỊCH VỤ TỔNG HỢP NHẬT TÂN (VN)
Số 3, ngõ 399 đường Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Hoa đào (hoa tươi), cây hoa đào (cây giống).

---

(111) **4-0095176**
(210) 4-2006-08103
(181) 26.05.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

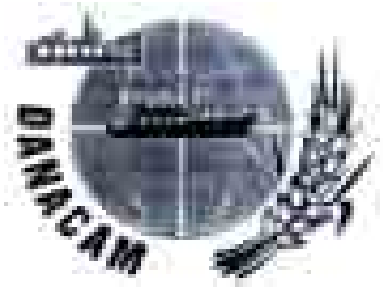

(151) 24.01.2008
(220) 26.05.2006

(531) A1.5.2; 7.1.14; 5.7.3; 18.3.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP II ĐÀ NẴNG (VN)
Số 38, đường Pasteur, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 35: Xuất nhập khẩu phân bón hoá học.

---

(111) **4-0095177**
(210) 4-2007-00244
(181) 04.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

CIGAR

(151) 24.01.2008
(220) 04.01.2007

(731) CLEAN ENERGY DEVELOPMENT COMPANY (THAILAND) LTD. (TH)
The Millennia Tower 25th Floor, Unit 2504, 62 Lang Suan Road, Lumpini, Pathumwan District, Bangkok Metropolis, Thailand
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 37: Xây dựng nhà máy sản xuất năng lượng, điện; bảo dưỡng duy trì hoạt động của nhà máy sản xuất năng lượng, điện.

Nhóm 39: Phân phối năng lượng (điện, khí biogas); vận tải (vận chuyển và tích trữ khí biogas).

Nhóm 40: Sản xuất năng lượng (điện, khí biogas).

Nhóm 42: Dịch vụ ứng dụng kiến thức khoa học vào việc thiết kế, xây dựng và điều hành hệ thống xử lý chất thải để phát triển và điều hành nhà máy năng lượng, điện.

---

(111) **4-0095178**
(210) 4-2007-00245
(181) 04.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

ABR

(151) 24.01.2008
(220) 04.01.2007

(731) CLEAN ENERGY DEVELOPMENT COMPANY (THAILAND) LTD. (TH)
The Millennia Tower 25th Floor, Unit 2504, 62 Lang Suan Road, Lumpini, Pathumwan District, Bangkok Metropolis, Thailand
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 37: Xây dựng nhà máy sản xuất năng lượng, điện; bảo dưỡng duy trì hoạt động của nhà máy sản xuất năng lượng, điện.

Nhóm 39: Phân phối năng lượng (điện, khí biogas); vận tải (vận chuyển và tích trữ khí biogas).

Nhóm 40: Sản xuất năng lượng (điện, khí biogas).

Nhóm 42: Dịch vụ ứng dụng kiến thức khoa học vào việc thiết kế, xây dựng và điều hành hệ thống xử lý chất thải để phát triển và điều hành nhà máy năng lượng, điện.

---

(111) **4-0095179**
(210) 4-2007-06520
(181) 16.04.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 16.04.2007

(531) 26.1.2; 26.7.25; 15.7.1
(591) Trắng, xanh rêu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HẠC (VN)
Lô IV, 19-20 khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Trục in (ống đồng) dạng khuôn mẫu; khuôn mẫu để đúc bằng kim loại.

Nhóm 11: Máy điều hoà không khí; tủ lạnh; buồng làm lạnh.

Nhóm 35: Mua bán: máy móc, thiết bị, phụ tùng vật tư nguyên liệu ngành công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng, hàng trang trí nội thất, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, lắp đặt máy móc và các công trình xây dựng bao gồm công trình công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông, thuỷ lợi, cấp thoát nước; dọn dẹp vệ sinh; san lấp mặt bằng; cho thuê thiết bị xây dựng; trang trí nội, ngoại thất.

Nhóm 40: Dịch vụ khử mùi không khí; làm sạch không khí; tiêu huỷ rác và chất thải; tái chế rác và đồ phế thải; xử lý nước.

Nhóm 42: Tư vấn về khoa học kỹ thuật.

---

(111) **4-0095180**
(210) 4-2006-11359
(181) 19.07.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 19.07.2006

(531) 26.4.1; 26.4.2
(591) Xanh lam, hồng, hồng nhạt, ghi nhạt, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095181**
(210) 4-2005-16647
(181) 08.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HAPPYXOANG

(151) 24.01.2008
(220) 08.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095182**
(210) 4-2005-16648
(181) 08.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

CELEDROXYL

(151) 24.01.2008
(220) 08.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095183**
(210) 4-2006-02928
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DOLANSO

(151) 24.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0095184**
(210) 4-2006-02929
(181) 02.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

DOHEPMYL

(151) 24.01.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0095185**
(210) 4-2006-03748
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRALYVIT H5000

(151) 24.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM TRANG LY (VN)
Nhà 05-G19 Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095186**
(210) 4-2006-03749
(181) 16.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRALY BRAIN

(151) 24.01.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM TRANG LY (VN)
Nhà 05-G19 Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095187**
(210) 4-2005-16776
(181) 09.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

HẠNH

(151) 24.01.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÀ PHƯƠNG (VN)
10 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa; vận chuyển hành khách bằng đường bộ; vận chuyển hành khách theo hợp đồng.

Nhóm 43: Khách sạn; nhà nghỉ; dịch vụ ăn uống; quầy rượu; quán cà phê; quán giải khát.

(111) **4-0095188**
(210) 4-2005-16778
(181) 09.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÀ PHƯƠNG (VN)
10 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa; vận chuyển hành khách bằng đường bộ; vận chuyển hành khách theo hợp đồng.

Nhóm 43: Khách sạn; nhà nghỉ; dịch vụ ăn uống; quầy rượu; quán cà phê; quán giải khát.

---

(111) **4-0095189**
(210) 4-2005-16780
(181) 09.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 09.12.2005

(531) 1.17.11; 3.7.7; 26.1.2; A1.1.10
(591) Vàng, đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÀ PHƯƠNG (VN)
10 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa; vận chuyển hành khách bằng đường bộ; vận chuyển hành khách theo hợp đồng.

Nhóm 43: Khách sạn; nhà nghỉ; dịch vụ ăn uống; quầy rượu; quán cà phê; quán giải khát.

---

(111) **4-0095190**
(210) 4-2006-03133
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

La CLÉ

(151) 24.01.2008
(220) 07.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU (VN)
318 Ngô Quyền nối dài, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, dầu gội đầu, sữa tắm.

---

(111) **4-0095191**
(210) 4-2006-03134
(181) 07.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 07.03.2006

(531) 2.1.1
(591) Đỏ, đỏ nhạt, đỏ sen, xanh lá cây nhạt, đen, trắng
(731) CƠ SỞ KIM NGA (VN)
165/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, dầu gội đầu, sữa tắm.

---

(111) **4-0095192**
(210) 4-2006-03532
(181) 14.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 14.03.2006

(531) A26.3.5; 26.3.23; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y VIỆT ANH (VN)
Số 23, ngõ 101 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y.

Nhóm 35: Mua bán thuốc thú y, vật tư, trang thiết bị ngành thú y, thức ăn gia súc.

(111) **4-0095193**
(210) 4-2006-03534
(181) 14.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

SPOLYMYCIN

(151) 24.01.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y VIỆT ANH (VN)
Số 23, ngõ 101 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y.

---

(111) **4-0095194**
(210) 4-2006-03535
(181) 14.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

VIATILANE

(151) 24.01.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y VIỆT ANH (VN)
Số 23, ngõ 101 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y.

---

(111) **4-0095195**
(210) 4-2006-03536
(181) 14.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

EYESFRESH

(151) 24.01.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM Á CHÂU (VN)
Số 64, tổ 22, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0095196**
(210) 4-2006-03752
(181) 17.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 17.03.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 1.15.15; 5.9.15
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH (VN)
Số 2 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Nước mắm, mắm tôm, mắm tép, chất chiết xuất ra từ thịt nước ép từ rau dùng cho nấu ăn, nước ép hoa quả dùng cho nấu ăn, rau được bảo quản, rau được phơi khô, rau được nấu chín, rau được đóng hộp, quả được bảo quản, quả được phơi khô, quả được nấu chín, quả được đóng hộp, nước quả nấu đông làm thức ăn, mứt quả dạng nhão.

Nhóm 30: Tương hạt cải, dấm, nước xốt, nước xốt cà chua, xì dầu, nước tương, tương ớt, gia vị, mì ăn liền.

Nhóm 35: Mua, bán hàng lương thực, thực phẩm, gia vị, đồ uống các loại, văn phòng phẩm; đại lý, ký gửi hàng lương thực, thực phẩm, gia vị, thuỷ hải sản, nước khoáng, nước uống tinh khiết, đồ uống các loại, văn phòng phẩm; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh; phân phát hàng mẫu; trưng bày sản phẩm.

---

(111) **4-0095197**
(210) 4-2006-03753
(181) 17.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 17.03.2006

(531) 1.15.15
(591) Đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH (VN)
Số 2 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Nước mắm, mắm tôm, mắm tép, chất chiết xuất ra từ thịt, nước ép từ rau dùng cho nấu ăn, nước ép hoa quả dùng cho nấu ăn, rau được bảo quản, rau được phơi khô, rau được nấu chín, rau được đóng hộp, quả được bảo quản, quả được phơi khô, quả được nấu chín, quả được đóng hộp, nước quả nấu đông làm thức ăn, mứt quả dạng nhão.

Nhóm 30: Tương hạt cải, dấm, nước xốt, nước xốt cà chua, xì dầu, nước tương, tương ớt, gia vị, mì ăn liền.

Nhóm 35: Mua, bán hàng lương thực, thực phẩm, gia vị, đồ uống các loại, văn phòng phẩm; đại lý ký gửi hàng lương thực, thực phẩm, gia vị, thuỷ hải sản, nước khoáng, nước uống tinh khiết, đồ uống các loại, văn phòng phẩm; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh; phân phát hàng mẫu; trưng bày sản phẩm.

---

(111) **4-0095198**
(210) 4-2006-03754
(181) 17.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 17.03.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 5.9.15
(731) CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH (VN)
Số 2 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Nước mắm, mắm tôm, mắm tép, chất chiết xuất ra từ thịt, nước ép từ rau dùng cho nấu ăn, nước ép hoa quả dùng cho nấu ăn, rau được bảo quản, rau được phơi khô, rau được nấu chín, rau được đóng hộp, quả được bảo quản, quả được phơi khô, quả được nấu chín, quả được đóng hộp, nước quả nấu đông làm thức ăn, mứt quả dạng nhão.

Nhóm 30: Tương hạt cải, dấm, nước xốt, nước xốt cà chua, xì dầu, nước tương, tương ớt, gia vị, mì ăn liền.

Nhóm 35: Mua, bán hàng lương thực, thực phẩm, gia vị, đồ uống các loại, văn phòng phẩm; đại lý ký gửi hàng lương thực, thực phẩm, gia vị, thuỷ hải sản, nước khoáng, nước uống tinh khiết, đồ uống các loại, văn phòng phẩm; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh; phân phát hàng mẫu; trưng bày sản phẩm.

---

(111) **4-0095199**
(210) 4-2006-03755
(181) 17.03.2016
(450) 25.02.2008 239
(540)

TÍ HON VƯỢT TRỘI

(151) 24.01.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH (VN)
Số 2 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Nước mắm, mắm tôm, mắm tép, chất chiết xuất ra từ thịt, nước ép từ rau dùng cho nấu ăn, nước ép hoa quả dùng cho nấu ăn, rau được bảo quản, rau được phơi khô, rau được nấu chín, rau được đóng hộp, quả được bảo quản, quả được phơi khô, quả được nấu chín, quả được đóng hộp, nước quả nấu đông làm thức ăn, mứt quả dạng nhão.

Nhóm 30: Tương hạt cải, dấm, nước xốt, nước xốt cà chua, xì dầu, nước tương, tương ớt, gia vị, mì ăn liền.

Nhóm 35: Mua, bán hàng lương thực, thực phẩm, gia vị, đồ uống các loại, văn phòng phẩm; đại lý ký gửi hàng lương thực, thực phẩm, gia vị, thuỷ hải sản, nước khoáng, nước uống tinh khiết, đồ uống các loại, văn phòng phẩm; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh; phân phát hàng mẫu; trưng bày sản phẩm.

---

(111) **4-0095200**
(210) 4-2007-01874
(181) 25.01.2017
(450) 25.02.2008 239
(540)

DUONASA

(151) 24.01.2008
(220) 25.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM VĨNH AN AN (VN)
13, đường 1D, khu dân cư Trung Sơn, Bình Hưng, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095201**
(210) 4-2005-12465
(181) 23.09.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 23.09.2005

(531) 26.1.1; 3.7.17; 26.11.3
(731) ÔNG ĐỖ VĂN VŨ (VN)
Thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 25: Áo choàng (măng tô); áo khoác (pađosuy); áo dài; quần áo may sẵn, quần áo complet-veston; quần áo da.

---

(111) **4-0095202**
(210) 4-2005-10514
(181) 18.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 18.08.2005

(531) A26.11.12; 3.7.17
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH THIÊN VŨ (VN)
EB 11 - 12 Bàu Cát 7, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ lưu trú khách sạn.

---

(111) **4-0095203**
(210) 4-2005-10515
(181) 18.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 18.08.2005

(531) 26.2.7; 1.15.24
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THIÊN LẠC (VN)
3-5 Bế Văn Đàn, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ lưu trú khách sạn.

---

(111) **4-0095204**
(210) 4-2005-10516
(181) 18.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NOFARA

(151) 24.01.2008
(220) 18.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG PHÁT (VN)
387 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0095205**
(210) 4-2005-10809
(181) 24.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 24.08.2005

(531) A1.1.2; 20.1.1; 15.7.1; 24.7.1; 26.4.2
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)
Số 1 Đại Cồ Việt, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; thông tin về giáo dục, đào tạo; các hoạt động thể thao và văn hoá, cụ thể là: xuất bản sách; tổ chức các cuộc thi; tổ chức và điều khiển các cuộc hội nghị (hội thảo, semina).

Nhóm 42: Các dịch vụ tư vấn về khoa học và công nghệ; dịch vụ nghiên cứu, thiết kế liên quan đến khoa học và công nghệ; các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; các dịch vụ pháp lý; dịch vụ về ngành hóa; nghiên cứu về dự án kỹ thuật; nghiên cứu về vi khuẩn; thử nghiệm vật liệu.

---

(111) **4-0095206**
(210) 4-2005-05148
(181) 05.05.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

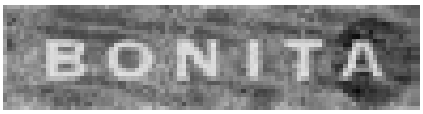

(151) 24.01.2008
(220) 05.05.2005

(531) 26.1.1; 26.4.2
(731) CLASSIC BONITA SDN. BHD. (MY)
55 & 57 Jalan Petaling, 50000 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Hỗ trợ quản lý kinh doanh; tư vấn quản lý kinh doanh; tư vấn tổ chức kinh doanh; trưng bày hàng hoá; phát hành quảng cáo; phát hành các mẫu hàng; xúc tiến bán hàng; giới thiệu các loại sản phẩm (không kể vận chuyển) vì lợi ích của khách hàng để họ dễ xem và mua sản phẩm trong các cửa hàng bán lẻ; franchising, cụ thể là, trợ giúp kỹ thuật trong việc thành lập và/hoặc hoạt động các cửa hàng (là dịch vụ giúp đỡ việc hoạt động hay điều hành của công ty thương mại), tất cả các dịch vụ này thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0095207**
(210) 4-2005-10505
(181) 18.08.2015
(300) 78607020 12.04.2005 US
(450) 25.02.2008 239
(540)

TRAC10

(151) 24.01.2008
(220) 18.08.2005

(731) TELSMITH, INC. (A WISCONSIN CORPORATION) (US)
P.O. Box 539, Mequon, WI 53092, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Hệ thống tự động để giám sát và điều khiển thiết bị nghiền đá tảng và đá nhỏ.

---

(111) **4-0095208**
(210) 4-2005-10810
(181) 24.08.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ĐHBKHN
HUT
IPH
XTY
TUH

(151) 24.01.2008
(220) 24.08.2005

(731) TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)
Số 1 Đại Cồ Việt, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; thông tin về giáo dục, đào tạo; các hoạt động thể thao và văn hoá, cụ thể là: xuất bản sách; tổ chức các cuộc thi; tổ chức và điều khiển các cuộc hội nghị (hội thảo, semina).

Nhóm 42: Các dịch vụ tư vấn về khoa học và công nghệ; dịch vụ nghiên cứu, thiết kế liên quan đến khoa học và công nghệ; các dịch vụ nghiên cứu và phân tích công nghiệp; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính; các dịch vụ pháp lý; dịch vụ về ngành hóa; thử nghiệm vật liệu; nghiên cứu về vi khuẩn; nghiên cứu về dự án kỹ thuật.

---

(111) **4-0095209**
(210) 4-2005-13040
(181) 05.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

AEGIS

(151) 24.01.2008
(220) 05.10.2005

(731) DEPUY, INC. (US)
700 Orthopaedic Drive, Warsaw, Indiana 46581, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị chỉnh hình; cụ thể là: đĩa đốt sống thắt lưng trước và dụng cụ phẫu thuật được sử dụng với nó.

---

(111) **4-0095210**
(210) 4-2005-13130
(181) 06.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 06.10.2005

(531) 26.1.1
(591) Vàng, nâu, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ TRUYỀN THÔNG CHUYÊN NGHIỆP (VN)
Số 2/228 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 35: Tổ chức hội trợ triển lãm; quảng cáo thương mại; buôn bán sản phẩm gỗ; buôn bán sản phẩm giấy in; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0095211**
(210) 4-2005-13637
(181) 14.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 14.10.2005

(731) MAJOR LEAGUE BASEBALL PROPERTIES, INC. (a New York corporation) (US)
245 Park Avenue, New York, NY 10167, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Mũ, nón, mũ lưỡi trai không chóp, áo chui đầu, áo sơ mi, áo thi đấu thể thao, quần ngắn, quần dài, áo mặc tập thể dục, áo khoác, đồng phục bóng chày, bít tất (vớ) và giày dép.

---

(111) **4-0095212**
(210) 4-2005-14222
(181) 25.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 25.10.2005

(531) A26.11.12; 3.7.17
(591) Xanh dương đậm, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO CÁNH CHIM VIỆT. (VN)
Số 282 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 42: Thiết kế đồ họa dùng cho trang trí bảng hiệu; thiết kế đồ họa dùng cho trang trí hộp đèn; thiết kế đồ họa dùng cho việc trang trí áp phích quảng cáo ngoài trời; thiết kế chữ nổi cho biển quảng cáo; thiết kế đồ họa dùng cho trang trí băng rôn quảng cáo ngoài trời; thiết kế đồ họa dùng cho việc trang trí đèn nê-ông của biển quảng cáo.

---

(111) **4-0095213**
(210) 4-2005-14262
(181) 26.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 26.10.2005

(531) 26.4.1; 7.1.24
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ MỘT CHÚT HÀ NỘI (VN)
Số 101 phố Hàng Gai, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Bán quần áo, hàng thủ công mỹ nghệ bằng: mây, tre, gốm, sứ, đá, đồng, bạc, sừng trâu bò, vải lụa, tranh thêu, khăn thêu, gỗ, sơn mài.

---

(111) **4-0095214**
(210) 4-2005-14438
(181) 28.10.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

ONCO-TAIN

(151) 24.01.2008
(220) 28.10.2005

(731) MAYNE PHARMA LIMITED (AU)
Level 21, 390 St Kilda Road, Melbourne, Victoria 3004, Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Dụng cụ phẫu thuật và dụng cụ y tế; hộp đựng thuốc chữa bệnh bao gồm cả hộp đựng thuốc theo liều đơn vị; hộp đựng thuốc theo liều đơn vị bao gồm cả hộp đựng thuốc theo liều đơn vị đã nạp thuốc sẵn; hộp đựng thuốc theo liều đơn vị chứa sản phẩm

liên quan đến chữa trị ung bướu; lớp phủ, màng bọc và vật liệu bao gói bảo vệ cho hộp đựng thuốc chữa bệnh bao gồm cả hộp đựng chứa sản phẩm liên quan đến chữa trị ung bướu.

---

(111) **4-0095215**
(210) 4-2005-14600
(181) 01.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

MAXGLUCARE

(151) 24.01.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0095216**
(210) 4-2005-14826
(181) 07.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 07.11.2005

(531) 15.7.1; A1.5.6
(731) CÔNG TY TNHH QUAN HỆ QUỐC TẾ VIỆT THÁI (VN)
Số 7 Nguyễn Huy Tự, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Phụ tùng ôtô - xe máy: nhông xích, giảm xóc.

---

(111) **4-0095217**
(210) 4-2005-14900
(181) 07.11.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 07.11.2005

(531) 1.15.23; 26.1.1; 15.1.13
(591) Xanh da trời, trắng, nâu nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÁT (VN)
Số 74-76 đường Hoa Bằng, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0095218**
(210) 4-2005-16237
(181) 01.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

NHÀ THUỐC HẬU KHẢI

(151) 24.01.2008
(220) 01.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1 phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0095219**
(210) 4-2005-17266
(181) 19.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

Lavender

(151) 24.01.2008
(220) 19.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
Phòng 203, nhà B4, làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh phụ nữ; quần lót vệ sinh phụ nữ; tăm bông vệ sinh phụ nữ; quần vệ sinh; quần, đồ thấm dành cho những người tiểu tiện không kìm chế.

Nhóm 16: Giấy; tã lót cho trẻ em bằng giấy; giấy vệ sinh; khăn ăn bằng giấy; khăn giấy dùng để tẩy trang.

---

(111) **4-0095220**
(210) 4-2005-17268
(181) 19.12.2015
(450) 25.02.2008 239
(540)

(151) 24.01.2008
(220) 19.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
Phòng 203, nhà B4, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh phụ nữ; quần lót vệ sinh phụ nữ; tăm bông vệ sinh phụ nữ; quần vệ sinh; quần, đồ thấm dành cho những người tiểu tiện không kìm chế.

PHẦN V

NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC BẢO HỘ TẠI VIỆT NAM THEO THOẢ ƯỚC MADRID

Phần này chỉ công bố các nhãn hiệu hàng hoá đăng ký theo Thoả ước Madrid và được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam. Trong đó, Danh mục hàng hoá, dịch vụ (mã số (511)) chỉ công bố đến nhóm sản phẩm theo Bảng phân loại quốc tế về nhãn hiệu hàng hoá và dịch vụ. Mọi thông tin chi tiết hơn về hàng hoá, sản phẩm sẽ được Cục sở hữu công nghiệp thông báo riêng nếu có yêu cầu của người cần dùng tin.

A – NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ MỚI ĐĂNG KÝ

(111) **203914**
(822) 04.06.1957 58.57.105 MC
(171) 10 năm
(540)

HELIABRINE

(151) 10.10.1957
(831) 30.03.2006 VN
(450) 1977/10 LMi (01.12.1977)
(732) LABORATOIRES ASEPTA, Société anonyme
4, rue du Rocher, MC-98000 MONACO (MC)

(511) 05.

---

(111) **263177**
(822) 30.10.1962 97 579 BX
(171) 10 năm
(540)

CIMSEC

(151) 08.12.1962
(831) 21.11.2006 VN
(450) 1982/12 LMi (01.02.1983)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

(511) 19.

---

(111) **379672**
(822) 25.10.1961 637 563 DT
(171) 20 năm
(540)

(151) 18.06.1971
(831) 27.04.2006 VN
(450) 1971/7 LMi (01.09.1971)
(531) 15.07.07, 15.07.21, 24.01.13, 24.01.15, 27.05.21
(732) HAZEMAG & EPR GmbH
75, Brokweg, 48249 Dülmen (DE)
(750) Kurt Rösner, Patentingenieur; Patentabteilung HAZEMAG & EPR GmbH
Postfach 13 64, 48234 Dülmen (DE)

(511) 07.

---

(111) **398721**
(822) 03.05.1962 391 903 ES
(171) 20 năm
(540)

(151) 09.06.1973
(831) 25.05.2006 VN
(450) 1973/6 LMi (01.08.1973)
(531) 26.04.02, 27.01.07
(732) MAHOU, S.A.
Paseo Imperial, 32, E-28005 MADRID (ES)

(511) 32.

---

(111) **469689**
(822) 04.09.1972 254 770 ES
(171) 10 năm
(540)

FERMAX

(151) 12.05.1982
(831) 15.12.2006 VN
(450) 1982/7 LMi (01.09.1982)
(732) J. FERNANDO MAESTRE MARTÍNEZ
Tres Forques, 41, VALENCIA (ES)

(511) 09.

---

(111) **499707**
(822) 20.09.1985 1 082 073 DT
(171) 10 năm
(540)

Radium

(151) 15.01.1986
(831) 13.12.2006 VN
(450) 1986/2 LMi (01.04.1986)
(732) Radium Lampenwerk GmbH
Dr.-Eugen-Kersting-Strasse 6, 51688 Wipperfürth (DE)
(750) OSRAM GmbH, Abt. GC IP TM-M
Hellabrunner Strasse 1, 81543 MÜNCHEN (DE)

(511) 11.

---

(111) **508682**
(822) 19.03.1986 417 778 BX
(171) 10 năm
(540)

DOMINGO

(151) 08.12.1986
(831) 11.12.2006 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) GRYSON, naamloze vennootschap
3 Nijverheidsstraat, B-8150 HOUTHULST (BE)

(511) 34.

---

(111) **587179**
(822) 05.06.1986 431 790 IT
(171) 20 năm
(540)
SALVAGNINI

(151) 03.07.1992
(831) 25.02.2006 VN
(450) 1992/7 LMi (15.09.1992)
(732) SALVAGNINI B.V.
Keizersgracht 433, NL-1017 DJ AMSTERDAM (NL)

(511) 07.

---

(111) **618700**
(822) 13.03.1984 331 057 CH
(171) 20 năm
(540)
AULIN

(151) 03.05.1994
(831) 11.01.2007 VN
(450) 1994/6 LMi (18.08.1994)
(732) HELSINN HEALTHCARE SA
Via Pian Scairolo 9, CH-6912 Lugano (CH)

(511) 05.

---

(111) **730178**
(822) 24.11.1995 166690 TR
(171) 10 năm
(540)

(151) 01.02.2000
(831) 29.11.2006 VN
(450) 2000/7 Gaz (11.05.2000)
(531) 27.05.01
(732) SIMSEK BISKUVI VE GIDA SANAYI ANONIM SIRKETI
Organize Sanayi Bolgesi, KARAMAN (TR)

(511) 29, 30.

---

(111) **755765**
(822) 23.10.2000 677508 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 22.03.2001
(831) 20.06.2006 VN
(450) 2001/9 Gaz (07.06.2001)
(531) 02.03.08
(732) BERGHOFF WORLDWIDE, naamloze vennootschap
Boterbosstraat 6-1, B-3550 Heusden-Zolder (BE)

(511) 07, 08, 21.

---

(111) **756847**
(822) 21.02.2001 231503 CZ
(171) 10 năm
(540)
VITAR

(511) 01, 05, 29, 30, 32.

(151) 21.02.2001
(831) 24.05.2006 VN
(450) 2001/11 Gaz (05.07.2001)
(732) VITAR, s.r.o.
tř. T. Bati 385, CZ-764 02 Zlín (CZ)

---

(111) **760835**
(171) 10 năm
(540)
JST

(511) 07, 08, 09.

(151) 18.06.2001
(831) 11.07.2006 VN
(450) 2001/17 Gaz (27.09.2001)
(732) J.S.T. MFG. CO., LTD.
4-8, Minami-Senba 2-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 542-0081 (JP)
(750) J.S.T. MFG. CO., LTD.
1099-25, Aza-Marune, Oaza-Kurozasa, Miyoshi-cho, Nishikamo-gun, Aichi 470-0201 (JP)

---

(111) **765301**
(822) 27.07.1998 211010 CZ
(171) 10 năm
(540)
VELKOPOPOVICKÝ KOZEL

(511) 32.

(151) 30.04.2001
(831) 20.09.2006 VN
(450) 2001/20 Gaz (08.11.2001)
(732) Plzeňský Prazdroj, a.s.
U Prazdroje 7, CZ-304 97 Plzeň (CZ)

---

(111) **771840**
(171) 10 năm
(540)
Feelmax

(511) 24, 25, 28.

(151) 05.12.2001
(831) 18.12.2006 VN
(450) 2002/1 Gaz (21.02.2002)
(732) Oy Feelmax Ltd
Maaningantie 47, FI-71750 Maaninka (FI)

---

(111) **772514**
(822) 08.11.2001 854372 IT
(171) 10 năm
(540) MAPEQUICK

(151) 08.11.2001
(831) 11.10.2006 VN
(450) 2002/1 Gaz (21.02.2002)
(732) MAPEI S.p.A.
Via Cafiero, 22, I-20158 MILANO (IT)

(511) 01, 19.

---

(111) **774580**
(822) 22.10.2001 238064 CZ
(171) 10 năm
(540) VELKOPOPOVICKY Kozel

(151) 22.10.2001
(831) 20.09.2006 VN
(450) 2002/4 Gaz (04.04.2002)
(531) 03.04.11, 11.03.20, 27.01.12, 27.05.01
(732) Plzeňský Prazdroj, a.s.
U Prazdroje 7, CZ-304 97 Plzeň (CZ)

(511) 32.

---

(111) **789114**
(822) 05.02.1997 396 40632.7/25 DE
(171) 10 năm
(540) YOUNG SPIRIT

(151) 19.08.2002
(831) 10.05.2006 VN
(450) 2002/21 Gaz (28.11.2002)
(732) Reno Schuhcentrum GmbH
Industriegebiet West, 66987 Thaleischweiler-Fröschen (DE)

(511) 18, 24, 25.

---

(111) **791003**
(822) 03.12.2001 300 92 059.8/07 DE
(171) 10 năm
(540) SACHS

(151) 09.07.2002
(831) 27.11.2006 VN
(450) 2002/23 Gaz (26.12.2002)
(531) 01.15.23, 18.03.23, 27.05.01
(732) ZF Sachs AG
Ernst-Sachs-Strasse 62, 97424 Schweinfurt (DE)
(750) ZF Sachs AG
Abt- FRP Al-dö 2242, 97419 Schweinfurt (DE)

(511) 07, 12, 17.

---

(111) **800141**
(822) 05.09.2002 505396 CH
(171) 10 năm
(540)

CORVON

(151) 20.02.2003
(831) 16.10.2006 VN
(450) 2003/8 Gaz (29.05.2003)
(732) Skivertex Corporation
Am Dürrbach 211, CH-6390 Engelberg (CH)

(511) 16.

---

(111) **800855**
(822) 14.03.1990 1155826 DE
(171) 10 năm
(540)

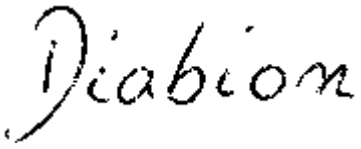

(151) 18.03.2003
(831) 19.12.2006 VN
(450) 2003/20 Gaz (13.11.2003)
(732) Merck KGaA
Frankfurter Strasse 250, 64293 Darmstadt (DE)

(511) 05.

---

(111) **814150**
(822) 05.09.2003 906582 IT
(171) 10 năm
(540)

FLOS

(151) 25.09.2003
(831) 15.11.2006 VN
(450) 2003/24 Gaz (08.01.2004)
(732) FLOS S.P.A.
Via A. Faini, 2, I-25073 BOVEZZO (Brescia) (IT)

(511) 09, 11, 14, 18, 20, 21, 24, 25, 27, 35.

---

(111) **816772**
(822) 02.06.2003 303 18 317.9/28 DE
(171) 10 năm
(540)

GREEN HILL

(151) 06.10.2003
(831) 03.05.2006 VN
(450) 2004/2 Gaz (04.03.2004)
(732) GREEN HILL Corporation (PVT) Ltd. Shataab Gara Road, Ravail Pura, Sialkot 51310 (PK), Kiani + Buhr GmbH, Lohberger Straße 6, Tostedt (DE)

(511) 28.

---

(111) **829073**
(822) 09.05.1995 2095879/05 DE
(171) 10 năm
(540)

Femibion

(151) 19.05.2004
(831) 19.12.2006 VN
(450) 2004/23 Gaz (02.09.2004)
(732) Merck KGaA
Frankfurter Strasse 250, 64293 Darmstadt (DE)

(511) 05.

---

(111) **832286**
(822) 12.05.1981 1153676 US
(171) 10 năm
(540)

TORX

(151) 07.05.2004
(831) 04.12.2006 VN
(450) 2004/31 Gaz (28.10.2004)
(732) Textron Inc.
40 Westminster Street, Providence, RI 02903 (US)

(511) 06, 07, 08.

---

(111) **838769**
(822) 12.07.2004 304 25 449.5/09 DE
(171) 10 năm
(540)

Nexyma 80

(151) 28.09.2004
(831) 15.12.2006 VN
(450) 2004/44 Gaz (03.02.2005)
(732) Rodenstock GmbH
Isartalstrasse 43, 80469 München (DE)
(750) Rodenstock GmbH, Patente Marken Normen
Isartalstrasse 43, 80469 München (DE)

(511) 09.

---

(111) **844454**
(171) 10 năm
(540)

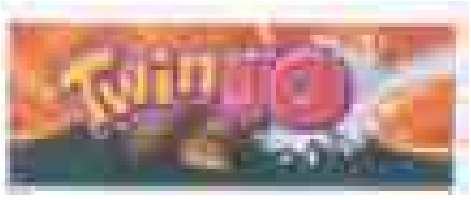

(151) 14.09.2004
(831) 29.12.2006 VN
(450) 2005/12 Gaz (28.04.2005)
(531) 01.15.15, 08.01.19, 08.01.21, 08.03.01, 27.05.01, 29.01.15
(732) VIZYON CIKOLATA GIDA SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI
2. Organize Sanayi Bolgesi Dogu 3., Cad. No:6, GAZIANTEP (TR)

(511) 30.

---

(111) **846615**
(822) 23.12.2004 529931 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 14, 16.

(151) 16.02.2005
(831) 20.12.2006 VN
(450) 2005/16 Gaz (26.05.2005)
(531) 27.05.01
(732) RJ WATCHES SA
8, rue Céard, CH-1204 Genève (CH)

---

(111) **857648**
(822) 26.07.2005 770121 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 17, 19.

(151) 26.07.2005
(831) 02.01.2007 VN
(450) 2005/40 Gaz (10.11.2005)
(531) 26.04.02, 26.04.07, 27.01.01, 27.05.01
(732) DECEUNINCK N.V.
Bruggesteenweg 164, B-8830 Hooglede-Gits (BE)

---

(111) **868625**
(822) 21.06.2005 969958 IT
(171) 10 năm
(540)

COLLISTAR

(511) 03, 05.

(151) 21.06.2005
(831) 21.11.2006 VN
(450) 2006/17 Gaz (01.06.2006)
(732) COLLISTAR S.p.A.
19, via G.B. Pirelli, I-20124 MILANO (IT)

---

(111) **870216**
(822) 04.10.2005 977596 IT
(171) 10 năm
(540)

SALVATORE FERRAGAMO

(511) 35.

(151) 04.10.2005
(831) 24.11.2006 VN
(450) 2005/49 Gaz (12.01.2006)
(732) Salvatore Ferragamo Italia S.p.A.
Via dei Tornabuoni, 2, I-50123 Firenze (FI) (IT)

---

(111) **881529**
(822) 22.04.2004 267676 RU
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 05, 10, 16, 42, 44.

(151) 23.09.2005
(831) 03.11.2006 VN
(450) 2006/17 Gaz (01.06.2006)
(531) 26.01.01, 26.01.06, 27.05.01
(732) OBSCHESTVO S OGRANICHENNOI OTVETSTVENNOSTIJU "GEROPHARM"
ul. Zvenigorodskaya 9, Office 216, RU-191119 St. Petersburg (RU)
(750) OBSCHESTVO S OGRANICHENNOI OTVETSTVENNOSTIJU "GEROPHARM"
Ul. Ordinarnaya, 12, RU-197136 St. Petersburg (RU)

---

(111) **883972**
(822) 08.08.2005 305 22 115.9/38 DE
(171) 10 năm
(540)

blucom

(511) 09, 16, 35, 38, 42.

(151) 07.11.2005
(831) 04.12.2006 VN
(450) 2006/22 Gaz (06.07.2006)
(591) trắng, xanh da trời.
(732) APS Astra Platform Services GmbH
Betastr. 1-5, 85774 Unterföhring (DE)

---

(111) **883973**
(822) 15.09.2005 305 26 522.9/09 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 16, 35, 38, 42.

(151) 07.11.2005
(831) 04.12.2006 VN
(450) 2006/22 Gaz (06.07.2006)
(531) 26.03.07, 26.03.19, 27.05.01, 29.01.12
(591) Trắng và xanh da trời
(732) APS Astra Platform Services GmbH
Betastr. 1-5, 85774 Unterföhring (DE)

---

(111) **886784**

(171) 10 năm

(540)

erke

(151) 14.03.2006
(831) 11.01.2007 VN
(450) 2006/26 Gaz (03.08.2006)
(732) ERKE ERKE ARASTIRMALARI VE MÜHENDISLIK ANONIM SIRKET
Merkez Mah. Aytaç Mevkii Basin, Ekspres Yolu No: 5/A, Ugur Plaza Halkali, Halkali-ISTANBUL (TR)

(511) 07, 12, 42.

---

(111) **889263**
(822) 03.01.2006 004018388 EM
(171) 10 năm
(540)

(151) 06.06.2006
(831) 05.01.2007 VN
(450) 2006/29 Gaz (24.08.2006)
(531) 27.05.01
(732) Schimmel Verwaltungsgesellschaft mbH
Friedrich-Seele-Str. 20, 38122 Braunschweig (DE)

(511) 09, 15.

---

(111) **895129**
(822) 04.01.2006 305 59 346.3/41 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 10.03.2006
(831) 15.12.2006 VN
(450) 2006/38 Gaz (26.10.2006)
(531) 27.05.01
(732) GRUND GENUG Verlag und Werbe GmbH
Stadthausbrücke 5, 20355 Hamburg (DE)

(511) 16, 35, 36, 41.

---

(111) **895357**

(171) 10 năm

(540)

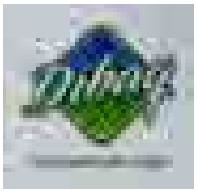

(151) 11.04.2006
(831) 30.10.2006 VN
(450) 2006/38 Gaz (26.10.2006)
(531) 26.04.03, 26.04.19, 27.05.01, 29.01.13
(591) Xanh da trời, xanh lá cây, trắng
(732) DIBAQ-DIPROTEG, S.A.
Ctra. de Navalmanzano, Km. 4,300, E-40260 FUENTEPELAYO (Segovia) (ES)

(511) 31, 35, 44.

---

(111) **895493**
(822) 28.04.1994 94 518 642 FR
(171) 10 năm
(540)

SANOFLORE

(511) 03, 05.

(151) 23.06.2006
(831) 09.12.2006 VN
(450) 2006/38 Gaz (26.10.2006)
(732) CREA MUNDI
Mas de Reculan, route de St Gilles, F-30510 GENERAC (FR)

---

(111) **896758**
(171) 10 năm
(540)

erketürk

(511) 07, 12, 42.

(151) 14.03.2006
(831) 11.01.2007 VN
(450) 2006/39 Gaz (02.11.2006)
(732) ERKE ERKE ARASTIRMALARI VE MÜHENDISLIK ANONIM SIRKET
Merkez Mah. Aytaç Mevkii Basin, Ekspres Yolu No: 5/A, Ugur Plaza Halkali, Halkali-ISTANBUL (TR)

---

(111) **900218**
(822) 05.07.2006 306 27 660.7/03 DE
(171) 10 năm
(540)

ZONE ACTION

(511) 03.

(151) 30.08.2006
(831) 18.11.2006 VN
(450) 2006/43 Gaz (30.11.2006)
(732) Beiersdorf AG
Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)
(750) Beiersdorf AG, Legal Department
Mail Box 82, Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)

---

(111) **900227**
(822) 04.04.2006 306 09 728.1/05 DE
(171) 10 năm
(540)

Masculan

(511) 03, 05, 10.

(151) 04.08.2006
(831) 07.12.2006 VN
(450) 2006/43 Gaz (30.11.2006)
(732) M.P.I. Pharmaceutica GmbH
Ballindamm 8, 20095 Hamburg (DE)

---

(111) **901299**
(822) 28.03.2006 999905 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.03.2006
(831) 15.11.2006 VN
(450) 2006/44 Gaz (07.12.2006)
(531) 26.04.07, 26.04.18, 27.05.24
(732) FLOS S.P.A.
Via A. Faini, 2, I-25073 BOVEZZO (Brescia) (IT)

(511) 11, 20, 35.

---

(111) **901969**
(822) 03.03.2006 05 3 381 831 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 21.04.2006
(831) 29.11.2006 VN
(450) 2006/45 Gaz (14.12.2006)
(531) 27.05.01
(732) ESPACE PC INTERNATIONAL
9, rue Galilée, F-94851 IVRY-SUR-SEINE CEDEX (FR)

(511) 09.

---

(111) **902724**

(171) 10 năm
(540)

(151) 07.02.2006
(831) 14.11.2006 VN
(450) 2006/45 Gaz (14.12.2006)
(531) 21.03.01
(732) Fabulous Liscensing B.V.
Rokin 55, NL-1012 KK Amsterdam (NL)

(511) 03, 09, 14, 18, 24, 25.

---

(111) **909390**
(822) 03.06.1986 1 360 530 FR
(171) 10 năm
(540)

BRICE

(511) 25.

(151) 26.10.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(732) BRICE
25 avenue du Panorama, F-72100 Le Mans (FR)

---

(111) **909440**
(822) 14.06.2006 308537 RU
(171) 10 năm
(540)

IEK

(511) 06, 09, 11, 17, 37, 39, 42.

(151) 23.06.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(732) Obshchestvo s ogranichennoi otvetstvennoct'u "INTERELEKTROKOMPLEKT"
1st Dorozhnii proezd, 4, Building 1, RU-117545 Moscow (RU)

---

(111) **909497**
(822) 09.06.2006 05 3 396 768 FR
(171) 10 năm
(540)

DOMAINE DE BROIX

(511) 33.

(151) 11.10.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(732) SCI DES BROIX
Les Broix, F-16120 Touzac (FR)

---

(111) **909513**
(822) 13.02.2006 305 74 035.0/17 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 17, 19, 35.

(151) 07.06.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(531) 26.04.01, 26.04.09, 27.05.01
(732) illbruck elements GmbH
Feringastrasse 12b, 85774 Unterföhring (DE)

---

(111) **909530**
(822) 06.04.2006 793154 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 15.11.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(531) 25.05.01, 26.01.06, 29.01.12
(591) Cam, trắng
(732) Holland Evenementen Groep BV
Zoelensestraatje 3, NL-4011 LT Zoelen (NL)

(511) 35, 41, 45.

---

(111) **909533**
(822) 25.05.2006 307206 RU
(171) 10 năm
(540)

(151) 25.05.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(531) 27.01.01, 29.01.02, 29.01.06
(591) Vàng, xám đậm và trắng
(732) Obshchestvo s ogranichennoi otvetstvennoct'u "INTERELEKTROKOMPLEKT"
1st Dorozhnii proezd, 4, Building 1, RU-117545 Moscow (RU)

(511) 06, 09, 11, 17, 37, 39, 42.

---

(111) **909544**
(822) 20.11.2001 206608 RU
(171) 10 năm
(540)

(151) 29.08.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(531) 27.05.24
(732) LITTLE DOCTOR INTERNATIONAL (S) Pte Ltd
35 Selegie Road, #09-05 Parklane Shopping Centre, Singapore 188307 (SG), 35 "A", 16 Parkovay st., Moscow (RU)

(511) 05, 10, 35.

---

(111) **909577**
(822) 03.11.2006 06 3 431 048 FR
(171) 10 năm
(540)

SEBO SPECIFIC

(511) 03, 05, 30.

(151) 20.11.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(732) LABORATOIRES DE BIOLOGIE VEGETALE YVES ROCHER S.A.
La Croix des Archers, F-56200 LA GACILLY (FR)
(750) LABORATOIRES DE BIOLOGIE VEGETALE YVES ROCHER S.A., Dpt Propriété Intellectuelle - Véronique LAMOUR
3, allée de Grenelle, F-92444 ISSY-LES-MOULINEAUX (FR)

---

(111) **909590**
(171) 10 năm
(540)

CF MITCHELL

(511) 36.

(151) 18.09.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(732) S. W. Mitchell Capital LLP
52 Jermyn Street, London SW1Y 6LX (GB)

---

(111) **909597**
(822) 24.04.2006 305 68 481.7/07 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 04, 07, 11.

(151) 12.05.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(531) 26.04.18, 27.05.01, 29.01.12
(591) Xanh lá cây và vàng
(732) MANN+HUMMEL GMBH
Hindenburgstr. 45, 71638 Ludwigsburg (DE)

---

(111) **909604**
(822) 13.02.2006 305 74 033.4/17 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 17, 19, 42.

(151) 07.06.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(531) 26.04.01, 26.04.08, 26.04.09, 27.05.01
(732) illbruck elements GmbH
Feringastrasse 12b, 85774 Unterföhring (DE)

---

(111) **909605**
(822) 13.02.2006 305 74 032.6/17 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 17, 19, 42.

(151) 07.06.2006

(450) 2007/1 Gaz (08.02.2007)
(531) 26.03.23, 26.04.01, 26.04.11, 27.05.01
(732) illbruck elements GmbH
Feringastrasse 12b, 85774 Unterföhring (DE)

---

(111) **909664**

(171) 10 năm
(540)

(511) 08.

(151) 22.11.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 02.01.02, 02.01.20, 29.01.15
(591) Đỏ, be, đen, xanh lá cây, màu hạt dẻ, xám và vàng kim loại
(732) KANZAWA SEIKO KABUSHIKI KAISHA (doing business as KANZAWA SEIKO Co., LTD.)
258 Takagi, Bessho-cho, Miki-shi, Hyogo 673-0435 (JP)

---

(111) **909670**
(822) 06.11.2006 1027368 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 11, 20.

(151) 06.11.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 27.05.01
(732) CLA.BO.FIN. SRL
Viale dell'Industria, Frazione Zona Industriale ZIPA, I-60035 Jesi (AN) (IT)

---

(111) **909694**
(822) 05.05.2006 1006336 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 07, 09.

(151) 05.05.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 26.01.01, 26.03.01
(732) INARCA S.P.A.
Via Cà Zusto, 35, I-35010 VIGODARZERE (IT)

---

(111) **909703**
(822) 28.10.2005 1083255 AU
(171) 10 năm
(540)

(511) 30, 43.

(151) 27.11.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 08.01.18
(732) Il Gelato (ABN: 67087906143)
2/356 Charles Street, NORTH PERTH WA 6006 (AU)

---

(111) **909723**
(822) 14.09.2004 3510246 CN
(171) 10 năm
(540)

CELSTAR

(511) 07.

(151) 29.06.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(732) Shanghai Kinglion Sewing Machine Co., Ltd.
No. 88, 1299 Nong, Jiasongzhonglu, Huaxinzhen, Qingpuqu, 201708 Shanghai (CN)

---

(111) **909727**
(822) 15.08.2006 551487 CH
(171) 10 năm
(540)

ELAZOP

(511) 05.

(151) 18.12.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(732) Alcon, Inc.
Bösch 69, CH-6331 Hünenberg (CH)

---

(111) **909728**
(822) 24.11.2006 1028694 IT
(171) 10 năm
(540)

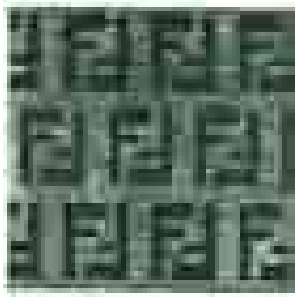

(511) 03, 09, 14, 18, 25.

(151) 24.11.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 25.07.17, 25.12.25, 29.01.12
(591) Màu hạt dẻ, đen
(732) FENDI ADELE S.R.L.
Via Flaminia, 968, I-00189 Roma (IT)

---

(111) **909730**
(822) 24.11.2006 1028693 IT
(171) 10 năm
(540) 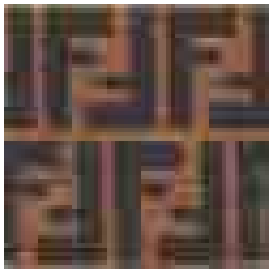

(511) 03, 09, 14, 18, 25.

(151) 24.11.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 25.07.17, 25.12.25, 29.01.12
(591) Màu hạt dẻ, đen
(732) FENDI ADELE S.r.l.
Via Flaminia 968, I-00189 ROMA (IT)

---

(111) **909731**
(822) 01.12.2006 06 3 437 878 FR
(171) 10 năm
(540) LIPO.METRIC

(511) 03.

(151) 01.12.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(732) L'OREAL
14, rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **909744**
(822) 07.06.1999 1281522 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 29.

(151) 15.12.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 02.03.01, 28.03.00
(732) BEIJING WANGZHIHE FOOD CO., LTD.
No. 19, Zaolinqian Street, Xuanwu District, 100053 Beijing (CN)

---

(111) **909799**
(822) 18.09.2006 1021336 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 14.

(151) 18.09.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 01.01.01, 01.03.01, 02.01.02, 02.01.20, 28.03.00
(732) AREA S.r.l.
Via Visconti di Mondrone, 1, I-20100 MILANO (MI) (IT)

---

(111) **909819**
(822) 19.09.2006 178518 PL
(171) 10 năm
(540)

FINTRAL

(151) 31.10.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(732) ZAKŁADY FARMACEUTYCZNE "POLPHARMA" SPÓŁKA AKCYJNA
Pelplinska 19, PL-83-200 STAROGARD GDANSKI (PL)

(511) 05.

---

(111) **909833**
(822) 17.07.2006 64875 UA
(171) 10 năm
(540)

(151) 05.10.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 27.05.08
(732) Barsukov Sergey Dmitrievich
20 Yaroslavskoe Highway, case 1, ap. 100, RU-129337 Moscow (RU), 285 Ilyina, ap. 6, Cherkassy 18002 (UA)

(511) 06, 07, 09, 16.

---

(111) **909843**
(822) 27.05.1987 1.411.054 FR
(171) 10 năm
(540)

ATTITUDE

(151) 17.11.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(732) L'OREAL
14, rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **909891**
(822) 26.06.2006 1013359 IT
(171) 10 năm
(540)

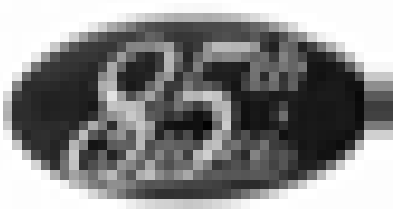

(151) 15.09.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 26.01.17, 26.01.18, 27.05.13, 27.07.11
(732) GUCCIO GUCCI S.P.A.
Via Tornabuoni, 73/R, I-50123 FIRENZE (IT)

(511) 03, 06, 09, 14, 18, 25.

---

(111) **909975**
(822) 23.08.2006 551719 CH
(171) 10 năm
(540) VIGADEKA

(151) 19.12.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(732) Alcon, Inc.
Bösch 69, CH-6331 Hünenberg (CH)

(511) 05.

---

(111) **909997**
(822) 09.12.2005 543911 CH
(171) 10 năm
(540) SOCHI 2014

(151) 22.06.2006

(450) 2007/2 Gaz (15.02.2007)
(531) 14.01.06, 24.11.25, 24.17.25, 26.01.16
(732) Comité International Olympique
Château de Vidy, CH-1007 Lausanne (CH)

(511) 01, 03, 04, 05, 09, 11, 12, 14, 16, 17, 18, 25, 28, 29, 30, 32, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43.

---

(111) **910049**

(171) 10 năm
(540) CIMCORE

(151) 25.08.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) Romer, Inc.
5145 Avenida Encinas, Carlsbad, CA 92008 (US)

(511) 09.

---

(111) **910064**
(822) 12.07.2005 305 18 965.4/40 DE
(171) 10 năm
(540) AGFAPHOTO

(151) 03.10.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) Agfa-Gevaert AG
Kaiser-Wilhelm-Allee, 51373 Leverkusen (DE)
(750) Agfa-Gevaert N.V., HE/IP (3802)
Septestraat 27, B-2640 Mortsel (BE)

(511) 01, 09, 16, 17, 40.

---

(111) **910070**
(822) 09.12.2005 543913 CH
(171) 10 năm
(540) SALZBURG 2014

(151) 22.06.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(531) 14.01.16, 24.11.25, 24.17.25, 26.01.06
(732) Comité International Olympique
Château de Vidy, CH-1007 Lausanne (CH)

(511) 01, 03, 04, 05, 09, 11, 12, 14, 16, 17, 18, 25, 28, 29, 30, 32, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43.

---

(111) **910071**
(822) 09.12.2005 543912 CH
(171) 10 năm
(540) PYEONGCHANG 2014

(151) 22.06.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(531) 14.01.16, 24.11.25, 24.17.25, 26.01.06
(732) Comité International Olympique
Château de Vidy, CH-1007 Lausanne (CH)

(511) 01, 03, 04, 05, 09, 11, 12, 14, 16, 17, 18, 25, 28, 29, 30, 32, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43.

---

(111) **910075**
(822) 25.11.2005 543777 CH
(171) 10 năm
(540)

(151) 23.05.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(531) 01.05.01, 01.05.07, 01.15.09
(732) Fédération Internationale de Football Association (FIFA)
FIFA-Strasse 20, CH-8044 Zürich (CH)
(750) Fédération Internationale de Football Association (FIFA) IP Unit
FIFA-Strasse 20, CH-8044 Zürich (CH)

(511) 01, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43.

---

(111) **910149**
(822) 08.05.2006 305 72 324.3/06 DE
(171) 10 năm
(540)

ECdrive C

(151) 19.05.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) GEZE GmbH
Reinhold-Vöster-Straße 21-29, 71229 Leonberg (DE)
(750) GEZE GmbH
P.O. Box 1363, 71229 Leonberg (DE)

(511) 06, 07, 09, 11, 16, 19.

---

(111) **910153**
(822) 08.05.2006 305 72 323.5/06 DE
(171) 10 năm
(540)

ECdrive LT

(151) 19.05.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) GEZE GmbH
Reinhold-Vöster-Straße 21-29, 71229 Leonberg (DE)
(750) GEZE GmbH
P.O. Box 1363, 71229 Leonberg (DE)

(511) 06, 07, 09, 11, 16, 19.

---

(111) **910161**
(822) 08.05.2006 305 72 322.7/06 DE
(171) 10 năm
(540)

ECdrive

(151) 19.05.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) GEZE GmbH
Reinhold-Vöster-Straße 21-29, 71229 Leonberg (DE)
(750) GEZE GmbH
P.O. Box 1363, 71229 Leonberg (DE)

(511) 06, 07, 09, 11, 16, 19.

---

(111) **910169**
(822) 23.11.2005 553457 CH
(171) 10 năm
(540)

CONTROLGUARD

(151) 18.12.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) Siemens Schweiz AG
Albisriederstrasse 245, CH-8047 Zurich (CH)

(511) 09, 37, 41, 42.

---

(111) **910187**
(822) 03.10.2005 773832 BX
(171) 10 năm
(540)

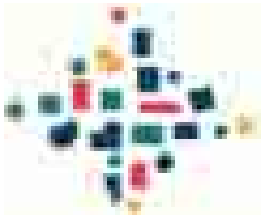

(511) 35, 36, 42.

(151) 24.02.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(531) 26.07.25, 29.01.15
(591) Vàng, xanh da trời, đỏ, xanh lá cây
(732) Fortis N.V.; Fortis SA/NV, Koningsstraat 20, B-1000 Brussel, België
Archimedeslaan 6, NL-3584 BA Utrecht (NL)

---

(111) **910188**
(822) 09.03.2005 305 01 781.0/06 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 40, 42.

(151) 08.02.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(531) 24.13.09, 26.11.06, 26.11.12, 27.05.01
(732) Schmidt + Clemens GmbH + Co. KG
51789 Lindlar (DE)

---

(111) **910190**
(822) 28.07.2006 06 3 409 923 FR
(171) 10 năm
(540)

AIRNESS

(511) 03, 09, 14, 16, 35, 36, 38, 41.

(151) 11.08.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) KONÉ Malamine
8, allée Auguste Renoir, F-92300 LEVALLOIS-PERRET (FR)

---

(111) **910196**
(822) 07.03.2005 3651568 CN
(171) 10 năm
(540)

CoolPAD 酷派

(511) 09.

(151) 14.07.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(531) 28.03.00
(732) YULONG COMPUTER TELECOMMUNICATION SCIENTIFIC (SHENZHEN) Co., LTD
8 Floor, B Bldg, Hi-Tech Plaza, Tian'an Cyber Park, Futian District, Shenzhen (CN)

---

(111) **910211**
(822) 03.11.2006 186920 HU
(171) 10 năm
(540)

(151) 03.11.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(531) 26.01.18
(732) RICHTER GEDEON VEGYÉSZETI GYÁR RT.
Gyömröi út 19-21, H-1103 Budapest (HU)
(750) RICHTER GEDEON VEGYÉSZETI GYÁR RT.
Pf. 27, H-1475 Budapest 10 (HU)

(511) 05.

---

(111) **910236**
(822) 28.09.2006 552850 CH
(171) 10 năm
(540)

RELION

(151) 27.11.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) ABB Technology AG
Affolternstrasse 44, CH-8050 Zürich (CH)
(750) ABB Schweiz AG
Intellectual Property, CH-LC/IP, Brown Boveri Strasse 6, CH-5400 Baden (CH)

(511) 09, 38, 42.

---

(111) **910281**
(822) 17.11.2005 544831 CH
(171) 10 năm
(540)

WORLD CUP 2010

(151) 17.05.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) Fédération Internationale de Football Association (FIFA)
FIFA-Strasse 20, CH-8044 Zürich (CH)
(750) Fédération Internationale de Football Association (FIFA) IP Unit
FIFA-Strasse 20, CH-8044 Zürich (CH)

(511) 01, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43.

---

(111) **910291**
(822) 06.04.2006 788902 BX
(171) 10 năm
(540)

TRAIL RUNNER

(151) 15.06.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) The Gates Corporation, Delaware corporation
1551 Wewatta Street, Denver, Colorado 80202 (US), Dr. Carlierlaan 30, Erembodegem-Aalst (BX)

(511) 07, 12.

---

(111) **910301**
(822) 05.05.2006 05 3 394 902 FR
(171) 10 năm
(540)

Liveservices

(151) 29.05.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) FRANCE TELECOM
6, place d'Alleray, F-75015 PARIS (FR)

(511) 35, 38, 41, 42, 45.

---

(111) **910320**
(822) 05.07.2006 306 18 812.0/07 DE
(171) 10 năm
(540)

KARL EUGEN FISCHER
MASCHINENFABRIK

(151) 04.09.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(531) 26.04.04, 26.11.03, 26.15.09, 27.05.10
(732) Karl Eugen Fischer GmbH
Karl-Eugen-Fischer-Str. 6+8, 96224 Burgkunstadt (DE)

(511) 07.

---

(111) **910376**
(822) 23.02.2006 793795 BX
(171) 10 năm
(540)

STRETCH FIT

(151) 02.03.2006

(450) 2007/3 Gaz (22.02.2007)
(732) The Gates Corporation, Delaware Corporation
1551 Wewatta Street, Denver, CO 80202 (US), Dr. Carlierlaan 30, Erembodegem-Aalst (BX)

(511) 07, 12.

---

(111) **910414**
(822) 01.06.2006 2689592 ES
(171) 10 năm
(540)

SKHUABAN

(151) 27.06.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) INDUSTRIA DE DISEÑO TEXTIL S.A. (INDITEX S.A.)
Avda. de la Diputación, Edificio Inditex, E-15142 Arteixo (A Coruña) (ES)

(511) 03, 09, 10, 12, 14, 16, 21, 24, 26, 28, 35.

---

(111) **910417**
(822) 28.04.2006 306 03 609.6/01 DE
(171) 10 năm
(540)

FerroEtch

(151) 06.07.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) Atotech Deutschland GmbH
Erasmusstrasse 20, 10553 Berlin (DE)

(511) 01, 07, 09.

---

(111) **910425**
(822) 24.10.2006 1025936 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 24.10.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 27.03.01, 27.05.02
(732) CIFA S.p.A.
Via Stati Uniti d'America, 26, I-20030 Senago (Milano) (IT)

(511) 07, 12.

---

(111) **910449**
(822) 28.03.2001 1547054 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 25.10.2005

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 27.05.01
(732) Guangdong Yashili Co., Ltd. (Group)
Yashili Industrial City, Chaoan Avenue, Chaozhou City, Guangdong Province (CN)

(511) 29, 30, 32.

---

(111) **910473**
(822) 07.05.1998 1173463 CN
(171) 10 năm
(540)

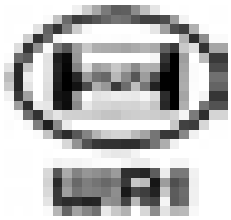

(151) 21.04.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 26.01.11, 26.01.18, 27.05.01
(732) FIBERHOME TELECOMMUNICATION TECHNOLOGIES CO., LTD
No. 88, Youkeyuan Road, Hongshan District, Wuhan, Hubei (CN)

(511) 09.

---

(111) **910491**
(822) 09.10.2006 1023561 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.10.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 26.04.18, 27.05.01, 29.01.12
(591) Cam và trắng
(732) Oviesse S.r.l.
Cannaregio, 5793, I-30131 Venezia (VE) (IT)

(511) 03, 04, 08, 09, 11, 14, 16, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 34, 35, 43.

---

(111) **910498**
(822) 05.05.2006 1006335 IT
(171) 10 năm
(540)

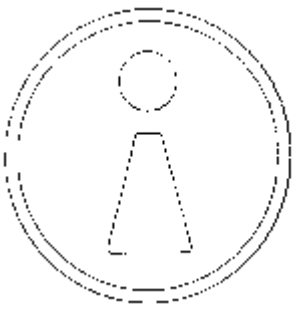

(151) 05.05.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 26.01.04, 26.01.18, 27.05.02
(732) INARCA S.P.A.
Via Cà Zusto, 35, I-35010 VIGODARZERE (IT)

(511) 06, 07, 09.

---

(111) **910512**
(822) 07.03.2004 3336275 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 27, 28.

(151) 18.08.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 01.03.02, 26.11.12, 26.13.01
(732) TAISHAN SPORTS INDUSTRY GROUP CO., LTD.
Nanshou, Xinlong Street, Leling City, 253600 Shandong Province (CN)

---

(111) **910520**

(171) 10 năm
(540)

The Paranormals

(511) 41.

(151) 21.09.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) Bonus.com, Inc.
2100 Geng Road, Suite 105, Palo Alto, CA 94303 (US)

---

(111) **910560**
(822) 07.11.2001 1661316 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 11.12.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 02.01.08, 28.03.00
(732) K-BOXING (CHINA) CO., LTD.
Yinglin Industry Region, Jinjiang, Fujian Province (CN)

---

(111) **910605**
(822) 05.09.2005 294975 RU
(171) 10 năm
(540)

ZOREX

(511) 05.

(151) 31.08.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) Otkrytoe aktsionernoe obschestvo "Schyolkovsky vitaminny zavod"
ul. Fabrichnaya 2, RU-141100 Schyolkovo, Moskovkaya obl. (RU)

---

(111) **910616**
(822) 21.12.2005 988442 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.07.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 25.05.01, 26.11.09, 29.01.13
(591) Xanh da trời, vàng, trắng
(732) NICE S.P.A.
Via Pezza Alta, 13, I-31046 ODERZO FRAZIONE RUSTIGNE' (TREVISO) (IT)

(511) 07, 09.

---

(111) **910617**
(822) 21.12.2005 988443 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.07.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 25.05.01, 26.04.18, 26.11.09, 29.01.13
(591) Xanh da trời), xanh lá cây, trắng
(732) NICE S.P.A.
Via Pezza Alta, 13, I-31046 ODERZO FRAZIONE RUSTIGNE' (TREVISO) (IT)

(511) 07, 09.

---

(111) **910656**

(171) 10 năm
(540) PROPELL

(151) 15.12.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) Educational Testing Service
Rosedale Road, Princeton, NJ 08541 (US)

(511) 09, 16, 41.

---

(111) **910682**
(822) 09.10.2006 1023560 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.10.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 27.05.24
(732) Oviesse S.r.l.
Cannaregio, 5793, I-30131 Venezia (VE) (IT)

(511) 03, 04, 08, 09, 11, 14, 16, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 34, 35, 43.

---

(111) **910683**
(822) 09.10.2006 1023564 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.10.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 29.01.12
(591) Cam và xám
(732) Oviesse S.r.l.
Cannaregio, 5793, I-30131 Venezia (VE) (IT)

(511) 03, 04, 08, 09, 11, 14, 16, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 34, 35, 43.

---

(111) **910685**
(822) 09.10.2006 1023565 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.10.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 29.01.13
(591) Cam, xám và trắng
(732) Oviesse S.r.l.
Cannaregio, 5793, I-30131 Venezia (VE) (IT)

(511) 03, 04, 08, 09, 11, 14, 16, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 34, 35, 43.

---

(111) **910738**
(822) 13.05.2005 04 3 326 928 FR
(171) 10 năm
(540)

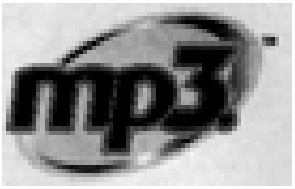

(151) 26.06.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 26.01.17, 26.01.18, 27.05.01, 27.07.01
(732) UNHYCOS
ZI les Marcots, 325 chemin du Parc, F-95480 PIERRELAYE (FR)

(511) 03, 08.

---

(111) **910808**
(822) 28.03.2003 241768 RU
(171) 10 năm
(540)

BORK

(151) 10.08.2005

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) Obchtchestvo s ogranitchennoy otvetsvennostyou "Elektroflot"
bld. 21, 8-10, Brussov per., RU-103009 Moskva (RU)

(511) 04, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 28, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 45.

---

(111) **910850**
(822) 11.10.2006 809001 BX
(171) 10 năm
(540)

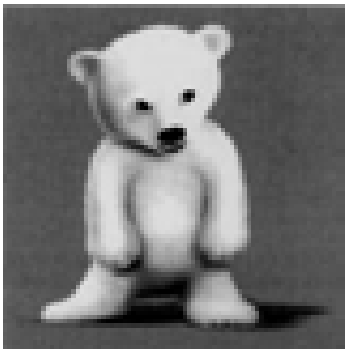

(511) 05, 29, 30.

(151) 27.11.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 03.01.14
(732) N.V. Nutricia
Eerste Stationsstraat 186, NL-2712 HM Zoetermeer (NL)

---

(111) **910856**
(822) 19.05.2006 800438 BX
(171) 10 năm
(540)

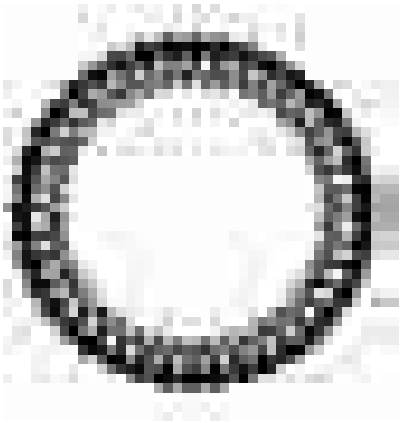

(511) 01, 05, 29, 30.

(151) 10.11.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 25.01.05, 25.01.25
(732) DSM IP Assets B.V.
Het Overloon 1, NL-6411 TE Heerlen (NL)

---

(111) **910857**
(822) 19.05.2006 800439 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 05, 29, 30.

(151) 10.11.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 26.01.05, 26.01.06
(732) DSM IP Assets B.V.
Het Overloon 1, NL-6411 TE Heerlen (NL)

(111) **910873**
(822) 28.12.2005 3776846 CN
(171) 10 năm
(540)

摩德娜
MODENA

(151) 09.01.2007
(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 28.03.00
(732) FOSHAN CITY MODENA MACHINERY CO., LTD
Sanhuanxi Industrial Zone, Xiaotang Town, Nanhai District, Foshan City, Guangdong (CN)

(511) 07.

---

(111) **910879**
(822) 17.08.2006 306 41 866.5/03 DE
(171) 10 năm
(540)

BONJOUR L'AMOUR

(151) 27.11.2006
(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) Mülhens GmbH & Co. KG
Venloer Straße 241-245, 50823 Köln (DE)
(750) Mülhens GmbH & Co. KG c/o Wella Aktiengesellschaft
Berliner Allee 65, 64274 Darmstadt (DE)

(511) 03.

---

(111) **910903**
(822) 15.08.2006 65462 UA
(171) 10 năm
(540)

(151) 27.09.2006
(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 26.11.03, 27.05.01
(732) Limited Liability Company Ukrainian and Cyprian Joint Venture "MTI"
blvr. L. Ukrainky, 4, Kyiv 01023 (UA)

(511) 14, 18, 25.

---

(111) **910931**
(171) 10 năm
(540)

Meth

(151) 19.12.2006
(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) Molnar, Dezso
2505 Bowmont Drive, Beverly Hills, CA 90210 (US)

(511) 32.

---

(111) **910935**
(822) 13.06.2006 1011967 IT
(171) 10 năm
(540)

PKE

(511) 35, 41.

(151) 07.08.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) EFESO SERVICES S.r.l.
Via Vincenzo Monti, 47, I-20123 MILANO (IT)

---

(111) **910936**
(822) 19.01.1996 96 606 526 FR
(171) 10 năm
(540)

SAINT ELME

(511) 09.

(151) 31.10.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) FRANKLIN FRANCE 2F
58 A, rue du Dessous des Berges, F-75013 PARIS (FR)

---

(111) **910937**
(822) 13.06.2006 1011968 IT
(171) 10 năm
(540)

WCOM

(511) 35, 41.

(151) 07.08.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) EFESO SERVICES S.r.l.
Via Vincenzo Monti, 47, I-20123 MILANO (IT)

---

(111) **910944**
(822) 01.11.2002 053811 RO
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 08, 20.

(151) 25.07.2005

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 26.03.23, 26.11.02, 29.01.13
(591) Đen, đỏ
(732) S.C. IUS S.A.
Str. Harmanului nr. 58, Brasov, Jud Brasov (RO)

---

(111) **910968**
(822) 07.04.2006 545911 CH
(171) 10 năm
(540)

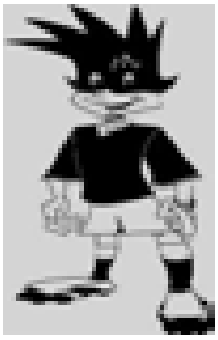

(151) 23.06.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 02.01.07, 02.01.08, 02.05.25
(732) Union des Associations Européennes de Football (UEFA)
Route de Genève 46, CH-1260 Nyon 2 (CH)

(511) 01, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21, 24, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44.

---

(111) **910990**
(822) 05.04.2005 163931 PL
(171) 10 năm
(540)

DVRS

(151) 09.08.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) ETOS S.A.
ul. Bazyńskiego 32, PL-80-309 Gdańsk (PL)

(511) 03, 09, 18, 20, 25.

---

(111) **911014**
(822) 29.11.2006 306 64 437.1/03 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.12.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 25.01.15, 26.04.06, 27.05.10, 29.01.14
(591) Xanh da trời, đỏ, bạc và trắng
(732) Beiersdorf AG
Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)
(750) Beiersdorf AG, Legal Department
Mail Box 82, Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)

(511) 03.

---

(111) **911015**
(822) 29.11.2006 306 64 434.7/03 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.12.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 25.01.15, 26.04.06, 27.05.10, 29.01.14
(591) Xanh da trời đậm, trắng, bạc và xanh da trời
(732) Beiersdorf AG
Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)
(750) Beiersdorf AG, Legal Department
Mail Box 82, Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)

(511) 03.

---

(111) **911016**
(822) 20.11.2006 306 61 978.4/03 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.12.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 26.04.06, 27.05.01, 29.01.13
(591) Xanh da trời, trắng và bạc
(732) Beiersdorf AG
Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)
(750) Beiersdorf AG, Legal Department
Mail Box 82, Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)

(511) 03.

---

(111) **911017**
(822) 29.11.2006 306 64 436.3/03 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.12.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 25.01.15, 26.04.06, 27.05.10, 29.01.14
(591) Xanh da trời đậm, xanh lá cây, bạc và trắng
(732) Beiersdorf AG
Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)
(750) Beiersdorf AG, Legal Department
Mail Box 82, Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)

(511) 03.

---

(111) **911018**
(822) 29.11.2006 306 64 435.5/03 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 16.12.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(531) 25.01.15, 26.04.06, 27.05.10, 29.01.14
(591) Xanh lá cây, xanh da trời, bạc và trắng
(732) Beiersdorf AG
Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)
(750) Beiersdorf AG, Legal Department
Mail Box 82, Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)

---

(111) **911019**
(822) 27.11.2006 306 60 061.7/03 DE
(171) 10 năm
(540)

HAPPY TIME

(511) 03.

(151) 16.12.2006

(450) 2007/4 Gaz (01.03.2007)
(732) Beiersdorf AG
Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)
(750) Beiersdorf AG, Legal Department
Mail Box 82, Unnastrasse 48, 20253 Hamburg (DE)

B – NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ TỪ TRƯỚC, NAY ĐƯỢC GIA HẠN

(111) **129440**
(822) 17.04.1953 9467 FR
(171) 10 năm
(540) FEMME

(151) 13.01.1947
(831) 03.05.1993 VN
(450) 1967/5 LMi (01.07.1967)
(732) PARFUMS ROCHAS, Société anonyme
33, rue François 1er, PARIS (FR)

(511) 03, 08, 21.

---

(111) **196956**
(822) 20.08.1947 111 078 CS
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.11.1956
(450) 1976/11 LMi, (01.01.1977)
(531) 27.05.01, 27.05.02, 27.05.11
(732) ČZ a.s.
Sluneční náměstí č.p. 2540/5, CZ-158 00 Praha 5 (CZ)

(511) 12.

---

(111) **197048**
(822) 09.04.1954 33 748 FR
(171) 10 năm
(540) PURFLUX

(151) 03.12.1956
(450) 1976/12 LMi, 01.02.1977
(732) FILTRAUTO
Bâtiment Comète, 7, avenue du 8 Mai 1945, F-78280 GUYANCOURT (FR)

(511) 11, 16, 24.

---

(111) **197406**
(822) 01.10.1955 682 214 DT
(171) 10 năm
(540) VW

(151) 22.12.1956
(450) 1976/12 LMi, 01.02.1977
(732) Volkswagen AG
38436 Wolfsburg (DE)

(511) 12.

---

(111) **197429**
(822) 23.08.1955 680 824 DT
(171) 10 năm
(540)

ONKOVERTIN

(511) 05.

(151) 22.12.1956
(831) 17.04.2003 VN
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) B. Braun Melsungen Aktiengesellschaft
Carl-Braun-Strasse 1, 34212 Melsungen (DE)

---

(111) **197526**
(822) 28.11.1951 70 787 BX
(171) 10 năm
(540)

MUCOBRONCHYL

(511) 05.

(151) 24.12.1956

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) SANOFI-SYNTHELABO (SUISSE) S.A.
rue de Veyrot 11, CH-1217 MEYRIN (CH)

---

(111) **197564B**
(822) 26.06.1956 152 674 CS
(171) 10 năm
(540)

ŠKODA

(511) 06, 07, 08, 09, 11, 12.

(151) 24.12.1956

(450) 2000/12 Gaz, 20.07.2000
(531) 27.05.01
(732) ŠKODA HOLDING a.s.
Václavské nám. 837/11, PSČ, CZ-110 00 Praha 1 (CZ)
(750) ŠKODA HOLDING a.s.
Tylova 1/57, CZ-316 00 Plzeň (CZ)

---

(111) **197564C**
(822) 26.06.1956 152 674 CS
(171) 10 năm
(540)

ŠKODA

(511) 07, 11.

(151) 24.12.1956

(450) 2000/12 Gaz, 20.07.2000
(531) 27.05.01
(732) ŠKODA HOLDING a.s.
Václavské nám. 837/11, PSČ, CZ-110 00 Praha 1 (CZ)
(750) ŠKODA HOLDING a.s.
Tylova 1/57, CZ-316 00 Plzeň (CZ)

---

(111) **197632**
(822) 18.10.1956 696 206 DT
(171) 10 năm
(540) Sachsenwerk
(511) 07, 09.

(151) 31.12.1956
(450) 1976/12 LMi, 01.02.1977
(531) 27.05.01
(732) AREVA Sachsenwerk GmbH
Rathenaustr. 2, 93055 Regensburg (DE)

---

(111) **197647**
(822) 12.12.1956 130 560 IT
(171) 10 năm
(540) ADENOPLEX
(511) 05.

(151) 31.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) GRUPPO LEPETIT S.P.A.
Via Lepetit 8, I-20020 LAINATE (IT)

---

(111) **197727**
(822) 23.11.1956 126 585 BX
(171) 10 năm
(540) ELECTRO
(511) 28.

(151) 10.01.1957
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Hausemann & Hötte B.V.
Westzijde 184, NL-1506 EK
ZAANDAM (NL)

---

(111) **197854**
(822) 03.02.1947 369 229 DT
(171) 10 năm
(540) DEWANIL
(511) 01.

(151) 16.01.1957
(450) 1986/11 LMi, 01.01.1987
(732) BASF Aktiengesellschaft
Carl-Bosch-Strasse 38, 67056
Ludwigshafen am Rhein (DE)

---

(111) **197855**
(822) 29.01.1956 484 666 DT
(171) 10 năm
(540) TRILON
(511) 01.

(151) 16.01.1957
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) BASF Aktiengesellschaft
Carl-Bosch-Strasse 38, 67056
Ludwigshafen am Rhein (DE)

---

(111) **197971**
(822) 18.06.1956 491 689 DT
(171) 10 năm
(540)

Yomesan

(511) 01, 05.

(151) 21.01.1957
(831) 30.04.1993 VN
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Bayer Aktiengesellschaft
Bayerwerk, 51368 Leverkusen (DE)

---

(111) **197978**
(822) 01.12.1952 561 469 DT
(171) 10 năm
(540)

EUBOS

(511) 01, 05.

(151) 21.01.1957

(450) ()
(732) Dr. HOBEIN & Co NACHF. GMBH ARZNEIMITTEL
2, Grenzstrasse, 53340 MECKENHEIM-MERL (DE)

---

(111) **319550**
(822) 03.10.1960 740 857 DT
(171) 10 năm
(540)

Campino

(511) 30.

(151) 30.08.1966
(831) 11.10.1999 VN
(450) 1966/8 LMi (01.10.1966)
(732) August Storck KG
Waldstrasse 27, 13403 Berlin (DE)

---

(111) **323485**
(822) 04.10.1957 96 335 FR
(171) 10 năm
(540)

RHODOPOL

(511) 01, 04.

(151) 19.10.1966

(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(732) RHODIA CHIMIE - Société par Actions Simplifiée
26, Quai Alphonse Le Gallo, F-92512 BOULOGNE BILLANCOURT CEDEX (FR)

---

(111) **323535**
(822) 26.09.1963 214 548 FR
(171) 10 năm
(540)

RHODORSIL

(151) 19.10.1966
(831) 20.01.2004 VN
(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(732) RHODIA CHIMIE
26 quai Alphonse Le Gallo, F-92512 BOULOGNE-BILLANCOURT CEDEX (FR)
(750) RHODIA SERVICES - MARQUES GROUPE RHODIA
40 rue de la Haie-Coq, F-93306 AUBERVILLIERS CEDEX (FR)

(511) 01, 02, 03, 04, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 27, 28.

---

(111) **324129**
(822) 01.06.1962 185 895 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.10.1966
(831) 31.12.1986 VN
(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(531) 26.01.18, 27.05.22
(732) CHANEL
135, avenue Charles de Gaulle, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)
(750) CHANEL, Département des Marques
135, avenue Charles de Gaulle, F-92521 NEUILLY-SUR-SEINE CEDEX (FR)

(511) 03, 21.

---

(111) **324259**
(822) 20.10.1960 142 580 FR
(171) 10 năm
(540)

ST RAPHAËL

(151) 27.10.1966
(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(732) ST RAPHAËL SAS, société par actions simplifiée
Boulevard du Cerceron, F-83700 ST RAPHAEL (FR)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34.

---

(111) **324363**
(822) 06.12.1962 195 890 FR
(171) 10 năm
(540)

WRATTEN

(151) 28.10.1966
(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(732) KODAK S.A. (société anonyme française)
26, rue Villiot, F-75012 PARIS (FR)

(511) 01, 09, 10, 11, 16.

---

(111) **328696**
(822) 17.07.1966 116 950 CS
(171) 10 năm
(540)

(151) 29.11.1966
(831) 04.11.1986 VN
(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(531) 14.07.03, 26.07.03, 27.05.08, 27.05.17, 27.07.11
(732) VÍTKOVICE, AKCIOVÁ SPOLEČNOST
CZ-706 02 OSTRAVA-VÍTKOVICE (CZ)

(511) 01, 06, 07, 19, 21.

---

(111) **328707**
(822) 07.09.1966 156 940 CS
(171) 10 năm
(540)

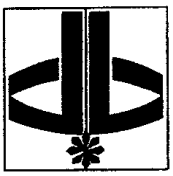

(151) 29.11.1966
(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(531) 05.05.20, 26.04.16
(732) PRECIOSA - LUSTRY, a.s.
ul. Nový Svět čp. 915, CZ-471 14 Kamenický Šenov (CZ)

(511) 06, 11, 21.

---

(111) **329075**
(822) 08.05.1959 74 229 BX
(171) 10 năm
(540)

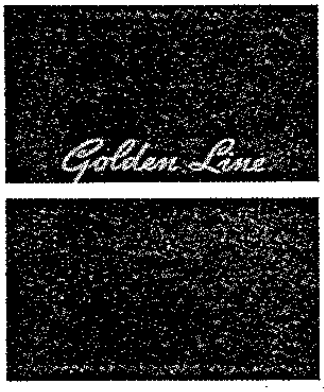

(151) 01.12.1966
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(531) 26.04.02, 26.04.09, 26.04.18, 27.05.13, 29.01.13
(591) đỏ, vàng kim loại và trắng.
(732) Philip Morris Products S.A.
Quai Jeanrenaud 3, CH-2000 Neuchâtel (CH)

(511) 34.

---

(111) **329377**
(822) 31.03.1962 155 048 CS
(171) 10 năm
(540)

(511) 07, 09, 11.

(151) 02.12.1966
(831) 24.11.1986 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(531) 26.01.24, 26.07.25
(732) ZÁVODY SILNOPROUDÉ ELEKTROTECHNIKY, KONCERN, PRAHA ZEZ PRAHA, KONCERNOVY PODNIK
CZ-120 00 PRAHA (CZ)

---

(111) **331133**
(822) 28.04.1966 818 881 DT
(171) 10 năm
(540)

LAXOBERAL

(511) 01, 05.

(151) 14.12.1966
(831) 30.04.1993 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG
Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim (DE)
(750) Boehringer Ingelheim GmbH, Corp. Dept. Trademarks & Unfair Competition
Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim (DE)

---

(111) **331371**
(822) 05.07.1966 712 562 FR
(171) 10 năm
(540)

Dr. DUCRAY

(511) 03, 05.

(151) 15.12.1966
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE, Société anonyme
45, place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE (FR)

---

(111) **331376**
(822) 26.07.1966 712 566 FR
(171) 10 năm
(540)

CAF

(511) 01, 17.

(151) 15.12.1966

(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) RHODIA CHIMIE - Société par Actions Simplifiée
26, Quai Alphonse Le Gallo, F-92512 BOULOGNE BILLANCOURT CEDEX (FR)

---

(111) **331471**
(822) 13.07.1966 713 687 FR
(171) 10 năm
(540)

MANCOZEBE

(511) 05.

(151) 11.01.1967

(450) 1967/1 LMi (01.03.1967)
(732) Dow AgroSciences B.V.
Herbert H. Dowweg 5, NL-4542 NM HOEK (NL)

---

(111) **331525**
(822) 04.10.1966 220 554 CH
(171) 10 năm
(540)

TRI-MILTOX

(511) 05.

(151) 30.12.1966
(831) 16.03.1992 VN
(450) 1967/1 LMi (01.03.1967)
(732) Syngenta Participations AG
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel (CH)
(750) Syngenta Crop Protection AG, Intellectual Property
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel (CH)

---

(111) **331541**
(822) 30.11.1966 58 550 AT
(171) 10 năm
(540)

CHEMOPHAN

(511) 01, 02.

(151) 21.01.1967

(450) 1967/1 LMi (01.03.1967)
(732) Du Pont de Nemours International S.A.
2, chemin de Pavillon, CH-1218 Le Grand-Saconnex (CH)

---

(111) **331818**
(822) 25.11.1966 714 030 FR
(171) 10 năm
(540)
RYTHMODAN

(151) 15.12.1966
(831) 12.12.1991 VN
(450) 1967/2 LMi (01.04.1967)
(732) AVENTIS PHARMA S.A.
20, avenue Raymond Aron, F-92160 ANTONY (FR)

(511) 05.

---

(111) **331947**
(822) 14.10.1966 714 293 FR
(171) 10 năm
(540)
SURELEN

(151) 17.01.1967
(450) 1967/2 LMi (01.04.1967)
(732) Bayer Consumer Care AG
Peter Merian Str. 84, CH-4052 Basel (CH)

(511) 05.

---

(111) **426432**
(822) 29.01.1976 938 201 FR
(171) 10 năm
(540)

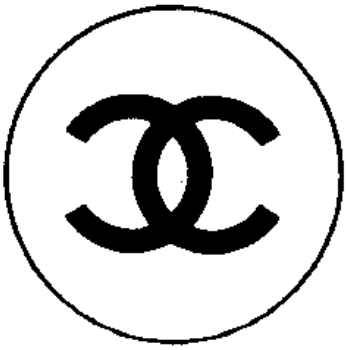

(151) 16.11.1976
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 26.01.01, 27.05.01
(732) CHANEL
135, avenue Charles de Gaulle, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)
(750) CHANEL, Département des Marques
135, avenue Charles de Gaulle, F-92521 NEUILLY-SUR-SEINE CEDEX (FR)

(511) 14, 18, 23, 24, 25, 26.

---

(111) **426931**
(822) 19.10.1967 491 205 ES
(171) 10 năm
(540)
SAGOLA

(151) 28.12.1976
(831) 13.05.1999 VN
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) ALEJANDRO SANCHEZ LARRAURI
Carretera de Betoño, E-01013 VITORIA (ES)

(511) 07.

---

(111) **427002**
(822) 20.01.1976 706 981 ES
(171) 10 năm
(540)

INDO

(151) 04.01.1977
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(531) 26.01.04, 27.01.01, 27.05.01, 27.05.04, 27.05.06, 27.05.20, 29.01.04
(591) xanh da trời intense và xanh da trời xanh nhạt.
(732) INDUSTRIAS DE OPTICA Sociedad Anónima
C/. Sta. Eulalia, 193, E-08902 L'HOSPITALET DE LLOBREGAT (ES)

(511) 09.

---

(111) **427039**
(822) 08.09.1976 958 800 FR
(171) 10 năm
(540)

CLERAXAL

(151) 04.01.1977
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 05.

---

(111) **427240**
(822) 19.05.1976 665 642 ES
(171) 10 năm
(540)

(151) 10.01.1977
(450) ()
(531) 24.01.05, 24.01.07, 24.01.19, 25.01.15, 25.01.19, 26.04.02, 26.04.08, 27.05.01
(732) Domecq Wines España, S.A.
Paseo del Urumea, 21, E-20014 San Sebastián, Guipúzcoa (ES)

(511) 33.

---

(111) **427271**
(822) 24.03.1976 942 581 DT
(171) 10 năm
(540)

MOLSIDAÏN

(151) 17.12.1976
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Sanofi-Aventis Deutschland GmbH
Brüningstrasse 50, 65926 Frankfurt am Main (DE)
(750) sanofi-aventis, Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94255 Gentilly Cedex (FR)

(511) 05.

---

(111) **427506**
(822) 15.06.1961 325 763 ES
(171) 10 năm
(540)

CRISOL

(151) 14.01.1977
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) AGE, BODEGAS UNIDAS, S.A.
FUENMAYOR, Logroño (ES)

(511) 33.

---

(111) **427507**
(822) 13.10.1976 702 062 ES
(171) 10 năm
(540)

LAS PRENSAS

(151) 14.01.1977
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) AGE, BODEGAS UNIDAS, S.A.
FUENMAYOR, Logroño (ES)

(511) 33.

---

(111) **427776**
(822) 18.01.1977 953 789 DT
(171) 10 năm
(540)

EKATO

(151) 18.01.1977
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 27.05.04, 27.05.06, 27.05.21
(732) EKATO INDUSTRIEANLAGEN VERWALTUNGSGESELLSCHAFT MBH U. Co
2, Käppelemattweg, 79650 SCHOPFHEIM (DE)

(511) 07.

---

(111) **427799**
(822) 24.09.1976 962 487 FR
(171) 10 năm
(540) LA COSMETIQUE ACTIVE
L'Oréal
(511) 03, 05.

(151) 20.01.1977
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 27.05.01
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **427816**
(822) 06.10.1976 285 720 CH
(171) 10 năm
(540) TRISA
(511) 03, 09, 21.

(151) 17.12.1976
(831) 01.07.1994 VN
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) Trisa Holding AG
Kantonsstrasse, CH-6234 Triengen (CH)

---

(111) **429731**
(822) 13.07.1976 961 122 FR
(171) 10 năm
(540) VICTOIRE
(511) 09, 14, 18, 21, 24, 25, 26, 28.

(151) 12.01.1977
(831) 01.09.1995 VN
(450) 1977/5 LMi (01.07.1977)
(732) VICTOIRE, Société anonyme
12, place des Victoires, F-75002 PARIS (FR)

---

(111) **505229**
(822) 04.08.1986 1 094 787 DT
(171) 10 năm
(540) Iris von Arnim
(511) 03, 25.

(151) 28.08.1986
(450) 1986/9 LMi (01.11.1986)
(732) IRIS VON ARNIM
Gellertstrasse 2, 22301 HAMBURG (DE)

---

(111) **507108**
(822) 15.05.1986 1 354 989 FR
(171) 10 năm
(540) MOD'LINER
(511) 03.

(151) 04.11.1986
(450) 1986/11 LMi (01.01.1987)
(531) 27.05.01
(732) LANCÔME PARFUMS ET BEAUTÉ & Cie, Société en nom collectif
29, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **507956**
(822) 17.01.1986 390 790 IT
(171) 10 năm
(540)
CARPANO

(151) 29.12.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) FRATELLI BRANCA DISTILLERIE S.r.l.
Via Broletto, 35, I-20121 MILANO (IT)

(511) 42.

---

(111) **508044**
(822) 29.04.1986 1 352 781 FR
(171) 10 năm
(540)
JALOUSIE

(151) 05.12.1986

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) LANCÔME PARFUMS ET BEAUTÉ & Cie, Société en nom collectif
29, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03, 05, 21.

---

(111) **508078**
(822) 31.12.1982 176 301 PT
(171) 10 năm
(540)
FORRESTER

(151) 18.12.1986
(831) 21.07.1999 VN
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) SOGRAPE VINHOS, S.A.
Aldeia Nova, Avintes, VILA NOVA DE GAIA (PT)

(511) 33.

---

(111) **508097**
(822) 25.08.1986 441 230 IT
(171) 10 năm
(540)
SISLEY

(151) 25.08.1986
(831) 30.11.2004 VN
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) BENCOM S.r.l.
Via Villa Minelli, 1, I-31050 Ponzano Veneto (IT)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42.

---

(111) **508191**
(822) 04.08.1986 349 732 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 26.11.1986
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(531) 27.05.01
(732) Swatch AG (Swatch SA) (Swatch Ltd)
Jakob-Stämpfli-Strasse 94, CH-2502 Biel/ Bienne (CH)

---

(111) **508254B**
(822) 12.12.1986 1 100 315 DT
(171) 10 năm
(540)

Lysoform

(511) 01, 03, 05, 10.

(151) 12.12.1986
(450)
(732) LYSOFORM DESINFEKTION AG
28, Burgstrasse, CH-8750 GLARUS (CH)

---

(111) **508327**
(822) 17.11.1986 456 837 IT
(171) 10 năm
(540)

LUMINARI

(511) 02.

(151) 22.01.1987
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) OECE INDUSTRIE CHIMICHE S.P.A.
96, via Volturno, I-41032 CAVEZZO (IT)

---

(111) **508487**
(822) 15.12.1986 459 016 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 11, 37.

(151) 15.12.1986
(831) 11.03.1999 VN
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(531) 26.04.18, 27.05.01
(732) FRACARRO RADIOINDUSTRIE S.P.A.
Via Cazzaro, 3, I-31033 CASTELFRANCO VENETO (IT)

---

(111) **508598**
(822) 16.06.1986 1 359 229 FR
(171) 10 năm
(540)

COSMENCE

(151) 24.12.1986
(831) 26.06.1998 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) BEAUTE CREATEURS S.A., Société anonyme
10, rue de la Paix, F-75002 PARIS (FR)

(511) 03, 05, 21.

---

(111) **508645**
(822) 29.12.1986 459 287 IT
(171) 10 năm
(540)

EAU DE SPORT

(151) 29.12.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) PROCTER & GAMBLE INTERNATIONAL OPERATIONS S.A.
Route de Saint-Georges 47, CH-1213 Lancy (Genève) (CH)

(511) 03.

---

(111) **508719**
(822) 20.10.1986 350 306 CH
(171) 10 năm
(540)

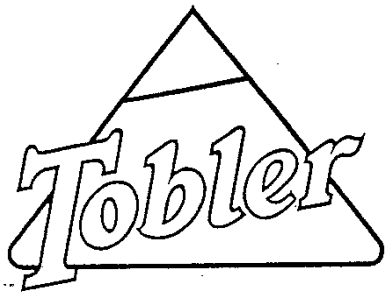

(151) 12.12.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(531) 26.03.19, 27.05.02
(732) Kraft Foods Schweiz AG
Bellerivestrasse 203, CH-8008 Zürich (CH)

(511) 30.

---

(111) **508733**
(822) 14.10.1986 350 177 CH
(171) 10 năm
(540)

SARATOGA

(151) 16.12.1986
(831) 28.04.1998 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) MGI Luxury Group S.A.
Rue de Nidau 35, CH-2502 Biel/Bienne (CH)

(511) 14.

---

(111) **508846**
(822) 02.07.1986 347 884 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 17.12.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(531) 26.01.01, 26.11.01
(732) ROADSTAR MANAGEMENT S.A.
Via Passeggiata 1, CH-6828 BALERNA (CH)

---

(111) **508921**
(822) 21.07.1986 348 861 CH
(171) 10 năm
(540) JumboTRON

(511) 09.

(151) 06.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(531) 27.05.17
(732) Sony Overseas SA
Rütistrasse 12, CH-8952 Schlieren (CH)

---

(111) **508943**
(822) 27.02.1986 1 344 583 FR
(171) 10 năm
(540)

EXTRAGAL

(511) 06.

(151) 16.01.1987
(831) 10.09.2001 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) USINOR
Immeuble "La Pacific" -, La Défense 7 -, 11/13 Cours Valmy, F-92800 PUTEAUX (FR)

---

(111) **508963**
(822) 28.11.1986 125 888 HU
(171) 10 năm
(540)

SPITOMIN

(511) 05.

(151) 19.12.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT
Keresztúri út 30-38, H-1106 Budapest (HU)

---

(111) **508964**
(822) 28.11.1986 125 890 HU
(171) 10 năm
(540)
HALERIN

(511) 05.

(151) 19.12.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT.
Keresztúri út 30-38, H-1106 Budapest (HU)

---

(111) **508966**
(822) 28.11.1986 125 892 HU
(171) 10 năm
(540)
DULODET

(511) 05.

(151) 19.12.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT.
Keresztúri út 30-38, H-1106 Budapest (HU)

---

(111) **509031**
(822) 06.06.1985 1 311 764 FR
(171) 10 năm
(540)
CARESSE DE PARFUM

(511) 03.

(151) 05.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) PARFUMS CACHAREL & Cie, Société en nom collectif
16, place Vendôme, F-75001 PARIS (FR)

---

(111) **509300**
(822) 03.07.1986 419 395 BX
(171) 10 năm
(540)
MERCILON

(511) 05.

(151) 09.01.1987
(831) 10.05.1995 VN
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) N.V. Organon
Kloosterstraat 6, NL-5349 AB OSS (NL)

---

(111) **509462**
(822) 15.12.1986 1 100 394 DT
(171) 10 năm
(540)
Cleo

(511) 25.

(151) 16.01.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) TRIUMPH INTERNATIONAL AG
Marsstrasse 40, 80335 München (DE)

---

(111) **509833**
(822) 05.11.1986 125 773 HU
(171) 10 năm
(540)

TIPELIN

(151) 22.01.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) TISZAI VEGYI KOMBINAT NYILVANOSAN MUDODO RESZVENYTARSASAG
H-3580 TISZAUJVÁROS (HU)

(511) 01, 17, 20, 21, 28.

---

(111) **511293**
(822) 22.10.1978 735 105 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 20.01.1987
(831) 27.02.1996 VN
(450) 1987/5 LMi (01.07.1987)
(531) 26.04.18, 27.05.23
(732) L'Orange GmbH
Porschestrasse 30, 70435 Stuttgart (DE)

(511) 07, 09.

---

(111) **511597**
(822) 15.09.1986 1 096 425 DT
(171) 10 năm
(540)

GOLDWELL

(151) 18.12.1986

(450) 1987/5 LMi (01.07.1987)
(732) KPSS-Kao Professional Salon Services GmbH
Pfungstädter Str. 92-100, 64297 Darmstadt (DE)

(511) 03.

---

(111) **512559**
(822) 03.10.1986 1 097 259 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.01.1987

(450) 1987/6 LMi (01.08.1987)
(531) 24.09.03, 26.04.24
(732) glaskoch B. Koch jr. GmbH + Co. KG
33014 Bad Driburg-Herste (DE)

(511) 08, 16, 21.

---

(111) **655663**
(822) 19.12.1995 665.315 IT
(171) 10 năm
(540)

NO NAME

(511) 14.

(151) 25.06.1996

(450) 1996/7 Gaz (02.09.1996)
(732) ARTIME S.P.A.
P.ZA MATTEOTTI, 7, I-80133 NAPOLI (IT)

---

(111) **655841**
(822) 07.04.1995 738399 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 25.04.1996

(450) ()
(531) 25.01.01, 25.01.15, 28.03.00
(732) BEIJING SANLU FACTORY
4, Yongshengxiang, Xingfudajie, Chongwenqu, CN-100061 BEIJING (CN)

---

(111) **655842**
(822) 07.04.1995 738400 CN
(171) 10 năm
(540)

Dabao

(511) 03.

(151) 25.04.1996

(450) 1996/7 Gaz (02.09.1996)
(531) 27.05.01
(732) BEIJING SANLU FACTORY
4, Yongshengxiang, Xingfudajie, Chongwenqu, CN-100061 BEIJING (CN)

---

(111) **660515**
(822) 15.05.1996 429 067 CH
(171) 10 năm
(540)

GEOLIFE

(511) 01, 31.

(151) 31.07.1996
(831) 07.04.1999 VN
(450) 1996/13 Gaz (22.11.1996)
(732) Elio Bortoli Bioma- Co AG Agro Ecology Suisse
154, via Gerre di Sotto, CH-6516 Cugnasco (CH), Postfach 607, CH-8134 Adliswil (CH)
(750) Elio Bortoli
154, via Gerre di Sotto, CH-6516 Cugnasco (CH)

---

(111) **664066**
(822) 27.05.1996 9670735 SI
(171) 10 năm
(540)
FROMILID
(511) 05.

(151) 25.11.1996
(831) 06.10.2004 VN
(450) 1996/18 Gaz (31.01.1997)
(732) KRKA, tovarna zdravil, d.d., Novo mesto
Šmarješka cesta 6, SI-8501 Novo mesto (SI)

---

(111) **664480**
(822) 27.06.1996 422.310 BX
(171) 10 năm
(540)
MORREN's JONAGORED
(511) 29, 31, 32.

(151) 30.09.1996
(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) Josef Henri Florent MORREN
Bosstraat 85, B-3545 Halen (BE)

---

(111) **664936**
(822) 07.05.1996 96 624 450 FR
(171) 10 năm
(540)
TPS
(511) 09, 16, 38, 41.

(151) 06.11.1996
(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) TELEVISION PAR SATELLITE
société en nom collectif
145 quai de Stalingrad, F-92137 ISSY LES MOULINEAUX (FR)

---

(111) **665173**
(822) 27.05.1981 374.354 BX
(171) 10 năm
(540)
TRINITY
(511) 14.

(151) 07.11.1996
(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) CARTIER INTERNATIONAL B.V.
Herengracht 436, NL-1017 BZ Amsterdam (NL)

---

(111) **665245**
(822) 02.11.1995 95596028 FR
(171) 10 năm
(540)
LES FARFADETS
(511) 30, 31, 42.

(151) 28.11.1996
(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) SARL LEGGAME
65 rue de la Baie, PLOUJEAN, F-29600 MORLAIX (FR)

---

(111) **665654**
(822) 04.07.1996 96 633041 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 16.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 19.03.03, 26.04.01, 29.01.04, 29.01.06
(591) Xanh da trời sáng, trắng
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

---

(111) **665783**
(822) 27.09.1995 394 07 850 DE
(171) 10 năm
(540)

GORE-SELECT

(511) 01.

(151) 04.04.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) W.L. Gore & Associates GmbH
Hermann-Oberth-Strasse 22, 85640 Putzbrunn (DE)
(750) Susanne Jungk c/o W.L. Gore & Associates GmbH
Hermann-Oberth-Strasse 22, 85640 Putzbrunn (DE)

---

(111) **665830**
(822) 16.10.1996 2.034.119 ES
(171) 10 năm
(540)

tokke

(511) 30.

(151) 06.11.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 27.05.01
(732) CADBURY ESPAÑA, S.L.
C/ Topacio 7, Polígono Industrial San Cristóbal, E-47012 Valladolid (ES)

---

(111) **665937**
(822) 05.07.1996 96.633.111 FR
(171) 10 năm
(540)

MAJORQUE

(511) 18.

(151) 27.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **665938**
(822) 05.07.1996 96.633.110 FR
(171) 10 năm
(540)

ACAPULCO

(511) 18.

(151) 27.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **665965**
(822) 18.09.1996 434106 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 16, 17, 35, 36.

(151) 11.12.1996
(831) 11.02.1998 VN
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 24.09.02, 27.05.01
(732) Rocket Produkties BV
Hogeweg 81, NL-5301 LK Zaltbommel (NL)

---

(111) **666047**
(822) 10.02.1988 1449283 FR
(171) 10 năm
(540)

LE PAVILLON

(511) 33.

(151) 23.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) DESCAS Père et Fils, Société Anonyme
65, quai de Brazza, F-33100 BORDEAUX (FR)

---

(111) **666073**
(822) 02.06.1994 94 522 872 FR
(171) 10 năm
(540)
STEPHANE ROLLAND

(151) 31.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) ROLLAND Stéphane
40, quai Louis Blériot, F-75116 PARIS (FR)

(511) 03, 09, 14, 18, 24, 25.

---

(111) **666325**
(822) 09.07.1996 96633534 FR
(171) 10 năm
(540)
BERKUT
БЕРКУТ

(151) 03.01.1997

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 27.05.01, 28.05.00
(732) BELVEDERE (société anonyme)
10 Avenue Charles Jaffelin, F-21200 BEAUNE (FR)

(511) 33.

---

(111) **666356**
(822) 10.03.1995 95 562 269 FR
(171) 10 năm
(540)
CARLINA

(151) 07.01.1997
(831) 05.02.2004 VN
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) IPSOCOS société anonyme
62, avenue Daumesnil, F-75012 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **666412**
(822) 16.02.1996 96 611 228 FR
(171) 10 năm
(540)
EXTRA II

(151) 20.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 27.05.01, 27.07.01
(732) Wilkinson Sword GmbH
Schützenstrasse 110, 42659 Solingen (DE)

(511) 08.

---

(111) **666413**
(822) 16.02.1996 96 611 227 FR
(171) 10 năm
(540)

EXTRA II SENSITIVE

(511) 08.

(151) 20.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) Wilkinson Sword GmbH
Schützenstrasse 110, 42659 Solingen (DE)

---

(111) **666587**
(822) 05.10.1995 1.918.394 ES
(171) 10 năm
(540)

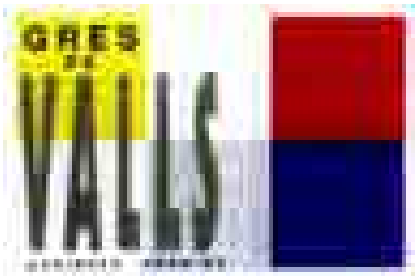

(511) 11, 19, 21, 39.

(151) 04.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 25.07.01, 26.04.01, 26.04.09, 27.05.01, 29.01.15
(591) Vàng, đen, xám, đỏ, xanh da trời và xám sáng
(732) GRES DE VALLS, S.A.
Carretera Viver a Puerto de Burriana, Km. 60,10, E-12200 ONDA (Castellón) (ES)

---

(111) **666639**
(822) 07.08.1996 96637874 FR
(171) 10 năm
(540)

ELVIVE

(511) 03.

(151) 13.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) L'OREAL société anonyme
14 rue Royale, F-75008 PARIS (FR)
(750) L'OREAL Société anonyme
Département des Marques, 41 rue Martre, F-92117 CLICHY CEDEX (FR)

---

(111) **666733**
(822) 23.08.1996 96/639.339 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 29, 30, 31, 42.

(151) 11.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 26.11.01, 26.11.03, 27.05.01, 29.01.01
(591) Đen, đỏ
(732) MARIE SURGELES, Société par Actions Simplifiée
13, rue du Pont des Halles, F-94150 RUNGIS (FR)

---

(111) **666769**
(822) 25.07.1996 96 636 067 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 35, 41.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 07.01.06, 07.05.02, 25.01.15, 27.01.01, 27.05.01, 29.01.15
(732) SEPHORA
65, avenue Edouard Vaillant, F-92100 BOULOGNE BILLANCOURT (FR)

---

(111) **666867**
(822) 09.08.1996 435309 CH
(171) 10 năm
(540)

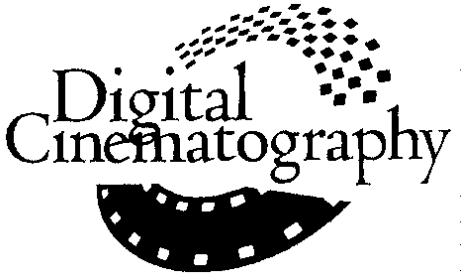

(511) 09.

(151) 20.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 16.01.04, 16.03.01, 16.03.11, 25.07.01, 26.01.01, 26.01.02, 27.05.01
(732) Sony Overseas SA
Rütistrasse 12, CH-8952 Schlieren (CH)

---

(111) **667036**
(822) 23.12.1996 697788 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 16.

(151) 23.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 03.01.01, 26.04.01, 26.04.04, 26.04.07, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời, đỏ, trắng
(732) WICTOR S.p.A.
Via Gardale, 24, Zona Industriale, I-25036 PALAZZOLO SULL'OGLIO (Brescia) (IT)

---

(111) **667089**
(822) 14.08.1996 96638664 FR
(171) 10 năm
(540)
ITERVAL
(511) 05.

(151) 20.12.1996
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **667092**
(822) 14.08.1996 96638667 FR
(171) 10 năm
(540)
EPICENTRIL
(511) 05.

(151) 20.12.1996
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **667093**
(822) 14.08.1996 96 638 668 FR
(171) 10 năm
(540)
PROTIX
(511) 05.

(151) 06.01.1997
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **667094**
(822) 14.08.1996 96 638 669 FR
(171) 10 năm
(540)
VALDOXANE
(511) 05.

(151) 06.01.1997
(831) 09.02.2004 VN
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **667095**
(822) 14.08.1996 96638670 FR
(171) 10 năm
(540)
ENTHELIUM
(511) 05.

(151) 20.12.1996
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **667097**
(822) 14.08.1996 96 638 672 FR
(171) 10 năm
(540)
DIONOXAN

(511) 05.

(151) 19.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **667127**
(822) 23.12.1996 697789 IT
(171) 10 năm
(540)
ULTRA-FIX

(511) 01, 16.

(151) 23.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 27.05.01, 29.01.01
(591) Đỏ
(732) WICTOR S.p.A.
Via Gardale, 24, Zona Industriale, I-25036 PALAZZOLO SULL'OGLIO (Brescia) (IT)

---

(111) **667250**
(822) 28.05.1996 433 548 CH
(171) 10 năm
(540)
ATLAS

(511) 34.

(151) 30.11.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) Philip Morris Products S.A.
Quai Jeanrenaud 3, CH-2000 Neuchâtel (CH)

---

(111) **667421**
(822) 05.08.1996 434 688 CH
(171) 10 năm
(540)
Assut sutures

(511) 10.

(151) 07.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 25.03.01, 27.05.01
(732) Assut Medical Sàrl
Avenue de Rochettaz 57, CH-1009 Pully (CH)

---

(111) **667444**
(822) 30.07.1996 435152 CH
(171) 10 năm
(540)

NYLOSTAB

(511) 01.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Clariant AG
61, Rothausstrasse, CH-4132 Muttenz (CH)
(750) Sandoz Technologie AG Patent- und Markenabteilung
Postfach, CH-4002 Bâle (CH)

---

(111) **667513**
(822) 16.01.1996 433 489 CH
(171) 10 năm
(540)

Overseas

(511) 14.

(151) 20.12.1996
(831) 14.07.1999 VN
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 27.05.01, 03.07.16
(732) RICHEMONT INTERNATIONAL S.A.
Route des Biches 10, CH-1752 Villars-sur-Glâne - Fribourg (CH)

---

(111) **667639**
(822) 04.09.1996 434 101 CH
(171) 10 năm
(540)

SELLIER

(511) 14.

(151) 10.12.1996

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 27.05.01
(732) La Montre Hermes SA
Erlenstrasse 31A, CH-2555 Brügg BE (CH)

---

(111) **667668**
(822) 24.10.1996 434 451 CH
(171) 10 năm
(540)

ACTARA

(511) 01, 05.

(151) 19.12.1996
(831) 11.02.1998 VN
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) Syngenta Participations AG
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel (CH)
(750) Syngenta Crop Protection AG, Intellectual Property
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel (CH)

---

(111) **667769**
(822) 20.11.1996 396 27 723 DE
(171) 10 năm
(540)

Caspary

(511) 07, 35, 37, 42.

(151) 23.12.1996

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Bräuhaus System Caspary GmbH
Fehlinger Strasse 1c, 83339 Chieming (DE)

---

(111) **667805**
(822) 06.11.1996 592.955 BX
(171) 10 năm
(540)

ELATREX

(511) 05.

(151) 10.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) Solvay Pharmaceuticals B.V.
C.J. van Houtenlaan 36, NL-1381 CP Weesp (NL)

---

(111) **667934**
(822) 27.08.1996 96 639 952 FR
(171) 10 năm
(540)

TEINT IDOLE

(511) 03.

(151) 08.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 27.05.01
(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE Société en nom collectif
29 rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **667935**
(822) 30.05.1996 396 17 054 DE
(171) 10 năm
(540)

ice

(511) 34.

(151) 20.12.1996

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) Reemtsma Cigarettenfabriken GmbH
Max-Born-Strasse 4, 22761 Hamburg (DE)

---

(111) **668014**
(822) 09.05.1995 2 095 751 DE
(171) 10 năm
(540)

Precolor

(151) 11.01.1997
(831) 09.10.2002 VN
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

(511) 03.

---

(111) **668184**
(822) 16.08.1996 396 26 479 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 20.12.1996
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 02.01.25, 04.05.05, 10.05.17, 26.04.02, 26.04.07
(732) REEMARK Gesellschaft für Markenkooperation mbH
Parkstrasse 49, 22605 Hamburg (DE)

(511) 25, 41.

---

(111) **668258**
(822) 23.08.1996 434 649 CH
(171) 10 năm
(540)

CERAPERM

(151) 07.01.1997
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) Clariant AG
61, Rothausstrasse, CH-4142 Muttenz (CH)
(750) Sandoz Technologie AG Patent- & Markenabteilung
Postfach, CH-4002 Bâle (CH)

(511) 01.

---

(111) **668267**
(822) 03.02.1987 352 302 CH
(171) 10 năm
(540)

OBJECTA

(151) 18.12.1996
(831) 19.07.2000 VN
(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG
Metro-Strasse 1, 40235 Düsseldorf (DE)

(511) 01, 09, 16, 20.

---

(111) **668469**
(822) 21.01.1997 702216 IT
(171) 10 năm
(540)

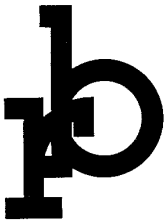

(511) 03, 09, 18, 25.

(151) 21.01.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 27.05.01
(732) BAROCCO ROMA s.r.l. UNIPERSONALE
Piazza di Spagna, 93, I-00187 ROMA (IT)

---

(111) **668583**
(822) 20.08.1996 434 559 CH
(171) 10 năm
(540)

GamCath

(511) 10.

(151) 20.12.1996

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 27.05.01
(732) Gambro Hospal (Schweiz) AG (Gambro Hospal (Suisse) SA) (Gambro Hospal (Switzerland) LTD)
Dornacherstrasse 8, CH-4053 Basel (CH)

---

(111) **668594**
(822) 24.10.1996 593.702 BX
(171) 10 năm
(540)

EQUANT

(511) 09, 16, 37, 38, 42.

(151) 17.01.1997

(450) 1997/16 Gaz (25.09.1997)
(531) 27.05.01
(732) EGN B.V.
Spectrum Building, 21-23, Gatwickstraat, NL-1043 GL AMSTERDAM (NL)

---

(111) **668786**
(822) 02.08.1996 593.686 BX
(171) 10 năm
(540)

EANCOM

(511) 16, 41, 42.

(151) 22.01.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) GS1, association International sans but lucratif
Avenue Louise 326, B-1050 Bruxelles (BE)

---

(111) **668836**
(822) 02.08.1996 593.662 BX
(171) 10 năm
(540)

AMBI-PUR

(151) 10.01.1997
(831) 28.07.2000 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 27.05.01
(732) Sara Lee Household and Body Care Nederland B.V.
Vleutensevaart 35, NL-3532 AD Utrecht (NL)
(750) Sara Lee/DE N.V., Attn. Corportate Trademarks Department
P.O. Box 2, NL-3500 CA UTRECHT (NL)

(511) 11.

---

(111) **669074**
(822) 18.09.1996 96 642 188 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 21.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 18.05.01, 26.11.01, 27.05.01
(732) SDV Logistique Internationale en abrégé SDV-LI
31/32, quai de Dion Bouton, F-92800 PUTEAUX (FR)

(511) 36, 39.

---

(111) **669152**
(822) 11.07.1996 594.312 BX
(171) 10 năm
(540)

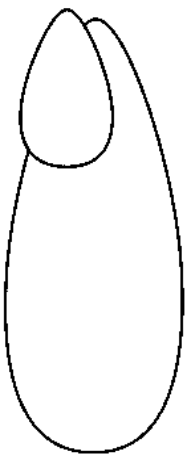

(151) 31.12.1996
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 01.15.15, 19.07.01, 26.13.25
(732) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 03, 05.

---

(111) **669220**
(822) 26.07.1996 434 769 CH
(171) 10 năm
(540)

HDCAM

(511) 09.

(151) 08.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Sony Overseas SA
Rütistrasse 12, CH-8952 Schlieren (CH)

---

(111) **669480**
(822) 01.08.1996 685590 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 18, 25, 26, 27, 28, 36, 37, 42.

(151) 01.08.1996
(831) 23.01.2004 VN
(450) ()
(531) 04.05.03, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(591) Đỏ và xanh da trời
(732) GALEX S.R.L.
Via Fosse Ardeatine, 14, I-06074 Ellera, Corciano (Perugia) (IT)

---

(111) **669568**
(822) 24.06.1994 411 202 CH
(171) 10 năm
(540)

GRUEN *GENEVE*

CURVEX

(511) 14.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/12 Gaz (31.07.1997)
(531) 26.04.02, 27.05.01
(732) Gruen Watch SA Genève
70, route de Florissant, CH-1206 Genève (CH)

---

(111) **669827**
(822) 21.10.1996 396 39 327 DE
(171) 10 năm
(540)

SICAM

(511) 09.

(151) 23.01.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Siemens Aktiengesellschaft
Wittelsbacherplatz 2, 80333 München (DE)

---

(111) **670005**
(822) 20.11.1996 1.981.477 ES
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 20.12.1996

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 05.05.01, 26.11.03, 27.05.01
(732) ADOLFO DOMINGUEZ, S.A.
Polg. Ind. San Ciprián de Viñas, E-32080 ORENSE (ES)

---

(111) **670195**
(822) 21.12.1995 800677 CN
(171) 10 năm
(540)

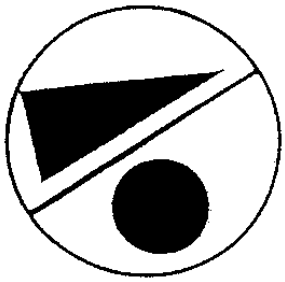

(511) 11, 12, 19.

(151) 20.12.1996

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 25.05.03, 26.01.04, 26.01.10, 26.03.01
(732) QINGDAO TAIFA GROUP CORPORATION
Zhudi, Yinshuzhen, Jiaonan, Qingdao, Shandong Province 266431 (CN)

---

(111) **672934**
(822) 13.12.1991 1 711 845 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 04, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 17.

(151) 30.12.1996

(450) 1997/10 Gaz (03.07.1997)
(531) 26.02.01, 27.05.01
(732) GUILBERT EXPRESS société anonyme
10-12 rue Montlouis, F-75011 PARIS (FR)

---

(111) **673017**
(822) 21.08.1996 396 05 175 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 20.12.1996

(450) 1997/10 Gaz (03.07.1997)
(531) 05.03.01, 26.04.02, 26.11.03, 27.05.01, 29.01.15
(591) Vàng, cam, đỏ, hồng, xanh da trời, xanh da trời sáng,xanh da trời-xám, trắng, màu vàng rực
(732) Reemtsma Cigarettenfabriken GmbH
Max-Born-Strasse 4, 22761 Hamburg (DE)

(511) 34.

---

(111) **673128**
(822) 17.05.1996 395 51 754 DE
(171) 10 năm
(540)

WACKER

(151) 19.06.1996
(831) 24.10.2005 VN
(450) 2002/17 Gaz (03.10.2002)
(732) Wacker Chemie AG
Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München (DE)
(750) Wacker Chemie AG, Corporate Intellectual Property
Hanns-Seidel-Platz 4, 81737 München (DE)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 07, 09, 11, 12, 16, 17, 22.

---

(111) **673595**
(822) 08.01.1997 4987 KZ
(171) 10 năm
(540)

SU JOK

(151) 10.01.1997

(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(531) 27.05.01
(732) Jae Woo Park
Chong Ro Ku, Myong Ryun Dong, 2 Ga 8-5, Seoul (KR), 30 pièce, 12, rue Tolé Bi, ALMATY (KZ)
(750) Jae Woo Park
30 pièce, 12, rue Tolé Bi, KZ-480100 ALMATY (KZ)

(511) 05, 09, 11, 21, 24, 25, 26, 28, 35, 36, 38, 41, 42.

---

(111) **675250**
(822) 09.07.1996 435146 CH
(171) 10 năm
(540) DUFERCO

(151) 09.01.1997

(450) 1997/13 Gaz (14.08.1997)
(732) DUFERCO S.A.
Via Bagutti 9, CH-6900 Lugano (CH)

(511) 35, 36, 39, 40, 42.

---

(111) **774280**
(822) 19.04.1999 653686 BX
(171) 10 năm
(540) CARVER

(151) 13.12.2001

(450) 2004/14 Gaz (01.07.2004)
(732) Brinks Westmaas B.V.
Einsteinstraat 50, NL-3316 GG
DORDRECHT (NL)

(511) 12.

PHẦN VI

SỬA ĐỔI, GIA HẠN, ĐÌNH CHỈ, HUỶ BỎ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

I - SỬA ĐỔI VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế

Quyết định sửa đổi số: 1425/QĐ-SHTT, ngày: 24.01.2008
(11) Số Văn bằng: 1-0006022 (24) Ngày cấp: 05.12.2006
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) YAZAKI INDUSTRIAL CHEMICAL CO., LTD. (JP)
24-1, Oshika 2-Chome, Suruga-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan

---

b - Sửa đổi Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định sửa đổi số: 20543/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007
(11) Số Văn bằng: 3-0010878 (15) Ngày cấp: 23.08.2007
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) PLUS STATIONERY CORPORATION (JP)
4-1-28, Toranomon, Minato-Ku, Tokyo 1050001, Japan

Quyết định sửa đổi số: 20544/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007
(11) Số Văn bằng: 3-0010471 (15) Ngày cấp: 05.04.2007
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) PLUS STATIONERY CORPORATION (JP)
4-1-28, Toranomon, Minato-Ku, Tokyo 1050001, Japan

Quyết định sửa đổi số: 20545/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0011274 (15) Ngày cấp: 23.11.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) PLUS STATIONERY CORPORATION (JP)
4-1-28, Toranomon, Minato-Ku, Tokyo 1050001, Japan

Quyết định sửa đổi số: 20567/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0005894	30.05.2000
3-0005895	30.05.2000
3-0005943	24.07.2000

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG (VN)
202 Lê Trọng Tấn, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Quyết định sửa đổi số: 1426/QĐ-SHTT, ngày: 24.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007744 (15) Ngày cấp: 20.05.2004

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CẦN THƠ (VN)
288 Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ

---

c - Sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Quyết định sửa đổi số: 20440/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0082642 (151) Ngày cấp: 04.06.2007

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 20441/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031725 (151) Ngày cấp: 06.08.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN TRÀ TÂN NAM BẮC (VN)

861, đường quốc lộ 1A, phường Thạnh Xuân, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20444/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0029858	27.02.1999
4-0029874	01.03.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB)

980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS

Quyết định sửa đổi số: 20445/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0035086 (151) Ngày cấp: 04.10.2000

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY LUẬT HỢP DANH LUẬT VIỆT (VN)

Phòng 908-909, tòa nhà Saigon Tower, số 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20446/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0008061	06.04.1993
4-0048238	20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CƠ SỞ TRẦN TÍN NGHĨA (VN)

533/1 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 20447/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0059037 (151) Ngày cấp: 14.12.2004

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) ANGEL YEAST CO., LTD. (CN)

No. 24, Zhongnan Road, Yichang City, Hubei Province, China

Quyết định sửa đổi số: 20448/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0079895	08.03.2007
4-0079896	08.03.2007
4-0079897	08.03.2007
4-0079898	08.03.2007
4-0081902	09.05.2007
4-0081903	09.05.2007
4-0081904	09.05.2007
4-0081905	09.05.2007
4-0081925	09.05.2007
4-0081926	09.05.2007
4-0081927	09.05.2007
4-0081928	09.05.2007
4-0081929	09.05.2007
4-0081930	09.05.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) GRAVITY Co., Ltd. (KR)

14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea

---

Quyết định sửa đổi số: 20449/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0013453	27.09.1994
4-0026370	02.02.1998
4-0026371	02.02.1998
4-0026372	02.02.1998
4-0028043	01.09.1998
4-0029666	09.02.1999
4-0029838	26.02.1999
4-0030361	25.03.1999
4-0032510	03.11.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
CÔNG TY TNHH DASO
Xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Quyết định sửa đổi số: 20452/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0051327 (151) Ngày cấp: 11.12.2003
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CƠ SỞ SIRO TRINH (VN)
8/43D Tân Hoá, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

[
Quyết định sửa đổi số: 20535/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0043689 (151) Ngày cấp: 15.10.2002
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN - XÍ NGHIỆP MỸ Á (VN)
174E Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 20546/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0083875 (151) Ngày cấp: 03.07.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THẨM MỸ LÊ ANH (VN)

194 Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20547/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031666 (151) Ngày cấp: 30.07.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ HOA PHƯỢNG (VN)

Cụm 3, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

Quyết định sửa đổi số: 20549/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030589	31.03.1999
4-0030590	31.03.1999
4-0030591	31.03.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) FAR EASTONE TELECOMMUNICATIONS CO., LTD. (TW)

28F, No.207, Sec. 2, Tun Hwa South Road, Taipei, Taiwan

Quyết định sửa đổi số: 20551/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0035759 (151) Ngày cấp: 19.12.2000

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THỜI TRANG THANH HẰNG (VN)

Số 09 chợ Hôm, phố Huế, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20552/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032158 (151) Ngày cấp: 28.09.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NƯỚC GIẢI KHÁT CẦN THƠ (VN)
152 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ

Quyết định sửa đổi số: 20553/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0089660	01.10.2007
4-0090923	30.10.2007
4-0091827	16.11.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Quyết định sửa đổi số: 20554/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0071591 (151) Ngày cấp: 25.04.2006

Mục sửa đổi: Giảm danh mục hàng hoá/ dịch vụ mang nhãn hiệu

Nội dung mới:

(511) Nhóm 03: Các sản phẩm chăm sóc tóc, da, móng tay và móng chân, cụ thể là dầu gội đầu, dầu xả, dung dịch để nhuộm tóc/chăm sóc tóc, nước xịt chống rối tóc, chế phẩm tạo dáng tóc, nước xịt tóc, gel, dầu xả khôi phục tóc, chế phẩm làm sáng tóc, keo bọt, chế phẩm làm bóng tóc, kem dùng cho tay, móng tay và móng chân và kem dùng cho cơ thể, và chế phẩm dùng để chăm sóc móng tay và móng chân; chất để tẩy trắng và các chất khác để giặt; chất để tẩy rửa, đánh bóng, tẩy dầu mỡ và mài mòn; xà phòng; nước xức tóc; thuốc đánh răng.

Quyết định sửa đổi số: 20555/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0092800 (151) Ngày cấp: 10.12.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VÀ QUẢNG CÁO VIỆT NAM (VN)
Tầng 5, toà nhà Báo Biên Phòng, số 40A phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20556/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0054154 (151) Ngày cấp: 12.05.2004

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NAM HẢI SỮA ĐẬU NÀNH 111 (VN)

Khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Quyết định sửa đổi số: 20557/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0055701	15.07.2004
4-0061842	14.04.2005
4-0073521	10.07.2006

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÊ HIỆP (VN)

Số nhà 32, đường số 2, khu A Nam Thành Công, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20558/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0083997 (151) Ngày cấp: 05.07.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) PLUS Stationery Corporation (JP)

4-1-28, Toranomon, Minato-Ku, Tokyo 1050001, Japan

Quyết định sửa đổi số: 20559/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0083996 (151) Ngày cấp: 05.07.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) PLUS Stationery Corporation (JP)

4-1-28, Toranomon, Minato-Ku, Tokyo 1050001, Japan

Quyết định sửa đổi số: 20560/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0024194 (151) Ngày cấp: 15.04.1997

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Kabushiki Kaisha Sega d/b/a Sega Corporation (JP)
2-12, Haneda 1-Chome, Ohta-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 20562/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0055172	25.06.2004
4-0089950	04.10.2007
4-0090416	17.10.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TAM KIM (VN)
Số 21, lô 1A, khu đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20563/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0043920	06.11.2002
4-0043939	07.11.2002
4-0044118	21.11.2002
4-0044119	21.11.2002

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y - THUỶ SẢN MINH DŨNG (VN)
Khu phố Khánh Hội, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 20564/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031250 (151) Ngày cấp: 19.06.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT KIẾT TƯỜNG (VN)
08 ấp Bắc, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 20565/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030513 (151) Ngày cấp: 30.03.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) ALTAMA DELTA CORPORATION (US)

1200 Lake Hearn Drive, Suite 475, Atlanta, Georgia 30319, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 20568/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0028051 (151) Ngày cấp: 03.09.1998

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) SUN MICROSYSTEMS, INC. (US)

4150 Network Circle, Santa Clara, CA 95054, U.S.A.

Quyết định sửa đổi số: 20569/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0036236 (151) Ngày cấp: 12.02.2001

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) SUN MICROSYSTEMS, INC. (US)

4150 Network Circle, Santa Clara, California 95054, U.S.A

Quyết định sửa đổi số: 20571/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0050176	23.10.2003
4-0051872	02.01.2004
4-0065660	09.08.2005
4-0065679	09.08.2005
4-0067970	10.11.2005

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÚC THỊNH (VN)

Lô B2, 54 khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 20572/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0034806	08.09.2000
4-0054667	10.06.2004
4-0055087	23.06.2004
4-0059604	10.01.2005
4-0066775	21.09.2005

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN TRUNG (VN)
202 Lê Trọng Tấn, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Quyết định sửa đổi số: 20573/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0063758 (151) Ngày cấp: 15.06.2005

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & SẢN XUẤT DÂN HOA (VN)
2941/18 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20574/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0075037 (151) Ngày cấp: 08.09.2006

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ ĐÀ NẴNG C.T (VN)
173A Nguyễn Lương Bằng, phường Hoà Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

---

Quyết định sửa đổi số: 20575/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0092014 (151) Ngày cấp: 22.11.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI (VN)
67A Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 20576/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0088596 (151) Ngày cấp: 14.09.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & THƯƠNG MẠI VIỆT MỸ HOÀ PHONG (VN)
Số 41(tầng 5) Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 629/QĐ-SHTT, ngày: 11.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0034675	23.08.2000
4-0045591	20.03.2003
4-0046945	26.05.2003
4-0051925	06.01.2004
4-0051926	06.01.2004
4-0054361	20.05.2004
4-0055928	29.07.2004
4-0061612	06.04.2005
4-0068917	20.12.2005
4-0068918	20.12.2005
4-0070156	16.02.2006
4-0073486	07.07.2006
4-0073487	07.07.2006
4-0073488	07.07.2006
4-0073489	07.07.2006
4-0076112	13.10.2006
4-0076113	13.10.2006
4-0076114	13.10.2006
4-0076115	13.10.2006
4-0076116	13.10.2006
4-0076117	13.10.2006
4-0076334	23.10.2006
4-0076335	23.10.2006

4-0076336	23.10.2006
4-0076593	02.11.2006
4-0076608	03.11.2006
4-0076609	03.11.2006
4-0076610	03.11.2006
4-0076611	03.11.2006
4-0083428	25.06.2007
4-0083612	29.06.2007
4-0089593	01.10.2007
4-0089594	01.10.2007
4-0090623	23.10.2007
4-0092176	28.11.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN VI NA MIT (VN)
ấp 1, xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Quyết định sửa đổi số: 819/QĐ-SHTT, ngày: 15.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0028854 (151) Ngày cấp: 27.11.1998
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) JEANJER, LTD. (US)
1400 Broadway, New York, New York 10018 U.S.A.

Quyết định sửa đổi số: 1344/QĐ-SHTT, ngày: 24.01.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0027509 (151) Ngày cấp: 07.07.1998
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK) (VN)
184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 1406/QĐ-SHTT, ngày: 24.01.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030592	31.03.1999
4-0030593	31.03.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) MITSUMI ELECTRIC CO., LTD. (JP)
2-11-2, Tsurumaki, Tama-shi, Tokyo, 206-8567, Japan

II - GIA HẠN HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Gia hạn Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định gia hạn số: 20418/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0007567	29.11.2012
3-0007569	03.03.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THUỶ SẢN AN GIANG (VN)
1234 Trần Hưng Đạo, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Quyết định gia hạn số: 20419/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0007447 (18) Gia hạn đến ngày: 02.12.2012
(73) Chủ Văn bằng:
SUZUKI MOTOR CORPORATION (JP)
300 Takatsuka-cho, Hamamatsu-shi, Shizuoka-Pref., Japan

Quyết định gia hạn số: 20420/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005063	02.04.2013
3-0005964	11.04.2013
3-0007624	26.03.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI (VN)
67A Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 20421/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0007502	07.01.2013
3-0007503	07.01.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHÁNH THUỴ (VN)
50 đường Giải Phóng, phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

---

Quyết định gia hạn số: 20427/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0007644 (18) Gia hạn đến ngày: 30.01.2013
(73) Chủ Văn bằng:
HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)
408, Tashirodaikan-machi, Tosu-shi, Saga 841-0017 Japan

Quyết định gia hạn số: 20451/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0007372 (18) Gia hạn đến ngày: 14.10.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)
65 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 713/QĐ-SHTT, ngày: 14.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007361 (18) Gia hạn đến ngày: 06.05.2012
(73) Chủ Văn bằng:
TRẦN QUẢNG (VN)
18/12 An Bình, phường 5, quận 5 - TP. Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 1424/QĐ-SHTT, ngày: 24.01.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007919 (18) Gia hạn đến ngày: 09.05.2013
(73) Chủ Văn bằng:
HUỲNH TÔ (VN)
34/7 Nguyễn Huỳnh Đức, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

---

b - Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Quyết định gia hạn số: 20422/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032917 (186) Gia hạn đến ngày: 21.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
KYODO - ALLIED INDUSTRIES LTD. (SG)
17 Kian Teck Road, Jurong Industrial Estate, Singapore 628771
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 20423/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030781	30.12.2017	33
4-0030782	30.12.2017	33
4-0030783	30.12.2017	33
4-0030784	30.12.2017	33

(732) Chủ Văn bằng:
CHIVAS BROTHERS (AMERICAS) LIMITED (GB)
111/113 Renfrew Road, Paisley, Renfrewshire, PA3 4DY, United Kingdom

---

Quyết định gia hạn số: 20424/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030902	24.12.2017	42
4-0030903	24.12.2017	37
4-0030904	24.12.2017	11
4-0030905	24.12.2017	09
4-0030906	24.12.2017	07

(732) Chủ Văn bằng:
EBARA CORPORATION (JP)
11-1, Haneda Asahi-cho, Ota-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 20425/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031954	20.06.2018	06
4-0031955	20.06.2018	08
4-0031956	20.06.2018	09

(732) Chủ Văn bằng:
YETI TRADING COMPANY (TW)
5F-2, No.181, Fu Sheng N.Road, Taipei, Taiwan

Quyết định gia hạn số: 20426/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031147 (186) Gia hạn đến ngày: 03.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
FUENTE CIGAR LTD. (DO)
Zona Franca, Santiago, Dominican Republic
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 20428/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032781 (186) Gia hạn đến ngày: 13.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ VƯƠNG KIM THÀNH (VN)
283 Hàn Hải Nguyên, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí MInh.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 20429/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031238	07.02.2018	25
4-0031239	07.02.2018	25

(732) Chủ Văn bằng:
SKECHERS U.S.A., INC.II (US)
228 Manhattan Beach Blvd., Manhattan Beach, California, 90266 U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 20430/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0034333 (186) Gia hạn đến ngày: 07.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940-0874, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 20431/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032922 (186) Gia hạn đến ngày: 02.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP KCP VIỆT NAM (KCP VIET NAM INDUSTRIES LIMITED) (VN)
Thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30, 31, 42

Quyết định gia hạn số: 20432/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032249 (186) Gia hạn đến ngày: 15.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
LI - FANG KUO (TW)
No. 69, Ching Tung St., Tainan, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 20433/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032092	27.06.2018	05
4-0032093	27.06.2018	05
4-0032094	27.06.2018	05
4-0032396	14.03.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN GIANG (VN)
Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

---

Quyết định gia hạn số: 20434/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030995	28.03.2018	42
4-0030996	28.03.2018	38
4-0030997	28.03.2018	16
4-0030998	28.03.2018	09

(732) Chủ Văn bằng:
INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard Santa Clara, California 95052-8119, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 20435/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031345 (186) Gia hạn đến ngày: 11.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SYSCO CORPORATION (US)
1390 Enclave Parkway, Houston, Texas 77077, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 20436/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0001013 (186) Gia hạn đến ngày: 18.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Công ty KIORITZ CORPORATION (JP)
7-2, Suehirocho, 1- Chome, Ohme, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 20437/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030509 (186) Gia hạn đến ngày: 06.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
THE MANUFACTURES LIFE INSURANCE COMPANY (CA)
200 Bloor Street East, Toronto, Ontario, Canada M4W 1E5, Canada
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 36

Quyết định gia hạn số: 20438/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031976 (186) Gia hạn đến ngày: 18.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
NORSKE SKOGINDUSTRIER ASA (NO)
7620 Skogn, Norway
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 20439/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032032	20.05.2018	05
4-0032033	26.05.2018	05, 10
4-0032351	05.06.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
GLAXO GROUP LIMITED (GB)
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex, UB6 ONN, England

---

Quyết định gia hạn số: 20442/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031725 (186) Gia hạn đến ngày: 23.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN TRÀ TÂN NAM BẮC (VN)
861, đường quốc lộ 1A, phường Thạnh Xuân, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 20443/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0029858	23.09.2017	05
4-0029874	23.09.2017	05

(732) Chủ Văn bằng:
SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB)
980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS

Quyết định gia hạn số: 20450/QĐ-SHTT, ngày: 26.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0026370	08.11.2016	03
4-0026372	08.11.2016	03
4-0030361	15.04.2017	03

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DASO (VN)
Xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Quyết định gia hạn số: 20453/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030436	01.12.2017	11
4-0030437	01.12.2017	11
4-0030438	01.12.2017	11

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TAUNG LIANG (VN) TNHH (VN)
Khu công nghiệp Việt Hương, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định gia hạn số: 20514/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030990	28.03.2018	05
4-0030991	28.03.2018	05
4-0030992	28.03.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
PFIZER PRODUCTS INC. (US)
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 20515/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031805 (186) Gia hạn đến ngày: 30.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DD IP HOLDER LLC (US)
130 Royal Street, Canton, Massachusets, 02021, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 20516/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032783 (186) Gia hạn đến ngày: 01.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ PHÁT THÀNH (VN)
27 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 20517/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030524 (186) Gia hạn đến ngày: 09.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
ABBOTT LABORATORIES (US)
Abbott Park, Illinois 60064 United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 20518/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031420	29.04.2018	09
4-0031659	07.05.2018	09
4-0032074	10.07.2018	09

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH NHẬT LINH (VN)
197 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 20519/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032372 (186) Gia hạn đến ngày: 08.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CIBA SPECIALTY CHEMICALS HOLDING INC. (CH)
Klybeckstrasse 141, 4057 Basel, Switzerland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01, 22, 24, 25

Quyết định gia hạn số: 20520/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030673 (186) Gia hạn đến ngày: 06.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
PACIFIC ZIPPER CO., LTD. (KR)
43-3 Dowoong-Ri, Docheok-Myun, Kwangchu-Kun, Kyoungki-Do, Republic of Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 26

Quyết định gia hạn số: 20521/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032130 (186) Gia hạn đến ngày: 27.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ HUY PHONG (VN)
56C khóm 3, phường 7, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 20522/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030856	14.02.2018	30, 32
4-0031124	14.02.2018	30, 32
4-0031671	14.02.2018	30
4-0031672	14.02.2018	32

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI (VN)
67A đường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 20523/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0028726 (186) Gia hạn đến ngày: 12.06.2017
(732) Chủ Văn bằng:
The Sunraysia Natural Beverage Company Pty Ltd. (AU)
2nd Floor, 42-44 Jackson Court, Doncaster East, Victoria, 3109, Australia
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 32

Quyết định gia hạn số: 20524/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031222 (186) Gia hạn đến ngày: 17.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY DƯỢC -TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR) (VN)
498 Nguyễn Thái Học, Qui Nhơn, Bình Định
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 20525/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030540	10.12.2017	07
4-0030560	10.12.2017	07

(732) Chủ Văn bằng:
KONE CORPORATION (FI)
Kartanontie 1, 00330 Helsinki, Finland

Quyết định gia hạn số: 20526/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031988 (186) Gia hạn đến ngày: 20.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU MEKONG (VN)
166/3B đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 04

Quyết định gia hạn số: 20527/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030698	03.01.2018	05
4-0031152	19.03.2018	05
4-0031601	21.04.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 20528/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030682 (186) Gia hạn đến ngày: 30.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
IPR PHARMACEUTICALS INC. (XX)
Sabana Gardens Industrial Park, P.O. Box 1967, Caroline, Puerto Rico
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 20529/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031585 (186) Gia hạn đến ngày: 29.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY ỨNG DỤNG PHÁT TRIỂN PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH (BDC - BROADCASTING DEVELOPMENT COMPANY) (VN)
61 Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 38, 42

Quyết định gia hạn số: 20530/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032313 (186) Gia hạn đến ngày: 04.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Alcon, Inc (CH)
Bosch 69, CH-6331 Hunenberg, Switzerland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 20531/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0034073 (186) Gia hạn đến ngày: 17.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ BÌNH MINH (VN)
111 Ưu Long, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 20532/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032407 (186) Gia hạn đến ngày: 31.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY KỸ THUẬT ĐIỆN THÔNG (DIEN THONG ELENCO) (VN)
418 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07, 09

Quyết định gia hạn số: 20533/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031822	13.05.2018	05
4-0031823	13.05.2018	05
4-0031824	13.05.2018	05
4-0031825	13.05.2018	05
4-0031826	13.05.2018	05
4-0031827	13.05.2018	05
4-0034314	18.09.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM (VIPESCO) (VN)
102 Nguyễn Đình Chiểu, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 20534/QĐ-SHTT, ngày: 27.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0028782 (186) Gia hạn đến ngày: 20.06.2017
(732) Chủ Văn bằng:
ROOIBOS LIMITED (ZA)
Rooibos Avenue, Clanwilliam, Western Cape, Republic of South Africa
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05, 30

Quyết định gia hạn số: 20536/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030323 (186) Gia hạn đến ngày: 10.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
GOSS INTERNATIONAL ASIA-PACIFIC, INC (US)
3 Territorial Court, Bolingbrook, IL, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 20537/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031759 (186) Gia hạn đến ngày: 16.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI IN CHÍ THÀNH (VN)
154, Phùng Hưng, phường 14, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 20538/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032792 (186) Gia hạn đến ngày: 21.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
AMCOL INTERNATIONAL CORPORATION (US)
1500 West Shure Drive, Arlington Heights, Illinois 600004-7803 U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 20539/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030697	03.01.2018	05
4-0030701	05.01.2018	05
4-0030702	05.01.2018	05
4-0031971	05.01.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
TAKEDA PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED (JP)
1-1, Doshomachi 4-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan

Quyết định gia hạn số: 20540/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032211 (186) Gia hạn đến ngày: 30.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CỬA HÀNG VÀNG HOÀNG DUNG (VN)
Ấp 1, xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 14

Quyết định gia hạn số: 20541/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032570 (186) Gia hạn đến ngày: 21.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI CON KIẾN ĐỎ (VN)
183 Chợ Lớn, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 20542/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0000985	28.05.2018	12
4-0033179	01.08.2018	12
4-0033183	02.10.2018	12, 20

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN XUÂN HOÀ (VN)
Phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Quyết định gia hạn số: 20548/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031666 (186) Gia hạn đến ngày: 16.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ HOA PHƯỢNG (VN)
Cụm 3, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 11

Quyết định gia hạn số: 20550/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030589	13.12.2017	35
4-0030590	13.12.2017	09
4-0030591	13.12.2017	38

(732) Chủ Văn bằng:
FAR EASTONE TELECOMMUNICATIONS CO., LTD. (TW)
28F, No.207, Sec. 2, Tun Hwa South Road, Taipei, Taiwan

Quyết định gia hạn số: 20561/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0024194 (186) Gia hạn đến ngày: 31.05.2016
(732) Chủ Văn bằng:
Kabushiki Kaisha Sega d/b/a Sega Corporation (JP)
2-12, Haneda 1-Chome, Ohta-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 28, 41

Quyết định gia hạn số: 20566/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030513 (186) Gia hạn đến ngày: 08.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
ALTAMA DELTA CORPORATION (US)
1200 Lake Hearn Drive, Suite 475, Atlanta, Georgia 30319, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 20570/QĐ-SHTT, ngày: 28.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0028051	09.04.2017	09
4-0028211	23.04.2017	09
4-0036236	04.06.2017	09

(732) Chủ Văn bằng:
SUN MICROSYSTEMS, INC. (US)
4150 Network Circle, Santa Clara, CA 95054, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 714/QĐ-SHTT, ngày: 14.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030148	27.10.2017	30
4-0030975	24.12.2017	30
4-0030976	24.12.2017	30
4-0033260	24.12.2017	30

(732) Chủ Văn bằng:
CINNABON, INC. (US)
936 North 34th, Seattle, Washington 98103, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 820/QĐ-SHTT, ngày: 15.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0028854 (186) Gia hạn đến ngày: 27.06.2017
(732) Chủ Văn bằng:
JEANJER, LTD. (US)
1400 Broadway, New York, New York 10018 U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 1345/QĐ-SHTT, ngày: 24.01.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0027509 (186) Gia hạn đến ngày: 05.03.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK) (VN)
184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29, 35

Quyết định gia hạn số: 1407/QĐ-SHTT, ngày: 24.01.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030592	13.12.2017	09
4-0030593	13.12.2017	09

(732) Chủ Văn bằng:
MITSUMI ELECTRIC CO., LTD. (JP)
8-8-2, Kokuryo-Cho, Chofu-Shi, Tokyo, Japan
2. MITSUMI ELECTRIC CO., LTD. (JP)
2-11-2, Tsurumaki, Tama-shi, Tokyo, 206-8567, Japan

PHẦN VII

CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

I . CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3181/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1634/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 06/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)**
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT NÔNG NGHIỆP HOÀ BÌNH (VN)**
Số 5/25, ngõ 191, phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu 123 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo 123 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tương ứng (Danh sách kèm theo):

DANH SÁCH CÁC NHÃN HIỆU ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG
(Kèm theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền Sở hữu công nghiệp số 1634/QĐ-SHTT)

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SHANG MING DAN 60 WP	39905	31/01/2002	08/05/2010
2	SHALING SHUANG 95 WP	39906	31/01/2002	08/05/2010
3	SHALING DAN 95 WP	39907	31/01/2002	08/05/2010
4	VACINMEISU 5 WP, 5SL, 3SL	39908	31/01/2002	08/05/2010
5	TILVIL 50 SC	41039	08/05/2002	08/05/2010
6	SACO 60 EC	41040	08/05/2002	08/05/2010
7	THIOCIS	44924	21/01/2003	12/10/2011
8	TSTIL	44925	21/01/2003	12/10/2011
9	APERLAUR	44926	21/01/2003	12/10/2011
10	WOFACIS	44927	21/01/2003	12/10/2011

11	CLAU - UP	44928	21/01/2003	12/10/2011
12	SUPERRIN	44929	21/01/2003	12/10/2011
13	COFITEX	45509	12/03/2003	18/12/2011
14	FITEX	45510	12/03/2003	18/12/2011
15	SUPERREX	47331	10/06/2003	18/12/2011
16	SUGADAN	48607	20/06/2003	11/01/2012
17	BEMSUPER	48622	20/06/2003	09/04/2012
18	FUSAI	48646	20/06/2003	11/01/2012
19	RYALCOR	48654	20/06/2003	11/01/2012
20	SECTOX	49517	20/06/2003	28/06/2012
21	TILUSA	49518	20/06/2003	28/06/2012
22	TIL VILUSA	50037	22/10/2003	17/07/2012
23	MIL VIL	50038	22/10/2003	17/07/2012
24	ACOFIT	50069	23/10/2003	10/07/2012
25	ROCET	50070	23/10/2003	10/07/2012
26	CETRIUS	50076	23/10/2003	09/07/2012
27	AGROFIT	50092	23/10/2003	22/08/2012
28	VILUSA	50125	23/10/2003	24/07/2012
29	NOMIRIUS	50126	23/10/2003	15/07/2012
30	SHETIN	50127	23/10/2003	15/07/2012
31	TIL VIL SUPER	50299	30/10/2003	17/07/2012
32	NEWTIL VIL	50803	27/11/2003	02/08/2012
33	NEWROFIT	50809	27/11/2003	09/08/2012
34	HOA BINH PSC, hình	51315	11/12/2003	08/10/2012
35	STARTAC	51326	11/12/2003	15/10/2012
36	SECTAC	51557	18/12/2003	07/11/2012
37	AMOTAC	52168	16/01/2004	15/11/2012
38	NOMICET SUPER	52172	16/01/2004	10/12/2012
39	NEW NOMICET	52173	16/01/2004	10/12/2012
40	TILUSA SUPER	53427	17/03/2004	27/12/2012
41	MONITER	53429	17/03/2004	22/01/2013
42	USATABON	53432	17/03/2004	19/02/2013
43	CYCLODANSUPER	53710	09/04/2004	22/01/2013

44	SHARON	53781	19/04/2004	25/03/2013
45	TP.SIN	53834	21/04/2004	25/03/2013
46	AFATAC	54093	10/05/2004	13/03/2013
47	SAKUSAI	54094	10/05/2004	27/03/2013
48	WOFADAN	54187	12/05/2004	12/12/2012
49	MOSITOR	54226	14/05/2004	10/03/2013
50	T.SIN	54228	14/05/2004	11/03/2013
51	SUPERMOR	54668	10/06/2004	04/03/2013
52	SANSAI	54669	10/06/2004	04/03/2013
53	FILITOC	54670	10/06/2004	04/03/2013
54	ASARA	54671	10/06/2004	04/03/2013
55	BEMSAI	54695	10/06/2004	28/02/2013
56	TILSAI	54696	10/06/2004	28/02/2013
57	MEDOPHOS	55899	29/07/2004	07/05/2013
58	KACIE	55900	29/07/2004	09/05/2013
59	CYDANSUPER	56037	02/08/2004	24/04/2013
60	DANTAC	56803	01/09/2004	07/05/2013
61	SUNRAC	56828	01/09/2004	24/04/2013
62	ALYRICE	56829	01/09/2004	24/04/2013
63	SOCET	56830	01/09/2004	07/05/2013
64	TILVIL 50SC, hình	57205	20/09/2004	24/06/2013
65	ACOFIT 300EC, hình	57303	22/09/2004	24/06/2013
66	V A HN.PSC, hình	57304	22/09/2004	24/06/2013
67	Hình	57305	22/09/2004	24/06/2013
68	AFADAX	58029	21/10/2004	09/06/2013
69	THUỐC TRỪ CỎ B-GLYPHOSATE 41SL, hình	58031	21/10/2004	24/06/2013
70	WOFADAN 95BHN, hình	58032	21/10/2004	24/06/2013
71	K-TEE	58339	08/11/2004	29/08/2013
72	K-TEE SUPER	58619	22/11/2004	29/08/2013
73	NOMELER	58881	03/12/2004	16/10/2013
74	WOFATAC	61113	17/03/2005	16/09/2013
75	ROTARAM	61114	17/03/2005	16/09/2013

76	SUNRAP	61926	15/04/2005	04/11/2013
77	CINUS	62682	13/05/2005	16/12/2013
78	CIMIX	62683	13/05/2005	16/12/2013
79	SUNRUX	62684	13/05/2005	16/12/2013
80	BEMSUPER 75WP ĐẶC TRỊ BỆNH ĐẠO ÔN (CHÁY LÁ), hình	63203	31/05/2005	02/02/2014
81	BEMSUPER 75WP ĐẶC TRỊ BỆNH ĐẠO ÔN (CHÁY LÁ), hình	64079	23/06/2005	17/02/2014
82	SUNRUS 10WP, hình	64110	27/06/2005	17/02/2014
83	WOFACIS 2.5EC, hình	64520	07/07/2005	21/05/2014
84	RIGELL 800WG, hình	64728	13/07/2005	09/03/2014
85	ALPHACOL	65124	26/07/2005	08/03/2014
86	CLODANSUPER	65405	03/08/2005	07/04/2014
87	ALFACOL	66355	31/08/2005	17/03/2014
88	SHEPATIN	68702	09/12/2005	05/08/2014
89	NOMEFIT	68703	09/12/2005	05/08/2014
90	HAGAXONE	68816	15/12/2005	31/08/2014
91	SUPERVIL	68817	15/12/2005	31/08/2014
92	TILRAL	70035	10/02/2006	31/08/2014
93	SUPERNEE	71384	17/04/2006	10/11/2014
94	NOMISUPER	71771	05/05/2006	06/10/2014
95	RONGOLD	71772	05/05/2006	06/10/2014
96	ALINEKI	71773	05/05/2006	06/10/2014
97	FANEETA	71774	05/05/2006	06/10/2014
98	GASRICE	71818	05/05/2006	04/10/2014
99	SUPERHERB	71819	05/05/2006	04/10/2014
100	APERLAUR BIS	71835	05/05/2006	04/10/2014
101	RONSUPER	71836	05/05/2006	06/10/2014
102	NOMELER 10SC, hình	72057	15/05/2006	24/11/2014
103	NOMESUPER	72241	23/05/2006	06/10/2014
104	ALULINETTE	72825	14/06/2006	02/12/2014
105	NOMISUPER 10SC, hình	72841	14/06/2006	02/12/2014

106	HAGASTAR	72842	14/06/2006	02/12/2014
107	TERIOS	75694	05/10/2006	21/10/2014
108	ALFATOC	75845	06/10/2006	14/10/2014
109	ALFATAC	75846	06/10/2006	14/10/2014
110	ARFITEX	76236	18/10/2006	02/02/2015
111	SUPERSAI	76477	30/10/2006	23/06/2015
112	VILSAI	76478	30/10/2006	23/06/2015
113	STARZIN	76479	30/10/2006	23/06/2015
114	ZIMVIL	76974	15/11/2006	23/06/2015
115	SUPERTAC	76975	15/11/2006	23/06/2015
116	GOLDSAI	76976	15/11/2006	23/06/2015
117	USAMITE	78235	05/01/2007	16/02/2015
118	ASARASUPER	78329	09/01/2007	16/12/2014
119	SIEURAY	79131	05/02/2007	04/08/2015
120	STARAP	79132	05/02/2007	04/08/2015
121	NEWVIL	81484	24/04/2007	24/07/2016
122	MIL VIL SUPER	81485	24/04/2007	24/07/2016
123	MONITER SUPER	81847	08/05/2007	05/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3182/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1635/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 04/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HOÀ BÌNH (VN)**
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT NÔNG NGHIỆP HOÀ BÌNH (VN)**
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu 22 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo 22 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tương ứng (Danh sách kèm theo):

DANH SÁCH CÁC NHÃN HIỆU ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG
(Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền Sở hữu công nghiệp số 3182/ĐKHĐSH)

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	KABARAN	48610	20/06/2003	09/04/2012
2	RONTATAP	82552	30/05/2007	05/08/2015
3	COFIGENT	82554	30/05/2007	05/08/2015
4	TITTUS SUPER	82650	04/06/2007	24/05/2015
5	STARSAI	82680	04/06/2007	28/06/2015
6	BLURIUS	83398	25/06/2007	04/07/2016
7	DOGENT	83563	28/06/2007	11/07/2016
8	SIEUGENT	83564	28/06/2007	11/07/2016
9	SIRAFB	83667	29/06/2007	12/07/2016
10	GOLDRIUS	83668	29/06/2007	12/07/2016
11	RIUSUPER	83669	29/06/2007	12/07/2016
12	DECHANGKUM	83670	29/06/2007	12/07/2016
13	FITNEE	83707	29/06/2007	04/07/2016
14	ALYRIUS	83708	29/06/2007	04/07/2016
15	CONFIGENT	84268	13/07/2007	12/07/2016
16	CORNIL	84365	13/07/2007	24/05/2015
17	KOMAI	84896	24/07/2007	01/07/2015
18	LUCKYLER	85960	13/08/2007	09/08/2016
19	STARCO	86184	16/08/2007	05/09/2016
20	MOCLODAN	86223	17/08/2007	17/08/2016
21	CONFITIN	86224	17/08/2007	17/08/2016
22	VILMY	87801	07/09/2007	05/09/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3183/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1636/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 04/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HOÀ BÌNH (VN)**
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT NÔNG NGHIỆP HOÀ BÌNH (VN)**
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu 14 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo 14 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	NOMICET	45742	27/03/2003	12/10/2011
2	MONITES	49640	20/06/2003	05/08/2012
3	SUNRAP SUPER	64109	27/06/2005	17/02/2014
4	RIGELL	64726	13/07/2005	17/02/2014
5	ALPHADAX	82553	30/05/2007	05/08/2015
6	BEMEURO SUPER	83706	29/06/2007	04/07/2016
7	GOLDBEM	84897	24/07/2007	01/07/2015
8	APERLAUR SUPER	84898	24/07/2007	01/07/2015
9	RIGELL SUPER	84975	25/07/2007	24/05/2015
10	SUPERNIL	84976	25/07/2007	24/05/2015
11	GOLDBEM SUPER	85007	30/07/2007	28/06/2015
12	STARAS	86811	21/08/2007	28/06/2015
13	SHERTIN	89472	26/09/2007	17/08/2015
14	SHETIN SUPER	89473	26/09/2007	17/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3184/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1637/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 09/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU GIA HUY (VN)**
Thôn Quân Bác Đình, xã Vân Trường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Bên được chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THẾ CƯỜNG (VN)**
Thôn Đồng Châu, xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SACAREST	87124	24/08/2007	26/09/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3185/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1638/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 09/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VI NA MIT (VN)**
Ấp 1, xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NỮ VƯƠNG (VN)**
84 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Regina Coffee, hình	89549	26/09/2007	29/09/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3186/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1639/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 25/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH VIỆT HƯNG (VN)**
Xã Trung Chải, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SELETAR VIỆT HƯNG (VN)**
502 đường Hàm Nghi, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TakKo Khởi Nguồn Cho Một Ngày Mới, hình	88486	14/09/2007	17/08/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3187/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1640/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 20/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THẺ THÔNG MINH V.S.S (VN)**
212/11 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ PHÁT TRIỂN THẺ THÔNG MINH (VN)**
525/25E Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VIETCARD SMART PEOPLE SMART SOLUTIONS, hình	70046	14/02/2006	04/12/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3188/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1641/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 12/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **MORRIS & COMPANY LIMITED (GB)**
Welsh Bridge, Shrewsbury SY3 8LH, United Kingdom.

Bên được chuyển nhượng: **PATERSON ENTERPRISES LIMITED (GB)**
38-41 Castle Foregate, Shrewsbury, Shropshire SY1 2EL, United Kingdom.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MORRIS M, hình	27891	06/08/1998	27/03/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3189/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1642/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu.

Ngày ký: 06/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ TÂN ĐẠI THỐNG (VN)**
166 Hùng Vương, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN ĐẠI THỐNG (VN)**
12 đường số 1A, khu phố 3, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hình	31627	28/07/1999	20/08/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3190/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1643/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 18/09/2007.

Bên chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THE SUN (VN)
Km 23 quốc lộ 1A, xã Quất Động, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Bên được chuyển nhượng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THE SUN (VN)
Khu công nghiệp Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu 27 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tương ứng (Danh sách kèm theo):

DANH SÁCH CÁC NHÃN HIỆU ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG
(Kèm theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN số 1643/QĐ-SHTT)

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SUDI	36952	25/04/2001	30/12/2009
2	SUPER-SUDI	36953	25/04/2001	30/12/2009
3	SUDICAB	36954	25/04/2001	30/12/2009
4	H SUDI, hình	38093	23/08/2001	21/03/2010
5	H, hình	38094	23/08/2001	21/03/2010
6	SUNDIMEX	47542	13/06/2003	02/04/2012
7	THE GOD	47543	13/06/2003	02/04/2012
8	FRANK	47544	13/06/2003	02/04/2012
9	DIMEX , hình	47545	13/06/2003	02/04/2012
10	SUDIMEX	49000	20/06/2003	02/04/2012
11	GOLDIMEX	49001	20/06/2003	02/04/2012
12	SUDI	51903	05/01/2004	14/11/2012
13	DNDH	52072	12/01/2004	14/11/2012
14	DNDH	52073	12/01/2004	14/11/2012
15	SUDIMEX	52074	12/01/2004	14/11/2012
16	SUNDIMEX	52075	12/01/2004	14/11/2012

17	DNDH	52124	15/01/2004	14/11/2012
18	TP TRUONG PHU, hình	55993	30/07/2004	17/04/2013
19	TP TRƯỜNG PHÚ, hình	55994	30/07/2004	17/04/2013
20	SUBIN	55995	30/07/2004	17/04/2013
21	LUCKY SUNDIMEX	68009	15/11/2005	22/07/2014
22	LUCKY FRANK	68010	15/11/2005	22/07/2014
23	LUCKY SUDIMEX	69845	07/02/2006	17/08/2014
24	BUSANA	83485	27/06/2007	10/08/2016
25	BUNSAN	83486	27/06/2007	10/08/2016
26	PUNSAN	83487	27/06/2007	10/08/2016
27	BUSANNA	83488	27/06/2007	10/08/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3191/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1644/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao thương hiệu - nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 15/05/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 07/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH PHƯỚC (VN) (TRƯỚC LÀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC (VN))**
Ấp 4, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRỌNG PHÚC (VN)**
420 quốc lộ 13, ấp Đông Ba, xã Bình Hoà, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu 10 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo 10 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TOÀN CẦU, hình	72123	18/05/2006	13/04/2014
2	BÌNH PHƯỚC, hình	72124	18/05/2006	13/04/2014
3	TOÀN CẦU, hình	72129	18/05/2006	02/04/2014
4	TOÀN CẦU THỨC ĂN GIA	72130	18/05/2006	02/04/2014

	SÚC CAO CẤP CHẤT LƯỢNG CAO, hình			
5	BÌNH PHƯỚC, hình	72165	18/05/2006	02/04/2014
6	VIỆT ĐỨC, hình	72166	18/05/2006	02/04/2014
7	VIỆT ĐỨC, hình	72167	18/05/2006	02/04/2014
8	VIỆT ĐỨC, hình	72228	23/05/2006	02/04/2014
9	VIỆT ĐỨC, hình	72542	06/06/2006	02/04/2014
10	BÌNH PHƯỚC, hình	72562	06/06/2006	02/04/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3192/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1645/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao thương hiệu - nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 01/07/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 07/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH PHƯỚC (VN) (TRƯỚC LÀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC (VN))**
Ấp 4, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRỌNG PHÚC (VN)**
420 quốc lộ 13, ấp Đông Ba, xã Bình Hoà, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BÌNH PHƯỚC, hình	72563	06/06/2006	02/04/2014
2	BÌNH PHƯỚC SIÊU NẠC SIÊU TỐC SIÊU LỢI NHUẬN, hình	74183	03/08/2006	12/04/2014
3	TOÀN CẦU, hình	75383	21/09/2006	02/04/2014
4	BÌNH PHƯỚC, hình	75922	09/10/2006	02/04/2014
5	TOÀN CẦU, hình	75923	09/10/2006	02/04/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3193/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1665/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 17/01/2007.

Bên chuyển nhượng: **KUMHO INDUSTRIAL CO., LTD. (KR)**
49-1 Kwangchun-Dong, Seo-Ku, Kwangju-shi, Republic of Korea.

Bên được chuyển nhượng: **KUMHO TIRE CO., INC. (KR)**
57, 1-ga, Sinmunlo, Jonglo-Gu, Seoul, Republic of Korea.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MARSHAL TIRES, hình	3801	12/12/1991	23/05/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3194/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1666/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 05/04/2007.

Bên chuyển nhượng: **MS FONTAINE-LOBJEOIS MICHELLE DENISE (FR)**
25 Quai André Citroen, 75015 Paris.

Bên được chuyển nhượng: **LABORATOIRE DU GOMENOL (FR)**
48, rue des Petites Ecuries 75010 Paris.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HEXAQUINE	28677	03/11/1998	02/01/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3195/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1667/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 14/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM CHÁNH ĐỨC (VN)**
Số 41, Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **PHARMACHEMIE B.V. (NL)**
Swensweg 5, 2031 GA Haarlem, The Netherlands.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PACLITAXIN	78803	24/01/2007	28/02/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3196/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1668/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 05/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH HỒNG BẢO THẠCH (VN)**
Số 37 đường Phai Vệ, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bên được chuyển nhượng: **TRỊNH THỊ HOÀI HƯƠNG (VN)**
Số 37 đường Phai Vệ, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HỒNG BẢO THẠCH	63521	09/06/2005	04/02/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3197/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1669/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 21/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **ELI LILLY AND COMPANY (US)**
Lilly Corporate Center, Indianapolis, Idiana 46285, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **ASIA PACIFIC PHARMACEUTICAL INVESTMENTS PTE. LTD. (SG)**
One Marina Boulevard #28-00, Singapore 018989.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CECLOR	11412	02/04/1994	04/06/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3198/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1670/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 12/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGÔI SAO MAY MẮN (VN)**
Số 149B, ngõ Thái Thịnh 1, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NAM SƠN (VN)**
Số 123 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	JOYO	48918	20/06/2003	30/12/2012
2	JOYO, hình	87260	27/08/2007	20/12/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3199/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1671/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 12/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGÔI SAO MAY MẮN (VN)**
149B, ngõ Thái Thịnh 1, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NAM SƠN (VN)**
Số 123, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	JOYO	88482	14/09/2007	10/10/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3200/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1672/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 20/11/2006.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC KINH (VN)**
Số 2 phố Hàng Giấy, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI LONG THUỶ A.L.T.COM (VN)**
Số 2 phố Hàng Giấy, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các kiểu dáng đang được bảo hộ theo các Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Bao gói bột ngọt	11039	27/09/2007	28/08/2011
2	Bao gói bột canh	11040	27/09/2007	28/08/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3201/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1673/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 16/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC THÁI (VN)**
204 Dương Tử Giang, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÀNH QUỐC THÁI (VN)**
Ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Đối tượng được chuyển nhượng**:** toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	KOKU TAI, hình	30686	14/04/1999	25/12/2017
2	UNION, hình	33772	18/04/2000	06/01/2009
3	UNION, hình	66261	30/08/2005	27/02/2014
4	ZADI	77889	21/12/2006	16/12/2014
5	UNION, hình	77890	21/12/2006	16/12/2014
6	UNION, hình	77891	21/12/2006	16/12/2014
7	KOKU TAI, hình	87087	24/08/2007	26/09/2016
8	UNION, hình	87088	24/08/2007	26/09/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3202/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1674/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **NHÀ THUỐC HỒNG HOA (VN)**
250A/13 Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bên được chuyển nhượng: **NHÀ THUỐC HỒNG HUỆ (VN)**
250/13 Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LONG DIÊN BỔ PHỔI	71294	07/04/2006	02/07/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3203/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1675/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 02/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHANH DUY (VN)**
195 Cao Văn Lầu, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN KHANH DUY (VN)**
P21 Hùng Vương, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	OMO-TO TAXI TAXI HAI BÁNH K D TEL 4060707, hình	87549	29/08/2007	25/08/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3204/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1676/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CHEVRON U.S.A INC. (US)**
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **CHEVRON INTELLECTUAL PROPERTY LLC (US)**
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VERITAS	24227	16/04/1997	31/05/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3205/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1677/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 21/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUANG HỌC VIỆT (VN)**
Số 3D, ngõ 5, tổ 19, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUANG ĐIỆN TỬ VIỆT (VN)**
Số nhà 21, ngõ 24, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VEO, hình	84607	17/07/2007	24/07/2016

II . CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP (HỢP ĐỒNG LI-XĂNG)

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1565/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1613/ QĐ-SHTT, ngày 21 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 19/11/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD (JP)**
1006 Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka Prefecture, Japan

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH PANASONIC COMMUNICATIONS VIỆT NAM (VN)**
Lô J 1/2 khu công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "Panasonic" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 46951, cấp ngày 26/05/2003 cho các sản phẩm: "Máy trả lời điện thoại tự động; Điện thoại; Thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; Hệ thống liên lạc nội bộ" thuộc nhóm 09.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 21/12/2007 đến ngày 22/12/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1570/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1663/ QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.
Ngày ký:	07/11/2007.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD (JP) 1006 Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka Prefecture, Japan
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY TNHH PANASONIC ELECTRONIC DEVICES VIỆT NAM (VN) Lô J-1, J-2 khu công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "PANASONIC" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 18492, cấp ngày 17/10/1995 cho các sản phẩm: "Thiết bị dò sóng; Biến trở; Nút điều khiển tín hiệu số; Công tắc điện; Loa" thuộc nhóm 09.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 31/12/2007 đến ngày 13/03/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1571/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1664/ QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký:	12/09/2007.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CÔNG TY TNHH HOÀNG TỬ (VN) 20 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY CỔ PHẦN PICENZA VIỆT NAM (VN) Lô 44A, khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định này đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số GCN* *(3)*	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	PICENZA	59199	20/12/2004	27/11/2013
2	PICENZA	82898	07/06/2007	03/07/2016

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1566/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1650/ QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá MONTESSORI và CETANA.

Ngày ký: 15/01/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CETANA CORPORATION PTE. LTD. (SG)**
51A Merryn Road, Singapore 298525

Bên nhận chuyển giao: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUỐC TẾ CETANA PSB INTELLIS (VN)**
167 Nguyễn Biểu, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây cho dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc nhóm 41:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	cetanâ	58941	08/12/2004	29/07/2013
2	Montessori	58942	08/12/2004	29/07/2013

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 26/12/2007 đến ngày 29/07/2013

Phạm vi chuyển giao: Bên nhận chỉ được phép sử dụng các nhãn hiệu nói trên tại địa điểm 167 Nguyễn Biểu, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1567/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1651/ QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá là một phần của Hợp đồng nhượng quyền thương mại.

Ngày ký: 31/01/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **SERGIO ROSSI S.P.A. (IT)**
Via Stradone, 600-602, I-47030 San Mauro Pascoli (FC), Italia

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH KẾT NỐI TOÀN CẦU (GLOBAL LINK COMPANY LIMITED) (VN)**
146AB (khách sạn Bến Thành) đường Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Đăng ký quốc tế tương ứng dưới đây:

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 31/01/2007 đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số ĐKQT* *(3)*	Ngày đăng ký (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	SERGIO ROSSI	502469	12/05/1986	30/10/2010
2	SERGIO ROSSI	539612	10/07/1989	10/07/2009
3	SERGIO ROSSI	611184	09/12/1993	30/10/2010
4	SR và hình	625950	03/10/1994	30/10/2010

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1568/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1652/ QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng.

Ngày ký: 15/07/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **SANYANG INDUSTRY CO., LTD. (TW)**
No. 3, Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP) (VN)**
Khóm 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày ký Quyết định này đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số GCN* *(3)*	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	SYM	29103	19/12/1998	11/07/2017
2	ANGEL X	72125	18/05/2006	07/07/2014
3	ATTILA VICTORIA	73689	18/07/2006	06/12/2014
4	MAGIC II	77519	04/12/2006	23/06/2015
5	ANGEL II	77520	04/12/2006	23/06/2015

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1569/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1653/ QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/05/2006.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY PHÁT TRIỂN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ - VIEXIM (VN)**
34 Lý Nam Đế, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN UNITED MOTOR VIỆT NAM (VN)**
Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "AVONA" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60062, cấp ngày 27/01/2005 cho sản phẩm động cơ xe hai bánh gắn máy thuộc nhóm 12.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 26/12/2007 đến hết ngày 31/12/2009.

Gia hạn hiệu lực Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Theo Quyết định số 1654/ QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Gia hạn hiệu lực của Hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng Li-xăng số 1375/ ĐKHĐLX đến ngày 16/10/2010

Ghi nhận sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Theo Quyết định số 1594/ QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 12 năm 2007

Ghi nhận việc sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1413/ ĐKHĐSD cấp ngày 07/11/2006 như sau:

- Tên của bên giao được sửa thành:

CÔNG TY CỔ PHẦN UNITED MOTOR VIỆT NAM (VN)

ĐÍNH CHÍNH

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 30592 cấp ngày 31.03.1999
Nội dung đính chính: Tên và địa chỉ của chủ văn bằng được sửa thành:

MITSUMI ELECTRIC CO., LTD.
8-8-2, Kokuryo-Cho, Chofu-Shi, Tokyo, Japan

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 30952 cấp ngày 17.05.1999
Nội dung đính chính: Tên và địa chỉ của chủ văn bằng được sửa thành:

AVENTIS PHARMA S.A.
20, Avenue Raymond Aron, 92160 Antony, France

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 42668 cấp ngày 07.08.2002
Nội dung đính chính: Tên và địa chỉ của chủ văn bằng được sửa thành:

LOCK & LOCK CO., LTD.
386 Gasan-li, Seonjang-myun, Asan-si, Chungcheongnam-do, Korea

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 45429 cấp ngày 04.03.2003
Nội dung đính chính: Tên và địa chỉ của chủ văn bằng được sửa thành:

LOCK & LOCK CO., LTD.
386 Gasan-li, Seonjang-myun, Asan-si, Chungcheongnam-do, Korea

---